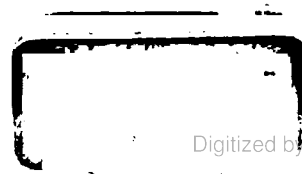
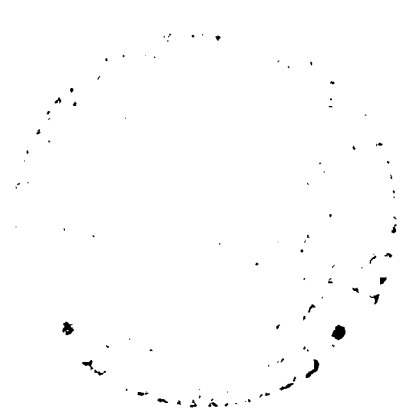


]



X
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chúc mừng năm mới

UNIV. OF MICH.

JAN 23 2002

CURRENT SERIALS

1

1-2002

Digitized by Google



ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỊA CHỈ : 307 - ĐƯỜNG LÊ LAI - PHƯỜNG ĐÔNG SƠN - TP THANH HÓA
ĐIỆN THOẠI : (037) 910.222 ; **FAX :** (037) 910.475 ; **Email :** hongduc-th@hn.vnn.vn
Hiệu trưởng : NGUT - TS Cao Danh Đăng.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Đảng bộ : Trực thuộc Tỉnh ủy Thanh Hóa, có 413 đảng viên, sinh hoạt tại 26 chi bộ.

Công đoàn : Trực thuộc LĐLĐ tỉnh, có 805 công đoàn viên, sinh hoạt tại 26 CĐ bộ phận

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh : 5.000 đoàn viên, sinh hoạt tại 118 Chi đoàn thuộc 15 Liên chi đoàn và Chi đoàn trực thuộc.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

Tổng số : 557 GV, trong đó 163 người có trình độ trên đại học (1 Phó giáo sư, 19 tiến sĩ, 116 thạc sĩ, 2 bác sĩ chuyên khoa II, 26 bác sĩ chuyên khoa I).

ĐÀO TẠO HỆ CHÍNH QUY

* Đại học :

Đại học sư phạm : Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Hóa học, Sinh vật, Tiếng Anh.

Đại học Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y.

Đại học Tin học

* Cao đẳng :

+ Sư phạm : Đào tạo giáo viên THCS các ban thuộc Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Ngoại ngữ (Tiếng Anh), giáo viên mầm non, giáo viên Thể dục - Công tác Đội và giáo viên tiểu học.

+ Kinh tế : Kế toán, Quản trị kinh doanh.

+ Nông - Lâm nghiệp : Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y, Lâm nghiệp.

+ Y : Điều dưỡng.

+ Tin học doanh nghiệp.

* Trung học :

Kế toán doanh nghiệp, kế toán ngân sách, địa chính, giáo viên mẫu giáo, điều dưỡng viên trung học, y sỹ y học dân tộc, y sỹ sản nhi, nữ hộ sinh trung học và KTV trung học.

ĐÀO TẠO HỆ KHÔNG CHÍNH QUY (TẠI CHỨC)

- Phối hợp với các trường đại học trung ương đào tạo bậc đại học các chuyên ngành tỉnh có nhu cầu.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng chuyên đề giáo viên mẫu giáo và THCS.

- Dạy nghề chăn nuôi - thú y, bảo vệ thực vật, tin học văn phòng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2005

- Đội ngũ : Có 50% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó 15% có trình độ tiến sĩ.

- Quy mô đào tạo : đến năm 2005 có 6000 SV hệ chính quy, 3000 học viên hệ không chính quy.



Các đại biểu trung ương, lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa và Ban giám hiệu trong buổi lễ ra mắt Trường đại học Hồng Đức.



TS. Nguyễn Văn Bảo - Bí thư Đảng ủy, Phó hiệu trưởng khai mạc lớp học tập nghiên cứu quán triệt NQ Đại hội IX của Đảng cho toàn đảng viên và cán bộ chủ chốt của nhà trường.



THÁNG RA 3 KỲ SỐ 631

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thương Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 9422061
Fax : 8222846

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8225768

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

• TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Hoa Đà Lạt

Ảnh Hoàng Thế Nhiệm

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1
1-2002

MỤC LỤC

Xã luận - Đất nước năm 2002

3

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, ngày càng trong sạch, vững mạnh là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta

6

TRẦN ĐÌNH HOAN - Gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học nhằm không ngừng phát triển công tác lý luận của Đảng

12

NGUYỄN THỊ DOAN - Tiếp tục đẩy nhanh, mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Một lý luận mãi mãi xanh tươi

23

PHẠM VĂN CHÚC - Trên đường thời đại, vững bước đi lên

29

LÊ THÀNH NGHỊ - Văn học viết về chiến tranh cách mạng - đòi hỏi và thách thức của thời gian

33

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện

VŨ HIỀN - Báo cáo đề dẫn

38

* * * - Tổng quan Hội thảo

41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HOÀNG KIM SƠN - Tiếp tục cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng

48

TRƯƠNG GIANG LONG - Về vấn đề phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay

53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

MAI NINH - Xin miễn "quy hoạch" cho em

59

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN DUY CHIẾN - Cơ sở pháp lý quốc tế của đấu tranh chống khủng bố

61

63 176 AA 1380

05/03-02-013-01

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Страна в 2002 году. ЧАН ДЫК ЛЫОНГ: Создание правового социалистического государства, принадлежащего народу, выбранного народом, действующего за народ, и становящегося все более праведным и крепким является важной, постоянной задачей нашей Партии, нашего государства и нашего народа. ЧАН ДИНЬ ХОАН: Соединять теоретическое изучение с практическим обобщением и научными изысканиями в целях непрерывного развития теоретической работы Партии. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Продолжать наращивать скоростное и сильное акционирование государственных предприятий. ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Вечно-зеленная теория. ФАМ ВАН ЧУК: Уверенно шагать вперед на пути эпохи. ЛЕ ТХАНЬ НГИ: Литература о революционной войне: требования и вызовы времени. НГУЕН ЗУЙ ЧИЕН: Интернациональные юридические основы борьбы против терроризма.

CONTENTS

Editorial: The country in the year 2002. TRẦN ĐỨC LƯƠNG: The building of the law-governed socialist state of the people, by the people and for the people, which become more and more irreproachable and strong, is an important and consistent task of our Party, state and our people. TRẦN ĐÌNH HOAN: To link theoretical study with practical summary and scientific research in order to develop the theoretical work of the Party. NGUYỄN THỊ DOAN: To continue to push up rapidly and strongly the equitisation of state enterprises. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: An ever-green theory. PHẠM VĂN CHÚC: To march confidently on the path of the epoch. LÊ THÀNH NGHỊ: Literature regarding revolutionary war: demands and challenges of time. NGUYỄN DUY CHIẾN: International juridical bases of the anti-terrorist struggle.

SOMMAIRE

Editorial: Le Vietnam en l'an 2002. TRẦN ĐỨC LƯƠNG: L'édification d'un Etat de droit socialiste du peuple, par le peuple et pour le peuple, de plus en plus sain et puissant, est une tâche importante et constante du Parti, de l'Etat et de notre peuple. TRẦN ĐÌNH HOAN: Lier les études théoriques avec le bilan de la pratique et les recherches scientifiques afin de développer continuellement le travail théorique du Parti. NGUYỄN THỊ DOAN: Continuer à accélérer l'actionnariat des entreprises étatiques. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Une théorie éternelle. PHẠM VĂN CHÚC: Avancer à pas sûr sur la voie de l'époque. LÊ THÀNH NGHỊ: La littérature sur la guerre et la révolution – exigences et défis du temps. NGUYỄN DUY CHIẾN: La base juridique internationale de la lutte contre le terrorisme.

SUMARIO

Editorial: Vietnam en el año 2002. TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Edificar un Estado de derecho socialista del pueblo, por el pueblo y designado por el pueblo cada vez más puro y fuerte es una tarea importante y cotidiana del Partido, Estado y nuestro pueblo. TRẦN ĐÌNH HOAN: Ligar el estudio teórico con la valoración de la práctica y el estudio científico a fin de desarrollar constantemente el trabajo teórico del Partido. NGUYỄN THỊ DOAN: Acelerar la accionalización de las empresas estatales. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Una teoría vital. PHẠM VĂN CHÚC: Marchar con pasos seguros en el camino de la época. LÊ THÀNH NGHỊ: La literatura destinada a la guerra revolucionaria – exigencias y desafíos de tiempo. NGUYỄN DUY CHIẾN: Bases legísticas internacionales de la lucha anti-terrorista.

目 录

社论 — 祖国 2002 年 • 陈德良: 建设一个越来越纯洁、稳固强大的民有、民享、为民的社会主义法制国家是党、国家及全民的重要、经常性的任务 • 陈亭欢: 为不断发展党的理论工作, 把研究理论与实际总结及科学研究联系起来 • 阮氏端 (Doan): 继续迅速大力推动国有企业的股份化 • 陈春长: 一个永恒的理论 • 范文祝: 在时代的道路上稳步前进 • 黎成毅: 革命战争题材的文学 — 时间的要求及挑战 • 阮维战: 对恐怖分子斗争的国际法理基础



Chúc mừng năm mới

*Xuân Nhâm Ngọ
2002*

TRẦN ĐỨC LƯƠNG
Chủ tịch
nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam



ĐẤT NƯỚC NĂM 2002

MỘT mùa xuân mới lại đến - Xuân 2002.
2002 là năm tiếp nối năm đầu thế kỷ - năm 2001, một năm được nhìn nhận lại là có ý nghĩa lớn lao.

Năm 2001 đánh dấu sự kiện trọng đại trên đất nước ta - Đại hội IX của Đảng, đại hội của thời kỳ mới thành công với việc hoạch định con đường đi lên, phương hướng, nhiệm vụ và những quyết sách nhằm đưa dân tộc ta vững vàng tiến bước trong thế kỷ mới, trước mắt là 20 năm, 10 năm và 5 năm tới.

Năm 2001 ghi đậm quyết tâm to lớn của Đảng và nhân dân ta đưa Nghị quyết của Đại hội IX vào cuộc sống ngay từ năm đầu, trọng tâm là thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội của năm. Mặc dù phải đương đầu với vô vàn thách thức và khó khăn, có những khó khăn không lường trước được như kinh tế thế giới lâm vào

trì trệ, trực tiếp tác động bất lợi đến tình hình kinh tế - xã hội nước ta, trong nước thì thiên tai liên tiếp xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung Trung Bộ, nhân dân ta vẫn một lòng vượt khó, giữ vững thế đi lên. Nền kinh tế tiếp tục phát triển khá và ổn định ; cơ cấu kinh tế có bước chuyển biến tích cực ; một số lĩnh vực xã hội có tiến bộ ; quốc phòng và an ninh được củng cố ; các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh ; vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng lên.

Năm 2001 đã kết thúc với thành công của kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X, một kỳ họp thông qua nhiều nghị quyết quan trọng về kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và nhiệm vụ năm 2002 ; về bổ sung, sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992, của Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội,... Những điều bổ sung và sửa đổi ấy đã thể chế hóa những nội dung cơ bản của Đại hội IX về mặt Nhà nước, nhằm xây dựng Nhà nước ta thật sự là Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, một nhà nước mà tính hiệu lực và hiệu quả ngày càng được nâng cao.

Nhìn chung, bức tranh toàn cảnh của năm 2001 là rất tích cực và đáng khích lệ, dấu rằng bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn vốn có và mới nảy sinh, phải ra sức khắc phục những yếu kém và khuyết điểm trong lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn.

Năm 2002 phải là năm kế thừa và phát huy tất cả những gì đã đạt được trong năm 2001 và cả trong toàn bộ quá trình đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước từ trước đến nay. Năm 2002 phải biểu thị ý chí cao hơn và quyết tâm cao hơn của toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục đưa Nghị quyết của Đại hội IX vào cuộc sống.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta luôn luôn coi kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Để làm tốt nhiệm vụ trung tâm, chúng ta ra sức phát huy thêm thuận lợi, khắc phục khó khăn, cố gắng thực hiện bằng được những mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002, tập trung vào các giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; phát triển toàn diện và phát huy yếu tố con người ; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Tư tưởng của chúng ta là trong bất cứ tình huống nào, nếu không phải là những khó khăn khách quan quá lớn phát sinh ngoài dự kiến, thì nhất quyết phải đạt mức tăng trưởng cao hơn năm 2001, từ đó tăng dần nhịp độ phát triển, để cuối cùng thực hiện mục tiêu tăng trưởng đã đề ra trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Để làm tốt nhiệm vụ then chốt, chúng ta ra sức nâng cao trình độ lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn của Đảng, tập trung vào việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương khóa IX vừa qua là các nghị quyết 3 và 4, và sắp tới là các nghị quyết 5, 6 và 7 trong năm 2002. Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng ; chú trọng cả ba nội dung nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII - về nhận thức, tư tưởng chính trị, về phẩm chất, đạo đức cách mạng và về vấn đề tổ chức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ - trước mắt tập trung vào vấn đề nóng bỏng nhất là ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng và lãng phí.

Năm 2002 sẽ diễn ra trong cả nước cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI. Kế tục mười khóa Quốc hội trước, Quốc hội khóa này sẽ đánh dấu một bước phát triển mới cao hơn trong vai trò cơ quan lập pháp duy nhất và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của đất nước ta. Trách nhiệm của toàn Đảng và toàn dân ta là chuẩn bị và tiến hành thành công cuộc bầu cử, bầu ra được những đại biểu nhân dân tiêu biểu cho cả năng lực và phẩm chất, để Quốc hội khóa XI của chúng ta xứng đáng là Quốc hội của thời kỳ mới.

Trong bộn bề công việc, trong đan xen thuận lợi và khó khăn, cái hào khí mở đầu thế kỷ vẫn tiếp tục giục giã mọi người chúng ta tiến lên trong năm 2002.

+

+ +

Đóng góp vào sự nghiệp chung và để đáp ứng những nhu cầu mới về nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, từ mùa xuân này, Tạp chí Cộng sản sẽ ra mỗi tháng ba kỳ, thay cho hai kỳ trước đây. Số 1 năm 2002 chính là số mở đầu cho giai đoạn phát triển mới đó.

Nhân dịp xuân sang, Tạp chí Cộng sản xin bày tỏ quyết tâm làm hết sức mình, sát cánh cùng các cơ quan tư tưởng và lý luận khác, ngày càng làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần tạo nên trong Đảng và trong nhân dân một phong trào rộng rãi đoàn kết, nhất trí, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương, giành thắng lợi từng năm một trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xin chúc tất cả các bạn đọc trong nước và ở nước ngoài một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và tiến bộ. □

TẠP CHÍ CỘNG SẢN



XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN, NGÀY CÀNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG THUỜNG XUYỀN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN TA

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRƯỚC hết cần khẳng định rằng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước kiểu mới được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một Nhà nước đại đoàn kết toàn dân, dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Một Nhà nước khác về chất so với Nhà nước pháp quyền tư sản chứa đựng thuộc tính bất bình đẳng, áp bức, bất công đã không được nhân dân ta lựa chọn.

Ý tưởng xây dựng một Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân đã được thể hiện trong nhiều văn kiện của Đảng ta từ hồi còn hoạt động bí mật ; sau Cách mạng Tháng Tám thành công, ý tưởng này đã được khẳng định ngay trong Hiến pháp năm 1946 và tiếp theo được thể hiện ngày càng rõ nét hơn phù hợp với từng giai đoạn cách mạng trong các bản Hiến pháp 1959, 1980.

Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định : “Nước ta là một nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích là vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều là của dân, chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử”. Cương lĩnh Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1991 và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đều khẳng định : “Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân”. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nhấn mạnh nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, trong đó nhiệm vụ cốt lõi là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền, nói một cách khái quát là hệ thống các tư tưởng, quan điểm đề cao pháp luật, pháp chế trong tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước và trong đời sống xã hội. Nhà nước pháp quyền là

Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và đề cao quyền của con người, quyền của công dân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là cách thức cơ bản để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm mọi quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Đó là Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi vi phạm pháp luật nhằm thực hiện và bảo vệ các quyền tự do dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn ngừa mọi sự tùy tiện lạm quyền từ phía cơ quan Nhà nước và cán bộ viên chức Nhà nước, ngăn ngừa hiện tượng dân chủ cực đoan, vô kỷ luật kỷ cương, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Đó là Nhà nước mà tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, kể cả tổ chức Đảng đều phải hoạt động theo pháp luật, tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhân dân về các hoạt động của mình. Mọi công dân đều có nghĩa vụ chấp hành hiến pháp và pháp luật, phải sống và làm việc theo pháp luật.

Hiến pháp và pháp luật nước ta xác nhận quyền của công dân tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được đảm bảo mọi quyền tự do cơ bản trong đó có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền khiếu nại, tố cáo. Các quyền tự do đó là cơ sở để nhân dân kiểm tra hoạt động của Nhà nước và là một trong những phương thức quan trọng để thực hiện dân chủ. Vì vậy việc chăm lo con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người ; tôn trọng và thực hiện các điều

ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia ; đổi mới thể chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức,... là những nội dung hết sức quan trọng của việc thực thi Hiến pháp và pháp luật.

Quyền lực Nhà nước ở nước ta là quyền lực Nhà nước thống nhất. Đó là sự thống nhất ở mục tiêu chung phục vụ lợi ích của nhân dân, của đất nước, của dân tộc. Xét theo thể chế tổ chức thì quyền lực Nhà nước tập trung vào những cơ quan đại diện cho nhân dân, do tuyệt đại đa số cử tri bầu ra và do đó là quyền lực của nhân dân giao phó cho các đại diện của mình. Ở nước ta, đó là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Quốc hội có thẩm quyền lập hiến và lập pháp ; quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước ; quyền quyết định kế hoạch phát triển đất nước và những vấn đề quốc kế dân sinh về đối nội, đối ngoại quan trọng nhất ; quyền lập ra các cơ quan và chức vụ quốc gia cao nhất. Các cơ quan và những người có chức vụ cao nhất ấy phải chịu trách nhiệm và báo cáo trước Quốc hội. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.

Một trong những điểm cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân là quyền lực Nhà nước thống nhất trên cơ sở phân công và phối hợp trong việc thực hiện ba quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể hiểu rằng, sự thống nhất là nền tảng, sự phân công và phối hợp là phương thức để đạt được sự thống nhất của quyền lực Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng cũng nhằm đảm bảo cho sự phân công và phối hợp đó được thông suốt, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đưa Cương lĩnh, chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống.

Trong giai đoạn hiện nay, **hoạt động lập pháp** đang đứng trước yêu cầu to lớn về hoàn thiện hệ thống luật pháp cũng như những yêu cầu mới mẻ và phức tạp của việc điều chỉnh pháp luật đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, hợp tác và hội nhập quốc tế. Lập pháp một mặt phải giải quyết cho được nhiệm vụ thiết kế và từng bước hoàn chỉnh hệ thống các bộ luật điều chỉnh được tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội, mặt khác phải xác định cho được những thứ tự ưu tiên cần thiết, nâng cao tính khả thi của các quy định pháp luật, tính hiệu lực và hiệu quả của việc áp dụng pháp luật vào cuộc sống. Hoạt động lập pháp phải vừa bảo đảm chất lượng, vừa theo kịp yêu cầu của sự phát triển. Muốn vậy, cần tổ chức tốt hơn nữa quy trình lập pháp. Quy trình đó vừa phải bảo đảm phản ánh được sự phát triển sống động của đời sống xã hội trong các lĩnh vực, lại vừa đảm bảo tính khoa học, tính chuyên môn pháp lý của các quy định, bảo đảm sự phối hợp chặt

chẽ giữa khâu làm luật với việc ban hành các văn bản dưới luật và tổ chức thực thi pháp luật.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực đổi mới và cải cách nhưng tổ chức và **hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước** của nước ta còn bộc lộ không ít nhược điểm, còn nhiều mặt chưa theo kịp và đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Tổ chức hành pháp chưa thông suốt, còn nhiều hạn chế trong việc xử lý những mối liên kết dọc và ngang, thậm chí còn có hiện tượng cục bộ, bản vị. Chế độ phân cấp trách nhiệm còn thiếu rành mạch làm trầm trọng thêm tác phong làm việc quan liêu và dựa dẫm. Thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân chưa được quy định chặt chẽ. Phong cách làm việc và trách nhiệm trước dân của đội ngũ công chức, viên chức còn là vấn đề bức xúc. Vì vậy, Đảng ta chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và đặt thành một nhiệm vụ chiến lược cần được xem xét trên cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng cho được một nền hành chính Nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa.

Một trong những nội dung cơ bản của nguyên tắc phân công và phối hợp quyền lực Nhà nước và cải cách hành chính là sự phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, sự phối hợp giữa chính quyền với các bộ phận hợp thành của hệ thống chính trị. Sự phân công, phân cấp ấy phải dựa trên cơ sở khuyến khích, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các bộ phận hợp thành và các cấp chính quyền, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Về lĩnh vực hoạt động tư pháp, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước ta trước sau như một đều khẳng định các yêu cầu về bình đẳng, công bằng, tính công khai, minh bạch trong hoạt động bảo vệ pháp luật, về nguyên tắc khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm mọi vi phạm đều bị xử lý đúng và nghiêm minh, tăng cường bảo vệ các quyền chính đáng và lợi ích hợp pháp của công dân và các tổ chức trong xã hội, đề cao các nguyên tắc về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, ngăn chặn oan, sai trong các khâu điều tra, truy tố và xét xử. Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực và thành tựu đã đạt được trong việc củng cố kiện toàn các cơ quan tư pháp, nhìn chung sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với khâu trọng yếu này chưa ngang tầm cả về mặt tổ chức, cán bộ cũng như điều kiện hoạt động của hệ thống tư pháp. Hoạt động của các cơ quan tư pháp nước nhà còn nhiều bất cập, sai sót. Việc kiện toàn và nâng cao chất lượng các hoạt động tư pháp đã trở thành đòi hỏi bức xúc của nhân dân ta. Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đã có, cần đẩy mạnh cải cách tư pháp đảm bảo tính công minh, khách quan và tính độc lập, giám sát lẫn nhau ở từng khâu của tiến trình tố tụng và từng cấp xét xử: điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, đảm bảo công minh, chống oan sai; nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp trách nhiệm chính trị - pháp lý của cán bộ tư pháp.

Trong thời kỳ đất nước ta còn chưa giành được độc lập, trong “Yêu sách của nhân dân An Nam” đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã từng đưa ra yêu cầu “phải thay thế chế độ ra

các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn đề cao vai trò của chế độ pháp quyền. Người từng nói: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Vì thế, chỉ một ngày sau khi nước nhà giành được độc lập, Người đã khẳng định: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ”. Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của nhân dân. Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự pháp luật và kỷ cương. Pháp luật thể chế hóa yêu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu, tổ chức xã hội và các thiết chế Nhà nước. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh của xã hội. Nhà nước làm ra và ban hành pháp luật, nhưng lại phải tự đặt mình trong sự ràng buộc thẩm quyền và trách nhiệm trước pháp luật, trong khuôn khổ các quy định của pháp luật. Phục tùng pháp luật là phục tùng ý chí và lợi ích của nhân dân, đường lối, chính sách của Đảng. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền là quyết tâm đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật nghiêm minh.

Đề cao pháp luật, tăng cường pháp chế phải đi liền với mối quan tâm làm sao để đưa pháp luật vào cuộc sống, tạo thói quen và nếp sống tôn trọng pháp luật trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân.

Vì vậy, xây dựng pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống phải thực sự là hai mặt của một nhiệm vụ. Đổi mới và hoàn thiện pháp luật phải đi liền với đổi mới và hoàn thiện thực tiễn áp dụng pháp luật. Tăng cường hoạt động xây dựng pháp luật phải đi liền với việc khuyến khích, tạo điều kiện cho các hoạt động của các tổ chức và công dân nhằm sử dụng đầy đủ quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ của họ, sự khuyến khích tính tích cực pháp lý của họ phải đi liền với việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý, cải cách hành chính và hệ thống tư pháp. Đồng thời, đề cao pháp luật, pháp chế còn đặt ra nhiệm vụ phải bằng mọi cách nâng cao hiểu biết pháp luật, tổ chức tốt các công tác tư vấn pháp luật cho mọi tổ chức và công dân, đấu tranh có hiệu quả với các vi phạm và tội phạm, kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy và trong đội ngũ cán bộ viên chức Nhà nước.

Thực thi quyền lực và thi hành pháp luật là những hoạt động luôn luôn cần đến sự kiểm tra, giám sát đầy đủ và hữu hiệu. Trong một Nhà nước pháp quyền các hình thức và cơ chế kiểm tra, giám sát phải thực sự được coi trọng và hoàn thiện ở mức cao nhất, bảo đảm cho quyền lực Nhà nước luôn nằm trong quỹ đạo thực thi tốt nhất quyền dân chủ của công dân, phục vụ lợi ích chung của xã hội, của đất nước, pháp luật luôn được tôn trọng, pháp chế và kỷ cương phải được giữ vững. Đối với các cơ quan Nhà nước, kiểm tra, giám sát là cách tốt nhất để các cơ quan đó thực hiện đúng chức trách và thẩm quyền của mình, đồng thời là điều kiện để phối hợp các hoạt động một cách có hiệu quả. Đến lượt mình, các hoạt động, các hình thức và cơ chế kiểm tra,

giám sát phải có sự phân công, phối hợp đầy đủ và hoàn thiện hơn. Đặc biệt, cần nhấn mạnh quyền giám sát tối cao của Quốc hội và quyền giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Các quyền đó phải có chế tài để đảm bảo thực quyền.

Nhà nước pháp quyền của chế độ ta thể hiện những tư tưởng quan điểm tích cực, tiến bộ, phản ánh mơ ước và khát vọng của nhân dân đối với công lý, tự do, bình đẳng trong xã hội. **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên. Mặt trận có vai trò to lớn trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc phải được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, góp phần rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại

diện là các cơ quan Nhà nước, các đại biểu nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn thiện các quy chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội.

Với tinh thần đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần phát huy đầy đủ vai trò đại diện nhân dân trong tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ; tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân đối với việc thực thi trách nhiệm và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan Nhà nước ; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước ; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân ; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; tham gia công tác hòa giải ; hướng dẫn và giúp đỡ Thanh tra nhân dân ở cơ sở.

Cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng : khắc phục tình trạng hành chính hóa, hình thức, quan liêu, xa dân ; thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm trật

tự an toàn xã hội, gắn liền với các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư ; hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

Trong thiết chế chính trị - xã hội của nước ta, không thể xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh nếu không xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Theo ý nghĩa đó, nhân dân ta đòi hỏi và đặt niềm tin vào cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng được Đảng phát động tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, coi đó là nhiệm vụ then chốt của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân là một cuộc đấu tranh lâu dài phức tạp, vừa phải chống tư tưởng bảo thủ, vừa phải chống tư tưởng cực đoan và phải đi từng bước vững chắc, giữ vững ổn định chính trị. Cần kiên định các nguyên tắc cơ bản về xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã đúc kết được, kiên quyết vạch trần và nghiêm khắc phê phán những luận điệu xuyên tạc của những phần tử thù địch. Với quyết tâm cháy bỏng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm đầu của thế kỷ XXI vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; với sự lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta tin tưởng nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân sẽ tiếp tục giành được những thành tựu mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □

GẮN NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VỚI TỔNG KẾT THỰC TIỄN VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NHẪM KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lời BBT : Vừa qua, đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, đã về làm việc với Ban biên tập cùng toàn thể đội ngũ cốt cán của Tạp chí Cộng sản. Đồng chí đã phát biểu một số ý kiến chung quanh việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tạp chí trong tình hình hiện nay. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài nói quan trọng đó.

ĐẢNG ta luôn luôn và hết sức coi trọng công tác lý luận, gắn chặt việc nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn nhằm không ngừng phát triển lý luận, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến lên vững chắc. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, lịch sử hơn 71 năm sinh thành và phát triển của *Tạp chí Cộng sản* gắn chặt và phản ánh một cách rất cơ bản những chặng đường đấu tranh và thắng lợi trong lịch sử vĩ đại của Đảng ta. Nói cách khác, không ngừng phát triển công tác lý luận là một trọng trách to lớn và khó khăn ; nhưng lại là một bảo đảm thắng lợi đối với toàn bộ sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng, mà *Tạp chí Cộng sản* góp phần rất quan trọng và xứng đáng.

Bước vào thế kỷ XXI, công cuộc đổi mới của đất nước ta, dưới sự lãnh đạo của

Đảng, diễn ra trong điều kiện và hoàn cảnh rất mới, khi cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển mạnh mẽ, xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa về kinh tế với cả những mặt tích cực và tiêu cực của nó có ảnh hưởng to lớn và sâu sắc tới mọi mặt đời sống các dân tộc ; khi tình hình thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Chúng ta thực hiện nhất quán chủ trương mở cửa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong bối cảnh như thế, sẽ không tránh khỏi phải đối mặt với rất nhiều vấn đề mới mẻ, ngổn ngang, phức tạp. Có rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc đang đặt ra đòi hỏi phải được nghiên cứu, tổng kết, trả lời, nhằm tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối chính trị của Đảng, cả trên tầm vĩ mô lẫn những

vấn đề vi mô. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, hơn lúc nào hết, *Tạp chí Cộng sản* nhất định phải góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện tốt trọng trách đó.

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu trọng yếu là phấn đấu tới năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định rõ trên nhiều lĩnh vực như : đối nội, đối ngoại, xây dựng, phát triển, đấu tranh và hợp tác trong khi mở cửa, hội nhập ; vừa đi, vừa làm, vừa định hình con đường đi lên của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Giải quyết nhiều vấn đề như thế càng cần thiết phải xây dựng một hệ thống lý luận thật sáng tỏ, càng cần thiết phải có tư duy sáng tạo trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh rơi vào tình trạng chủ quan duy ý chí, giáo điều cứng nhắc hoặc mắc phải một thứ giáo điều mới là tiếp thu không phê phán các lý thuyết được gọi là “mới” mà thực chất là sự biến hộ cho chủ nghĩa tư bản...

Nói như vậy cũng có nghĩa là nói tới sự cần thiết phải nâng cao không ngừng công tác lý luận nhằm phát triển lý luận một cách sáng tạo, đề ra đường lối độc lập, tự chủ, đúng đắn và phù hợp, tiếp tục soi sáng sự nghiệp đổi mới đất nước. Đây không phải là việc riêng của một số cơ quan, một số người, mà phải thấy đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, của Trung ương, trước hết của Bộ Chính trị ; tất nhiên, những cơ quan chức năng và đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận có trách nhiệm lớn. Với vị thế và chức năng của *Tạp chí Cộng sản*, như đã

trình bày, các đồng chí phải nỗ lực phấn đấu toàn diện và không ngừng, tiếp tục “cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận, bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm nổi bật những cống hiến về lý luận và thực tiễn của Đảng ta vào kho tàng lý luận cách mạng của thế giới”, như Chỉ thị số 60 CT/TU, ngày 22-12-2000, của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VIII) đã giao phó.

Để thực hiện tốt trọng trách đó, *phương châm bao trùm và quán xuyên* toàn bộ hoạt động của Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* là, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không dao động về hệ tư tưởng và nguyên tắc tổ chức ; không ngừng đổi mới nhưng phải biết bảo vệ, giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp ; không ngừng nâng cao tính cách mạng và tính khoa học của công tác lý luận, gắn lý luận với thực tiễn, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề thực tiễn đặt ra, dưới sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Điều cần đặc biệt lưu tâm là, trong khi làm công tác lý luận phải biết xuất phát từ thực tiễn, dựa vào thực tiễn và cuối cùng là giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra. *Bám sát thực tiễn*, tiến hành tổng kết thực tiễn chính là để *nghiên cứu lý luận*, kết hợp chặt chẽ và nhuần nhuyễn *lý luận với thực tiễn* ; phải làm cho lý luận được hình thành và phát triển không ngừng từ việc tổng kết thực tiễn. Không ép thực tiễn vào khuôn

lý luận, lấy lý luận để khuôn cứng những vấn đề thực tiễn mà nên làm ngược lại, là qua thực tiễn phong phú và sinh động mà tổng kết, đánh giá đúng và đối chiếu với lý luận, xem điều gì đúng cứ thế phát triển, điều gì cần uốn nắn ; và quan trọng hơn là từ tổng kết thực tiễn để bổ sung, làm sáng tỏ và phát triển lý luận. Đặc biệt, đất nước ta đang tự khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội theo quy luật phát triển của xã hội loài người với phương thức bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Quá trình đó có biết bao vấn đề thực tiễn mới mẻ cần được tổng kết, làm sáng tỏ về phương diện lý luận. Ở tầm vĩ mô, trước hết là những vấn đề về nội dung và đặc điểm của thời đại ; về mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ; về thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ; về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; về tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc ; về mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng... Nếu chúng ta biết tổng kết, học tập, tiếp thu và phát huy những kinh nghiệm, bài học của thời gian qua (kể cả những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước khác), thì chắc chắn rằng, sẽ thu được những câu trả lời đúng đắn cho các vấn đề đó.

Trong hàng loạt vấn đề mới mẻ, khó khăn cần đột phá nghiên cứu kể trên, tôi xin nêu một số vấn đề rất cần được xem xét, phân tích và tổng kết.

Trước hết, là mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Cách đây hơn năm trăm năm, Nguyễn Trãi từng nói : *Phúc chu thủy tín dân do thủy*, nghĩa là làm lật thuyền mới biết sức dân mạnh như nước, hay nói cách khác, người chở thuyền là dân, người làm lật thuyền cũng là dân. Hơn 71 năm qua, Đảng ta đã xử lý một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo và linh hoạt vấn đề cốt tử này. Khi đất nước có chiến tranh, lợi ích bao trùm toàn bộ hoạt động của toàn Đảng, toàn dân là nền độc lập tự do của Tổ quốc. Lợi ích của nhân dân thống nhất, có thể nói là đồng nhất với lợi ích của Đảng, không gì có thể cắt chia, phá vỡ nổi. Không xuất phát và giải quyết vấn đề cơ bản đó, có thể nói sẽ thất bại. Đó là mẫu mực của việc xử lý mối liên hệ hữu cơ giữa Đảng với nhân dân. Nhưng khi đất nước chuyển sang thời kỳ xây dựng trong hòa bình thì xử lý mối quan hệ máu thịt đó như thế nào ? Phải tìm cho thấy sự khác nhau giữa hai thời kỳ lịch sử đó để có phương sách phù hợp. Câu trả lời đó, Đảng ta tìm thấy từ chính cuộc sống của nhân dân, của đất nước. Cũng vẫn là vấn đề lợi ích nhưng hôm nay phải được giải quyết khác ngày hôm qua. Đó chính là yêu cầu của cuộc sống, là lô gíc phát triển nội tại của thực tiễn. Phải trân trọng và bảo vệ vô điều kiện tất cả các lợi ích hợp pháp nhưng phải khéo xử lý mọi sự khác biệt về lợi ích của các giai cấp, tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo khác nhau đó một cách hài hòa trên cơ sở nền tảng sự tương đồng. Sự tương đồng, điểm thống nhất, nơi quy tụ mọi mặt lợi ích khác nhau đó là lợi ích dân tộc tối cao, dưới ngọn cờ *đại đoàn kết toàn dân tộc*. Và Đảng ta không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân

Việt Nam, mà phải trở thành đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nói như Bác Hồ : “Đảng ta con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động”, và dù qua bao gian khổ, hy sinh, “Đảng ta vẫn đứng vững trên nền móng của một đứa con nòi, một lòng tận tụy phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân”. Đó chính là điều quyết định làm nên bản lĩnh chính trị, sức mạnh xã hội bền vững của Đảng của chúng ta suốt hơn 71 năm qua. Bài học rút ra từ sự tan vỡ của các Đảng Cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu vừa qua khiến cho chúng ta càng thấm thía về điều cốt tử đó.

Thứ hai là, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và Đảng trong hệ thống chính trị. Biết bao nhiêu vấn đề lý thú nhưng cực kỳ khó khăn đặt ra. Đảng lãnh đạo nhưng có phải là Đảng đứng trên Nhà nước ; đứng ngoài pháp luật, đứng trên hệ thống chính trị ? Đảng Cộng sản Liên Xô tan vỡ, theo một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng Cộng sản Liên Xô (qua hồi ký) , một phần cơ bản là do từ nhận thức tới hành động đều có sai lầm, làm trái quy luật. Dù có hơn 20 triệu đảng viên nhưng Đảng Cộng sản Liên Xô vẫn không tránh khỏi tan vỡ. Từ đó cho chúng ta thấy nhận thức và hành động đúng quy luật quan trọng đến nhường nào. Đảng ta luôn ý thức rất rõ điều bất di bất dịch ấy và nỗ lực tìm những giải pháp khả thi và phù hợp. Một mặt, Đảng luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn mình ; mặt khác, lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; đồng thời, nghiêm khắc và gương mẫu đặt mình trong pháp luật, hành động theo luật pháp, Đảng

lãnh đạo Mặt trận nhưng Đảng là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...

Thứ ba là, mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có thể gọi đây là cặp bộ đôi tương ứng rất thú vị. Sự chuyển đổi nền kinh tế tất yếu dẫn tới sự đổi mới thiết chế chính trị tương ứng. Nhưng kinh tế thị trường có “chung sống” được với chủ nghĩa xã hội không ? Vấn đề này thực sự đã châm ngòi nổ cho những cuộc tranh thảo lý luận lớn trong nước ta cũng như một số nước xã hội chủ nghĩa khác. Trung Quốc từng nổ ra một cuộc đại luận chiến suốt nhiều năm chung quanh vấn đề tương dung hay tương khắc đó. Qua tìm tòi, khám phá, thử nghiệm suốt mười năm, Đảng ta đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và khẳng định đây là mô hình kinh tế tổng quát ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là bước phát triển mới trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta. Nhưng thiết chế chính trị tương ứng với nó như thế nào ? Đảng ta khẳng định, đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đây là một sự đột phá cả trên hai bình diện lý luận và thực tiễn hết sức táo bạo, sáng tạo. Chúng ta phát triển nền kinh tế thị trường nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự chế ngự của Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Đó là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam : *Tất cả vì và cho lợi ích của nhân dân lao động*. Điều đó khác hẳn với các nước tư bản chủ nghĩa cùng tiến hành kinh tế thị trường nhưng nó

được đặt dưới sự điều khiển của nhà nước pháp quyền tư sản, bảo vệ lợi ích của chính giai cấp tư sản. Hiện nay, các nhà lý luận tư sản đang nói toáng lên, thay cho tên gọi nhà nước pháp quyền tư sản bằng cái gọi là “nhà nước phúc lợi”; và thay cho nền kinh tế thị trường tự do, họ đặt ra cái gọi là kinh tế thị trường - xã hội; nhưng kỳ thực họ đang cố tình đánh tráo khái niệm nhằm che đậy bản chất tư sản của cả hai thứ đó.

Chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa dưới sự dẫn dắt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như thế nào, nó bao hàm những vấn đề gì? Bản chất, cơ chế vận hành bảo đảm cho mối quan hệ giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là ra sao? Vì sao nói sự hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính là thiết thực xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, và ngược lại? Và, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là hình thức, là động lực thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là như thế nào? v.v... Có một số vấn đề đã rõ ràng, nhưng cũng còn không ít vấn đề cấp bách đòi hỏi phải tiếp tục kiến giải. Đó là những vấn đề cực kỳ to lớn và hệ trọng. Tôi nghĩ, trận địa hoạt động của công tác lý luận, mà *Tạp chí Cộng sản* góp phần gánh vác, là ở chính những chỗ nóng bỏng này.

V.v, và v.v..

Trước tình hình và nhiệm vụ như vậy càng đòi hỏi đội ngũ cán bộ của Tạp chí, nhất là cán bộ biên tập phải nỗ lực học tập nhằm nâng cao trình độ, nắm vững, vận

dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh: kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, những kinh nghiệm của các nước phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Điểm tôi muốn nhấn mạnh là, trong việc tổng kết thực tiễn, các đồng chí *phải đứng vững trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy thực tiễn được tổng kết đối chiếu với lý luận*; có như vậy mới có thể *bảo vệ, bổ sung và phát triển lý luận một cách khoa học, thực sự thúc đẩy thực tiễn tiến lên*; và đó là cách bảo vệ hiệu quả nhất chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là trong thời điểm hiện nay, khi các thế lực thù địch đang điên cuồng công kích, chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta.

Và chỉ có như vậy, Tạp chí mới nhạy bén trong nắm bắt vấn đề, chủ động phát hiện đúng và kiên quyết bảo vệ những nhân tố mới, góp phần đề xuất và phản biện những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Qua trường học thực tiễn sinh động đó, các đồng chí sẽ tìm thấy cơ hội và môi trường học tập, tu dưỡng, tự nâng mình lên, không ngừng trưởng thành về mọi mặt.

Cách mạng là sáng tạo. Cội nguồn của sự sáng tạo là thực tiễn phong trào cách mạng của nhân dân lao động đông đảo. Phải dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân, phải “lấy dân làm gốc”, đó là bài học lớn làm nên thắng lợi của toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam cũng như của 15 năm đổi mới vừa qua. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí phải đi tiên phong trong việc dựa vào

nhân dân, qua thực tiễn phong phú các phong trào hành động cách mạng của nhân dân để tiến hành công việc tổng kết thực tiễn, từng bước góp phần tìm ra quy luật, tính quy luật trong sự vận động nhiều mặt của cuộc sống, phát triển lý luận nhằm không ngừng hoàn thiện đường lối, chính sách ; qua đó, đi sâu tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách thuyết phục và sâu rộng trong nhân dân, cổ vũ các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện với tư cách là người làm chủ công việc của nước nhà. Tạp chí cũng cần chọn lọc những tinh hoa trí thức của thế giới thông qua sự tổng hợp sáng tạo, góp phần làm giàu thêm kho tàng lý luận của Đảng ta.

Có thể nói, việc gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn nhằm không ngừng phát triển hệ thống lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là chìa khóa của thành công trong công tác lý luận. Thành công quan trọng và to lớn của 15 năm đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt qua các kỳ Đại hội là những biểu hiện sinh động của việc phát huy trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong tiến trình xây dựng, bổ sung và hoàn thiện không ngừng đường lối phát triển đất nước, thông qua công việc nghiên cứu lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học.

Sức mạnh của lý luận là sức mạnh của sự khai phá và dẫn đường thực tiễn. Tất nhiên, không phải vì thế rồi coi lý luận là một điểm tựa vạn năng có thể lập tức giải quyết ngay được mọi vấn đề của thực tiễn. Nhưng chính từ sự phát triển của cuộc sống

xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay lại cho thấy, không gì thực tiễn hơn khi chúng ta có một hệ thống lý luận cơ bản, đúng đắn và phù hợp. Bởi vậy, Tạp chí cần tổ chức tốt việc tổng kết thực tiễn theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, trở thành *nòng cốt* cùng các cơ quan lý luận của Đảng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và nghiên cứu khoa học. Đó là *con đường đúng đắn và hiệu quả nhất để phát triển lý luận cách mạng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan nghiên cứu lý luận và tổ chức thực tiễn, gắn chặt nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu triển khai* thực hiện đường lối của Đảng, đưa đường lối vào cuộc sống ; *chủ động tiến công một cách mạnh mẽ và hiệu quả các luận điệu thù địch và sai trái.*

Do đó, một mặt *Tạp chí Cộng sản* phải trở thành *cây cầu nối* giữa lý luận với thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ; mặt khác, tích cực đổi mới *cơ chế phối hợp hoạt động*, không ngừng mở rộng quan hệ và gắn bó chặt chẽ, hiệu quả hơn với các cơ quan nghiên cứu khoa học, với các cấp, các ngành, các địa phương, các cơ quan báo chí khác... ; thu hút đội ngũ cộng tác viên đông đảo, bao gồm các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở tất cả các cấp, các ngành, các nhà khoa học, các trí thức trong và ngoài Đảng... nhằm khai thác và phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác nghiên cứu khoa học - thực tiễn, thiết thực góp phần đưa công tác lý luận của Đảng phát triển lên một bước mới, ngang tầm với sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.□

TIẾP TỤC ĐẨY NHANH, MẠNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ DOAN *

SAU chiến tranh thế giới thứ II, khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở hầu hết các nước trên thế giới phát triển rất nhanh chóng và chiếm tỷ trọng áp đảo trong nền kinh tế mỗi quốc gia. Nhưng đến những năm cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80, khu vực DNNN ở hầu hết các quốc gia đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém, nhất là về hiệu quả kinh tế. Khu vực DNNN nắm đại bộ phận tài nguyên thiên nhiên, lao động, vốn và công nghệ của toàn xã hội, song sức sinh lợi của đồng vốn bỏ ra luôn thấp hơn so với khu vực kinh tế khác. Trong khi đó, nhà nước lại phải chi những khoản lớn cho khu vực DNNN. Vì vậy, chính phủ nhiều nước đã tiến hành cải cách và cơ cấu lại khu vực DNNN làm cho nó năng động và hoạt động hiệu quả hơn. Nhưng mỗi quốc gia có bước đi và mức độ thực hiện khác nhau. Chẳng hạn, như chính phủ các nước Anh và Pháp đã tiến hành tư nhân hóa đồng loạt khu vực DNNN thông qua hình thức bán DNNN cho tư nhân và cho phá sản. Cùng với quá trình tư nhân hóa thì chính phủ Tây Ban Nha lại áp dụng cả các biện pháp sáp nhập và giải thể các DNNN. Vào những năm cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, thì quá trình tư nhân hóa hàng loạt DNNN

cũng đã diễn ra tại các nước này. Trên thực tế, quá trình ấy chưa hẳn đã đem lại hiệu quả cao, mà ngược lại, những cú “sốc” đối với người lao động và nền kinh tế đã gây hậu quả khá nặng nề về mặt xã hội.

Đối với nước ta, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đa dạng hóa sở hữu thông qua chuyển đổi sở hữu DNNN mà trọng tâm là cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê DNNN cũng được xác định là một chủ trương lớn đã thể hiện trong các nghị quyết của Đảng và Quốc hội. Song chúng ta có cách làm riêng, từng bước ổn định và vững chắc ; đồng thời, giải quyết thỏa đáng quyền lợi cho người lao động. Điều này nói lên bản chất ưu việt của chế độ ta, cổ phần hóa nhưng không làm tăng thêm số người thất nghiệp.

Có thể khái quát quá trình cổ phần hóa DNNN ở nước ta như sau : giai đoạn 1992 - 1995, là thời kỳ thực hiện thí điểm theo Quyết định 202/HĐBT (1992) của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thí điểm chuyển một bộ phận DNNN thành công ty cổ phần ; giai đoạn 1996 - 1998, là thời kỳ

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương

thực hiện Nghị định 28/CP (1996) về cổ phần hóa DNNN ; giai đoạn 1999 đến nay, là thời kỳ thực hiện Nghị định 44/1998/NĐ-CP về cổ phần hóa DNNN và Nghị định 103/1999/NĐ-CP về giao, bán, khoán, cho thuê DNNN.

Hai nghị định gần đây đã tạo ra khuôn khổ pháp lý cho việc cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê DNNN. Về tổ chức, các ban chỉ đạo đổi mới DNNN từ trung ương đến các bộ, ngành, Tổng công ty 91 và các địa phương đã được thành lập. Nhưng quá trình cổ phần hóa DNNN diễn ra rất chậm. Từ năm 1992 đến năm 1998, cổ phần hóa được 120 doanh nghiệp. Từ chỗ tự nguyện đăng ký số doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đã trở thành chỉ tiêu pháp lệnh. Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu cổ phần hóa 450 doanh nghiệp cho các bộ, Tổng công ty 91 và các địa phương, nhưng chỉ thực hiện được 220 doanh nghiệp, đạt 49% kế hoạch. Năm 2000, chỉ tiêu cổ phần hóa DNNN là 508 doanh nghiệp, trong đó 337 doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định 44/1998/NĐ-CP và 171 doanh nghiệp giao, bán, khoán, cho thuê theo Nghị định 103/1999/NĐ-CP, nhưng chỉ thực hiện được 196 doanh nghiệp đạt gần 38,6% kế hoạch đề ra, trong đó có 171 doanh nghiệp cổ phần hóa, đạt 50,7% kế hoạch và 25 doanh nghiệp thực hiện hình thức bán, khoán, cho thuê, đạt 14,6% kế hoạch. Mặc dù doanh nghiệp đã cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê còn ít, nhưng khả năng cạnh tranh và hiệu quả đã rõ ràng, hầu hết các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa thì doanh thu, thu nhập của người lao động, lợi nhuận, vốn, nộp thuế đều tăng hơn so với trước khi cổ phần hóa. Hiệu quả

đã rõ ràng, song cổ phần hóa DNNN không những không đạt chỉ tiêu Chính phủ đề ra mà còn có chiều hướng chững lại. Tình trạng này cần phải được làm rõ nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục để đẩy nhanh hơn nữa quá trình sắp xếp lại và cổ phần hóa DNNN.

Hiện nay, trong tổng số 5 280 DNNN chỉ có 20,9% doanh nghiệp có vốn trên 10 tỉ đồng, còn 65,5% doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỉ đồng, 30% các DNNN địa phương có vốn dưới 1 tỉ đồng. Doanh nghiệp nhà nước có sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế thấp, chỉ khoảng 40% làm ăn có hiệu quả, đủ sức cạnh tranh, 40% hiệu quả thấp hoặc hòa vốn, 20% thua lỗ liên tục. Lộ trình đổi mới DNNN giai đoạn 2000 - 2002 (3 năm) là phải sắp xếp lại 2 280 doanh nghiệp, trong đó số có vốn trên 10 tỉ đồng là 216, từ 1 đến 10 tỉ đồng là 1 233 và dưới 1 tỉ đồng là 831 ; về hình thức thì 368 doanh nghiệp thuộc diện tiến hành giải thể hoặc phá sản ; 1 489 doanh nghiệp được cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê ; 380 doanh nghiệp phải sáp nhập vào doanh nghiệp khác và 43 doanh nghiệp trở thành đơn vị sự nghiệp. Thực hiện lộ trình trên đòi hỏi phải giải quyết dứt điểm được tổng khoản nợ 21 165 tỉ đồng đang tồn đọng ở các DNNN này (trong đó nợ ngân hàng 7 260 tỉ đồng) để nâng lượng vốn bình quân mỗi DNNN lên 27 tỉ đồng vào năm 2003, tăng 9 tỉ đồng so với hiện nay. Như vậy, đến đầu năm 2003 sẽ còn 3 000 doanh nghiệp và năm 2005 chỉ còn 2 000 doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước. Các DNNN này sẽ tập trung ở lĩnh vực công ích và những lĩnh vực, ngành then chốt có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân.

Đánh giá một cách tổng quát, có một số nguyên nhân chính, cả khách quan và chủ quan, làm cho cổ phần hóa và giao, bán, khoán, cho thuê DNNN trong thời gian qua không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đó là :

Thứ nhất, tình hình tài chính DNNN nói chung và tài chính của những DNNN phải cổ phần hóa nói riêng chưa lành mạnh, thiếu tính minh bạch, thiếu rõ ràng. Chính phủ đã có Quyết định 104/CT (10-4-1991) về thanh toán công nợ giai đoạn I và Quyết định 95/QĐ/TTg (15-8-1998) về xử lý thanh toán công nợ giai đoạn II nhằm lành mạnh hóa tài chính của các DNNN, nhưng kết quả giải quyết công nợ chưa khả quan, diễn ra rất chậm. Giai đoạn I chỉ giải quyết được gần 19% và giai đoạn II được khoảng 18% tổng số nợ các doanh nghiệp kê khai. Trước hiện trạng này, Chính phủ đã ban hành Nghị định 8/1999/NĐ-CP (9-7-1999) nhằm cơ cấu lại nợ đối với các DNNN trước khi thực hiện cổ phần hóa và Quyết định 5/2000/QĐ-TTg (5-1-2000) xóa bỏ các khoản nợ đã mất khả năng thanh toán. Mục đích của các biện pháp này là làm cho các DNNN lành mạnh về tài chính trước khi cổ phần hóa, nhưng việc cơ cấu lại nợ của các DNNN vẫn còn nhiều bất cập nên việc xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, theo Nghị định 44/1998/NĐ-CP, giá trị doanh nghiệp là giá trị thực tế theo giá thị trường, có nghĩa là phải định được giá của các yếu tố vô hình, như uy tín, vị trí, lợi thế... của doanh nghiệp. Nhưng chung quanh những yếu tố này rất khó tìm được sự thống nhất giữa doanh nghiệp và hội đồng định giá. Điều đó đã làm chậm quá trình xác định giá trị doanh nghiệp, đồng thời làm cho việc xác định giá

trị doanh nghiệp của hội đồng định giá không sát với giá thị trường.

Thứ hai, thể chế quản lý kinh tế vẫn chưa tạo ra sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Hiện nay, vẫn có sự phân biệt đối xử giữa DNNN với các đối thủ cạnh tranh thuộc thành phần kinh tế khác. Thực tế là, giữa chính sách coi mọi doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật và thực tiễn còn có khoảng cách, ngay khuôn khổ pháp luật vẫn có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế. Bên cạnh đó là, sự mặc cảm của xã hội đối với những người làm việc ở khu vực ngoài quốc doanh và sự kỳ thị của một số công chức đối với khu vực kinh tế dân doanh. Điều đó thể hiện rõ ở tần suất thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp dân doanh lớn hơn nhiều so với DNNN. Chúng đã tác động không nhỏ đến tư tưởng người lao động trong các DNNN đang chuẩn bị cổ phần hóa. Nhiều doanh nghiệp đã đưa ra yêu cầu nhà nước phải chiếm cổ phần chi phối (51% trở lên) để sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp vẫn được hoạt động theo Luật DNNN mà không phải hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Thứ ba, công tác tuyên truyền về đa dạng hóa sở hữu một bộ phận DNNN còn nhiều hạn chế. Một số giám đốc DNNN vẫn còn nhận thức giám đốc doanh nghiệp là một chức vụ, vì cùng với nó là “vị ngọt” của quyền lợi, “hương thơm” của quyền lực ; họ vẫn ỷ lại vào nhà nước, chưa nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của một giám đốc đối với doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường đã khác xa thời kỳ bao cấp trước đây. Nếu cổ phần hóa thì những giám đốc này

chắc chắn không thể tiếp tục tồn tại ở vị trí giám đốc nên họ vẫn chưa mặn mà với chủ trương cổ phần hóa DNNN. Một bộ phận người lao động, đặc biệt là những người làm việc từ thời bao cấp vẫn có tư tưởng biên chế suốt đời nên họ không muốn cổ phần hóa. Tuy nhà nước đã có ưu đãi rất lớn về vật chất cho người lao động ở DNNN khi tiến hành cổ phần hóa nhưng họ vẫn băn khoăn về quyền lợi xã hội và chính trị sau khi cổ phần hóa.

Con đường sắp xếp lại và chuyển đổi sở hữu DNNN còn đang ở phía trước với những “gập ghềnh” cần phải được san phẳng bằng các chính sách, cơ chế thích hợp và sự quyết tâm hơn nữa trong triển khai thực hiện. Thách thức, vướng mắc lớn hiện nay là giải quyết công nợ và lao động dư thừa khi cổ phần hóa. Theo báo cáo của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DNNN, thì số lao động ở 2 280 DNNN thuộc diện phải sắp xếp lại lên tới 429 095 người. Mà bản chất của chế độ ta thể hiện ở những hành động cụ thể thông qua việc tạo điều kiện để họ có thể học tập, chuyển đổi công tác, hạn chế tối đa tình trạng mất việc làm.

Bởi vậy, việc đánh giá, phân tích rõ các lực cản, nguyên nhân làm cho quá trình cổ phần hóa và bán, khoán, cho thuê DNNN không thực hiện được như mong muốn là rất cần thiết ; từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm, tìm ra giải pháp hữu hiệu thực hiện lộ trình đã đề ra nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và cơ cấu lại khu vực DNNN, làm cho khu vực kinh tế nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh và hoạt động có hiệu quả hơn, đủ thực lực vật chất để giữ được vai trò chủ đạo

trong nền kinh tế. Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : “Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn ; giao, bán, khoán, cho thuê... các doanh nghiệp loại nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ ; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Khẩn trương cải thiện tình hình tài chính và lao động của các doanh nghiệp nhà nước ; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước” và “phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội”⁽¹⁾.

Muốn vậy, *trước hết*, cần phải nhận thức rằng, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo không phải ở số lượng DNNN nhiều. Trong thập niên 80, ở nước ta có trên 12 000 DNNN nhưng nền kinh tế vẫn lâm vào tình trạng đình đốn, và năm 1991 GDP của khu vực DNNN cũng chỉ chiếm 36,5% GDP của toàn xã hội. Năm 2000 chỉ còn hơn 5 000 doanh nghiệp, nhưng DNNN vẫn đóng góp trên 42% GDP, 50% giá trị xuất khẩu và

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 96 và 99

40% tổng nộp ngân sách. DNNN đã nắm giữ những vị trí then chốt, ngành hàng chủ yếu và là lực lượng chủ lực thực hiện các chính sách xã hội của Nhà nước.

Cổ phần hóa DNNN ở nước ta là quá trình đa dạng hóa sở hữu có bản chất và cách làm khác hẳn các nước, là hình thức xã hội hóa một bộ phận DNNN để nhiều người cùng sở hữu doanh nghiệp theo tỷ lệ cổ phần nhằm huy động vốn, nâng cao hiệu quả quản lý và phát huy tính năng động, sáng tạo của người lao động. Nhưng, tiếc rằng hiện nay vẫn còn không ít người cho rằng cổ phần hóa DNNN là hình thức tư nhân hóa, làm mất vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước. Sự khác nhau về nhận thức có lúc có nơi đã dẫn đến hành động chưa thống nhất.

Hai là, đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế nói chung và cơ chế chính sách cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê DNNN nói riêng theo hướng như Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: “Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó nền kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”⁽²⁾.

Trước mắt, cần có phương án cụ thể giải quyết công nợ và phương pháp xác định giá trị DNNN khi tiến hành cổ phần hóa, chuyển dần từ hội đồng định giá doanh nghiệp sang hình thức đấu giá theo cơ chế thị trường. Trên cơ sở thu hút tối đa số lao động hiện tại

ở các doanh nghiệp, cần có chính sách rõ ràng, cụ thể giải quyết quyền lợi cho người lao động dôi dư trong quá trình cơ cấu lại DNNN (những người ra khỏi khu vực DNNN hoặc mất việc làm). Cần nghiên cứu sửa đổi một số điều của Bộ Luật Lao động theo hướng một thị trường lao động định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, nên có phương án để người lao động trực tiếp nhận được các khoản trợ cấp. Thay đổi cơ chế bán cổ phần cho thích ứng với quá trình đa dạng hóa sở hữu trong phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm thu hút mọi nguồn vốn vào công cuộc chấn hưng kinh tế đất nước.

Ba là, tuyên truyền sâu, rộng về chủ trương, chính sách cổ phần hóa, giao, bán, khoán, cho thuê DNNN làm cho người lao động hiểu rằng, làm việc ở khu vực ngoài quốc doanh thì quyền lợi chính trị - xã hội (của họ và của con cái họ) cũng bình đẳng như ở trong khu vực nhà nước. Trước hết, cần xóa bỏ sự mặc cảm của xã hội và sự kỳ thị của công chức trong bộ máy công quyền đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Môi trường thuộc “tầng” vĩ mô về luật pháp, cơ chế chính sách là rất quan trọng, nhưng chỉ khi nào mọi người trong doanh nghiệp “trên dưới một lòng” quyết tâm thực hiện, tìm ra biện pháp thiết thực, tự thân vận động và biết giải quyết hài hòa giữa các lợi ích, thì khi đó động lực bên trong mới phát huy, đẩy nhanh được quá trình chuyển đổi sở hữu DNNN nói chung và cổ phần hóa nói riêng như lộ trình đã đề ra. □

(2) Văn kiện đã dẫn, tr 95 - 96



MỘT LÝ LUẬN MÃI MÃI XANH TƯƠI

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

Lý luận thì xám, nhưng cây đời mãi mãi xanh tươi. Một nhà thơ lớn người Đức khi bước từ thi ca vào triết học đã nói như vậy. Và đó là một nhận xét đúng. Đúng là sự phản ánh đời sống hiện thực vào trong ý thức con người, nhất là dưới hình thức lý luận, những khái niệm và phạm trù khoa học, thì sự phản ánh đó ít nhiều sẽ sơ lược hơn, kém sắc màu rực rỡ hơn so với thực tiễn cuộc đời. Thế nhưng, đáng lẽ ông phải nói thêm rằng lý luận, sự trừu tượng hóa khoa học trong khi làm “nghèo đi” cây đời xanh tươi lại hết sức cần thiết cho sự xanh tươi của cây đời đó. Có con người nào từ khi biết làm người mà lại không tư duy mỗi khi hành động, không hành xử với cuộc đời theo một triết lý nào đó, nghĩa là theo một lý luận nào đó. Có lẽ ông còn cần phải nói thêm nữa là tuy lý luận có nguy cơ xám xịt hóa nhưng vẫn có khả năng làm cho lý luận khắc phục được nguy cơ đó, nếu lý luận bám chắc vào cây đời, phản ánh được sự vận động có tính quy luật của cây đời trong tính đa dạng, sinh động, do đó mà vẫn xanh tươi được như cây đời.

Trong lịch sử các lý luận nhiều vô kể mà các nền văn minh nhân loại đã tạo ra cho

đến nay, đã có một số lý luận sống mãi với thời gian, trong đó chiếm vị trí hàng đầu, nổi bật là lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Câu nói của Bác Hồ vào năm 1927 : “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin” ⁽¹⁾ vẫn hoàn toàn đúng với chúng ta trong những năm đầu của thế kỷ XXI này.

Từ khi “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” đánh dấu sự ra đời chính thức của chủ nghĩa Mác đến nay, luôn diễn ra cuộc đấu tranh không ngưng nghỉ trong nội bộ chủ nghĩa đó giữa trào lưu giáo điều kinh viện làm khô héo nó với trào lưu đổi mới, sáng tạo không ngừng làm cho nó mãi mãi xanh tươi. Bản chất chủ nghĩa Mác là sáng tạo, không chấp nhận sự ngưng đọng, trì trệ. Tuy có nơi, có lúc rơi vào trạng thái xơ cứng, nhưng trong lịch sử phát triển của nó vẫn luôn tồn tại một dòng chảy mạnh hơn, phản ánh đúng bản chất sáng tạo của nó. Lịch sử chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ là cuộc đấu tranh với trào lưu giáo điều, kinh viện mà còn là cuộc đấu tranh

* GS. Trung tướng

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 2, tr 268

quyết liệt một mặt, một còn với hệ tư tưởng tư sản, với chủ nghĩa chống cộng và các trào lưu cơ hội xét lại trong nội bộ. Các trào lưu này cũng làm khô héo và bóp chết chủ nghĩa Mác - Lê-nin theo một cách khác. Chủ nghĩa chống cộng và cơ hội thường lợi dụng những sai lầm giáo điều trong lý luận và thực tiễn phong trào xã hội chủ nghĩa để “hạ bệ” chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Dù không có các sai lầm đó, chúng vẫn có thể bịa ra đủ điều xấu xa để xóa bỏ cái “bóng ma cộng sản” cả trong hiện thực cuộc sống lẫn trong ý thức con người.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là một lý luận tư biện mà là một lý luận khoa học gắn liền với phong trào cách mạng hiện thực, là sự tổng kết và phản ánh về mặt lý luận, thực tiễn của phong trào ấy. Phong trào giai cấp công nhân và nhân dân đấu tranh để vượt qua chủ nghĩa tư bản, để kiến tạo một xã hội hợp lý và nhân đạo hơn là công việc của cả một thời đại lịch sử, do đó tất yếu có thăng, có trầm, có cao trào và thoái trào. Những bước thăng trầm đó ít nhiều có quan hệ nhân quả với những chu kỳ hưng vong của chủ nghĩa tư bản. Sự hưng vong này cũng diễn ra trong cả một thời đại lịch sử. Không tránh khỏi tình trạng vai trò và ảnh hưởng của lý luận Mác - Lê-nin cũng tăng và giảm trong lòng người tùy theo tình hình lên xuống của phong trào theo cái lẽ thông thường của sự đời “khi vui thì vỗ tay vào”... Trên mặt trận tư tưởng - lý luận, chủ nghĩa chống cộng và cơ hội thường tìm cách chống đỡ, phòng ngự khi cách mạng cao trào và chuyển mạnh sang phản công và tấn công khi cách mạng thoái trào.

Vận mệnh lịch sử của chủ nghĩa Mác đã được Ăng-ghe-nh và Lê-nin đặt ra không chỉ một lần và ngày nay chúng ta có thể lại cần phải đặt ra một lần nữa. Đường như sự phát triển của chủ nghĩa Mác cũng có tính chất chu kỳ. Sau những thời kỳ “khô héo”, khủng hoảng lại đến thời kỳ “đâm chồi, nảy lộc”, phát triển xanh tươi. Đương nhiên, chu kỳ đó không giống chu kỳ bốn mùa của đất trời. Tuy nhiên, ý niệm về cây đời xanh tươi cho ta sự liên tưởng về những mùa xuân có thể có của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong tương lai.

Sự ra đời “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, sự xuất hiện của các phân đội công nhân trên các chiến lũy của các cuộc cách mạng tư sản ở Pháp và châu Âu năm 1848 và cuối cùng là “Công xã Pa-ri” - thử nghiệm đầu tiên tuy thất bại nhưng cực kỳ anh dũng của giai cấp công nhân muốn nắm lấy chính quyền và thay đổi trật tự xã hội cũ. Phong trào thực tiễn như vũ bão và bước tiến thắng lợi của chủ nghĩa Mác trong phong trào đó đã lôi cuốn cả châu Âu cần lao và trí tuệ dưới ngọn cờ của Mác, xuất hiện ảo tưởng về một cuộc cách mạng công nhân toàn thế giới đang đến một cách dễ dàng. Thế rồi Công xã Pa-ri bị đàn áp thẳng tay, những người cộng sản bị săn đuổi, trục xuất ở khắp châu Âu và nói chung, vào cuối thế kỷ XIX sự phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng chưa chín muồi cho một cuộc cách mạng cộng sản. Chính trong những năm chuyển từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển một cách hòa bình cả ở chính quốc và thuộc địa, những món lợi nhuận béo bở từ các thuộc địa cho phép giai cấp tư sản xoa dịu một phần

những xung đột trong lòng chính quốc. Cũng chính vào thời gian đó, xuất hiện cuộc phản công và tiến công có quy mô lớn đầu tiên vào chủ nghĩa Mác của hệ tư tưởng tư sản. Các học giả của giai cấp tư sản ra sức thóa mạ chủ nghĩa cộng sản và ca ngợi sự vĩnh hằng của trật tự xã hội tư sản như là một trật tự phù hợp với bản tính con người. Xuất hiện trào lưu cải lương trong phong trào công nhân, không ít người đã từ giả Mác, chuyển sang lập trường chính trị mới, “thức thời” hơn. Đội ngũ những người mác xít trên thế giới đã thưa thớt đi trong những năm tháng đó.

Bước sang thế kỷ XX, tình hình lại thay đổi một cách cơ bản. Chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc với những mâu thuẫn và xung đột dữ dội của nó trên phạm vi toàn cầu, với những sự kiện điển hình như những cuộc chiến tranh thế giới giữa các đế quốc, những cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã bộc lộ rõ tính chất phi lý của chủ nghĩa tư bản. Phong trào cách mạng ở các nước chính quốc cũng như các thuộc địa lại lên cao ; sự kiệt quệ của châu Âu sau chiến tranh, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã mở ra thời đại mới cho lịch sử loài người. Sự phát triển của Quốc tế thứ ba cùng chiến thắng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho chủ nghĩa Mác được Lê-nin đổi mới và phát triển xanh tươi hơn bao giờ hết, có uy tín hơn bao giờ hết, nhen nhóm trong lòng người những hy vọng đổi đời trong những trận chiến đấu cuối cùng đang tới gần, những hy vọng đã ít nhiều chứa đựng những ảo tưởng chủ quan duy ý chí, bệnh kiêu ngạo tự mãn cộng sản mà Lê-nin

đã từng cảnh báo. Thắng lợi tương đối dễ dàng của lý luận Mác - Lê-nin dựa chắc trên nền thắng lợi hiện thực của cách mạng chứa đựng trong lòng nó một khả năng phát triển tiêu cực, sự “quan liêu hóa” của tư duy lý luận và sự “nhà nước hóa” của truyền bá lý luận đã làm giảm dần sức sống sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm suy yếu vai trò tiên phong của lý luận trong việc dự báo và chuẩn bị cẩn thận cho nhân dân bước vào những trận chiến đấu quyết định đang chờ đợi họ ở phía trước. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản thế giới lại không một chút lơ là, chủ quan, mất cảnh giác. Logic của đấu tranh giai cấp buộc nó phải tỉnh táo, khôn ngoan và cố gắng gấp bội. Và cái kết cục đáng buồn đã xảy ra cuối thế kỷ XX. Sau bảy thập kỷ tiến công với những bước điều hành chiến thắng, hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực thế giới đã tan rã và sụp đổ. Cách mạng thế giới bước vào thời kỳ thoái trào. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang phản công và tiến công, truy kích đến cùng chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người ta muốn “đào sâu”, “chôn chặt” chủ nghĩa xã hội hiện thực, tuyên bố rằng đó là “một bước đi sai lầm của lịch sử”, là một “ảo tưởng bốc đồng” của một bộ phận nhân loại, đồng thời người ta cũng mưu toan “khai tử” luôn cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nếu như cuối thế kỷ XIX, do uy tín của chủ nghĩa Mác mà người ta còn phải núp bóng chủ nghĩa đó để chỉ xét lại điểm này hay điểm khác của nó thì ngày nay, có kẻ cũng chẳng cần phải núp bóng nữa, mà công khai bác bỏ hoàn toàn chủ nghĩa Mác - Lê-nin, coi đó là một lý luận “lỗi thời”, “quái gở”, không những “không thích hợp với phương Đông

mà cũng chẳng thích hợp với phương Tây". Ngày nay, trên văn đàn lý luận và chính trị của các quốc gia, người ta tuyên bố rằng "chủ nghĩa Mác - Lê-nin không còn chỗ đứng nữa" ; người ta chỉ còn phải lựa chọn giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa không tự do trong kinh tế, giữa bảo thủ và xã hội dân chủ hay là con đường thứ ba giữa hai cánh của con đường chính trị tư sản chung đó v.v... và v.v... Hơn 10 năm qua, trong thế giới quan của giới chức ở phương Tây, tồn tại một không khí hể hủ, say sưa vì thắng lợi. Tuy nhiên, đến nay những lời tăng bốc chúc tụng nhau đó rồi cũng đã đến lúc bão hòa, sự chửi rủa mãi rồi cũng đến lúc nhảm tai. Trong khi đó, những đầu óc tỉnh táo và có tài năng nhất của cái thế giới đó bắt đầu tự mình đặt ra câu hỏi rằng liệu họ đã thực sự thanh toán được lý luận Mác - Lê-nin và chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị "chôn chặt" chưa ? Rằng cái "bóng ma cộng sản" đã từng ám ảnh châu Âu trong thế kỷ XIX liệu có trở lại ám ảnh cả thế giới thế kỷ XXI hay không ?

Thế giới ngày nay sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chỉ còn một số nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, dù cho người ta còn cãi nhau xem đó là thế giới một siêu cường, hay đa cực, hay là vừa một siêu cường, vừa đa cực thì đó vẫn là một thế giới mà chủ nghĩa tư bản đang nắm quyền chi phối. Một thế giới tư bản chủ nghĩa đang nắm cách mạng khoa học và công nghệ, đang đi vào kinh tế tri thức, đang ngày càng giàu có hơn, lắm tiền, nhiều súng, muốn tùy ý mùa cây gậy hay chia củ cà rốt ra ở đâu tùy ý ; cái thế giới ấy rồi sẽ biến đổi ra sao và sẽ đem lại cái gì cho cuộc

sống con người ? Chắc chắn rằng chủ nghĩa tư bản thế giới rồi đây có thể vẫn sẽ có những bước tiến bộ phát triển mới nhưng bảo rằng rồi đây nó sẽ đem lại cho loài người một cuộc sống ấm no, hạnh phúc thì đó hẳn là một điều đáng ngờ ! Xã hội hiện đại ngày càng văn minh hơn, nhưng những khát vọng của nhân loại về hạnh phúc, những khát vọng tưởng chừng như đơn giản ấy xem ra vẫn còn khó đạt được lắm thay ! Ngày nay, thế giới người nghèo, các quốc gia nghèo chưa có ấm no, hạnh phúc đã đành ; nhưng điều kỳ lạ thay là thế giới người giàu, quốc gia giàu cũng không hẳn đã sung sướng ; chẳng phải là những người giàu không phải lúc nào cũng cười được đó sao ?

Loài người đã có những bước tiến dài trên con đường văn minh và sẽ có những bước tiến nữa trong thế kỷ XXI, các lực lượng sản xuất của con người hiện nay đã có thể thỏa mãn các nhu cầu vật chất của mọi con người trên hành tinh, những nhu cầu hợp lý, chính đáng chứ không phải những nhu cầu tiêu dùng bệnh hoạn do bộ máy quảng cáo khổng lồ ma quái xui khiến, cũng như cái nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và mua sắm vũ khí để tàn sát lẫn nhau. Thế nhưng, thế giới văn minh hiện nay vẫn đang phải chấp nhận một vết nhơ không thể khắc phục được là sự nghèo khổ cùng cực của một bộ phận nhân loại không nhỏ, của sự bất bình đẳng về kinh tế giữa các cộng đồng người, giữa các quốc gia, giữa các lục địa. Càng tiến vào nền văn minh mới, con người càng nhận thức ra rằng hạnh phúc con người không chỉ là đời sống vật chất mà còn là đời sống tinh thần. Trong một thế giới mà

kỹ thuật ngày càng có xu hướng thống trị con người thì con người càng cần đến đời sống tinh thần, những quan hệ xã hội nồng ấm, sự phong phú của tâm hồn. Văn hóa sẽ ngày càng là điểm nổi trội của xã hội tương lai, bởi vì xét cho cùng, những nhu cầu vật chất cơ bản của con người như ăn, mặc, ở, các tiện nghi cuộc sống... không phải là một đại lượng vô hạn mà là có hạn, được quy định bởi những giới hạn sinh lý của con người, sự cân bằng của thiên nhiên và xã hội, trong đó có con người. Như vậy, chủ nghĩa tư bản dù là "hiện đại" khó có thể thỏa mãn những ước nguyện của con người về lẽ công bằng, về hạnh phúc và niềm vui.

Sẽ đến lúc loài người, kể cả những người ít suy nghĩ nhất nhận ra rằng cần phải vượt qua chủ nghĩa tư bản nếu muốn sống tốt hơn. Trong thế kỷ XIX chế độ tư bản là vấn đề đối với công nhân, đối với sự nghiệp giải phóng lao động. Trong thế kỷ XX, chế độ tư bản là vấn đề đối với công nhân và các dân tộc bị áp bức. Sang thế kỷ XXI, chế độ tư bản vẫn là vấn đề đối với các đối tượng đó nhưng không chỉ có vậy, chế độ đó còn là vấn đề đối với toàn nhân loại, đối với mọi con người; không chỉ đối lập với các lợi ích giai cấp và dân tộc mà còn đối lập với các lợi ích toàn nhân loại, toàn cầu.

Các trí thức của phương Tây, có đầu óc khoa học và ít thiên kiến nhất, hiểu rất rõ những nghịch lý trong lòng thế giới đương đại đã tiên đoán rằng sẽ đến lúc loài người lại trở về với Mác, rằng thế kỷ XXI lại là thế kỷ của Mác và người ta sẽ không giải quyết được bất cứ việc gì nếu không tham khảo đến Mác. Có thể như thế thật! Ngày nay, người ta còn ít nhiều có những ảo

tưởng về những học thuyết mong cứu chữa cho chủ nghĩa tư bản, nhưng khi những ảo tưởng đó tan vỡ thì người ta có thể lại phải tìm đến Mác và một điều kỳ diệu sẽ diễn ra! Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vốn là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là vũ khí tinh thần của giai cấp đó trong cuộc đấu tranh của mình. Thế nhưng một vũ khí tinh thần mang một bản chất giai cấp không cần che giấu như vậy khi đi vào cuộc sống đã từng thâm nhập mạnh mẽ vào phong trào dân tộc giải phóng, đã được các dân tộc như dân tộc Việt Nam coi là vũ khí tư tưởng và lý luận trong cuộc cách mạng dân tộc của mình. Rất có thể là rồi đây trong tương lai, cái chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà ngày nay những kẻ huyênh hoang đang tuyên bố vứt vào sọt rác đó lại có thể được nhân loại từng bước tìm đến, lấy làm vũ khí tinh thần của mình trong cuộc chiến đấu giải phóng con người. Nếu điều đó xảy ra thì cũng là hợp logic, vì hai lẽ:

Một là, cái tồn tại hiện thực của thế giới ngày nay đã trở thành cái mà phương Tây gọi là sự toàn cầu hóa cuộc sống con người, ở đó các lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân loại đều đan xen với nhau đến mức độ mà việc giải quyết những mâu thuẫn thuộc nhóm lợi ích này không thể không đồng thời giải quyết những mâu thuẫn thuộc nhóm lợi ích khác. Và chừng nào nhân loại còn cần đến cách mạng xã hội mới giải quyết được các vấn đề của mình thì cuộc cách mạng sẽ ngày càng phong phú, đa dạng, đa chiều về nội dung, hình thức và phương pháp so với trước rất nhiều và một khi các dạng, các chiều ấy của cách mạng quy tụ về một hướng, trở thành một dòng thác chung thì chẳng một thế lực phản động

nào còn có thể cản nổi ý nguyện của những con người hợp thành nhân loại nữa.

Hai là, lý luận Mác - Lê-nin trong bản chất khoa học cũng chứa đựng cái khả năng đi vào lòng người, không chỉ những người cần lao mà tất cả mọi tầng lớp nhân dân. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân nhưng phong trào công nhân cũng như lý luận phản ánh phong trào đó không bao giờ có tính chất biệt phái. Là lý luận đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân nhưng cũng là lý luận để giải phóng con người, để đưa con người lên một cuộc sống thực sự có tính người. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin chính là chủ nghĩa nhân đạo khoa học, cao đẹp và có tính khả thi nhất. Những điều vu cáo xằng bậy rằng học thuyết Mác - Lê-nin là một học thuyết vắng bóng con người, chống lại con người rồi sẽ biến mất cùng với thời gian và thực tiễn cuộc sống. Và trên con đường đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp hơn, con người lại vẫn rất cần đến lý luận và khi những lý luận tư sản không thỏa mãn được yêu cầu của cuộc đấu tranh thì người ta có thể lại phát hiện trở lại cái vũ khí tinh thần vô giá đã được phát hiện từ thế kỷ XIX và có phần đã bị làm cho han gỉ đi do những người sử dụng đã có lúc không biết sử dụng vũ khí đó.

Sự trở về của Mác trong thế kỷ XXI không phải là một sự trở về giản đơn. Một thế giới biến động, đầy sóng gió phức tạp với vô vàn vấn đề mới được đặt ra trong chương trình nghị sự của con người là một mảnh đất rộng rãi, màu mỡ hết sức thuận lợi cho sự phát triển của lý luận Mác - Lê-nin. Một thế giới với những vấn đề như vậy lại cũng là những thách thức nghiêm trọng đối

với lý luận đó. Chúng ta tin một cách có cơ sở rằng những người tin theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên toàn thế giới sẽ nắm bắt được những nhu cầu sinh tử do cuộc sống mới đặt ra, vượt qua những thách thức, đẩy lý luận và thực tiễn cách mạng tiến lên, đưa chủ nghĩa Mác - Lê-nin đến một giai đoạn phát triển mới, vượt qua những xám xịt tạm thời, xanh tươi trở lại cùng với cây đời.

Những người cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Chúng ta ra sức nỗ lực đóng góp phần mình làm cho học thuyết của chúng ta phát triển, đổi mới không ngừng, mãi mãi xanh tươi. Đó là trách nhiệm nặng nề và vẻ vang ! Đưa đất nước ta, một đất nước phương Đông kém phát triển về nhiều mặt đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp cách mạng không dễ dàng, cũng chưa có tiền lệ trong lịch sử, đòi hỏi tinh thần kiên định và dũng cảm, thông minh và tài năng. Sự nghiệp đó đòi hỏi chúng ta phải phát triển mạnh mẽ công tác lý luận, đưa công tác lý luận của Đảng ta, dân tộc ta lên một trình độ mới, giải đáp được một cách rõ ràng nhiều vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng nước ta, tạo ra một sự thống nhất tư tưởng cao có cơ sở khoa học trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Điều quan trọng là lý luận đó phải biến thành hành động thực tiễn, phải cải tạo và xây dựng được cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, từng bước đem lại niềm vui và hạnh phúc cho mỗi người, mỗi nhà trên Tổ quốc ta, thực hiện cho bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.□

TRÊN ĐƯỜNG THỜI ĐẠI, VÙNG ĐƯỢC ĐI LÊN

PHẠM VĂN CHÚC

1. Gần đây, ở nơi này, nơi khác lại thấy những ý kiến của một số người tự nhận là có tinh thần trách nhiệm, ý thức xây dựng và tâm huyết, đề cập tới một số vấn đề trọng yếu của xã hội và đất nước. Họ cho rằng, chúng ta cần từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN) để hòa chung vào dòng chảy của thời đại, rằng con đường XHCN đã tỏ ra không còn phù hợp với thế cuộc ngày nay, rằng chính nó cũng không còn tồn tại như một xu thế vận động phát triển khách quan của lịch sử từ mười năm trước trên phạm vi toàn cầu, rằng do đó cũng không nên ghi nhận về mặt pháp lý vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam...

Về những ý kiến không mấy mới mẻ này, thật ra chỉ cần đơn giản và trực tiếp nêu lời phủ định là đủ. Nhưng vì những người phát ngôn trên thường nhấn mạnh rằng họ đại diện cho trí tuệ sáng suốt tỉnh táo với kiến thức đầy đủ sâu rộng, cho nên ở đây chúng ta cũng cần bàn luận thêm đôi lời về các vấn đề sau : Chủ nghĩa Mác - Lê-nin quan niệm như thế nào về thời đại, về sự kế tiếp lẫn nhau giữa các thời đại trong lịch sử, và về thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ? Phải chăng từ khoảng một thập niên trở lại đây, nội dung cơ bản của thời đại chúng ta đã thay đổi so với trước ? Có còn khả năng nào khác tốt đẹp hơn con đường đi lên CNXH dưới sự lãnh đạo của

Đảng, mà nhân dân ta đã lựa chọn.

2. Thông thường thuật ngữ “thời đại” dùng để chỉ sự vận động và phát triển của xã hội loài người trong một không gian và thời gian nhất định. Về mặt thời gian, mỗi thời đại kéo dài hàng thế kỷ, thậm chí hàng thiên niên kỷ. Về mặt không gian, thời

đại bao trùm nhiều quốc gia, khu vực. Khi CNTB ra đời và phát triển, nó bắt đầu có qui mô châu lục, liên châu lục rồi toàn cầu. Đối với vấn đề nội dung, tính chất, đặc điểm và bản chất của thời đại, tùy theo tiêu chí xem xét của từng chuyên ngành mà khái niệm về nó có những ý nghĩa tương ứng.

Trong lý luận Mác - Lê-nin, quan niệm về thời đại và sự kế tiếp lẫn nhau giữa các thời đại từ thấp lên cao không phải là qui ước tùy tiện chủ quan, mà phản ánh những thực tế lịch sử - xã hội khách quan và mang tính biện chứng, khái quát, toàn diện cao nhất. Nó cho phép thu nhận trên tinh thần phê phán một số nội dung nào đó trong khái niệm thời đại của các khoa học cụ thể như sử học, xã hội học, văn hóa học, tương lai học...

3. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin phân định các thời đại phát triển xã hội loài người trước hết và chủ yếu (nhưng không phải là duy nhất) theo tiêu chí hình thái kinh tế - xã hội (HTKTXH). Vận dụng một cách lịch sử - cụ thể nguyên tắc lý luận và phương pháp luận chung nhất này, có thể thấy một số loại hình : a) các thời đại của những HTKTXH ; b) các thời đại của những trình độ phát triển khác nhau trong một HTKTXH ; c) các thời đại của những thời kỳ quá độ (TKQĐ) từ HTKTXH này sang HTKTXH khác ; d) các thời đại của những chặng đường, giai đoạn tiến triển khác nhau trong một TKQĐ.

Sự phân loại thời đại này cũng dựa trên cơ sở những chỉ dẫn khá rõ ràng của các nhà kinh điển mácxít về : hai giai đoạn thấp và cao của HTKTXH cộng sản chủ nghĩa (CSCN), TKQĐ từ xã hội tư bản chủ nghĩa (TBCN) lên xã hội CSCN, TKQĐ lên CNXH khác TKQĐ lên chủ nghĩa cộng sản (CNCS) chín muồi, “những chiếc cầu nhỏ” (các phân đoạn) kế tiếp nhau trong TKQĐ lên CNXH, “TKQĐ đầu tiên” trong cả TKQĐ lâu dài này...

4. Thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH khác với các thời đại quá độ trước đây ở chỗ, nó bắt đầu bởi thắng lợi chính trị của giai cấp công nhân. Những thiết chế Đảng và Nhà nước của giai cấp công nhân chỉ là công cụ, phương tiện để phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng sản xuất. Các thời đại quá độ cũ chủ yếu chỉ gồm những cuộc cải biến chính trị, nhằm hoàn tất quá trình cách mạng kinh tế đã bắt đầu từ trước. Còn thời đại quá độ này lại phải hoàn thành cả hai nội dung nhiệm vụ ấy và việc thực hiện chúng được tiến hành đồng thời, đan xen lẫn nhau. Cho nên, về đại thể thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, nhất là trường hợp đặc thù quá độ lên CNXH không qua chế độ TBCN, không thể đơn giản, dễ dàng, chóng vánh.

Ngoài ra như chính Mác đã nói, trong “giai đoạn đầu” xã hội mới vẫn còn “mang những dấu vết của xã hội cũ về các phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần”, nhưng đã thực hiện được “sự xóa bỏ nhà nước”. Như vậy, để phân định toàn bộ “TKQĐ chính trị” từ CNTB lên CNCS, mức độ thực hiện nhiệm vụ chính trị trở thành tiêu chí tương đối nổi trội hơn. Theo đó nhìn chung cả TKQĐ bao gồm hai chặng đường chính được phân biệt với nhau khá rõ rệt. Chặng đường đầu có nhiệm vụ ưu tiên là phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh tiến bộ khoa học - công nghệ đến mức đuổi kịp và vượt CNTB. Còn nhiệm vụ ưu tiên của

chặng đường sau là hoàn thiện quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng chính trị - tư tưởng mới trên nền tảng kinh tế phát triển cao, nhờ thế tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất và kinh tế, đặt cơ sở hiện thực vững chắc cho việc kết thúc toàn bộ TKQĐ này” (1).

5. Ngay sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin nhận định, thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới đã bắt đầu. Nhận định này tiếp tục được phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nêu lên vào khoảng giữa thế kỷ XX. Đảng ta cũng đã khẳng định điều đó nhiều lần từ trước đến nay (2). Với những biểu hiện mới có liên quan tới sự chuyển biến to lớn về mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội trên toàn thế giới khoảng 10 năm nay, thời đại chúng ta có thể và cần được nắm bắt một cách trực tiếp, rõ ràng và cụ thể hơn.

Thực tiễn phong trào XHCN thế giới hơn 80 năm qua cho thấy, nhìn trên toàn cục, các nhiệm vụ chính trị và kinh tế của thời đại quá độ đều chưa được giải quyết xong. Như vậy, thời đại chúng ta là giai đoạn mới trong chặng đường đầu vẫn đang tiếp diễn của cả thời đại quá độ. Ở đây các giai đoạn khác nhau được xác định căn cứ chủ yếu vào mức độ, trình độ, hình thức và phương thức tồn tại, phát triển của CNXH ; vào vai trò chức năng, tác dụng ý nghĩa cụ thể của nó đối với vận động lịch sử và tiến bộ xã hội ; vào tác động nhiều mặt của nó đối với toàn bộ hệ thống thế giới đa dạng, không đồng chất, đồng cấp trong tương quan đối sánh, đối trọng gay gắt, phức tạp giữa nó và CNTB.

(1) Các Mác - Phri-đrich Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, t IV, tr 471, 480, 491 ; Các Mác. *Bản thảo kinh tế triết học năm 1848*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tr 124 - 128

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 61

6. Trong giai đoạn đầu tiên (1917 - 1945), CNXH từ lý luận, phong trào trở thành hiện thực với một nhà nước, một quốc gia dân tộc độc lập có chủ quyền. Sự ra đời, tồn tại và phát triển ngày càng lớn mạnh của Liên Xô đã làm thay đổi căn bản bộ mặt hành tinh. Xu hướng quá độ từ chỗ là một tính qui luật lịch sử nội tại tiềm tàng và mới chỉ thể hiện cá biệt qua sự kiện Công xã Pa-ri, đã được cụ thể hóa và hiện thực hóa. Thế giới vốn là TBCN “toàn tòng” suốt hàng thế kỷ trước đó, nay lần đầu tiên trở nên “phi nhất thể hóa”. Tuy nhiên lúc này CNXH mới chỉ được xây dựng ở một nước trên cơ sở của nước Nga Sa hoàng với CNTB phát triển không cao, pha lẫn nhiều cơ cấu nửa phong kiến chuyên chế, lạc hậu, bảo thủ và chủ yếu dựa trên nền kinh tế tiểu nông.

Trong giai đoạn tiếp theo (1945 - 1991), trên thế giới tồn tại cục diện hai phe đối lập nhau gay gắt. CNXH phát triển vượt bậc, hệ thống XHCN hình thành. Các nước XHCN khắc phục được bước đầu sự phong tỏa, chống phá từ bên ngoài cũng như tình trạng lạc hậu, yếu kém về cơ sở vật chất - kỹ thuật ở bên trong. Nhưng ở cuối giai đoạn này, CNXH hiện thực đổ vỡ ở một số nơi, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong khi đó, lúc đầu thế và lực của hệ thống TBCN giảm sút nghiêm trọng, buộc nó ra sức tranh thủ tiến bộ khoa học - công nghệ, áp dụng chủ nghĩa thực dân mới, thiết lập khối quân sự NATO cũng như hệ thống thương mại và tài chính - tiền tệ toàn cầu (GATT, WB, IMF). Nhờ vậy nhiều nước phương Tây đứng đầu là Mỹ đã có thể tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất, trong khi vẫn duy trì, củng cố được quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng xã hội của mình. Hơn nữa, để chống phá CNXH, các nước này còn đẩy mạnh cuộc chiến tranh lạnh mà theo nhà nghiên cứu A. Di-nô-vi-ép chính là một hình thái đấu tranh mang tính tổng lực và khốc liệt chưa từng có trong lịch sử (3).

7. Trong giai đoạn mới từ sau năm 1991, nhìn chung trên thế giới đã và đang xảy ra nhiều chấn động chính trị - xã hội sâu rộng, mạnh mẽ. CNXH hiện thực ở Đông Âu, Liên Xô sụp đổ và chỉ còn tồn tại ở một số nước riêng lẻ, phe XHCN tan vỡ. Trào lưu XHCN tạm dừng bước tại khu vực các nước dân tộc chủ nghĩa mới giành độc lập. Nhưng đặc biệt đáng chú ý là, chính tại những nước XHCN còn lại, công cuộc cải cách, đổi mới đã và đang đạt nhiều kết quả bước đầu quan trọng, vững chắc. CNTB tạm trở lại thắng thế, chủ nghĩa thực dân tái hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, che đậy và biến tướng (“chủ nghĩa thực dân kinh tế”, “chủ nghĩa thực dân trí tuệ”, “hậu chủ nghĩa thực dân mới”...). Các nước tư bản phát triển cao ở vùng “trung tâm” thâm nhập ngày càng sâu rộng vào các nước đang phát triển ở vùng “ngoại vi”, đồng thời cũng ra sức tranh giành nhau “tiêu hóa” thị trường mới là những nước XHCN cũ trên địa bàn SNG và Đông Âu. Mỹ và một số nước phương Tây đẩy mạnh hoạt động của một số tổ chức, thể chế, diễn đàn toàn cầu nòng cốt về chính trị, quân sự, kinh tế như G7, NATO và WTO, từ đó tăng cường chi phối, can dự vào tất cả các nước khác ở phần “thế giới còn lại”.

Lúc này, các nhân tố tác động tới sự chuyển đổi cục diện thế giới cũng ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp. Một mặt, Mỹ quyết xác lập “trật tự đơn cực” thông qua hàng loạt kế hoạch hành động như : đẩy mạnh toàn cầu hóa, “tự do hóa” “nhất thể hóa” TBCN thị trường thế giới về sản xuất và trao đổi ; gấp rút mở rộng WTO ; phát động các cuộc chiến tranh ở Vùng Vịnh, Ban-căng, châu Phi và mới đây nhất là Áp-ga-ni-xtan... Ngược lại,

(3) Tạp chí *Chính trị - xã hội* (Nga), số 4-2000, tr 156 - 168 và số 5-2000, tr 141 - 154 ; *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (của TTXVN) ngày 8-8-1998

nhiều nước khác kể cả một số nước lớn lại tập trung nỗ lực “đa cực hóa” thế giới. Theo phương hướng này, đã và đang xuất hiện những kiểu liên kết, hội nhập giữa các quốc gia, khu vực, liên khu vực và toàn cầu như ASEAN, ASEM, APEC, hoặc “tam giác chiến lược” giả định Nga - Trung - Ấn... Các cố gắng đó tạo ra cho mỗi nước thế đứng nhiều chân, với nhiều “van bảo hiểm” để tranh thủ cơ hội và hạn chế thách thức của toàn cầu hóa.

8. Đến nay, vượt qua thử thách nghiệt ngã của lịch sử, phong trào XHCN đang được tái lập và khởi sắc tại một số nước như Bê-la-rút, Mông Cổ, Môn-đô-va, Bun-ga-ri... CNXH hiện thực vẫn đang tiếp tục tồn tại ở Việt Nam, Trung Quốc và một số nước khác. Tuy nhiên, nó hiện diện không phải trong mô hình cũ với một hệ thống thế giới và xuất phát từ các xã hội TBCN phát triển trung bình, mà là trong mô hình đổi mới cải cách tại một số quốc gia dân tộc riêng lẻ ở trình độ đang hoặc chậm phát triển.

Đối với các nước này, bài toán mà lịch sử đặt ra - quá độ không qua chế độ TBCN lên CNXH - đang được giải đáp từng bước sáng tạo và vững chắc. Câu trả lời khái quát cho điều tưởng như nghịch lý ở đây là : a) kiên trì khẳng định và tích cực phát huy vai trò cách mạng của nhân tố vật chất - xã hội mới bên trong là hệ thống các quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội XHCN ; b) vận dụng tiến bộ khoa học - công nghệ hiện đại như nguồn lực nội sinh mới mẻ và mạnh mẽ để thực hiện phát triển tăng tốc, bứt phá và rút ngắn ; c) chủ động hội nhập quốc tế nhằm tranh thủ nguồn ngoại lực bổ sung quan trọng là các nhân tố vật chất - kỹ thuật tiên tiến.

9. Trong khi đó, phía sau sự gia tăng rầm rộ về kinh tế, về thế và lực nói chung của các nước phương Tây, thực ra lại vẫn chỉ là những

nguồn lực cũ được tái khởi động và tận dụng (như cách mạng khoa học - công nghệ), hay các thủ đoạn thực dân biến tướng (như mở rộng không gian địa lý của thị trường sản xuất, trao đổi nhờ thúc đẩy toàn cầu hóa và xác lập “trật tự thế giới mới” kể cả bằng vũ lực). Ngoài tất cả các giải pháp tăng trưởng (dù theo chiều sâu hay về bề rộng) đều chỉ về mặt kinh tế - kỹ thuật ấy, khó có thể tìm được một giải pháp nào khác căn bản về mặt kinh tế - xã hội và thực sự có tác dụng tăng năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất TBCN.

Do đó, bản thân các mâu thuẫn của CNTB với tính cách một phương thức sản xuất cũng như một hệ thống thế giới, tức là mâu thuẫn quan hệ sản xuất - lực lượng sản xuất và mâu thuẫn “trung tâm” - “ngoại vi”, vẫn không hề bị triệt tiêu. Sự tăng trưởng ở đây có khi chỉ là “bong bóng xà phòng”, hoặc là kết quả nhất thời của việc khắc phục các mâu thuẫn ấy bằng những giải pháp tình thế. Nhưng chính cách thức “khắc phục” này lại đang và sẽ đẩy chúng tới cấp độ đấu tranh, đối lập, đối kháng mới cao hơn, căng thẳng và quyết liệt hơn, mà “thảm họa 11-9” là một biểu hiện rõ rệt và quá đắt giá.

10. Như vậy hoàn toàn rõ ràng là, tới nay cái đã kết thúc không phải là cả thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, mà chỉ là một số giai đoạn cụ thể nhất định trong toàn bộ lộ trình nhiều chặng đường và giai đoạn khác nhau của nó. Tương tự, điều đã thay đổi cũng không phải là chính nội dung cơ bản của thời đại, mà chỉ là phương thức, hình thức, mức độ thể hiện của nội dung này trong những điều kiện, tương quan, cục diện dân tộc và quốc tế mới. Xu thế quá độ vẫn tồn tại. Hơn nữa đây vẫn là

(Xem tiếp trang 60)

VĂN HỌC

viết về chiến tranh cách mạng -

đòi hỏi và thách thức của thời gian

LÊ THÀNH NGHỊ *

BẮT cứ một nền văn học chân chính nào, sự ra đời và phát triển của nó đều gắn bó sâu sắc với thời đại sinh ra nó, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của thời đại đó. Văn học Việt Nam sau 1945, nhất là mảng văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng là một hiện tượng độc đáo, đáp ứng cao những đòi hỏi bức thiết của thời đại, sáng tạo trên cảm hứng lớn của thời đại, có vị trí xứng đáng trong tiến trình văn học dân tộc và cũng chịu những thách thức nghiệt ngã của thời gian.

Chúng ta đều biết rằng, nếu như nửa đầu thế kỷ XX, lịch sử xã hội Việt Nam chủ yếu là những cuộc vận động cách mạng dữ dội, dẫn đến cao trào Tháng Tám 1945, thì nửa sau, lịch sử chủ yếu là hai cuộc kháng chiến lâu dài nhằm bảo vệ thành quả của cách mạng, độc lập dân tộc và giải phóng đất nước, dẫn đến chiến thắng lịch sử 1954 và 1975. Một thời gian dài hậu chiến tranh (sau 1975), những vấn đề của cuộc chiến vẫn còn in đậm trong đời sống tinh thần của dân tộc. Bởi vậy, có thể nói văn học về đề tài chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

sinh ra và phát triển là do đòi hỏi bức thiết của nhiệm vụ chính trị cấp bách của thời đại : tất cả để chiến thắng kẻ thù xâm lược ! Đó là ý thức công dân cao cả của văn học hòa trong ý thức chính trị cao cả của thời đại, được văn nghệ sỹ tự

nguyện dâng hiến cả tình cảm, trí tuệ của mình, như một tất yếu lịch sử !

Khẩu hiệu “Văn nghệ phục vụ kháng chiến”, đã làm hình thành một dòng văn học áp sát hiện thực chiến đấu, phản ánh tươi rói những diễn biến của cuộc chiến tranh, tạo ra một sinh khí khác hẳn với văn chương trước Cách mạng Tháng Tám. Khác từ cách quan niệm về bản chất, chức năng của văn học, đến cảm nhận hiện thực, đến giọng điệu, nhân vật, ngôn ngữ và thái độ của văn nghệ sỹ. Một dòng văn học phục vụ “công nông binh”, gần gũi, truyền cảm... với một khát vọng cháy bỏng là chuyển đến người đọc những vấn đề nóng bỏng của thời cuộc, đó là hình ảnh của dân tộc, của quân và dân ta đang chiến đấu hy sinh vì vận mệnh của Tổ quốc, nhằm kêu gọi họ sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn. Sau này trong “trào” đổi mới, có người khi xem xét những hạn chế của dòng văn học này, đã vi phạm nguyên tắc lịch sử cụ thể, cho đó là “đứt đoạn” quá trình “hiện đại hóa” văn học có từ đầu thế kỷ, nhất là có từ giai đoạn văn học 1930 - 1945 !

* Đại tá - nhà văn - TS văn học, Phó Tổng biên tập Tạp chí Văn nghệ quân đội

Những người không đồng tình với nhận định đó đã phản bác lại và cho rằng, chính cuộc kháng chiến đã “hiện đại hóa” văn học, trả văn học lại vị trí đúng đắn của nó là áp sát cuộc sống, bám sát nhiệm vụ trung tâm của thời đại. Quả vậy, vì chỉ cần so sánh “thơ mới”, sách của Tự Lực Văn Đoàn và văn học viết về kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cũng đủ thấy không chỉ khác nhau căn bản về nội dung hiện thực, mà còn khác nhau căn bản về hình thức biểu đạt. Nếu nói cái hiện đại chính là cái giản dị, sâu sắc, truyền cảm... thì văn học viết về chiến tranh của ta hơn hẳn mọi thời kỳ văn học trước đó. Văn học là gì, nếu không phải là sản phẩm tinh thần cao quý của thời đại, đáp ứng những nguyện vọng cháy bỏng của dân tộc, sáng tạo trên cơ sở vì nghĩa lớn của đất nước. Không có đất nước, không có dân tộc, không hề có bóng dáng của thời cuộc, lại càng vắng bóng hơi thở của Cách mạng trong thời kỳ *Thơ mới*, trong hầu hết văn chương *Tự lực Văn Đoàn*. Vậy thì văn chương dùng để ru ngủ, kêu gọi vui đầu vào thác loạn, quên lãng, thất tình và tuyệt vọng, rồi tắc ty bí hiểm như về cuối của trào lưu *Thơ mới* nữa, mới là “hiện đại” hay sao? Và mặc nhiên vì vậy gắn với lý trí, với nhiệm vụ công dân, với trách nhiệm lịch sử, khơi dậy ý thức cộng đồng... trong văn học về đề tài chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ là “không hiện đại”, là “đơn giản hóa”, “hạ thấp” văn học hay sao?. Đúng là có những tác phẩm thời kỳ đầu và ngay cả sau này, do yêu cầu cấp thiết của đời sống, nhiều tác giả đã lựa chọn những hình thức truyền đạt giản dị nhất để đạt hiệu quả nhanh chóng nhất, nhiều tác phẩm đề cao ý thức cộng đồng mà chưa

chú ý nhiều đến số phận cá nhân vv..., nhưng những tác phẩm “phục vụ kịp thời” này đâu phải là tiêu biểu cho cả một thời kỳ văn học, và suy cho cùng giai đoạn, thời kỳ văn học nào mà chẳng có những tác phẩm làm “nền” cho những đỉnh cao. Dựa vào những tác phẩm yếu kém để khái quát bản chất của cả một thời kỳ văn học là không khoa học. Bây giờ, chiến tranh đã đi qua gần ba mươi năm, với một thái độ khoa học và trung thực, chúng ta không thể phủ nhận giá trị của nhiều tác phẩm văn học, và trong hành trang văn hóa bước vào thế kỷ XXI, không thể bỏ lại những tác phẩm xuất sắc của thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Điều đó không chỉ nói lên tính hiện đại trong ý nghĩa còn cần cho tương lai văn hóa dân tộc, mà còn ở những giá trị khác thuộc về nội dung và hình thức của văn học về đề tài chiến tranh, mà rất nhiều công trình khoa học đã khẳng định.

Khẩu hiệu “Văn nghệ phục vụ kháng chiến” còn quy tụ, thu hút những tài năng văn học tiêu biểu nhất của đất nước thời kỳ này, những văn nghệ sỹ nổi tiếng từ trước cách mạng như Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng... Xuân Diệu và Chế Lan Viên vv... Và chắc chắn trong quan niệm của họ, đi vào cuộc sống chiến đấu không phải là để từ bỏ “cái hiện đại” đến với cái “hạ thấp” trong văn học! Bản lĩnh của những nghệ sỹ tài năng ít khi chấp nhận một sự “đổi ngược” như vậy. Cũng từ trong lòng cuộc kháng chiến, lần lượt ra đời các thế hệ nhà văn mặc áo lính, một “kiểu” nhà văn hết sức mới mẻ, “nhà văn chiến sỹ”, mà trước đó, trong lịch sử văn học dân tộc, chưa từng xuất hiện. Đây là những chủ thể tài năng và

tâm huyết, sản phẩm của cuộc chiến đấu vì độc lập dân tộc, những người trực tiếp làm nên dòng văn học viết về chiến tranh độc đáo của chúng ta. Không thể nào kể hết tên tuổi của họ trong một bài báo nhỏ. Chỉ cần so sánh một con số : trong cuốn từ điển *Văn xuôi Việt Nam* từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945 (dày 1137 trang, xuất bản năm 2001) thống kê được 376 tác phẩm văn xuôi của 78 tác giả. Vậy mà trong bộ *Tổng tập nhà văn quân đội* do Chi hội nhà văn quân đội biên soạn năm 2001, (dày trên 4000 trang) số nhà văn đã và đang mặc áo lính lên đến con số 303 người trong đó riêng văn xuôi đã có 273 tác giả. Chỉ một dòng văn học (trong cả nền văn học Việt Nam hiện đại) con số văn nghệ sỹ hùng hậu này cho thấy tính bức thiết của cuộc chiến đấu đã sản sinh ra họ, và chính họ là lực lượng chính, là chủ âm trong bản hợp xướng lớn của văn học Việt Nam hiện đại.

Như vậy mảng văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng ra đời đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của bản thân cuộc chiến đấu chống xâm lược của dân tộc. Đây là một tất yếu khách quan của lịch sử, cũng như bản thân cuộc chiến đấu của dân tộc là một tất yếu của lịch sử. Bởi vậy, văn nghệ sỹ đã tự nguyện đưa hết tài năng của mình để phục vụ cuộc chiến đấu đó. Mặc nhiên, cảm hứng bao trùm, cảm hứng chủ đạo, đó là cổ vũ cho cuộc chiến đấu, ngợi ca ý thức cộng đồng và củng cố niềm tin vào thắng lợi, vào lý tưởng vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Những phát hiện nghệ thuật sâu sắc và mới mẻ bắt nguồn từ cảm hứng chủ đạo đó đã làm nên những giá trị của các tác phẩm của Nguyễn Đình Thi, Nguyên Ngọc,

Nguyễn Thi, Phan Tứ, Anh Đức, Nguyễn Minh Châu và rất nhiều nhà văn khác.

Từ góc độ quá trình văn học, những tác phẩm văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng là sự tiếp nối và phát triển mạnh mẽ truyền thống yêu nước của dân tộc có từ xa xưa trong lịch sử. Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử của những cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi, giang sơn cũng như các giá trị văn hóa tinh thần khác của dân tộc. Hiếm có một dân tộc nào chịu nhiều đau thương do sự đàn áp của ngoại xâm như dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, cũng hiếm có một dân tộc nào có truyền thống yêu nước cao cả như dân tộc Việt Nam, thể hiện trong những cuộc chiến đấu sinh tử để khẳng định sự tồn tại của mình trước những kẻ thù hung hãn nhất trong mỗi thời kỳ lịch sử. Truyền thống yêu nước đó cũng in đậm trong đời sống văn hóa tinh thần, đặc biệt là trong văn học. Lý Thường Kiệt trở thành bất tử bởi những chiến công quân sự, bởi cả những câu thơ nói lên chí lớn của dân tộc ; Nguyễn Trãi nếu không có 10 năm chống quân Minh chắc chắn không có những áng hùng văn làm tan rã hàng ngũ địch như vậy ; Nguyễn Đình Chiểu nếu không xuất phát từ lòng yêu nước cao cả, không có những *văn tế* vừa sâu sắc vừa truyền cảm đến thế vv và vv.

Tiếp tục truyền thống yêu nước đó, văn học Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng đã phản ánh chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trên một bình diện mới gắn với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Đó là chủ nghĩa yêu nước hiện đại, tự nguyện của hàng triệu con người, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp lớn giải phóng đất nước

và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà dân tộc ta tự nguyện lựa chọn. Đó là chủ nghĩa yêu nước lấy con người làm trung tâm, tôn trọng tuyệt đối con người với những giá trị tinh thần cao quý bậc nhất trong chiến đấu. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo là kế tục giá trị yêu nước truyền thống của dân tộc và nâng cao giá trị đó lên tầm thời đại. Cuộc chiến đấu được phản ánh kịp thời, trung thực, cảm quan thường trực của ngòi bút “phụng sự kháng chiến” làm cho nội dung yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội hết sức cụ thể, hết sức cao cả, nổi bật trong văn học thời kỳ này. Chính điều đó làm nên giá trị của văn học về đề tài chiến tranh cách mạng; đưa nền văn học Việt Nam “đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học chống đế quốc trong thời đại ngày nay”. Nội dung yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội đó đang được tiếp tục trong phương châm xây dựng nền văn hóa mới, “tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” mà Đảng ta, Nhà nước ta đang chủ trương.

Như vậy nội dung yêu nước trở thành “bản sắc” của văn học Việt Nam đặc biệt là dòng văn học viết về chiến tranh cách mạng. Thiết nghĩ thời đại hôm nay với sự phát triển của thông tin, của công nghệ cao, giữa vòng vây chu chuyển chóng mặt tiền tệ, của máy móc, sắt thép, đồ hộp của một xã hội hậu công nghiệp khi con lốc “toàn cầu hóa” đang mưu toan “dán nhãn hiệu” biến mọi thứ thành chung một “khẩu vị” trong đó có văn hóa - nghệ thuật, thì việc giữ gìn “bản sắc dân tộc” của văn hóa nghệ thuật, phải chăng cũng là việc giữ gìn và phát triển nội dung

yêu nước, như một biểu hiện tinh thần có tính chất đặc trưng của dân tộc ?

Dòng văn học về chủ đề chiến tranh cách mạng mang đặc trưng thẩm mỹ mới, có tính chất khu biệt, nếu so sánh với đặc thù thẩm mỹ của những giai đoạn văn học trước đó. Một thế giới hiện thực khác hẳn, phong phú, chân thực hơn, gần gũi, đời thường hơn tạo ra những cảm nhận thẩm mỹ tích cực, hướng con người vào những vấn đề to lớn của lịch sử... đã được phản ánh trong nội dung các tác phẩm văn học.

Thế giới hiện thực phong phú đó chính là những bức tranh thiên nhiên và bức tranh đời sống chiến đấu trong tác phẩm. Thiên nhiên chính là đất nước yêu dấu trên mọi ngã đường ra mặt trận, trên mọi miền đất nước vì nó mà con người hy sinh chiến đấu. Hoàn toàn khác với thiên nhiên để ngâm vịnh kiêu “tức cảnh sinh tình”, một kiểu thiên nhiên xa lạ với khát vọng của con người, hoặc đồng lõa với sự cô đơn thất vọng của con người trong văn học trước Cách mạng Tháng Tám. Một chất liệu thẩm mỹ mới mẻ, tạo ra vẻ đẹp chưa từng có của đời sống tinh thần dân tộc, biểu hiện trong cái lạc quan, quả cảm hy sinh vô bờ bến của các thế hệ quân và dân ta trước vận mệnh dân tộc trong cuộc đối mặt sinh tử với kẻ thù. Chưa bao giờ ý thức cộng đồng, chủ nghĩa anh hùng tập thể lại được tôn vinh, đề cao và chứa đựng nhiều ý nghĩa thẩm mỹ như vậy trong văn học, và chính vì vậy, văn học đã góp phần nâng cao vị thế con người Việt Nam, làm phong phú cho văn chương dân tộc bởi chủ nghĩa nhân văn cao cả của con người Việt Nam trong những khoảnh khắc lịch sử khốc liệt nhất.

Mặt khác, viết về một hiện thực anh hùng như vậy, văn học về đề tài chiến tranh cách mạng không thể không lựa chọn cảm hứng sử thi trong bút pháp biểu hiện, và chính điều đó cũng làm nên đặc trưng thẩm mỹ của văn học giai đoạn này. Khi nhận ra cuộc chiến đấu không chỉ có anh hùng quả cảm, mà còn là đau thương tột cùng, chủ thể sáng tạo đã không hề né tránh sự thật ở những tình huống bị kịch, bị tráng xuất hiện trong mối quan hệ giữa khát vọng sống của từng cá nhân và vận mệnh của Tổ quốc, và đã phản ánh những tình huống bị kịch đó một cách chân thực và răn rỗi. Chính điều đó đã tạo ra cảm hứng chân thật, tính chất truyền cảm, hướng người đọc đến cái cao cả, cái vô hạn của tình yêu Tổ quốc, của lý tưởng xã hội cao đẹp... mà con người sẵn sàng hy sinh để gìn giữ. Đọc lại những tác phẩm của Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Anh Đức, Nguyễn Trung Thành vv... chúng ta có thể thấy bóng dáng tinh thần của một thời kỳ lịch sử in đậm trong hệ thống những hình tượng nghệ thuật, đã từng lay động, cổ vũ hàng vạn thanh niên ra mặt trận. Đó chính là nét đặc trưng của sức truyền cảm lớn, sức lay động thẩm mỹ... của văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng suốt mấy chục năm qua.

Mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội không thoát khỏi thử thách của thời gian. Người Ai Cập cổ đại nói : Kim Tự Tháp không sợ bất cứ điều gì ngoài thời gian. Quả là thời gian sẽ vùi mọi giá trị vào quên lãng cũng như có thể đưa từ thế giới của sự quên lãng các giá trị chân chính, nên các giá trị ấy có ích cho đương thời. Văn học nói chung và văn học về đề tài chiến tranh cách mạng cũng chịu sự thách thức ấy của thời gian. Một nhà nghiên

cứu cho rằng : thời gian đi giạt lùi và cuối cùng chỉ còn thấy những đỉnh cao trong văn học. Đúng như vậy. Những tác phẩm ưu tú của một thời kỳ văn học sẽ tồn tại lâu hơn trong thời gian. Những tác phẩm yếu kém sẽ bị vượt qua. Văn học viết về chiến tranh của ta có nhiều thành tựu nhưng cũng không ít yếu kém (trong bài này không đề cập đến), mặc nhiên sự yếu kém ấy không đủ sức vượt qua thời gian. Điều đó là hết sức bình thường, nếu không muốn nói là tất yếu, là đáng mừng, bởi vì, biết gạt đục khơi trong, vận dụng đúng đắn thuyết phủ định biện chứng cũng là việc làm hết sức cần thiết để phát triển.

*

* *

Đất nước đã chuyển sang một thời kỳ mới kể từ 1975. Cảm hứng sáng tạo, ý thức tiếp nhận... của xã hội cũng đã có những bước phát triển mới so với giai đoạn trước. Bất cứ một thời đại nào cũng sẽ lựa chọn cho mình một phương pháp tư duy và khả năng biểu đạt ý thức của thời đại trong các giá trị văn hóa - tinh thần. Văn học về đề tài chiến tranh cách mạng sau 1975 cũng vậy, đang trên đường những tìm tòi mới, tự đổi mới để vượt qua những hạn chế của thời kỳ trước, cả về phương diện hình thức lẫn phương pháp tiếp cận hiện thực. Một số nhà văn là người trong cuộc có thể và đã viết khá sâu sắc về chiến tranh, các thế hệ sau sẽ còn tiếp tục viết về chiến tranh và chắc chắn sẽ viết hay hơn, sâu sắc hơn. Bởi vì trong lịch sử văn học nhân loại, không hiếm những đỉnh cao nghệ thuật mà quá khứ được soi rọi bằng trí tuệ của hậu thế đầy bản lĩnh và tài năng. Văn học Việt Nam sẽ không nằm ngoài quy luật đó. □

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN

Lời BBT : Xuất phát từ thực tiễn và nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, gắn chặt với việc thực hiện đề tài khoa học cấp nhà nước KX.03.02 về **“Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”**; ngày 07-12-2001 vừa qua, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy Hải Dương tổ chức cuộc Hội thảo khoa học - thực tiễn : **“Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện”**.

Tham dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo, quản lý ở trung ương, Tạp chí Cộng sản và tỉnh Hải Dương; đại biểu các cơ quan hữu quan : Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.03 về **“Xây dựng Đảng trong điều kiện mới”**, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh ủy các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang...; các nhà khoa học và một số cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương và tỉnh Hải Dương.

Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban thường trực Ban Tổ chức Trung ương Đảng, cùng các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng : PGS, TS. Vũ Văn Hiền, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và Nguyễn Văn Chiền, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương đã chủ trì cuộc Hội thảo.

Gần 30 bản tham luận khoa học được gửi tới Ban tổ chức Hội thảo. Trong số này, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu bài Báo cáo đề dẫn và Báo cáo tổng quan. Một số tham luận quan trọng khác, Tạp chí Cộng sản sẽ đăng vào số 3 (tháng 1 năm 2002).

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

VŨ HIỀN

O nước nào cũng vậy và ở thời điểm nào cũng vậy, sự thành bại của mọi sự nghiệp hay sự tồn vong, thịnh suy của mọi quốc gia, chế độ đều phụ thuộc lớn vào đội ngũ những người lãnh đạo, điều hành mà nay chúng ta gọi là cán bộ lãnh đạo, quản lý

Đối với nước ta hiện nay, vấn đề này càng có tầm quan trọng, vừa có tính lý luận sâu sắc lại là yêu cầu của thực tiễn, vừa có tính cơ bản lâu dài và lại là đòi hỏi bức xúc của tình hình hiện tại. Bởi lẽ, Đảng ta - Đảng Mác - Lê-nin - Hồ Chí Minh, Bộ tham mưu của giai cấp và của dân tộc Việt Nam, là đảng cầm quyền, đảng cách mạng và đảng hành động nên nhất cử nhất động của Đảng đều được nhân dân chú ý và đều có tác động đến tình hình đất nước nói chung.

Có ba yếu tố quan trọng bậc nhất tạo nên sức mạnh của Đảng, bảo đảm cho Đảng lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng nước ta. *Một là*, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng ; đường lối đó được xây dựng bằng trí tuệ tập thể của toàn Đảng, mang tính cách mạng và sáng tạo, phản ánh quy luật vận động khách quan của xã hội và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. *Hai là*, tổ chức chặt chẽ và vững chắc của Đảng từ các tổ chức cơ sở đến Trung ương Đảng tạo thành khối đoàn kết thống nhất ý chí và thống nhất hành động. *Ba là*, đội ngũ đảng viên trung thành với sự nghiệp và lý tưởng cách mạng. Trong cả ba yếu tố ấy, đội ngũ đảng viên có vị trí đặc biệt vì suy cho cùng, đường lối của Đảng đúng đắn, tổ chức của Đảng chặt chẽ cũng là do đội ngũ đảng viên của Đảng thực hiện và tạo dựng. Rồi vấn đề cốt tử tạo nên năng lực lãnh đạo của Đảng chính là đội ngũ cán bộ cốt cán. Đây là đầu tàu kéo cả đoàn tàu hướng về phía trước, là hạt nhân quy tụ đảng viên và quần chúng nhân dân đồng tâm hiệp lực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Bác Hồ nói, muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa. Theo ý đó mà suy, hiện nay chúng ta muốn thực hiện trọn

vẹn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất định phải có con người công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con người công nghiệp hóa, hiện đại hóa ấy trước hết phải là những cán bộ cốt cán, cán bộ lãnh đạo quản lý của Đảng.

Chính vì những lẽ đó mà trong hệ thống 10 đề tài của Chương trình nghiên cứu khoa học quốc gia KX-03 “**Xây dựng Đảng trong điều kiện mới**” có một đề tài quan trọng được xếp thứ hai : *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam được Bộ Khoa học, Công nghệ, Môi trường và Ban chủ nhiệm Chương trình giao nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu đề tài khoa học cấp nhà nước này.

Mục tiêu của đề tài đã được xác định : Xuất phát từ các nguyên lý mác xít và các nghị quyết của Đảng về cán bộ, công tác cán bộ, trên cơ sở đánh giá đúng tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay ; căn cứ những yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới ; đề tài xác định các quan điểm, nguyên tắc, tiêu chuẩn, giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, rút ra những vấn đề lý luận trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện mục tiêu đó, nội dung nghiên cứu của đề tài được xác định chung quanh một số vấn đề chính yếu :

Thứ nhất, nêu bật cơ sở lý luận về việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

Thứ hai, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ khi bước vào thực hiện

công cuộc đổi mới (1986) đến nay, đặc biệt là cán bộ trung cao cấp, cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Đề tài sẽ làm rõ những mặt mạnh và ưu điểm cũng như những mặt yếu kém và nhược điểm của đội ngũ cán bộ nói trên ; đánh giá mặt thành công và những bất cập của công tác cán bộ của Đảng trong thời gian qua ; phân tích nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm.

Thứ ba, phân tích để làm rõ những yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và công tác cán bộ của Đảng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chú ý đến những đặc điểm cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trực tiếp liên quan và chi phối đội ngũ cán bộ ; những tiêu chí cơ bản và yêu cầu đặt ra đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Thứ tư, những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong điều kiện mới. Đây là những quan điểm đã được Đảng ta xác định và đề tài tập hợp lại ; đồng thời các tác giả của đề tài sẽ đưa ra một số quan điểm được coi là những đóng góp làm luận cứ khoa học để Đảng ta chỉ đạo công tác cán bộ.

Thứ năm, những giải pháp chủ yếu xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý. Trong các giải pháp đó, vai trò quan trọng là xây dựng tiêu chuẩn từng loại cán bộ : cán bộ chủ chốt ở Trung ương, cán bộ cấp tỉnh - thành, quận - huyện, cán bộ cơ sở xã - phường, cán bộ ở các ngành, vùng, các lĩnh vực hoạt động khác nhau. Việc đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, lựa chọn, sử dụng, luân chuyển, sàng lọc cán bộ ; vấn đề quy hoạch đội ngũ cán bộ đều là những giải pháp quan trọng được đề tài quan tâm, nghiên cứu.

Thứ sáu, từ những kết quả nghiên cứu nói trên, đề tài sẽ rút ra những vấn đề có tính lý luận trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Điểm mới nhất và mấu chốt nhất của việc nghiên cứu đề tài này là dựa vào những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin - tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về công tác cán bộ để lý giải những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Ban chủ nhiệm đề tài đặt vấn đề phải bám sát thực tiễn, từng bước nghiên cứu là từng bước gắn với thực tiễn, mỗi kết quả nghiên cứu là có thể đóng góp ngay vào công tác cán bộ của Đảng nói chung cũng như đóng góp thiết thực đối với từng địa phương, đơn vị mà đề tài nghiên cứu, khảo sát.

Rất may mắn là cách đặt vấn đề như thế rất phù hợp với yêu cầu nghiên cứu của Tạp chí Cộng sản và bắt gặp sự quan tâm sâu sắc của Tỉnh ủy Hải Dương. Buổi hội thảo khoa học - thực tiễn về **“Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện”** được tổ chức hôm nay vừa là hoạt động mở đầu, đột phá của đề tài cấp nhà nước, vừa là sự giao lưu trí tuệ và kinh nghiệm đầy ấn tượng giữa những nhà nghiên cứu lý luận ở các cơ quan Trung ương với những đồng chí lãnh đạo quản lý trực tiếp ở địa phương. Điều ý nghĩa đặc biệt nữa là cuộc hội thảo quan trọng này được tổ chức tại Côn Sơn - địa danh gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Trãi, nhà quân sự chính trị đại tài và nhà tổ chức kiệt xuất.

Như thế, chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng, Hội thảo khoa học này sẽ thành công tốt đẹp, mang lại kết quả hữu ích cho đề tài, cho cơ quan lý luận chính trị của Đảng và cho tỉnh Hải Dương giàu đẹp, lại vô cùng mến khách. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

SAU Lời chào mừng Hội thảo của đồng chí **Nguyễn Văn Chiền** và **Bản Báo cáo đề dẫn của PGS, TS. Vũ Văn Hiền**, các tham luận khoa học đã tập trung đề cập tới các vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện nhằm vươn lên ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các bản tham luận nêu một cách toàn diện, *từ* góc độ tiếp cận, phương pháp nhận thức *qua* thực trạng, nguyên nhân, những bài học thành công và chưa thành công *tới* hoạch định phương hướng, xác lập hệ giải pháp khả thi nhằm xây dựng đội ngũ này ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhìn toàn cục, Hội thảo tập trung góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận *nổi bật* vừa mang *ý nghĩa chiến lược cơ bản*, vừa đáp ứng yêu cầu *cấp bách trước mắt* của thực tiễn. Những nội dung chính mà Hội thảo đã đề cập tới là :

I. YÊU CẦU CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VỚI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN.

Chúng ta đang bước sang năm thứ hai của thế kỷ XXI, cũng là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Đây cũng là thời điểm cuộc cách mạng về khoa học và công nghệ trên thế giới có những bước nhảy vọt chưa từng thấy, kinh tế tri thức chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển, không ngừng làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xuất phát từ

sự nhận diện và phân tích bối cảnh khách quan đó, đồng chí **Phạm Văn Thọ** nhấn mạnh : Xét tổng quan, nhiệm vụ cơ bản, cấp bách trước mắt của công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc, đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân là, tiếp tục tạo ra những *tiền đề cơ bản và toàn diện* nhằm đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cả về quy mô, tốc độ và chiều sâu. Tình hình đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ nói chung, mà trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải có *đầy đủ và nâng cao không ngừng* về phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị, sự thành thạo nghiệp vụ, sự am tường về xã hội và con người... đáp ứng ngang tầm sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, trong thời đại ngày nay.

Trên cơ sở nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, **TS. Bùi Đình Phong** (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) cho rằng : Hơn bao giờ hết, giờ đây chúng ta càng thấm thía lời dạy của Người : “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Đó chính là cái bắt đầu để sinh ra, là cơ sở, nguyên nhân và động lực của mọi việc. Nói như Bác Hồ : *Gốc có vững cây mới khỏe*, và ngược lại ; *công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*. Nói một cách khác, sau khi chúng ta có đường lối đúng, cán bộ quyết định tất cả. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa không nằm ngoài tính quy luật ấy.

Tiếp tục phân tích mối quan hệ tất yếu giữa yêu cầu rất cao của sự nghiệp công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm, **TS. Nhị Lê** (Phó Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản) nhấn mạnh : Dù muốn hay không, công cuộc đổi mới của chúng ta tất yếu diễn ra trong điều kiện kinh tế tri thức đang phát triển với quy mô, tốc độ, tính chất và mức độ ảnh hưởng ngày càng rộng lớn, mạnh mẽ, quyết định và sâu sắc tới mức không cưỡng nổi. Nhu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta và từ kinh nghiệm thành bại của các nước công nghiệp trên thế giới, trong ba thập kỷ gần đây cho thấy, trong *bốn nhân tố quyết định thành công*, gồm : 1. tuyển chọn và trọng dụng nhân tài ; 2. chấn hưng nền giáo dục quốc dân ; 3. xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia ; 4. đổi mới hệ thống công nghệ quốc gia, thì *nhân tố thứ nhất giữ vị trí cơ bản, có ý nghĩa quyết định và chi phối tất cả các nhân tố còn lại*. Vậy, có thể nói, không lúc nào chúng ta cần nhiều nhân tài như hiện nay. Và trong đội ngũ nhân tài ấy, nhân tài lãnh đạo, quản lý các cấp là *then chốt*. Đó là một tất yếu, một nhu cầu phát triển, xét từ cả hai phía chủ thể và khách thể trong mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhằm bảo đảm tương hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Dưới góc nhìn trực diện về mối quan hệ tất yếu này, đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** (Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản) khẳng định thêm : Cán bộ là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác lãnh đạo của Đảng. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một nhiệm vụ *quan trọng nặng nề, khó khăn, phức tạp*. Nó đòi hỏi Đảng ta phải xây dựng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm

ngang tầm. Trong thực tiễn, Đảng ta coi đây là nhiệm vụ rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng : Toàn Đảng phải chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp vững vàng, đủ bản lĩnh về các mặt. Đó là điều *có ý nghĩa thành bại* đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước mắt trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Xuất phát từ thực tiễn phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vị trí của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện, tham luận của đồng chí **Hà Đăng** (Trợ lý Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng) đã nhận diện một cách chuẩn xác và thuyết phục vai trò quan trọng của đội ngũ này và đặt nó trong mối quan hệ biện chứng với tổng thể đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung của Đảng. Trong đội ngũ cán bộ của Đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện chiếm số đông và là “cầu nối” giữa trung ương với cơ sở. Do đó, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước nói chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện nói riêng là vấn đề quan trọng. Bởi lẽ, nó trực tiếp góp phần tạo nên năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, năng lực điều hành và quản lý của bộ máy chính quyền các cấp ; là hạt nhân quy tụ đảng viên và quần chúng, biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thành hiện thực ở cấp trung mô sâu rộng khắp ở 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với 609 huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, trên quy mô cả nước. Vì thế, có thể nói, *diện mạo và tâm lòng của Đảng và Nhà nước, nếu biểu hiện qua đội ngũ cán bộ thì trực tiếp nhất đối với nhân dân lại là cán bộ cấp tỉnh, huyện*.

Phát triển vấn đề theo ý tưởng đó, dưới góc độ tiếp cận hệ thống, bản tham luận của

PGS, TS. Trần Quang Nhiếp (Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) gây sự chú ý khá mạnh bằng lối lý giải có tính đột phá : Cấp tỉnh, huyện là hai cấp trong hệ thống hành chính bốn cấp ở nước ta. Trên đó là cấp trung ương, dưới đó là cấp cơ sở. Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh huyện là *cầu nối trực tiếp, thường xuyên* giữa trung ương với cơ sở, giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Họ có vị trí quan trọng, vừa là người lãnh đạo, quản lý vừa là người chỉ đạo tổ chức thực tiễn và có khả năng, điều kiện gần gũi, thuyết phục, giáo dục vận động nhân dân. Nói khái lược, họ là *sản phẩm* của phong trào và mang đậm *dấu ấn, đặc trưng* của từng địa phương.

Kiến giải về vị trí, chức năng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện trong giai đoạn hiện nay, **TS. Nguyễn Duy Hùng** (Vụ trưởng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng) thực sự góp một cách nhìn sâu sắc về công tác cán bộ. Công việc lãnh đạo, quản lý nói chung là công việc có tầm quan trọng do chính sự tác động về chính trị, kinh tế, xã hội mà nó mang lại ; đồng thời, cũng mang tính tinh tế, phức tạp do sự phong phú của đối tượng mà nó tác động. Để có thể điều khiển được các quá trình kinh tế, xã hội..., họ phải hiểu được bản chất và tính quy luật của các hiện tượng, các quá trình xã hội đó, để tập hợp, tổ chức, định hướng suy nghĩ và hành động của quần chúng ; phải hiểu và “biết làm việc với con người”. Họ không chỉ là những nhà lãnh đạo, quản lý chuyên môn hay nghiệp vụ thuần túy mà còn phải hoạt động như những nhà *hoạt động chính trị chuyên nghiệp*. Họ không thể chỉ làm việc với vốn liếng kinh nghiệm tự tích lũy qua thực tiễn công tác của bản thân mà cần được đào tạo một cách công phu, chuẩn bị kỹ lưỡng, toàn diện, đủ sức đáp ứng những yêu cầu mới rất cao của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước, trước hết trên lĩnh vực họ gánh vác và khu vực họ phụ trách.

II. GÓP PHẦN PHÁC THẢO DIỆN MAO, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ BẢN THÂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN HIỆN NAY - QUA THỰC TIỄN TỈNH HẢI DƯƠNG.

Đây là vấn đề thu hút sự chú ý và tranh luận sôi nổi của cuộc Hội thảo : Từ phương pháp tiếp cận, đánh giá thực trạng đội ngũ đến lý giải nguyên nhân, phân tích những vấn đề đặt ra gắn với việc tổng kết các bài học kinh nghiệm thành công cũng như chưa thành công của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp trung ương nói chung, ở cấp tỉnh, huyện nói riêng. Mỗi tham luận cung cấp một góc nhìn, một quan điểm đánh giá, một phương pháp kiến giải... vừa mang ý nghĩa phổ biến vừa in đậm dấu ấn đặc thù chung quanh chủ đề đặt ra.

Nếu tham luận của đồng chí **Hà Đăng** cung cấp một cách nhìn đột phá tinh tế trong việc “*xử lý đúng các mối quan hệ trong công tác cán bộ*”; ý kiến của **TS. Hoàng Hải** (Phó Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản) mạnh dạn góp một tiếng nói cần thiết trong “*đánh giá chung về đội ngũ cán bộ quản lý hiện nay ở Việt Nam*”... thì báo cáo của đồng chí **Lê Văn Tuyền** (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hải Dương) phác dựng bức tranh toàn cảnh về “*thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện ở Hải Dương hiện nay*”. Đồng chí **Đặng Thị Bích Liên** (Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Hải Dương) đã tái dựng bức tranh thực tiễn “*xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý ở thành phố Hải Dương trong thời kỳ mới*”. **PGS, TS. Trần Quang Nhiếp**

hướng sự cố gắng vào việc nhận rõ “*những vấn đề đặt ra với việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh huyện hiện nay*”. Đồng chí **Bùi Thanh Quyền** (Bí thư Huyện ủy Ninh Giang, Hải Dương) góp phần chấm phá “*vài nét về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý ở huyện Ninh Giang*”.

V.v. và v.v.

Nhìn tổng quát, các tham luận đã tập trung đề cập, kiến giải ở mức độ cần thiết một số vấn đề trọng yếu trong công tác cán bộ ; thực tiễn vận động của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở tầm vĩ mô ; và trực tiếp là, cấp tỉnh, huyện tại Hải Dương, thời gian qua.

Trên cơ sở phân tích khoa học những cứ liệu thống kê và điều tra xã hội học xác đáng những dữ kiện chung quanh 9 226 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện trên quy mô toàn quốc, **TS. Nguyễn Duy Hùng** cảnh báo những vấn đề cấp bách. Về cơ cấu và độ tuổi, đội ngũ ngày càng bộc lộ rõ sự bất hợp lý. Chẳng hạn, nữ chỉ chiếm 8,5% ; xuất thân từ công nhân gần 8% ; độ tuổi đời từ 40 - 45 : xấp xỉ 1,2% ; độ tuổi đời dưới 40 chỉ chiếm 0,6% ; gần 30% đội ngũ cấp phó có tuổi đời cao hơn cấp trưởng... Nếu chúng ta không chủ động quy hoạch gấp, sau 5 năm đến 10 năm nữa, chắc chắn sẽ hụt hẫng lớp cán bộ kế cận và đội ngũ cán bộ nguồn. Bằng những con số thực tế từ tỉnh Hải Dương, đồng chí **Lê Văn Tuyển** chứng minh một cách thuyết phục sự cảnh báo đó ở mức trầm trọng, nhất là ở cấp huyện. Trong số 12 huyện, thành phố của tỉnh Hải Dương, có tới 7 đơn vị rơi vào tình trạng đáng suy nghĩ và lo ngại như vậy. Từ thực tế của huyện Ninh Giang, đồng chí **Bùi Thanh Quyền** hoàn toàn đồng tình với nhận định đó.

Về chất lượng, cùng với sự khảng định những mặt tốt, các tham luận thẳng thắn chỉ rõ nhiều mặt hạn chế, bất cập của đội ngũ

trước yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện - địa bàn họ lãnh đạo, quản lý. Đồng chí **Đặng Thị Bích Liên** thẳng thắn chỉ rõ : Trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải thừa nhận rằng, đội ngũ của chúng ta còn bộc lộ nhiều yếu kém, chưa ngang tầm với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn ; một bộ phận đáng kể có biểu hiện tụt hậu, thậm chí suy thoái về mặt này, mặt khác. Về vấn đề nhạy cảm này, **TS. Hoàng Hải**, ở mức độ nhất định, đã đồng tình với nhận định mạnh dạn đó ; và cho rằng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở khu vực này đông nhưng không đồng bộ ; vừa thừa lại vừa thiếu ; trình độ, kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới, nhất là quản lý kinh tế, quản lý xã hội, luật pháp... Đồng chí **Tiến Hải** (Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) xem xét vấn đề dưới góc độ phong cách công tác, và cho rằng : Phong cách chuyên quyền, độc đoán là một trong những biểu hiện yếu kém và suy thoái về năng lực, phẩm chất của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Điều đáng lo ngại là, một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ cán bộ hiện nay bị nhiễm phong cách đó. **TS. Phạm Tất Thắng** (Ủy viên Ban biên tập Tạp chí Cộng sản) nhất trí với các nhận định trên, với sự phân tích các dẫn liệu về đội ngũ này từ thành phố Hồ Chí Minh (47% số cán bộ hoàn thành nhiệm vụ nhưng một số mặt còn yếu, 10% phải thay thế do tuổi tác hoặc năng lực yếu, số có trình độ học vấn cấp tiểu học và trung học cơ sở còn chiếm tới 25%...) và bày tỏ : Số cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ, kiến thức, năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế quan trọng, vừa yếu lại vừa thiếu.

Cổ nhiên, thật khó có thể đưa ra một kết luận chung và thống nhất trong việc đánh giá

cuối cùng về tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện hiện nay. Có một lý do như đồng chí **Phạm Văn Thọ** khẳng định : Lâu nay, đã có tình trạng đánh giá cán bộ theo kiểu văn bản, nghị quyết nên các cấp đánh giá cứ na ná giống nhau. Cách này thường không đầy đủ và hay nói dựa theo nghị quyết. Đó là chưa kể, hiện ở ta còn bị “vướng”, còn bị chi phối bởi rất nhiều “thứ” tế nhị khác.

Mặc dù vậy, Hội thảo đã phác thảo một cách đại lược bức tranh đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện ở tỉnh Hải Dương, với những nét đặc thù trong tổng thể đội ngũ trên quy mô toàn quốc. Trên cơ sở đó, Hội thảo hướng tập trung cần thiết vào trọng tâm tiếp tục kiến giải và chỉ rõ những nhân tố tác động, chi phối tình hình đó.

Lý giải về loại vấn đề *nguyên nhân* của tình hình đội ngũ cán bộ, đồng chí **Phạm Văn Thọ** chỉ rõ những vấn đề vừa chiến lược vừa nóng bỏng. Hiện nay, đang phổ biến một thứ bệnh đáng lo ngại chung quanh việc tự phê bình và phê bình. Sợ phê bình cấp trên vì sợ liên quan đến công việc, chức sắc của mình. Sợ phê bình cấp dưới vì sợ mất phiếu. Sợ cả cấp ngang với mình vì sợ mất đoàn kết anh em. Mặt khác, việc bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ ở nhiều khâu tỏ rõ sự bất cập, vô hình trung, tạo ra sự trì trệ của công tác cán bộ, gây nên tệ khép kín, cục bộ, bản vị hiện nay. Đồng chí **Hà Đăng** phân tích việc xử lý không thành công các mối quan hệ biện chứng trong công tác cán bộ của các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ, trong đó nhấn mạnh *bốn* nhóm quan hệ chủ yếu sau : 1. quan hệ giữa xây dựng đường lối chính trị với xây dựng tổ chức và xây dựng chính sách, cơ chế ; 2. quan hệ giữa đức và tài của cán bộ ; 3. quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu cán bộ ; 4. quan hệ giữa năng lực thực tế

và bằng cấp đào tạo. Dưới góc nhìn về nguyên tắc, đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** cắt nghĩa : Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và trực tiếp quản lý cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hóa thành các quy chế, quy trình ; nhất là còn thiếu các quy chế về quản lý cán bộ, luân chuyển cán bộ, về quần chúng giám sát, phê bình cán bộ... Ở khía cạnh thực tiễn và kinh nghiệm, **TS. Phạm Tất Thắng** cho rằng : Trong chỉ đạo công tác cán bộ, thường sa vào những công việc cụ thể, mang tính chấp vá, mới quan tâm nhiều đến số lượng, chưa chú trọng sâu về chất. Trong lựa chọn cũng như bố trí cán bộ, có nơi, có lúc chưa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, yêu cầu tổ chức đặt ra, chưa có tầm nhìn chiến lược, còn thiên về các tiêu chuẩn đạo đức thuần túy ; coi trọng kinh nghiệm xem nhẹ trình độ học vấn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hoặc ngược lại ; nhấn quá mạnh trình độ học vấn, xem nhẹ đạo đức lối sống.

Phát hiện và bình luận những *vấn đề đặt ra* chung quanh cán bộ và công tác cán bộ, thể hiện qua hạn chế, khiếm khuyết... đang tồn tại dưới dạng các mâu thuẫn, **TS. Nhị Lê** phác định : Chung quanh vấn đề này, có thể hình dung gồm *sáu loại mâu thuẫn chủ yếu* : 1. mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển ngày càng cao của thực tiễn cách mạng với khả năng thực tế của cán bộ và công tác cán bộ ; 2. mâu thuẫn giữa quy hoạch - đào tạo với sử dụng, luân chuyển cán bộ ; 3. mâu thuẫn giữa cán bộ với những người làm công tác cán bộ ; 4. mâu thuẫn giữa chính sách cán bộ với sự vận động của cán bộ ; 5. mâu thuẫn giữa cơ chế kiểm tra, giám sát cán bộ với thực tiễn vận động của bản thân cán bộ ; 6. mâu thuẫn giữa chiến lược với sách lược, giữa lâu dài với trước mắt của công tác cán bộ. Động lực hay phản động lực của việc xây dựng đội ngũ cán

bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tùy thuộc vào biện pháp xử lý một cách chủ động và nhuần nhuyễn các mâu thuẫn này.

Tiếp tục phân tích, làm phong phú hơn loại vấn đề này, PGS, TS. **Trần Quang Nhiếp** góp một cách nhìn có tính dự báo : Nếu chỉ chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện có, thì cho dù hoàn hảo đến mấy chúng ta mới chỉ làm được một nửa công việc. Vì, cuộc sống đang ở phía trước, những thách thức của cuộc sống không ngừng đặt ra. Do đó, phải khắc phục khoảng cách giữa chăm lo, xây dựng đội ngũ cán bộ trước mắt với hoạch định kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ lâu dài. Không thể tuyệt đối hóa riêng rẽ mặt nào mà cần thấu triệt sự thống nhất hai mặt đó, để chủ động tháo gỡ những ách tắc trong công tác cán bộ hiện nay và tương lai, nhằm đưa việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện lên một bước mới, với một trình độ mới.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỦ YẾU NHẪM XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN NGANG TẦM NHIỆM VỤ MỚI.

Đây là một trong những mục tiêu chính yếu, nhiệm vụ quan trọng và cấp bách mà Hội thảo đặt ra, đã thu hút sự chú ý của hội nghị.

Đồng chí **Phạm Văn Thọ** gợi mở định hướng Hội thảo : Rõ ràng, Nghị quyết Hội nghị thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã nhận định xác đáng về các vấn đề quy hoạch, đào tạo, sắp xếp, luân chuyển... cán bộ một cách hệ thống. Nghĩa là, về phương hướng chiến lược của công tác này đã được Đảng ta xác định rõ. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng xác định rõ những nội dung công việc rất nhiều và nặng nề nhưng chúng ta

chưa triển khai được bao nhiêu. Nguyên nhân tại đâu ? Sắp tới, khâu nào được chọn là khâu đột phá ? Quy trình thực thi, cơ chế bảo đảm sẽ như thế nào ? Bộ Chính trị chỉ rõ, nguyên nhân là do khâu chỉ đạo. Điểm yếu nhất ở đây là, dù Nghị quyết có nhiều và đúng nhưng triển khai còn hạn chế nên kết quả rất thấp. Tâm điểm của vấn đề, theo tôi nằm ở nơi này.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cấp tỉnh, huyện, *khâu đột phá có tính tiên phong*, không thể không xây dựng quy chế tuyển chọn một cách khoa học và hiệu quả. TS. **Nhị Lê**, với ý tưởng góp phần xây dựng “*cơ chế tuyển - dụng - sàng lọc nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, nỗ lực giải quyết những vấn đề cơ bản trên ba bình diện : 1. nhận diện nhân tài lãnh đạo, quản lý trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong bối cảnh kinh tế tri thức phát triển ; 2. cơ chế tuyển chọn nhân tài lãnh đạo, quản lý ; 3. sự phát triển biện chứng của cơ chế tuyển - dụng - sàng lọc nhân tài lãnh đạo, quản lý phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ý kiến đề xuất năm chữ “*hóa*” hay là những phương pháp tuyển chọn gồm : tiêu chuẩn hóa, dân chủ hóa, trách nhiệm hóa, cấp độ hóa, kiểm nghiệm hóa ; bảy cách “*tuyển*” gồm : thi tuyển, bầu tuyển, tiến tuyển, ứng tuyển, bổ tuyển, cử tuyển và khảo tuyển ; hai điều kiện *cần* : phát hiện nhân tài chuyên biệt, quy hoạch - đào tạo - sắp xếp ; và *đủ* : xây dựng cơ chế, lập hội đồng tuyển dụng các cấp, cải cách hệ thống đào tạo, quy chế thưởng - phạt thống nhất và chế định hóa - pháp chế hóa cơ chế.

Trên những bình diện cơ bản và quan trọng về xây dựng tiêu chuẩn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh, PGS, TS.

Trần Quang Nhiếp khẳng định tính cấp bách của việc *xây dựng tiêu chí cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ một cách khoa học, hợp lý*, phù hợp với thực tiễn phổ biến và đặc thù, với hệ giải pháp có tính khả thi cao. Liên quan tới vấn đề này, **TS. Nguyễn Duy Hùng** đặt vấn đề cần xây dựng một cách hệ thống các giải pháp nhằm *“nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện giai đoạn 2001 - 2010”*, với 9 mặt chính yếu : 1. xây dựng, cụ thể hóa tiêu chuẩn các chức danh ; 2. làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn ; 3. đa dạng hóa phương pháp và môi trường đào tạo, bồi dưỡng ; 4. đổi mới chương trình, nội dung đào tạo ; 5. đổi mới phương pháp, phương thức đào tạo ; 6. xây dựng đội ngũ giảng viên ngang tầm nhiệm vụ đào tạo ; 7. đầu tư thỏa đáng cơ sở vật chất, cải tiến chế độ, chính sách phục vụ công tác đào tạo ; 8. tăng cường hợp tác quốc tế về công tác đào tạo ; và 9. bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Để tạo một bước đột phá trong công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng, luân chuyển cán bộ, đồng chí **Phạm Văn Thọ** tiếp tục định hướng : Trung ương đánh giá việc quy hoạch cán bộ của chúng ta còn hạn chế, chủ yếu còn trên giấy tờ. Tình trạng sợ làm quy hoạch, cán bộ sợ bị đưa vào quy hoạch khá phổ biến, nên công tác này hầu hết còn khép kín. Khâu này cần tiếp tục phải xem xét kỹ càng. Đồng chí nhấn mạnh, việc luân chuyển cán bộ phải được coi là *khâu đột phá*. Để phá vỡ thế trì trệ chúng ta đang có phương án luân chuyển cán bộ thật mạnh mẽ. Nếu ta làm tốt khâu này, nhất định chống được sự tù đọng, khép kín, cục bộ, bản vị, trì trệ lâu nay. Theo tư tưởng

đó, các đồng chí **Đặng Thị Bích Liên**, **Bùi Thanh Quyên** bày tỏ sự thống nhất cao và chứng minh bằng thực tiễn sinh động của thành phố Hải Dương và huyện Ninh Giang suốt gần 10 năm qua, trong việc thực hiện hiệu quả những mất khâu quan trọng này.

Đề cập tới một khâu quan trọng - một *bảo đảm* cho việc xây dựng *thành công* đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cấp tỉnh, huyện ngang tầm nhiệm vụ - đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** đề xuất những nguyên tắc, phương hướng và giải pháp căn bản, hiệu quả trong việc *quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ* mà cấp ủy và người đứng đầu các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ cần nắm chắc.

Cuộc Hội thảo khép lại, cũng đồng thời mở ra những ý tưởng khoa học mới và đầy triển vọng nhằm góp phần định hướng việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn công tác cán bộ hết sức phức tạp, khó khăn nhưng có ý nghĩa quyết định sự thành bại trong tiến trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới ngọn cờ của Đảng. Điều đó đúng như *Lời bế mạc* cuộc Hội thảo của **PGS, TS. Vũ Văn Hiền** : Đây là cuộc Hội thảo mở đầu cho các cuộc Hội thảo và công việc nghiên cứu tiếp theo nhằm hướng tới góp phần kiến giải, tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn công tác cán bộ từ cấp cơ sở tới cấp trung ương. Đây cũng là những vấn đề chính yếu mà đề tài KX. 03.02 về *“Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”* đã và đang nghiên cứu. □

NHỊ LÊ
(tổng thuật)



TIẾP TỤC CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG TỆ QUAN LIÊU, THAM NHƯNG

HOÀNG KIM SON *

Tệ quan liêu, tham nhũng là hiện tượng xã hội thuộc phạm trù lịch sử, gắn liền với sự ra đời, phát triển của nhà nước và quyền lực nhà nước, tồn tại ở mọi chế độ với những mức độ khác nhau. Ở một số nước, khi tệ quan liêu, tham nhũng trở nên nghiêm trọng sẽ làm rệu rã, tê liệt, mục nát bộ máy nhà nước và các tổ chức xã hội, đưa đến nguy cơ đe dọa sự sống còn của cả chế độ đó.

Ở nước ta, do nhận thức được tác hại của tệ quan liêu, tham nhũng, nên ngay từ khi giành chính quyền về tay nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều biện pháp, mở nhiều cuộc vận động chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn, tiêu cực nảy sinh trong quá trình xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tháng 5-1999, Đảng ta đã phát động Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và sau hơn 2 năm thực hiện đã thu được một số kết quả tích cực. Ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao cũng như tác phong làm việc gần gũi, sâu sát cơ sở, tự phê bình và phê bình của đội ngũ cán bộ, đảng viên có chuyển biến tốt hơn. Nhiều hành vi, thủ đoạn tham nhũng được làm rõ để đấu tranh, phê phán, ngăn chặn. Một số vụ án về quan liêu, tham nhũng bị phát hiện, truy tố và đưa ra xét xử đã thể hiện rõ tính nghiêm minh của pháp luật xã hội chủ nghĩa, lòng tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, tệ quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn, tiêu cực khác vẫn là một trong những nguy cơ tiềm ẩn, đang đe dọa sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Hiện nay, trong cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân vẫn còn những nhận thức khác nhau về nội dung, mức độ, tác hại, nguyên nhân, biện pháp phòng và chống tệ nạn quan liêu, tham nhũng. Bên cạnh những nhận thức đúng đắn, một số tổ chức đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn có quan điểm và nhận thức chưa đúng. Có những tổ chức cá nhân quan liêu, tham nhũng nhưng lại coi quan liêu, tham nhũng chỉ là của đơn vị khác, người khác, không có ở đơn vị mình, cá nhân mình. Có những trường hợp lợi dụng việc chống quan liêu, tham nhũng để giải quyết nội bộ hoặc để vu cáo, bôi xấu cán bộ, bôi xấu chế độ... Mặt khác, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn có thái độ bi quan, cho rằng không thể đẩy lùi, ngăn chặn được tham nhũng. Một số người lại nôn nóng, muốn diệt trừ ngay tham nhũng. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp do định hướng dư luận không chuẩn xác nên đã dẫn đến việc hành động thiếu phương hướng,... Tệ hại hơn, khi một số kẻ mơ hồ về chính trị, đồng lõa với các thế lực phản động, lợi dụng dư luận, lôi kéo quần chúng, mượn chiêu bài chống tham

* Ủy viên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương

những và cái gọi là “đòi dân chủ” để chống lại Đảng, đòi đa nguyên, đa đảng, thực chất là phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Thực tế đòi hỏi chúng ta cần có sự đánh giá đúng đắn thực trạng và hậu quả của tệ quan liêu, tham nhũng và kết quả đấu tranh chống lại “quốc tế nạn” này trong thời gian vừa qua. Trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân, dự báo xu hướng phát triển để đề ra những giải pháp có tính khả thi nhằm đưa cuộc đấu tranh chống tệ nạn nguy hiểm này đạt kết quả tốt hơn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ : *“Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến”* ⁽¹⁾. Đây là sự đánh giá nghiêm túc và rất khách quan, thể hiện thái độ cầu thị của Đảng ta. Với trách nhiệm rất cao trước sự sống còn của chế độ và của cả dân tộc, Nghị quyết của Đảng đã đưa vấn đề đấu tranh chống tham nhũng thành một nội dung quan trọng ⁽²⁾.

Cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng đã được triển khai một cách mạnh mẽ trong thời gian qua và đã thu được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, cho đến bây giờ, vẫn còn có những tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị, nhiều cán bộ, đảng viên chưa quan tâm đầy đủ, chưa thấy hết tính chất, tác hại của tệ quan liêu, tham nhũng và nguyên nhân của nó, nhất là thiếu quyết tâm chống quan liêu, tham nhũng, chưa coi đó là một nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên của tổ chức, đơn vị, cá nhân mình, thiếu biện pháp đúng đắn, thường chỉ quan tâm đến phát hiện và xử lý, ít chú ý đến giáo dục, phòng ngừa từ xa. Nhiều cấp ủy đảng, nhiều thủ trưởng cơ quan, đơn vị ở các cấp, các ngành chỉ phổ biến nghị quyết, chỉ thị về đấu tranh chống tham nhũng một cách chung chung, không xây dựng được chương trình, kế hoạch cụ

thể. Công tác thanh tra, kiểm tra ở nhiều nơi bị buông lỏng, yếu kém, phần lớn khi có đơn, thư tố giác mới thanh tra, kiểm tra. Việc xử lý những cán bộ sai phạm chưa kiên quyết, kịp thời và chưa công bằng ; vẫn còn tình trạng “nhẹ trên nặng dưới”. Có nơi, sợ bị mất cán bộ, mất phong trào, hoặc vì những nguyên nhân khác nên thường chỉ nhắc nhở, nương nhẹ. Một số vụ tham nhũng lớn có liên quan đến nhiều đối tượng, nhưng việc xử lý bị cắt khúc hoặc kéo dài, xử lý không kiên quyết, triệt để, bỏ lọt người, lọt tội nên hạn chế tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa. Trong một số trường hợp, thanh tra, kiểm tra còn hình thức, làm không đến nơi, đến chốn nên không giải quyết triệt để, dẫn đến không xử lý được tình hình, để tiêu cực từ nhỏ phát triển thành lớn, từ chưa nghiêm trọng trở thành nghiêm trọng, gây hậu quả lớn.

Trong thời gian vừa qua, từ trung ương đến tỉnh, thành phố, tuy có lập ra ban chỉ đạo chống tham nhũng, nhưng có nơi cấp ủy đảng chưa trực tiếp lãnh đạo ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không rõ ràng ; chưa có quy chế phối hợp lực lượng, tổ chức thực hiện không đến nơi đến chốn, không sơ kết, tổng kết, do đó, không thu được kinh nghiệm, không đề ra được biện pháp cụ thể, mang tính khả thi để huy động sức mạnh tổng hợp nhằm đấu tranh có hiệu quả với tệ quan liêu, nạn tham nhũng. Nhiều trường hợp tham nhũng không được phát hiện từ nội bộ tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội mà thường từ đơn, thư tố cáo của quần chúng, từ báo chí hoặc từ kết quả thanh tra, kiểm tra của tổ chức đảng, nhà nước cấp trên.

Chính vì vậy, một trong những nội dung rất quan trọng mà Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) đã đề cập là đưa ra những giải pháp

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 76

(2) Xem : Văn kiện đã dẫn, tr 135 - 136

tổng thể nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Sau đây xin trình bày một số giải pháp cụ thể :

1 - Xây dựng tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thật sự trong sạch vững mạnh, tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng.

Đối tượng quan liêu, tham nhũng là một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức vụ, quyền hạn nhưng đã thoái hóa, biến chất, sa đọa đang làm việc trong hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước và các tổ chức kinh tế, xã hội. Vì vậy, việc xây dựng tổ chức đảng, nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội thật sự trong sạch vững mạnh và tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên là biện pháp quan trọng hàng đầu nhằm tích cực, chủ động đề phòng, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng. Những nội dung cụ thể cần tập trung là :

- Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX). Phân cấp, phân quyền, xác định rõ mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, ngành và lãnh thổ... Cải cách thủ tục hành chính, chống gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở, chậm trễ trong khi giải quyết công việc cho tập thể và công dân. Tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ và yêu cầu của nhiệm vụ cụ thể. Kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn ra khỏi bộ máy của Đảng và Nhà nước. Bổ sung cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn vào các vị trí hiện nay chưa có người phụ trách hoặc đang phụ trách nhưng không đảm đương được nhiệm vụ,

nhất là trong các lĩnh vực kế hoạch, kinh tế - kỹ thuật, ngân hàng, tài chính, đầu tư, xây dựng cơ bản, thương mại là những lĩnh vực thường dễ xảy ra tham nhũng. Coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và xã hội, nhất là ở cấp cơ sở.

- Nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; thường xuyên làm tốt công tác tự phê bình và phê bình, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Mỗi tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể phải chủ động đề ra những biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng ; chủ động phát hiện những vụ việc, cá nhân có biểu hiện hoặc hành vi quan liêu, tham nhũng. Đồng thời đấu tranh phê phán thái độ thụ động, bàng quan, vô trách nhiệm, không dám đấu tranh chống tiêu cực.

- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên làm cho mỗi người trong từng cơ quan, đơn vị nêu cao tinh thần *cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*. Chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức ; đặt lợi ích của quốc gia, của cộng đồng lên trên lợi ích của cá nhân. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ : cán bộ phải có cả đức lẫn tài, phải coi đức là “gốc”. Kiên quyết không bố trí những cán bộ, đảng viên có dấu hiệu quan liêu, tham nhũng vào các cương vị lãnh đạo, đảm đương công việc ở các vị trí phải thường xuyên tiếp xúc với dân. Không bố trí những cán bộ, đảng viên có dấu hiệu tham nhũng vào các cương vị chủ chốt, đứng đầu các tổ chức, các ngành, các địa phương, đơn vị, những vị trí liên quan đến quan hệ tiền, hàng, đến công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, xét xử...

- Cải thiện điều kiện sống, làm việc, nuôi dạy con cái cho cán bộ, công chức. Trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, dựa trên khả năng kinh tế của đất nước, kiên quyết thực

hiện “Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi”⁽³⁾. Tiền lương phải là nguồn thu nhập chính của cán bộ, công chức, ít nhất cũng bảo đảm cho họ đủ sống và đủ trang trải những khoản chi cần thiết như : ăn, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh cho bản thân và gia đình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và toàn xã hội ; nghiêm trị những cán bộ, đảng viên quan liêu, tham nhũng ở mọi cấp, mọi vị trí công tác. Hoạt động thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế phải được củng cố để thực hiện có hiệu quả quyền giám sát, kiểm tra của mình. Công tác thanh tra không chỉ tập trung thanh tra kinh tế mà còn phải thực hiện thanh tra công vụ, tức là thanh tra việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, đạo đức của công chức như trong Pháp lệnh cán bộ, công chức đã quy định. Thanh tra công vụ phải được giao quyền yêu cầu công chức chấm dứt hành vi vi phạm, thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ ; có quyền phạt tiền và tạm đình chỉ công tác của công chức khi vi phạm kỷ luật.

Trong nhiều trường hợp, tệ quan liêu là một trong những nguyên nhân làm nảy sinh tham nhũng. Vì vậy, trong tự phê bình và phê bình, qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát phòng ngừa tệ quan liêu, tham nhũng, phát hiện và xử lý nghiêm minh, công bằng, kịp thời, truy cứu trách nhiệm hình sự, trách nhiệm vật chất những cán bộ, đảng viên do quan liêu, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, phạm tội tham nhũng, người có hành động bao che cho người có ý làm trái và tham nhũng...

2 - Nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý của nhà nước để chủ động phòng ngừa và tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới, bổ sung, sửa đổi kịp thời các luật, văn bản dưới luật và các qui định cụ thể

không còn phù hợp, dễ phát sinh tham nhũng, trước hết trong các lĩnh vực quản lý cấp phát tài chính, ngân sách, cho vay vốn, xét duyệt các dự án, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý xuất nhập khẩu và bảo vệ pháp luật... cần tập trung vào một số nội dung cụ thể sau đây :

- Để tạo bước ngoặt trong phân cấp, phân quyền về tài chính, kiến nghị Quốc hội sửa đổi Điều 84, khoản 4, Hiến pháp năm 1992 theo hướng : thay việc Quốc hội quyết định “phân bổ ngân sách nhà nước” bằng “phân bổ ngân sách trung ương”. Chấm dứt tình trạng cấp ngân sách bổ sung, đột xuất nhiều hơn ngân sách cấp theo kế hoạch để xóa bỏ “cơ chế xin - cho” ; chấm dứt tình trạng cấp huyện, cấp xã vượt qua cấp trên trực tiếp để lên các bộ, ngành ở trung ương xin kinh phí đầu tư, xây dựng cơ bản, xin cấp quota...

- Quy định chặt chẽ, phù hợp chế độ hưởng hoa hồng cho các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhất là trong phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Quy định chế độ thưởng, phạt trong việc thực hiện các dự án, công trình. Sớm bổ sung, chỉnh lý và ban hành các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, đầu tư, xây dựng để ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong lĩnh vực này.

- Quy định chế độ quản lý tiền mặt, về mức tối đa tiền mặt được đem đi giao dịch ; không được phép giao dịch bằng tiền mặt với số lượng lớn gây khó khăn cho việc quản lý chi tiêu, dễ bị lợi dụng thanh toán những khoản bất minh như “lại quả”, hoa hồng, hối lộ, biếu xén, quà cáp hoặc biển thủ. Hạn chế thanh toán bằng tiền mặt ở cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế. Nhanh chóng thực hiện các phương pháp quản lý tài chính, tiền tệ (thông qua tài khoản mở tại ngân hàng, kho bạc nhà nước đối với cơ quan, các doanh nghiệp và cá nhân công chức...) bằng công nghệ, phương tiện hiện đại.

(3) Văn kiện đã dẫn, tr 136

- Khắc phục những sơ hở trong giao đất, cấp đất, đấu thầu, bán đất, “đổi đất lấy công trình”.

- Quy định về nhận quà biếu trong dịp ngày lễ, ngày tết, đám cưới, sinh nhật, ... của những người thân quen với giá trị tối đa nhất định để phân biệt giữa quà biếu vì tình cảm với hối lộ dưới danh quà biếu, “đầu tư tình cảm”; nghiêm cấm việc sử dụng tiền ngân sách làm quà biếu trái quy định.

- Bổ sung, sửa đổi Pháp lệnh chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

3 - Xây dựng chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân theo hướng :

- Xác định rõ chức danh, tiêu chuẩn cán bộ, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi cán bộ, mỗi cấp cán bộ trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế của Nhà nước. Quy định chế độ đi cơ sở, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và của cấp mình ; chế độ tiếp dân, lắng nghe ý kiến của dân, trách nhiệm giải quyết kịp thời những kiến nghị của dân, phản ánh của nhân dân về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong cơ quan, đơn vị mình.

- Đề cao trách nhiệm cá nhân đối với công việc được giao và nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, giữ vững kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi công chức, từ công chức lãnh đạo đến công chức thừa hành nhiệm vụ để mỗi người thấy rõ vị trí, vai trò của mình, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và phối hợp thực hiện nhiệm vụ chung của cơ quan, bảo đảm công việc không bị bỏ sót, không chậm trễ hoặc chông chéo, chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Cần có quy định về trách nhiệm vật chất đối với cán bộ, công chức quan liêu, tham nhũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật hình sự.

- Quy định rõ trách nhiệm trực tiếp, gián tiếp, trách nhiệm liên đới trong việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và trách nhiệm khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng. Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, cần ngăn ngừa và khắc phục tình trạng đơn vị sản xuất kinh doanh có nhiều đại diện chủ sở hữu nhưng không có chủ sở hữu đích thực, dẫn đến quan liêu, thiếu trách nhiệm, gây thất thoát, tham nhũng mà không ai chịu trách nhiệm.

- Xác định, cụ thể hóa chế độ “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”. Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, không để tình trạng nấp bóng tập thể để hoạt động sai trái, vi phạm pháp luật mà không bị xử lý, kỷ luật.

- Có chế tài cụ thể để xử lý khi những quy định trên đây bị vi phạm

4 - Nghiêm chỉnh thực hiện quy định về kê khai tài sản.

Mọi cán bộ, đảng viên, công chức phải kê khai, báo cáo với cấp ủy đảng, tổ chức nơi mình công tác, sinh hoạt các tài sản, các khoản thu nhập có được ngoài lương và nguồn gốc thu nhập. Những trường hợp khai không đầy đủ, khai không rõ nguồn gốc phải được kiểm tra kịp thời để làm rõ. Những trường hợp có tài sản bất minh, qua kiểm tra phát hiện hoặc do quần chúng nhân dân phát hiện thì cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời kiểm tra làm rõ số lượng, nguồn gốc và có biện pháp xử lý người vi phạm và số tài sản bất minh đó. Việc kê khai tài sản phải được tiến hành định kỳ hằng năm và khi cần thiết, nhất là khi xét kết nạp đảng viên, khi được đề bạt, chuyển công tác. Trước mắt tổ chức kê khai tài sản của những cán bộ, đảng viên có biểu hiện giàu lên một cách nhanh chóng để làm rõ nguồn gốc của tài sản đó. Xác minh, phân loại cụ thể để chứng minh tính

(Xem tiếp trang 58)

VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRƯƠNG GIANG LONG

CÁCH đây hơn 150 năm, trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ăng-ghe-n đã dự báo : Toàn cầu hóa là một trong những đặc trưng cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ; bản thân phương thức ấy đã chứa đựng trong lòng nó sức phá vỡ biên giới để vươn ra phạm vi toàn cầu nhằm tìm kiếm cho mình lợi nhuận cao nhất. Ngày nay dự báo của C Mác và Ăng-ghe-n đã trở thành hiện thực, toàn cầu hóa là sản phẩm phát triển tất yếu khách quan của nền sản xuất xã hội dựa trên trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật. Với xu thế phát triển tất yếu và hiện thực sống động của nền kinh tế toàn cầu như hiện nay, không một quốc gia dân tộc nào có thể tự mình đối lập và tách khỏi trào lưu chung của thế giới... V.I Lê-nin đã từng chỉ dạy : Một nghệ thuật cần thiết trong cách mạng đó là nghệ thuật mềm dẻo, biết tính đến những điều kiện khách quan đã thay đổi mà nhanh chóng và đột nhiên thay đổi sách lược, chọn một con đường khác để đi tới đích của chúng ta, nếu con đường cũ trong một thời gian nhất định nào đó xem ra không thích hợp nữa, không đi theo được nữa. Là một dân tộc phải đương đầu với nhiều cuộc

chiến tranh bảo vệ tổ quốc, lại xuất phát điểm ở một trình độ rất thấp, Việt Nam ý thức rất rõ, hội nhập là xu thế tất yếu nhưng trong đó đan xen cả cơ hội và thách thức. Trước hết, hội nhập cho phép Việt Nam có điều kiện mở rộng các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế, tranh thủ được các nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ,

trình độ tổ chức và quản lý tiên tiến, thị trường... để thúc đẩy và phát triển sản xuất, giải quyết công ăn việc làm, khai thác có hiệu quả mọi thế mạnh của đất nước. Từng bước khắc phục tình trạng tụt hậu, thu hẹp khoảng cách cách biệt so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, không phải không có những khó khăn. Toàn cầu hóa đang đặt các nhà doanh nghiệp Việt Nam trước những thách thức to lớn. Do cơ sở hạ tầng kỹ thuật yếu kém, phần lớn các máy móc thiết bị hiện đang sử dụng là lạc hậu, chi phí gián tiếp cho sản xuất và hành chính cao, sản phẩm sản xuất thiếu sức cạnh tranh do giá thành có phần cao nhưng chất lượng lại hạn chế. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải có nhiều nỗ lực hơn nữa. Để tạo sức cạnh tranh, mở rộng không gian kinh tế, hiện đại hóa các ngành sản xuất truyền thống, và mở thêm các ngành sản xuất mới, tăng nguồn thu, giải quyết thêm công ăn việc làm..., chúng ta rất cần phải có những nhà quản lý, các chuyên gia kinh tế, chuyên gia kỹ thuật, và đội ngũ công nhân bậc cao ngang tầm với yêu cầu đòi hỏi khách quan của toàn cầu hóa. Kinh nghiệm cho thấy, ở những nước chậm phát triển, ưu thế của hội nhập chính là phải biết

cách khai thác tốt nhất nguồn lực con người. Tiến bộ khoa học và ứng dụng những thành tựu khoa học, kinh tế tăng trưởng và những thành tựu đạt được về mặt kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, cuối cùng cũng đều do chất lượng nguồn tài nguyên con người của quốc gia ấy quyết định. Thách thức của thời đại kỹ thuật cao trong xu thế toàn cầu hóa trước hết là thách thức và huyệt hăng về tri thức. Ở những nước có nền kinh tế phát triển, người ta đã tổng kết được rằng, 70% GDP của nền kinh tế được làm ra từ trong các lĩnh vực lao động có hàm lượng trí tuệ cao. Sức cạnh tranh của các nước có nền kinh tế phát triển chủ yếu được tạo ra bởi trình độ khoa học kỹ thuật, trí thông minh và sự sáng tạo của người lao động. Quá trình đổi mới và hội nhập của Việt Nam hơn 15 năm qua đã chứng minh điều đó. Lợi thế lớn nhất của nước ta để tạo cạnh tranh và phát triển chính là biết cách khai thác nguồn lực con người và cùng với nó là một hệ thống chính sách kinh tế hợp lý. Con người Việt Nam yêu nước, lao động cần cù sáng tạo, biết cách làm giàu cho bản thân và cho xã hội đang là nguồn động lực của đổi mới ở Việt Nam.

● *Thực trạng nguồn nhân lực và những bất cập trong đào tạo hiện nay.*

Đảng ta nhận định, Thế kỷ XXI chắc chắn là thế kỷ của những biến đổi và cạnh tranh sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Toàn cầu hóa về sản xuất, vốn, khoa học công nghệ, thị trường,... là những nhân tố trung tâm chứa đựng trong lòng nó đầy trắc trở và bất định. Toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất dưới sự tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là sự phát triển và ứng dụng rộng rãi kỹ thuật mạng vi tính sẽ làm thay đổi căn bản đời sống và phương thức sản xuất của nhân loại. Có thể dự báo công nghệ cao sẽ là động lực

của sự phát triển và là nhân tố có ý nghĩa quyết định sự thành bại của các quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa. Dân tộc nào làm chủ được công nghệ mới sẽ giành được vị thế chủ động trong cạnh tranh. Vì thế, chạy đua trong lĩnh vực công nghệ cao giữa các quốc gia sẽ ngày càng quyết liệt. Để giành thế chủ động, các nước đang phát triển phải tăng mạnh đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực và phát triển công nghệ, nhất là công nghệ thông tin. Thắng lợi trong cạnh tranh và hội nhập sẽ thuộc về những quốc gia chiến thắng trong cuộc chạy đua chiếm lĩnh công nghệ cao và biết cách đào tạo nguồn nhân lực thích ứng với trình độ phát triển của khoa học công nghệ. Việt Nam không nằm ngoài xu thế phát triển chung đó.

Chúng ta nhận thức rất rõ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đang là một thách thức to lớn đối với quá trình hội nhập của Việt Nam. Xét về mặt tổng thể, để có thể chủ động và hội nhập có hiệu quả, chúng ta phải tác động đồng thời vào hai khâu đột phá có tính quyết định. Đó là đột phá về mặt thể chế và đột phá trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực. Cả hai yếu tố ấy có quan hệ rất mật thiết với nhau vì đều là những yếu tố liên quan trực tiếp đến con người. Ý thức được điều đó, Đảng và Nhà nước ta từ lâu đã có nhiều nỗ lực trong lĩnh vực phát triển nền giáo dục "Việt Nam có một thành tích đầy ấn tượng về giáo dục, ngay khi so sánh với nhiều nền kinh tế khác có mức thu nhập cao hơn" (1). Việt Nam hiện nay là một nước đông dân (76,6 triệu, xếp thứ 12 trong số các nước đông dân của thế giới) và có nguồn lao động dồi dào. Trong tổng số 35,9 triệu người lao động, dân số trẻ

(1) Nhận xét của Ngân hàng thế giới về thành tựu của nền giáo dục Việt Nam, Báo *Sài Gòn giải phóng*, ngày 24-4-2001

chiếm 60%, hàng năm được bổ sung khoảng 3% (1,24 triệu người) tỷ lệ biết chữ chiếm 85% dân số. Dự kiến năm 2010 ta có 50 triệu người ở độ tuổi lao động. Nguồn lao động ấy được thừa hưởng bề dày truyền thống yêu nước, cần cù, thông minh, sáng tạo, có khả năng tiếp thu nhanh kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, khi xem xét nhân tố con người với tư cách là nguồn lực quan trọng nhất của đổi mới và hội nhập, thì nguồn lực ấy đang đặt ra rất nhiều vấn đề cần phải lưu tâm.

Trước hết, xét về mặt thể lực, theo quy định của liên hiệp quốc, mức calo tối thiểu cho nhu cầu phát triển bình thường của mỗi người phải đạt 2000 calo/người/ngày. Ở Việt Nam số liệu thống kê cho thấy 44% dân số sống ở mức 1500 calo/người/ngày. Bình quân chung của cả nước cũng chỉ mới đạt 1900 calo/người/ngày. Chỉ số dinh dưỡng thấp như hiện nay, chúng ta không thể duy trì cường độ lao động và học tập liên tục ở mức cao. Nhìn xa hơn, mặc dù có rất nhiều nỗ lực nhưng tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến hết năm 2000 vẫn còn ở mức 33 - 34%/năm. Thực tế ấy chỉ rõ, phải có thời gian chúng ta mới có thể khắc phục được tình trạng này.

Về văn hóa cơ bản, chúng ta đã phổ cập giáo dục được ở diện rộng, nhưng trình độ chung của người lao động vẫn còn ở mức thấp. Lao động có trình độ cấp 1 chiếm 12,72%, cấp 2 có hơn 40%, cấp 3 vào khoảng 30%, trung học chuyên nghiệp 6,84%, đại học 11%. Ngay tại thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm công nghiệp lớn của cả nước cũng có đến trên 50% lượng lao động có trình độ học vấn vào loại trung bình và dưới trung bình.

Điều đáng lo ngại hơn cả là chất lượng đội ngũ lao động hiện có của ta. Trong khi các

nước thuộc khối ASEAN cũ có đến 70% lực lượng lao động đã qua đào tạo, thì ở Việt Nam 85% lực lượng lao động chưa qua đào tạo. Mục tiêu đến 2005 chúng ta cũng mới chỉ phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30%. Ngay cả số lao động đã được qua đào tạo thì ở nước ta cũng có cơ cấu rất bất hợp lý. Cả nước chỉ có khoảng 13,11% số lao động có chuyên môn kỹ thuật (vào khoảng 5 triệu người). Ở các nước công nghiệp tỷ lệ này là 35%. Lao động có trình độ trung cấp kỹ thuật của ta là 3,5% thì các nước phát triển là 24,5%. Số công nhân kỹ thuật có trình độ bậc 4 trở lên chỉ chiếm tỷ lệ bằng 1/3 tổng số công nhân kỹ thuật, công nhân có trình độ bậc 7 chỉ vven vven khoảng 4 000 người, đại bộ phận trong số ấy đã lớn tuổi.

Một khía cạnh khác cũng đáng được quan tâm. Trong khi chúng ta rất cần một đội ngũ công nhân kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia thực hành trình độ trung cấp và cao đẳng có tay nghề cao thì phần đông số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông lại chỉ muốn thi vào các trường đại học. Đã thế, trong số thi vào các trường đại học, tỷ lệ mất cân đối cũng diễn ra nghiêm trọng. Đa số thí sinh đăng ký vào học những trường có khả năng thu nhập cao, dễ tìm việc làm; ít người ham thích học các trường, các ngành khoa học cơ bản thuộc quốc kế dân sinh. Số liệu điều tra những năm gần đây cho thấy, nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp chỉ chiếm 8,3%; ngành kỹ thuật công nghệ 13,7%; kinh tế - pháp lý 14%; sư phạm các loại 41,9%; tổng hợp - ngoại ngữ 10,4%; nghệ thuật, thể thao 3,9% (2).

Trong giáo dục đại học chúng ta lại chậm đổi mới về nội dung, chương trình, phương

(2) Báo Khoa học và phát triển, ngày 24-5-2000

pháp giảng dạy. Phần đông sinh viên học chay, nghe giảng thụ động, môn nào cũng học và trả bài thuần túy về mặt lý thuyết, học thuộc lòng những quy tắc kinh nghiệm, không có thời gian đi thực tế, suy luận, phát triển óc sáng tạo... Theo nhận xét của nhiều nhà giáo dục, trong lúc nhu cầu của xã hội đòi hỏi ngày càng rất cao thì trình độ và chất lượng của sinh viên tốt nghiệp đại học lại kém hơn so với các lớp đàn anh. Bất cập và yếu kém còn thể hiện ngay cả ở lĩnh vực đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao. Số liệu thống kê xác nhận, chúng ta có hơn 10 000 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, chiếm 2,3% tổng số lao động xã hội. Trong đó lĩnh vực khoa học kỹ thuật chiếm 15,4%, nhưng 67,5% của tổng số cán bộ khoa học kỹ thuật ấy lại làm việc ở các lĩnh vực phi vật chất, còn sản xuất kinh doanh chỉ chiếm 32,7% (cán bộ khoa học - kỹ thuật cao trực tiếp làm việc trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Thái Lan là 58,8%, Hàn Quốc 48%, Nhật Bản 64,4%). Trong khi cơ cấu và phân bổ cán bộ khoa học và công nghệ chưa cân đối, còn nhiều bất hợp lý, thì cán bộ có trình độ cao, giỏi lại chỉ tập trung làm việc chủ yếu ở các cơ quan Trung ương. (Số liệu tổng kết cho thấy 94,4% cán bộ có trình độ cao làm việc ở các cơ quan Trung ương, 5,4% làm việc ở các tỉnh). Rõ ràng ở cơ sở và các đơn vị sản xuất kinh doanh đang rất thiếu cán bộ có trình độ cao. Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận định, để có mức tăng trưởng 9 - 10% GDP, thì tốc độ tăng trưởng nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật phải đạt từ 4 - 5%/năm. Trên thực tế, mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực nhưng đào tạo chuyên gia trình độ cao mới chỉ đạt từ 2 - 3%/năm.

Để chủ động hội nhập, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực đang đặt ra hàng loạt nhiệm vụ cấp bách. Ngôi nhà chung về giáo dục vẫn còn nhiều bất cập. Nguồn nhân lực về cơ bản

vẫn đào tạo theo lối tư duy cũ. Chúng ta có đổi mới, cải cách, nhưng hiệu quả còn rất hạn chế. Có một thực tế không ai có thể phủ nhận là, sau nhiều lần cải cách, những sản phẩm của nền giáo dục nước nhà vẫn chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn. Nếu không cải cách mạnh mẽ, không hiện đại hóa mà cứ để cơ sở giáo dục của ta lạc hậu mãi thế này thì khó có thể phát triển, tiêu phí sẽ ngày càng lớn mà hiệu quả không cao.

● *Phát triển nguồn lực con người và những vấn đề đang đặt ra.*

Để thực sự hội nhập, chưa khi nào đất nước cần nhiều nhân tài như hiện nay. Do hạn chế về nhiều mặt, trong khoảng một thời gian ngắn, chắc chắn chúng ta không thể đáp ứng đủ nhu cầu về nguồn nhân lực cho đất nước. Vì vậy trong giáo dục rất cần phải tìm cho được những “khâu đột phá” và các “giải pháp đột phá”. Theo chúng tôi để góp phần tạo ra bước chuyển, trước mắt cần tập trung vào một số những lĩnh vực sau đây :

Thứ nhất : Phải sớm có những chính sách huy động mọi nguồn thu bổ sung cho ngân sách của giáo dục. Cần sớm có cơ chế thích hợp để thực hiện sáng tạo chủ trương lớn của Đảng về xã hội hóa giáo dục. Phải xem thu học phí, thu và huy động từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị đang sử dụng lao động và có nhu cầu sử dụng lao động là một trong những nguồn thu quan trọng. Trong lúc ngân sách cho giáo dục đang eo hẹp, không nên để tình trạng nhà nước tự mình lo kinh phí đào tạo, còn các đơn vị sử dụng lao động lại không có đóng góp gì. Để mọi người đều có trách nhiệm với giáo dục, cũng cần có chính sách tín dụng và nhiều chính sách tạo vốn ưu đãi cho người học, từng bước nâng nguồn tự thu thành nguồn thu chính. Ngành học nào, loại hình trường nào xã hội đang có nhu cầu

lớn về đào tạo, cần khuyến khích tự thu chi, tự lo ngân sách hoặc một phần ngân sách. Trường đại học dân lập Văn Lang là một ví dụ. Không nhận một đồng kinh phí của Nhà nước nhưng vẫn bảo đảm đào tạo với quy mô gần 20 000 sinh viên, tự lo cơ sở vật chất hàng chục tỉ đồng. Dĩ nhiên phải có chính sách thu cụ thể, phù hợp với từng đối tượng. Trên cơ sở các nguồn tự thu của từng loại trường và từng loại đối tượng nói trên, Nhà nước nên có chính sách phân bổ ngân sách hợp lý. Không nên rải đều ngân sách cho tất cả các cấp học như đã làm lâu nay. Không xem nhẹ bất kỳ bậc học nào nhưng cũng cần phải biết tập trung nguồn lực cho các ngành chủ lực và mũi nhọn. Nếu không biết cách huy động và sử dụng hợp lý ngân sách trong điều kiện hiện nay, không thể tạo ra sức bật cho ngành giáo dục.

Thứ hai : Trên cơ sở nâng cấp và hoàn thiện giáo dục phổ thông, tạo nguồn lực ổn định và bảo đảm mặt bằng dân trí ở trình độ cao, cần ưu tiên đào tạo một số chuyên ngành chiến lược mũi nhọn. Ưu tiên và có chính sách tập trung đào tạo một số ngành trực tiếp cung cấp nguồn lực cho các vùng, các lĩnh vực kinh tế trọng điểm và có thế mạnh. Nhất là các ngành có nhiều khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh cả trong xuất khẩu và thị trường nội địa. Cần sớm có những bước đi, những giải pháp đào tạo gắn chặt giữa nhà trường với các doanh nghiệp. Phải xuất phát từ công việc, từ yêu cầu của thực tiễn để đào tạo. Đảm bảo các chuyên gia được đào tạo vừa có chuyên môn sâu vừa đủ năng lực thực hành và có khả năng nắm bắt khoa học công nghệ hiện đại. Tránh tình trạng vốn ít, cơ sở vật chất yếu kém, lực lượng mỏng mà đào tạo dàn đều, nhiều ngành xã hội rất cần thì không đủ sức đáp ứng, nhiều ngành đang đào tạo nhiều thì xã hội chưa cần. Nếu lấy quy hoạch phát triển

các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, kinh tế có nhiều lợi thế làm định hướng chiến lược trong cạnh tranh và hội nhập, thì đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực nói trên là giải pháp tạo thêm lợi thế, đồng thời là một trong những động lực góp phần rút ngắn khoảng cách giữa ta và các nước. Thiếu định hướng, thiếu vốn, thiếu khoa học - kỹ thuật và thiếu nguồn nhân lực có tay nghề cao, thì nền kinh tế không thể phát triển mạnh mẽ theo mong muốn. Để làm được công việc này, cần điều tiết bằng chính sách và thị trường lao động. Bước đột phá trong đào tạo chuyên gia các ngành mũi nhọn là giải pháp thực tế, hiệu quả và thiết thực nhất hiện nay.

Thứ ba : Xét về cả trước mắt lẫn lâu dài, giáo dục cần có cơ chế đặc biệt để tuyển dụng và đào tạo nhân tài đích thực cho lĩnh vực quản lý vĩ mô, hoạch định chính sách và khoa học công nghệ cao. Tài nguyên trí tuệ xét về mọi phương diện là nguồn tài sản vô giá nhất. Nó sẽ là hùng khí của quốc gia trong mọi điều kiện phát triển. Nguồn tài nguyên ấy không tự có, nếu không có chính sách hữu hiệu. Điều này cấp nào cũng nhận ra, nhưng trên thực tế chúng ta làm được chưa nhiều. Chậm trong việc tuyển chọn và đào tạo nhân tài sẽ mất đi những cơ hội tốt để phát triển và có tội với đất nước. Trong các chính sách cần có thì phát hiện nhân tài, ưu đãi về chính sách, kết hợp đào tạo cả trong nước và ngoài nước, bố trí sử dụng thích hợp là các chính sách cần phải được ưu tiên. Cần sớm có hệ thống trường chuyên, trường trọng điểm đúng tầm ở tất cả các cấp học.

Thứ tư : Vẫn là muôn thuở, vấn đề người thầy. Tôn sư trọng đạo là truyền thống, nhưng ngày nay truyền thống ấy phải được hiện thực hóa trong thực tiễn. Nếu nói giáo dục là lĩnh vực cần được ưu tiên, thì đào tạo đội ngũ thầy

cô giáo phải là lĩnh vực ưu tiên trong các lĩnh vực ưu tiên. Những người được đào tạo làm thầy phải là những người thật sự có năng lực về chuyên môn mà họ theo đuổi, đồng thời phải được đào tạo ở những nơi có điều kiện tốt nhất. Để có một nền giáo dục đúng tầm, nhất định chúng ta phải có đội ngũ thầy cô giáo giỏi. Để có thầy cô giáo giỏi phải chăm nom, vun trồng một cách toàn diện. Có thể nói, trong giáo dục vấn đề giáo viên là vấn đề “đại sự”. Trong mọi giai đoạn phát triển của xã hội, họ luôn luôn là lực lượng “hạt nhân”, bởi không giống như các ngành nghề khác, sản phẩm của họ là con người. Chất lượng của đội ngũ giáo viên sẽ ảnh hưởng đến nhiều thế hệ, thậm chí còn là nhân tố tác động đến sự tồn tại và phồn vinh của cả một quốc gia. Giải pháp đột phá cho “đại sự” của ngành giáo dục trước hết vẫn phải là nâng cao chất lượng chuyên môn và mức sống cho những người đi dạy. Nhà nước phải bảo đảm được rằng mọi người học sư phạm, mai này ra trường đều có thể sống và cống hiến được bằng nghề dạy học. Nghĩa là phải đãi ngộ đúng công sức, tài năng, tôn vinh và nhìn nhận đúng đắn nghề thầy giáo, tạo điều kiện để họ thường xuyên nâng cao trình độ bằng việc cử đi tu nghiệp các lớp ngắn hạn ở nước ngoài. Nghề dạy học là một nghề cao quý, xã hội phải có chính sách để nó mãi mãi là nghề cao quý. Vị thế của người thầy trong lòng xã hội hôm nay, cũng sẽ là tương lai của đất nước ngày mai.

Tóm lại, vấn đề giáo dục và đào tạo luôn là vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc. Trong xu thế hội nhập hiện nay, chúng ta càng phải nỗ lực nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Không tiếp tục đổi mới và chấn hưng nền giáo dục, không thể có thắng lợi trong cạnh tranh và hội nhập. □

TIẾP TỤC CUỘC ĐẤU TRANH

(Tiếp theo trang 52)

minh bạch hay bất minh của tài sản. Nếu họ không giải trình được nguồn gốc hợp pháp của số tài sản đó, thì trong khi chờ đợi các quy định của nhà nước, tổ chức đảng yêu cầu họ phải nộp phần tài sản không chứng minh được vào công quỹ. Kiên quyết không để lọt những phần tử cơ hội, quan liêu, tham nhũng vào các cơ quan lãnh đạo của tổ chức đảng và chính quyền.

5 - Dựa vào quần chúng nhân dân để đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Thực hiện dân chủ rộng rãi, “lấy dân làm gốc”, dựa vào dân để giám sát công việc của cán bộ, đảng viên với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, trong các doanh nghiệp. Công khai hóa tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để dân được bàn và quyết định các khoản thu, chi của xã, phường.

Lập các kênh thông tin giữa quần chúng nhân dân với các cơ quan bảo vệ Đảng, bảo vệ pháp luật để kịp thời nắm bắt thông tin, kiểm tra xử lý những tập thể, cá nhân quan liêu, tham nhũng. Phát huy thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền kịp thời những kinh nghiệm, biện pháp phòng ngừa, giáo dục, đấu tranh với các hành vi, thủ đoạn quan liêu, tham nhũng. Xây dựng cơ chế bảo vệ những tập thể và cá nhân tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Những kẻ đe dọa, trù dập người tích cực đấu tranh chống quan liêu tham nhũng dưới bất kỳ hình thức nào phải bị trừng trị thích đáng. Đồng thời thiết lập cơ chế biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân gương mẫu, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. □



XIN MIỄN “QUY HOẠCH” CHO EM

MAI NINH

THỦ trưởng tỏ ra đắc ý khi lập được quy hoạch cán bộ kế cận. Bằng lối nửa kín nửa hở, ông để “lộ” quy hoạch ấy cho cơ quan biết. Người được dự kiến thay thế thủ trưởng không phải là cấp phó hay thành viên ban lãnh đạo đương nhiệm. Anh ấy không có gì nổi trội lắm. Không quá lu mờ mà cũng chẳng thuộc loại :

Đi nhẹ, nói khẽ, hay cười

*Việc đâu bỏ đó là người
phiếu cao...*

Có thể nói, anh là con người tốt, tận tụy với công việc, thân tình với bạn bè, đồng chí. Nhưng khi được quy hoạch kế cận thủ trưởng, anh bỗng cảm thấy như mình đang bị cô lập. Nhiều tiếng xì xào bàn tán. Người bảo đây chỉ là một trò đùa của thủ trưởng. Người lại nói : chắc là có ô dù gì đây. Có kẻ độc mồm độc miệng : Thằng ấy thì tài cán gì mà cao số thế. Không nịnh bợ cũng là chạy chọt ! Một vài câu hò về tung ra. Có cả thư nặc danh,

mọi móc chuyện không đầu vào đầu, như bảo hời còn là sinh viên anh đã phụ tình với một bạn nữ nào đó. Về nhà, bị vợ hỏi, anh chẳng biết mô tê ra sao.

Ôi quy hoạch ! Sao lại có cái quy hoạch tai ác thế ? Anh đánh liều đến gặp thủ trưởng. Thủ trưởng tưởng anh đến để cảm ơn về lòng tốt của ông. Không ngờ. Anh tha thiết xin thủ trưởng “miễn quy hoạch cho em” tức là đưa ngay anh ra khỏi diện quy hoạch.

Biết anh là nạn nhân, nhiều người đâm ra thương hại.

Thì ra, trăm tội là ở cách làm quy hoạch của thủ trưởng. Ông ấy đã dùng phương pháp chằm com để chọn người thay thế. Ông yêu cầu bộ phận tổ chức - cán bộ cung cấp cho ông một danh sách cấp ủy gồm từ các ủy viên thường vụ cho đến cấp ủy viên thường, và nói rộng đến những người kế tiếp có triển vọng. Rồi ông đặt bút dò từ trên xuống. Cấp phó có hai

người thì một người tuổi đã cao, người thứ hai tháo vát, quán xuyến công việc, nhưng lại hay chê ông về trình độ và năng lực. Các ủy viên thường vụ cũng mỗi người mỗi tính. Trưởng ban tổ chức vừa biết quá kỹ nội tình cán bộ, vừa cứng rắn với những ai sai phạm, làm mất lòng nhiều người, không dễ gì được ủng hộ. Trưởng ban tuyên giáo có tật hay cường điệu vấn đề, truyền đạt nghị quyết của Đảng, cứ xoáy đi xoáy lại cái bệnh chuyên quyền độc đoán, quan liêu tham nhũng, làm cho người ta có cảm tưởng là muốn ám chỉ thủ trưởng. Với các cấp ủy viên khác, không khuyết điểm này cũng nhược điểm nọ, người thì nặng chuyên môn nhẹ chính trị, người thì quá sắc sảo, đọc sách báo nhiều dễ bề tự kiêu tự đại. Cứ cái kiểu đánh giá theo lăng kính cá nhân ấy, không ai lọt được mắt xanh của ông. Cuối cùng ngòi bút của ông đã dừng lại ở cái tên anh cán bộ kế cận như đã nói trên. Anh này, theo ông, không quá giỏi cũng không quá kém, việc mình mình làm, chẳng động đến ai mà cũng chẳng ai động đến mình, lại biết nhường nhịn, dễ bảo, chỉ cần gia công đào tạo mấy năm là gần được như ông hồi mới được cất nhắc. Lúc đó, trình

độ của ông cũng chỉ làng nhàng thế thôi.

Có người hỏi, quy hoạch cán bộ là chuyện của tập thể lãnh đạo chứ đâu phải của một người, và chẳng quy hoạch về cán bộ kế cận thủ trưởng thì càng không phải chuyện riêng của thủ trưởng. Ông thủ trưởng tự bào chữa rằng, trước khi quyết định “quy hoạch” ông đã lần lượt hỏi ý kiến các ủy viên thường vụ. Sự thật quả có như thế. Ông hỏi nhưng chẳng ai nói gì khác ý kiến của ông. Ông không chấm ai trong ban thường vụ cho nên thường vụ chẳng ai chịu giới thiệu cho nhau, còn tự giới thiệu mình

thì ai cũng cho là không tế nhị. Riêng đối với anh cán bộ được chấm, khi nghe thủ trưởng hỏi, ai cũng nghĩ rằng đó là chuyện xa vời, thủ trưởng có hỏi cũng là để cho có hỏi, do đó chẳng ai buồn trả lời.

Sau khi quy hoạch bị đổ vỡ, thủ trưởng tự phê bình là đã sai về phương pháp. Hiển nhiên rồi. Bởi cái phương pháp ông áp dụng hoàn toàn trái với phương pháp làm quy hoạch do cấp trên hướng dẫn. Nhận sai về phương pháp là cách dễ nhất để trốn trách nhiệm. Song đi vào thực chất của vấn đề, ai cũng bảo cái sai trước hết của ông là ở tư

tưởng và nhận thức. Những lý do ông nêu lên để gạt bỏ người này hay người khác chẳng qua chỉ là nguy hiểm, cái cốt yếu là ông không muốn người thay thế mình lại giỏi hơn mình, có cách nghĩ và cách làm khác mình. Nói là chọn thủ trưởng, nhưng ông không hề căn cứ vào những tiêu chí chung mà chỉ muốn thủ trưởng mới là cái bản sao của ông để rồi suốt đời nhớ đến ông. Và lại nếu không chọn được người thay thế thì biết đâu cái nhiệm kỳ của ông lại chẳng được kéo dài thêm mấy năm nữa ?

Quy hoạch kiểu này khác nào phản quy hoạch ? □

TRÊN ĐƯỜNG THỜI ĐẠI...

(Tiếp theo trang 32)

một nội dung cơ bản vừa sâu sắc vừa sống động của thời cuộc, nổi bật trong mọi vấn đề đang và sẽ được đặt trên bàn nghị sự của nhân loại đầu thế kỷ XXI. Thực tiễn không hề vượt qua hay bác bỏ, mà chỉ làm sáng tỏ và xác nhận tính khoa học, khái quát, hàm súc của khái niệm thời đại trong học thuyết Mác - Lê-nin về HTKTXH. Trong chủ lưu chân chính của thời đại ở giai đoạn mới hiện nay, con đường lên CNXH được Bác Hồ vạch ra mà chúng ta đã, đang và sẽ vẫn đi theo, chính là phương án canh tân đất nước duy nhất hợp quy luật, là giải pháp phát triển xã hội đúng đắn và tốt đẹp nhất. Gắn chặt với định hướng XHCN ấy, vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, không chia sẻ của Đảng ta vừa là điều kiện mang tính lô gíc tất yếu hiển nhiên, vừa

là sự lựa chọn đã được lịch sử dân tộc ta trong suốt thế kỷ XX thẩm định và khẳng định.

Chế định hóa hai vấn đề cực kỳ trọng yếu ấy ở mức cao nhất thành các điều luật của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chính là sự bảo đảm vững chắc không thể thiếu được cho việc thực hiện quyền con người đầu tiên, cơ bản nhất, cao quý nhất của mỗi người dân chúng ta. Đó là quyền được tự quyết định con đường dựng xây và phát triển Tổ quốc của mình, quyền được sống trong độc lập tự do, quyền được phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Quyền con người đã được đổi bằng mồ hôi, xương máu của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước và yêu CNXH suốt hơn 70 năm ấy, là vô cùng thiêng liêng và hoàn toàn chính đáng, do vậy cũng không cho phép bất kỳ kẻ nào được thô bạo phán xét, can thiệp. □



CƠ SỞ PHÁP LÝ QUỐC TẾ CỦA ĐẤU TRANH CHỐNG KHỦNG BỐ

NGUYỄN DUY CHIẾN *

KHỦNG bố quốc tế hiện đang là một hiểm họa đe dọa an ninh thế giới. Vì vậy, đấu tranh chống nạn khủng bố quốc tế đã trở thành mối quan tâm lớn của tất cả các quốc gia trên hành tinh này. Xét từ phương diện pháp lý, cộng đồng quốc tế đã có một cơ sở pháp lý quốc tế tương đối toàn diện cho cuộc đấu tranh này - đó là hệ thống 12 công ước đa phương về chống khủng bố quốc tế đã được thông qua trong khuôn khổ các tổ chức thuộc Liên hợp quốc (LHQ).

1. Hệ thống các công ước quốc tế hiện hành về chống khủng bố quốc tế.

Từ những năm 60, các hoạt động khủng bố quốc tế đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho giao lưu hàng không quốc tế. Trước hiểm họa đó, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) đã lần lượt thông qua 3 công ước đa phương chống các hoạt động khủng bố trong lĩnh vực hàng không dân dụng. Đó là Công ước Tô-ki-ô 1963 về trừng trị các hành vi phạm tội thực hiện trên máy bay, Công ước La Hay 1970 về ngăn chặn việc chiếm giữ máy bay bất hợp pháp và Công ước Mông-tơ-rê-an 1971 về ngăn chặn các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn của hàng không dân dụng. Sau đó ICAO tiếp tục thông qua Nghị định thư 1988 bổ sung Công ước Mông-tơ-rê-an 1971 và Công ước Mông-tơ-rê-an 1991 về đánh dấu để phát hiện chất nổ dẻo.

Năm 1972 Đại hội đồng LHQ đã đưa vấn đề chống khủng bố quốc tế vào chương trình nghị sự của mình. Từ đó đến nay, hầu như hằng năm Ủy ban pháp lý của LHQ đều thảo luận về đề mục các biện pháp chống khủng bố quốc tế. Trên cơ sở những kiến nghị của ủy ban này, một loạt công ước quan trọng đã được thông qua, như Công ước 1973 về ngăn ngừa và trừng trị các hành vi phạm tội chống lại những người được hưởng sự bảo hộ quốc tế, kể cả các nhà ngoại giao, Công ước 1979 về chống bắt cóc con tin, Công ước 1998 về trừng trị đánh bom khủng bố và gần đây nhất là Công ước năm 2000 về trừng trị việc tài trợ cho các hoạt động khủng bố. Năm 1996, Đại hội đồng LHQ đã thông qua Nghị quyết A/RES/51/120 thành lập một Ủy ban về chống khủng bố quốc tế. Trong những năm gần đây, ủy ban này đang tiếp tục thảo luận để soạn thảo một công ước toàn diện về chống khủng bố quốc tế, trước mắt giải quyết các vấn đề tồn đọng liên quan đến dự thảo Công ước quốc tế trừng trị các hành vi khủng bố bằng vũ khí hạt nhân cũng như vấn đề triệu tập một Hội nghị cấp cao về chống khủng bố ⁽¹⁾.

Ngoài ra, còn phải kể đến Công ước 1980 về bảo vệ an toàn vật liệu hạt nhân của Tổ

* Bộ Ngoại giao

(1) Xem các Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ A/RES/51/120, A/RES/52/165, A/RES/53/108, A/RES/54/110, A/RES/55/158

chức Nguyên tử năng quốc tế cũng như Công ước 1988 về ngăn ngừa các hành vi bất hợp pháp chống lại an toàn hàng hải và Nghị định thư 1988 về trừng trị những hành vi bất hợp pháp chống lại sự an toàn của các dàn cố định trên thềm lục địa mà Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) đã có công xây dựng.

2. Các quy định cơ bản của các công ước hiện hành về chống khủng bố quốc tế.

Nhằm tăng cường hợp tác và đấu tranh một cách có hiệu quả các hành vi khủng bố, các công ước hiện hành đã quy định rõ các nghĩa vụ cụ thể của các bên ký kết, như ngăn ngừa các hoạt động khủng bố, bắt giữ, truy cứu trách nhiệm, dẫn độ kẻ phạm tội cho quốc gia liên quan để xét xử; giúp đỡ về tố tụng hình sự và cung cấp thông tin liên quan đến khủng bố quốc tế...

Dưới đây là một số quy định cơ bản của các công ước hiện hành về chống khủng bố quốc tế:

Một là, các công ước quốc tế hiện hành về chống khủng bố đòi hỏi từng quốc gia phải triển khai những biện pháp cần thiết để ngăn ngừa mọi hành vi dẫn đến các hoạt động khủng bố ở trong hoặc ở ngoài lãnh thổ nước mình. Các biện pháp này bao gồm việc cấm các hoạt động bất hợp pháp của các cá nhân, tổ chức nhằm kích động, tổ chức, tài trợ hoặc tham gia các hành vi khủng bố. Các quốc gia có nghĩa vụ trao đổi thông tin và phối hợp các biện pháp hành chính hoặc các biện pháp khác để ngăn ngừa những hoạt động khủng bố⁽²⁾.

Hai là, về mặt pháp lý, các công ước đều có chung quy định là các quốc gia phải coi các hoạt động khủng bố nêu trong các công ước liên quan là tội hình sự và các tội ác đó phải bị trừng trị thích đáng. Đối tượng bị trừng trị là những kẻ âm mưu thực hiện hoặc những kẻ thực hiện các hành vi khủng bố đã được các công ước xác định; những kẻ tham gia vào các

tội ác này và những kẻ tổ chức, chỉ đạo các hoạt động khủng bố.

Ba là, quốc gia thành viên tham gia các công ước quốc tế liên quan có nghĩa vụ áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thực hiện quyền tài phán không chỉ đối với những hành vi khủng bố xảy ra trên lãnh thổ, trên tàu mang cờ hay tàu được đăng ký theo pháp luật nước mình, những kẻ phạm tội là công dân nước mình, những hành vi tội phạm nhằm vào công dân nước mình, mà còn đối với các hoạt động khủng bố được tiến hành chống lại các cơ sở của chính phủ, nhà nước khác, kể cả đại sứ quán, tổng lãnh sự quán của các nước đặt tại các quốc gia này. Một nghĩa vụ nữa là khi kẻ phạm tội hoặc người bị tình nghi phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ một quốc gia nào đó, thì quốc gia ấy phải bắt giữ các đối tượng khủng bố dù hoạt động khủng bố xảy ra ở đâu. Trong trường hợp họ không bắt giữ những kẻ khủng bố thì phải bảo đảm sự có mặt của các đối tượng này theo các quy định pháp luật nước mình để sau này đưa ra xét xử⁽³⁾.

Bốn là, từng quốc gia phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội khủng bố. Nếu họ không xét xử thì cũng phải dẫn độ kẻ phạm tội đến quốc gia liên quan để truy cứu trách nhiệm hình sự, bất kể là hoạt động khủng bố được tiến hành ở trong hay ngoài lãnh thổ nước mình. Như vậy, các công ước hiện hành về chống khủng bố dành cho các quốc gia

(2) Điều 4 Công ước 1979 chống bắt cóc con tin, Điều 12 Công ước 1988 ngăn ngừa các hành vi phạm pháp chống lại an toàn hàng hải, Điều 15 Công ước 1998 về trừng trị khủng bố bằng bom, Điều 18 Công ước năm 2000 về trừng trị việc tài trợ khủng bố

(3) Khoản 2 Điều 13 Công ước Tô-ki-ô 1963, khoản 1 Điều 6 Công ước La Hay 1970, khoản 1 Điều 6 Công ước Mông-tơ-rê-an 1971, khoản 1 Điều 6 Công ước 1973, khoản 1 Điều 6 Công ước 1979 chống bắt cóc con tin, Điều 9 Công ước 1980 về an toàn vật liệu hạt nhân, Điều 7 Công ước 1988 trừng trị các hành vi phi pháp chống lại an toàn hàng hải, khoản 1 Điều 7 Công ước 1998 về trừng trị việc khủng bố bằng bom và khoản 1 Điều 9 Công ước trừng trị việc tài trợ cho những hoạt động khủng bố

quyền lựa chọn giữa việc truy cứu trách nhiệm hình sự kẻ khủng bố với việc dẫn độ kẻ khủng bố cho các quốc gia khác. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự những kẻ phạm tội hoàn toàn không phụ thuộc vào việc tội phạm đó có xảy ra trên lãnh thổ của mình hay không. Ví dụ, khi những kẻ khủng bố liên quan đến âm mưu đánh bom khủng bố các cơ quan đại diện nước ta tại Băng-cốc, Ma-ni-la đang có mặt tại quốc gia nào đó thì các quốc gia đó có nghĩa vụ bắt giữ và truy cứu trách nhiệm hình sự những kẻ khủng bố đó.

Năm là, quốc gia nào không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội khủng bố thì quốc gia đó bắt buộc phải dẫn độ kẻ phạm tội cho các nước liên quan xét xử. Việc dẫn độ có thể theo qui định của các điều ước hiện hành về dẫn độ. Trong trường hợp giữa nước bắt giữ và nước yêu cầu dẫn độ không có hiệp định về dẫn độ thì các công ước liên quan mặc nhiên được coi là cơ sở pháp lý của việc dẫn độ. Thủ tục và trình tự dẫn độ kẻ phạm tội sẽ được tiến hành theo qui định pháp luật của nước bắt giữ.

Sáu là, sau khi đã tiến hành các biện pháp như bắt giữ, truy tố, xét xử hoặc dẫn độ kẻ phạm tội khủng bố, các quốc gia tham gia các công ước có nghĩa vụ thông báo về các tình tiết của hành vi phạm tội, các biện pháp đã áp dụng đối với kẻ phạm tội, kết quả của việc dẫn độ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự cho Tổng thư ký LHQ. Về cơ chế giải quyết các tranh chấp giữa các bên ký kết, các công ước hiện hành về chống khủng bố trước hết nhấn mạnh đến việc thương lượng để cùng giải quyết. Các công ước cũng cho phép khi phương thức thương lượng không đem lại kết quả thì các bên ký kết được sử dụng các phương thức hòa bình khác là trọng tài và Tòa án quốc tế La Hay (ICJ). Tuy nhiên, việc một bên tranh chấp được quyền đưa tranh chấp ra trọng tài quốc tế hoặc tòa án quốc tế giải quyết

khi các bên tranh chấp khác còn chưa đồng ý thực sự không phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia. Nếu quy định đó mang tính bắt buộc thì nhiều quốc gia sẽ gặp phải khó khăn khi tham gia vào các công ước chống khủng bố hiện hành và như vậy ý nghĩa của các công ước này sẽ bị hạn chế rất nhiều. Để tránh nảy sinh tình huống như vậy, các công ước hiện hành về chống khủng bố đều dành cho các quốc gia ký kết quyền bảo lưu về thủ tục giải quyết tranh chấp nói trên. Đây là một quy định linh hoạt của các công ước này và cũng là một trong những nguyên nhân làm cho các công ước hiện hành về chống khủng bố có tính phổ biến rộng rãi.

Hiện nay trong số 12 công ước về chống khủng bố quốc tế thì 11 công ước đã có hiệu lực với số lượng các bên ký kết khá lớn (riêng Công ước năm 2000 về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố thì còn chưa có hiệu lực). Sau sự kiện khủng bố xảy ra tại Mỹ (11-9), số nước tham gia các công ước nói trên có xu hướng tăng lên. Đại Hội đồng LHQ khóa 56 đã dành ưu tiên cho việc thảo luận đề mục "Các biện pháp chống khủng bố quốc tế". Từ ngày 1 đến 5-10-2001 đại diện của 168 nước đã phát biểu về vấn đề này và khẳng định quyết tâm cùng nhau đấu tranh chống khủng bố quốc tế. Đại đa số các nước này đã nhấn mạnh vai trò của LHQ trong cuộc đấu tranh này. Ngoài việc Hội đồng Bảo an của LHQ thông qua 3 nghị quyết⁽⁴⁾, Chủ tịch của Hội đồng Bảo an cũng có 3 tuyên bố về khủng bố quốc tế.

3. Yêu cầu khách quan trong việc chống khủng bố quốc tế.

Để chống nạn khủng bố cộng đồng quốc tế đã tạo lập một cơ sở pháp lý tương đối toàn diện bằng việc thông qua hệ thống các công ước quốc tế liên quan. Thực tiễn hoạt động của

(4) S/RES/1363, S/RES/1368 và S/RES/1373

các quốc gia cho thấy việc hình thành một cơ sở pháp lý để điều chỉnh các nỗ lực chống khủng bố quốc tế và việc các quốc gia cam kết trở thành bên ký kết của các công ước đó là một điều kiện hết sức cần thiết và rất quan trọng. Song, cần thiết và quan trọng hơn là các biện pháp chống khủng bố quốc tế nêu trong các văn bản pháp lý quốc tế hiện hành phải được thực hiện một cách đồng bộ, có sự phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ giữa các quốc gia với nhau. Yêu cầu này xuất phát từ đặc thù của khủng bố quốc tế là tội ác đó không chỉ bó hẹp trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia đơn lẻ mà mang tính xuyên quốc gia. Thiếu sự phối kết hợp chặt chẽ của các nước, thì hoạt động chống khủng bố do từng quốc gia tiến hành sẽ khó đạt được mục tiêu đề ra. Việc hợp tác cần phải được thực hiện cả trên bình diện song phương lẫn đa phương và trên cơ sở pháp lý quốc tế hiện hành.

Trên bình diện đa phương, LHQ là tổ chức toàn cầu lớn nhất có chức năng duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, giữ vị trí chủ đạo trong việc tập hợp lực lượng để chống khủng bố. Có thể khẳng định rằng ngoài LHQ không một tổ chức quốc tế nào khác có đủ điều kiện và thẩm quyền để tập hợp lực lượng và đề ra chiến lược chống khủng bố ở cấp độ toàn cầu. Không phải ngẫu nhiên mà Hội nghị cấp cao lần thứ 12 của Phong trào không liên kết (họp tại Nam Phi từ 29-8 đến 3-9-1998) đã kêu gọi triệu tập một Hội nghị cấp cao dưới sự bảo trợ của LHQ để xây dựng một chiến lược chung có tổ chức của cộng đồng quốc tế để chống chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện của nó. Ngày 24-9-2001, Tổng thư ký LHQ Cô-phí A-nan đã nhấn mạnh rằng cộng đồng quốc tế hãy dùng LHQ làm diễn đàn sẵn có để xây dựng một liên minh toàn thế giới tiến hành cuộc chiến trường kỳ chống khủng bố và chỉ có LHQ mới có thể đưa lại

tính danh chính ngôn thuận cho những hành động như vậy.

Một yêu cầu khác có ý nghĩa quan trọng được đặt ra là trong cuộc đấu tranh chống khủng bố quốc tế, mỗi một quốc gia phải có thái độ rõ ràng và nhất quán đối với nạn khủng bố quốc tế, phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình và tăng cường sự hợp tác với nhau cả trên bình diện song phương lẫn đa phương. Đấu tranh chống lại nạn khủng bố chỉ có hiệu quả khi các biện pháp được thực hiện theo đúng khuôn khổ và trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia, tôn trọng chủ quyền quốc gia, tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào công việc nội bộ các quốc gia khác. Chỉ có như vậy, các biện pháp chống khủng bố quốc tế mới hợp pháp và hiệu quả của các biện pháp đề ra mới được phát huy một cách đầy đủ.

Nước ta từng là nạn nhân của các hành động khủng bố, như vụ bắt cóc máy bay năm 1978, vụ các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Anh, Pháp, Thái Lan bị tấn công, vụ tên không tặc Lý Tống xâm phạm bầu trời Việt Nam năm 2000... Vì vậy, Việt Nam luôn có một thái độ rõ ràng và dứt khoát là phản đối mạnh mẽ mọi hành động khủng bố, ủng hộ các nỗ lực nhằm loại trừ khủng bố ra khỏi đời sống của nhân loại và đề cao ý nghĩa của việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Nhà nước ta đã gia nhập một số công ước quốc tế trong lĩnh vực chống khủng bố như Công ước Tô-ki-ô 1963, Công ước La Hay 1970, Công ước Mông-tơ-rê-an 1971, Nghị định thư 1998 bổ sung Công ước Mông-tơ-rê-an 1971 và đang nghiên cứu việc gia nhập một số công ước quốc tế khác về chống khủng bố quốc tế. Xuất phát từ lập trường có tính nguyên tắc đó, chúng ta đã và đang tích cực hợp tác với các nước khác trong cuộc đấu tranh chống nạn khủng bố.□



CÔNG TY GIẤY VIỆT TRÌ



Phó bí thư, Chủ tịch tỉnh Phú Thọ trao quyết định
gắn biển công trình chào mừng 110 năm ngày thành
lập Tỉnh. Hệ thống xử lý nước thải tại công ty.

Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng II



Hệ thống máy cắt giấy hai dao

NĂNG LỰC SẢN XUẤT :

16 000 tấn/năm (2001) : 30.000 tấn/năm (2002)

MẶT HÀNG :

* Giấy in, viết, vẽ - Định lượng : 50-100g/m²

Độ trắng : 70 - 83° ISO

* Giấy kẻ tập, vở học sinh các loại

* Giấy poluya trắng, màu

* Giấy Duplex trắng, vàng

* Giấy trắng phần bề mặt công nghệ tiên tiến

Định lượng : 80-350g/m²

Sản phẩm dạng cuộn hoặc đóng ram

* Quy cách thỏa mãn theo yêu cầu của khách hàng

* Giấy vệ sinh chất lượng cao, sản phẩm ở dạng cuộn

* Khăn giấy các loại với kích cỡ phong phú phục vụ nhu
cầu sinh hoạt và công việc nội trợ.



Trụ sở công ty

Địa chỉ : Phường Thanh Miếu - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210.846702 - 843227

Fax : 0210. 851109

Văn phòng đại diện : 63 Phan Phù Tiên - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : 047334303

Giám đốc Công ty : Kỹ sư Đỗ Văn Chúc

Hân hạnh được phục vụ quý khách



VIỆN NGHIÊN CỨU NGÔ

NATIONAL MAIZE RESEARCH INSTITUTE

Địa chỉ : Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Tây

Điện thoại : 034 886356 - Fax : 034 886309 - Email : nmri@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ SẢN XUẤT GIỐNG NGÔ SÔNG BÔI

(Trực thuộc Viện)

Địa chỉ : Xã Phú Thành - Lạc Thủy - Hòa Bình * Điện thoại/Fax : 018 874233

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu chiến lược phát triển khoa học, công nghệ về cây ngô.
- Thu thập, nghiên cứu, phân loại, bảo tồn và chuyển giao nguồn gen cây ngô.
- Nghiên cứu chọn lọc và lai tạo giống ngô năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh cho các vùng sinh thái.
- Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật thâm canh cây ngô.
- Tham gia nghiên cứu công cụ cải tiến và cơ giới hóa cây ngô. Tham gia nghiên cứu chế biến sản phẩm từ cây ngô.
- Nghiên cứu các cây trồng cận có liên quan đến cây ngô (đậu đỗ, lạc...).
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ nghiên cứu và chỉ đạo sản xuất.



Giống ngô giàu đạm HQ 2000

TƯ VẤN, DỊCH VỤ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

- ✓ Với đội ngũ cán bộ gồm các nhà nghiên cứu hàng đầu, các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm, Viện luôn là địa chỉ tin cậy đối với các nhà quản lý, chỉ đạo sản xuất ngô, là người bạn chung thủy của nông dân cả nước, sẵn sàng trao đổi kinh nghiệm, tư vấn cho quý khách về các vấn đề liên quan đến cây ngô.
- ✓ Cung cấp giống gốc, giống nguyên chủng của các giống ngô.
- ✓ Cung cấp các chủng loại hạt giống ngô có năng suất cao, phẩm chất tốt cho sản xuất.
 - Giống ngô lấy hạt : LVN10, LVN4, LVN5, LVN12, LVN17, LVN20, LVN24, LVN25...
 - Giống ngô thực phẩm : ngô nếp, ngô đường, ngô bao tử LVN23...
- ✓ Chuyển giao công nghệ sản xuất hạt giống ngô.



Giống ngô rau lai LVN23



Tel : 034 886356

Fax : 034 886309



CÔNG TY HỘI CHỢ TRIỂN LÃM QUỐC TẾ CẦN THƠ (EFC)

CANTHO INTERNATIONAL EXHIBITION FAIR COMPANY

Địa chỉ : 116B - Đường Trần Phú - TP. Cần Thơ

Tel : (071) 821977 - 821978 * Fax : (071) 821133

Email : efcantho@hem.vnn.vn * Http : //www.vcci-mekong-delta.com

Công ty Hội chợ Triển lãm Quốc tế Cần Thơ (EFC) thành lập năm 1986, đặt tại Cần Thơ, trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long - Việt Nam, là thành viên chính thức của APECC (Hội đồng Hội nghị và Triển lãm Châu Á - Thái Bình Dương) có mối quan hệ với nhiều đơn vị, tổ chức Hội chợ Triển lãm và Quảng cáo ở nhiều nước trên thế giới.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- ✓ HỘI CHỢ TRIỂN LÃM & HỘI NGHỊ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ
- ✓ QUẢNG CÁO - THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ

HỘI CHỢ QUỐC TẾ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM TẠI CẦN THƠ

- HỘI CHỢ QUỐC TẾ VỀ NGHỀ CÀ THÁNG 3.
- HỘI CHỢ QUỐC TẾ MEKONG EXPO THÁNG 8.
- HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THÁNG 8
- HỘI CHỢ NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ THÁNG 12.

VÀ CÁC HỘI CHỢ CHUYÊN ĐỀ KHÁC

Kính chúc

Duyĩ doanh nghiệp,

bà con nông dân, ngư dân

cùng gia quyền

một năm mới

An Khang

Thịnh vượng

Thành đạt



Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

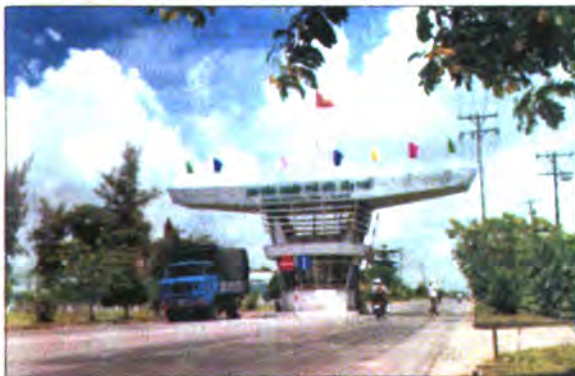
2002



CÔNG TY PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ : 105 Trần Hưng Đạo - TP. Cần Thơ

Điện thoại : (84.71) 831752 - 830239 * Fax: (84.71) 830374



KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ NÓC I VÀ TRÀ NÓC II

Ở cách trung tâm thành phố Cần Thơ 10 Km về phía Bắc trên đường quốc lộ 91A đi An Giang và Kiên Giang; cách sân bay Cần Thơ 1 Km; cách cảng Quốc tế Cần Thơ 3 Km. KCN Trà Nóc I, Trà Nóc II tọa lạc ngay bên bờ hữu ngạn sông Mêkông đi Campuchia và ra biển Đông.

Diện tích quy hoạch KCN Trà Nóc I là 135 ha đã được xây dựng hoàn chỉnh về hạ tầng kỹ thuật và đã cho thuê trên 85% diện tích đất công nghiệp.

KCN Trà Nóc II có diện tích 165 ha bắt đầu được xây dựng cơ sở hạ tầng từ đầu năm 1999, đã có nhiều nhà đầu tư nước ngoài và thuê đất xây dựng nhà máy.

KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ HƯNG I VÀ PHÚ HƯNG II

Nằm bên bờ hữu ngạn sông Mêkông, cách thành phố Cần Thơ 9 Km về phía Nam, hướng Bắc đi Phnom-Pênh (Campuchia) bằng đường sông dài 160 Km, hướng nam ra biển Đông dài 100 Km.

KCN Phú Hưng I được quy hoạch xây dựng là 390 ha; dự kiến xây dựng ở đây một cảng biển quốc tế cùng hệ thống kho tàng, với mức luân chuyển hàng hóa 2 triệu tấn/năm và một làng doanh nghiệp của các nhà đầu tư người Pháp.

KCN Phú Hưng II với diện tích 585 ha, đã có một số dự án đầu tư đang xây dựng và hoạt động; trong đó dự kiến xây dựng một đại siêu thị (10ha) của một tập đoàn Pháp tại đây. Bên cạnh KCN Phú Hưng II sẽ là bãi đáp đầu cầu Cần Thơ được bắc ngang sông Hậu (một nhánh lớn nhất của sông Mêkông), mở ra một vòng xoay giao thông đường bộ khổng lồ liên hoàn, với khu đô thị mới nối liền với thành phố Cần Thơ.

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

Petrovietnam



Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam tên giao dịch quốc tế là Petrovietnam, tiền thân là Tổng cục Dầu khí Việt Nam, được thành lập ngày 3-9-1975.

Địa chỉ : 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại tổng đài : 8252526

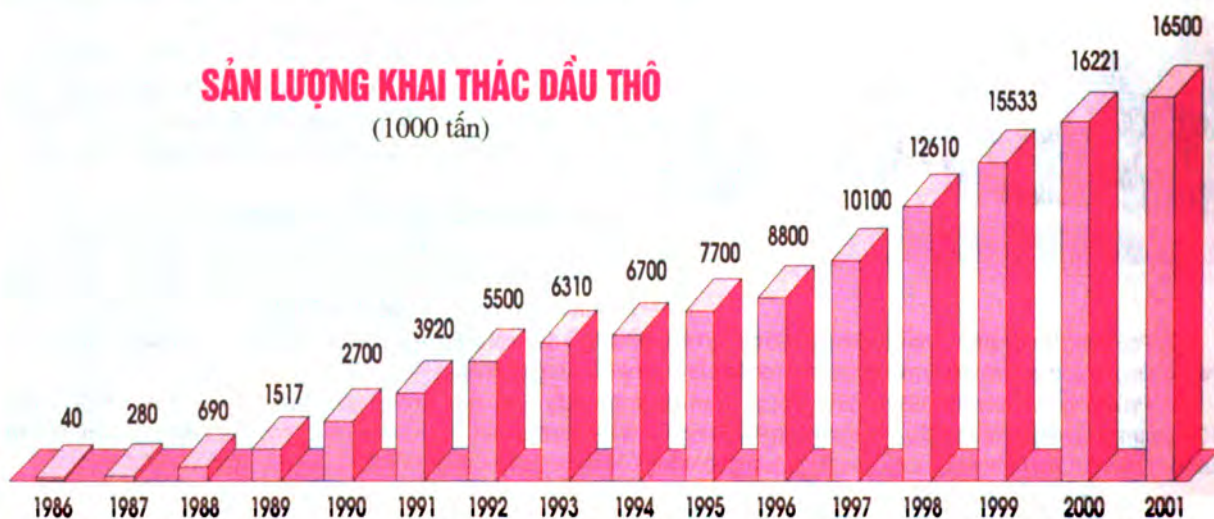
Fax : 84.4.8265942 ; 84.4.8249126

<http://www.petrovietnam.com.vn>



Để xây dựng ngành công nghiệp dầu khí đất nước phát triển toàn diện trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh, PETROVIETNAM tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở trong nước và nước ngoài, tích cực đầu tư phát triển tất cả các lĩnh vực hoạt động của mình từ khâu đầu đến các khâu cuối, các hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Nhiều dự án quan trọng về lọc dầu và hóa dầu, các dự án sử dụng nguồn tiềm năng khí thiên nhiên to lớn của Việt Nam đã và đang được Tổng Công ty tích cực triển khai như : Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 ; Dự án khí Bạch Hổ ; Dự án khí Nam Côn Sơn ; Dự án khí Tây Nam, Dự án Bitumen ; Các dự án về hóa dầu (sản xuất các sản phẩm nhựa PVC, DOP, Polystyren, Polypropylen) ; Các dự án sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu và để sản xuất Methanol, Ethylen...

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU THÔ
(1000 tấn)



VIỆN KINH TẾ - KỸ THUẬT THUỐC LÁ

Địa chỉ : 235 Đường Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại : 04.8584666 * Fax : 04.8584322 * E-mail : vtl@fpt.vn



TS. Trần Đăng Kiên - Viện trưởng

Lịch sử hình thành : Được thành lập tháng 10/1986 trên cơ sở Phòng nghiên cứu Trung tâm thuốc lá.

Thành lập theo Quyết định số : 240/TLVN-TC.QĐ ngày 10/10/1986.

Chức năng nhiệm vụ :

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thuốc lá ;
- Sản xuất thử nghiệm trên cơ sở kết quả nghiên cứu ;
- Các dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho ngành thuốc lá.

Thành tích được Đảng và Nhà nước ghi nhận

- 1 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ ;
- 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ ;
- 3 Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp ;
- 6 Bằng khen của Bộ Công nghiệp và Tổng công ty ;
- 2 Cờ thi đua xuất sắc của tỉnh Cao Bằng ;
- 5 Bằng khen của tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang...



Trụ sở Viện

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I

PETROLIMEX - HANOI

VP Công ty Phố Đức Giang - Thị trấn Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội

Tel : (04).8271400 - 8272864 Fax : (04) 8272432



Chúc Mừng Năm Mới

*Nhân dịp đón Xuân mới 2002 - Nhâm Ngọ
Kính chúc Quý vị Khách hàng An khang - Thịnh vượng !*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Cao Tăng

Công ty chúng tôi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm và kinh doanh xăng dầu trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Có hệ thống kho, cửa hàng xăng dầu với công nghệ hiện đại. Mỗi năm cung cấp trên 500.000 tấn xăng dầu các loại, trên 100 cửa hàng xăng dầu. Phục vụ khách hàng kịp thời, thuận tiện và văn minh thương mại. Luôn luôn mong muốn sự quan tâm của các quý vị, sự hợp tác của quý khách hàng.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY

1. TỔNG KHO XĂNG DẦU ĐỨC GIANG

Địa chỉ : Phố Đức Giang, Thị trấn Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội.
Điện thoại : (04) 8.271400 - 8772135 Fax : (04) 8.272432

2. XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 775 Đường Giải Phóng - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.
Điện thoại : (04) 8.644575 Fax : (04) 8.644572

3. XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ XĂNG DẦU VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ : Thị trấn Sài Đồng - Huyện Gia Lâm - Hà Nội.
Điện thoại : (04) 8751155 - (04) 8276657 Fax : (04) 8751158

4. CHI NHÁNH XĂNG DẦU BẮC NINH

Địa chỉ : Võ Cường - Thị xã Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : (0241) 828701 Fax : (0241) 828701

5. CHI NHÁNH XĂNG DẦU VINH PHÚC

Địa chỉ : Đường Mê Linh - Thị xã Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : (0211) 862714 Fax : (0211) 860119

CÔNG TY SẢN XUẤT - KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG CẦN THƠ

CANTHO CONSTRUCTION MATERIALS PRODUCING & TRADING COMPANY



SADICO CANTHO

ĐỊA CHỈ : Số 03 Nguyễn Trãi, TP. Cần Thơ, Việt Nam
 ĐIỆN THOẠI : (84) 71.821885 - 823457 - 824886 * Fax : (84) 71.821141
 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN : 37B Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM
 ĐT : 08.9325852 - Fax : 08.9320489
 GIÁM ĐỐC : Kỹ sư TỬ QUANG TRẠCH

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH :



- Sản xuất vỏ bao PP, PK, KPK cao cấp đựng xi măng, đựng gạo xuất khẩu, hàng nông sản, đường, thức ăn gia súc và phân bón, thức ăn nuôi tôm và hóa chất xử lý nước nuôi tôm, hóa chất, tấm bạt và các loại bao PP thông dụng khác.
- Sản xuất và kinh doanh xi măng - trụ điện bê tông tiền áp, ống cống thoát nước, cọc cừ bê tông các loại - kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Xuất khẩu trực tiếp : vỏ bao PP, PK, KPK các loại xi măng - vật liệu xây dựng.
- Nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu : nguyên liệu ngành nhựa, ngành xi măng, vật tư, hóa chất, thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất vỏ bao, xi măng, vật liệu xây dựng.
- Chuẩn bị năm 2002 sản xuất bao giấy Kraft, PK dầy vuông đựng xi măng.



Sadico Cần Thơ sẵn sàng phục vụ quý khách hàng !

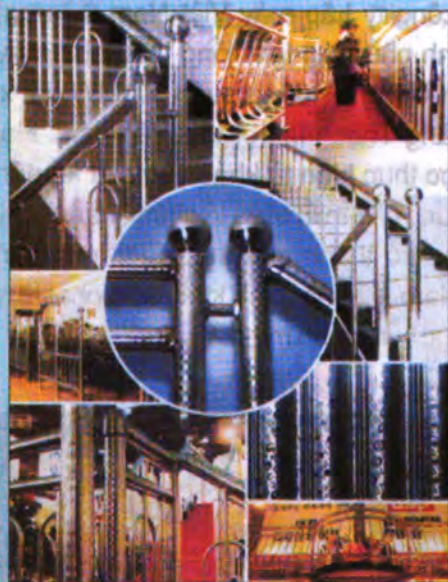


CÔNG TY **THẠCH BÀN**

THẠCH BÀN COMPANY /-TBC

Địa chỉ : Thạch Bàn - Gia Lâm - Hà Nội Tel : (04) 8271682 * Fax : (04) 8750551 ; 8272654

CÁC CHI NHÁNH : Hà Nội : Tel : 04.7333928 - TP Hồ Chí Minh : Tel : 08.8636531 - Đà Nẵng : Tel : 0511.816254



*Giới thiệu
Sản phẩm
mới*

Tay vịn cầu
thang và ban
công inox cao
cấp do DAE-JIN
CORP. (Hà
Quốc) chế tạo.
Công ty Thạch
Bàn làm đại lý
độc quyền cung
cấp và lắp đặt
tại Việt Nam.



BIA HÀ NỘI

Một nét

Văn hóa
Culture

Hà Nội



*Chúc
Năm
Mới
2002*



CÔNG TY TNHH BIÊN LẬP VÀ SẢN XUẤT BIA HÀ NỘI



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM

LILAMA CORPORATION



Địa chỉ : 124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04 8633067. Fax : 04 8638104



Lilama corporation has been assigned by the Vietnamese Government to be Main-contractor for Ung Bi Extension Thermal Power Plant Project (300MW) and Hoang Thach III Cement Plant Project (1,4 million tons/year) these two projects will implemented in full packages from engineering, procurement to construction (EPC). Lilama is now becoming the first EPC Contractor of Vietnam to prove its own capability to complete industrial projects in full packages.

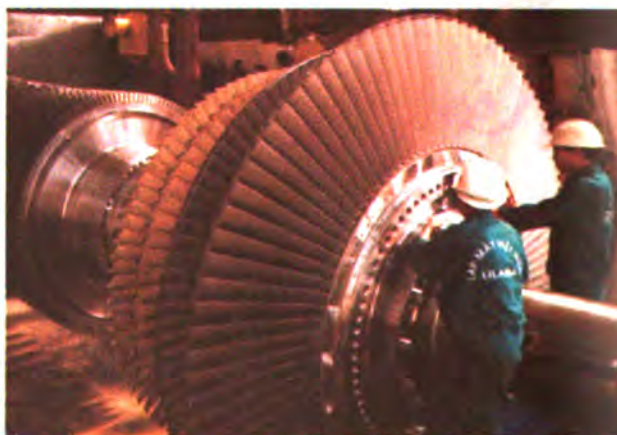


Dùng cần trục có sức nặng 500 tấn để cẩu lắp thiết bị nặng tại Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ I

Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) được Chính phủ giao làm tổng thầu nhà máy nhiệt điện Ung Bí công suất 300MW và xi măng Hoàng Thạch III 1,4 triệu tấn/năm. Hai dự án được thực hiện từ khảo sát thiết kế đến chế tạo, cung cấp thiết bị và tổ chức quản lý xây lắp. Lilama trở thành nhà thầu EPC đầu tiên của Việt Nam. Chứng minh khả năng phát huy bằng nội lực của chính mình.



Lễ ký hợp đồng EPC gói 2 và 3 nhà máy lọc dầu Dung Quất giữa Lilama và Công ty Liên doanh nhà máy lọc dầu Việt - Nga Vietross.



Lắp Tuabin hơi - Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ

Chúc Mừng Năm mới - XUÂN 2002



TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

PETROVIETNAM TRADING COMPANY-PETECHIM

HEADQUARTERS :

70A Ba Huyen Thanh Quan St., Dist 3, HCM City.

Tel. : (84.8) 9325092 - 9325775

Fax : (84.8) 9326637

Telex : 813209 PETIM VT

HANOI BRANCH :

80 Nguyen Du, Hanoi.

Tel. : (84.4) 8228982

Fax : (84.4) 8220145

VUNG TAU BRANCH :

10 Le Loi, Vungtau

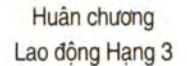
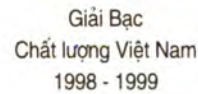
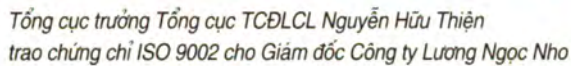
Tel : (84.64) 852929

Fax : (84.64) 852500



1. Xuất nhập khẩu dầu thô và các sản phẩm dầu khí.
2. Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các sản phẩm khác phục vụ trong và ngoài ngành dầu khí.
3. Dịch vụ thương mại cho các nhà thầu khí.
4. Giới thiệu và tư vấn các hoạt động thương mại và đầu tư phục vụ hoạt động dầu khí tại Việt Nam. Ký các Hợp đồng xuất nhập khẩu do các đơn vị ngoài ngành dầu khí ủy thác.
5. Liên doanh liên kết với các công ty, các đơn vị thương mại trong và ngoài nước để triển khai các dự án về dầu khí cũng như các dự án khác tại Việt Nam hoặc nước ngoài.
6. Thực hiện các dự án lớn về dầu khí theo sự ủy quyền của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
7. Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
8. Vận tải dầu thô. Đại lý vận tải, môi giới và cung ứng tàu biển vận tải dầu thô.

Trụ sở : Nghi Liên - Nghi Lộc - Nghệ An (Quốc lộ 1A - Km số 7 Vinh - Hà Nội)
Điện thoại : (038) 851247 - 852035 - 851136 * Fax : (038) 8511247



ISO 9002

-
- The top image shows two bags of NLP fertilizer. The left bag is labeled 'NLP.I 5-10-' and the right bag is labeled 'NLP.K 5-10-3'. Both bags feature a red maple leaf logo and the text 'TL 20 KG'. The bottom image shows a person wearing a hat and a light-colored shirt, working in a field of tall green plants, likely corn, using a tool to tend to the crops.

20 năm kinh nghiệm nghiên cứu chế biến các loại phân bón
có hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học chuyên ngành
Có hệ thống Quản lý chất lượng đạt Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002

CÔNG TY HÒA CHẤT VINH

Người ban tin cây của Nông dân và Nông nghiệp

HX
9
H6813
no.2
2002

Tạp chí Công sản

Quân
Nhâm Ngọ

ĐẶC BIỆT + SỐ 2

2002

UNIV. OF MICH.
FEB 13 2002
CURRENT SERIALS



CÔNG TY GIẤY BÃI BẰNG

BAI BANG PAPER COMPANY (BAPACO)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH: Thị trấn Phong Châu, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 829755 / 829181 / 829182 / 829184 Fax: (0210) 829 177

E mail: BAPACO PN @ HN. VNN. VN

Tài khoản: 710A.00.001 Ngân hàng Công thương khu vực Đến Hùng - Phú Thọ

CHI NHÁNH CÔNG TY: **Tại Hà Nội:** 142 Đội Cấn, Ba Đình, HN ĐT-Fax : 04. 7220 347, Email: BAPACO @ HN.VNN.VN
Tại Đà Nẵng: 68 Hàm Nghi - Quận. Thanh Khê -Tp. Đà Nẵng ĐT: 0511655306 / Fax: 0511650418
Tại TP HCM: Số 6 Đường Bàu Cát 4, P.13, Q.Tân Bình, TP. HCM ĐT: 08. 8493 821/Fax: 08. 8493 822

CÔNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN
VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 632

**Số Đặc biệt + Số 2
1-2002**

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 9422061
Fax : 04 8222846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 8225768

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

• TỔNG BIÊN TẬP:

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Đất nước - Mùa xuân
Tranh : Phan Hải Sơn

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

MÙNG XUÂN, MỪNG ĐẢNG, MỪNG ĐẤT NƯỚC

*** Những bài phỏng vấn quan trọng đầu xuân**

NÔNG ĐỨC MẠNH - Năm Nhâm Ngọ đất nước tiếp tục thế đi lên	3
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại	6
NGUYỄN MINH TRIẾT - Thành phố Hồ Chí Minh, mùa xuân đầu thiên niên kỷ	10
Lời chúc mừng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp	13
HOÀNG TÙNG - Không ngừng đổi mới - mãi mãi thanh xuân	14
NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC - Sức xuân Việt Nam	15
VĂN TẠO - Ảnh dương mùa xuân mới	17

MÙA XUÂN - ĐẤT NƯỚC

VŨ KHOAN - Hội nhập để phát triển	19
NGUYỄN DÝ NIÊN - Hoạt động đối ngoại trong năm 2001 đầy biến động	22
NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế - xã hội năm 2001	26
TÔ HUY RÚA - Doanh nghiệp nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	31

TRÊN CÁC NẸO ĐƯỜNG TỔ QUỐC

TRỊNH LONG BIÊN - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Lai Châu	39
VŨ PHÒNG - Ghi chép tản mạn ở cấp huyện	44
KIM NGÂN - Bà Rịa - Vũng Tàu vào xuân	49
NGUYỄN TẤN QUYÊN - Sóc Trăng chào đón xuân mới 2002	51
NHƯ HÙNG - Bom Bo - Mùa xuân lại về	53

TẢN MẠN NGÀY XUÂN

NGUYỄN VĂN THƯỜNG - Ngày xuân bàn về sức khỏe - môi trường	56
NAM BA CẨM VÂN - Ngày xuân nói chuyện câu đối	60
CUNG KHẮC LƯỢC - Xuân Nhâm Ngọ nhân đàm về con ngựa	65
TRẦN QUỐC VƯỢNG - Nhân tết cổ truyền : Tản mạn về văn hóa dân gian Hà Nội	67

NHÌN RA THẾ GIỚI

TÊ KIẾN QUỐC - Trung - Việt tình hữu nghị đời đời bền vững	71
LÊ GIA XỨNG - Tầm cao mới của quan hệ hợp tác Việt Nam - Ấn Độ	74
PHẠM ĐỨC DƯƠNG - Ngày tết - lễ hội cầu mưa, cầu phúc các dân tộc Vùng Đông - Nam Á	77

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may (Lào) thăm Việt Nam và làm việc với Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản	80
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: В Ням Нго году страна продолжает позицию провижения вперед. **НГУЕН ФУ ЧОНГ:** Построить и сделать столицу быть все более богатой, красивой, цивилизованной и современной. **НГУЕН МИНЬ ЧИЕТ:** Город Хошимин: весна в начале нового тысячелетия Речь поздравления Генерала Во Нгуен Запа. **ХОАНГ ТУНГ:** Непрестанное обновление – вечная молодость. **ВУ ХОАН:** Интегрировать чтобы развиваться. **НГУЕН ЗИ НИЕН:** Внешнеполитическая деятельность в полном потрясениями 2001ом году. **НГУЕН ШИНЬ КУК:** Социально-экономический обзор 2001ого года. **ТО ТХУ РЫА:** Государственное предприятие в курсе индустриализации, модернизации со социалистической ориентацией во Вьетнаме. **ТЕ КИЕН КУОК:** Вьетнам – Китай: вечно-прочная дружба. **ЛЕ ЗА СЫНГ:** Новый высокий уровень в кооперативных отношениях между Вьетнамом и Индией. **ФАМ ДЫК ЗЫОНГ:** Новогодний пракздник – фестиваль молитвы о дожде, о счастье национальностей Юго – Восточной Азии.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: In the Nham Ngo year the country continuously keeps the disposition of forward march. **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** To build and make the capital be more and more wealthy, beautiful, civilized and modern. **NGUYỄN MINH TRIẾT:** Ho Chi Minh city - a spring at the beginning of the new millennium. General Vo Nguyen Giap's congratulating speech. **HOÀNG TÙNG:** Unceasing renovation – eternal youth. **VŨ KHOAN:** To merge in order to develop. **NGUYỄN DÝ NIÊN:** Foreign activities in the full – of - changes 2001 year. **NGUYỄN SINH CÚC:** Socio-economic overview of 2001. **TÔ HUY RÚA:** The state enterprise in the cause of socialist – oriented industrialization and modernization in Vietnam. **TẾ KIẾN QUỐC:** Vietnam – China: an ever unshakable friendship. **LÊ GIA XÚNG:** A new height in cooperative relations between Vietnam and India. **PHẠM ĐỨC DƯƠNG:** The New Year's holidays – rain and happiness praying festivals of the nationalities of Southeast Asia.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: L'essor du Vietnam durant l'année lunaire "Nhâm Ngọ". **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** Une capitale chaque jour plus prospère, moderne et belle. **NGUYỄN MINH TRIẾT:** Ho Chi Minh-ville au printemps du nouveau millénaire. Les vœux du général Võ Nguyên Giáp. **HOÀNG TÙNG:** Rénovation sans cesse – Jeunesse éternelle. **VŨ KHOAN:** L'intégration pour le développement. **NGUYỄN DÝ NIÊN:** Les activités extérieures en 2001 – une année de bouleversements. **NGUYỄN SINH CÚC:** Panorama socio-économique de 2001. **TÔ HUY RÚA:** Le rôle des entreprises d'Etat dans l'industrialisation et la modernisation à orientation socialiste au Vietnam. **TẾ KIẾN QUỐC:** Vietnam-Chine, une amitié éternelle. **LÊ GIA XÚNG:** Nouvelles dimensions dans la coopération Vietnam-Inde. **PHẠM ĐỨC DƯƠNG:** Le Têt – une fête traditionnelle d'invocation de la pluie et du bonheur des populations de l'Asie du Sud-Est.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: En el año lunar "Nhâm Ngọ" nuestro país continúa avanzándose. **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** Una capital cada día más prospera, civilizada y moderna. **NGUYỄN MINH TRIẾT:** Ciudad de Ho Chi Minh en la primavera del nuevo milenio. Los saludos del General Vo Nguyen Giap. **HOÀNG TÙNG:** La renovación interminable – juventud eterna. **VŨ KHOAN:** La integración por el desarrollo. **NGUYỄN DÝ NIÊN:** Actividades exteriores en el año de 2001 lleno de cambios. **NGUYỄN SINH CÚC:** La panorama socio-económica del año 2001. **TÔ HUY RÚA:** Empresas estatales en causa de industrialización y modernización en orientación socialista en Vietnam. **TẾ KIẾN QUỐC:** La indestructible solidaridad China-Vietnam. **LÊ GIA XÚNG:** La nueva altura de relaciones cooperativas Vietnam-India. **PHẠM ĐỨC DƯƠNG:** El Têt – fiesta tradicional de imploración de lluvia y de felicidad practicada por los pueblos suresteasiáticos.

目 录

• 农德孟: 壬午年 — 我国继续保持前进趋势 • 阮富仲: 建设更加美丽、富裕、文明及现代的首都 • 阮明哲: 胡志明市、新千年的第一个春天 — 武元甲大将的贺词 • 黄松: 不断革新 — 永葆青春 • 武宽: 为了发展而融入 • 阮怡年: 充满变动的 2001 年的对外活动 • 阮生菊: 2001 年经济社会综观 • 苏辉若: 越南按社会主义定向工业化、现代化事业中的国有企业 • 齐建国: 中越友谊万古常青 • 黎嘉称: 越南 — 印度合作关系的新台阶 • 范德阳: 春节 — 东南亚地区各民族祈雨祈福的节日。

MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẢNG, MỪNG ĐẤT NƯỚC

NHỮNG BÀI PHỎNG VẤN QUAN TRỌNG ĐẦU XUÂN

Lời BBT : Nhân dịp năm mới 2002 và Tết Nhâm Ngọ, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã thực hiện những cuộc phỏng vấn đặc biệt quan trọng. Sau đây chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc nội dung của những cuộc phỏng vấn đó.

Đồng chí NÔNG ĐỨC MẠNH

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam



NĂM NHÂM NGỌ, ĐẤT NƯỚC TIẾP TỤC THẾ ĐI LÊN

1 - Hỏi : Thưa Đồng chí Tổng Bí thư, xin đồng chí cho biết thế và lực của đất nước ta như thế nào khi bước sang Xuân mới,

Xuân Nhâm Ngọ ?

Trả lời : Thế và lực của đất nước ta được tạo ra từ thành quả đạt được của nhiều năm.

Như Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ, ngày nay so với những năm đầu đổi mới, thế và lực của đất nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Bước vào năm 2001, cũng tức là năm Tân Ty, năm đầu thế kỷ mới, Đảng ta đã dự báo rằng, trước mắt nhân dân ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn. Diễn biến tình hình trong năm qua quả đúng như vậy. Có điều là bên cạnh những thuận lợi cơ bản, những khó khăn mà ta phải đối mặt là rất lớn, có những khó khăn không lường trước được, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Kinh tế thế giới lâm vào trì trệ và tiếp tục diễn biến phức tạp hơn sau sự kiện ngày 11-9 ở Mỹ, có những tác động bất lợi đối với một số lĩnh vực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở nước ta. Trong khi đó, trong nước, những thiệt hại do những trận lũ năm 2000 gây ra còn chưa khắc phục được nhiều thì những trận lũ lụt mới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Trung Trung Bộ đã làm cho tình hình thêm nặng nề, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của hàng chục triệu đồng bào.

Nhưng chính trong bối cảnh vô cùng phức tạp đó, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã biểu thị ý chí và quyết tâm lớn phấn đấu vượt qua khó khăn, giữ vững thế đi lên. Bức tranh năm 2001 là đáng khích lệ. Tình hình chính trị, xã hội của đất nước tiếp tục ổn định. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá. Một số lĩnh vực văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực. Quốc phòng - an ninh được củng cố. Các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước, làm tăng uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Trong đánh giá tình hình, chúng ta không coi nhẹ một chút nào những khó khăn to lớn còn phải đương đầu, những thiếu sót và khuyết điểm trong lãnh đạo và chỉ đạo còn phải tiếp tục khắc phục. Nhưng những thành tựu trong

năm Tân Ty cộng với tất cả những gì đã đạt được từ trước đến nay sẽ là hành trang quý giá để chúng ta vững bước tiến vào năm Nhâm Ngọ. Năm Con Ngựa chắc chắn sẽ là năm đất nước chúng ta tiếp tục thế đi lên.

2 - Hỏi : *Thưa Đồng chí, đâu là những đột phá để tạo ra chuyển biến mới trong tình hình kinh tế - xã hội năm Nhâm Ngọ ?*

Trả lời : Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) và Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X mới đây đã ra Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002. Chúng ta vừa coi trọng giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế vừa đặc biệt coi trọng chất lượng của tăng trưởng, tăng trưởng bền vững ; kế hoạch kinh tế - xã hội mỗi năm cần có những chỉ tiêu về chất lượng tăng trưởng. Một hệ thống các giải pháp tích cực về 5 loại vấn đề đã được đặt ra để thực hiện. Đó là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu ; phát triển toàn diện và phát huy yếu tố con người ; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Nếu chúng ta thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp đó thì sẽ tạo ra được những đột phá có ý nghĩa.

Ở đây, tôi muốn nói đến một tư tưởng lớn và rất cơ bản mà Đại hội IX nêu lên : Phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Cần nhận thức một cách đúng đắn rằng sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta tuyệt nhiên không phải là sự nghiệp riêng của Đảng, của Nhà nước hay của bất cứ một giai cấp, một tầng lớp xã hội nào. Đó là sự nghiệp chung của toàn dân tộc. Phát huy sức mạnh của toàn dân tộc có nghĩa là phát huy sức mạnh đại

đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng đất nước, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống ở trong nước hay ở nước ngoài ; là phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, của truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, của niềm khát khao xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Mọi chủ trương về chính trị, mọi chính sách về kinh tế - xã hội hay quốc phòng, an ninh, đối ngoại đều phải nhằm phát huy cho được sức mạnh toàn dân tộc. Phát huy được sức mạnh toàn dân tộc thì chúng ta có thể làm những việc đời non lấp biển, đưa sự nghiệp chung không ngừng tiến lên. Tôi nghĩ đó là đột phá của mọi đột phá mà chúng ta mong muốn.

3 - Hỏi : *Xin Đồng chí cho biết những biện pháp chủ yếu và khả thi để tiếp tục đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa IX) ?*

Trả lời : Chúng ta luôn xác định kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong khi khẳng định cần tiếp tục đi sâu, thực hiện có hiệu quả cả ba nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII nêu lên, Hội nghị Trung ương 4 cho rằng, hiện nay, chống tham nhũng, lãng phí là vấn đề nóng bỏng, trọng tâm cần tập trung sức giải quyết. Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ, có tính chất lâu dài, cơ bản, như Đại hội IX đã nêu, Ban Chấp hành Trung ương đã đưa ra tám biện pháp cụ thể nhằm ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí. Ba trong tám biện pháp đó là : *Một*, khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc ; các vụ án liên quan đến cán bộ lãnh đạo dù cán bộ đó ở cấp nào, cương vị nào cũng được xử lý

ng nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. *Hai*, kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức nhằm làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, công chức, tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát việc hình thành những tài sản mới, góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực. *Ba*, nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biểu, tặng cho cá nhân, tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo quy định. Các biện pháp đó đều có tính khả thi và nhất định phải được thi hành nghiêm chỉnh.

Nói đi đôi với làm là phẩm chất của người cán bộ, đảng viên.

4 - Hỏi : *Xin Đồng chí nói đôi điều với Tạp chí Cộng sản và bạn đọc của Tạp chí nhân dịp Xuân mới.*

Trả lời : Hơn 70 năm qua, kể từ ngày thành lập, Tạp chí Cộng sản, với những tên gọi khác nhau, và qua các thời kỳ của cách mạng, đã không ngừng cố gắng giữ vững vai trò cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Trong những năm đổi mới, Tạp chí đã góp một phần vào việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sau Đại hội IX, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Tạp chí Cộng sản đã đưa lên mạng In-tơ-nét Tạp chí điện tử, và đầu năm nay, bắt đầu xuất bản mỗi tháng 3 kỳ, thay cho 2 kỳ trước đây.

Nhân dịp Xuân mới, tôi chúc Tạp chí Cộng sản tiếp tục vươn lên, sát cánh cùng các cơ quan tư tưởng và lý luận của Đảng, đi tiên phong trên mặt trận tư tưởng và lý luận của Đảng. Xin chúc các bạn đọc của Tạp chí trong cả nước và ở nước ngoài một năm mới dồi dào sức khỏe, nhiều tiến bộ, thành đạt trong công việc và hạnh phúc gia đình. □

Đồng chí NGUYỄN PHÚ TRỌNG
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội :

XÂY DỰNG THỦ ĐÔ NGÀY CÀNG GIÀU ĐẸP, VĂN MINH, HIỆN ĐẠI

1 - Hỏi : Thưa Đồng chí Bí thư Thành ủy !
Tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long -
Hà Nội, xin Đồng chí cho biết những nét khái
quát về chiến lược xây dựng và phát triển Thủ đô
đến năm 2010 ?

Trả lời : Hướng tới 1000 năm Thăng Long -
Hà Nội, quán triệt Nghị quyết 15-NQ/TW của
Bộ Chính trị (khóa VIII) về phương hướng,
nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong thời kỳ 2001 -
2010 và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của
Đảng bộ thành phố, cán bộ, đảng viên và nhân
dân Thủ đô đang nỗ lực phấn đấu phát huy những
mặt tích cực, khắc phục những khó khăn, hạn
chế, quyết tâm đạt mục tiêu chiến lược đến
năm 2010 là : *Bảo đảm ổn định vững chắc về
chính trị, trật tự an toàn xã hội ; phát triển kinh tế -
khoa học công nghệ - văn hóa - xã hội toàn diện,
bền vững ; xây dựng về cơ bản nền tảng vật chất -
kỹ thuật và xã hội của thủ đô xã hội chủ nghĩa
giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà
bản sắc ngàn năm văn hiến ; nâng cao đời sống
vật chất và tinh thần của nhân dân ; phấn đấu
trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở
khu vực, xứng đáng với danh hiệu “Thủ đô
Anh hùng”.*

Muốn thế, Hà Nội phải tích cực xây dựng và
phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả
cạnh tranh, khả năng hội nhập kinh tế
quốc tế ; tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế
nhà nước ; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động
của kinh tế tập thể ; tạo điều kiện thuận lợi để



phát triển mạnh và liên kết chặt chẽ giữa các
thành phần kinh tế trên địa bàn, giữa kinh tế
Hà Nội với kinh tế cả nước. Đẩy mạnh hoạt động
kinh tế đối ngoại. Ưu tiên đầu tư cho các khâu đột
phá để tạo động lực phát triển.

Phát triển mạnh lực lượng sản xuất, kết hợp
với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định

hướng xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt : sở hữu, quản lý và phân phối, tạo ra sự phát triển đồng bộ, vững chắc. Bảo đảm kinh tế Thủ đô có nhịp độ tăng trưởng cao, ổn định, với cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng *tiếp tục phát triển công nghiệp có chọn lọc*, ưu tiên phát triển các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, hiệu quả kinh tế lớn, ít gây ô nhiễm môi trường ; *phát triển và nâng cao trình độ, chất lượng các ngành dịch vụ*, xây dựng Hà Nội thành trung tâm thị trường hàng hóa bán buôn, xuất nhập khẩu, trung tâm tài chính - ngân hàng hàng đầu ở khu vực phía Bắc và có vai trò quan trọng của cả nước ; *phát triển nông nghiệp và kinh tế ngoại thành theo hướng công nghiệp đô thị, sinh thái*, phấn đấu đi đầu cả nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Trong 5 năm tới, Hà Nội tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế *công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp* ; đồng thời chuẩn bị những điều kiện và bước đi phù hợp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng *dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp* trong những năm tiếp theo. Phấn đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm xã hội (GDP) của Hà Nội tăng 2,7 lần so với năm 2000 ; tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm 10 - 11% ; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân đạt 14 - 15%/năm, dịch vụ 10 - 10,5%/năm, nông nghiệp 2,5 - 3%/năm, xuất khẩu 16 - 18%/năm. Thu nhập bình quân của nhân dân tăng 2 lần so với năm 2000.

Hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị một cách đồng bộ, có trọng điểm, đi trước một bước so với yêu cầu phát triển Thủ đô. Chú trọng hệ thống giao thông đô thị (bao gồm cả các công trình ngầm, xe điện ngầm và đường sắt trên cao), hệ thống cấp thoát nước và xử lý rác thải, mạng lưới điện, bưu chính viễn thông, mạng lưới vườn hoa, cây xanh,... Đẩy mạnh việc quy hoạch và xây dựng nhà ở, xây dựng các khu đô thị mới. Nghiên cứu việc chỉnh trị sông Hồng và quy hoạch khai thác hai bên sông Hồng. Xây dựng mạng lưới đô thị vệ tinh xung quanh Thủ đô theo quy hoạch thống nhất. Chấn chỉnh và đổi mới công tác quản lý xây dựng, trật tự đô thị. Thực hiện tốt công tác quản lý dân cư trên địa bàn.

Xây dựng nền văn hóa Thủ đô tiên tiến, giàu bản sắc ngàn năm văn hiến. Phát triển mạnh giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội. Giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị còn 5,5 - 6% ; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương. Xây dựng con người Hà Nội vừa có phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam, vừa kế thừa, phát huy truyền thống ngàn năm Thăng Long - Hà Nội và Thủ đô Anh hùng. Quan tâm đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh ; bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; xây dựng Thủ đô thực sự là thành trì chủ nghĩa xã hội của cả nước.

Kiên toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc thành phố, các đoàn thể nhân dân, quyền làm chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; đi đầu trong cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, với truyền thống ngàn năm Thăng Long - Hà Nội, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp của các tỉnh, thành phố bạn, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô đang đẩy mạnh phong trào thi đua, quyết tâm xây dựng Hà Nội phát triển nhanh, vững chắc, góp phần cùng nhân dân cả nước thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2 - Hỏi : Xin Đồng chí cho biết, Đảng bộ Hà Nội đã đề ra những khâu đột phá nào và đã đạt được những thành tích gì trong năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ thành phố ?

Trả lời : Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ thành phố và Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Thành ủy Hà Nội đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm để đưa Nghị quyết vào cuộc sống bằng việc tiến hành quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô ; xây dựng chương trình công tác toàn khóa và được cụ thể hóa bằng 10 chương trình công tác lớn của Thành ủy. Các chương trình công tác đã chọn những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng, bức xúc để tập trung chỉ đạo và định hướng chính quyền xây dựng các kế hoạch triển khai, phân công tới từng đồng chí cấp ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành, chỉ đạo từng công việc cụ thể. Thành phố đã đề ra 9 cụm công trình trọng điểm trong giai đoạn 2001 - 2005 và xây dựng 9 quy chế khuyến khích hỗ trợ phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Hà Nội đã phối hợp với một số bộ, ban, ngành Trung ương đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình phát triển Thủ đô ; chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch, nội dung làm việc với một số tỉnh lân cận nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, tạo sự thống nhất, đẩy mạnh hợp tác phát triển vùng.

Qua một năm triển khai thực hiện Nghị quyết, tuy còn nhiều khó khăn, khuyết điểm, nhưng với sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương cùng với sự nỗ lực, kiên trì lao động và sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô, Hà Nội đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng mừng :

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Hà Nội tăng 10,03% so với năm 2000 (kế hoạch đề ra là 10 - 11%). Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng Đảng bộ thành phố đề ra. Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội tăng 17,5% (kế hoạch đề ra là 9,1%). Thành phố đã sử dụng nhiều biện pháp để huy động và sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả hơn năm 2000. Thu ngân sách vượt kế hoạch. Đã có hơn 3 000 doanh nghiệp được thành lập mới với số vốn đăng ký gần 4 000 tỉ đồng. Đầu tư nước ngoài có dấu hiệu được cải thiện và phục

hồi, vốn đăng ký tăng gần 3 lần so với năm 2000. Giá trị sản xuất công nghiệp mở rộng tăng 12,6%. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 11,2% (kế hoạch đề ra là 9 - 9,5%). Nông nghiệp và kinh tế ngoại thành phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị, sinh thái. Hoàn thành cơ bản công tác giao đất nông nghiệp cho các hộ nông dân. Diện tích trồng rừng tăng 3 lần.

Thành phố đang tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc trong xây dựng và quản lý đô thị ; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm ; xây dựng và công bố quy hoạch chi tiết các quận huyện. Năm 2001 đã xây dựng 843 000 m² nhà ở, vượt 68% kế hoạch và tăng 41% so với năm 2000. Đã khởi công xây dựng 65 nhà cao tầng, trong đó có 46 nhà cao 9 tầng trở lên.

Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Năm học 2000 - 2001, Hà Nội tiếp tục được Bộ Giáo dục - Đào tạo tặng cờ đơn vị dẫn đầu cả nước. Quy mô và chất lượng giáo dục được giữ vững ở các ngành học, cấp học ; duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở ; nâng tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày từ 58% năm học 2000 - 2001 lên 64% năm học 2001 - 2002. Toàn thành phố đã có 20 trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác đào tạo nghề có chuyển biến.

Thành phố đã hoàn thành và phê duyệt quy hoạch công nghệ thông tin đến năm 2010 ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hà Nội đã xây dựng và triển khai nhiều chương trình, dự án nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, từng bước xây dựng những giá trị văn hóa mới.

Tỷ lệ sinh giảm 0,02% so với năm 2000, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm còn 5,2% ; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em toàn thành phố từ 17,2% năm 2000 giảm xuống còn 16,5%. Cơ bản hoàn thành 4 chỉ tiêu y tế cơ sở. 100% số người nghèo được cấp sổ bảo hiểm y tế. Có thêm 65 000 người được cấp nước sạch. Hoạt động thể dục - thể thao được đẩy mạnh, các vận động viên Hà Nội đã đạt thành tích cao tại SEA Games 21, đóng góp 1/3 số Huy chương vàng cả nước.

Tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm từ 7,95% năm 2000 xuống còn 7,39%. Toàn bộ người nghèo đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Công tác phòng, chống ma túy bước đầu đạt kết quả. Hà Nội đã kiên quyết giải tỏa các tụ điểm ma túy, tệ nạn xã hội tại Thanh Nhàn, ao Thuộc Thọ và một số nơi khác.

Tiềm lực an ninh - quốc phòng của Thủ đô được tăng cường ; bảo đảm tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân, phục vụ tốt các hoạt động chính trị, hành chính, đối ngoại quốc gia. Quan hệ giữa Hà Nội với các thủ đô, thành phố trong khu vực và thế giới tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, giảm bớt sự trùng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, phát triển đoàn viên, hội viên ; chú trọng đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động theo hướng sát dân, sát cơ sở.

Đảng bộ thành phố đang triển khai rà soát, đánh giá cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ chủ chốt. Các cấp ủy đảng từ thành phố đến cơ sở có chuyển biến tích cực, rõ nét trong việc đổi mới phương thức và phong cách lãnh đạo, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và đoàn kết thống nhất.

3 - Hỏi : Theo Đồng chí, chúng ta cần phải làm gì để Hà Nội mãi mãi xứng đáng là “Thành phố vì hòa bình”, “Thủ đô Anh hùng”, “Trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế” ?

Trả lời : Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) đã chỉ rõ : “Xây dựng và bảo vệ Thủ đô Hà Nội là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân. Các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các địa phương trong cả nước có trách nhiệm cùng Đảng bộ, nhân dân Hà Nội hoàn thành sự nghiệp vẻ vang đó”. Nghị quyết đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan trung ương, địa phương trong

cả nước và lãnh đạo thành phố Hà Nội trong sự nghiệp phát triển Thủ đô :

“Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành cùng Hà Nội xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Hà Nội trên nguyên tắc bảo đảm quy hoạch và quan hệ phối hợp ngành - lãnh thổ và quan hệ giữa các địa phương trong cả nước”.

“Các bộ, tổng cục, các cơ quan trực thuộc Chính phủ phối hợp với Hà Nội xây dựng kế hoạch và cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô ; thường xuyên kiểm tra, giúp Hà Nội tháo gỡ những khó khăn, ách tắc ; động viên cán bộ, công chức, các đơn vị trực thuộc tích cực tham gia xây dựng Thủ đô”.

“Các tỉnh, thành chủ động mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác với Thủ đô phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của mình”.

“Lãnh đạo thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của Thủ đô, các cơ chế, chính sách năng động, thích hợp để đẩy mạnh sự nghiệp phát triển, bảo vệ Thủ đô. Tổ chức chỉ đạo có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng năm, các chương trình, dự án trọng điểm đã được nhà nước phê duyệt. Mở rộng các hình thức cung cấp, trao đổi thông tin, liên doanh, liên kết, hợp tác với các địa phương trong cả nước, với các đối tác nước ngoài nhằm phát huy vị trí, vai trò của Thủ đô”.

Hiện nay, theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Hà Nội đang cùng một số bộ, ban, ngành ở trung ương và địa phương tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả sau một năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị để rút kinh nghiệm, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ trong năm 2002 và những năm tiếp theo. Chúng tôi cố gắng để Thủ đô Hà Nội vượt mọi khó khăn, ngày càng phát triển nhanh và vững chắc, từng bước tiến lên văn minh, hiện đại, đáp ứng được sự tin yêu và lòng mong mỏi của nhân dân. □

Đồng chí NGUYỄN MINH TRIẾT

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh :

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, MÙA XUÂN ĐẦU THIÊN NIÊN KỶ

1 - Hỏi : Kính thưa Đồng chí, khi năm cũ sắp qua đi, năm mới đến, trên cương vị Bí thư Thành ủy của một thành phố lớn, năng động, đông dân nhất và đi đầu trong nhiều phong trào tích cực của cả nước, xin Đồng chí cho một vài ý kiến đánh giá về những công việc mà Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm được trong năm đầu của thế kỷ mới, cũng như những dự định lớn trong thời gian tới ?

Trả lời : Năm 2001 là năm có nhiều ý nghĩa lịch sử trọng đại : năm mở đầu thiên niên kỷ mới và thế kỷ mới, năm đầu tiên cả nước triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với Thành phố Hồ Chí Minh, đây cũng là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ thành phố với mong muốn và quyết tâm dồn sức trên mọi lĩnh vực để có chuyển biến

ngay trong năm đầu ; tạo được không khí, sức sống, niềm tin mới ; hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu, kế hoạch đã đặt ra.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có số dân cao nhất nước được hội tụ từ nhiều nguồn. Đa dân tộc, đa tôn giáo, tín ngưỡng là đặc trưng văn hóa của cộng đồng cư dân nơi đây. Đó vừa là thế mạnh, đồng thời cũng đặt ra những khó khăn không nhỏ đối với Thành phố. Nhiệm vụ của Đảng bộ Thành phố là phát huy mọi khả năng, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh sản xuất, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội ; tiếp tục thực hiện tốt các phong trào như phong trào xóa đói, giảm nghèo (XĐGN), xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa, phong trào thanh niên xung kích, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc v.v.



Nhìn lại năm qua, có thể mạnh dạn đánh giá rằng, tuy chưa đạt so với kế hoạch, nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển, có những tăng trưởng đáng khích lệ và vững chắc hơn. Tổng sản phẩm GDP tăng 9,47%. Tổng thu ngân sách ước đạt 28 000 tỉ đồng, tăng 10% so với năm 2000. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 6,25 tỉ USD. Sản xuất công nghiệp đạt gần 60 nghìn tỉ đồng (tăng hơn 16% so với cùng kỳ). Bảy tổng công ty nhà nước trên địa bàn Thành phố đều hoạt động có hiệu quả. Nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào nuôi bò sữa, nuôi tôm nước mặn, nước ngọt vùng ngoại thành phát triển, tìm được thị trường đầu ra. Bộ mặt nông thôn vùng ven đô có nhiều đổi thay đáng kể; đường giao thông được nâng cấp và làm mới. Giải quyết việc làm cho 190 000 lao động.

Ngay từ đầu năm, thành phố đã triển khai tổ chức thực hiện 12 chương trình và công trình trọng điểm trong giai đoạn 2001 - 2005 và Năm trật tự đô thị 2001. Trong năm đầu thế kỷ, mới chọn ra một số nội dung mang tính đột phá và khả thi để triển khai thực hiện trước, tạo tiền đề cho các giai đoạn sau: lập lại trật tự lòng, lề đường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt; xây dựng kế hoạch 5 năm chương trình chống ùn tắc giao thông, chống ngập nước nội thị mùa mưa; chấn chỉnh trật tự trong lĩnh vực quảng cáo, xây dựng Ủy ban nhân dân 22 quận - huyện và mỗi sở, ngành, đoàn thể đều có kế hoạch, chương trình hành động cụ thể và thật sự quan tâm trong tổ chức thực hiện. Qua sơ kết, đánh giá, kết quả ban đầu rất khả quan, “đường đã thông hơn, hè đã thoáng hơn”, số vụ ùn tắc giao thông nghiêm trọng và số vụ tai nạn giao thông từng bước giảm. Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản đi tiên phong trong quản lý trật tự đô thị và thiết lập trật tự an toàn giao thông. Đã xóa và giảm được nhiều điểm ngập nước trong thành phố; chấn chỉnh trật tự lề đường, vỉa hè. Kết quả thực hiện các chương trình phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS cho thấy, bước đầu đã tạo được sự chuyển động khá tích cực trong tư tưởng chỉ đạo và kế hoạch phối hợp hành động của các cấp, các ngành, Mặt trận và đoàn thể từ cấp thành phố đến cơ sở. Động viên và khơi dậy phong trào toàn

dân tham gia đấu tranh chống tiêu cực và tệ nạn xã hội. Đã xây dựng được nhiều mô hình hoạt động phòng chống AIDS có hiệu quả (“Quán cà phê thanh niên”; “Trung tâm tham vấn cộng đồng”; “Bạn giúp bạn”...), được đánh giá cao và nhân rộng ra nhiều, tỉnh, thành, góp phần khống chế sự phát triển của đại dịch này. Thực hiện chương trình “ba giảm”, các lực lượng công an thành phố đã tập trung nhiều biện pháp để tuyên truyền, vận động và kiên quyết xử lý tội phạm. Nhờ vậy, tính đến tháng 12-2001, đã giảm được 7,85% số vụ phạm pháp hình sự so với cùng kỳ năm 2000; đưa 10 000 con nghiện đi cai nghiện tập trung.

Công tác XĐGN được mở đầu từ Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được phát huy. Từ kết quả thực tiễn, tiếp tục nghiên cứu và xây dựng các mô hình giảm nghèo theo hướng đa dạng hóa phương thức đầu tư vốn XĐGN; chú trọng mở rộng một số mô hình hỗ trợ hộ nghèo nâng cao kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, đào tạo tay nghề, giải quyết việc làm; từng bước củng cố và bổ sung chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo. Thành phố đã quyết tâm tập trung chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư làm chuyển biến 20 xã, phường nghèo trọng điểm.

Thành phố đã chỉ đạo thủ trưởng các sở, ngành, quận, huyện phải rà soát ngay hồ sơ khiếu nại tồn đọng tại đơn vị mình; lập danh sách và có kế hoạch giải quyết dứt điểm cho tới trước Tết Nguyên đán; sẽ phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng giải quyết sai hoặc tồn đọng, trở thành điểm nóng, khiếu kiện vượt cấp.

Thành phố sớm thí điểm cải cách hành chính: bộ máy ở thành phố và các quận, huyện được tổ chức lại phù hợp hơn, tinh gọn hơn, chức năng nhiệm vụ rõ ràng hơn. Thực hiện chế độ “một cửa, một dấu” ở hầu hết các quận, huyện; thực hiện khoán quỹ lương, khoán biên chế. Các đồng chí trong thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố và các cấp, mỗi người tiếp dân một ngày trong một tháng kịp thời giải quyết những khiếu nại còn tồn đọng của nhân dân, khiến cho lãnh đạo gần dân hơn.

Qua kết quả tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhiều cấp ủy đã

xây dựng chương trình hành động nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Số đông đảng viên mắc khuyết điểm đã có kế hoạch sửa chữa với quyết tâm cao và có sự giám sát của tập thể.

Thành tựu tuy nhiều, nhưng tồn tại cũng không ít. Đó là : cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu kém ; đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn ; công tác lãnh đạo, quản lý chưa theo kịp với yêu cầu ; cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân được triển khai nhưng hiệu quả thấp ; ở nhiều cơ quan, nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, việc thực hiện cải cách hành chính chưa triệt để. Công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực còn lỏng lẻo. Nhiều vấn đề phát sinh trong quản lý đô thị, vệ sinh môi trường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội ; chưa thật sự làm tốt công tác vận động quần chúng.

Ý thức được vai trò, vị trí của mình đối với cả nước nói chung, Nam Bộ nói riêng, trên đà của những thắng lợi trong năm đầu thế kỷ, Đảng bộ và nhân dân Thành phố xác định rõ những nhiệm vụ cụ thể cần phải làm để thực sự trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa lớn của cả nước. Phát triển kinh tế được coi là nhiệm vụ hàng đầu ; tiến hành đổi mới công nghệ, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực ; thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư. Phát huy và nâng cao vai trò của Thành phố trong phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Nam Bộ, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tăng kinh phí cho giáo dục, khoa học - công nghệ, phấn đấu trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, nghiên cứu, ứng dụng giống, cây, con.

Thành phố tiếp tục thực hiện các chương trình và công trình trọng điểm đã đề ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, tránh hiện tượng “đầu voi, đuôi chuột”. Tăng cường đào tạo cán bộ theo chức danh, theo yêu cầu công việc và dạy nghề ; đẩy mạnh đào tạo sau đại học. Chú trọng giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), lấy cơ sở đảng làm trọng tâm,

xác định rõ hơn nhiệm vụ cụ thể của tổ chức đảng cơ sở là phải gần dân, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của dân. Đảng viên ngoài sinh hoạt nơi công tác, phải gắn với chi bộ ở xã, phường để nhận được sự góp ý thường xuyên của dân. Đấu tranh không khoan nhượng với các hiện tượng thoái hóa, biến chất, tham nhũng, cửa quyền.

2 - Hỏi : *Xin đồng chí cho biết đôi nét về chương trình đón xuân mới Nhâm Ngọ của Thành phố Hồ Chí Minh.*

Trả lời : Chúng ta thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng không vì thế mà xuân sẽ kém vui. Ngược lại, phải có một cái Tết “đoàn kết, vui tươi, an toàn, tiết kiệm” cho mọi người, mọi nhà (cả người nghèo, người tàn tật, ốm đau...), không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng. Hạn chế tối đa các cuộc hội họp, tổ chức liên hoan linh đình ; không đốt pháo ; không biếu, tặng quà, thăm hỏi lẫn nhau một cách hình thức, vừa tốn kém, vừa làm mất lòng tin của nhân dân. Nhưng, một công việc khác lại không thể quên trong ngày xuân là thăm hỏi, động viên, tặng quà các gia đình cơ sở cách mạng, người có công với nước, gia đình chính sách, người tàn tật, trẻ em vô gia cư... Nói chung, các sở, ngành ở thành phố, các quận, huyện và cơ sở đã có các chương trình, kế hoạch cụ thể để phục vụ Tết theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Tôi xin dẫn một tin vui : Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo có kế hoạch mở miễn phí cho 2 000 người nghèo bị đục thủy tinh thể ở thành phố và các tỉnh để họ kịp vui đón Tết cùng mọi người.

Hằng năm, cứ mỗi dịp Tết đến, Thành phố Hồ Chí Minh lại đón một số lượng lớn Việt Kiều về thăm quê hương ; rất nhiều khách nước ngoài cũng đến chung vui và đón năm mới cùng Việt Nam. Thực hiện chính sách mở cửa và chương trình du lịch quốc gia “Việt Nam - điểm đến của thiên niên kỷ mới”, Thành phố sẽ cố gắng tạo mọi điều kiện để Việt kiều xa Tổ quốc về quê đón Tết ; khách nước ngoài đến Việt Nam du lịch và làm ăn ngay một nhiều, tạo cơ hội thuận lợi thu hút đầu tư. Sẽ tổ chức những hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí lành mạnh để đón một cái Tết thật vui, thật ý nghĩa. □

***LỜI CHÚC MỪNG
CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP***

[illegible]

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI - MÃI MÃI THANH XUÂN

HOÀNG TÙNG

NHÀ văn nổi tiếng người Pháp cùng Bác Hồ của chúng ta tham dự Đại hội thành lập Đảng Cộng sản năm 1920 viết rằng, chủ nghĩa cộng sản là thanh xuân của thế giới. Câu văn đó có nghĩa là học thuyết của Các Mác là một khoa học về những quy luật vận động của giới tự nhiên, xã hội, con người. Bản thân nó cũng vận động, biến đổi hòa nhịp với sự vận động nói trên - không ngừng đổi mới, phát triển, mãi mãi thanh xuân.

Là một chính đảng của những người mác xít Việt Nam, Đảng ta mãi mãi thanh xuân và không ngừng đổi mới, đi liền và dẫn đầu các quá trình phát triển của đất nước, xã hội, con người Việt Nam, phù hợp với các trào lưu tiên tiến của lịch sử nhân loại.

Kế thừa truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của dân tộc, tiếp thu những giá trị tinh hoa tư tưởng của các dân tộc khác, Bác Hồ mở đầu cuộc cách mạng tư tưởng, văn hóa ở nước ta, xác định con đường giải phóng đất nước và xã hội ta. Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và các lực lượng cách mạng của nhân dân ta, chỉ đạo tổ chức các cuộc đấu tranh cách mạng, giải phóng Tổ quốc và đồng bào, mở đường cho đất nước ta đi vào một thời kỳ phát triển lớn, xây dựng sự phồn vinh của đất nước, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Cuộc cách mạng của nhân dân ta trong thế kỷ XX là một cuộc đấu tranh lớn, một cuộc sáng tạo lớn trong lịch sử nước nhà. Từ thực tiễn đấu tranh và xây dựng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, Đảng ta đã khái quát lý luận về khoa học chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xây dựng và hoạt động của Đảng Cộng sản và Nhà nước cách mạng. Kho tàng lý luận của Đảng ta không ngừng được bổ sung bằng những giá trị mới, nghĩa là lý luận không

ngừng được đổi mới, phát triển và đi liền với thực tiễn cách mạng.

Bước vào một thế kỷ mới, vào thiên niên kỷ mới, để cách mạng nước ta nhanh chóng vươn lên hòa vào những trào lưu tiến hóa của nhân loại trong kỷ nguyên mới - nền văn minh trí tuệ, Đảng ta đã đề ra mục tiêu trong hai thập kỷ đầu, nước ta phải trở thành một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa về cơ bản. Muốn đạt được mục tiêu to lớn và khó khăn đó, chúng ta, toàn Đảng, và toàn xã hội phải vươn tới một tầm cao trí tuệ mới. Và vẫn phải có một ý chí lớn, một quyết tâm lớn như trong các cuộc chiến tranh giải phóng trước đây. Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng bao giờ cũng là một động lực to lớn.

Thanh xuân hóa Đảng không chỉ là tăng thêm số lượng đảng viên và đội ngũ cán bộ lãnh đạo trẻ tuổi mà nhân tố quan trọng hàng đầu là thanh xuân hóa tư tưởng, đổi mới tư duy của Đảng. Trong thời đại mới và trước những nhiệm vụ mới, Đảng ta không thể tư duy và hành động như trước đây. Biết bao vấn đề mới mẻ đã và đang đặt ra với chúng ta. Đất nước, con người, xã hội đang thay đổi từng ngày, song tư duy hướng cổ, hoài niệm quá khứ vẫn còn nặng nề. Loài người đang bước vào kỷ nguyên trí tuệ, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, sự đảo lộn sẽ diễn ra hết sức nhanh chóng. Một xã hội mới tất yếu sẽ xuất hiện, nhưng sự thay đổi chế độ không bao giờ giản đơn. Hơn bao giờ hết, những người mác xít phải tư duy như Mác, nghĩa là không những nắm bắt những cái mới mà còn phải nhận thức được bản chất và xu thế phát triển của nó, hành động đúng quy luật để thúc đẩy nó phát triển. Có làm được như vậy mới gọi là thanh xuân hóa. □

Sức xuân VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh từng nói : “Một năm bắt đầu từ mùa xuân, đời người bắt đầu từ tuổi trẻ”. Tuổi trẻ và Sức xuân là đồng nghĩa sự khởi đầu và sức vươn lên. Mùa xuân đến ! Cây cối đâm chồi nảy lộc. Muông thú tìm bạn kết đôi và sinh sôi nảy nở. Trời đất giao hòa trong nắng ấm và gió mới. Con người và vạn vật, mọi miền quê đất nước, mọi tộc người đều bật lên sức sống mới. Con người và đất nước Việt Nam chúng ta cũng nằm trong quy luật của thiên nhiên và cộng đồng nhân loại. Nhưng không chỉ có vậy. Nước ta, đất không rộng, người không đông, nhưng nằm ở vị trí địa chiến lược nên kể từ thời Hùng Vương dựng nước đến nay, trải qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, thời gian và công sức cho “công cuộc giữ nước” chiếm một phần lớn. Đất nước Việt Nam liên tục bị giặc ngoại xâm nên con người Việt Nam luôn phải “gồng” lên chống giặc, giữ nước. Sức xuân Việt Nam cũng là sức bật của một dân tộc nhỏ mà kiên cường bất khuất đứng lên chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Biết bao mùa xuân đã ghi những nét son chói lọi với những trận thắng vang dội mà mỗi khi nhắc đến, bất cứ người dân Việt Nam nào cũng rất đỗi tự hào - một nước nhỏ đã đánh bại chiến tranh xâm lược của nhiều nước lớn.

Mùa xuân năm 1077, người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt - tác giả của bản Tuyên ngôn

độc lập “Nam quốc sơn hà” - đã đánh bại đạo quân xâm lược Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt.

Đầu tháng giêng năm 1258, vua Trần Thái Tông cho lập phòng tuyến cản giặc Nguyên Mông ở Bình Lệ Nguyên trên sông Cà Lồ. Và ngày 29 tháng giêng năm đó, vua Trần đã trực tiếp chỉ huy bí mật bao vây và tập kích từ bốn hướng tiến công bất ngờ vào Đông Bộ Đầu, làm cho toàn bộ quân địch ở Thăng Long thiệt hại nặng phải rút chạy. Chiến thắng Đông Bộ Đầu đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ nhất.

Tháng giêng năm 1285, giặc Nguyên Mông lại ào ạt tiến xuống xâm lược nước ta. Thượng hoàng Trần Thánh Tông mời các cụ phụ lão cả nước về kinh đô họp ở điện Diên Hồng để hỏi kế đánh giặc. Trả lời câu hỏi của vua là nên đánh hay không, các phụ lão đã đồng thanh hô lớn : Đánh ! Và từ Diên Hồng, mùa xuân đó cả núi sông vang lên lời thề “Sát Thát”. Chỉ một tháng sau (tháng 2-1285), Trần Hưng Đạo thống lĩnh 20 vạn quân, dựa vào thế núi để phòng ngự, thế sông để dùng thủy binh, đã xây dựng phòng tuyến hiểm hóc ở Vạn Kiếp (tả và hữu ngạn sông Lục Đầu) nhằm cản bước tiến của giặc Nguyên.

Rồi tháng giêng năm 1288, tướng quân Trần Khánh Dư lập thế trận mai phục ở Vân Đồn và Cửa Lục. Toàn bộ đoàn thuyền gồm 17 vạn thạch lương do Trương Văn Hổ chỉ huy bị tiêu diệt, tướng và tàn quân sống sót phải nhảy xuống thuyền nhỏ trốn chạy về Hải Nam. Quân ta “bắt được tù binh, quân lương và khí giới nhiều không kể xiết” kết liễu cuộc chiến xâm lược nước ta lần thứ ba của giặc Nguyên Mông.

Tháng giêng năm 1785, Nguyễn Huệ đưa hai vạn quân thủy bộ từ Quy Nhơn vào Mỹ Tho lập thế trận ở Rạch Gầm - Xoài Mút. Ngày 19 tháng 1, chỉ bằng một trận tác chiến chiến lược,

* Trung tướng : PGS

toàn bộ chiến thuyền và phần lớn quân Xiêm và quân Nguyễn Ánh bị tiêu diệt.

Ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (30-1-1789), dưới sự chỉ huy của Quang Trung Nguyễn Huệ, nghĩa quân Tây Sơn tổ chức thành hai hướng, với lối thần tốc, đánh táo bạo, quả cảm và mưu lược đã đại phá quân Thanh tại thành Thăng Long và khu vực ngoại vi. Hướng tiến công chủ yếu do Nguyễn Huệ trực tiếp chỉ huy dùng tượng binh, bộ binh cầm tử, đại bác và hỏa hổ tiêu diệt hàng chục vạn quân Thanh tinh nhuệ tại cứ điểm then chốt Ngọc Hồi. Quân xâm lược không chống đỡ nổi, bỏ đồn chạy, đã chết và bị thương quá nửa. Tàn quân rút về thành Thăng Long lại bị quân của Đô đốc Bảo phục kích và diệt gọn ở Đàm Mục. Hướng tiến công thứ yếu do Đô đốc Long chỉ huy, tạo thành mũi vu hồi với sức cơ động nhanh đột phá mạnh, kết hợp với sức mạnh của nhân dân tại chỗ, đã nhanh chóng tiêu diệt quân địch ở đồn Đống Đa khiến tướng giặc là Sầm Nghi Đống phải treo cổ tự tử. Quân Tây Sơn thừa thắng tiến thẳng vào thành Thăng Long, làm rối loạn khu trung tâm, uy hiếp đại bản doanh của địch ở cung Tây Long. Tôn sĩ Nghi hoảng sợ rút chạy, đất nước ta sạch bóng quân thù.

Các mùa xuân đại thắng giặc ngoại xâm đã nối tiếp nhau bồi đắp sự trường tồn và sức mạnh vươn lên - rạng rỡ hùng khí sức xuân của dân tộc.

Nửa cuối thế kỷ XIX, khi triều đại phong kiến Việt Nam (nhà Nguyễn) suy thoái và đầu hàng, là thời cơ để thực dân Pháp, và sau này là phát xít Nhật nhảy vào xâm lược, đẩy dân tộc ta chìm trong gông xiềng nô lệ và đại nạn mất nước; lòng tự tôn dân tộc bị xúc phạm nghiêm trọng, một lần nữa, dân tộc Việt Nam lại vùng đứng lên chống giặc với những cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra từ Bắc chí Nam. Nhưng phải đến *Mùa xuân năm 1930*, Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, mới thật sự mở ra: sức xuân mới của dân tộc bắt nguồn từ trí tuệ Việt Nam kết hợp với đỉnh cao trí tuệ của loài người - chủ nghĩa Mác - Lê-nin - đã nhân lên sức mạnh mới của đất nước. Từ mùa xuân 1930 có Đảng, mới có Cách mạng tháng Tám 1945 thành công

mở ra kỷ nguyên mới: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; dẫn tới một Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam - đã đột phá thắng lợi và chặt đứt một mắt xích quan trọng nhất của chủ nghĩa thực dân, góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới vùng lên thành một dòng thác cách mạng lớn của thời đại.

Trong cuộc chiến đấu oanh liệt chống chủ nghĩa thực dân mới, chiến công nổi tiếp chiến công. Mùa xuân Mậu Thân (1968), với cuộc Tổng tiến công đồng loạt vào 41 thành phố và thị xã toàn miền Nam đêm mùng 1 và mùng 2 Tết, là một đòn sấm sét, làm lung lay tận gốc ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm phá sản "chiến lược chiến tranh cục bộ" tạo ra bước ngoặt quyết định để bước đến mùa xuân 1975, chúng ta đánh "cho ngày nhào" - một mùa xuân toàn thắng. Nước ta hoàn toàn độc lập và thống nhất.

Vượt qua những thử thách mới, với Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986) trước thềm mùa xuân 1987; Đảng ta đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện chủ động đưa nước ta từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tạo ra bước phát triển mới rực rỡ, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nghèo nàn và kinh tế chậm phát triển.

Sức xuân của Việt Nam - sức mạnh vươn lên không ngừng - bắt nguồn từ nền văn hóa đậm bản sắc dân tộc hội tụ thành truyền thống quật cường hòa quyện trong những đỉnh cao trí tuệ, đến thời đại Hồ Chí Minh sức mạnh đó đã phát triển toàn diện, kết hợp nhuần nhuyễn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đưa Việt Nam đứng vào đội ngũ các dân tộc đi tiên phong trong trào lưu tiến bộ và văn minh của thời đại.

Sức mạnh vươn lên không ngừng ấy cũng bắt nguồn từ sự phát triển không ngừng của trí tuệ Việt Nam trong dòng trí tuệ của loài người.

Sức xuân Việt Nam là mãi mãi. □

ÁNH DƯƠNG MÙA XUÂN MỚI

VĂN TẠO *

MỖI Đại hội của Đảng ta đều như mở ra “một mùa xuân mới” trong đấu tranh cách mạng. Cũng vậy, cứ mỗi mùa xuân mới đến, dân tộc ta lại tiến lên hoàn thành thêm một bước sự nghiệp cách mạng mà các Đại hội Đảng đề ra.

Biện chứng của lịch sử là như vậy, khiến Đại hội sau giành thắng lợi cao hơn Đại hội trước. Đại hội IX của Đảng được vinh dự kế thừa và phát huy những thắng lợi của tám kỳ Đại hội trước. Qua chín kỳ Đại hội, Đảng ta, dân tộc ta đã bước vào thế kỷ mới, vào thiên niên kỷ mới với vinh quang và tự hào của những người chiến thắng.

Chúng ta thắng thực dân, phong kiến, đế quốc, phát xít... giành được hoàn toàn độc lập, tự do, góp phần vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới. Chúng ta thắng thiên tai, địch họa, đẩy lùi đói nghèo, lạc hậu đồng thời mỗi năm còn xuất khẩu được hàng triệu tấn gạo, góp thêm lương thực cần thiết cho loài người. Mới chỉ hơn mười năm phấn đấu mà từ đói nghèo chúng ta đã tiến lên được như vậy, bạn bè năm châu cho là thật “kỳ diệu”. Đại hội IX của Đảng thành công, chúng ta kịp thời đón xuân sang : **Xuân Nhâm Ngọ**. Năm Nhâm Ngọ - năm “con ngựa”, dưới ánh sáng của Đại hội IX : **Đại hội Trí tuệ - Dân chủ - Đoàn kết - Đổi mới**, chúng ta cố gắng tiến lên với sức mạnh “phi mã” như bạn bè ta mong đợi.

“Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới” chính là ánh dương của mùa xuân mới - mùa xuân thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xuân này, với “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010”, chúng ta quyết tâm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong khung cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu đang đưa lại thời cơ mới, đồng thời cũng phải đương đầu với những thách thức mới. Chúng ta phải giành cho kỳ được chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 2010 gấp đôi năm 2000 ; phải xóa được đói, giảm được nghèo, sao cho người nghèo được giàu lên, người giàu giàu thêm nữa...

Trí tuệ giúp chúng ta từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới,... cải cách nền hành chính quốc gia - những tiền đề tất yếu dẫn tới sự ra đời của **thương mại điện tử** và **chính phủ điện tử** để sánh vai với bốn biển, năm châu.

Trí tuệ tạo điều kiện cho chúng ta phát huy **dân chủ**. Dân chủ từ cơ sở làm cho phương châm “**dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra**” trở thành hiện thực phổ biến và hiệu quả. Hội đồng nhân dân các cấp thực sự nói lên tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân. Các đại biểu Quốc hội ngày càng được nâng cao về chất lượng, xứng đáng là người đại diện chính đáng và hợp pháp lợi ích của nhân dân. Những câu trả lời chất vấn của Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ không chỉ lấy lệ nữa, mà dám nhận trách nhiệm trước nhân dân nếu chưa làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao phó. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, kỷ luật. Hệ thống pháp luật được xây dựng và ban hành cùng với Hiến pháp năm 1992 vừa được sửa đổi, bổ sung một số điều đã nâng sinh hoạt dân chủ lên một tầm cao mới.

* GS

Trí tuệ, dân chủ giúp chúng ta tăng cường **đoàn kết**. Đoàn kết toàn dân, toàn diện mà trọng tâm là **đoàn kết trên mặt trận kinh tế**, nhằm đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất. Trên cơ sở đó, quan hệ sản xuất được củng cố, nâng cao từng bước và phù hợp với trình độ của sức sản xuất.

Đó chính là đoàn kết trên cơ sở **đổi mới**, trước hết là **đổi mới tư duy**. Từ đổi mới tư duy kinh tế, đến đổi mới văn hóa, xã hội... Đại hội IX của Đảng quyết định xây dựng sáu thành phần kinh tế, đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đó là tư duy đổi mới chưa từng có trong lịch sử kinh tế - xã hội nước ta.

Có quan niệm cho rằng, nền kinh tế 6 thành phần vận hành theo cơ chế thị trường sẽ làm tăng chủ nghĩa cá nhân, giảm tính cộng đồng, giảm khả năng đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Thực tế xã hội Việt Nam cho thấy không phải như vậy. Kinh tế ổn định và phát triển là nền tảng để tăng cường đoàn kết. Để đoàn kết hơn nữa, Nghị quyết Đại hội IX còn quyết tâm bảo đảm sự đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đoàn kết trên mặt trận kinh tế đã góp phần nâng cao và củng cố đoàn kết trên các mặt trận khác.

Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết dẫn đến thành công trong **đổi mới**. Đổi mới thành công lại khiến đoàn kết cao hơn, rộng hơn, vững chắc hơn. Tất cả đã góp phần đưa đến ổn định xã hội, được bạn bè quốc tế hoan nghênh. Tại hội nghị các nhà đầu tư mới đây, Việt Nam được coi là nước có môi trường ổn định nhất cho đầu tư ở khu vực. Tăng trưởng kinh tế, giáo dục phát triển, dân trí, văn hóa được nâng cao. Hàng vạn tiến sĩ, thạc sĩ đã được đào tạo chỉ trong mấy thập kỷ quả là một kỳ tích so với cả một thiên niên kỷ xã hội phong kiến trước đây chỉ đào tạo được gần 4 000 tiến sĩ.

Sang thế kỷ XXI, vai trò con người càng tỏ rõ là có ý nghĩa quyết định nhất. Đã có người ngộ nhận rằng : giàu có về tiền tài, thừa thãi về vũ khí tối tân, lại nắm được khoa học - kỹ thuật tiên tiến nhất thế giới v.v., là có thể thực hiện được chủ nghĩa bá quyền trên thế giới, sai khiến được mọi

người, tiêu diệt bất cứ ai chống đối, hủy diệt môi sinh đi đôi với hủy diệt con người không tiếc tay...

Nhưng nhiều sự kiện mới nảy sinh trên thế giới vừa qua lại chứng minh ngược lại. **Dân tộc nào chăm lo xây dựng con người, tôn trọng con người, hướng thiện trong việc giáo dục, xây dựng con người... thì dân tộc đó thành công và chiến thắng trong cuộc cạnh tranh bút phá hiện nay.**

Ông cha ta từng có chiến lược “**Tâm công**” tức **Đánh vào lòng người**, dù ta không giàu tiền bạc, không nhiều vũ khí tối tân... nhưng ta đã thắng được mọi kẻ thù.

Đại hội IX của Đảng ta cũng như các Đại hội trước đều tuân theo lời dạy của Bác Hồ thực hiện phương châm hành động : “Tất cả do con người, tất cả vì con người”. Bác chăm lo “trồng” người. Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng : Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào ; học tập tốt, lao động tốt ; kỷ luật tốt, đoàn kết tốt ; giữ gìn vệ sinh thật tốt ; khiêm tốn, thật thà, dũng cảm được kết tinh ở Huy hiệu trên ngực áo thiếu niên, nhi đồng là “**Măng non mọc thẳng**”. Bác gắn việc trồng cây với việc trồng người : “**Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người**”. Thành công trong “trồng người” là tiền đề của thắng lợi trong đấu tranh chống thiên tai, địch họa, xây dựng đất nước mạnh giàu. Chúng ta coi : chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là **mùa xuân nhân loại**. Mỗi Đại hội Đảng là một bước dẫn dắt dân tộc ta tiến tới gần mùa xuân cao đẹp đó.

Mùa xuân này chúng ta tiếp tục tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, mở đầu bằng “**Tết trồng cây năm Nhâm Ngọ**”.

Theo lời dạy của Bác, chúng ta gắn sự nghiệp trồng cây với sự nghiệp trồng người để qua mỗi chặng xuân, chúng ta tiến gần hơn tới “**Mùa xuân lý tưởng - Mùa xuân nhân loại**”.

Đại hội IX của Đảng diễn ra vào mùa xuân mở đầu thế kỷ, thiên niên kỷ mới, sẽ nâng bước chúng ta đón nhiều mùa xuân thắng lợi mới của cách mạng Việt Nam. □

HỘI NHẬP

để PHÁT TRIỂN

VŨ KHOAN *

N GÀY 27-11-2001, Bộ Chính trị đã ra *Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế* nhằm cụ thể hóa một chủ trương lớn được nêu ra tại Đại hội lần thứ IX của Đảng là : “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực* theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”.

Nghị quyết ra đời vào một thời điểm rất có ý nghĩa. Năm 2001 là năm đầu tiên của thế kỷ mới, năm nhân dân ta phấn đấu quyết liệt nhằm thực hiện Kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), cũng như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) do Đại hội IX thông qua. Bên cạnh việc thực hiện những cam kết trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), nước ta bước vào thực hiện Hiệp định Thương mại song phương với

Hoa Kỳ, có hiệu lực kể từ ngày 10-12-2001, đồng thời bắt đầu đàm phán thực chất về việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Toàn bộ bối cảnh ấy đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải có nhận thức thống nhất về nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, hiểu rõ những cơ hội cũng như những thách thức do quá trình ấy đem lại và quan trọng hơn là tích cực, chủ động chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tận dụng thời cơ và ứng phó với thách thức.

Thực ra hội nhập kinh tế quốc tế không phải là điều mới mẻ với nước ta. Từ những năm 70 của thế kỷ trước, nước ta đã tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), từ giữa những năm 90 nước ta đã gia nhập ASEAN, APEC, ASEM. Hơn thế nữa, trên thực tế

* Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Bộ trưởng Bộ Thương mại

nền kinh tế nước ta đã gắn kết ngày càng sâu với kinh tế khu vực và thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nước ta chiếm xấp xỉ 1/2 giá trị GDP, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp tới 12 - 13% GDP, trên dưới 20% kim ngạch xuất khẩu, trên dưới 30% sản lượng công nghiệp, 7 - 8% thu nhập của ngân sách... Như vậy trên thực tế, quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới đã diễn ra từ lâu và đã góp phần gia tăng quốc lực tổng hợp của nước ta.

Đó là về mặt vật chất. Còn một mặt khác không kém phần quan trọng là nhờ “thế” và “lực” mới được tạo dựng nên trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, nhờ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, nước ta đã đẩy lùi được chính sách bao vây cấm vận Việt Nam ; hai lần trong một thập kỷ vượt qua được sự khủng hoảng về thị trường : lần thứ nhất do chủ nghĩa xã hội bị tan rã ở Đông Âu và Liên Xô, lần thứ hai liên quan tới cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở khu vực Đông - Nam Á. Trong quá trình hội nhập ban đầu ấy, một tư duy kinh tế mới sát hợp với nền kinh tế thị trường trên thế giới đã được hình thành. Chúng ta từng bước xây dựng được một đội ngũ cán bộ và các nhà doanh nghiệp thích nghi dần với các “luật chơi” trên thương trường quốc tế. Không ít sản phẩm đã được nâng cao sức cạnh tranh, chiếm thị phần đáng kể trong nền thương mại thế giới.

Tuy nhiên, nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế vẫn chưa đạt được sự nhất trí cao và nhất quán, một số người quá giản đơn, chỉ

nhấn mạnh những cơ hội, không nhận thức đầy đủ những thách thức sẽ nảy sinh ; ngược lại có những người chỉ nói tới thách thức, không tin vào khả năng của đất nước và nhân dân ta. Phổ biến là thái độ thụ động, coi việc này là của các cơ quan trung ương và còn xa vời, từ đó không tích cực chủ động tìm hiểu những “luật chơi” của nền kinh tế thế giới, đổi mới công nghệ và phương pháp quản lý, chuyển dịch cơ cấu cho sát hợp với đòi hỏi của thị trường quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh ; ỷ lại vào sự bảo hộ ở mức cao và lâu dài của Nhà nước. Tình hình này rất không có lợi và thậm chí rất nguy hại trong bối cảnh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới đã “gõ cửa” nước ta.

Để thống nhất nhận thức và hành động, Nghị quyết của Bộ Chính trị đã nêu rõ mục tiêu, các quan điểm chỉ đạo cũng như những nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Trước hết ta hãy luận bàn về mục tiêu của hội nhập. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra mục tiêu trong 10 năm, tới năm 2010, phải đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và tới năm 2010 GDP tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000.

Để đạt mục tiêu đó thì một trong những biện pháp có ý nghĩa hàng đầu là tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, nước ta vẫn thuộc loại nước nghèo, thu nhập của các tầng lớp dân cư còn thấp, sức mua trong nước có hạn, do đó cần đẩy mạnh xuất khẩu để thúc đẩy sản xuất

trong nước, tạo công ăn việc làm. Đó là ở “đầu ra”. Còn ở “đầu vào” thì nước ta vẫn cần thu hút thêm vốn đầu tư, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý.

Toàn bộ tình hình đó đòi hỏi phải mở rộng thêm thị trường ngoài nước, tranh thủ có nhiều đối tác, hội nhập vào nền kinh tế thế giới để không bị phân biệt đối xử. Đó chính là tinh thần cơ bản của mục tiêu hội nhập đã được nêu lên trong nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ chính trị.

Nghị quyết của Bộ Chính trị đã nêu rõ hệ thống hoàn chỉnh các quan điểm chỉ đạo và những biện pháp cần thực hiện trong quá trình hội nhập. Ở đây chỉ xin nhấn mạnh một biện pháp có ý nghĩa sống còn, quyết định sự thành bại trong quá trình hội nhập ; đó là tích cực, chủ động *nâng cao sức cạnh tranh*.

Khi nói tới khả năng cạnh tranh, cần tiếp cận trên cả ba cấp độ : khả năng cạnh tranh của từng mặt hàng và loại hình dịch vụ, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của cả quốc gia.

Khả năng cạnh tranh của các mặt hàng và loại hình dịch vụ được cấu thành bởi các nhân tố : chất lượng cao, được chế biến và chế tạo (đối với hàng hóa) hoặc tổ chức tốt (đối với các loại hình dịch vụ) đem lại giá trị gia tăng cao ; giá thành hạ ; hợp với thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng, được tiếp thị tốt.

Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp được thể hiện ở chiến lược kinh doanh thích hợp từ khâu nắm bắt thông tin đến khâu tổ chức sản xuất ; đổi mới công nghệ và phương pháp quản lý, phục vụ với năng suất và hiệu

quả cao ; đổi mới mặt hàng và loại hình dịch vụ ; tiếp thị quảng cáo tốt.

Một quốc gia có khả năng cạnh tranh cao phải chăng nhờ ở sự ổn định về chính trị - xã hội và an ninh quốc gia ; có một hệ thống pháp luật đầy đủ, ổn định và nhất quán kèm theo một hệ thống các cơ quan bảo vệ và thực thi pháp luật hữu hiệu ; có kết cấu hạ tầng bao gồm cả hệ thống giao thông vận tải lẫn thông tin và cung cấp điện nước hoàn chỉnh với giá cả cạnh tranh ; có hệ thống tài chính tiền tệ lành mạnh và hệ thống thuế minh bạch, giản đơn và hợp lý ; có hệ thống hành chính vận hành thông suốt với đội ngũ quan chức thạo việc và trong sạch ; có nguồn nhân lực dồi dào được đào tạo tốt và cần cù, có tinh thần kỷ luật cao.

Ba mặt của khả năng cạnh tranh nói trên gắn bó mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, không thể thiếu mặt nào. Tất nhiên không thể có ngay và đầy đủ những nhân tố cấu thành khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ cũng như của doanh nghiệp và của cả quốc gia. Song quá trình hội nhập đòi hỏi phải phấn đấu quyết liệt nhằm không ngừng cải thiện những nhân tố đó. Chỉ có như vậy mới có thể tận dụng được những cơ hội do quá trình hội nhập đem lại, đồng thời vượt qua được những thách thức do quá trình hội nhập đặt ra, “tạo thế và lực mới cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh và vững chắc trong thế kỷ XXI” như Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế đã nhấn mạnh.□

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TRONG NĂM 2001

ĐẦY BIẾN ĐỘNG

NGUYỄN DUY NIÊN *

TÌNH hình chính trị và an ninh thế giới năm 2001 đã đưa lại nhiều bằng chứng sinh động và thuyết phục cho các đánh giá của Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng về tính chất, đặc điểm của thời đại, về các xu thế vận động của xã hội loài người trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Bên cạnh những nét chung ấy, thế giới năm qua cũng có nét riêng, đặc thù cho năm được coi là bản lề giữa hai thế kỷ và thiên niên kỷ, đặc thù cho thời kỳ chuyển tiếp từ một thập kỷ đầy biến động sâu sắc và phức tạp.

Môi trường quốc tế biến động phức tạp.

Chống khủng bố và cuộc chiến tranh ở Á-pa-ga-ni-xtan tác động mạnh mẽ hơn cả tới toàn bộ cục diện tình hình chính trị, an ninh và kinh tế thế giới năm qua. Trước những sự kiện đó, hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều đã có những bước đi thực tế, những điều chỉnh trong biện pháp chính sách để thích ứng vào bối cảnh tình hình mới xuất hiện từ đầu thập kỷ 90 trở lại đây. Mục tiêu của các nước đều là tranh thủ những điều kiện thuận lợi để thực hiện một cách tốt nhất những lợi ích quốc gia của mình. Những nước lớn đều hướng tới những biện pháp chính sách mới để thực hiện những lợi ích chiến lược của họ. Các nước khác cũng vậy, tìm cách xác định chỗ đứng có lợi nhất cho họ giữa những diễn biến nhanh chóng và sâu sắc trên thế giới.

Quan hệ giữa các nước lớn với nhau năm qua vẫn là những mối quan hệ nổi trội trên

chính trường thế giới. Sau những căng thẳng và trục trặc ban đầu, quan hệ giữa các nước này đã được bình thường trở lại nhanh chóng và không ngừng cải thiện. Điểm đáng chú ý là chính quyền mới ở Mỹ đã tỏ ra coi trọng hơn quan hệ với các nước khác; trong quan hệ giữa các nước lớn, tính đối trọng của cặp quan hệ này đối với cặp quan hệ khác đã trở thành nhân tố mà không nước lớn nào có thể bỏ qua được.

Những gì diễn ra trên thế giới năm qua, đã buộc các quốc gia phải xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa đối tác và đồng minh. Cách ứng xử của các quốc gia cũng cho thấy lợi ích quốc gia được bảo vệ và thực hiện bằng các biện pháp linh hoạt và mềm dẻo. Vì thế, những hình thức tập hợp lực lượng trên thế giới trở nên đa dạng hơn, với nhiều cấp độ hơn.

Trong bối cảnh các nước tiếp tục điều chỉnh chính sách, tình hình chính trị và an ninh ở nhiều khu vực trở nên căng thẳng hơn. Tình hình chính trị - xã hội của một số quốc gia ở một số khu vực trở nên xáo động và mất ổn định, đưa đến xung đột bạo lực leo thang, phân cực nội bộ xã hội và thay đổi chính quyền.

Trung Đông, bán đảo Ban-căng, châu Phi, Nam Á và Đông - Nam Á đều bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tình trạng ấy. Tiến trình hòa bình ở Trung Đông nhiều lần đứng trước nguy cơ bị đổ vỡ hoàn toàn, quan hệ giữa I-xra-en và

* UVTW Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Pa-le-xtin căng thẳng hơn bao giờ hết kể từ Thỏa thuận hòa bình ở Ô-xlô. Ma-xê-đô-ni-a trở thành điểm nóng mới trên bán đảo Ban-căng. Tại nhiều quốc gia và khu vực ở châu Phi vẫn xảy ra nội chiến, xung đột vũ trang và mất ổn định xã hội. An ninh và ổn định ở một số quốc gia Nam Á và Đông - Nam Á đã đưa lại nhiều thay đổi chính trị - xã hội sâu sắc, tác động mạnh mẽ tới các mối quan hệ song phương giữa nhiều quốc gia với nhau và ảnh hưởng đến môi trường hòa bình, ổn định chung ở khu vực.

Mức tăng trưởng của kinh tế thế giới năm qua không được như mong đợi và dự báo chung càng về cuối năm càng xấu đi, từ chỗ dự báo 2,8% chỉ còn 1,4%. Những dấu hiệu suy giảm tăng trưởng trở nên rõ nét hơn dưới tác động của sự kiện ngày 11-9 và cuộc chiến tranh ở Á-p-ga-ni-xtan và bởi sự suy giảm tăng trưởng đồng thời ở các nền kinh tế lớn là Mỹ, Nhật và EU. Một số ngành kinh tế bị ảnh hưởng mạnh. Nhiều ngành thuộc “nền kinh tế mới” không phát huy được đà tăng trưởng và vai trò như mấy năm trước. Toàn cầu hóa tiếp tục tiến triển, nhưng phong trào chống lại những mặt tiêu cực của quá trình này cũng ngày càng phát triển cả về tổ chức lẫn mức độ. Khu vực hóa vẫn tiếp tục phát triển, vừa là một xu thế chung, vừa như một ứng phó với những ảnh hưởng tiêu cực của toàn cầu hóa.

Nhiều dấu hiệu cho thấy trong năm 2002, kinh tế thế giới có thể phục hồi và tăng trưởng khả quan hơn. Tình hình chính trị, an ninh khu vực và thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và bất ngờ. Các quốc gia phải ứng phó với những khó khăn và thách thức mới để hạn chế tác động tiêu cực và tranh thủ được những vận hội mới.

Kết quả đối ngoại đáng khích lệ.

Những kết quả đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong năm qua có ý nghĩa càng nổi bật trong môi trường quốc tế và khu vực đầy biến động phức tạp và sâu sắc ấy, thể hiện tính

đúng đắn của đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, sự lãnh đạo sáng suốt và bản lĩnh vững vàng của Đảng và Nhà nước ta. Trong mọi diễn biến mau lẹ và phức tạp ấy, trước những điều chỉnh chính sách sâu rộng của các đối tác, chúng ta đã kiên định nguyên tắc nhưng linh hoạt xử lý các mối quan hệ và vấn đề nảy sinh, bảo vệ và thực hiện được lợi ích quốc gia, không để những diễn biến tình hình mới ảnh hưởng đến việc triển khai đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Những kết quả đối ngoại năm qua củng cố những bước tiến vững chắc của Việt Nam trên con đường đưa phương châm “Việt Nam sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước” ngày càng trở thành hiện thực.

Hoạt động đối ngoại góp phần quan trọng vào việc duy trì và củng cố môi trường hòa bình và ổn định cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Tăng cường cải thiện và phát triển quan hệ với tất cả các đối tác, đặc biệt là các nước lớn, các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các tổ chức khu vực và quốc tế, khôi phục và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước bạn bè truyền thống trên các châu lục là những kết quả rất có ý nghĩa. Phương cách của Việt Nam xử lý các vấn đề mới nảy sinh, đặc biệt sau sự kiện ngày 11-9 và cuộc chiến tranh ở Á-p-ga-ni-xtan xuất phát từ lợi ích và nguyên tắc đối ngoại của chúng ta, đồng thời phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Hoạt động đối ngoại của Đảng, của Nhà nước và đối ngoại nhân dân phong phú kết hợp hài hòa với nhau dưới sự chỉ đạo sát sao và quản lý thống nhất của Đảng và Nhà nước, tạo nên sức mạnh đối ngoại tổng hợp. Đối ngoại luôn luôn phối hợp chặt chẽ với an ninh, quốc phòng. Vì thế, những nguồn ngoại lực tranh thủ được, sự hợp tác và hỗ trợ quốc tế

huy động được đã bổ sung và hỗ trợ cho việc phát huy nội lực, đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong các hoạt động đối ngoại đó, hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đóng vai trò hết sức quan trọng. Chuyến thăm hữu nghị chính thức Lào và Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh ; chuyến thăm hữu nghị chính thức của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tại Hàn Quốc, Cam-pu-chia, Bru-nây, Phi-lip-pin và In-đô-nê-xi-a ; của Thủ tướng Phan Văn Khải ở Tây Ban Nha, Đức, Hà Lan, thăm và làm việc tại Nhật, cũng như sự tham gia của Thủ tướng tại Hội nghị cấp cao Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) ở Bru-nây và Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tại Thượng Hải ; những hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội nước ta và đặc biệt việc Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An đảm nhận cương vị Chủ tịch Liên minh Nghị viện ASEAN (AIPO) đều là những dấu mốc mới trong việc không ngừng cải thiện và phát triển quan hệ của Việt Nam với các nước và khu vực đó, mở ra thời kỳ quan hệ đối tác với các nước trong thế kỷ mới.

Năm qua đánh dấu một bước tiến mới trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam với việc Việt Nam đảm nhận thành công nhiều cương vị trên các diễn đàn quốc tế quan trọng. Lần đầu tiên Việt Nam được bầu vào Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc, làm Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Xã hội của Liên hợp quốc (UNESCO), Chủ tịch AIPO, và đảm nhận thành công cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Trên cương vị đó, Việt Nam đã không chỉ tổ chức thành công các Hội nghị quốc tế lớn tại Việt Nam như Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (AMM 34), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và các Hội nghị liên quan (PMC), Hội nghị

Bộ trưởng các nước Hợp tác sông Mê Công - sông Hằng, Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN và Diễn đàn Á - Âu (ASEM), Việt Nam còn đóng góp quan trọng vào việc hoạch định đường hướng phát triển cho ASEAN trên cơ sở Tầm nhìn 2020 và Chương trình hành động Hà Nội. Vai trò quốc tế của Việt Nam được công nhận và vị thế quốc tế của Việt Nam không ngừng được nâng cao.

Một thành tích đối ngoại rất quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc là sự chuyển hướng quan tâm đối ngoại vào phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chính là thời kỳ đối ngoại có thể phát huy cao độ những thế mạnh đặc thù của ngành. Hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế đã trở thành một trong những tiêu chí để đánh giá công tác đối ngoại. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại phục vụ kinh tế được thể hiện trong tăng cường nhận thức về nhiệm vụ này ở các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài, tại các đơn vị làm công tác đối ngoại ở trong nước, trong công tác ngoại vụ ở các tỉnh, thành cũng như trong mối quan hệ với các doanh nghiệp. Đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế thể hiện ở việc hoạt động đối ngoại hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp, trong việc tìm kiếm thị trường, cung cấp thông tin về đối tác, thị trường và cơ hội kinh doanh, đặc biệt trong việc tác động để nước sở tại tạo điều kiện thuận lợi cho các mối quan hệ hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại với Việt Nam. Những nội dung cơ bản của công tác đối ngoại phục vụ kinh tế còn hỗ trợ đắc lực cho du lịch, hợp tác lao động quốc tế, tranh thủ viện trợ phát triển (ODA) và huy động vốn đầu tư trực tiếp (FDI). Những hoạt động này đã góp phần không nhỏ để năm qua chúng ta tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP gần 7% và thu hút được 2,4 tỉ USD đầu tư, số lượng khách du lịch tăng 8,8%, v.v...

Công tác văn hóa, thông tin đối ngoại và vận động người Việt Nam ở nước ngoài cũng có được nhiều tiến bộ đáng khích lệ. Được sự quan tâm của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, với sự cố gắng vượt bậc của tất cả các ngành và tỉnh, thành trong cả nước, công tác này đã được nâng cao chất lượng và đáp ứng ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Khoảng cách giữa Việt Nam và thế giới bên ngoài ngày càng ngắn lại, nhân dân thế giới ngày càng hiểu biết đất nước ta hơn và sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với đất nước cũng ngày một bền chặt hơn.

Trọng tâm công tác đối ngoại năm 2002.

Những kết quả đối ngoại năm qua rất đáng tự hào và nổi tiếp được đà phát triển quan hệ đối ngoại của những năm trước. Nhưng rõ ràng ngành đối ngoại vẫn phải không ngừng nỗ lực và phấn đấu vươn lên hơn nữa để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kiên định nguyên tắc nhưng linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược, thấm nhuần tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh với phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến” vẫn là những yêu cầu đòi hỏi cao đối với ngành đối ngoại.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Hội nghị ngành ngoại giao lần thứ 23 tổ chức tại Hà Nội từ ngày 10 đến 15-12-2001 đã trao đổi sâu rộng về những biện pháp cụ thể để thực hiện thành công nhiệm vụ đối ngoại mà Đại hội IX đã đề ra.

Trọng tâm hoạt động đối ngoại năm 2002 vẫn là phấn đấu duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Trên nền tảng đó, tăng cường hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế là trọng tâm công tác được ưu tiên. Từ những kết quả và bài học kinh nghiệm ban đầu, nhiệm vụ đặt ra cho năm 2002 là xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế hợp tác để hoạt

động đối ngoại phục vụ nhiều hơn, hiệu quả hơn, đặc lực hơn cho phát triển kinh tế đất nước.

Tiếp tục cải thiện và phát triển quan hệ với các nước láng giềng chung biên giới, các nước lớn, các nước trong khu vực, các nước có quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực, trong phong trào Không Liên kết và trong khuôn khổ Hợp tác Nam - Nam. Lợi ích chung vẫn là nền tảng và chất gắn kết những mối quan hệ hợp tác này, giúp cho chúng ta tiến đúng hướng bất chấp mọi biến hóa của thời cuộc.

Năm 2002, hoạt động đối ngoại của Việt Nam phải phát huy hơn nữa vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam, đặc biệt trong các tổ chức và thể chế mà Việt Nam tham gia đảm nhận vai trò điều hành. Đây cũng còn là động góp thiết thực của Việt Nam vào sự nghiệp chung và cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

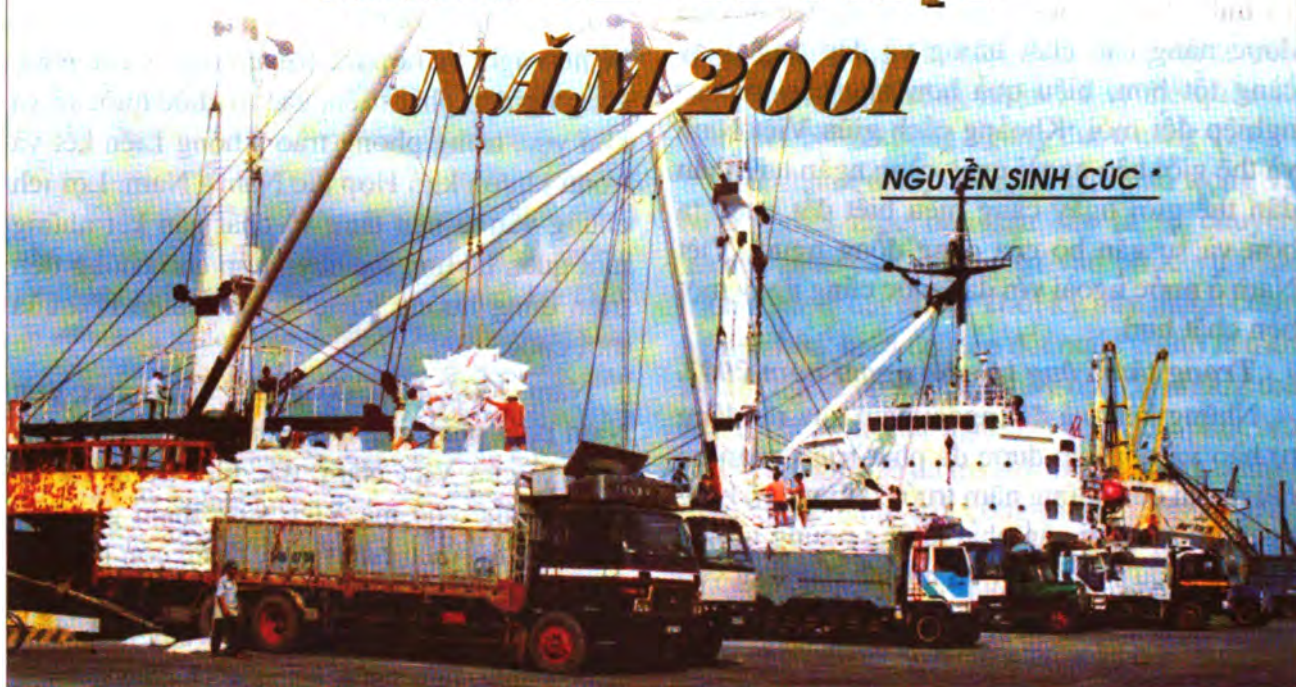
Phát huy những thế mạnh và thành quả đã đạt được, khắc phục những điểm yếu còn tồn tại trong nghiên cứu cơ bản, dự báo, nắm bắt tình hình diễn xử lý vấn đề cụ thể trong những trường hợp cụ thể, ngành đối ngoại còn phải từng bước được xây dựng và lớn mạnh thành ngành đối ngoại chính quy, hiện đại, tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và tầm vóc của dân tộc trong thế kỷ XXI. Tất cả những nhiệm vụ đó đều khó khăn, phức tạp. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, với sự hợp tác chặt chẽ của các bộ, ban, ngành và tỉnh, thành, với sự tham gia của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, lại được soi sáng bằng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và trang bị bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngành đối ngoại sẽ hoàn thành tốt những trọng trách ấy, xứng đáng với lòng tin và mong đợi của Đảng, Nhà nước và nhân dân. □

TỔNG QUAN

KINH TẾ - XÃ HỘI

NĂM 2001

NGUYỄN SINH CÚC *



NĂM 2001, tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta có nhiều khó khăn và thách thức. Hậu quả lũ lụt lớn năm 2000 ở đồng bằng sông Cửu Long chưa khắc phục hết thì thiên tai như lũ, bão lớn ở đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh miền Trung, Tây Nguyên lại gây thiệt hại nặng nề về người và của. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, xây dựng và cơ sở hạ tầng nông thôn, thành thị bị hư hại nặng. Đời sống nhân dân vùng bị thiên tai gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sức mua ở thị trường nông thôn. Ở bên ngoài, xu hướng trì trệ của nền kinh tế thế giới tiếp tục kéo dài và suy giảm mạnh sau sự kiện 11-9 ở nước Mỹ. Thị trường xuất khẩu thế giới bị thu hẹp, nhất là Mỹ, Nhật Bản và EU đã ảnh hưởng xấu đối với các hoạt động xuất khẩu của nước ta. Giá cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hạt tiêu, hàng may mặc, giày dép... đều giảm mạnh. Khó khăn khách quan

cộng với những thiếu sót và yếu kém chủ quan do tiềm lực kinh tế - tài chính hạn chế, nhiều vấn đề xã hội nổi cộm tồn tại từ các năm trước như lao động thừa, việc làm thiếu, tệ nạn xã hội... chưa được khắc phục đã và đang tác động tiêu cực đối với sản xuất và đời sống ở nhiều vùng và địa phương.

Năm 2001, khó khăn và thách thức còn lớn hơn nhiều so với dự kiến, nên hạn chế khả năng thực hiện các mục tiêu kinh tế mà Quốc hội đề ra trong kỳ họp thứ 8. Mặc dù vậy, kết thúc năm 2001, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội cả nước và hầu hết các ngành đều đạt mức cao và khá ổn định. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,8%, cao hơn mức 6,7% của năm 2000 và đứng thứ 2 thế giới (sau Trung Quốc). Không chỉ tốc độ tăng trưởng cao mà xu hướng tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước,

* PGS.TS, Vụ trưởng, Tổng cục Thống kê

cơ cấu kinh tế (theo GDP) chuyển dịch theo hướng tích cực : tỷ trọng công nghiệp đạt 38,0%, dịch vụ 39,0% và nông, lâm, thủy sản còn 23% (năm 2000 là 36,6% ; 39,1% và 24,3%). Việc giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP năm 2001 đạt được như trên là kết quả của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là khởi sắc đáng ghi nhận trong quản lý vĩ mô của Chính phủ. Thành công đó còn được thể hiện trong sự đóng góp của mỗi ngành vào tốc độ tăng GDP. Trong 7% tăng trưởng GDP thì khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 3,7%, khu vực dịch vụ đóng góp 2,5% và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đóng góp 0,6%. Sự vượt trội của công nghiệp trong đóng góp vào tốc độ tăng GDP năm 2001 là một nét mới, một mốc son đánh dấu xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân nước ta theo hướng công nghiệp hóa nhằm đạt mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nêu.

1. Giá trị sản xuất công nghiệp cả năm ước đạt 228 798 tỉ đồng (giá 1994) tăng 14,5% so với năm 2000. Nét mới của sản xuất công nghiệp là sự trỗi dậy khu vực ngoài quốc doanh với tốc độ tăng trưởng 19,5% (năm 2000 tăng 18,3%, năm 1999 tăng 10,9%) do tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp và các chính sách kinh tế - tài chính thông thoáng hơn đối với khu vực dân doanh. Đáng chú ý là, khu vực kinh tế hỗn hợp tăng với tốc độ rất nhanh, tới 45%, doanh nghiệp tư nhân tăng 19%, hộ cá thể chỉ tăng 5%. Khu vực ngoài quốc doanh có tốc độ tăng trưởng cao nhất chủ yếu do mạnh dạn đầu tư vốn và khoa học - công nghệ mở rộng sản xuất, tăng thêm năng lực mới từ các doanh nghiệp mới và cả doanh nghiệp cũ thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ hợp tác và hợp tác xã, các làng nghề mới và truyền thống. Các loại sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực này tăng nhiều và nhanh chủ yếu là thủy sản chế biến, chè, rau quả xuất khẩu, đồ gỗ cao cấp, thủ công mỹ nghệ, kim loại và dệt may...

Doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong công nghiệp, chiếm 40,67% tổng giá trị

sản xuất toàn ngành, trong đó có các ngành then chốt của nền kinh tế quốc dân như điện, than, sắt thép, xi măng, hóa chất, cơ khí... Mặc dù có một số ngành như đường, may mặc, phân bón, da, giày dép, thuốc trừ sâu gặp khó khăn về nguyên liệu, máy móc thiết bị, vốn và thị trường tiêu thụ nên sản xuất tăng chậm, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn đạt 12% là một cố gắng lớn. Một số ngành và sản phẩm có lợi thế vẫn đạt tốc độ cao, trong đó nổi bật là : trang thiết bị nội thất tăng 50%, vật liệu xây dựng cao cấp tăng 15 - 40%, hóa chất dân dụng tăng 20 - 40%, thép tăng 21%, điện tăng 14,5% v.v..

Một số địa phương tăng trưởng nhanh như Vĩnh Phúc (9,38%), Đà Nẵng (21,2%), Cần Thơ (20,7%), Khánh Hòa (18,4%), Hà Nội (14,4%), Hải Phòng (14,1%), Phú Thọ (13,4%)...

Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục phát triển và tăng trưởng ổn định với tốc độ khá cao : tăng 13,8%, trong đó dầu mỏ và khí đốt tăng 11%, các ngành khác tăng 15,0%. Giá trị sản xuất công nghiệp toàn khu vực đạt 82 207 tỉ đồng, chiếm 35,9% tổng giá trị sản xuất toàn ngành (giá 94) cao hơn năm 2000 là 0,4%. Một số địa phương và sản phẩm tăng đột biến : Hải Dương 56,1%, Cần Thơ 49,8%, Khánh Hòa 35,5% ; thủy sản chế biến 87,2%, thuốc lá bao 3,24 lần, xi măng 41,4%, máy biến thế 3,17 lần, riêng xe đạp 15 lần, ốc quy 72,7%, ô tô lắp ráp 44,7%... Không chỉ tăng nhanh về số lượng, công nghiệp FDI còn tạo ra nhiều mặt hàng mới có chất lượng cao góp phần tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nước ta trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Xu hướng mới trong sản xuất công nghiệp năm 2001 là chuyển dịch cơ cấu từ công nghiệp khai thác sang công nghiệp chế tác khá rõ nét. Nhiều sản phẩm công nghiệp cơ khí chế tạo, điện dân dụng, chế biến nông sản, thủy sản tăng khá như động cơ điện 40,7%, động cơ đi-ê-zen 26,1%, thủy sản chế biến 26%, thép cán 21,8%.

2. Sản xuất nông nghiệp (mở rộng) tiếp tục phát triển và tăng trưởng theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Giá trị sản xuất ước đạt 145 507 tỉ đồng (giá 1994) tăng 4,1%, GDP ước đạt 109 765 tỉ đồng (giá hiện

hành) tăng 2,6% so năm 2000, trong đó thủy sản tăng 10,5%.

Thành tựu nổi bật nhất trong nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2001 là xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường. Cả nước có trên 166 nghìn ha đất lúa vùng ven biển sản xuất bắp bênh, năng suất và hiệu quả thấp đã chuyển sang nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm theo chủ trương của Chính phủ. Nhờ có chủ trương đúng nên phong trào hộ nông dân đầu tư chuyển đổi cơ cấu sản xuất được mở rộng ở các vùng với những mức độ khác nhau; điển hình là bán đảo Cà Mau (Cà Mau 100 nghìn ha, Bạc Liêu 32 nghìn ha), duyên hải Nam Trung Bộ. Xu hướng chuyển đổi từ đất cấy lúa sang trồng màu, cây công nghiệp, cây ăn quả có hiệu quả hơn cũng diễn ra ở một số địa phương vốn độc canh lúa như Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hà Tây. Do đó, năm 2001 xuất hiện một xu hướng mới trong sản xuất lúa ở nước ta: diện tích gieo cấy lúa cả năm giảm so với năm 2000, chỉ đạt 7,5 triệu ha.

Cơ cấu mùa vụ trong sản xuất lúa cũng có sự chuyển đổi rõ nét. Vụ lúa đông xuân với nhiều lợi thế về thời vụ, ánh sáng, độ ẩm, khí hậu, thời tiết, giống, khả năng thâm canh, năng suất cao và ổn định, giá bán cao, chi phí thấp nên diện tích tăng nhanh: năm 2001 đạt 3 057 nghìn ha, tăng 43,7 nghìn ha so với năm 2000. Vụ hè thu và vụ mùa thường chịu ảnh hưởng lớn của bão, lũ, lốc, sâu bệnh, năng suất bắp bênh, chi phí cao nên diện tích gieo cấy giảm dần: năm 2001, diện tích lúa hè thu đạt 2197,1 nghìn ha, giảm 95,7 nghìn ha, trong đó chủ yếu là lúa vụ 3 ở đồng bằng sông Cửu Long; diện tích lúa mùa đạt 2246,4 nghìn ha, giảm 114 nghìn ha so với năm 2000.

Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nhiều địa phương đã chủ động đổi mới cơ cấu giống lúa theo hướng tăng tỷ trọng diện tích các giống lúa có chất lượng gạo ngon, dù năng suất không cao; giảm dần các giống lúa chất lượng thấp dù năng suất cao hơn. Xu hướng này tuy chưa phổ biến song bước đầu đã hình thành những vùng sản xuất lúa đặc sản, có chất lượng gạo phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, thể hiện rõ nhất

ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Do tác động tổng hợp của các yếu tố trên đây nên năng suất và sản lượng lúa từng vụ và cả năm chỉ đạt bằng hoặc thấp hơn năm 2000. Năng suất lúa bình quân năm 42,7 tạ/ha (đông xuân 50,6 tạ/ha; hè thu 37,4 tạ/ha và vụ mùa 36 tạ/ha) bằng năm 2000; sản lượng đạt 32 triệu tấn giảm 60 vạn tấn so với năm 2000. Tính chung sản lượng lương thực có hạt đạt 34 triệu tấn, giảm gần 50 vạn tấn so với năm 2000. Đây là một hiện tượng mới chưa từng có kể từ năm 1986. Đó là một nét tích cực có xu hướng tiến bộ vì giảm sản lượng và năng suất đi đôi với giảm diện tích lúa bắp bênh chất lượng kém để tăng chất lượng lúa gạo và giá bán trên thị trường, tăng thu nhập của người trồng lúa. Hiện tượng giá lúa trên thị trường cả nước những tháng cuối năm 2001 đã tăng lên và đạt mức khá cao so với năm 2000 là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống lúa cũng đóng góp một phần quan trọng. Việc giảm diện tích và sản lượng lúa cũng góp phần giảm bớt lượng lúa hàng hóa tồn đọng trong dân và giảm dần tình trạng cung vượt quá cầu trên thị trường lúa gạo trong nước. An ninh lương thực quốc gia vẫn giữ vững, thiếu đói giáp hạt giảm, thị trường và giá cả lương thực ổn định, không có các cơn sốt cục bộ kể cả ở những vùng bị thiên tai lũ lụt. Xuất khẩu gạo vẫn đạt mức cao hơn năm 2000. Thực tế đó chứng minh, chủ trương điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất lương thực nói riêng của Nhà nước trong năm 2001 là hoàn toàn đúng đắn.

Thành tựu nổi bật thứ hai là sản xuất thủy sản có bước phát triển nhảy vọt cả trong nuôi trồng và đánh bắt. Sản lượng thủy sản cả năm ước đạt trên 2,3 triệu tấn tăng 4,1% so với năm 2000. Cơ cấu sản lượng có bước chuyển tích cực: tỷ trọng sản lượng tôm từ 8,6% năm 2000 tăng lên 10,4% năm 2001, tỷ trọng cá giảm nhưng sản lượng vẫn tăng 5%, tỷ trọng thủy sản nuôi trồng tăng từ 25% lên 27,5%. Nhờ đó, giá trị sản xuất ngành thủy sản cả năm đạt mức tăng trưởng 10,8%, cao nhất trong ba ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Chương trình đánh bắt thủy sản xa bờ, sau 3 năm thực hiện,

đã đem lại kết quả và hiệu quả đáng khích lệ, góp phần làm tăng nhịp độ tăng trưởng kinh tế toàn ngành. Sản lượng thủy sản khai thác cả năm đạt khoảng 1,7 triệu tấn, tăng 5,5% so năm 2000, trong đó cá tăng 6%.

3. Hoạt động đầu tư và xây dựng có nhiều tiến bộ, vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước cả năm ước đạt 24,4 nghìn tỉ, đạt 101,6% kế hoạch ; trong đó vốn trung ương 15,6 nghìn tỉ đồng, đạt 101,8% và vốn địa phương 8,8 nghìn tỉ đồng, đạt 101,3%. Nhiều công trình xây dựng mới đi vào hoạt động đã tăng thêm năng lực sản xuất và dịch vụ. Nhà máy thủy điện Yaly đã đưa cả 4 tổ máy vào hoạt động, thủy điện Đa-mi, nhiệt điện Phú Mỹ I ; 12 cầu trên quốc lộ 1A, quốc lộ 18, 19, cảng Cần Thơ, Vũng Áng, thông xe đường Hà Nội - Lạng Sơn, Vinh - Đông Hà, Thường Tín - Cầu Giẽ, Biều Nghi - Bãi Cháy, cầu vượt nam Chương Dương, nhiều cầu đường sắt, chương trình kiên cố hóa kênh mương thủy lợi.

Trong đầu tư, xây dựng do có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài nên có nhiều khởi sắc. Đến 20-11-2001, 411 dự án được cấp phép với tổng số vốn đăng ký 2073,8 triệu USD tăng 32,1% về số dự án và 61,5% về số vốn so với năm 2000. Các dự án đầu tư đều tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp : 78,8% số dự án với 82,5% số vốn, tiếp đến là giao thông, bưu điện. Đối tác mới như Hà Lan, Mỹ, Pháp và các nước châu Âu đã đầu tư nhiều dự án mới với số vốn lớn (Hà Lan : 573,9 triệu USD, Pháp : 407 triệu USD v.v...).

4. Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch đã khởi sắc toàn diện. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ cả năm ước đạt 238,5 nghìn tỉ đồng, tăng 8,7% so với năm 2000, trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 8,6%, cá thể tăng 7,5%. Kinh doanh thương nghiệp chiếm 71% tổng mức và tăng 9,2%, khách sạn, nhà hàng chiếm 12,6% tăng 12,3%, du lịch, dịch vụ tăng 4,1%. Khách quốc tế ước đạt 2,3 triệu người, tăng 8,4% so với năm 2000, trong đó trên 55% là khách du lịch. Doanh thu du lịch cả năm tăng khoảng 20% và là nét mới nổi bật nhất trong hoạt động dịch vụ.

Hoạt động xuất khẩu tuy có khó khăn do thị trường và giá cả thế giới biến động bất lợi, kim

ngạch xuất khẩu cả năm 2001 do thua thiệt về giá nên ước đạt gần 16 tỉ USD, tăng 8% so năm 2000, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 17,6%, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2,9%. Một số mặt hàng xuất khẩu truyền thống vẫn tiếp tục tăng về lượng nhưng giảm về giá, gạo tăng 6,4% về lượng nhưng giảm 8,5% về giá, tương tự cà phê tăng 22,6% và giảm 24,2%, dầu thô tăng 10,2% và giảm 1,5%. Khởi sắc nhất là hải sản đạt 1,8 tỉ USD tăng 21,7%, dệt : 2 150 triệu USD tăng 13,6%, rau quả : 330 triệu USD tăng 54,5%.

Kim ngạch nhập khẩu cả năm ước đạt 16,3 tỉ USD, tăng 4,2% so với năm 2000. Nét mới trong nhập khẩu năm nay là tỷ trọng hàng nhập là nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất cao hơn các năm trước : sắt thép tăng 36%, bông tăng 43%, sợi tăng 17%. Nhập siêu 300 triệu USD, bằng 1,9% kim ngạch xuất khẩu.

Chỉ số giá tiêu dùng 11 tháng giảm 0,2% so cùng kỳ và ước cả năm 2001 không tăng so với năm 2000. Tuy nhiên, những tháng cuối năm giá lương thực có nhích lên đã kéo theo sự tăng giá một số hàng hóa và dịch vụ nên xu hướng giảm phát đã chững lại. Giá vàng và đô la Mỹ có biến động nhẹ nên giá trị tiền đồng ổn định.

5. Do sản xuất và dịch vụ phát triển, tăng trưởng khá nên thu ngân sách đạt kế hoạch và tăng 7,4%, đảm bảo kịp thời các nguồn chi và giảm bội chi so với dự kiến. Một số vấn đề văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực, đạt chỉ tiêu về tạo việc làm, đào tạo nghề, giảm tỷ lệ tăng dân số và giảm tỷ lệ hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 2%, tỉ lệ hộ thiếu đói giáp hạt 0,88% với số khẩu 0,95%, giảm 6,4% về số hộ và 6,7% về số khẩu so năm 2000. Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục được Nhà nước quan tâm và đầu tư thỏa đáng nên đạt kết quả tốt. Trong năm, các địa phương đã chi 26,6 tỉ đồng cho hoạt động văn hóa cơ sở. Năm học 2000 - 2001, cả nước có 20,7 triệu học sinh phổ thông và mẫu giáo ; có 2 thành phố Hà Nội và Đà Nẵng phổ cập trung học cơ sở. Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng có nhiều tiến bộ, kể cả vùng bị bão lũ ở phía Nam. Đời sống các tầng lớp dân cư được cải thiện, bộ mặt đất nước đổi thay theo hướng văn minh, hiện đại, quốc phòng - an ninh được giữ vững...

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều biến động phức tạp, nhiều nước trong khu vực giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, một số nước tăng trưởng âm, thì những thành tựu về kinh tế - xã hội của nước ta đạt được trong năm 2001 là to lớn và đáng tự hào.

Nguyên nhân bao trùm của thành tựu đó là sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về công tác quản lý kinh tế - xã hội có nhiều tiến bộ mới. Nhiều chủ trương và chính sách vĩ mô ban hành đã phát huy tác dụng tích cực trong việc phát huy nội lực của các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và hàng chục triệu hộ gia đình, đầu tư phát triển sản xuất và mở rộng các hoạt động dịch vụ. Thành tựu năm 2001 càng khẳng định đường lối đổi mới kinh tế của Đảng ta và những mục tiêu do Đại hội IX của Đảng đề ra là hoàn toàn đúng đắn.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu và tiến bộ, nền kinh tế nước ta năm 2001 cũng bộc lộ nhiều yếu kém và hạn chế :

- *Một là*, tính ổn định và vững chắc của tốc độ tăng trưởng chưa cao, chất lượng, giá cả hàng hóa và dịch vụ có sức cạnh tranh yếu trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Tình trạng sản xuất tự phát, chưa bám sát nhu cầu thị trường còn phổ biến dẫn đến cung vượt cầu vẫn chưa được khắc phục và có phần tăng thêm. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chậm và chưa lối ra, nhất là khu vực nông thôn dẫn đến lao động thừa, việc làm thiếu và thu nhập thấp.

- *Hai là*, tiến độ triển khai các dự án đầu tư chậm, môi trường đầu tư chưa thông thoáng nên sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài chưa cao. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung thuộc ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2001 mới đạt 70,5% kế hoạch năm (trung ương 73,3%, địa phương 65,6%). Tiến độ giải phóng mặt bằng quá chậm đã và đang là thách thức lớn đối với công tác triển khai các dự án.

- *Ba là*, thu ngân sách nhà nước tuy đạt dự toán nhưng tính ổn định, vững chắc chưa cao. Nguồn thu chủ yếu vẫn dựa vào thu tài nguyên (dầu thô) và thuế nhập khẩu. Đây là một thách thức lớn của nền tài chính quốc gia những năm tới khi nước ta thực hiện lộ trình thuế suất AFTA và gia nhập WTO.

- *Bốn là*, sức mua toàn xã hội tăng chậm, nhất là khu vực nông thôn dẫn đến chỉ số giá tiêu dùng cả năm duy trì trong tình trạng giảm phát. Đây là năm thứ 2 chỉ số giá tiêu dùng giảm. Đó là dấu hiệu đáng lo ngại vì các giải pháp kích cầu trong 2 năm qua tỏ ra chưa phát huy tác dụng mạnh mẽ. Đời sống nhân dân vùng bị thiên tai, lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh miền Trung gặp nhiều khó khăn.

Những khó khăn và hạn chế trên đây tuy có ảnh hưởng nhất định đến nhịp độ tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội chung của cả nước năm 2001, song đó là những khó khăn trên bước đường phát triển của một nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi. Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức đầy đủ và đã có nhiều chủ trương giải pháp để khắc phục. Những thành tựu to lớn và cơ bản đạt được trên mặt trận kinh tế như đã nêu là minh chứng rõ ràng của những cố gắng đó.

Những thành tựu của năm 2001 đã tạo ra thế và lực mới để nước ta bước vào năm 2002 với những triển vọng tốt đẹp hơn. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cả nước hoàn toàn có thể đạt mức 7,5% như mục tiêu của Chính phủ trình Quốc hội đề ra. Cơ sở của dự báo đó là : tốc độ tăng trưởng của các ngành sản xuất và dịch vụ năm 2002 đạt 7,5%. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản có khả năng tăng 4,8%, công nghiệp tăng 13%, kim ngạch xuất khẩu tăng 14 - 16%, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 17% và bằng 32% GDP. Tỷ lệ hộ nghèo và tốc độ tăng dân số tự nhiên sẽ tiếp tục giảm và triển vọng đạt mục tiêu đề ra.

Những chủ trương và chính sách kinh tế thông thoáng của Đảng và Nhà nước ta ban hành trong năm 2001 là động lực tinh thần và đang khơi dậy tiềm năng và nội lực của toàn xã hội để phát triển sản xuất, dịch vụ, làm giàu cho mình và cho đất nước. Tự hào với những thành tựu đạt được năm 2001, nhận thức đầy đủ khó khăn và thách thức cũng như tận dụng thời cơ và cơ hội đã tạo ra, với thế và lực mới, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng triển vọng nền kinh tế nước ta năm 2002 sẽ tốt đẹp hơn, vững chắc hơn. □

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

TÔ HUY RÚA *

HIỆN nay, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đang trong quá trình nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương NQTW (khóa IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN. Đại đa số ý kiến cán bộ, đảng viên đồng tình với các nội dung của Nghị quyết, song vẫn còn ý kiến hoài nghi, thiếu tin tưởng vào sự cần thiết của DNNN. Theo họ, DNNN không thể hoạt động có hiệu quả, không có khả năng cạnh tranh bằng doanh nghiệp tư nhân, và do vậy không nhất thiết phải duy trì các DNNN vì những lý do sau :

Thứ nhất : Vấn đề quan trọng không phải là DNNN hay doanh nghiệp tư nhân mà là sản xuất có phát triển không ? Vì qui đến cùng, sở hữu chỉ là phương tiện, tăng trưởng kinh tế mới là mục tiêu.

Thứ hai : Chỉ người chủ doanh nghiệp tư nhân, là chủ sở hữu các tài sản một cách đích thực mới toàn tâm, toàn ý chăm lo cho doanh nghiệp của mình, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý, tiết kiệm, loại trừ sự chia chác A-B theo tỷ lệ phần trăm ; đồng thời, chỉ có doanh nghiệp tư nhân mới có khả năng nhanh

nhạy, linh hoạt trong cơ chế thị trường để đạt hiệu quả cao, sức cạnh tranh lớn.

Thứ ba : Các DNNN có chủ sở hữu là Nhà nước. Toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý tại doanh nghiệp cũng như ở các cơ quan quản lý nhà nước đều không phải là người chủ thực sự, đúng nghĩa như ở doanh nghiệp tư nhân nên họ luôn có mục đích cá nhân khác nhau. Do vậy, trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, họ thường không dám đầu tư mở rộng sản xuất do “nay làm mai nghĩ”, tinh thần trách nhiệm không cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lý còn coi tài sản của Nhà nước là “tiền chùa” nên sử dụng lãng phí, hoặc khi có điều kiện thì tìm mọi cách chiếm đoạt làm của riêng. Mặt khác, DNNN bị chi phối bởi nhiều cơ quan quản lý nhà nước nên họ phải chờ xin ý kiến, trình duyệt... làm hạn chế nhiều khả năng kinh doanh dẫn đến hiệu quả kinh doanh thấp, sức cạnh tranh kém.

Sự thật có đúng như vậy không ? Có phải vấn đề sở hữu ở doanh nghiệp không phải là quan trọng như người ta nghĩ không ? Có phải

* PGS, TS, UVTW Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng

về bản chất DNNN là không có hiệu quả mà doanh nghiệp tư nhân mới có hiệu quả ? Bài viết này xin nêu một số suy nghĩ góp phần làm sáng tỏ các câu hỏi trên.

I - Doanh nghiệp nhà nước có cần thiết không ?

Chúng ta đều biết “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế”. Nền chính trị của Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm đưa nước ta tiến lên CNXH, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Các doanh nghiệp của nước ta, trước hết là DNNN cũng phải phục vụ cho nhiệm vụ này. Thời kỳ từ năm 1990 đến nay, đất nước ta phải đối mặt với những khó khăn gay gắt, có những năm trong tình thế hiểm nghèo. Đầu những năm 90, mặc dù gặp phải hoàn cảnh hết sức khó khăn, khắc nghiệt, như : thể chế xã hội ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ ; Mỹ thực hiện chính sách bao vây, cấm vận ; khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997 - 1998 tác động mạnh ; thiên tai liên tiếp xảy ra ; việc chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có những thời cơ và thuận lợi mới, nhưng bao hàm cả thách thức và khó khăn, cũng như có cả khả năng rủi ro ; song, chúng ta vẫn đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. GDP năm 2000 tăng gấp 2 lần so với năm 1990 ; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện ; quốc phòng - an ninh được tăng cường ; sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với 10 năm trước. Kết quả trên có được là do cố gắng phấn đấu của toàn dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong đó DNNN góp phần rất to lớn. Năm 2000, DNNN làm ra 39,5% GDP và đóng góp 39,2% tổng thu ngân sách nhà nước, 50% kim ngạch xuất khẩu. DNNN là đối tác chủ yếu trong hợp tác đầu tư nước ngoài, chiếm 98% số dự án liên doanh nước ngoài. DNNN có năng lực sản

xuất kinh doanh lớn, cơ cấu ngày càng hợp lý và từng bước mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Các tổng công ty có quy mô lớn, tuy chỉ chiếm 28,4% tổng số DNNN nhưng nắm giữ 65% tổng vốn và 61% số lao động ; trình độ công nghệ và quản lý có nhiều đổi mới tiến bộ. Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của DNNN được nâng lên, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội. Đây cũng là lực lượng quan trọng thực hiện các chính sách xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai và bảo đảm sản xuất dịch vụ thiết yếu cho quốc phòng, an ninh. Có thể khẳng định, DNNN đã góp phần quan trọng vào thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đứng vững trước những chấn động của khủng hoảng kinh tế quốc tế, khu vực, tạo tiền đề cho thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo định hướng XHCN.

Doanh nghiệp nhà nước còn có vai trò không thể thay thế là khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế thị trường. Theo quy luật, ở một số ngành, vùng nhiều khó khăn, khó thu lợi nhuận mà doanh nghiệp tư nhân không làm, DNNN sẽ đảm nhận vì sự phát triển chung của nền kinh tế. Mặt khác, DNNN cũng còn là lực lượng vật chất để Nhà nước can thiệp bình ổn thị trường, hạn chế ảnh hưởng xấu của ngành nghề độc quyền tự nhiên có tác hại lớn cho nền kinh tế.

Thực hiện CNH, HĐH trong điều kiện thị trường vốn chưa hoàn thiện, nông dân có thu nhập thấp, tích lũy không đủ tạo nguồn đầu tư cơ bản, kinh tế tư nhân còn nhỏ bé thì DNNN có vai trò huy động vốn đầu tư xây dựng những công trình lớn, hiện đại.

Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ có DNNN là những tổ chức kinh tế lớn của quốc gia, có đủ khả năng hợp tác liên doanh với các công ty lớn quốc tế ; đồng thời, làm đối trọng với họ trên thị trường trong nước

và vươn ra thị trường quốc tế, góp phần quan trọng xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ của đất nước.

Trung Quốc là nước chủ trương xây dựng CNXH thông qua phát triển nền kinh tế thị trường mà kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Với tỷ trọng hơn 70% của chế độ công hữu trong toàn bộ nền kinh tế, song Trung Quốc vẫn giữ mức tăng trưởng kinh tế vào loại cao nhất thế giới, đạt khoảng trên dưới 10% liên tục trong nhiều năm và đang có những dự báo cho rằng trong tương lai không xa, Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế số 1 thế giới, lớn hơn cả của Mỹ về giá trị tuyệt đối.

Ngay chính ở các nước tư bản, DNNN cũng còn có vai trò không nhỏ. Theo đánh giá của UNDP, DNNN trong các nước tư bản phát triển vẫn còn chiếm khoảng 10%.

Như vậy, những người nêu sự hoài nghi, mơ hồ về sự cần thiết của DNNN chính là nhằm che đậy sự phủ nhận chế độ công hữu, đề cao chế độ tư hữu.

II - Doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả không ?

Vấn đề hiệu quả của DNNN là đặc biệt quan trọng, vì đã là doanh nghiệp kinh doanh đương nhiên phải có hiệu quả thì mới tồn tại, phát triển. Việc xem xét, đánh giá hiệu quả của DNNN cần có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội ; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

Trên thực tế, những hoài nghi, thiếu niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên vào hiệu quả của DNNN cũng không phải là không có căn cứ nhất định. Thực tế cho thấy, các DNNN của chúng ta bên cạnh những thành tựu to lớn đã và đang bộc lộ những yếu kém khá nghiêm trọng.

Quy mô các DNNN còn nhỏ (vốn bình quân chỉ là 12 tỉ đồng), cơ cấu có nhiều bất hợp lý, công nghệ lạc hậu, quản lý yếu kém, chưa thật sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh. Kết quả khảo sát 10 ngành cho thấy ngoài một số doanh nghiệp có trình độ công nghệ hiện đại hoặc trung bình của thế giới và khu vực, số còn lại lạc hậu so với thế giới từ 10 đến 20 năm, thậm chí 30 năm. Đến tháng 5/2001 mới chỉ có 4,1% tổng số DNNN được chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Kết quả sản xuất kinh doanh của các DNNN cũng chưa tương xứng với các nguồn lực đã có và sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước : trong 4 năm (1997 - 2000) ngân sách nhà nước đã đầu tư thêm cho DNNN gần 8 200 tỉ đồng ; ngoài ra, miễn giảm thuế 1 351 tỉ đồng, xóa nợ 1 088 tỉ đồng, khoan nợ 3 392 tỉ đồng, giãn nợ 540 tỉ đồng, giảm tính khấu hao 200 tỉ đồng và cho vay ưu đãi đầu tư 9 000 tỉ đồng. Đến năm 2000, số DNNN kinh doanh có hiệu quả mới chỉ là 40%, bị lỗ liên tục chiếm tới 29%.



Tình hình đúng như vậy, nhưng từ đó dễ đi đến khẳng định chỉ có các DNTN mới có lãi và DNNN chỉ có thua lỗ, kém hiệu quả là hoàn toàn không đúng. Nhận định này thiếu cả cơ sở lý luận và thực tiễn, coi một số hiện tượng trùng với bản chất, bởi nếu đi sâu nghiên cứu chúng ta cũng dễ thấy không chỉ DNNN mới thua lỗ, mà cũng có nhiều DNTN thua lỗ. Khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực với những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, xã hội có thể được coi là khủng hoảng của kinh tế tư nhân. Thực tế ở thành phố Hải Phòng (cũng như ở nhiều địa phương khác) cho thấy, tỷ lệ nợ quá hạn của các khoản vay tín dụng ngân hàng của DNTN (vào khoảng 36% tính đến tháng 6/2001), cao gấp đôi so với DNNN, trong đó phần lớn là nợ khó có khả năng thanh toán. Trong tổng số DNNN có tới 70% là hoạt động có lãi và khi lãi khi lỗ; số DNNN thua lỗ tuy còn nhiều song chỉ là thiểu số. Ở Trung Quốc có 500 doanh nghiệp hàng đầu là các DNNN lớn sản xuất kinh doanh có hiệu quả, làm đầu tàu thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển. Ở nhiều nước khác cũng đều có DNNN hoạt động có hiệu quả, và DNTN bị thua lỗ phải phá sản.

Như vậy, thua lỗ, hiệu quả thấp là đồng hành của cả DNNN và DNTN, không có sự phân biệt chủ sở hữu. Thực tế ở nước ta cho thấy, sự thua lỗ, hiệu quả kinh tế thấp của một bộ phận đáng kể DNNN và DNTN có nhiều nguyên nhân không có liên quan đến sở hữu doanh nghiệp, trong đó có nguyên nhân rất cơ bản là điều kiện sản xuất kinh doanh của nước ta nhiều khó khăn, biến động rủi ro lớn, các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế yếu kém, nhất là về trình độ quản lý, kinh nghiệm thương trường,...

Thực tế phát triển kinh tế của các nước trên thế giới cũng cho thấy, khi sản xuất phát triển, trình độ xã hội hóa của sản xuất ngày càng cao thì người chủ sở hữu ngày càng tách rời với người trực tiếp quản lý kinh doanh, hoạt động

sản xuất kinh doanh sẽ ngày càng được chuyên môn hóa. Ví dụ trong các công ty cổ phần của các nước trên thế giới, sở hữu công ty là các cổ đông nhưng chỉ có cổ đông lớn mới tham gia quản lý doanh nghiệp. Hơn nữa, ở rất nhiều công ty thậm chí người ta còn thuê các giám đốc điều hành. Như vậy, quan niệm chủ sở hữu phải gắn với việc trực tiếp quản lý kinh doanh doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới hoạt động có hiệu quả là không cần thiết và không đúng. Hiện nay, trên thế giới đang xuất hiện ngày càng nhiều các công ty tài chính, các quỹ đầu tư để đầu tư vào các doanh nghiệp thu lợi nhuận (tức là người chủ sở hữu tách rời người quản lý) nhưng các doanh nghiệp hoạt động rất hiệu quả.

Thực tiễn kinh doanh ở nhiều nước trên thế giới đã chứng minh rằng trong môi trường cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường, sự thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào chính năng lực quản lý của doanh nghiệp đó cho dù đó thuộc loại hình doanh nghiệp nào...

Đến đây chúng ta thấy, một khi đã phân định được rõ quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp, có cơ chế bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì hiệu quả sản xuất kinh doanh phụ thuộc trước hết vào phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành DNNN.

III - Những ưu thế của doanh nghiệp nhà nước.

Doanh nghiệp nhà nước còn có những ưu thế hơn hẳn các DNTN. Trước hết đó là phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ và cán bộ quản lý trong DNNN. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy cán bộ dù là ở doanh nghiệp tư nhân hay DNNN chịu tác động của 3 động lực chủ yếu sau đây: Lợi ích vật chất; lòng say mê nghề nghiệp; sự thôi thúc của lý tưởng. Tuy vậy, ý nghĩa quan trọng và hiệu quả tác động của mỗi động lực lại không phải là đồng nhất,

như nhau đối với cán bộ ở DNTN và DNNN. Trong các nước tư bản, các giám đốc doanh nghiệp đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản, tuân theo mục đích của tư bản, coi doanh nghiệp chỉ là nơi để cung cấp lợi nhuận cho các cổ đông, họ coi lợi nhuận là trên hết, lợi ích vật chất của họ là số 1 và cho dù có nghĩ tới các nhu cầu, lợi ích đông đảo của công nhân viên thì các lợi ích này cũng phải xếp sau rất xa lợi ích của bản thân họ. Những nỗ lực, cố gắng của đội ngũ công nhân viên trong doanh nghiệp chủ yếu mang lại lợi ích cục bộ cho chủ tư nhân, cho giai cấp tư sản. Điều này là tất yếu vì nó có nguyên nhân sâu xa ở chế độ sở hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp tư bản. Đây là điểm mạnh, nhưng cũng chính là điểm yếu của các doanh nghiệp tư nhân, chứa đựng trong nó mầm mống dẫn tới xung đột lợi ích, tạo căng thẳng, mâu thuẫn không thể điều hòa giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với sở hữu tư nhân của tư liệu sản xuất mà Mác đã chỉ ra từ lâu.

Đối với đội ngũ cán bộ DNNN, xuất phát từ yêu cầu tất yếu của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất để bảo đảm xây dựng CNXH thành công, là cơ sở kinh tế để thực hiện toàn dân cùng giàu có, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thì động lực lý tưởng là động lực số 1, cùng với động lực lòng say mê nghề nghiệp, lợi ích vật chất tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong DNNN khả năng vượt lên trên những giới hạn của DNTN. Chúng ta xem xét kỹ hơn các động lực này.

1. Về động lực lý tưởng : Trong khi coi lợi ích vật chất trực tiếp là một động lực rất quan trọng, nhất là trong sự nghiệp phát triển kinh tế theo định hướng CHXH, chúng ta không được tuyệt đối hóa động lực lợi ích vật chất, xem đó là động lực duy nhất và tối thượng. Vì như vậy là không khoa học, không đúng với thực tiễn. Con người bị chi phối bởi nhiều lợi ích như

chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế ; bị thôi thúc bởi các trách nhiệm xã hội chứ không chỉ bởi các ham muốn vị kỷ. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ khi trở thành một học thuyết khoa học đã là động lực lý tưởng cho hàng triệu triệu người trên trái đất chiến đấu, hy sinh, lao động, phấn đấu.

Ở Việt Nam, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH trong gần thế kỷ qua đã trở thành động lực lý tưởng vô cùng to lớn thôi thúc cả dân tộc đập bằng muôn trở ngại giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Chính nhờ giác ngộ lý tưởng, hàng triệu đồng bào chiến sĩ ta đã tự nguyện lao vào cuộc chiến đấu với kẻ thù hung bạo đấu biết rằng “dấn thân vô là phải chịu tù đầy, là gươm kẻ cổ súng kẻ tai, là thân sống chỉ coi còn một nửa”. Được giác ngộ bởi lý tưởng cao đẹp của Đảng, hàng triệu đồng bào, chiến sĩ ta đã tự nguyện hy sinh lợi ích cá nhân lớn nhất là chính cuộc đời mình cho cách mạng, cho dân tộc.

Chính nhờ giác ngộ lý tưởng, hàng triệu người lao động, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo của chúng ta mặc dù điều kiện làm việc còn khó khăn, đồng lương còn hạn hẹp vẫn hăng say lao động sáng tạo, lập nên những thành tựu to lớn và quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, tạo thế và lực mới cho đất nước ta.

Việc nhận thức đúng vai trò của động lực lý tưởng, chính là thể hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh coi “đức là gốc, tài là quan trọng”. Lý tưởng chính là đức, lý tưởng đúng sẽ định hướng cho tài năng, tạo điều kiện cho tài năng phát triển và phát huy tác dụng đích thực cho xã hội.

Như vậy, động lực lý tưởng là rất hiện thực và to lớn. Dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu, chúng ta hoàn toàn có khả năng xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong các DNNN có lý

tưởng cộng sản sâu sắc, nguyện hy sinh phần đầu giải phóng lao động, giải phóng con người, để đi từ “vương quốc tất yếu đến vương quốc tự do” ; xây dựng lòng yêu thiết tha tổ quốc Việt Nam XHCN, không cam chịu để đất nước đói nghèo, lạc hậu, quyết tâm xây dựng đất nước mau chóng đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, làm giàu không chỉ cho bản thân, gia đình mình và còn phải làm giàu cho cả đất nước.

2. Về động lực từ sự say mê nghề nghiệp : Cần khẳng định sự say mê nghề nghiệp là động lực giúp nâng cao hiệu quả công việc trong cả loại hình DNTN lẫn DNNN. Ông cha ta đã nói : sinh vì nghề, tử vì nghề. Song ở đây có sự khác nhau rất rõ khi xem xét sự say mê nghề nghiệp đó phục vụ lợi ích lý tưởng nào. Rõ ràng, khi được giác ngộ bởi một lý tưởng cao cả, vì lợi ích của cả cộng đồng trong đó có lợi ích của bản thân, thì trong cùng một điều kiện như nhau, lòng say mê nghề nghiệp đó sẽ mang lại hiệu quả cao hơn, thực hiện được những công việc khó khăn hơn. Giáo sư Trần Đại Nghĩa là một ví dụ điển hình. Là nhà khoa học được đào tạo tại phương Tây, có điều kiện thuận lợi để sử dụng nghề nghiệp mà ông say mê ; song nhờ giác ngộ lý tưởng cao cả của Đảng, ông đã về nước. Và dù phải làm việc trong những điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn ông vẫn phát huy cao độ sự say mê nghề nghiệp của mình để sáng chế ra nhiều loại vũ khí phục vụ cho cuộc kháng chiến của dân tộc.

Trong công cuộc xây dựng kinh tế, thẩm nhuần lý tưởng cách mạng, rất nhiều người lao động và cán bộ quản lý đã lao động sáng tạo, đạt hiệu quả cao. Hàng ngàn anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua đã được Nhà nước tuyên dương là những minh chứng cho lập luận này. Chúng ta cũng ngày càng thấy rõ quản lý doanh nghiệp nói chung hay làm giám đốc doanh nghiệp nói riêng là một nghề đặc biệt. Đảng và nhà nước đề ra đường lối kinh tế đúng

đắn, tạo môi trường pháp lý ngày càng phù hợp, mở rộng các loại thị trường... các nhà quản lý DNNN thể hiện tài nghệ tổ chức sản xuất, kinh doanh, bộc lộ tài thao lược của mình trên thương trường, biến tiềm năng thành hiện thực sinh động ở từng công trình, sản phẩm, dịch vụ sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh. Đồng vốn của Nhà nước XHCN được sinh sôi, phát triển để góp phần củng cố và tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước, nâng cao thêm đời sống của nhân dân. Thương hiệu hàng hóa Việt Nam, danh hiệu doanh nhân và công nhân lao động Việt Nam sẽ ngày càng mở rộng ở trong nước và trên trường quốc tế.

3. Động lực lợi ích vật chất trực tiếp : Trong khi đánh giá đúng tác dụng, hiệu quả của động lực lý tưởng và động lực từ sự say mê nghề nghiệp, chúng ta không hề xem nhẹ động lực từ lợi ích vật chất trực tiếp. Cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp nước ta cũng như cổ phần hóa trong công nghiệp là bài học quý về tác động của động lực lợi ích vật chất. Trong tình hình hiện nay, khi mức sống xã hội ngày càng được nâng cao, nhu cầu tiêu dùng cá nhân ngày càng phong phú thì việc bảo đảm lợi ích vật chất thỏa đáng, điều kiện làm việc phù hợp là một động lực to lớn đối với người lao động và cán bộ quản lý DNNN. Tuy nhiên, sẽ sai lầm nếu không thấy sự khác nhau giữa động lực lợi ích vật chất ở các DNNN và DNTN.

Như đã trình bày ở phần trên, các nhà tư bản coi thực hiện lợi nhuận là mục tiêu bao trùm của DNTN, nếu lợi nhuận đạt 300% thì dù bị treo cổ họ cũng sẵn sàng làm như Mác đã từng phân tích. Nhà tư bản sử dụng lợi nhuận thu được, ngoài mục đích thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng cá nhân, họ còn dùng nó như là một phương tiện để tiếp tục thực hiện việc bóc lột giá trị thặng dư trong quá trình tái sản xuất mở rộng, tạo ra những điều kiện mới để nô dịch người lao động một cách tinh vi hơn.

Lý tưởng phấn đấu của chúng ta là vì một xã hội tốt đẹp : “dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ, văn minh” nên lợi nhuận của DNNN không phải để cho một số cá nhân chiếm đoạt mà được sử dụng một cách công bằng cho cả xã hội. Lợi ích vật chất được phân phối cho người lao động và cán bộ quản lý theo kết quả lao động của họ là nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của họ và gia đình, giúp họ có những điều kiện vật chất cần thiết để phục vụ cho lý tưởng cao đẹp đã lựa chọn, chứ tuyệt nhiên không vì mục tiêu nô dịch và làm tha hóa lao động của người khác.

Nguyên tắc lớn của CHXH là “làm theo năng lực, hưởng theo lao động” cần được chúng ta suy nghĩ vận dụng đúng đắn vào DNNN. Điều cần lưu ý ở đây là chúng ta phải coi lao động quản lý là một loại lao động đặc thù, là “một người lo bằng một kho người làm” để xử lý một cách khoa học cơ chế khuyến khích vật chất, tinh thần và nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý DNNN. Đồng thời cần tuyên truyền rộng rãi để tạo sự thống nhất, nhất trí cao trong xã hội.

IV - Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) đã đưa ra những giải pháp cơ bản để tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN. Đó là những giải pháp cần được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Chúng tôi xin làm rõ và nhấn mạnh một số vấn đề sau :

1. Trong khi khẳng định DNNN có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng XHCN, thì đồng thời cũng cần xác định DNNN không nhất thiết phải giữ tỷ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sản phẩm của nền kinh tế. DNNN cần có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu. Đại bộ phận các DNNN có quy mô vừa và lớn, công

nghệ tiên tiến. Vì thế, chúng ta cần đẩy mạnh tiến trình tổ chức, sắp xếp lại các DNNN, nhanh chóng rà soát, phân loại cụ thể các DNNN hiện có để triển khai thực hiện các biện pháp giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản, kiên quyết loại bỏ những doanh nghiệp không có khả năng hoạt động. Đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN bằng việc củng cố tăng cường vai trò của các ban đổi mới quản lý doanh nghiệp, bố trí cán bộ chuyên trách am hiểu về tình hình tài chính, công tác cổ phần, có cách nhìn toàn cục đối với ngành để đề xuất, lựa chọn đúng các DNNN cần cổ phần hóa vào thời điểm thích hợp. Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền, giải thích trong nhân dân chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa DNNN để nhân dân thông suốt, thu hút sự hưởng ứng của xã hội. Tăng cường thu hút các nguồn vốn và dành một tỷ lệ thích hợp bán ra ngoài doanh nghiệp nhằm thu hút vốn, kinh nghiệm quản lý của các cổ đông ngoài doanh nghiệp. Cải cách các thủ tục rườm rà trong quá trình cổ phần hóa DNNN.

2. Kiên quyết đưa các DNNN vào môi trường kinh doanh cạnh tranh, trên một “sân chơi” bình đẳng cùng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo đánh giá kết quả. Thay đổi cơ chế đầu tư theo kiểu “xin - cho” hiện nay bằng cơ chế đầu tư thông qua công ty tài chính hay quỹ đầu tư vốn Nhà nước để bảo đảm hiệu quả kinh tế cao. Xóa bỏ chế độ bao cấp, thực hiện bảo hộ có điều kiện và có thời hạn nhằm nâng cao hiệu quả thực sự cho các DNNN, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế Việt Nam nói chung.

3. Nhanh chóng xây dựng thị trường vốn và các thị trường bất động sản, thị trường lao động, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài... Việc tạo nên các thị trường này sẽ giải quyết một cách tốt nhất nhu cầu vốn nhờ thu hút các nguồn vốn

trong xã hội, trong và ngoài nước, đồng thời giải quyết các nhu cầu về công nghệ hiện đại và các nhu cầu cần thiết khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các DNNN.

4. Tăng cường xây dựng và quản lý các DNNN bằng pháp luật, áp dụng các biện pháp quản lý và giám sát khác nhau đối với những DNNN khác nhau. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động của DNNN như có các chế định rõ ràng về tổ chức hoạt động, chế định tài chính, chế định về quyền sử dụng đất, lao động và sử dụng lao động tại các DNNN. Cần xác định rõ hơn tư cách pháp lý, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nhà nước nên giảm bớt sự can thiệp trực tiếp không cần thiết của mình đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp để khuyến khích trao đổi đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh cần thiết, phát huy tính năng động, sáng tạo của doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính của Nhà nước nên được rà soát lại để bỏ bớt những thủ tục không hợp lý gây trở ngại cho sự phát triển của doanh nghiệp.

5. Đào tạo một đội ngũ cán bộ quản lý DNNN có năng lực và phẩm chất đạo đức. Cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ kinh doanh, công nhân viên trong các DNNN cũng cần được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, hiểu pháp luật, đổi mới tư duy kinh doanh, kịp thời thích ứng nắm bắt nhu cầu thị trường, nắm vững được các tri thức kinh tế thị trường hiện đại của thế giới. Công tác giáo dục lý tưởng cho đội ngũ cán bộ, nhất là thế hệ thanh niên là điều rất cần thiết cần được tăng cường để tạo ra đội ngũ cán bộ, công nhân không chỉ có năng lực mà còn có lý tưởng cao đẹp, có hoài bão lớn lao muốn cống hiến sức lực cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Mặt khác, cũng cần có cơ chế, chính sách phù hợp, bảo đảm cho sự bền vững của lý tưởng và hoài bão đáng quý. Trong từng doanh

nh nghiệp cần có những cơ chế phân phối thích hợp, khen thưởng động viên kịp thời người có sáng kiến, có đóng góp nhiều cho sự phát triển của doanh nghiệp. Từng người lao động trong từng DNNN thực sự hiểu rằng thành công hay thất bại của doanh nghiệp ảnh hưởng đến chính quyền lợi, cuộc sống của họ. Hình thức ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp là một cách tốt tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh và gắn bó người lao động với doanh nghiệp.

6. Xây dựng chiến lược đổi mới công nghệ trong từng ngành, từng doanh nghiệp, tăng cường công tác nghiên cứu triển khai, phát triển sản phẩm, công tác nghiên cứu thị trường, thông tin thị trường, giá cả, dự báo, tăng cường công tác xúc tiến bán hàng, mở rộng thị trường để tìm đầu ra cho sản phẩm, tăng cường vai trò của thương mại điện tử, nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách hướng các doanh nghiệp cố gắng vươn lên áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế để dễ dàng thâm nhập vào thị trường quốc tế từ đó tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả.

7. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, cũng như chất lượng dịch vụ của tất cả các thể chế nhà nước như ngân hàng, dịch vụ vận tải, bưu điện vì chất lượng của tất cả những dịch vụ này đều trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, chi phí sản xuất, thời cơ kinh doanh từ đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các DNNN trên thị trường nội địa cũng như thị trường quốc tế.

Một cách khái quát, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN cần có những giải pháp tổng hợp, và sự nỗ lực của toàn dân, các ngành, các cấp. Các DNNN với những ưu thế mà không một loại hình doanh nghiệp nào có được, nếu được phát huy và khơi dậy sẽ thực sự góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, thực hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế theo định hướng XHCN. □



Trên các nẻo đường Tổ quốc

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở LAI CHÂU

TRINH LONG BIÊN *

THỰC hiện công cuộc đổi mới, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhiều chủ trương, chính sách đối với miền núi được thực thi, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc nên kinh tế - xã hội Lai Châu đã có nhiều khởi sắc tiến bộ. Trong những năm gần đây, nền kinh tế tăng trưởng khá (GDP tăng bình quân 6,55%/năm), cơ cấu kinh tế có chuyển biến rõ rệt, các chính sách xã hội được thực hiện tốt hơn, đời sống của đồng bào các dân tộc được nâng lên, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Mặc dù vậy, Lai Châu vẫn còn nhiều khó khăn : tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm ; kết cấu hạ tầng thấp kém, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa vững chắc, kinh tế hàng hóa kém phát triển, Lai Châu còn 29 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, 101 xã chưa có điện, 122 cụm xã, xã chưa có chợ, 75 xã trên 50% dân thiếu nước sạch ở bậc tiểu học còn thiếu 1 259 phòng học. Trình độ dân trí thấp, tỉ lệ hộ đói nghèo cao (theo tiêu chí cũ, Lai Châu còn 31% số hộ đói nghèo) năm nào tỉnh cũng trợ cấp cứu đói thường xuyên và đói giáp hạt hàng chục tỉ đồng. Là vùng có vị trí rất quan trọng về quốc phòng - an ninh, Lai Châu còn tiềm ẩn

một số nhân tố nếu không được giải quyết tốt sẽ gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội. Trong những năm gần đây, Lai Châu liên tiếp chịu sự thiệt hại nặng nề do thiên tai (lũ quét, động đất, mưa đá...), nền kinh tế đã khó khăn càng thêm khó khăn. Để từng bước ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy nền kinh tế ngày thêm tăng trưởng, Lai Châu phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở tỉnh Lai Châu sẽ làm thay đổi về cơ bản phương thức sản xuất manh mún, tự cung tự cấp hiện nay, tạo ra một nền kinh tế **nông - lâm - công nghiệp chế biến - dịch vụ** ổn định, từng bước phá thế độc canh, phát huy tiềm năng, nội lực, nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo ; tiến tới làm giàu cho địa phương, góp phần tích cực vào xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất nông - lâm nghiệp tập trung, chuyên canh

* UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu

gắn với công nghiệp chế biến và áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhằm tạo ra những sản phẩm hàng hóa chủ lực với khối lượng lớn, chất lượng cao.

Lai Châu có đất đai, khí hậu thích hợp cho việc phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, cây lâm nghiệp có giá trị cao, có tài nguyên nước đầu nguồn của 3 dòng sông lớn và 3 061 sông suối nhỏ, khoáng sản phong phú tạo điều kiện cho thủy điện và công nghiệp khai khoáng phát triển. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, Lai Châu phát huy được lợi thế của vùng có nhiều cửa khẩu với Trung Quốc và Lào về giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở tỉnh sẽ thúc đẩy văn hóa - xã hội phát triển, dân trí nâng cao, phân công lao động xã hội và sắp xếp lại dân cư hợp lý, tạo sự bình đẳng, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, thắt chặt mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và nông dân trong công cuộc phát triển nông thôn, nông nghiệp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH cơ bản là quá trình áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong công nghiệp chế biến các sản phẩm nông - lâm nghiệp, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng lao động có trình độ chuyên môn giỏi, được đào tạo nghề. Sự đòi hỏi đó tất yếu phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ, đẩy mạnh việc phân công lao động xã hội theo hướng chuyên môn hóa, gắn với bố trí lại dân cư, tạo điều kiện phát triển các đô thị vừa và nhỏ từng bước đô thị hóa miền núi. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH sẽ nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc, giảm dần khoảng cách chênh lệch giữa vùng thấp với vùng cao, giữa miền núi với miền xuôi, giữa nông thôn và thành thị từng bước tạo sự tiến bộ và công bằng xã hội.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng, củng cố vững chắc khu vực phòng thủ, bảo vệ chủ quyền biên giới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

Hiện nay ở Lai Châu còn một bộ phận không nhỏ đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đời sống vật chất, tinh thần hết sức khó khăn, thấp kém; tình trạng dân di cư tự do, cũng như sự tụt ngưỡng của đồng bào bị lợi dụng... Đây là những nhân tố tiềm ẩn gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn - xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng đáp ứng đòi hỏi cấp thiết của nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng toàn dân; gắn phát triển kinh tế với công tác quốc phòng - an ninh và ngược lại.

Những năm qua và nhất là trong thời kỳ đổi mới, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực và bước đầu có sản phẩm hàng hóa đạt mức lương thực bình quân 312 kg/người/năm; đã hình thành một số vùng sản xuất cây công nghiệp tập trung như chè, cà phê, mía..., gắn với chế biến. Tỉnh có nhà máy chế biến chè đen xuất khẩu công suất 12 - 18 tấn/ngày, xưởng chế biến cà phê 3 000 tấn quả tươi/năm. Vốn rừng được phục hồi và phát triển khá nhanh, tăng độ che phủ từ 14% năm 1995 lên 31% năm 2000. Nhiều tiềm năng, thế mạnh bước đầu được khai thác và phát huy, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, ổn định và từng bước nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc. Mỗi năm tỉnh đã tạo việc làm mới cho trên 5 000 đến 6 000 lao động. Tổ chức hơn 100 lớp huấn luyện khuyến nông, khuyến lâm cho trên 3 000 lượt hộ. Hỗ trợ vốn, giống cây, con và kỹ thuật phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống ở nông thôn (nghề rèn, dệt thổ cẩm), chế biến nông - thổ sản, chăn nuôi đại gia súc, tổ chức các trang trại theo mô hình

VAC, VCR, VACR. Từ năm 1996 đến nay đã đầu tư cho khu vực nông thôn 135 dự án cho vay 8 194,5 triệu đồng giải quyết việc làm cho 2 284 lao động ở nông thôn. Tỉnh hiện có 1 216 trang trại nhỏ, quy mô dưới 5 ha, phát triển theo hướng tổng hợp vườn, rừng, ao, chuồng.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH của tỉnh trong những năm đầu thế kỷ XXI sẽ tập trung giải quyết các vấn đề :

a. Phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng vùng sản xuất tập trung, chuyên canh gắn với chế biến, có quy mô ngày càng lớn, tạo ra những sản phẩm mũi nhọn ngày càng tăng.

Về sản xuất lương thực nhiệm vụ trọng tâm : Phần đầu đạt và vượt 215 000 tấn - 220 000 tấn lương thực. Tuy nhiên, ở miền núi không thể sản xuất lương thực bằng bất cứ giá nào, mà phải gắn với việc bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Lai Châu chọn hướng đầu tư khai hoang, tăng vụ, phần đầu đến năm 2005 khai hoang thêm 1 000 ha, tăng vụ 5 000 ha, mở rộng diện tích cây lương thực dưới ruộng ; giảm dần diện tích trên nương. Đẩy mạnh và mở rộng diện tích thâm canh, áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, phòng trừ dịch bệnh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm. Vấn đề lương thực ở miền núi không chỉ trông chờ từ sản xuất mà còn bằng biện pháp cân đối từ các ưu thế khác như cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, phát triển du lịch sinh thái, du lịch lịch sử v.v..

Trước mắt, đầu tư đồng bộ và có cơ chế, chính sách hợp lý để mở rộng các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung gắn với chế biến, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn. Xây dựng và hình thành vùng cây công nghiệp tập trung với 3 450 ha chè công nghiệp tại Phong Thổ, 300 ha chè San tại Sìn Hồ, Tủa Chùa, Điện Biên Đông ; 1 000 ha cà phê ở

Mường Ảng (Tuần Giáo) và phía đông lòng chảo Điện Biên 3 000 ha trâu ở Phong Thổ, Tuần Giáo ; 5 000 - 6 000 ha đậu tương ; 200 ha thảo quả ; 4 000 ha cây ăn quả các loại...

Cây chè là một thế mạnh lâu dài của Lai Châu vì quỹ đất có khả năng trồng chè còn nhiều. Cây chè lại có hiệu quả kinh tế cao hơn so với nhiều cây trồng khác. Trồng, chế biến chè tạo nhiều việc làm cho người lao động ; hơn nữa cây chè còn có tác dụng phủ xanh đất trống đồi trọc. Cùng với cây chè sẽ tiếp tục trồng và làm rõ hiệu quả kinh tế của cây cà phê chè, các cây lấy dầu, cây dược liệu, cây mía, để có phương án phát triển bền vững. Đồng thời phát triển mạnh các vùng cây ăn quả tập trung như : cam, quýt, xoài, nhãn, chuối, mơ, mận...

Về chăn nuôi, Lai Châu đã hình thành các vùng chăn nuôi đại gia súc tập trung như ở Si Pa Phìn, Ba Chà (Mường Lay), Bình Lư (Phong Thổ), nuôi trâu, bò gắn với chế biến, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa như thịt, sữa, keo, chế phẩm... từ các vùng chăn nuôi này. Hiện nay, toàn tỉnh có : đàn trâu 12 500 con, đàn bò 23 594 con, đàn lợn 204 700 con, đàn gia cầm 810 000 con ; sản lượng cá thịt hằng năm từ 400 000 đến 500 000 tấn.

Về lâm nghiệp, Lai Châu có vị trí đặc biệt quan trọng về phòng hộ đối với vùng đồng bằng sông Hồng và các công trình thủy điện trên sông Đà. Do đó, việc bảo vệ và phát triển vốn rừng ở Lai Châu không chỉ là khai thác tiềm năng trong tỉnh mà còn là trách nhiệm đối với cả nước. Sau hơn 10 năm thực hiện các chương trình 327 và 661 của Chính phủ, tỷ lệ rừng che phủ của Lai Châu đã được nâng lên, song vẫn còn thấp so với yêu cầu, kinh tế rừng chưa rõ hướng phát triển bền vững, người dân chưa sống bằng nghề rừng. Hướng phát triển vốn rừng ở Lai Châu trong thời gian tới là : bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng là chính góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình 5 triệu ha rừng của Chính phủ. Tiến hành xác định rõ

các khu rừng phòng hộ đặc biệt xung yếu, khu rừng đặc dụng để bảo vệ nghiêm ngặt và phát triển nhanh bằng khoanh nuôi, trồng mới.

Xác định rõ mô hình kinh tế rừng theo hướng phát triển cây lấy nhựa, cây lấy dầu, cây làm nguyên liệu giấy, gỗ xây dựng, cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày có tán che.

Thực hiện giao đất khoán rừng đến tổ chức và hộ gia đình ; làm rõ trách nhiệm và nguồn lợi của người được giao đất, khoán rừng.

b. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, thủy điện và công nghiệp khai khoáng.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến; cung cấp điện, nước ; tăng cường sản xuất vật liệu xây dựng (sản xuất gạch tuy nen, bê tông đúc sẵn, sản xuất phân vi sinh, ...); chế biến nông - lâm sản gắn với các vùng sản xuất tập trung như chế biến chè, cà phê, thức ăn gia súc, hoa quả, bột giấy, giấy thô, gỗ... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm có sức cạnh tranh để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Xây dựng một số thủy điện vừa và nhỏ, phát triển mạnh thủy điện phục vụ dân sinh.

Đầu tư thăm dò khoáng sản để lập dự án khai thác trong thời gian tới. Tích cực tìm kiếm thị trường, thăm dò đối tác liên doanh và có cơ chế thích hợp để đẩy mạnh khai thác khoáng sản than, đá đen, đất hiếm, vàng... Thời gian qua tỉnh đã đạt được một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu : điện thương phẩm 24 kWh, khai thác than 12 000 tấn/năm, gạch tuy nen 21 triệu viên/năm...

c. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ.

Sắp xếp, củng cố các loại hình doanh nghiệp, phát triển kinh tế hợp tác để làm tốt vai trò dịch vụ về giống, vật tư, công nghệ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... Năm năm qua, tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng từ 326 tỉ năm 1995 lên 690 tỉ năm 2000. Thương nghiệp - dịch vụ đã đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là

nhân dân vùng cao. Giá trị hàng xuất khẩu đạt 1 triệu USD/năm 2000 gấp 2 lần so với năm 1995, phấn đấu nâng kim ngạch xuất khẩu lên 4 triệu USD năm 2005. Khai thác kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh hoạt động giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và cơ chế chính sách thích hợp để phát triển mạnh du lịch lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa. Mở rộng quan hệ kinh tế và du lịch quốc tế với Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh Bắc Lào.

d. Tập trung đầu tư phát triển các vùng trọng điểm và các điểm kinh tế mới.

Lai Châu đã xác định được 5 vùng kinh tế trọng điểm và 3 mô hình kinh tế vùng cao, hướng phát triển ở các vùng kinh tế trọng điểm là :

Vùng 1 : Khu vực Điện Biên và thị xã Điện Biên Phủ, phát triển sản xuất lương thực, cà phê, cây ăn quả, công nghiệp chế biến, dịch vụ - du lịch, bảo vệ và trồng rừng ở phía bắc và phía nam.

Vùng 2 : Khu vực Tam Đường, Bình Lư (Phong Thổ), phát triển cây chè, lương thực và chăn nuôi gia súc.

Vùng 3 : Khu vực Mường Ảng (Tuần Giáo) phát triển cây cà phê, lương thực.

Vùng 4 : Khu vực Pú Nhung, Phình Sáng, Ta Ma (Tuần Giáo), phát triển cây đậu tương, cây ngô, cây cà phê.

Vùng 5 : Khu vực Mường Chà (Mường Lay), Mường Toong, Mường Nhé (Mường Tè), phát triển cây chè, cây cà phê, chăn nuôi đại gia súc, bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên.

Đối với 3 mô hình kinh tế vùng cao : Cao nguyên Sìn Hồ, Pú Nhi (Điện Biên Đông), cao nguyên Tả Phình (Tủa Chùa). Giai đoạn 2001 - 2005 mỗi điểm đầu tư trồng mới 100 ha chè, phấn đấu đến năm 2005 bình quân mỗi hộ gia đình trong điểm kinh tế có : 0,5 ha ruộng nước hoặc nương bậc thang trồng lúa hay hoa màu, 0,1 ha cây công nghiệp hoặc cây ăn quả, cây dược liệu, 5 ha rừng, 20% số hộ có

trang trại thu nhập trên 20 triệu đồng/năm. Đối với 500 bản đặc biệt khó khăn, tỉnh đã xây dựng dự án đầu tư cho mỗi bản 60 triệu đồng. Đồng thời dồn sức đầu tư đồng bộ, tập trung sản xuất chuyên canh để tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, phát triển những điểm kinh tế mới tạo thế phát triển cho bước tiếp theo.

e. Phát triển các thành phần kinh tế.

Thời gian qua, mô hình kinh tế trang trại ở Lai Châu phát triển khá và có nhiều khởi sắc, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trong những năm tới, tỉnh sẽ tập trung đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Thực hiện tốt chính sách sử dụng đất đai, miễn giảm thuế, hỗ trợ vốn và công nghệ... để khuyến khích nông hộ chuyển sang sản xuất hàng hóa theo mô hình trang trại, sử dụng đất trồng, đồi núi trọc vào sản xuất nông - lâm nghiệp.

Trong những năm qua, nhất là thời kỳ đổi mới, do có sự đầu tư toàn diện nên đời sống kinh tế - xã hội đã từng bước ổn định; tỉ lệ đói nghèo hàng năm giảm khoảng 5%. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển khá, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt so với năm trước. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. An ninh chính trị ổn định, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Trật tự an toàn xã hội có nhiều tiến bộ, tệ nạn xã hội được ngăn chặn. Tuy vậy, do điểm xuất phát thấp nên Lai Châu gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH, cần có được sự quan tâm đặc biệt của Trung ương. Cụ thể là :

- Xây dựng dự án quốc phòng - an ninh vùng Tây Bắc để Lai Châu có kế hoạch tổng thể, chi tiết, lên phương án hợp tác với các tỉnh trong vùng và toàn quốc.

- Cho xây dựng và thực hiện các dự án kinh tế vùng biên giới (như dự án kinh tế - quốc phòng Mường Chà) để vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa gắn với quốc phòng - an ninh.

- Ban hành một số chính sách đặc thù đối với miền núi Tây Bắc như :

- + Nâng mức đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp (khai hoang ruộng nước, xây dựng nương định canh, giống cây trồng vật nuôi), phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, bảo vệ và phát triển vốn rừng. Có chính sách tái đầu tư rừng đầu nguồn thủy điện sông Đà (Lai Châu chiếm 44% diện tích lưu vực đầu nguồn sông Đà) chú trọng tới các xã đặc biệt khó khăn được thực hiện chương trình 135 của Chính phủ...

- + Có chính sách ưu đãi đầu tư như : miễn giảm thuế đất, hỗ trợ lãi xuất tiền vay, bảo hiểm... để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

- + Có chính sách thỏa đáng về đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ các dân tộc ít người ; chính sách thu hút cán bộ công tác miền núi và những vùng khó khăn ; chính sách cán bộ cấm bản, xã...

- Đầu tư phát triển mạnh hạ tầng.

- + Đầu tư phát triển mạng lưới giao thông : các đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường ra cửa khẩu, biên giới, đường đến trung tâm xã, đến các vùng kinh tế để nối liền vùng thấp với vùng cao, vùng nội địa với vùng biên, nối tỉnh Lai Châu với các tỉnh anh em trong điều kiện địa hình núi non chia cắt mạnh.

- + Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi (các hồ và chòm hồ) để phát triển sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là con đường tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của tỉnh Lai Châu. Đảng bộ, chính quyền cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh quyết vượt mọi gian khổ, phấn đấu xây dựng Lai Châu ngày càng phồn vinh, giàu mạnh xứng đáng với truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, xứng đáng với sự tin yêu của nhân dân cả nước. □

Ghi chép TẢN MẠN Ở CẤP HUYỆN

VŨ PHÒNG

MỘT sáng chủ nhật, tôi lên xe máy, qua cầu Chương Dương, về phía Bát Tràng, Xuân Quang. Tôi đi tìm cảm hứng cho bài viết. Vừa đi, vừa suy nghĩ, không ngờ tôi đã qua địa giới Hà Nội và bước sang tỉnh Hưng Yên. Mẽ Sở đây rồi. Theo đường liên xã trải nhựa, xe cứ êm ro lướt đi trong mệnh mông của đồng ruộng. Trước mắt, sau lưng, bên phải và bên trái tôi là những cánh đồng trồng hoa và cây cảnh, quất cảnh. Quất, quất chín vàng như làm sáng rực cả một khoảng trời. Bạt ngàn là hoa, hoa hồng, hoa lay ơn, hoa đồng tiền... đang chúm nụ trong nắng sớm, e ấp đợi chờ để bùng nổ đón xuân... Dừng xe, tắt máy và khoan khoái hít thở khí trời, tôi xuống một thửa ruộng, tới gần mấy người đang tỉa cành làm thế cho từng cây quất. Tôi chào họ và khen : cây cảnh năm nay đẹp quá, chắc các bác thu hoạch khá. Một bác trai trạc tuổi 50, dáng người khỏe mạnh, vui vẻ trả lời : nhờ đổi mới, mấy năm nay chúng tôi làm ăn được. Bây giờ ở đây, rất ít gia đình chỉ trông chờ vào cây lúa, cả vùng đang đua nhau thay đổi cách làm ăn, ngoài trồng lúa, trồng màu, trồng rau sạch, còn trồng dược liệu, cây ăn quả, cây cảnh, nuôi bò, nuôi lợn, vịt, cá... Vì vậy nhiều nhà giàu lên trông thấy. Có nhà trồng một sào cam

đường, thu gần 20 triệu đồng, một sào bưởi chiết ghép cũng thu trên 12 triệu... Tôi quay sang hỏi bác gái đang làm bên cạnh rằng, có ai mách cho mà các bác làm được như thế này. Bác gái dừng tay uốn cành quất và nói : ai mách à ? thị trường bảo, đài báo bảo và nhất là mấy ông ở trên huyện. Các ông ấy hướng dẫn, động viên rồi cho làm mẫu, từ chỗ một nhà, hai nhà làm, thấy thu hoạch khá, thế là theo nhau, đua nhau làm thôi...

Những thông tin mà hai bác nông dân vừa cung cấp, tự nhiên như gợi ý, mở hướng cho bài viết của tôi. Bỗng nhớ tới cuốn sổ tay mà mình ghi chép mấy tháng trước đây, khi tôi về nghiên cứu ở tỉnh Hưng Yên. Trở về và đêm ngồi trước bàn, lần giở từng trang sổ tay, tản mạn ghi chép về cấp huyện...

Ngày 7-11-2001, ở huyện Văn Giang.

Chúng tôi cùng Bí thư Huyện ủy Văn Giang, Lý Văn Ôn về làm việc ở xã Vĩnh Khúc. Đường từ thị trấn huyện về xã trải nhựa phẳng lì xuyên qua những cánh đồng đồ sộ tương đồng xanh đang xanh mướt một màu quyến rũ. Xa xa những nếp nhà cao tầng ngói đỏ lấp ló trong những vườn cây tốt tươi. Chúng tôi mãi chuyện, quên cả thời gian, phút chốc xe đã dừng bánh trước trụ sở ủy ban xã. Bí thư đảng ủy xã Đinh Văn Lợi mời chúng tôi vào trụ sở. Anh Ôn bảo, xuống trại lợn Ngọc Kiên đã, lát nữa quay về chúng ta sẽ làm việc sau...

Trại lợn Ngọc Kiên là cơ sở nuôi lợn thịt xuất khẩu do Ngọc Kiên làm chủ trại. Anh là một thanh niên khoảng 30 tuổi, cao to, trắng trẻo, đẹp trai. Mấy năm trước Ngọc Kiên làm đại lý bán hàng cho một số công ty, xí nghiệp sản xuất thức ăn gia súc. Hai năm gần đây nhờ sự giúp đỡ, hướng dẫn của cán bộ thú y huyện cùng các công ty, xí nghiệp đó, anh được trang bị thêm những kiến thức và quy trình chăn nuôi khoa học, tiên tiến, mạnh dạn mở trại chăn nuôi lợn. Lợn do Ngọc Kiên nuôi được chăm

sóc tốt, ít bệnh tật, lớn nhanh. Hằng năm, anh thu lãi hơn trăm triệu đồng. Chúng tôi đến đây đúng lúc anh và những người mua lợn đang tuyển lựa kỹ lưỡng từng con một. Ngọc Kiên đang bận tíu tít. Anh chào chúng tôi và nói như xin lỗi : cháu đang đỡ tay các chú thông cảm. Anh Ôn bảo Kiên : chúng mình đến thăm cậu một chút thôi, rồi anh dẫn tôi sang các khu chuồng khác. Trước mắt chúng tôi, mỗi ô chuồng có tới vài chục con lợn, bụng no tròn đang nằm thờ. Ở chuồng lợn mẹ, có những con nặng 200 kg đang thông thả uống nước. Chúng tôi đang say sưa quan sát, thì Ngọc Kiên bước vào, mời chúng tôi về văn phòng. Anh Ôn vừa đi vừa hỏi : năm tới định phát triển thế nào ? Bị hỏi bất ngờ, Kiên lặng yên một lúc, rồi khẽ thưa : Cháu định năm tới phát triển nữa và bàn nhau xây dựng tổ hợp để tạo ra sức mạnh về cơ sở vật chất và tiền vốn, mở rộng sản xuất chú ạ. Chúng cháu mong xã và huyện giúp đỡ. Anh Ôn nói ngay : giúp chứ, không tạo ra được các chủ trang trại thì làm gì có hàng hóa, làm gì có thị trường. Họp nhau lại đi, xây dựng dự án phát triển, làm gì cũng phải có dự án, dự án phải hết sức cụ thể, vừa có lãi vừa giải quyết được lao động cho thôn xóm, vừa phải bảo vệ môi trường, không được để ô nhiễm ao hồ,

kênh mương, đường đi lối lại... Ngọc Kiên phấn khởi quá, nói luôn : Vài hôm nữa chúng cháu sẽ lên huyện. Anh Ôn quay sang anh Lợi, Bí thư đảng ủy xã và nói : Không cần lên huyện, cứ làm việc cụ thể bằng văn bản với xã, huyện sẽ về cùng xã bàn bạc và giải quyết. Đây là một trong những chương trình phát triển của huyện ta. Các cậu đi đúng hướng rồi, cứ thế mà làm, làm tới lên...

Về trụ sở xã, Bí thư Đinh Văn Lợi tranh thủ báo cáo tình hình của xã với chúng tôi. Theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, mấy năm nay Vĩnh Khúc từ một xã nghèo, tự cung tự cấp trở thành một xã giàu, một thị trường sản xuất hàng hóa. Sự chuyển đổi đó thể hiện qua các việc làm sau : từ một xã thuần nông, nay đã đa ngành nghề, ngoài trồng trọt, chăn nuôi còn mở mang nhiều dịch vụ khác, dịch vụ đã chiếm tỷ lệ 30% trong thu nhập của nhân dân trong xã ; từ một xã thuần lúa chuyển sang trồng màu, trồng cây ăn quả. Năm nay xã dành 40% diện tích đất vốn trồng lúa để làm vụ đông, trồng đỗ tương, đỗ leo, cà chua... Riêng lúa 100% diện tích gieo trồng giống mới, trong đó có 30% là giống lúa có giá trị kinh tế cao, 70% là giống lúa có năng suất cao. Thu nhập của nhân dân khá dần lên, toàn

xã chỉ còn một ngôi nhà tranh, chỉ còn 6% gia đình đủ ăn nhưng chưa có tài sản đất tiền, đã có 3% hộ giàu...

Trên đường về huyện, tôi hỏi anh Ôn, huyện ta có nhiều xã như xã Vĩnh Khúc không, có nhiều chủ trang trại như Ngọc Kiên không ? Anh Ôn trả lời ngay : Văn Giang có 11 xã và thị trấn thì Vĩnh Khúc là một trong 4 xã phát triển chậm, còn 7 xã



khác tốc độ phát triển nhanh. Những xã như Mỹ Sở, Nghĩa Trụ, Phụng Công, Cửu Cao, Xuân Quang... là những xã giàu của huyện. Người dân ở đó nhậy bén, năng động, suy nghĩ của họ, sản xuất của họ gắn với thị trường, phục vụ thị trường... Chủ trương trại như Ngọc Kiên thì nhiều, xã nào cũng có, nhưng tập trung hơn cả là ở các xã có tốc độ phát triển nhanh. Ở những xã đó, có nhiều loại chủ kinh doanh như : chủ trại vịt, chủ trại cá, chủ trại trồng hoa, trồng cây cảnh, cây ăn quả, sản xuất đồ gốm, vật liệu xây dựng...

Tôi lại hỏi anh Ôn, trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, mỗi một huyện là một pháo đài, bây giờ huyện còn có vị trí như thế nữa không ? Anh Ôn nói : Tôi có đọc một bài ở báo nào đó, không nhớ nữa, có một nhà nghiên cứu viết rằng, nên bỏ cấp huyện, bây giờ vai trò chỉ đạo của cấp huyện rất mờ nhạt... Tôi buồn quá, chắc nhà nghiên cứu đó chỉ ở trung ương, ít đi thực tế nên mới viết về cấp huyện như thế. Theo tôi cấp huyện hôm nay có vị trí và vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Không cấp nào nắm chắc đồng đất và con người trong từng khu vực như cấp huyện. Cấp huyện gắn chặt với cấp xã, huyện và xã vững mạnh là cơ sở tạo nên sự vững mạnh của cả hệ thống từ trung ương đến làng xã...

Tôi lại hỏi anh Ôn : theo anh, tiêu chuẩn cán bộ huyện bây giờ là gì ? Anh Ôn trả lời : cứ thực hiện nghiêm chỉnh chiến lược cán bộ của Đảng là được. Cán bộ lãnh đạo huyện phải có trình độ đại học, phải trải qua thực tiễn chỉ đạo, có sức khỏe, xông xáo được dân tin, bám dân, có kinh nghiệm xử lý các tình huống cụ thể ở địa phương. Cán bộ huyện mà cứ chung chung thì chết cơ sở... Anh Ôn trách tôi : Tạp chí Cộng sản có nhiều bài rất hay về công tác cán bộ, nhưng chung chung quá, chưa có bài nào viết về cán bộ cấp huyện cả. Có dịp mời các anh về với chúng tôi, chúng ta cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn ở cấp huyện...

Ngày 9-11-2001, ở huyện Tiên Lữ.

... Anh Nguyễn Mạnh Việt, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cung cấp một thông tin thú vị. Anh em cán bộ trong huyện thường gọi đùa nhau là những người đi “chém gió”. Chém gió tức là chém vào không khí, là hô hào chung chung không đem lại một kết quả gì. Đùa nhau mà lòng mỗi người nhức nhối, chua xót. Thói quen hành chính, hình thức đã dẫn đến một kiểu làm việc “chém gió” và hậu quả là phong trào không lên, cán bộ mệt mỏi, dân mệt mỏi, hao hụt niềm tin. Đúng là mình nói mà chưa nghĩ, mình hô hào, chỉ thị mà không xuất phát từ đặc điểm, hoàn cảnh của từng người dân, của từng làng xã. Mình là cán bộ chỉ đạo mà vẫn chưa đủ kiến thức về kinh tế, xã hội, nhất là kiến thức vận động quần chúng...

Cắt ngang câu chuyện của anh Việt, tôi xen vào : Bây giờ chắc các anh không “chém gió” nữa ? Anh Việt trả lời, tất nhiên là còn, nhưng ít thôi, chúng tôi đang quyết tâm khắc phục. Anh Việt khẳng định : từ khi bước vào đổi mới đến nay, tập thể huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện chúng tôi quyết tâm thay đổi lề lối làm việc. Căn cứ vào nghị quyết của Huyện ủy, của Hội đồng nhân dân, mỗi công việc, mỗi phong trào trong huyện, trong xã chúng tôi đều chuẩn bị kỹ thành chương trình, dự án cụ thể. Điều tra, khảo sát xem có thể thực hiện được không ? Địa phương có khả năng gì ? Cần tháo gỡ những vướng mắc gì về cơ chế, về tài chính, về nhân lực, về thủ tục hành chính về các mối quan hệ nội bộ nhân dân với nhau, quan hệ tại cơ sở, quan hệ trên dưới. Cần phối kết hợp giữa đoàn thể, mặt trận, chính quyền như thế nào ? Dự kiến khâu ách tắc và biện pháp giải quyết, kiểm tra đôn đốc, khen thưởng kịp thời, rút kinh nghiệm... Tóm lại không hô hào chung chung, không chạy theo số lượng và hình thức mà phải đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu, nói đi đôi với làm, phát động nhưng phải vừa sức để dân có thể tự giác, chủ động, phấn khởi hành động, đáp ứng lợi ích trước mắt và lâu dài của họ...

Anh Bình trong Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy bổ sung thêm cho chủ đề “chém gió” : hầu hết các huyện ở tỉnh Hưng Yên đều đang có sự chuyển biến rất lớn về phương thức công tác, đó là hướng về thôn, xã, tập trung cho thôn, xã. Mỗi huyện có những quy định cụ thể, nhưng ở chúng tôi, vài năm trở lại đây đã có nền nếp huyện ủy khen thưởng tới chi bộ. Tôi hỏi luôn : Số chi bộ được khen có nhiều không ? Có xứng đáng không ? Anh Bình khẳng định : đảng bộ chúng tôi có 223 chi bộ thì năm 2000 có 176 chi bộ vững mạnh, 26 chi bộ được khen. Những chi bộ được khen thành tích rất xứng đáng, bởi lẽ chúng tôi nắm rất chắc thông tin của họ. Mỗi chi bộ được khen, kèm theo giấy khen của huyện là 100 ngàn đồng tiền thưởng động viên... Hằng tháng thường vụ huyện ủy cùng các đảng ủy xã trực tiếp giao ban với trưởng thôn và bí thư chi bộ. Công việc này đã trở thành nền nếp. Trong các buổi làm việc này, thông tin được trao đổi hai chiều. Huyện truyền đạt chính sách, chủ trương mới, gợi ý những phương hướng phát triển, cung cấp các kinh nghiệm hay, những địa chỉ tin cậy có liên quan đến đời sống mọi mặt để cán bộ thôn tiện liên hệ. Nghe các ý kiến phản ánh, các đề xuất từ các trưởng thôn rồi đôi bên thảo luận, vấn đề nào thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện thì kết luận ngay, còn vấn đề chưa thể giải quyết thì ghi nhận và hẹn ngày giải quyết...

Tôi hỏi chen vào câu chuyện của anh Bình : các anh trực tiếp chỉ đạo từng thôn như vậy, liệu có bao biện, làm thay cho cấp xã hay không. Anh Bình khẳng định : không có chuyện đó, tuy nhiên cũng phải đề phòng và cái chính, cái cốt lõi là huyện phải nắm chắc thông tin, phải hướng dẫn kịp thời, phải tạo cho cấp ủy và chính quyền thôn, xã làm quen với phong cách làm việc mới, hết sức dân chủ, đề cao sáng tạo, chủ động, đoàn kết và thống nhất... Cách làm việc này rất được hoan nghênh. Các vụ việc dù to, dù nhỏ ở từng thôn được giải quyết kịp thời, tận gốc, bởi vậy an

ninh chính trị, trật tự xã hội từng thôn xã được bảo đảm, nhân dân tin tưởng và phấn khởi.

Ngày 10-11-2001, ở huyện Phú Cù.

Anh Quách Hữu Lành, Phó chủ tịch huyện tâm sự : Phú Cù là một huyện vùng sâu, vùng xa của Hưng Yên. Đây là một huyện rất nghèo và chậm phát triển. mấy năm nay, đảng bộ và nhân dân trong huyện tập trung phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống của nhân dân...

Nhờ thực hiện quy chế dân chủ ở làng xã, đã tạo nên một khí thế chuyển động mới trong nhân dân. Trước đổi mới, dân Phú Cù muốn thoát nghèo, vươn lên làm giàu nhưng gặp nhiều khó khăn như đất đai ít, lại thuần nông, cơ chế cản trở, tâm lý an phận của người dân... Bây giờ đã khác rồi, huyện có nhiều chương trình phát triển rất cụ thể như : chương trình phát triển giao thông, bê tông hóa kênh mương, chuyển đổi mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chú trọng cây con có năng suất cao, có giá trị kinh tế cao, khơi dậy ngành nghề mới, phát triển dịch vụ, chăm sóc sức khỏe, chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội... Cái đáng mừng nhất là nhân dân rất tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, không trông chờ, ỷ lại và nuôi chí làm giàu...

Để cuốn hút nhân dân vào các chương trình phát triển kinh tế, để nhân dân từng bước tự mình chuyển đổi cơ cấu sản xuất và vận dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, huyện coi trọng việc làm thử. Chẳng hạn khôi phục trồng dâu nuôi tằm, trồng dưa hấu ở hai xã ngoài đê sông Luộc, việc phát triển nuôi cá trê lai, cá rô phi đơn tính, cá chim trắng... Tất cả đều phải làm thử để dân biết, dân tin, dân bàn và tự giác làm. Làm kết quả và có lãi một cách chắc chắn, lúc đó tự nhiên có phong trào... Một khi các xã có phong trào, thì buộc các ngành, các đoàn thể ở huyện phải xuống cơ sở, lẫn lộn với công việc. Mấy năm nay, đoàn thể và các tổ chức xã hội ở tỉnh Hưng Yên nói chung cũng như ở

huyện Phú Cù nói riêng đều đổi mới hoạt động và hoạt động có hiệu quả. Mặt trận tổ quốc, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, hội khuyến học... đều hoạt động theo chương trình và dự án cụ thể. Tất cả các tổ chức ấy đều hướng vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, xây dựng trang trại, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hiện các chính sách xã hội, xây dựng nhà tình nghĩa, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia đình chính sách, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng khu dân cư văn minh... Nhờ đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nhờ sự chỉ đạo cụ thể của tỉnh, cấp huyện bớt đi lúng túng, bám sát thôn, xã, phần khởi, tự tin và chủ động trong chỉ đạo. Đổi mới từ người dân, đổi mới từ thôn, xã, đổi mới từ trung ương xuống tỉnh, kéo theo đổi mới toàn diện phong cách làm việc ở cấp huyện...

Mấy điều suy nghĩ từ những trang ghi chép.

1. Đổi mới hệ thống chính trị ; xây dựng và chỉnh đốn Đảng ; đổi mới và cải cách bộ máy nhà nước ; thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ; phát huy đại đoàn kết dân tộc, mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp nông dân, công nhân, tầng lớp trí thức... tất cả những vấn đề trọng đại đó đều liên quan đến cấp huyện. Vậy trong giai đoạn mới, cấp huyện có vị trí như thế nào ? Vai trò của nó ra sao ? Cần đầu tư cho nó như thế nào ? Nên chăng cần nhìn nhận đúng hơn về vai trò và vị trí của cấp huyện. Đã đến lúc Đảng và Nhà nước cần tập trung nghiên cứu, tổng kết, bổ sung và hoàn thiện những quyết sách cụ thể cho nó, tạo những tiền đề và điều kiện mới để cấp huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức, thực hiện đường lối, chính sách ở địa bàn nông thôn. Nông thôn phát triển, trở thành thị trường sản xuất và tiêu thụ rộng lớn thì thành thị sẽ được hỗ trợ một cách toàn diện, tạo đà cho cả nước đi lên.

2. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời gian tới là tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với quyết tâm và nỗ lực cao hơn, tạo chuyển biến cơ bản trên ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Để làm được như thế, cần chú trọng các vấn đề sau : tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng ; nâng cao kiến thức, năng lực lãnh đạo, rèn luyện đạo đức và lối sống cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Củng cố Đảng về tổ chức, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật và giữ vững đoàn kết trong Đảng. Tích cực thực hiện chiến lược cán bộ. Đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Nâng cao trình độ tổ chức và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Các nhiệm vụ trên rõ ràng đang được tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc ở cấp huyện. Chúng ta có thể cảm nhận được điều đó bằng chính các việc làm sáng tạo, có hiệu quả của cấp ủy và chính quyền các huyện. Đúng là cấp huyện đang chuyển động tích cực, cần kịp thời tổng kết, biểu dương và tuyên truyền.

3. Cán bộ cấp huyện hiện nay hầu hết ở độ tuổi từ 30 đến 50. Cán bộ chủ chốt của huyện được đào tạo khá toàn diện và đã qua thử thách, rèn luyện từ phong trào thực tiễn của địa phương, gắn bó với nông thôn, nông dân, am hiểu sản xuất nông nghiệp... Ở họ có nhiều phẩm chất đáng quý, như lối sống giản dị, gần gũi nhân dân, có phương pháp và kinh nghiệm vận động quần chúng... Tuy nhiên, để đáp ứng với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đội ngũ ấy còn có sự hẫng hụt về nhiều mặt như : sự am hiểu về thị trường, về quản lý nhà nước, nhất là những kỹ năng hành chính... Phải chăng, cần xây dựng một chương trình đào tạo, bồi dưỡng với những phương thức và hình thức thật cụ thể và thiết thực cho đội ngũ cán bộ này, bởi lẽ cán bộ quyết định tất cả. □



Cúng tôi đến với Bà Rịa - Vũng Tàu một ngày cuối năm, trong tiết trời se lạnh hiem hoi của vùng đất phương nam vào thời điểm có nhiều sự kiện trọng đại : mừng VIETSOPETRO khai thác một trăm triệu tấn dầu ; thị xã Bà Rịa tròn 7 năm ; kỷ niệm 10 năm ngày thành lập tỉnh. Chưa phải mùa tắm biển, cũng không là ngày nghỉ nên bãi biển còn vắng người. Thành phố đang vào xuân thật nhộn nhịp với những khuôn mặt rạng ngời, tràn đầy sức sống ; phố xá tươi màu cờ, màu khẩu hiệu, sáng lên trên nền xanh của biển, của cây, cỏ. Phong cảnh hòa quện biển, rừng, núi non, vừa hùng vĩ, vừa nên thơ, thật cuốn hút lòng người.

Từ lâu, vùng đất này đã nổi tiếng bởi những cái khác lạ ít nơi có được. Những khác lạ này hiện vẫn là thế mạnh mà địa phương đang cố gắng phát huy : ngành công nghiệp dầu khí, (cả mỏ hiện có cho phép sản lượng trên 20 triệu tấn dầu/năm và 5 - 7 tỉ m³ khí/năm) ; tiềm năng phát triển cảng với tổng công suất khoảng 70 - 80 triệu tấn hàng hóa/năm ; thiên nhiên ưu đãi, bãi biển đẹp bốn mùa nắng ấm ; suối nước nóng, rừng quốc gia ở Bình Châu - Xuyên Mộc ; di tích lịch sử Côn Đảo xưa nổi tiếng với truyền thống đấu tranh kiên cường của những người tử tù, nay là khu du lịch đẹp, nên thơ có một không hai...

Chính nhờ những lợi thế đó, theo quy hoạch phát triển, Bà Rịa - Vũng Tàu không chỉ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm mà còn được xác định là một trong bảy trọng điểm ưu tiên phát triển du lịch của cả nước.

Những năm gần đây, cùng các tỉnh khác, Bà Rịa - Vũng Tàu đang hăng ngày, hăng giờ "thay da, đổi thịt" ; cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng. Tỉnh là một trong số ít địa phương có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân cao (15% - 20%). Hằng năm, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đóng góp khoảng 30 - 35% tổng thu ngân sách nhà nước. Không phải chỉ có đoàn chúng tôi, nhiều du khách trong và ngoài nước khi quay trở lại đây, đi trên những con đường Hạ Long, Trần Phú, Lê Hồng Phong..., nhìn những khách sạn nguy nga, những tòa nhà tráng lệ đều hết sức ngỡ ngàng trước những đổi thay nhanh chóng của thành phố bên bờ biển Đông này. Tỉnh được Nhà nước đánh giá là một trong những nơi có đường giao thông tốt nhất nước. Nhiều công trình công phu, đầy ấn tượng được xây dựng minh chứng cho những cố gắng của địa phương trong thực hiện chương trình du lịch quốc gia : "Việt Nam - điểm đến của thiên niên kỷ mới". Du khách rất hài lòng, thoải mái khi thư giãn, tắm biển, phơi nắng trên bãi cát với các dịch vụ

liên hoàn sạch, đẹp, lịch sự ở khu du lịch Biển Đông - Bãi Sau, Bãi Dứa. Buổi tối, vào ngày nghỉ cuối tuần, ngoài du ngoạn ngắm biển, dạo chơi, mua sắm, thưởng thức văn nghệ, còn có thể tham dự những trận quyết đấu nhiệt thành, hấp dẫn, mới lạ ở khu đua chó Lam Sơn... Nhìn phố xá hôm nay, chắc không mấy ai biết rằng, vào thế kỷ XV, khi được các nhà hàng hải Bồ Đào Nha phát hiện ra thì Vũng Tàu mới chỉ là một hòn đảo nhỏ, cư dân khoảng 400 người. Về sau, người Pháp tiếp tục xây dựng nên một thành phố biển, có cảng, phát triển nghỉ mát và du lịch.

Mặc dù rất bận bịu công việc của những ngày cuối năm, Phó Bí thư Tỉnh ủy *Võ Kim Hanh* vẫn dành thời gian trò chuyện, kể cho chúng tôi về hoạt động của đảng bộ địa phương trong thời gian qua. Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực, Tỉnh ủy đã có nhiều nghị quyết chuyên đề và những chủ trương cụ thể, gắn nhiệm vụ then chốt xây dựng đảng bộ với nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế. Năm năm qua, các tổ chức đảng trong tỉnh đã kết nạp 3 072 đảng viên mới, tăng 12% so với nhiệm kỳ trước; số đảng viên có trình độ văn hóa hết phổ thông trung học đạt 87%, cao nhất từ trước đến nay. Hằng năm, trên 80% tổng số cơ sở đảng được công nhận “trong sạch, vững mạnh”. Thành tựu đã đạt được rất đáng ghi nhận, nhưng đảng bộ vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải tập trung tháo gỡ. Báo cáo tổng kết 10 năm hoạt động của địa phương đã nhận định, những kết quả thu được trong thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có; tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu hiện nay. Trong thời gian tới, phải tập trung giải quyết tình trạng: một bộ phận cán bộ, đảng viên có hiện tượng suy thoái về phẩm chất, đạo đức (5 năm qua đã có 471 đảng viên bị thi hành kỷ luật); trong đấu tranh chống tham nhũng còn thiếu kiên quyết; hẫng hụt đội ngũ cán bộ giỏi và trí thức đầu ngành... Để theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh

phải có những chiến lược phát triển đồng bộ, những giải pháp cụ thể nhằm phát huy hơn nữa thế mạnh đặc trưng, huy động mọi lực lượng, mọi khả năng sẵn có hoàn thành tốt những chỉ tiêu, kế hoạch đã đặt ra, cơ bản trở thành *một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch và hải sản của khu vực và cả nước*.

Ngược, xuôi qua quốc lộ 51, ai cũng trầm trồ trước vẻ đẹp của Trung tâm thương mại mới xây dựng ở thị xã Bà Rịa. Những ngày này, khách thăm quan tấp nập tới xem và mua sắm tại Hội chợ triển lãm thành tựu 10 năm xây dựng của tỉnh. Sáng 14-12-2001, trên sân vận động Bà Rịa đã diễn ra cuộc mít tinh trọng thể, diễu hành kỷ niệm 10 năm thành lập tỉnh và Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất do Nhà nước trao tặng. Hồ hởi tiếp chúng tôi, Bí thư Thị ủy *Nguyễn Trọng Minh* say sưa kể về những đổi thay của vùng đất đỏ, quê hương người nữ anh hùng Võ Thị Sáu; về Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu với 37 km đường rào lưới B 40 chắc chắn, có cột trụ bê tông vững vàng mới được khánh thành. Khu rừng quốc gia quý hiếm này có tới 342 loài cây lấy gỗ; 106 loài chim sẽ trở thành một trung tâm du lịch sinh thái đầy hấp dẫn... Bà Rịa rực rỡ ánh đèn soi sáng những tòa nhà cao, mái ngói đỏ tươi đang mọc lên. Tuy còn ngổn ngang những công trình xây dựng dang dở, nhưng trong vài năm tới, nơi đây hứa hẹn sẽ trở thành trung tâm hành chính của tỉnh. Hẹn ngày trở lại không xa, chúng tôi về Thành phố Hồ Chí Minh khi hoàng hôn buông xuống. Trong cái ồn ào của nhịp sống thành phố, vẫn nghe tiếng biển rì rầm xa dần. Ánh lửa cháy sáng bằng khí đốt từ nhà máy lọc dầu Bà Rịa như soi đường, như lưu luyến vẫy chào chúng tôi. Cái ngọt ngào của bụi đường, cái nồng nàn của mùi xăng dầu vẫn không át nổi hơi thở mặn vị muối của biển, của hương thơm thoang thoảng mùa xuân. □



HÒA cùng với niềm vui đón mùa xuân mới 2002, Sóc Trăng đang chuẩn bị cho một sự kiện trọng đại : kỷ niệm 10 năm ngày tái lập tỉnh (4-1992).

Tách ra từ tỉnh Hậu Giang cũ, tuy có nhiều tiềm năng nông nghiệp (NN), có biển, có rừng, nhưng Sóc Trăng vẫn là một trong những tỉnh đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) về tỉ lệ hộ nghèo (năm 1992 chiếm tới hơn 64%). Sản xuất NN manh mún, độc canh ; thủy sản nuôi trồng tự nhiên, thiếu quy hoạch, năng suất thấp ; công nghiệp (CN) chưa phát triển ; thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng. Với đặc trưng đa dân tộc (Kinh chiếm - 64%, Khơ-me - 29%, Hoa - 7%), đa phong tục tập quán, tín ngưỡng ; trình độ dân trí thấp ; thiếu đội ngũ cán bộ chuyên môn và quản lý giỏi ; nhiều cơ sở đảng còn yếu... lại nằm trong vùng nhiễm mặn của bán đảo Cà Mau, để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay đổi tập quán lạc hậu từ bao đời, tỉnh phải mất rất nhiều thời gian, công sức, của cải, trí tuệ của bao thế hệ mới có được thành quả như ngày hôm nay. Mười năm qua, Sóc Trăng đã tiến những bước dài. Mô hình *tôm - lúa* vùng ven sông, biển đã khẳng định được hiệu quả bền vững. Thủy, hải sản, nông sản các loại, lúa thơm Dawk mali... mang thương hiệu Sóc Trăng đã xuất đi nhiều nơi trên thế giới, ngay cả những thị trường khó tính như Nhật, Mỹ, EU ; được người tiêu dùng trong nước ưa chuộng.

Hằng năm, một số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước đến với Sóc Trăng. Họ tới đây không chỉ để hưởng ngoạn sự trù phú của thiên nhiên, những miệt vườn cây trái sum xuê với mệnh mang sông nước mang đặc thù Nam Bộ, mà còn để biết đến những thắng cảnh có một không hai : chùa Dơi, chùa Đất sét... ; để tham dự những lễ hội dân gian đặc sắc : Đua ghe ngo, Thả đèn nước, Chol chnam thmây... của người Khơ-me ; thưởng thức những đặc sản nổi tiếng của những nghệ nhân người Hoa, người Việt ; xem tuồng Rô Băm, Dù kê ; vui múa Lâm thôn... Nói cách khác, để tận mắt thấy cuộc sống yên bình, thương yêu, đùm bọc của cư dân nơi đây từ thời mở đất, ngày nay càng nở hoa, kết trái. Những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được trân trọng, gìn giữ, phát huy, làm đa dạng thêm nét đẹp văn hóa của địa phương. Năm 1999, tỉnh được công nhận đã phổ cập giáo dục tiểu học. Cũng trong năm này, diện đã về thấp sáng các xã cuối cùng của Sóc Trăng ở cù lao Long Phú (xã Phong Năm, huyện Kế Sách), những mong ước ngàn đời của bao thế hệ người dân đã thành hiện thực.

Trong năm đầu tiên của thế kỷ mới 2001, tuy có rất nhiều thuận lợi, Sóc Trăng vẫn phải đối mặt với

* UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng

không ít khó khăn. Nền kinh tế nói chung, sản xuất NN nói riêng gặp nhiều ách tắc, nhất là khâu tiêu thụ, xuất khẩu hàng hóa. Giá cả của nhiều loại nông sản (cả những mặt hàng thế mạnh) trên thị trường thế giới và trong nước suy giảm đáng kể. Sau sự kiện 11-9 ở Mỹ, với các mặt hàng thủy, hải sản, thế mạnh xuất khẩu của địa phương, tình hình lại càng khó khăn hơn. Không chỉ có thế, năm nay, từ giữa tháng 10-2001, do nước lũ thượng nguồn tràn về kết hợp với các trận mưa lớn và triều cường đã làm cho các xã cù lao thuộc 2 huyện Kế Sách và Long Phú bị thiệt hại nặng ; 5 442 căn nhà bị hư hại, trong đó 388 căn sập hoàn toàn ; ước tổng thiệt hại khoảng 137 tỉ đồng. Song, vượt lên mọi khó khăn, Đảng bộ và nhân dân Sóc Trăng vẫn vững vàng, gắng sức, tiếp tục ổn định và duy trì mức tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng 7,28% ; giá trị ngành *nông, lâm, ngư nghiệp* tăng 5,24%. Sản xuất NN tiếp tục phát triển theo hướng đa canh, đa dạng hóa sản phẩm, gắn với thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế NN và nông thôn. Các ngành *công nghiệp, xây dựng* và *dịch vụ* cũng có bước phát triển tích cực. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện đạt 225 triệu USD (tăng 17,71%), trong đó, xuất khẩu thủy, hải sản là 205 triệu USD (tăng 28,13%).

Các mặt *giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội* có sự chuyển biến tốt ; đời sống nhân dân có bước cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo năm 1998 giảm xuống còn 33,1% ; năm 2000 là 18,58% ; riêng trong 9 tháng đầu năm 2001, đã có 2 709 hộ thoát nghèo, hiện số hộ nghèo còn khoảng 14% (theo tiêu chí cũ). Tỷ lệ hộ có điện sinh hoạt khoảng 54%. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm có nhiều tiến bộ ; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn và phát huy tối đa hiệu quả.

Qua phân loại chất lượng cơ sở đảng năm 2000, toàn tỉnh có 75,05% cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh ; 16,71% khá toàn diện ; 6,64% khá từng mặt và 1,6% yếu kém. Có 83,9% đảng viên được xếp loại I (tăng 10,07% so với năm 1995) ; 0,85% đảng viên không đủ tư cách (giảm 0,09% so với năm 1995). Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, đã phát triển được 5 924 đảng viên mới. Riêng 11 tháng của năm 2001, phát triển thêm 1 047 đảng

viên. Số đảng viên mới không những trẻ về tuổi đời mà còn có trình độ kiến thức về các mặt cao hơn, điều đó chứng tỏ sức mạnh ngày càng được tăng cường của Đảng ta.

Là tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khơ-me, công tác phát triển đảng cũng như quy hoạch cán bộ được chú trọng, quan tâm các đối tượng người dân tộc. Hiện nay, toàn đảng bộ có trên 15 000 đảng viên, trong đó có 1 061 đảng viên là người Khơ-me. Đội ngũ cán bộ người dân tộc chiếm tỉ lệ không nhỏ : có 2 tỉnh ủy viên ; 16 huyện, thị ủy viên, các cấp cơ sở chiếm tỉ lệ còn cao hơn. Hằng năm, đầu tư các dự án vùng dân tộc Khơ-me chiếm tỉ lệ hơn 40% tổng vốn đầu tư của tỉnh. Trong 3 năm (1999 - 2001), vốn Chương trình 135 là 38 tỉ đồng đầu tư cho 199 công trình.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hai thế mạnh *nông nghiệp* và *thủy sản* sẽ tiếp tục được phát huy có hiệu quả hơn. Hoạt động xuất, nhập khẩu vẫn là đòn bẩy cho sản xuất công, nông nghiệp. Năm 2002, Sóc Trăng phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 9,5 đến 10% ; sản lượng lương thực 1,5 triệu tấn trở lên ; tăng giá trị sản lượng CN lên 15,88% ; kim ngạch xuất khẩu tăng 20%, trong đó xuất khẩu thủy sản tăng 12,2% ; tổng thu ngân sách 240 - 250 tỉ đồng ; giảm 5 300 hộ nghèo ; giảm tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 25%.

Nhân tố con người, yếu tố quyết định mọi thắng lợi sẽ được quan tâm và đầu tư đúng mức. Trước hết, sẽ tiến hành rà soát và quy hoạch lại đội ngũ cán bộ, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ kế cận, quan tâm đến đối tượng người dân tộc. Đẩy mạnh phát triển đảng, trẻ hóa, tri thức hóa đội ngũ. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Tỉnh ủy sẽ ra nghị quyết về công tác dân tộc và tôn giáo nhằm xác định cụ thể những mục tiêu, nhiệm vụ và đề ra những giải pháp cụ thể để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa NN và nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc Khơ-me.

Một mùa xuân nữa lại đến, đồng bào các dân tộc ở Sóc Trăng vui đón tết với quyết tâm sẽ cố gắng nhiều hơn để thắng lợi của năm sau sẽ còn lớn hơn, đáng khích lệ hơn so với năm trước. □

Bom Bo - Mùa xuân lại về

NHƯ HÙNG *

BOM Bo - một địa danh của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đi vào lịch sử của dân tộc như một huyền thoại đẹp đẽ, hào hùng, thể hiện ý chí kiên cường quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành độc lập tự do cho dân tộc. Người dân Bom Bo bước ra từ khói lửa chiến tranh với tư thế của người anh hùng cùng cả nước vào cuộc trường chinh xây dựng cuộc sống mới. Đứng dịp xuân Nhâm Ngọ này, Bình Phước tròn tuổi lên 5 sau ngày tái lập tỉnh, Bom Bo (Bù Đăng) cũng tròn 4 năm thành lập xã mới. Bốn năm “mới bấy nhiêu ngày”, nhưng Bom Bo đã không ngừng vươn dậy, lớn lên bởi 14 ngàn dân của 12 dân tộc anh em đang sát cánh bên nhau xây dựng quê hương giàu đẹp.

Huyền thoại Sóc Bom Bo.

Bom Bo đã trở thành địa chỉ đỏ của tỉnh Bình Phước, là niềm tự hào của quê hương “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Bom Bo đã đi vào lòng người của cả dân tộc Việt Nam, thậm chí cả trên thế giới bởi một

ca khúc “tiếng chày trên Sóc Bom Bo” mà cố nhạc sĩ Xuân Hồng - người chiến sĩ cách mạng đã từng sống và chiến đấu cùng đồng bào Bom Bo, sáng tác trong những ngày tháng sôi sục khí thế cách mạng : chuẩn bị lương thực phục vụ cho chiến dịch Đồng Xoài - Phước Long năm 1965. Âm vang bài ca là những lời động viên thúc giục già, trẻ, gái, trai hưởng ứng phong trào “giã gạo nuôi quân” lúc bấy giờ. Đến tận bây giờ và có lẽ mãi mãi về sau mỗi khi chỉ cần nghe những nốt nhạc đầu tiên với những ca từ đạo đầu “cắc cùm cùm” là lòng người bỗng dưng xao xuyến, rạo rực cái không khí ngày đồng bào Bom Bo đốt đuốc “giã gạo ban đêm vì ngày bạn làm mùa”.

Trong điều kiện khó khăn bị địch phá hoại sản xuất, đốt phá nương rẫy làm cho “người dân Bom Bo, cái bụng không no, cái thân đói gầy” nhưng với tinh thần “Tất cả vì chiến dịch, hậu cần tốt - thắng trận to” người dân Bom Bo đã hết lòng vì cách mạng, gom góp lúa gạo, có gia đình đã gặt cả lúa non ủng hộ. Trong những ngày



* Phó tổng biên tập Báo Bình Phước

cận kề chiến dịch (khoảng tháng 4-1965), với quyết tâm cao, bằng sự sáng tạo của mình đồng bào các sóc Bom Bo và vùng Dak Nhai huy động toàn bộ số cối, chày hiện có và còn đốn hạ những cây gỗ sao to dài, đục khoét thành hàng chục lỗ cối, với chày tay, chày đập giã gạo suốt ngày đêm phục vụ cho nhu cầu chiến dịch.

Hình ảnh người dân nô nức phục vụ chiến tranh như một ngày hội lớn. Những đêm ở vùng núi rừng, dưới ánh lửa bập bùng to, nhỏ từ những bó đuốc lồ ô, những chàng trai giải phóng quân bên cạnh những cô gái S'Tiêng cùng giã chung cối gạo thật nhịp nhàng và thắm tình quân dân. Đó là nguồn cảm hứng để lời ca, tiếng nhạc "Tiếng chày trên Sóc Bom Bo" trở thành tiếng kèn thổi thúc giục giã lòng yêu nước, tình cảm cao cả của người dân miền sơn cước đối với Đảng và Bác Hồ. "Tiếng chày trên Sóc Bom Bo" là bản trường ca cách mạng đi cùng với thời gian để trở thành huyền thoại Bom Bo và cũng là bản anh hùng ca bất diệt. Chính bản trường ca cách mạng đó đã lan tỏa đi muôn nơi để rồi lớp lớp về sau có địa chỉ, hướng về cội nguồn để cảm nhận người Bom Bo bản tính thật thà, đôn hậu, yêu hòa bình và yêu quý núi rừng của mình lắm. Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử, người Bom Bo vẫn kiên trinh, sắt son, thủy chung với cách mạng, in đậm lòng đi theo Đảng và càng cảm phục hơn khi chúng ta biết rằng trong những ngày tháng gian lao lo gạo cho bộ đội, người dân Bom Bo không giữ lại hạt gạo nào cho riêng mình. Họ ăn củ năn, củ chup, lá bép để phục vụ chiến dịch.

Bom Bo ngày mới.

Mỗi độ xuân về, tết đến người dân Bom Bo lại có dịp tự "ngắm" lại mình. Những gì

đã làm được thì cố gắng phát huy làm tốt hơn, cái gì chưa làm được phải bàn cách để sửa. Già làng Điều Lên, người đã từng sống và tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở mảnh đất anh hùng Bom Bo này, luôn là tấm gương mẫu mực cho bà con buôn sóc và con cháu noi theo. Những ngày giáp tết năm nay, trong căn nhà của già làng Điều Lên và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Điều Sen lúc nào cũng rất đông người. Bên chén rượu cần, chuyện làm ăn, chuyện an ninh thôn sóc, chuyện làm đường, chuyện lo điện thấp sáng, chuyện học hành... thật rôm rả.

Mỗi lần gặp già làng Điều Lên, câu đầu tiên chúng tôi hỏi là Bom Bo có gì mới hơn không ? - Mới chứ ! Điều Lên luôn khẳng định như vậy. Đúng thế, mới sau 4 năm thành lập xã Bom Bo (theo Quyết định 119 của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28-12-1997 trên cơ sở tách ra từ xã Đặc Nhai và một phần của xã Minh Hưng) mà đã quá nhiều đổi thay. Từ hơn 5 500 nhân khẩu sau 4 năm tăng lên 14 000 nhân khẩu. Điều đó chứng tỏ "Đất lành chim đậu", dân cư mọi miền đất nước tụ họp về đây làm ăn sinh sống. Được nhà nước đầu tư hơn 20 tỉ đồng trong gần 4 năm qua để xây dựng cơ sở hạ tầng. Bom Bo đã có đường trải nhựa chạy qua xã hơn 12 km, cả 10 ấp trong xã đã được dùng điện, 200 hộ dùng nước máy. Khu trung tâm xã đã được đầu tư các công trình trụ sở Ủy ban nhân dân, nhà văn hóa, đài truyền thanh, chợ lòng có mái che... Cả 10 ấp đều có trường học với tổng số 30 phòng học cấp 4 và 6 phòng cao tầng. Chuyện học hành trước kia thì khó lắm nhưng cuối năm 2000 xã đã được công nhận phổ cập tiểu học.

Chuyện mà già làng Điều Lên cũng như Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bom Bo ; Phạm Thiện Hạnh cho là mới nhất là chuyện phát triển kinh tế, càng đông người đến lập nghiệp thì càng góp cho nhau nhiều kinh nghiệm làm ăn. Nghe lời cán bộ của Đảng, của Nhà nước bà con dân tộc thiểu số định canh, định cư, không phá rừng làm rẫy nay đây mai đó. Lại được thực hiện các chương trình khuyến nông nên bà con làm ăn bài bản lắm, không ít hộ khó khăn nay đã trở nên làm ăn khá và giàu như Điều Xây, Điều Coóc... Trước kia chỉ độc canh mỗi cây điều, nay còn qui hoạch lại đất đai trồng nhiều loại cây có giá trị như cà phê, tiêu, cây ăn trái và kết hợp giữa chăn nuôi với trồng trọt, biết kết hợp “lấy ngắn nuôi dài”. Nhiều hộ làm kinh tế trang trại có thu nhập 30 - 40 triệu đồng mỗi năm. Dân số tăng nhanh do dân nhập cư với tốc độ “chóng mặt” như vậy nhưng thu nhập bình quân nhân khẩu cũng đạt xấp xỉ 2,6 triệu đồng/người/năm. Cả xã đã xóa hết hộ đói, chỉ còn hơn 300 hộ nghèo/3 300 hộ toàn xã.

Công tác chăm sóc sức khỏe ở Bom Bo cũng là một công việc không ít khó khăn nhưng nay tất cả các ấp đều có cán bộ y tế, nữ hộ sinh hàng ngày chăm lo sức khỏe cho đồng bào, hướng dẫn cho bà con biết giữ vệ sinh trong ăn uống và sinh hoạt, ốm đau sinh đẻ biết đến trạm y tế.

Khi trao đổi về nguyên nhân Bom Bo có nhiều đổi mới trong một thời kỳ ngắn như vậy, Chủ tịch Phạm Thiện Hạnh đã khẳng định : đó là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với Bom Bo, đó chính là yếu tố quyết định đối với đồng bào vùng dân tộc, vùng căn cứ địa cách mạng. Qua đó đã khích lệ tinh thần đồng bào, không có tư

tưởng trông chờ ỷ lại mà biết động viên nhau cùng tham gia đóng góp. Một thực tế chứng minh là trong 2 năm 2000 - 2001 bà con đã hiến nhiều đất để làm trường học, đóng góp hơn 200 triệu đồng, hàng ngàn ngày công để làm đường giao thông, đường điện. Bên cạnh đó việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở càng củng cố lòng tin của dân đối với Đảng và Nhà nước. Một dự án đầu tư khi đưa ra thực hiện phải công bố cụ thể cho dân biết, nhu cầu của dân cần làm công trình gì trước, nếu thiếu thì dân bàn bạc góp thêm, trong quá trình thi công có đại diện của dân giám sát, kiểm tra.

Cũng như già làng Điều Lên đã nói : “Đồng bào đã tin là làm hết sức mình, không ung cái bụng lại muốn vào rừng thôi”. Và trong câu chuyện, Điều Lên vẫn còn nhắc lại “không ngờ sóc Bom Bo lại có chợ, có điện, có đường tráng nhựa, Bom Bo nhớ ơn Đảng, ơn Bác Hồ nhiều lắm”. Đó chính là kết quả sự lựa chọn của dân đi theo Đảng và Đảng đã vì dân. Tôi còn nhớ, ngày 30-4-1998, nguyên cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười về thăm Bom Bo, khi đoàn xe chạy trên con đường lăm bụi đỏ, đảng bộ và nhân dân Bom Bo đón tiếp đồng chí Đỗ Mười trong căn nhà gỗ dựng tạm làm trụ sở Ủy ban nhân dân. Còn bây giờ, khi chúng tôi chào tạm biệt Bom Bo một chiều cuối năm, xe bon bon trên đường nhựa êm ru với ngát hương hoa cà phê, hoa điều đang mùa nở rộ đón xuân mà trong lòng vẫn không khỏi ngỡ ngàng về sự đổi thay của một Bom Bo huyền thoại. Và lại càng tin hơn khi Bom Bo tiếp tục hành trình vào những ngày mới của một năm mới với bao sự đổi thay, phát triển. □

Ngày xuân bàn về

SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN VĂN THƯỜNG *

NGÀY xuân, lại bàn về sức khỏe - môi trường. Vấn đề môi trường từ lâu đã không được đánh giá đúng mức, điều đó đã làm tổn hại tới sức khỏe cũng như những lợi ích của con người. Đây là vấn đề thời sự hiện nay trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, trong đó có nước ta. Điều cấp thiết đặt ra là phải quan tâm tới vấn đề môi trường trong việc hoạch định chính sách phát triển ; sự phát triển phải gắn liền với việc cải thiện các điều kiện môi trường. Có như vậy, sức khỏe con người mới được cải thiện và nâng cao.

Sức khỏe và môi trường.

Ai cũng biết sức khỏe là vốn quý nhất, nhưng đáng tiếc là trong thực tế, các chương trình phát triển lại ít khi coi việc bảo vệ môi trường và sức khỏe là vấn đề quan trọng. Cho đến nay, tình hình bệnh tật và tử vong vẫn xuất phát chủ yếu từ các yếu tố sinh học trong môi trường nước, đất, không khí và thực phẩm. Điều này còn rất trầm trọng ở các nước đang phát triển, nơi hằng năm có tới 4 triệu trẻ em chết vì bệnh tiêu chảy với nguyên nhân chủ yếu là do dùng nước và thực phẩm thiếu vệ sinh ; 267 triệu người mắc sốt rét và trên 1 triệu người chết. Tình trạng nhiễm ký sinh trùng đường ruột còn rất phổ biến.

Cùng tồn tại các bệnh của thế giới lạc hậu, các bệnh “văn minh” cũng đã bắt đầu xuất hiện và gia tăng nhanh chóng với quá trình bùng nổ dân số, đô thị hóa, công nghiệp hóa. Có tới hàng trăm triệu người bị các bệnh hô hấp cũng như các bệnh khác có sự tác động của các yếu tố ô nhiễm sinh học và

hóa học, trong đó có sự ô nhiễm không khí trong và ngoài nhà ở, khói thuốc lá. Hàng trăm triệu người đang chịu ảnh hưởng của ô nhiễm hóa học và tác hại vật lý trong nhà, nơi làm việc ; tình trạng tai nạn giao thông gia tăng cùng sự phát triển mất cân đối trong giao thông vận tải.

Sự suy thoái kinh tế dẫn đến thiếu thực phẩm, nước sạch và nhà ở. Hiện nay trên thế giới có chừng một tỉ người thu nhập không đủ cho các nhu cầu cơ bản, hàng trăm triệu người bị thiếu dinh dưỡng. Dân số gia tăng, sự di dân vào các thành phố ở các nước đang phát triển, sự tạo lập các khu kinh tế mới, các khu công nghiệp xen lẫn khu dân cư, việc sử dụng tài nguyên không có tổ chức, tình trạng ứ đọng rác thải và nước thải, đang là gánh nặng không chỉ cho hiện tại mà cho cả thế hệ tương lai.

Ngày nay, người ta nhìn nhận vấn đề sức khỏe - môi trường không chỉ dừng ở việc tìm câu trả lời cho câu hỏi “môi trường có gây ảnh hưởng tới sức khỏe hay không ?” ; bởi điều đó là dĩ nhiên, môi trường càng xấu thì sức khỏe càng có nguy cơ bị tổn hại nhiều hơn. Điều quan trọng là làm gì để ngăn chặn, hạn chế những tác động xấu đến môi trường. Nếu ai đó còn coi thực trạng sức khỏe của nhân dân hiện nay chỉ là do sự yếu kém của ngành y tế thì chưa thật đầy đủ. Nguyên nhân tác động mạnh nhất tới môi trường và từ đó, tới sức khỏe là quá trình phát triển. Gia tăng dân số quá mức và công nghiệp hóa, đô thị hóa ào ạt đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

* PGS, TS, Thứ trưởng Bộ Y tế

Mối quan hệ giữa phát triển và môi trường.

Một đất nước kém phát triển, nhà nước đó sẽ không đủ khả năng chi phí cho các dịch vụ vệ sinh công cộng, khống chế các hoạt động sản xuất xã hội, các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị tàn phá, vì mục tiêu phát triển kinh tế. Tự bản hóa, tự do cạnh tranh, tự do sử dụng lao động vốn rất dư thừa cũng là nguồn gốc hủy hoại môi trường lao động, môi trường xung quanh và môi trường xã hội. Nghèo đói, tình trạng nợ nần, thiên tai, sự bất bình đẳng trong phát triển kinh tế - xã hội, luôn là bạn đồng hành của ô nhiễm môi trường. Song một khi sản xuất phát triển, vấn đề ô nhiễm môi trường cũng sẽ không giải quyết được ngay. Tuy nhiên, bên cạnh việc phát triển kinh tế, chất lượng của một số tài nguyên môi trường được cải thiện. Việc cung cấp nước tốt hơn, nhà cửa cải thiện hơn đã làm cho các bệnh do ô nhiễm nước, không khí có phần giảm đi. Tăng thu nhập quốc dân tính theo đầu người cũng tạo điều kiện tăng ngân sách cho các công trình công cộng. Tất cả những lợi ích của sự phát triển kinh tế luôn đi kèm những ảnh hưởng âm tính tới môi trường.

Lịch sử phát triển đã cho thấy ở giai đoạn đầu, khi sản xuất gia tăng nhanh chóng bởi cách mạng khoa học, kỹ thuật và những tiến bộ trong công nghệ, tình hình ô nhiễm không khí cũng gia tăng. Không ai có thể quên được thảm họa sương mù ở Luân Đôn vào năm 1952, cũng không thể coi thường những trận mưa axit ở các nước công nghiệp phát triển, những vụ ngộ độc hàng loạt do rò rỉ hóa chất của các nhà máy ở Ấn Độ. Thảm họa do hủy hoại môi trường, nguy cơ thay đổi khí hậu do lỗ hổng tầng ôdôn cũng là nguyên nhân từ quá trình công nghiệp hóa, đang trở thành vấn đề toàn cầu.

Trong Hội nghị thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển ở Bra-din năm 1992, nước ta cũng như nhiều nước khác tham gia ký kết về bảo vệ môi trường và thực hiện Chương trình hành động 21. Trong chương trình này nhấn mạnh tới việc bảo đảm phát triển bền vững ; Coi phát triển bền vững là quá trình phát triển nhưng không làm

tổn hại đến môi trường, đến sức khỏe. Giờ đây, giải pháp liên ngành, liên quốc gia đã trở nên cấp bách trong việc bảo vệ hành tinh, mái nhà chung của nhân loại.

Việt Nam trong quá trình đổi mới : vấn đề sức khỏe - môi trường và phát triển.

Chính sách “khoán 10” của Đảng ta đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn và cũng là bước khởi đầu cho công cuộc cải cách kinh tế. Chế độ hạch toán kinh doanh đem lại sự phù hợp chắc chắn hơn giữa cơ sở hạ tầng và thượng tầng kiến trúc, bảo đảm sự phát triển vững chắc. Sau sự thay đổi kinh tế nông thôn, cơ chế kinh tế thị trường tác động ngày càng mạnh mẽ và sôi động, song cũng không ít phức tạp. Trong sự đổi mới đó, môi trường sống ở nông thôn có thay đổi, nhưng còn rất chậm. Tình trạng ô nhiễm các chất thải hữu cơ, thiếu nguồn nước sạch vẫn phổ biến. Các công trình vệ sinh ở các hộ gia đình nông thôn vẫn còn thiếu. Nhà cửa có được cải thiện, đời sống văn hóa nâng lên rõ rệt, song “bộ mặt” bệnh tật của nông thôn vẫn là các bệnh của thế giới lạc hậu. Vùng núi vẫn còn bệnh sốt rét, bướu cổ, suy dinh dưỡng và nhiều bệnh dịch. Các chương trình phòng chống bệnh hô hấp cấp tính và tiêu chảy ở trẻ em cũng mới chỉ dừng ở mức giảm tỷ lệ tai biến và chết mà chưa giảm tỷ lệ mắc. Nhiễm giun ở mức trên dưới 80%. Môi trường thực phẩm vẫn còn những nguy cơ như thời kỳ bao cấp, thậm chí còn những vụ nhiễm độc do sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật lẫn nhiễm trong thực phẩm tươi sống, những vụ dịch do dùng phẩm màu trong thực phẩm. Việc phân phối cất giữ và sử dụng hóa chất trừ sâu diệt cỏ hầu như không có kiểm soát đã làm thay đổi sinh thái các sinh vật sống trong nước và gián tiếp hoặc trực tiếp ảnh hưởng tới sức khỏe. Việc “thủy lợi hóa” thiếu cân nhắc dẫn tới hậu quả môi trường sinh thái cũng là vấn đề đáng lưu ý. Mặt khác, dân số ở nông thôn gia tăng, tình trạng “dân số trẻ” khó có thể kiểm soát nổi cũng là nguy cơ gây thiếu đất trồng trọt và dư thừa lao động. Dòng người từ nông thôn đổ ra thành phố tìm việc, di cư tự do lên vùng kinh tế mới, chặt phá rừng bừa bãi đã xảy ra ở nhiều nơi. Hậu quả là các nguồn tài nguyên thiên nhiên không

được sử dụng hợp lý, môi trường bị tàn phá nặng nề.

Cho dù nông nghiệp đã có nhiều biến đổi, song sự biến đổi đó rất chậm so với những gì đang xảy ra ở thành phố. Đô thị hóa là một quá trình tất yếu của sự phát triển. Công nghiệp hóa được đẩy mạnh, đô thị hóa sẽ gia tăng. Xu hướng gia tăng dân số dân ở đô thị là tất yếu. Tương lai không xa, nước ta sẽ có những đô thị tới 10 triệu dân. Công nghiệp hóa, đô thị hóa dẫn tới những tình huống mới, nguy cơ mới trong môi trường công nghiệp và đô thị.

Vấn đề đáng lo ngại là ở nước ta vẫn chưa có hệ thống giám sát môi trường lao động hoàn chỉnh từ trung ương xuống cơ sở. Trong khi đó, luật pháp của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ người lao động đã đưa ra những điều khoản chặt chẽ và ưu việt trong bảo vệ môi trường và sức khỏe. Tuy nhiên, khoảng cách giữa những điều ghi trong pháp luật với thực tế còn rất xa. Điều này không chỉ thể hiện sự yếu kém trong kỹ thuật giám sát môi trường, mà còn thể hiện sự thiếu đầu tư kinh phí, thiếu chỉ đạo theo ngành dọc, trong đó có hệ thống thanh tra các cấp.

Tình hình ô nhiễm môi trường trong các nhà máy vẫn đang là vấn đề nhức nhối đối với lĩnh vực vệ sinh phòng dịch. Thực tế chúng ta đang ở thời kỳ cách mạng công nghiệp - một sự pha tạp giữa công nghệ cũ, công nghệ “bẩn” và công nghệ mới. Môi trường sản xuất tại các cơ sở quốc doanh cỡ lớn (trên 150 công nhân) đang thay đổi. Xu hướng cải thiện điều kiện làm việc có phần xấu đi cùng với tỷ lệ tương tự. Lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp quốc doanh đang có xu hướng giảm dần so với tổng số lao động công nghiệp toàn quốc. Hệ thống cấp, thoát nước, rác thải công nghiệp vẫn còn những khoảng trống chưa được chú ý tới. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên là không hoặc ít cơ sở nhận giấy phép sản xuất kinh doanh đã qua duyệt thiết kế. Vai trò của y tế địa phương trong việc phòng ngừa ban đầu các nguy cơ ô nhiễm môi trường gần như không



còn. Các cơ quan xét duyệt nằm trong tổ chức chính quyền địa phương rất ít để ý tới cơ sở sản xuất sẽ gây ô nhiễm hay không. Đây là tình trạng chung mà nhiều nước đã trải qua.

Nước ta đang đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cùng với đà phát triển kinh tế là quá trình đô thị hóa với tốc độ cao. Song sự phát triển thiếu quy hoạch hóa tổng thể đã đặt các đô thị lớn vào một tình trạng khó giải quyết vấn đề môi trường trong những năm tới. Sự bất hợp lý trong phát triển đô thị dẫn tới hình thành các khu nhà ổ chuột, mất cân đối giữa tăng dân số cơ học và tăng các công trình công cộng, giữa tăng số xe cộ với tăng xây dựng đường giao thông. Đây là những nguy cơ gây ra nạn thiếu nước, thiếu nhà ở, tai nạn giao thông, phát sinh các điểm đọng nước và đọng rác trong các đô thị lớn. Với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, số người nghèo trong đô thị cũng sẽ gia tăng, trong khi các dịch vụ công cộng và y tế chưa chú ý tới điều kiện sống của cộng đồng dân cư này. Hiện tượng “bóng rợp đô thị” cũng đã bắt đầu xuất hiện.

Trước mắt chúng ta là một tương lai của xã hội phát triển, đói nghèo đang lùi dần, song vấn đề ô nhiễm môi trường ở nông thôn do yếu tố

sinh học, hóa chất bảo vệ thực vật đang ở mức báo động. Tình trạng đô thị hóa thiếu kiểm soát trong những năm vừa qua tác động trầm trọng tới môi trường đô thị. Sự phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là khu vực tư nhân đang chứa đựng nguy cơ hủy hoại môi trường khó lường. Vấn đề lãng phí các tài nguyên thiên nhiên cũng đang làm thay đổi trầm trọng tới hệ sinh thái. Tất cả những chuyển biến trên vẫn tiếp tục gia tăng và tác động xấu đến sức khỏe con người.

Suy nghĩ về những giải pháp.

Ngay từ năm khởi đầu của thiên niên kỷ mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng ta đã chỉ ra những định hướng rất quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe nhân dân. “Tăng cường công tác quản lý môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Lồng ghép kế hoạch bảo vệ môi trường và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Tăng cường đầu tư để ngăn ngừa sự cố môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường; trước hết xử lý nước thải, chất thải rắn, tập trung ở các bệnh viện lớn...”⁽¹⁾. Đây là những nhiệm vụ cấp thiết, cơ bản và lâu dài, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phải làm sao để bảo đảm cho mọi người dân được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác. Chúng ta phải thực hiện bằng được tiêu chí nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững.

Khó khăn trong kinh tế là trở lực hàng đầu trong việc giải quyết vấn đề môi trường. Nhưng không thể chờ tới khi kinh tế vững mạnh mới đầu tư cho các dự án môi trường, cũng không thể đặt ra những dự án thiếu tính khả thi. Cần chọn hướng đi đúng với những chi phí nhỏ, kỹ thuật không hiện đại nhưng mang lại hiệu quả. Bao trùm lên mọi hoạt động bảo vệ môi trường phải là quyết định của chính quyền các cấp. Hoạt động đầu tiên cần làm là củng cố hệ thống thông tin về sức khỏe và môi trường. Cần thiết phải làm cho người ra quyết định chính sách ở địa phương và quảng đại quần chúng

hiểu được tình trạng ô nhiễm môi trường và những hậu quả đã và sẽ xảy ra. Nguyên tắc của các hoạt động bảo vệ môi trường sống, ngăn chặn hậu quả đối với sức khỏe là lôi cuốn sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức quần chúng. Mọi giải pháp đều cần có sự tham gia của nhiều cơ quan, dưới sự chỉ đạo chung của chính quyền. Vai trò của ngành y tế là tư vấn, phát hiện vấn đề, giúp chính quyền chọn các hoạt động bảo vệ môi trường theo hướng ưu tiên và khả năng của các nguồn lực sẵn có trong địa phương. Cần đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu về môi trường và sức khỏe không chỉ riêng cho ngành y tế mà cho các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Lôi cuốn tập thể các nhà khoa học của trường đại học và viện nghiên cứu vào các hoạt động liên ngành. Tận dụng các nguồn tài trợ nước ngoài một cách có hiệu quả nhất.

Trong ngành y tế, cần thay đổi cách làm việc theo kiểu cũ, chỉ chú trọng mối liên hệ giữa ô nhiễm môi trường với hậu quả sức khỏe mà không tìm hiểu nguyên nhân và phối hợp liên ngành để giải quyết. Nhiều nghiên cứu đặt ra yêu cầu cao song chưa hướng tới giải pháp cụ thể. Giáo dục sức khỏe - môi trường cần được thay đổi cả nội dung và phương pháp, sao cho dễ tiếp cận và được người dân chấp nhận. Cần sử dụng tối đa sức mạnh của pháp luật. Phổ biến, tuyên truyền Luật Bảo vệ sức khỏe, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lao động... sâu rộng trong nhân dân bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Đây là biện pháp ít tốn kém nhưng mang lại hiệu quả cao.

Hy vọng rằng chúng ta sớm nhận thức được tính cấp bách của vấn đề sức khỏe - môi trường trong quá trình phát triển đất nước và hành động ngay trước khi thảm họa ô nhiễm môi trường xảy ra. Cần chọn đúng những ưu tiên và dùng kỹ thuật thích hợp với điều kiện kinh tế và đòi hỏi thực tế của tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay. Bảo vệ, gìn giữ sức khỏe - môi trường là tạo ra sức xuân dồi dào, bảo đảm cho sự phát triển đất nước bền vững. □

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 336 - 337

DÂN ta từ ngàn đời nay đã có thói quen nói năng có vần, có nhịp điệu, đáng đối rất dễ ưa. Đây chính là cơ sở tạo nên câu đối. Chẳng biết từ bao giờ, câu đối đã trở thành một thú chơi thanh lịch, một phong cách văn hóa, độc đáo về cả hai phương diện trí tuệ và thẩm mỹ nghệ thuật của người Việt Nam.

Một số người nghiên cứu cho rằng, câu đối vốn là một thể loại văn học bắt nguồn từ Trung Hoa. Họ cho đó là một thể thơ gồm 2 câu đối ngẫu nghiêm ngặt về từ ngữ, âm thanh, vần điệu và ý tứ. Cũng có người còn dẫn cả sách vở của Trung Quốc như Từ hải, Từ nguyên, Trung Hoa đại từ điển... để định nghĩa câu đối. Theo các thư tịch này, câu đối gọi là **doanh thiếp** hay **doanh liên**, (“doanh” là cột “thiếp” là tờ giấy có in chữ, “liên” là đối xứng với nhau...). Đáng tiếc, có người khi viết sách về văn học sử nước nhà cũng đã cho rằng : câu đối là do dịch nghĩa của 2 từ “doanh thiếp” hay “doanh liên” mà có. Vấn đề không hẳn đã hoàn toàn như vậy mà cần được nghiên cứu suy xét thêm cho thỏa đáng. Do khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ xin bàn đến một số phương diện sau :

1. Nếu xét câu đối theo chức năng xã hội, tức là mục đích sử dụng thì có thể khẳng định rằng : Câu đối Việt Nam có một chức năng xã hội vô cùng to lớn, được sử dụng rộng rãi trong nhiều trường hợp, nhiều hoàn cảnh, mọi không gian và thời gian, mọi môi trường xã hội và chiều dài lịch sử của dân tộc.

Trước hết, xin nói đến **câu đối tết**. Ông bà ta, trước đây, có **phong tục viết câu đối tết**. Theo lệ cổ truyền, vào đúng sáng mùng một Tết Nguyên đán, sau khi đã chỉnh tề thấp nén hương thơm lễ trời đất và lễ gia tiên, gia chủ

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN CÂU ĐỐI

NAM BA CẨM VĂN *

ngồi vào án sách viết **câu đối**, có khi làm cả **thơ xuân**, để gửi gắm tâm hồn và ý nguyện, mong muốn gia đình, họ tộc được một năm an khang, thịnh vượng.

Thú chơi câu đối được nhà thơ Tú Xương ghi lại trong bài ca trù nổi tiếng **“Khai bút viết câu đối”** :

Nhập thể cục bất khả vô văn tự (1)

Chẳng hay ho cũng húng hắng một đôi bài

Huống chi mình cũng đã đỗ tú tài

Ngày tết đến cũng có vài câu đối.

Đối rằng :

Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài (2)

Tối thế thượng ư phong lưu, giang hồ khí cốt (3)

Viết vào giấy dán ngay lên cột

Hỏi vợ rằng : Văn dốt hay hay ?

Rằng : Hay thì thật là hay !

Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú tài !

Xưa nay em vẫn chịu ngài.

(Câu (1) tạm hiểu là : Bước vào cuộc đời không thể thiếu chữ nghĩa, văn học. Câu (2) :

* TS Viện Hán Nôm, Ủy viên thư ký Hội Thư pháp Việt Nam

Cái phẩm hạnh cao quý nhất trong cõi người ta là tính cách khoáng đạt, biết yêu gió mát, trăng trong..., nói rộng ra là tâm hồn lãng mạn. Câu (3) : Cái phong lưu, giàu sang nhất ở trên đời là cốt cách, tinh thần ham hiểu biết, nay đó mai đây).

Thật là một cách lý giải độc đáo, hóm hỉnh về câu đối tết.

Câu đối tết thường viết vào giấy màu đỏ vì màu đỏ nồng nàn, đầm ấm, phù hợp với không khí thiêng liêng của ngày tết cổ truyền - tết Nguyên đán, còn gọi là tết cả, tức cái tết có ý nghĩa trọng đại nhất trong một năm. Theo khoa học hiện nay thì màu đỏ chống lại được cái hơi sương, cái khí âm của mùa đông tháng giá. Giấy đỏ có hai loại : hồng điều và cánh sen. Hồng điều thì rực rỡ, nồng ấm, phù hợp với lòng nhiệt thành. Cánh sen thì đỏ như biếc tím pha chút tươi mơ, gợi ra những ước vọng. Có khi người ta cũng dùng giấy vàng để viết câu đối. Màu vàng khơi lên sự quý phái, sang nhưng lại dễ hòa lẫn với màu tường vôi vàng, khiến ta cảm thấy đơn điệu. Câu đối có thể thay đổi cho hợp tình, hợp cảnh, hợp tuổi, hợp sở nguyện của từng người, từng gia đình. Câu đối viết bằng chữ Hán, chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ đều tiện.

Ngày nay, có loại giấy khổ lớn in hoa văn đẹp, dùng để viết câu đối. Chơi câu đối là một nét văn hóa, cũng là một nghệ thuật. Nhà bình dân thì viết câu đối nói lên tấm lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên, và mong muốn gia đình luôn được khang ninh, thịnh vượng. Người giỏi chữ nghĩa không chỉ làm câu đối cho mình mà còn làm câu đối tặng cho dân làng, bè bạn. Có những câu đối đã trở thành bất hủ, được phổ biến rộng rãi như :

Tổ công tông đức thiên niên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

(Công lao và đạo đức của tổ tiên hàng nghìn năm còn lớn mãi ; sự hiếu thảo và tài hiền của con cháu muôn đời càng vẻ vang phồn thịnh).

Người nhiều tiền của chơi sang hơn thì chơi câu đối viết trên các giải liễn. Liễn làm bằng các loại giấy bồi, cuộn lại được. Đầu trên có một ống trúc hoặc thanh gỗ tiện tròn, để cuộn lại và buộc dây treo. Đầu dưới có nẹp gỗ để khi treo câu đối được căng phẳng. Giải liễn có bề dày và rộng hơn các loại giấy viết câu đối thông thường. Liễn được quét màu đỏ. Khi khô, người ta in hoặc vẽ các hình tứ linh (long, ly, quy, phượng), hay tứ quý thảo mộc hoặc tứ quý hoa (tùng, cúc, trúc, mai), hay hoa điệp bên nhau (trúc, sẻ, thông, hạc). Nước in, vẽ được phủ ngân nhũ hoặc kim nhũ, sau đó tô lên trên một lớp quang dầu nhẹ. Câu đối viết trên hai giải liễn, ngoài việc để mừng xuân, còn có thể dùng để chúc tụng, mừng trong các dịp khao vọng đỗ đạt, thăng quan, tiến chức, lên lão, cưới hỏi hay về hưu... Dĩ nhiên, câu đối liễn đắt tiền hơn câu đối viết trên giấy từ 5 đến mười lần. Tôi còn nhớ, trước kia có ông già ngồi viết câu đối ở phố Hàng Bò (Hà Nội), một đôi câu đối hay, mỗi chữ được người thuê trả công 2 xu (giá trị bằng 2 kg gạo), thường một đôi câu đối hay có 14 chữ.

Nghề chơi câu đối cũng lắm công phu. Nhiều người đã bỏ công sức, trí tuệ, tiền của tạo tác nên những câu đối có giá trị lưu truyền thiên cổ. Tiêu biểu cho nghệ thuật tạo tác câu đối là 3 dạng sau :

Dạng thứ nhất : **Cẩn hay Đắp chữ nổi**. Muốn cẩn hoặc đắp nổi câu đối người ta đem chữ đã viết trên giấy cẩn (dán rồi ấn chìm xuống), hoặc đắp nổi trên mặt khung đã chuẩn bị trước, rồi dùng mực tàu hay sơn then (đen) tô từng nét chữ. Hoặc lấy mảnh bát đĩa sứ, có hoa văn đẹp, đem đập nhỏ rồi gắn vào từng nét chữ. Keo gắn được làm bằng mật mía, vôi, giấy

moi, già nhuyền, tùy theo kinh nghiệm gia truyền của thợ ngỗa.

Dạng thứ hai : **Câu đối gỗ**. Muốn làm câu đối gỗ, các cụ xưa thường chọn loại gỗ tốt, thớ mịn và dai như dổi, vàng tâm, mít.. để khi chạm khắc không bị sứt mẻ. Câu đối gỗ thường có một số dạng như : Dạng ống bương bỏ đôi, thường treo ở những cây cột tròn. Dạng lá dong hay lá chuối để treo ở phòng trà, nơi tiếp khách hoặc thư phòng. Dạng chữ nhật treo vào các cột vuông hay mặt tường...

Dạng thứ ba : **Câu đối đi liền với hoành phi**, chữ có thể khảm trai, xà cừ hoặc thép vàng. Buổi đầu thế kỷ XX, nước ta vẫn còn một số phường nghề chuyên làm câu đối (hoành phi) như ở Nam Định, Hải Phòng, Hà Nội. Chỉ riêng Hà Nội đã có các phố chuyên nghề như Hàng Hòm, Hàng Mành, Hàng Quạt...

Theo thống kê của nhóm nghiên cứu Hán Nôm (Viện Hán Nôm), đến thời điểm năm 1998, ở các đình, đền, chùa, Văn Miếu, nhà từ đường trên địa bàn Hà Nội đã có 1 vạn câu đối. Chỉ một làng nhỏ như làng Lũ (tên chữ là làng Kim Lũ), xã Đại Kim, huyện Thanh Trì cũng có gần 300 câu đối..

2. Căn cứ vào tính chất, ý nghĩa, mục đích của câu đối có thể chia câu đối thành 2 loại lớn : Loại mang tính quy phạm, và loại mang tính thù ứng. Câu đối mang tính quy phạm, thường được làm ở trường thi, làm để giáo huấn, để phụng thờ... Câu đối mang tính chất thù ứng, thường được làm trong các dịp hội hè, văn đàm, hý lộng..., lại được chia thành các loại nhỏ như : châm biếm - đả kích, thử tài trí, ứng phó...

Trong loại câu đối mang tính quy phạm, **Loại câu đối để giáo huấn** : nội dung chính là giáo dục con cháu điều nhân đức, lễ nghĩa,

đồng thời cũng để răn mình. Có thể coi những câu đối loại đó là những châm ngôn quý báu, những khẩu hiệu hành động. Hai câu đối dưới đây hiện còn được lưu giữ tại nhà bà giáo Nguyễn, làng Kim Lũ, xã Đại Kim, huyện Thanh Trì :

Nhất cần thiên hạ vô nan sự,

Bách nhẫn đường trung hữu thái hòa.

(Một sự cần cù thì ở dưới trời này không có việc gì khó cả. Trăm điều nhường nhịn và kiên trì thì trong gia đình luôn có niềm vui vẻ và hạnh phúc).

Trung - Hiếu tri gia viễn

Nghĩa - Nhân xử thế trường

(Lấy trung thành và hiếu thảo, để giữ gìn nếp nhà bền vững. Dùng hành vi có nghĩa, có nhân, để xử thế lâu dài).

Để khuyên con trai là Trần Bích San, vừa đỗ Tam Nguyên, sắp ra làm quan, Cụ Phó bảng Trần Đình Khanh làm đôi câu đối :

Khả úy thị dân nham, kinh cúc bất sinh bình địa lộ

Duy nhân đa hoạn hải, ba đào vô nộ tái không chu.

(Biết kính nể, vì dân sâu sắc hiểm trở như núi, gai góc sẽ không nảy sinh trên con đường bằng phẳng. Mặc dù bể hoạn, công việc làm quan, nhiều vực sâu, hố thẳm, nhưng con thuyền không chở nặng lòng tham nhũng thì không sợ gì sóng gió làm lật thuyền). Có lẽ nhờ tiếp thụ được ý nghĩa thâm hậu của câu đối này mà đời làm quan của Tam Nguyên Trần Bích San (1838 - 1877) đã nêu văng vặc một tấm gương trong.

Trong loại câu đối mang tính chất thù ứng được chia ra :

- **Loại câu đối châm biếm - đả kích** : Loại này hay nói lờm, tế nhị, không sõ sãng ; có khi nói ám, nói lái ; có khi vận dụng âm thanh, ý

nghĩa của từ một cách kín đáo, làm cho người đọc, người nghe liên tưởng. Xin dẫn vài ví dụ :

Câu đối của bà Hồ Xuân Hương lỡm lợm Hậu Cầm người Nam Hà chồng chết, bỏ làng ra phố lấy Tây, đem tiền mua danh :

Khéo khen ai dẻo đá chênh vênh, tra hom ngược để đơm người để bá ;

Góm con tạo lờn cơ tem hèm, rút nút xuôi cho lọt khách cổ kim.

Còn đây là một trường hợp khác ;

Khi mẹ Khải Định 50 tuổi, triều đình cho đến quan lại các địa phương đua nhau mừng thọ linh đình, lấy cơ bòn rút của dân. Tuần phủ Ninh Bình là Từ Đàm bày trò mở cuộc thi câu đối để nịnh trên và tâng công. Từ Đàm xuất về đối để người dự thi đối lại :

Lễ thọ năm mươi mừng mẹ nước

Có một người quê ở Nga Sơn đã gửi lên quan phủ họ Từ một vế đối dự thi :

Bạc thuôn chực một chết cha dân.

Mừng mẹ (của cả) **nước** (mẫu nghi thiên hạ) mà đem đối với **chết cha dân** thì thật là một mũi tên bắn trúng đã tâm của bọn một dân hại nước.

- **Câu đối thử tài trí** : là loại câu đối dùng thử trí thông minh, phát hiện nhân tài và cốt cách của người đối.

Các cổ lão ở quê Chủ tịch Hồ Chí Minh có kể lại chuyện sau : Năm cậu Nguyễn Sinh Cung 12 tuổi, đang học chữ nho cụ cử Vương Thúc Quý. Một buổi học, cậu rót dầu lạc vào đọi đèn, vì sơ ý để dầu đổ ra đế đèn. Nhìn thấy thế, thầy Vương Thúc Quý ra vế đối cho cả lớp :

Thắp đèn lên dầu Vương ra Đế

(**Vương** có nghĩa chày, dính vào... lại vừa có nghĩa là vua. **Đế** có nghĩa là đế của cây đèn, lại còn có nghĩa là hoàng đế). Trong khi cả lớp đang vắt óc suy nghĩ, cậu Cung đã xin đối :

Cưỡi ngựa phi thẳng Tấn lên Đường.

(Tấn vừa có nghĩa là tiến lên, lại có nghĩa là thời nhà Tấn. Đường, vừa có nghĩa là đường đi, lại có nghĩa là thời nhà Đường. Nhà Tấn chỉ mới lập ngôi vương, còn nhà Đường lại lập ngôi hoàng đế. Tấn, Đường là hai triều đại hùng mạnh của Trung Hoa xưa). Vế đối không chỉ chỉnh về ý, về lời, hàm nghĩa rộng, ý tứ sâu xa mà còn thể hiện ý chí vĩ đại của người thiếu niên mới 12 tuổi này.

- **Câu đối ứng phó trong những tình thế nghiêm trọng.** Đây là loại câu đối do những bậc tài cao, đức trọng, ứng tác trong nháy mắt với mục đích “một chọi một, đề bẹp địch thủ”, trong hoàn cảnh bang giao trọng đại.

Xin kể lại câu chuyện về sử thần nước ta là Giang Văn Minh (1573 - 1637) thời vua Lê Thần Tông, sang sứ nhà Thanh, dâng cống lễ. Vua nhà Thanh kiêu ngạo ra câu đối : **“Đồng trụ chí kim dài dĩ lục”** (Cột đồng trụ đến nay rêu đã mọc xanh rỉ), nhằm nhắc lại việc trước đây Mã Viện tướng nhà Hán đem quân xâm lược nước ta, đàn áp đầm máu cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, và dựng cột đồng tại Quảng Ninh, để đánh dấu mốc chiếm đóng.

Giang Văn Minh liền đối lại **“Đằng giang tự cổ huyết do hồng”** (sông Bạch Đằng từ xưa máu vẫn còn đỏ ngầu). Vế đối không chỉ có tính chất ăn miếng trả miếng mà đã thể hiện ý chí kiên cường, lòng tự hào dân tộc của nhân dân ta, trước bất cứ kẻ thù nào.

- **Câu đối chúc mừng** : Câu đối chúc mừng là loại câu đối gắn bó máu thịt với đời sống của nhân dân ta. Nó chính là cầu nối để dân ta dễ dàng bày tỏ với nhau chút ân tình sâu nặng... Con cháu làm câu đối mừng ông, bà, cha mẹ ; học trò làm câu đối tặng thầy dạy ; bạn bè đồng trang lứa mừng nhau, bạn già mừng cho bạn trẻ (bạn vong niên) ; người quốc gia này mừng cho người quốc gia khác... thật là muôn màu muôn vẻ, muôn tía ngàn hồng...



Cụ Tổng đốc Đào Tấn mừng cụ Phan Bội Châu, khi thi đỗ giải nguyên (đỗ đầu), khoa Canh tí (1900) đôi câu đối :

Luống tuế tam nguyên thiên hạ hữu

Độc danh nhất bảng thế gian vô.

(Hai năm đi thi, ba lần đỗ đầu thiên hạ thì đã có người, một mình đứng tên một bảng, xưa nay, trong thế gian chưa từng thấy).

Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ (Nguyễn Khuyến) là người nổi tiếng tài danh trong lĩnh vực câu đối. Có lần, một người nông dân làng Và (quê cụ), đem coi trâu đến xin cụ đôi câu đối để thờ cha. Anh ta thưa, cháu kiếm được coi trâu đem biếu cụ, xin cụ đôi câu đối để thờ ông chúng cháu. Nghe xong cụ vừa cười vừa bảo, nhà anh đã tự làm được câu đối rồi còn gì. Người nông dân còn đang ngơ ngác, chưa hiểu làm sao, cụ đã đọc :

Kiểm một coi trâu đem biếu cụ,

Xin đôi câu đối để thờ ông.

Lần khác, cụ làm giúp một người đôi câu đối mừng đám cưới bằng chữ nho như sau :

***Oanh đề phượng ngữ nghêh xuân
trướng***

Nhạn vũ loan phi phát cầm bình.

(Oanh hót, phượng ca nghêh đón trướng mùa xuân - loan bay nhạn múa phát phơ tầm bình gấm). Ai cũng khen câu đối hay. Cụ Tam Nguyên nói đùa đây, chỉ là câu đối hạng thường, còn câu đối hạng thừa hay hơn rất nhiều nhưng phải 2 quan tiền mới có. Người ấy tưởng thật, liền chạy đủ tiền, xin cụ cho câu đối hạng thừa. Cụ hóm hỉnh cười và đọc :

Bình gấm phát phơ loan múa nhạn

***Trướng xuân nghêh ngữ phượng đề
oanh.***

Ai ngờ, cụ Tam Nguyên chỉ đảo lộn 2 về chữ Nho rồi đọc thành chữ Nôm, mà được một đôi câu đối hết sức thú vị. Thật tài tình, cái vui, cái hóm là ở chỗ : hai chữ **múa** và **đề**, đọc theo giọng địa phương Bình Lục lại lơ lớ thành **mó** và **đề**, chỉ hai động tác vợ chồng ân ái. **Loan mó nhạn** và **phượng đề oanh**, để tả cảnh tân hôn thì quả thật, người khó tính đến mấy về văn chương, chữ nghĩa, cũng phải bái phục.

Tiếng Việt ta có nhiều ưu thế thỏa mãn yêu cầu biểu đạt của câu đối ở mọi phương diện. Chính vì vậy mà người Việt ta từ cụ già đến em nhỏ, từ thường dân đến các học giả đều có thể xuất khẩu thành câu đối. Phải chăng, câu đối đã tiềm tàng trong máu thịt mỗi người Việt Nam. Ta có thể kiểm chứng điều này qua cuộc sống hàng ngày và cỏ thơm nước nhà mỗi khi lần giở.

Nhân ngày xuân, “lời quê chấp nhật” xin kính chúc quý bạn đọc đón Xuân Nhâm Ngọ, an khang, thịnh vượng trong thế thượng phong của đất nước, những năm đầu thiên niên kỷ. □



NỰA là một loài động vật có mặt ở nhiều nơi trên thế giới. Theo các nhà khoa học, tổ tiên loài ngựa xuất hiện ở vùng rừng rậm Bắc Mỹ và châu Âu cách đây khoảng 60 triệu năm. Đây là một loại thú ăn cỏ, to bằng giống cáo hiện nay và có hình dáng giống con linh dương. Tên khoa học của nó là Eogippus hoặc Hyrakoterium hay Ekvus. Trải qua quá trình đấu tranh sinh tồn lâu dài, loài Eogippus đã tiến hóa thành loài ngựa như hiện nay ; chúng rời bỏ vùng rừng rậm đến vùng thảo nguyên và trở thành “cư dân” của thảo nguyên. Đặc điểm nổi bật của loài ngựa là khả năng bật mạnh và chạy nhanh, các giác quan nhanh nhạy, bản năng kiên cường, luôn giữ an toàn lãnh địa của mình. Loài ngựa thường sống thành bầy đàn, “tình cảm” cộng đồng sâu nặng. Chẳng thế mà trong dân gian có câu : “Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ”. Ngựa còn là một loài vật có “kỷ luật” cao, luôn tuân thủ sự sai khiến của con người và đặc biệt trung thành với chủ. Câu “khuyến mã chi

tình” cũng nảy sinh từ phẩm chất này của ngựa. Từ cổ xưa, loài người đã biết thuần dưỡng ngựa để phục vụ mục đích của mình. Con ngựa thành con vật kéo xe, kéo cày, thành vật để cưỡi, để lấy thịt ăn, để chiến đấu... Lịch sử văn hóa thế giới còn lưu giữ được các danh hiệu ngựa quý của Aléch-xăng-đrơ, Ma-cê-đoan, Bô-na-pac, Phrê-đric, Trần Hưng Đạo... Cổ ngữ có câu : “Mã trung hữu sự noãn tâm ngôn chi điểm” (trong con ngựa có cái gì đó làm ấm lòng ta). Đúng vậy, từ xưa đến nay con ngựa luôn luôn “kề cận”, gắn bó với con người. Người nông dân xưa, coi con ngựa là “kẻ nuôi dưỡng gia đình” còn người chiến sĩ trong chiến tranh giữ nước lại coi con ngựa là “bạn chiến đấu kiên cường” của con người. Trong văn học, nghệ thuật, con ngựa là hình tượng tiêu biểu cho sự lạnh lợi, thông minh, khí phách kiên cường, bất khuất và ý chí vô song của nhân loại. Có thể nói con người đã chiếm lĩnh thế giới trên lưng ngựa ! Ngày nay, khoa học - kỹ thuật phát triển như vũ bão, đẩy con ngựa xa dần với hoạt động, đời sống của con người, việc giao tiếp trở lại với con ngựa đem lại cho ta sự thư thái, khơi dậy trong ta lòng vị tha, tính hướng thiện, và tinh thần chiến thắng mọi khó khăn trở lực. Biết bao “con ngựa” đã in dấu trong tâm hồn nhân loại.

Hy Lạp cổ đại có nhiều huyền thoại về con ngựa. Trước tiên phải kể đến con ngựa huyền thoại có một sừng, đuôi giống đuôi sư tử, chân và móng xoắn tròn ốc được gắn trên các tấm giáp thời trung cổ. Đây là biểu tượng cho sự dũng mãnh, kiên cường của các chiến binh xưa. Rồi đến 4 con ngựa gỗ thành Vơ-ni-xơ do nhà điêu khắc Hy Lạp là Li-xi-put, thế kỷ thứ IV trước công nguyên (TCN) tạo ra. Đây là 4 chú ngựa oai vệ bằng đồng đỏ. Năm 1797, Na-pô-lê-ông đem về Pa-ri. Đến năm 1815, chúng lại được trả về

* TS Viện Hán Nôm, Ủy viên thư ký Hội Thư pháp Việt Nam

thánh cung Xanh Ma-co ở Vơ-ni-xơ. Không thể không nhắc đến con ngựa thành Tơ-roa. Con ngựa thành Tơ-roa gắn liền với huyền thoại về cuộc chiến tranh của người Hy Lạp và người Tơ-roa. Cuộc chiến tranh ở thành Tơ-roa xảy ra vào năm 1200 TCN. Người Hy Lạp đã dùng mưu chiếm thành Tơ-roa bằng cách làm một con ngựa gỗ khổng lồ, giấu binh lính vào đó, rồi lui quân. Người Tơ-roa tưởng là con vật quý người Hy Lạp vì vội vã mà bỏ lại, liền đem vào trong thành. Chờ cơ hội thuận lợi, quân Hy Lạp từ trong con ngựa gỗ chui ra, phá cổng thành cho quân sĩ của họ xông vào. Thế là thành Tơ-roa bị thất thủ. Câu chuyện con ngựa thành Tơ-roa nhắc cho con người bài học cảnh giác. Yêu mến con ngựa Pê-gát (con ngựa có cánh) trong thần thoại Hy Lạp, năm 300 TCN, người Ê-tơ-xu-xơ chạm khắc con ngựa Pê-gát bằng đồng đỏ rất tinh xảo. Chuyện về con nhân mã khiến ta hiểu thêm về thế giới quan đơn giản của người xưa. Theo người Hy Lạp cổ đại, con nhân mã là con vật nửa người, nửa ngựa. Thực ra đây là sự lầm tưởng khi nhìn thấy các kỵ sĩ ở xứ Thê-xa-ly cưỡi ngựa. Thế là người và ngựa gắn kết trở thành một con vật kỳ dị có tên là nhân mã.

Ở Việt Nam, hình ảnh con ngựa thường gắn với các cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm làm nên những trang sử oai hùng của dân tộc. Mỗi người Việt Nam đều mang trong tim hình ảnh chàng trai Phù Đổng. Hình ảnh Phù Đổng Thiên Vương mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt đuổi giặc Ân đã trở thành huyền thoại, thành biểu tượng cho ý chí quật cường, và sức mạnh của dân tộc ta. Con ngựa sắt của Thánh Gióng đã được nghệ nhân người làng Đông Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh sáng tạo trong tấm tranh *Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân*. Đây là một tấm tranh lớn hiện được nhân dân sử dụng nhiều vào dịp tết Nguyên Đán.

Từ bao đời nay, hình ảnh người anh hùng áo vải đất Tây Sơn Nguyễn Huệ mặc giáp trụ,

tay cầm giáo, cưỡi ngựa hồng, dưới chân là ngọn ngang xác giặc đã trở thành bài ca bất hủ về sức mạnh quật cường của dân tộc ta. Khó có thể kể hết những tác phẩm hội họa, điêu khắc đã thể hiện hình ảnh ấy.

Hình ảnh người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản oai phong trên mình ngựa, giương cao lá cờ thêu 6 chữ vàng “*Phá cường địch, báo hoàng ân*”, trải mấy trăm năm vẫn làm nức lòng bao thế hệ.

Đến thời đại chúng ta, hình ảnh Bác Hồ “ung dung yên ngựa” trên đường chiến khu Việt Bắc mãi làm cho lòng ta ấm áp :

*Ta có Bác dẫn đường lên trước
Bác cùng ta mỗi bước gian lao
Vui sao buổi hành quân nắng lửa
Bỗng gặp Người, lưng ngựa đèo cao*
(Tố Hữu)

Có thể nói, với những phẩm chất tốt đẹp, hiếm có, con ngựa trong đời đã trở thành con ngựa văn hóa, để mỗi khi nhớ đến nó lòng ta lại dâng lên một tình cảm mến yêu khôn tả. Nhiều dân tộc trong khu vực Đông - Nam Á đã chọn con ngựa làm một trong mười hai con giáp để đặt tên năm. Năm ngựa bao giờ cũng rơi vào những năm chẵn đi với các chữ *Nhâm, Giáp, Bính, Mậu, Canh*. Tết này là tết *Nhâm Ngọ*. Ông bà ta thường quan niệm *Nhâm biến vi vương*. Năm nay là năm cực quý. Đại hội IX của Đảng đang mở những mùa vui. Khó khăn chưa hết nhưng đường chân trời càng ngày càng sáng. Chúng ta hoàn toàn có quyền tin tưởng. Tôi những muốn lấy hai câu thơ cảm khái của vua Trần Nhân Tông làm đôi câu đối treo trước ngôi nhà Đất Nước :

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*
(Xã tắc hai phen bon ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng) □

Nhân Tết cổ truyền :

TẢN MẠN VỀ VĂN HÓA DÂN GIAN HÀ NỘI

TRẦN QUỐC VƯỢNG *

1. Có một đô thị - Thủ đô Hà Nội

Đô thị là nơi cư trú của một tập hợp cư dân mà cái lõi là *thị dân*, tức những người dân phi sản xuất nông nghiệp. Như một tất yếu, đây là một nơi *tiêu thụ*, với số lượng lớn và với chất lượng đòi hỏi ngày càng cao các sản phẩm xã hội. Cố nhiên, cũng có đô thị sản xuất : công nghiệp khai thác (thành phố mỏ Hòn Gai - Hạ Long), công nghiệp chế biến nông phẩm (thành phố chè Việt Trì - Phú Thọ), chế biến thủy hải sản (Phan Thiết). Và, có cả một loại hình cảng - thị như Hải Phòng, Đà Nẵng, Hội An (xưa) và Sài Gòn...

Nhưng thủ đô, như Hà Nội, như Oa-sinh-ton (Thủ đô của nước Mỹ), hay Can-bơ-rơ (của Ô-xtrây-li-a) không nhất thiết lớn về quy mô, lãnh thổ, về số dân... song, phải đảm nhiệm chức trách chính trị đầu não của một nước, nơi tập trung quan chức - cũng phi sản xuất nông nghiệp và cả công nghiệp nữa. Đây là một thành phố của những dịch vụ. Lại là trung tâm văn hóa, đại học nhiều và giỏi, học viện nhiều, nghiên cứu sâu, các ngành văn học nghệ thuật phát triển mạnh, cách tân nhanh, trí thức - văn nghệ sĩ đông đúc, bằng sự hiện diện và hoạt động của mình và mang được cái bản sắc, cái quy luật cơ bản : HỘI TỤ - KẾT TINH - GIAO LƯU -

LAN TỎA. Đây là chuyện Hà Nội phải “đảm đương chức phận”.

Hà Nội là một thành phố Sông - Hồ, vốn là mặt gương soi rọi đời sống tâm linh - tâm thức Việt Nam, “nơi lắng hồn núi sông ngàn năm”.

Trong chiến tranh, người ta tựa vào một niềm tin và mong Hà Nội hiên ngang như dáng đứng Việt Nam, vững vàng trước uy vũ, cường quyền “để loài người đừng sụp đổ”.

Bây giờ đây, Hà Nội được tôn vinh là một “Thành phố vì hòa bình”. Hà Nội đi đầu cả nước phát triển một nền VĂN HÓA HÒA BÌNH.

Hà Nội của cả nước và vì cả nước.

Hà Nội là một thành phố cổ kính, thành phố của lịch sử, mảnh đất “ngàn năm văn vật”.

“Lý Trần thiên tải phồn hoa địa

Lưu tại hồ đầu nhất dạng thu”

(Vũ Tông Phan)

(Lý Trần nghìn thuở phồn hoa xứ

Còn lại bên hồ một dáng thu)

Thu, dời đô từ Hoa Lư lên Đại La năm Canh Tuất (1010) tạo thế *Rồng bay*.

Thu, Cách mạng Tháng Tám (1945) dựng lại nước, dựng nền *Dân chủ cộng hòa*.

Thu, giải phóng thủ đô (1954), *giải thể chủ nghĩa thực dân* trên toàn thế giới.

Thu Hà Nội là mùa “Thu quynn rữ”, thu của cốm Vòng dân gian, của sâm cầm mù sương Tây Hồ. “Hà Nội mùa Thu, cây côm ngụy vàng, cây bàng lá đỏ, nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ...”

Hà Nội phồn hoa và sẽ phồn vinh :

“Phồn hoa thứ nhất Long thành

Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ”

* GS. Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam - Tổng Thư ký Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội...

Bi tráng với Hà thành thất thủ ca, vinh quang với cờ đỏ sao vàng, “năm cánh xòe trên năm cửa ô”, “trùng trùng quân đi như sóng...”.

Đài nghiên tháp bút bên Hồ Gươm còn mãi “viết lên trời xanh” (tả thanh thiên) những vần thơ bất tận ngợi ca (cleio), núi Nùng, sông Nhị, sông Tô, những cô gái áo dài thướt tha bên liễu rủ ven hồ, những con người thanh lịch “khéo tay hay nghề, đất lề Kẻ Chợ”, “ngát thơm hoa sói hoa nhài, khôn khéo thợ thầy, Kẻ Chợ”.

2. Có một Thăng Long - Đông Đô - Đông Kinh - Hà Nội của Phạm Sư Mệnh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Tuấn, Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Bằng Việt... mà cũng có một **Kẻ Chợ dân gian** ba mươi sáu phố phường :

“Rủ nhau xem khắp Long thành

Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai”

Xin đừng vì so đo tính toán theo cách tính số học mà làm mất đi biểu tượng “ba mươi sáu phố phường” của Thủ đô Hà Nội. Em ơi ! Hà Nội phố !

Có dân gian Hà Nội là có Folklore (văn hóa dân gian) Hà Nội, Folklore đô thị, chuyển biến về chất. Dân vạn đại thì Folklore cũng vạn đại. Folklore vượt ngưỡng “*quê kiếng*”, “*nhà quê*” để bén rễ nơi thị thành. Có một Hồ Tây hữu thể - hữu hình thì cũng có (từ thế kỷ XIV - XV) một truyền thuyết vô thể - vô hình về Hồ tinh, về Trâu vàng, về nhíp chày Yên Thái...

Có một hồ nước xanh (lục thủy) hữu thể, hữu hình thì cũng đeo bám quán quýt, dăng dịt vào đó một huyền tính vô thể, vô hình về “Cụ Rùa” thiên sứ và người anh hùng Lê Lợi với thanh gươm hữu thể “*Thuận Thiên*”. Hồ trả gươm, sự tích Hoàn Kiếm là vô giá và vĩnh cửu.

Có một sông Tô dành đoạn rồi, thì cũng có lời thề sông Tô (hội thề đền Đồng Cổ thời Lý Trần, hội thề Đông Quan thời Lê Lợi - Nguyễn Trãi) đều rung dội trên nước sông Tô :

Bao giờ lở núi Tân Viên

Cạn sông Tô Lịch (cũng) chẳng quên lời nguyện

Năng lượng Folklore Hà Nội tiềm tàng trên cả ba vùng :

a) Trung tâm : Hồ Gươm

Khen ai khéo họa dư đồ

Trước sông Nhị thủy, sau hồ Hoàn Gươm

b) Ven đô :

Nhong nhong ngựa Ông đã về

Cất cỏ Bồ Đề cho ngựa Ông ăn

(dòng và bến Bồ Đề ở phía chân cầu Long Biên, bên tả ngạn Hồng Hà)

Ai về Hà Nội

Ngược nước Hồng Hà

Thuyền giăng ba ngọn, vui đà vui thay !

Đống Đa ghi để lại đây,

Bên kia Thanh miếu, bên này Bộc am.

(Đống Đa, Chùa Bộc, nay thuộc quận Đống Đa)

c) Ngoại đô :

- *Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đàm Sét.*

- *Tương Nhật Tảo, đào Nhật Tân,...*

Tiềm năng Folklore của mảnh đất nghìn năm văn hiến là... vô tận ! Cửa Trời, của Dân, khai thác là khai thác của kho vô tận...

3. Năm 1966 nóng bỏng đạn bom chống Mỹ cứu nước, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Hội Văn nghệ Hà Nội - với ngành văn nghệ dân gian của nó - đã được thành lập giữa thủ đô Hà Nội. Tôi may mắn được là “hội viên sáng lập” của cả hai hội nói trên và vinh dự được cử phụ trách ngành *suu tầm - nghiên cứu Folklore Hà Nội*. Ngay từ những ngày đầu, cùng với các lão tướng Chu Hà, Giang Quân, Tảo Trang Vũ Tuấn Sán... Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam có lúc bị giải thể (do sai lầm về nhận thức “như những bóng mây qua”), nhưng ngành văn nghệ dân gian Hà Nội thì không ! Và nó đã vươn lên thành một hội độc lập, liên lập trong Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Hà Nội, có tài khoản riêng, có con dấu riêng, và có một hoạt động sôi nổi, có hiệu quả, đến nay đã 35 năm, ở lứa tuổi “tam thập nhi lập” lập thân, lập chí, lập ngôn vững vàng !

Ngay lúc ấy, bậc thức giả, người trí giả Mỹ đã tiên đoán : Mỹ sẽ thua, vì Việt Nam - Hà Nội bình tĩnh dò tìm về *cội nguồn*, trong **lòng đất** (khảo cổ), trong **lòng dân** (Folklore). *Sâu rễ, bền gốc* (thâm căn cố đế), nói như di chúc của Đại nguyên soái Hưng Đạo đại vương, là *thượng sách để giữ nước*. Nước là Dân. Dân là Nước.

4. Tuy trong **văn hóa - văn nghệ** dân gian (nghĩa rộng), ngữ văn dân gian bao giờ cũng là *trọng*. Ngành dân gian Hà Nội ngay từ đầu thập niên 70 của thế kỷ XX đã cho ra đời công trình sưu tập *Ca dao - Tục ngữ Hà Nội* (nay đã xuất bản được 2 tập). Tiếp đó là Huyền thoại, Huyền tích cũng lần lượt được xuất bản : *Truyền thuyết ven Hồ Tây* (nhiều tác giả), rồi *Truyền thuyết ven sông Nhị*, *Truyền thuyết ven sông Tô*... Chúng tôi ý thức được *nhân tố Nước* trong đời sống lịch sử - xã hội - văn hóa Việt Nam - Hà Nội, nên đã làm những sưu tập Folklore theo Hồ, theo dòng chảy như vậy. Bởi, nói cho cùng, thì Hà Nội cổ truyền là cái gì ? Đi tìm câu trả lời trong Folklore Hà Nội, thì chúng tôi thấy rõ ràng một điều về Thăng Long - Hà Nội là mảnh đất :

Nhị hà quanh Bắc sang Đông

Kim Ngưu, Tô Lịch là sông bên này

Một tứ giác khép vòng, được đường Đê La Thành bao quanh và điểm xuyết, trong ngoài lấp lóa những mặt hồ.

Trong phát triển, Hà Nội quá cần đất. Từ thời thực dân, hồ Cổ Ngựa (nối tiếp hồ Trúc Bạch) các hồ Hàng Đậu, Hàng Khoai, Hàng Đào... đã bị lấp, chỉ còn lại hồ Gươm. Dưới thời dân chủ, lại tiếp nối một quá trình lấp hồ, lấn đất, xây dựng. May mà vẫn còn đây một hồ Tây, hồ Trúc Bạch, một hồ Gươm, một hồ Bảy Mẫu, Ba Mẫu, song cứ hẹp dần, theo cả ý nghĩa tuyệt đối (đất ven hồ bị lấn chiếm) và tương đối (xây nhà cao tầng, tạo cảm giác hồ hẹp đi), đến đầu thế kỷ XXI thì tạm coi “cuộc chiến tranh hồ - đầm” chấm dứt.

Quy hoạch Hà Nội 2010 - 2020 đã lên. Các cán bộ quản lý đã chủ trương thực hiện “đá hóa”, “bê tông hóa” bờ hồ, bờ đê Hà Nội.

5. **Chiến tranh không dung chứa** sự tập hợp quá đông người, như lễ hội. Từ đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, khi tiếng súng đạn đã tắt dần ở nhiều chiến trường miền Nam, miền Bắc. Đầu tiên là về lý luận bài viết : *Lễ hội dân gian trên miền quê đổi mới* (Tạp chí Nghiên cứu văn hóa - nghệ thuật 1980, số Tết Canh Thân). Rồi cùng với Sở Văn hóa thông tin, lần đầu tiên sau 25 năm vắng bóng (1957 - 1982) phục hồi lễ hội Gióng Phù Đồng (Gia Lâm). Cái cổ truyền :

Ai ơi mừng chín tháng tư

Không đi Hội Gióng cũng hư mất đời !

Dân hồ hởi. Chính quyền cũng đồng tình. Thế là cứu được lễ hội dân gian trong phát triển. Lại được tiếng phục vụ ngành Du lịch, công nghiệp không khói của thời đại mới. “*Lễ hội dân gian*” trở thành một *Đề tài nghiên cứu* lớn của ngành văn nghệ dân gian thủ đô, được tài trợ từ phía Sở Khoa học - Công nghệ - Môi trường và giao cho Hội Văn nghệ dân gian chủ trì thực hiện.

6. **Ngành nghề truyền thống** là một đề tài sưu tầm nghiên cứu khác. Cũng được tài trợ, vì mục đích là góp phần đa dạng hóa những bước đi của công nghiệp hóa Việt Nam. Đảng lãnh đạo và đồng tình : *có một hướng đi lên công nghiệp từ thủ công nghiệp*.

Và Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội “chê” đề tài ra làm 3 - 4 đề tài nhánh để thực hiện trong điều kiện kinh phí hạn hẹp, mỗi năm làm một đề tài nhỏ trong “*cái nhìn hệ thống*” về một đề tài lớn : *Ngành nghề - làng nghề - tổ nghề - phố nghề*.

Phố nghề - với một dãy mấy chục tên phố mang tên *Hàng* là một đặc trưng Hà Nội (rồi mới đến Nam Định rồi Phố Hiến - Hưng Yên của đồng bằng Bắc Bộ). Liên minh các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, rồi ngành Công nghiệp, rồi tới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tài trợ, tổ chức hội thảo, in sách về thủ công Hà Nội - Việt Nam ; tổ chức nhiều triển lãm, hội chợ hàng thủ công. Không cứu được hết, nhưng thực sự đã giúp thiết thực vào sự phục hồi của nhiều nghề thủ công : Dệt, mây - tre đan, đồ gỗ, chạm khắc

đồng - vàng - bạc... Rầm rộ đúc lại trống đồng, đem đi Mỹ, trao tặng Liên hợp quốc. Gia công xuất khẩu nhiều mặt hàng có giá trị. Văn hóa - văn nghệ dân gian từ hội trung ương, hội Hà Nội đến các hội địa phương đã góp phần minh chứng : công nghiệp hóa không giết chết mà là góp phần phục hồi và phát triển nhiều ngành thủ công nghiệp cổ truyền. Đây đã là một *định án*, đã thể hiện rõ trong văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Tìm về cội nguồn là một tâm thức sâu xa của dân gian. Có cả một di sản gia phả - tộc phả. Ngành văn chương có mấy tiểu thuyết hay đề cập đến cái tiêu cực của sự bè phái dòng họ chốn quê. Nhưng cái tích cực cũng có, và nhu cầu một sân chơi mới về “*Câu lạc bộ các dòng họ Việt Nam*” rõ ràng là cần thiết. Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội đi đầu đề xuất đề tài “*Các dòng họ văn hiến Hà Nội - Việt Nam*”, được tài trợ, được thực thi, đạt hiệu quả xuất sắc. Năm 2000, năm bản lề của thế kỷ mới, hơn 180 đại biểu các dòng họ Việt Nam hội tụ tại Bảo tàng Dân tộc học ở Hà Nội để trao đổi lý thuyết, nguồn gốc các họ Việt Nam, để tìm nhau qua đối sánh gia phả, tộc phả, thế phả. Ba ngày thòm thềm ! Một trưng bày các tộc phả, cái xưa nhất còn giữ được là vào thời Lê.

8. Ăn và uống đứng hàng đầu trong 4 nhu cầu cơ bản nhất của con người : **Ăn - mặc - ở - đi lại**. Nó cũng được người Việt Nam nêu lên hàng đầu trong “tứ khoái” : **Ăn - ngủ...**

Tôi biết rõ cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ngay từ thời đất nước còn chiến tranh đã ngầm nghĩ về việc cải thiện bữa (ăn) cơm Việt Nam và mời giáo sư, bác sĩ - đại tá Từ Giấy từ quân đội ra làm Viện trưởng Viện Dinh dưỡng học. Cũng trong chiến tranh, tiếp cận văn hóa học, tôi từng nêu công thức của một bữa ăn thường ngày Việt Nam là : **Cơm - rau - cá** (cơm là cả gạo, cả ngô khoai sắn. Rau các loại, ngoài rau trồng còn cả rau thu hái từ nguồn tự nhiên, loại rau “*tập tàng*”. Cá là thủy hải sản, cá tôm cua ốc, ếch lươn...). Tôi đã viết bài gửi phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam : “*Qua ngữ văn dân gian,*

người Hà Nội ăn gì, ăn ở đâu, ăn lúc nào, tại sao lại thế”.

Đổi mới tư duy, Hội Văn nghệ dân gian đứng ra đảm trách Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ăn, uống. Từ báo tháng, nay đã thành một bản nguyệt san (mỗi tháng 2 kỳ), số lượng phát hành không ngừng tăng.

Tiếp theo Sài Gòn (với đại học Hùng Vương) là Hà Nội, tổ chức hội thảo quốc gia và quốc tế, về văn hóa ẩm thực. Đã xuất bản sách *Thực hành ăn uống và bản sắc văn hóa* (Pratiques alimentaires et Identités culturelles). Rồi liên tiếp xuất bản các cuốn sách “*Văn hóa ẩm thực Hà Nội*”, “*Quà Hà Nội*”, “*Thú ăn chơi của người Hà Nội*” v.v... Tổ chức thành lập Câu lạc bộ văn hóa ẩm thực Hà Nội - Việt Nam. Về đào tạo truyền dạy : tới nay đã có đủ các đề tài về ẩm thực, nhiều sinh viên, cán bộ bảo vệ thành công lấy bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ văn hóa học về ẩm thực. Và, đi vào thực tế phát triển như ngày hôm nay : liên kết (với cả nước ngoài) tổ chức tuần văn hóa chè, tuần ẩm thực Hà Nội và ba miền Trung - Nam - Bắc, ẩm thực Kinh Bắc, ẩm thực dân gian Thanh Hóa, Nghệ An, ẩm thực cung đình Huế, ẩm thực Hội An... vừa tư biện, vừa thực tế. Để lãnh đạo Hà Nội cho ra đời *Phố ẩm thực Tống Duy Tân* với hè đường lát gạch tử tế, phục vụ du lịch, phục vụ thú ăn chơi Hà Nội. Sau khi đã giỏi làm thì cần giỏi ăn chơi lành mạnh. Được đến đâu thì còn tùy nhiều chuyện, song chỉ cần đã làm, rồi sẽ biết làm.

9. Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội còn làm nhiều chuyện khác. Chuyện lớn nhất là từ 10 năm trở lại đây, năm nào cũng “*tung quân*” đi sưu tầm nghiên cứu các di sản văn hóa hữu thể và vô thể theo từng quận, huyện, để đến 2010 kỷ niệm “*Ngàn năm Thăng Long*”, Hội Văn nghệ dân gian sẽ trình làng bộ sách “*Văn hóa dân gian Hà Nội*” góp phần thiết thực mừng thọ thủ đô nghìn tuổi trời cho. Rồi tập huấn, để luôn luôn thanh xuân hóa trong suy nghĩ và việc làm của các hội viên, làm cho hội viên cập nhật hóa tri thức Folklore thế giới và trong nước. □



TRUNG - VIỆT : TÌNH HỮU NGHỊ ĐỜI ĐỜI BỀN VỮNG

TÊ KIẾN QUỐC *

NHÂN dịp Tạp chí Cộng sản lần đầu tiên ra số Tết xuân đặc biệt, xin cho phép tôi thay mặt Đại sứ quán Trung Quốc gửi tới Ban biên tập Tạp chí Cộng sản và qua quý Ban biên tập gửi tới đồng đảo độc giả lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc tốt đẹp nhất !

Đối với Trung Quốc và Việt Nam, năm đầu tiên của thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới là một năm rất đặc biệt. Một năm qua, ở Trung Quốc, chuyện mừng liên tiếp : *Một là*, Đảng Cộng sản Trung Quốc kỷ niệm trọng thể lần thứ 80 Ngày thành lập Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã có bài phát biểu quan trọng, tổng kết một cách toàn diện chặng đường vẻ vang xây dựng Đảng 80 năm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trình bày một cách hệ thống về tư tưởng quan trọng “Ba đại biểu”, đặt cơ sở vững chắc cho việc hoàn thành ba nhiệm vụ lớn là thúc đẩy công cuộc xây dựng hiện đại hóa, hoàn thành sự nghiệp lớn thống nhất Tổ quốc, bảo vệ hòa bình thế giới và thúc đẩy cùng phát triển. *Hai là*, Trung Quốc đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển nhanh

chóng, GDP tăng hơn 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Đến tháng 12 năm 2001, tổng lượng GDP đã đạt hơn 1 160 tỉ USD, dự trữ ngoại tệ hơn 200 tỉ USD. *Ba là*, Bắc Kinh đã giành được quyền đăng cai Thế vận hội Olympic 2008. *Bốn là*, lần đầu tiên Trung Quốc đã phóng thành công phi thuyền không người lái “Thần châu II”. *Năm là*, Hội nghị Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương đã được tổ chức thành công tại Thượng Hải. *Sáu là*, Đội tuyển bóng đá Trung Quốc lần đầu tiên vượt ra châu Á và lọt vào vòng chung kết Cúp thế giới.

Việt Nam cũng liên tiếp có những tin vui : Đảng Cộng sản Việt Nam kỷ niệm trọng thể lần thứ 71 Ngày thành lập Đảng ; tháng 4 năm 2001, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội IX, tổng kết một cách toàn diện những kinh nghiệm thành công xây dựng Đảng 71 năm của Đảng Cộng sản Việt Nam và công cuộc đổi mới, mở cửa hơn 15 năm qua, xác định mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

* Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam

Việt Nam trong đầu thế kỷ XXI. Đặc biệt là trong khi tình hình kinh tế thế giới nói chung phát triển đều chậm lại, mặc dù nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn khó có thể lường trước, nhưng vẫn tiếp tục giữ được tốc độ phát triển tương đối nhanh, GDP tăng khoảng 7% so với cùng kỳ năm ngoái, công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục, y tế vv... đều có sự phát triển mới. Đồng thời, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 8 và Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN với các bên đối thoại của ASEAN, hoạt động ngoại giao sôi động hơn, vị thế trên trường quốc tế của Việt Nam đã được nâng cao hơn. Cách đây không lâu, Việt Nam đã được Tổ chức tư vấn về các rủi ro chính trị và kinh tế quốc tế đánh giá là nơi an toàn nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ đáy lòng mình, chúng tôi cảm thấy rất vui mừng trước những thành tựu to lớn mà nhân dân Việt Nam anh em đã giành được. Chúng tôi tin rằng, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đứng đầu, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thực hiện được những mục tiêu to lớn mà Đại hội IX của Đảng đề ra, xây dựng Việt Nam thành một nước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Hai nước Trung - Việt núi sông liền một dải, nhân dân hai nước vốn có mối tình hữu nghị truyền thống lâu đời. Trung Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao hơn 50 năm qua, trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài cũng như sự nghiệp xây dựng

chủ nghĩa xã hội, nhân dân hai nước đồng tình và ủng hộ lẫn nhau, và đã xây dựng nên mối tình hữu nghị nồng thắm, được Chủ tịch Hồ Chí Minh ca ngợi là “Mối tình thắm thiết Việt - Hoa, vừa là đồng chí, vừa là anh em”. Từ khi quan hệ hai nước được bình thường hóa đến nay, mối tình hữu nghị Trung - Việt do Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và các bậc tiền bối cách mạng đích thân sáng lập, vun đắp, nay đã được lãnh đạo của hai đảng, hai nước đưa lên một giai đoạn phát triển mới. Vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, để quán triệt phương châm 16 chữ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” do Tổng Bí thư hai đảng xác định, hai nước đã lần lượt ký kết Hiệp ước biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá, và Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới. Sự hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước cũng đã có những tiến triển mang tính đột phá. Năm 2000, kim ngạch thương mại hai nước đạt hơn 2,4 tỉ USD ; năm 2001, có triển vọng đạt đến 3 tỉ USD. Hai dự án lớn cải tạo kỹ thuật Nhà máy gang thép Thái Nguyên và Nhà máy phân đạm Hà Bắc tiến triển thuận lợi, các dự án lớn khác về hợp tác kinh tế đang được bàn bạc khẩn trương. Chúng tôi còn vui mừng thấy rằng, trong năm 2001, Phó Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và Ủy viên trưởng Lý Bằng đã lần lượt sang dự Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam và sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, và Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc. Những sự kiện này đã thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của quan hệ hai đảng, hai nước.

Đặc biệt là trong thời gian Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang thăm Trung Quốc, hai bên đã đạt được những nhận thức chung quan trọng, và nhất trí cho rằng, mối tình hữu nghị Trung - Việt là tài sản quý báu của hai đảng, hai nước và nhân dân hai nước, trong thế kỷ mới phải tiếp tục lấy phương châm 16 chữ làm chỉ đạo, không ngừng làm phong phú, đầy đủ và sâu sắc thêm nội hàm của phương châm đó, đưa quan hệ truyền thống hợp tác hữu nghị Trung - Việt lên tầm phát triển cao hơn nữa. Vì vậy, hai bên quyết định áp dụng những biện pháp sau đây : *Một là*, phải tiếp tục phát huy truyền thống lãnh đạo cấp cao hai nước sang thăm lẫn nhau, đi sâu trao đổi về những kinh nghiệm xây dựng Đảng và quản lý đất nước. *Hai là*, ra sức mở rộng sự hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học - kỹ thuật của hai nước. *Ba là*, mở rộng và làm sâu sắc thêm sự giao lưu giữa thanh thiếu niên hai nước. *Bốn là*, tăng cường sự hợp tác và phối hợp của hai bên trong công việc khu vực và quốc tế ; *Năm là*, nỗ lực xây dựng biên giới hai nước thành biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài. Hai bên còn ký Tuyên bố chung Trung Quốc - Việt Nam, Hiệp định hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa chính phủ hai nước Trung - Việt và Hiệp định khung giữa chính phủ hai nước Trung - Việt về việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam khoản tín dụng ưu đãi. Chúng tôi tin rằng, qua sự cố gắng chung của cả hai bên, quan hệ hai đảng, hai nước nhất định sẽ được phát triển lớn hơn nữa trong thế kỷ mới.

Hai nước Trung - Việt có tình hình đất nước giống nhau và chế độ xã hội như nhau, cùng chung một lý tưởng và mục tiêu phấn đấu. Hai đảng, hai nước chúng ta đang đứng

trước những nhiệm vụ và thách thức giống nhau. Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước phù hợp với lợi ích căn bản của hai nước và nguyện vọng chung của nhân dân hai nước là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của cả hai đảng, hai chính phủ. Hiện nay, cơ sở của quan hệ hai đảng, hai nước càng vững chắc hơn, tin cậy lẫn nhau, ủng hộ lẫn nhau, tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển, đã trở thành những đặc trưng quan trọng của quan hệ hai nước. Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc nguyện cùng với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam, tăng cường đoàn kết, mở rộng hợp tác, cùng nhau mở ra tương lai tốt đẹp hơn nữa cho mối tình hữu nghị Trung - Việt và sự nghiệp xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ mới.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương hai đảng Trung - Việt, nhiều năm qua, Tạp chí Cầu thị và Tạp chí Cộng sản có sự giao lưu và hợp tác mật thiết. Đặc biệt là hai bên đã trao đổi ý kiến sâu rộng về lý luận và thực tiễn xã hội chủ nghĩa, học tập và tham khảo lẫn nhau về những kinh nghiệm xây dựng Đảng và quản lý đất nước, và đã góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng đất nước của mỗi nước và sự nghiệp xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Tôi xin chân thành chúc Tạp chí Cộng sản trong năm mới giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, đồng thời cũng xin chúc quan hệ hợp tác hữu nghị giữa cơ quan lý luận và chính trị của trung ương hai đảng chúng ta được nâng lên một tầm cao mới.

Cuối cùng, xin cho phép tôi một lần nữa chúc đông đảo độc giả Tạp chí Cộng sản Tết xuân vui vẻ, sức khỏe dồi dào, gia đình hạnh phúc, vạn sự như ý ! □



1. Những tiền đề của mối quan hệ truyền thống giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Là một quốc gia lớn cả về diện tích và dân số ở Nam Á, Cộng hòa Ấn Độ trước sau kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tôn trọng chủ quyền của tất cả các nước trong khu vực. Trong quan hệ với Việt Nam, đường lối đó được tỏ rõ qua chuyến thăm chính thức nước ta của cố Thủ tướng Ấn Độ J. Nê Ru ngay từ cuối năm 1954. Khi đó Việt Nam vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Ngày 17-10-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp và hội đàm thân mật với Thủ tướng J. Nê Ru tại Phủ Chủ tịch.

Ngay từ những ngày còn đang bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi đó là Nguyễn Ái Quốc, đã rất thấu hiểu đất nước Ấn Độ trong ý nghĩa là một dân tộc ở châu Á cùng cảnh ngộ với Việt Nam và cùng có mục đích chung là đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân và đế quốc. Điều này được phản ánh sâu sắc trong nhiều bài viết của Người đăng trên các báo, như Lơ Pa-ri-a (Người cùng khổ) số 17 (8-1923), La Vi U-vri-e (Đời sống công nhân) số 235 (9-11-1923), Anh-pre-ko (Thông tin quốc tế) số 33 (8-4-1925)... Ngày 4-2-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam sang thăm Ấn Độ.

Ngày 7-2-1958 đã diễn ra lễ ký tuyên bố chung nhằm thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị và hợp tác xây dựng giữa hai nước. Trong dịp này cố Thủ tướng J. Nê Ru đã cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm nhiều địa phương của Ấn Độ.

Nửa thế kỷ qua, quan hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và cố Thủ tướng J. Nê Ru đặt nền móng và dày công vun đắp, đã ngày càng được mở rộng và phát triển. Về mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa Việt Nam và Ấn Độ, Thủ tướng Ấn Độ A. B Va-giơ-pai, nhân chuyến thăm Việt Nam từ ngày 7 đến 10 tháng 1-2001 đã khẳng định “Trong quá khứ chúng ta đã cùng sát cánh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Trong tương lai chúng ta càng có cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ quan hệ hợp tác đa dạng, nhất là về kinh tế”.

Thực tế cho thấy sự hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Ấn Độ có nhiều nét tương đồng :

Hai nước cùng đứng trước một vấn đề lớn là phải tìm ra cho mình một đường lối phát triển phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Với Việt Nam đó là công cuộc đổi mới được Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện từ năm 1986, là đường lối xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Với Ấn Độ, đó là việc thực thi chương trình cải cách kinh tế từ tháng 6-1991 nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề bằng hàng loạt các giải pháp như tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, cho phép phía đầu tư nước ngoài có tỉ lệ góp vốn nhiều hơn, giảm giá đồng rupi... Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, hai nước đều phải giải quyết nhiều nhiệm vụ bức xúc, như cải tiến hệ thống tài chính - ngân hàng, xóa bỏ những

bao cấp tài chính không hợp lý... Theo đánh giá của Ngân hàng phát triển châu Á, tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ năm 2001 là 5,6%, trong khi nhiều nước châu Á vốn có nền kinh tế phát triển thì chỉ đạt mức tăng trưởng âm, chẳng hạn mức tăng trưởng kinh tế của Xin-ga-po là -3%.

Tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai nước là vấn đề được nhân dân và lãnh đạo mỗi nước hết sức quan tâm và đồng tình sâu sắc. Mối quan hệ này được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích và tin tưởng lẫn nhau. Có thể nhận thấy rằng, do đặc thù của vị thế hai nước, trong quan hệ song phương Việt Nam - Ấn Độ, cả hai phía đều không phải cân nhắc đến phản ứng từ bên ngoài. Đáng rằng, mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN chưa tương xứng bằng quan hệ nhiều mặt EU-ASEAN, nhưng trong mối quan hệ Ấn Độ - ASEAN thì quan hệ song phương Việt Nam - Ấn Độ luôn giữ vai trò là cầu nối và thúc đẩy sự phát triển quan hệ nhiều mặt Ấn Độ - ASEAN lên những bước tiến mới.

Là hai dân tộc mang những nét đặc sắc của nền văn hóa phương Đông, cùng có nền văn minh lúa nước, Việt Nam và Ấn Độ đều quan tâm đến việc khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc. Từ xa xưa nền văn hóa rực rỡ của Ấn Độ đã tỏa sáng và ảnh hưởng sâu sắc đến khu vực Đông - Nam Á, làm cho các nền văn hóa của các nước trong khu vực này thêm phong phú, đa dạng và đậm nét nhân văn. Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ rõ nét qua đạo Phật, kế thừa những di sản vật thể của văn hóa Chăm-pa cổ xưa ở miền Trung. Hiện nay Ấn Độ đã có một trung tâm chuyên sản xuất phim trong nước - trung tâm Bol-ly-út. Đây là điều mà ít nước trên thế giới làm được. Ở bất cứ đâu người Ấn Độ cũng đều quan tâm tới việc giữ gìn tính đồng nhất trong cộng đồng qua những

hoạt động văn hóa. Y phục lâu nay của người Ấn Độ vẫn sánh ngang với âu phục và vẫn tạo được nét độc đáo riêng... Những gì mà Ấn Độ đạt được trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc rất đáng để chúng ta suy ngẫm và học tập.

2. Tầm cao mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước.

Mấy chục năm qua, nhất là từ khi quan hệ ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ được nâng lên cấp đại sứ (7-1-1972), mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước ngày càng được vun đắp và mở rộng thêm. Có thể nói, mối quan hệ này hiện đã phát triển lên một tầm cao mới, kể từ sau chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch nước Trần Đức Lương từ ngày 1 đến ngày 5-12-1999 và chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ấn Độ Va-giơ-pai hồi tháng 1-2001. Trong quan hệ thương mại giữa hai nước năm 1999, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đã đạt 157 triệu USD. Cũng vào năm này, Ấn Độ đã dành cho Việt Nam hai khoản tín dụng trị giá 1 070 triệu rupi. Trong chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Va-giơ-pai, hai nước đã ký kết 3 văn kiện quan trọng là : Nghị định thư gia hạn chương trình hợp tác văn hóa Việt Nam - Ấn Độ năm 2001 - 2003, Thỏa thuận hợp tác năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, Hiệp định hợp tác du lịch. Ngoài ra, một số hợp đồng thương mại cũng đã được ký kết giữa các đối tác của hai bên, như Hợp đồng liên doanh giữa Ủy ban quốc doanh dầu khí và khí đốt Ấn Độ và Công ty đầu tư phát triển dầu khí Việt Nam trị giá 238 triệu USD, Hợp đồng xây dựng nhà máy bào chế tại TP Hồ Chí Minh do Công ty bào chế dược phẩm Ram-ba-xy đảm nhận trị giá 10 triệu USD. Hai bên đã thỏa thuận thành lập các trung tâm phát triển nguồn nhân lực phần mềm ở Việt Nam. Hàng năm Ấn Độ sẽ dành cho Việt Nam

130 suất học bổng đào tạo cán bộ... Điều quan trọng là hai bên đã tìm ra được những lĩnh vực hợp tác hiệu quả, như công nghệ thông tin, dược phẩm, du lịch, y tế, hợp tác trên các diễn đàn quốc tế. Hai nước đã có mối quan hệ hợp tác quân sự thông qua các chuyến thăm và làm việc của các đoàn lãnh đạo cao cấp quân đội hai nước. Quan hệ hai nước phát triển không chỉ trên bình diện giữa các cơ quan chính quyền mà cả các tổ chức quần chúng, như hoạt động của các Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ, Ấn Độ - Việt Nam... Trong khuôn khổ này Hội hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam toàn quốc đã thăm Việt Nam từ ngày 22 đến ngày 29-6-2001.

Nét mới trong quan hệ hai nước là hoạt động hỗ trợ phát triển thương mại. Từ ngày 28 đến ngày 30-3-2001, Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam đã tổ chức các hoạt động giới thiệu thị trường Ấn Độ trước các nhà doanh nghiệp nước ta tại trụ sở Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam đã có dịp làm quen với sản phẩm hàng hóa của hơn 130 doanh nghiệp của nước bạn. Một số lượng lớn danh mục các mặt hàng được trưng bày tại đây. Tháng 4-2001 đã diễn ra cuộc triển lãm giới thiệu hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp Việt Nam tại Mum-bai (Bom-bay cũ). Trong thời gian tới một Trung tâm thương mại Việt Nam sẽ được mở tại Niu Đê-li để trưng bày các sản phẩm của Việt Nam có thể xuất khẩu sang Ấn Độ. Các nhà tổ chức cuộc gặp gỡ trên cho biết : "Các hoạt động như vậy nhằm tăng cường hiểu biết hơn nữa về khả năng và tiềm năng của hai nước để có thể đẩy mạnh thương mại và đầu tư". Bước sang năm mới chúng ta hy vọng quan hệ Việt Nam - Ấn Độ sẽ ngày càng được củng cố và phát triển mạnh hơn trên một bình diện rộng hơn. □

NGÀY TẾT -

lễ hội cầu mưa - cầu phúc

các dân tộc vùng Đông - Nam Á

PHẠM ĐỨC DƯƠNG *

NHÀ vật lý học nổi tiếng Anh-xtanh đã từng nói rằng, sự hiểu biết của loài người cho đến nay chỉ bằng một giọt nước trong cái đại dương mênh mông của sự chưa hiểu biết ! Tôi hiểu rằng loài người luôn sống trong nghịch lý là một mặt phải dùng giọt nước đó để găm dần đại dương - nghĩa là để tiếp tục khám phá ; mặt khác, lại muốn dùng giọt nước đó để giải thích toàn bộ đại dương chưa biết. Vì thế trí tưởng tượng của con người là cực kỳ phong phú, vừa đầy chất lãng mạn vừa đầy tính huyền bí.

Cũng vậy, con người Đông - Nam Á đã tạo dựng nên đời sống trí tuệ và tâm linh. Giống như cái đại dương mênh mông, đời sống tâm linh của con người cũng mênh mông huyền bí và vô cùng linh thiêng. Khi xuất hiện khả năng tư duy bằng biểu trưng (Symboling), là lúc đột biến của hoạt động ý thức, làm cho con người thoát ra khỏi thế giới động vật để bước sang thế giới ánh sáng của trí tuệ. Thế là tất cả mọi vật đều biến đổi : núi sông cây cỏ đều có linh hồn ; thế giới thực tại của loài người thực được ghi bằng thần thoại ; người chết trở thành tổ tiên ở thế giới bên kia ; sự giao hòa đực - cái được biểu trưng là sự sinh sôi nảy nở, sự hòa hợp kỳ diệu của đất trời, và từ đó sinh ra nghi lễ phồn thực thờ sinh thực khí nam và nữ.

Thế là, con người sống đồng thời với ba thế giới : *thế giới thực tại* là khách quan hữu hình hữu hạn và khả tri, là cái có trước được con người cảm nhận bằng phương pháp biểu trưng và hình thành nên *thế giới ý niệm* nằm trong đầu anh ta. Đó là thế giới vô hình, vô hạn, vô khả tri. Nó vừa phản ánh thực tại, vừa từ thực tại mà suy luận, mà tưởng tượng theo phương pháp loại suy và đem lại cho con người một khả năng vô tận - khả năng trí tuệ và tâm linh. Để nối thế giới thực tại và thế giới ý niệm, loài người đã sáng tạo nên *thế giới biểu tượng* làm vật môi giới, vật thay thế. Do đó biểu tượng bao giờ cũng là những tín hiệu hai mặt : *cái biểu thị* (Signifiant) các cụ gọi là “hiển” là những hình thể thay thế ý niệm dưới dạng một vật thể nằm trong thế giới thực tại ; và *cái được biểu thị* (Signifié) các cụ gọi là “mật”, là những thông điệp thuộc thế giới ý niệm và khi mà “hiển mật viên thông” (thông suốt một cách mỹ mãn) thì biểu tượng đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật.

Đời sống tâm linh (thuộc thế giới ý niệm) của cư dân Đông - Nam Á hết sức phong phú, sâu sắc và biểu hiện dưới nhiều dạng biểu tượng khác nhau từ thần thoại huyền thoại, thờ

* GS, TS, Chủ tịch Hội khoa học Đông - Nam Á (Việt Nam)

cúng, lễ hội đến phong tục tập quán. Ít ra cũng có 3 tín ngưỡng phổ biến trong thế giới ý niệm : 1) Tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Mọi vật đều có linh hồn. Đây là thế giới vô hình nhưng lại có sức mạnh siêu việt thường xuyên tác động đến cuộc sống con người theo hai chiều thuận - nghịch, lành - dữ. Con người đã thần thánh hóa những ma lực đó dưới hình thức các biểu tượng và thờ cúng để được che chở. Đó là việc thờ thần mặt trời, thần lửa ; thờ thần núi và thờ đá ; thờ thần sông biển và thờ thần nước ; thờ thần cây, thần lúa. Chúng tôi gọi là hệ thống *tự nhiên thần* ; 2) Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên - những người đã khuất. Đó là *thế giới nhân thần*. Người ta thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ và mở rộng ra thờ cúng những người có công với cộng đồng (làng, nước) để cầu mong được phù hộ độ trì và bày tỏ một đạo lý sống “uống nước nhớ nguồn” ; 3) Nghi lễ phồn thực cầu mong cho sự sinh sôi nảy nở, dùng sinh thực khí (linga-yoni) làm biểu tượng đực - cái để thờ cúng, tổ chức các trò diễn dưới hình thức ma thuật thiêng nhằm kích động tình dục của thần linh, trời đất, vạn vật... để cho cây trồng đơm hoa kết trái, súc vật sinh sôi nảy nở, loài người sinh con đẻ cái, .v.v.

Các ý niệm tâm linh được hiện thực hóa bằng các lễ hội. Phần lễ là các nghi thức do con người sáng tạo để giao tiếp với thần linh thông qua những vật thiêng trung gian (người thiêng, lời thiêng, chữ thiêng, vật thiêng...). Trong cái không - thời gian khác thường ấy, người thầy cúng đã xuất thần để tiếp xúc với thần linh, còn người tham gia thì như bước vào bến mê. Phần hội bao gồm các hoạt động vui chơi nhằm xây dựng quan hệ cộng cảm trong cộng đồng trước sự chứng giám của thần linh. Trong không khí “vui như hội” người ta tham gia các trò chơi, có nam nữ thi sức đua tài trong tiếng trống đục dã, rộn ràng, cuốn hút ; và sau đó là các cỗ bàn để mọi người thụ lộc không phân biệt trai gái, đẳng cấp, giàu nghèo. Vì thế ở người Việt mới có câu : “miếng giữa

làng bằng sàng giữa chợ”. Nếu như trong phần lễ có chất thiêng và việc xuất thần để tiếp cận với đời sống tâm linh, thì trong phần hội có yếu tố trần tục làm cho con người vui và thăng hoa để xây dựng cuộc sống tâm tình.

Lễ tết cổ truyền của Đông - Nam Á là một biểu tượng tập trung khá đầy đủ về đời sống tâm linh và hội tụ những nét tinh hoa, những giá trị văn hóa của các dân tộc. Đối với cư dân nông nghiệp lúa nước Đông - Nam Á thời gian được tính theo chu kỳ, và cái giao thời giữa hai chu kỳ (mùa khô và mùa mưa) là hết sức linh thiêng và quan trọng. Người Đông - Nam Á đón xuân năm mới trong giai đoạn chuyển mùa. Người ta lễ tạ trời đất, thần linh, tổ tiên, tống cựu nghinh tân, cầu mong những điều tốt lành của năm mới.

Dù cho những ngày tết ở các nước Đông - Nam Á có chênh lệch nhau về thời điểm nhưng vẫn trong giới hạn của thời gian chuyển mùa : Tết của người Việt vào tháng hai dương lịch ; người Thượng - tháng ba, người Khơ-me, người Thái Lan, người Lào, người Mi-an-ma, Người Java-Bali, người Chăm tuy đều sử dụng lịch SaKa của Ấn Độ nhưng vẫn ăn tết vào tháng tư. Mỗi dân tộc đã chọn cho mình một loài hoa biểu trưng : hoa ban với người Thái ; hoa đào với người Việt, người Mông ; hoa Pơ-lang với người Tây Nguyên ; người Ma-lai-u ở các nước hải đảo gọi mùa tết là mùa Mu-sim bun-ga (mùa hoa)...

Ngày tết, người Lào, người Thái gọi là “Bun-pi mảy” (hội năm mới) ; người Khơ-me “Chôl chnăm thmây” (vào năm mới) ; người Mi-an-ma - Thingyan ; người In-đô-nê-xi-a - Tilem Kesanga, người Chăm - Rija Nugar...⁽¹⁾ Dù ngày tết có chịu ảnh hưởng đậm các nghi thức tôn giáo khác nhau, ví dụ, các nước theo Phật giáo như Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia,

(1) Xem: *Tết năm mới ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999

Mi-an-ma... đều đón tết ở chùa, tắm tượng phật, đắp núi cát, cầu kinh, làm lễ phóng sinh... ; các nước theo Hồi giáo tổ chức lễ tết Hari Raya sau một tháng ăn chay, đến cầu nguyện tại thánh đường... ; người Chăm phải làm lễ dâng y phục cho thần thánh, tổ tiên, v.v... nhưng tất cả đều có một điểm chung là cầu mưa, cầu phúc.

Với nhiều dân tộc trên thế giới, nước là biểu tượng cho sự sống và phương tiện tẩy uế, là nguồn lực khởi thủy của sự sinh sôi nảy nở. Nhưng với cư dân Đông - Nam Á làm nông nghiệp lúa nước thì “nhất nước nhì phân”, vào mùa phải cầu mưa. Tể nước là hình thức mô phỏng trời mưa được diễn ra sôi nổi trong ngày tết cổ truyền ở Đông - Nam Á. Vì thế người Lào còn gọi tết là “Bun hốt năm” (hội tể nước). Theo đó là những hình thức rước nước đem về tể lễ và ban phát cho mọi nhà. Người Tày đựng nước thiêng vào quả bầu, khi hành lễ thì phun nước làm mưa ; bên cạnh đó là các hình thức giao hoan kích dục thần linh. “Lạy trời lạy đất - ra nhiều nước nữa - cho ngô đều hạt - cho lúa đều bông...” (tụng ca của người Mông). Mưa cũng là biểu tượng của sự ban phúc. Cuối cùng, nước thanh khiết được người ta dùng để tẩy rửa bụi trần (kiểu tắm tất niên của người Việt) nhằm rửa sạch những gì nhơ bẩn không may mắn của năm cũ, để con người sạch sẽ bước sang năm mới với những mong ước tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Ở người Chăm, người ta cầu mưa bằng ma thuật xua đuổi thay vì cầu mong. Đó là nghi thức đập lửa - xua đuổi mặt trời và hát bài tụng ca người anh hùng đi biển và múa điệu chèo thuyền bằng mái chèo hay cây mía.

Ý nghĩa thiêng liêng của lễ giao thừa là cầu phúc. Người ta tin và hy vọng chu kỳ mới bắt đầu sẽ có sự thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Do đó phải lễ tạ thần linh. Trước đó người ta phải dọn sạch cửa nhà, vườn tược, chuẩn bị quần áo mới, sắm sửa lễ vật để đón

giao thừa ; trong đó đáng lưu ý là nghi lễ hiến tế, tức là tạ ơn trời đất những sản vật của mùa trước. Gạo là sản vật quý nhất nên được dùng để chế biến các thứ (bánh chưng, bánh tày, bánh tét, bánh dày, bánh cốm, bánh bồng...). Vật nuôi thì hiến tế bằng máu (được xem là phương tiện truyền dẫn sự sống, vật dẫn linh hồn) như máu gà, máu lợn, máu dê... tất cả đều thấm đượm nghi thức phồn thực (với các trò chơi động tác giã cối, giã chày, múa khiên - kiếm, đánh đu, thi đánh trống thủng, vào hang lên núi, v.v...) để cầu mong cho mùa màng tươi tốt. Người Việt mặc dù đã chấp nhận tết nguyên đán của văn hóa Trung nguyên nhưng vẫn bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa lúa nước Đông - Nam Á. Chỉ có điều nghi lễ cầu mưa đã mờ nhạt nhường chỗ cho nghi lễ cầu phúc, do đó việc thờ cúng ở cộng đồng được chuyển vào thờ cúng trong gia đình. Cũng như bao dân tộc khác ở Đông - Nam Á, đối với người Việt Nam tết vẫn là ngày lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc.

Ngày nay, cuộc sống đã đi vào hiện đại. Những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã làm cho đời sống vật chất của loài người thay đổi, nhiều hình thức vui chơi giải trí, nhiều sản phẩm văn hóa được kết hợp một cách tinh vi giữa nghệ thuật - kỹ thuật và kinh doanh có sức hấp dẫn mạnh mẽ, nhất là đối với lớp trẻ. Do đó phần nào họ đã không còn nhớ tới những nghi thức và phong tục của ngày tết xưa ; nhưng, trong tâm thức của họ, dù đi đâu về đâu vẫn háo hức mong chờ ngày tết để cùng được sum họp với gia đình, bạn bè, làng xóm vui chơi, nghỉ ngơi, thăm hỏi trong không khí thiêng liêng của những ngày đầu năm mới. Chắc chắn dư âm của ngày tết cổ truyền sẽ cùng với những truyền thống văn hóa tốt đẹp... luôn luôn được giữ gìn và phát huy không bao giờ phai mờ trong tâm khảm người Việt Nam ! □

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ A-LUN-MAY (LÀO) THĂM VIỆT NAM VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Nhận lời mời của Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn đại biểu Tạp chí A-lun-may, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, do đồng chí Xi-xúc Phi-la-vông, Tổng biên tập dẫn đầu đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam từ ngày 17-12 đến 26-12-2001.

Ngày 17-12-2001, Đoàn đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình hai nước và công tác của hai tạp chí ; trao đổi những kinh nghiệm hoạt động của hai tạp chí trong thời gian qua. Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, đã tiếp và chiêu đãi Đoàn. Ngày 18-12-2001, đồng chí Tổng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng đã tiếp và nói chuyện thân mật với Đoàn. Cùng dự buổi tiếp có đồng chí Nguyễn Tiến Hải, Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và đồng chí Phạm Văn Chương, Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương.

Trong thời gian ở Việt Nam, Đoàn đã đi thăm và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh. Các đồng chí đại diện Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và các tỉnh ủy đã tiếp đón, làm việc với Đoàn. □

CÙNG BẠN ĐỌC

Vừa qua, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao nhiệm vụ cho Tạp chí Cộng sản như sau : kể từ tháng 1-2002, **Tạp chí ra mỗi tháng ba kỳ** (Tạp chí từ hai số, nay là ba số một tháng). Trong ba số đó, số mới đề cập sâu hơn vào các chuyên đề lý luận và tổng kết thực tiễn, góp phần giải đáp những vấn đề bức xúc đang đặt ra và đặc biệt làm sáng tỏ, sâu sắc hơn các quan điểm của Đảng trong các Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Trung ương, Nghị quyết Bộ Chính trị, Ban Bí thư...

Trân trọng kính báo để bạn đọc, cộng tác viên được biết và kính mong nhận được sự cộng tác, giúp đỡ nhiều hơn nữa để Tạp chí Cộng sản hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bộ biên tập TCCS

Số này có sử dụng ảnh của : Hữu Nết, Nhất Linh và một số tác giả khác.



HAPROSIMEX

CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP

ĐC: 22 Hàng Lược - Hà Nội - Việt Nam

ĐT: +84.4.8251197 - 8257808 - 8283793 8251068 - 8244957 * Fax: +84.4.8264014

Websites: <http://www.haprosimex.com.vn> - <http://www.fpt.vn/Adv/Haprosimex.htm> * Email: hapex@hn.vnn.vn

Tổng giám đốc: Nguyễn Cự Tầm - Bí thư Đảng ủy: Vũ Tuấn Dũng

Chúc mừng năm mới - An Khang - Thịnh vượng

CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP (HAPROSIMEX) HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp (Haprosimex) là một đơn vị khá nổi bật trong "làng" doanh nghiệp làm xuất nhập khẩu ở Hà Nội và cả nước.

Từ chỗ là một công ty được thành lập trên nền tảng của Văn phòng liên hiệp sản xuất dịch vụ và XNK - TTCN với tổng số vốn ít ỏi là 275 triệu đồng. Đến nay Công ty đã có 2 xí nghiệp sản xuất hàng may mặc và mũ vải mềm xuất khẩu, 1 công ty liên doanh sản xuất hàng may xuất khẩu (với tổng số vốn đóng góp 49%), 1 chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, 5 phòng kinh doanh XNK, 3 phòng nghiệp vụ làm công tác quản lý kinh tế tài chính và văn phòng, nâng tổng số cán bộ CNV gần 3.000 người.

Để thích ứng và hội nhập được với cơ chế SXKD trong điều kiện thị trường trong và ngoài nước ngày càng cạnh tranh khốc liệt, Ban giám đốc Công ty đã phải thường xuyên củng cố, biên chế sắp xếp lại tổ chức tạo sự hợp lý giữa các phòng, ban, bộ phận, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh XNK và công tác quản lý hành chính. Là một công ty lấy hoạt động xuất khẩu làm nhiệm vụ chủ chốt, Ban lãnh đạo HAPROSIMEX đã thường xuyên tổ chức các đợt công tác nước ngoài để tham gia hội chợ, khảo sát mở rộng thị trường, tạo lập thêm nhiều đối tác nước ngoài mới. Lấy phương châm là đẩy mạnh công tác khai thác và mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, giữ vững uy tín trong kinh doanh, tạo được nhiều khách hàng truyền thống, Công ty thường xuyên có định hướng đầu tư phát triển SXKD, nâng cấp máy móc thiết bị, bổ sung trang bị máy móc hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực sản xuất, chuẩn bị các điều kiện để đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và hội nhập vào thị trường mới. Nhờ đó, suốt trong hơn 8 năm qua, kể từ khi thành lập đến nay, hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển với tốc độ phát triển năm sau cao hơn năm trước, có tích lũy chiều sâu để tái đầu tư mở rộng sản xuất, từ đó cải thiện đời sống và điều kiện làm việc của cán bộ CNV, thu hút được nhiều lao động, góp phần giải quyết lao động dôi dư trong xã hội.

Năm 2000 là năm đánh dấu bước đột phá trong xuất nhập khẩu của HAPROSIMEX với doanh số 759 tỷ 665 triệu đồng, đạt 138% kế hoạch năm, tăng 74% so với năm 99, kim ngạch xuất khẩu đạt 54,12 triệu USD đạt 135% kế hoạch năm, tăng 61% so với năm 1999 đưa tốc độ phát triển bình quân trong 5 năm (1996-2000) lên con số 36% năm. Điều đặc biệt, Công ty là đơn vị duy nhất đạt cả 5 chỉ tiêu thương xuất khẩu được Bộ Thương mại tặng bằng khen với mức thưởng cao nhất trong toàn quốc. Các sản phẩm chủ lực của Công ty như hàng dệt may, thủ công mỹ nghệ, nông sản... đã xuất sang được gần 50 nước trên thế giới thị trường như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Thổ Nhĩ Kỳ, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Úc...

Bước vào năm 2001, năm mà những biến động sâu sắc về kinh tế, chính trị của Thế giới đã làm ảnh hưởng mạnh mẽ, tiêu cực đến thị trường, khiến các công ty XNK trong nước gặp rất nhiều khó khăn, trong đó có HAPROSIMEX. Thị trường giá cả bị cạnh tranh gay gắt, giá gia công của hàng may mặc bị giảm từ 20 - 30%, giá hàng nông sản cũng sút giảm rất mạnh, có mặt hàng giảm trên 50%, đã kéo theo sự sút giảm về kim ngạch xuất khẩu của Công ty. Mặc dù vậy, tính đến hết năm 2001, doanh số thực hiện của Công ty ước đạt 550 tỷ đồng, kim ngạch XK 65 triệu USD, kim ngạch NK 50 triệu USD, thu nộp ngân sách thực hiện 18 tỷ đồng, thu nhập bình quân/người/tháng đạt 2.000.000 đồng (khối kinh doanh); 800.000 đồng (khối sản xuất - tăng 100.000 so với năm 2000). Năm 2001 cũng là năm Công ty đầu tư gần 20 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm đủ điều kiện hội nhập thị trường quốc tế.

Có được những thành tích kể trên, một phần khá cơ bản là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với mọi hoạt động SX-KD của Đảng bộ Công ty. Từ chỗ chỉ là một chi bộ với 13 đ/c Đảng viên, đến nay chi bộ đã trở thành một Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ vững mạnh với tổng số 72 Đảng viên. Bên cạnh việc chỉ đạo các hoạt động SX-KD Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng công tác phát triển Đảng viên mới trong đội ngũ cán bộ CNV cả về số lượng và chất lượng. Năm 2000, Đảng bộ phát triển được 10 đ/c Đảng viên mới, 6 tháng đầu năm 2001 kết nạp 10 đ/c, dự kiến đến hết năm 2001 phát triển thêm 20 đ/c. Đảng bộ đã được tặng bằng khen về công tác phát triển Đảng.

Nhờ thể hiện được vai trò lãnh đạo- chỉ đạo sáng tạo và gắn kết giữa công tác phát triển sản xuất kinh doanh và phát triển đảng viên, Công ty HAPROSIMEX thực sự là một doanh nghiệp nhà nước điển hình, một nhân tố khá quan trọng khích lệ các đơn vị trong và ngoài quốc doanh trên địa bàn Hà Nội và cả nước vững bước trên con đường tiến vào thị trường thế giới đem nguồn tài ngoại tệ mạnh về phát triển kinh tế đất nước.



Sản xuất quần áo xuất khẩu



Sản xuất mũ xuất khẩu





TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY XÂY LẮP HÓA CHẤT
CHEMICAL CONSTRUCTION INSTALLATION CORPORATION

Trụ sở chính : 124 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : 84.4.8236540 * Fax : 84.4.8432678 * E-mail : xlhc-ccic@hn.vnn.vn
Giám đốc - Bí thư Đảng ủy Công ty : KS Hà Quang Hồng



Trụ sở Công ty



Lắp đặt thiết bị tại công ty phân đạm hóa chất Hà Bắc



Chế tạo thiết bị ở xí nghiệp cơ khí xây lắp hóa chất

- Công ty Xây lắp Hóa chất có hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành. Là thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam ; có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán độc lập, hoạt động trong phạm vi cả nước.

- Trong quá trình phát triển của mình hơn 30 năm qua Công ty đã nhận thầu và tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị nhiều công trình công nghiệp, dân dụng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau có quy mô lớn, yêu cầu phức tạp như nhà máy Supe Lâm Thao, Supe Long Thành, Đạm Hà Bắc, Apatit Lào Cai, các nhà máy cán thép : VinaS, SSE Việt Hàn, Hòa Phát ; tham gia chế tạo, lắp dựng hệ thống tuyến đường dây truyền tải điện cao áp 500Kv, tuyến Viba quốc gia, sân vận động, công sở, khách sạn, trường học, các loại ống khói, silô kho chứa bằng bê tông cốt thép dùng phương pháp cốp pha trượt ; các dự án cấp nước sạch thành phố Quy Nhơn, thị xã Hưng Yên, nhà máy đường Kon Tum, Phú Yên... tại thủ đô Hà Nội, các thành phố lớn và các địa phương trên khắp mọi miền của đất nước.

- Quá trình phát triển của Công ty luôn gắn liền với sự đổi mới không ngừng về lực lượng kỹ thuật, công nghệ và tổ chức quản lý. Công ty có đội ngũ quản lý, kỹ sư, chuyên gia giàu kinh nghiệm thuộc các ngành xây dựng, cơ khí, điện, điện lạnh, cấp thoát nước... và lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề về xây dựng, lắp máy, điện, lắp ống công nghệ chịu áp lực cao và chế tạo cơ khí.

- Công ty có đủ khả năng nhận thầu tất cả các công trình có qui mô lớn, vừa, yêu cầu kỹ - mỹ thuật cao ; đầu tư kinh doanh và phát triển nhà ở phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu theo chủ trương của thành phố Hà Nội và Nhà nước.

Là một tổ chức kinh tế hoạt động trên lĩnh vực tư vấn đầu tư, thiết kế và xây lắp công trình Công ty mong muốn không ngừng mở rộng các mối quan hệ hợp tác và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.



Thi công công trình nhà máy cán thép Hòa Phát, Hải Phòng



CÔNG TY VIỄN THÔNG QUỐC TẾ

Địa chỉ : 12 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT : 84.04.8365967 FAX : 84.04.8357393



*Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Nhâm Ngọ
2002*

**QUÝ KHÁCH
SẼ THẤY HÀI LÒNG**

VỚI CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG QUỐC TẾ :

1. Điện thoại quốc tế :

- Gọi tự động (IDD)
- Gọi 171 quốc tế (VoIP quốc tế)
- Gọi qua điện thoại viên :
 - Gọi số
 - Tìm người
 - Giấy mời
 - Dịch vụ 142

- HCD (Home Country Direct)

2. Facsimile, Telex, Điện báo quốc tế

3. Kênh thuê riêng đi quốc tế (IPLC)

4. Thu, phát hình quốc tế.

**5. VSAT : Kênh liên lạc trực tiếp qua vệ tinh
với Anten cỡ nhỏ.**

VTI

CẦU NỐI CÁC BẠN VỚI THẾ GIỚI.



*Cán bộ kỹ thuật Công ty VTI lắp đặt VSAT
phục vụ các chiến sỹ Trường Sa*

Xin liên hệ đến các địa chỉ sau :

Khu vực phía Bắc :

Trung tâm Viễn thông Quốc tế khu vực 1

57 - Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại : (04) 8354405. FAX : (04) 8410009

Khu vực phía Nam :

Trung tâm Viễn thông Quốc tế khu vực 2

142 - Điện Biên Phủ, Q1 - TP. HCM.

Điện thoại : (08) 8298238. FAX : (08) 8228845

Khu vực Miền Trung :

Trung tâm Viễn thông Quốc tế khu vực 3

3B - Lý Tự Trọng, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : (0511) 820075. FAX : (0511) 822242

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

VINAPCO



NƠI CHỌN MẶT GỬI VÀNG



Tel : (04) 8272316

8272318

Fax : (04) 8272317

Website : www.vinapco.com.vn

E-mail : vinapco@hn.vnn.vn



CÔNG TY CẦU 7 THĂNG LONG

đơn vị Anh hùng

Giám đốc : Kỹ sư LÊ THANH HÀ
Trụ sở chính : 112 - Đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Tel : (84.4) 7.544.737, 7544491 Fax : (84.4) 8.363.904 E-mail: Brico7@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI MIỀN NAM :

64/717 Đường Nguyễn Oanh Phường 17, quận Gò Vấp TP Hồ Chí Minh
Tel : (84.8) 8951094 Fax : 84.88951507

Công ty cầu 7 Thăng Long được thành lập ngày 16 tháng 10 năm 1954.
Thành lập lại DNNN (Quyết định 507/QĐ-TCCB-TL ngày 27/3/1993 của Bộ GTVT)

THIẾT BỊ THI CÔNG NỀN MÓNG

- Máy khoan cọc nhồi 600 mm đến 2 000 mm
- Loại gầu xoay ED 400aDE 5 500
- Loại ruột gà D60 KP - D80 KP
- Tổ hợp khoan đá vận hành ngược : TRC65
- Tổ hợp khoan đá vận hành thô
- Máy khoan địa chất BTC 150
- Búa đóng cọc các loại

THIẾT BỊ BÊ TÔNG

- Trạm trộn bê tông 45
- Xe vận chuyển bê tông tự hành
- Xe bơm bê tông 80 m³/giờ

CÁN CẦU (SỨC NANG 15 - 100 TẤN)

- Cầu thủy lục TADANO - TR250
- Cản cầu nga K162
- Cản cầu bánh xích IH5CH400
- Cản cầu nổi 30 - 100 tấn

THIẾT BỊ LÂM ĐẤT

- Máy xúc các loại 0,7.1m³-2m³
- Máy ủi 75 - 100 CV
- Đoàn ôtô tự đổ các loại
- Các thiết bị phục vụ thi công khác
- Các loại máy phát điện
- Kịch căng kéo cốt thép các loại



▲ Trụ sở công ty



◀ Cầu Khe Rinh đường Hồ Chí Minh I trong những cây cầu lớn sẽ được công ty hoàn thành trong năm 2001



CÔNG TY

May 10

GARMENT COMPANY 10

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN SÀI ĐỒNG - GIA LÂM - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : 84.4.8276923 - 8276396 * FAX : 84.4.8276925



- ♦ LÀ MỘT DOANH NGHIỆP MAY LỚN CÓ TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN
 - ♦ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ
 - ♦ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM RỘNG LỚN HUNGARI, HÁN QUỐC, NHẬT BẢN, EU, CANADA, MỸ...
 - ♦ CÔNG TY LẤY TIÊU CHUẨN XUẤT KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU THỤ TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA.
- TỪ NĂM 1992 TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG HÀNG NĂM CỦA CÔNG TY ĐẠT XẤP XÌ 30%

Hàng năm CÔNG TY MAY 10 được tặng nhiều HUY CHƯƠNG VÀNG và BẠNG KHEN tại các hội chợ thương mại, hội chợ hàng công nghiệp trong nước và quốc tế.

Chúc mừng năm mới

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I
CÔNG TY KỸ NGHỆ THỰC PHẨM 19-5**



Tên giao dịch quốc tế : 19-5 FOODSTUFFS COMPANY

Địa chỉ : Thị xã Sơn Tây - Hà Tây

Tel : 034.832061 - 832112 Fax : 034-832613

Thành lập : 27-12-1968 - Là doanh nghiệp nhà nước

Tổng số CBCNV : Hơn 300 người - Tổng số đảng viên : 88

- * Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng I, II, III
- * Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
- * Đảng bộ : Nhiều năm đạt danh hiệu : Đảng bộ trong sạch, vững mạnh

- Các sản phẩm chính : Glucoza - Bánh kẹo - Nước giải khát - In bao bì thực phẩm

- Sản phẩm Glucoza được sản xuất theo công nghệ Sinh học đạt tiêu chuẩn được diễn phục vụ cho nhu cầu dân sinh và y tế.

Hiện nay Công ty Kỹ nghệ thực phẩm 19-5 đang được Tổng Công ty Mía đường I và Bộ Nông nghiệp và PTNT củng cố, đầu tư phát triển trở thành một trung tâm chế biến công nghệ thực phẩm và nông sản phía tây bắc thủ đô Hà Nội.

Nhân dịp năm mới : Xuân Nhâm Ngọ.

Kính chúc Quý khách An khang - Thịnh vượng !

GIÁM ĐỐC KIỂM BÍ THƯ
ĐẢNG ỦY CÔNG TY
Nguyễn Văn Hồng



Trụ sở Công ty



**CÔNG TY BÊ TÔNG - XÂY DỰNG HÀ NỘI
HANOI CONCRETE-CONSTRUCTION COMPANY**

Địa chỉ : xã Đông Ngạc - huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 8.361 997 - 8. 361 998 - 8. 389 390 Fax : (84-4) 8. 389 283

VIBEX

ISO 9002 và truyền thống 40 năm xây dựng, trưởng thành luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm :

Chất lượng - Hiệu quả



Cọc bê tông ly tâm cốt thép DUL



► Sản phẩm
ống nước
Varieties
of pipes

HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH!

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TỘC

Địa chỉ : 19 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội. Điện thoại : 04. 8263070

Thành lập theo Quyết định số 87/QĐ-BVH ngày 20 tháng 7 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin).

1/ Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà xuất bản

* Ban Giám đốc :

- + Giám đốc : Phó giáo sư, tiến sĩ Hoàng Nam
- + Phó Giám đốc : Họa sỹ Nguyễn Phúc Dự
- + Phó Giám đốc : Cử nhân Lê Văn Tuyển

* Các phòng ban :

- + Ban biên tập sách
- + Ban biên tập mỹ thuật
- + Phòng Tổ chức - Hành chính
- + Phòng Kế hoạch - tài vụ :
- + Phòng kinh doanh phát hành
- + Xưởng in
- + Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

2/ Chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản :

* Chức năng :

- Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa của các dân tộc.
- Nâng cao dân trí đồng bào các dân tộc thiểu số.

* Nhiệm vụ :

+ Theo chức năng : bảo tồn, phát huy di sản văn hóa của các dân tộc, có các nhiệm vụ sau :

- Giới thiệu văn hóa tổng thể từng dân tộc.
- Giới thiệu phong tục tập quán của các dân tộc.
- Giới thiệu văn học dân gian các dân tộc.
- Giới thiệu những sáng tác mới về dân tộc và miền núi.

+ Theo chức năng cao dân trí đồng bào các dân tộc, có các nhiệm vụ sau :

- Tuyên truyền về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền chính sách dân tộc.
- Tuyên truyền về ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, làm giàu cho gia đình, cho cộng đồng.
- Tuyên truyền về nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.
- Tuyên truyền về phòng, chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh, trật tự cộng đồng.

+ Nhiều sách thuộc chức năng nâng cao dân trí đồng bào dân tộc thiểu số được xuất bản với hình thức sách mỏng, chữ to, ít chữ, nhiều hình (tranh, ảnh minh họa), câu văn đơn giản, dễ hiểu, có chữ dân tộc và sử dụng hình tượng nghệ thuật dân tộc.

3/ Kết quả sản xuất năm 2001, song song với việc hoàn thành kế hoạch đơn vị còn thực hiện nhiệm vụ đột xuất như sản xuất và cấp phát sách, văn hóa phẩm cho các xã miền núi đặc biệt khó khăn và vùng dân tộc trọng điểm.

- Ấn phẩm : 91 500 bản sách

38 600 bản văn hóa phẩm

3 090 băng video

- Đối tượng nhận ấn phẩm

2 488 xã dân tộc và miền núi

304 trung tâm thông tin lưu động huyện

198 trường dân tộc nội trú

Những ấn phẩm trên được chuyển đến tận nơi, qua đường bưu điện trước Tết Nhâm Ngọ.

CÔNG TY KHÓA VIỆT TIỆP



CÔNG TY
Khoá Việt-Tiếp

Công ty khóa Việt - Tiếp: Thị trấn Đông Anh - Hà Nội. ĐT: 04.8832442; Fax: 04.8832201
E-mail: KhoáViệtTiếp@tpt.vn Website: http://www.KhoáViệtTiếp.com.vn



ISO 9002 **HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO**
VIETNAMESE HIGH QUALITY PRODUCT

CHẤT LƯỢNG 2001

Chúc mừng năm mới



TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

Số 9 - Đường Cách mạng Tháng Tám - Thành phố Cần Thơ - ĐT : (071) 811350, 829236, 826072



I/ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

❖ Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ là cơ sở đào tạo bậc Trung học chuyên nghiệp các ngành Kinh tế - Kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cần Thơ và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

❖ Các ngành, chuyên ngành đào tạo (chính quy ; tại chức ngày, đêm)

- Trồng trọt - Bảo vệ thực vật
- Chăn nuôi - thú y
- Nuôi trồng thủy sản
- Chế biến nông sản
- Chế biến thủy sản
- Quản lý đất đai
- Khuyến nông
- Kế toán doanh nghiệp các ngành sản xuất
- Kế toán hành chính sự nghiệp
- Tin học - kế toán
- Nghiệp vụ thuế
- Quản lý ngân sách NN
- Bảo hiểm

❖ Bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề các ngành học trên.

❖ Bồi dưỡng Tin học căn bản, Tin học văn phòng.

❖ Liên kết đào tạo đại học các ngành quản lý đất đai, bác sĩ thú y, nông học...

II/ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẬC TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

Trường tuyển sinh 2 hệ : tốt nghiệp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

❖ Hệ tuyển tốt nghiệp trung học cơ sở : Thời gian đào tạo 3 năm, trong đó :

- Học văn hóa các môn : Văn, Tiếng Việt, Toán, Lý, Hóa, Sinh, Ngoại ngữ tương đương Trung học phổ thông.
- Học chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ theo từng chuyên ngành đào tạo.

Tốt nghiệp được cấp bằng trung học chuyên nghiệp quốc gia (đủ điều kiện thi tuyển vào các trường đại học).

❖ Hệ tuyển tốt nghiệp trung học phổ thông : Thời gian học 2 năm. Tốt nghiệp được cấp bằng Trung học chuyên nghiệp quốc gia có thể xin việc làm trong các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hoặc tự sản xuất, kinh doanh, hành nghề chuyên môn.

III/ THỦ TỤC NHẬP HỌC

❖ Hàng năm, vào đầu tháng 5 trường có thông báo tuyển sinh gửi về các Phòng Giáo dục Đào tạo và các Trường trong tỉnh, đầu tháng 8 thi tuyển sinh và tháng 9 nhập học.

Học sinh muốn dự tuyển phải nộp hồ sơ tại Phòng Giáo dục đào tạo các huyện hoặc nộp tại trường.

❖ Học sinh diện chính sách, học sinh học giỏi sẽ được xét cấp học bổng. Ký túc xá ưu tiên cho học sinh diện chính sách, học sinh vùng sâu vùng xa.

❖ Các lớp tại chức ban đêm, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề... khi tuyển trường sẽ thông báo.

Xin liên hệ :

TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

- Phòng đào tạo: ĐT (071) 826072

- Bộ phận công tác học sinh 071.761711

CÔNG TY CAO SU PHÚ RIỀNG



ĐỊA CHỈ CÔNG TY : XÃ PHÚ RIỀNG - HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BÌNH PHƯỚC
ĐIỆN THOẠI : 0651. 777767 - 0651. 777715 - FAX : 84.0651. 777758 - 777512

Giám đốc
HÀ NGUYÊN CÁT



Văn phòng công ty



Công nhân cao mủ



➤ Diện tích cao su :

18.500ha

(trong đó 16.000ha đang khai thác)

➤ Sản lượng :

20.000 tấn

Công ty hân hạnh đón chào và ký hợp đồng mua bán sản phẩm mủ cao su với phẩm chất tốt, giá thành hợp lý ; sẵn sàng ưu tiên với quý khách hàng liên doanh, liên kết xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng từ sản phẩm mủ cao su.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐỒNG THÁP

Địa chỉ : Đường Phạm Hữu Lầu - phường 6 -

thị xã : Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (067) 881745 Fax : (067) 881713

Hiệu trưởng : Nhà giáo ưu tú, thạc sĩ Lê Hiền Dương



Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp là trường đa cấp, đa hệ. Từ buổi đầu thành lập cơ sở vật chất và giáo viên đứng lớp hầu như không có gì. Đến nay, trường đã có một cơ ngơi gồm nhiều công trình đã và đang xây dựng trên diện tích gần 20 ha, với một đội ngũ giáo viên giảng dạy và cán bộ quản lý đang từng bước trưởng thành.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên :

Hiện nay nhà trường có 166 công chức với 127 cán bộ giảng dạy. Số cán bộ giảng dạy có trình độ trên đại học chiếm 32%, trong năm học này (2000 - 2001) nhà trường đang có 3 nghiên cứu sinh, 20 người đang tiếp tục theo học Cao học.

- Qui mô đào tạo :

+ Hệ đại học chính qui : 518 SV

+ Hệ CĐSP đào tạo giáo viên THCS : 1549 SV

+ Hệ CĐSP đào tạo giáo viên tiểu học : 649 SV

+ Hệ THSP (12 + 2) đào tạo giáo viên mầm non : 149 SV

- Sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, Trường CĐSP Đồng Tháp đã có những chuyển biến đáng kể. Nhà trường vẫn tiếp tục ổn định và phát triển, đồng thời với việc mở rộng qui mô đào tạo, nhà trường đã có những điều chỉnh để phù hợp với những điều kiện thực tế, cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực của tỉnh.



- Hiện nay nhà trường đang tạo đủ các loại hình giáo viên phổ thông, đặc biệt là giáo viên Tiểu học, Nhạc, Họa, Tin học.

- Trong những năm qua trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh nhà. Hằng năm, nhà trường có trên 80% sinh viên tốt nghiệp bổ sung vào đội ngũ giáo viên phổ thông của tỉnh.

- Thành tích đã đạt được :

+ Huân chương lao động hạng 2 - năm 1997

+ Huân chương lao động hạng 3 - năm 1985

+ Nhiều cờ thưởng, bằng khen, giấy khen của Chính phủ, Bộ GD-ĐT, Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn, UBND tỉnh Đồng Tháp khen thưởng nhà trường, đơn vị và cá nhân.





NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development

XUÂN 2002 - NHÂM NGỌ

AgriBank

*Kính chúc quý khách năm mới
an khang, thịnh vượng*

SEASON'S GREETINGS AND BEST WISHES FOR A NEW YEAR

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chairman of the Board of Directors

NGUYỄN QUỐC TOẢN

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director

LÊ VĂN SỎ

Head Quarters : No.2 Lang Ha Str., Ba Dinh, Ha Noi,
Tel : (84-4) 8 313 776 - 8 313 733 ; Fax : (84-4) 8 313 717 - 8 313 719
SWIFT : VBAAVNVX ; Email : ghqt@fpt.vn



CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC NORTHERN AIRPORTS AUTHORITY

Tên viết tắt : NAA

Là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích ;
Gồm các Cảng hàng không :

- Cảng hàng không quốc tế Nội Bài
- Cảng hàng không quốc tế Điện Biên - Lai Châu
- Cảng hàng không Cát Bi - Hải Phòng
- Cảng hàng không Vinh - Nghệ An
- Cảng hàng không Nà Sản - Sơn La

Trụ sở đặt tại : Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Sóc Sơn - Hà Nội

Điện thoại : 8865047 Fax : (84-4) 8865540

Tổng giám đốc : PHẠM QUÝ TIỂU

Cụm cảng hàng không miền Bắc không ngừng đầu tư phát triển thành một hệ thống Cảng hàng không hoàn chỉnh, phục vụ đắc lực cho chiến lược ổn định phát triển kinh tế, chính trị của các tỉnh miền Bắc ; Trong đó nhà ga hành khách T1 đã được xây dựng, và đưa vào khai thác phục vụ hành khách từ 10/10/2001 ; nhà ga có dây chuyền công nghệ hiện đại, luồng khách đi và đến độc lập bởi hai cao trình, hành khách tiếp cận nhà ga qua hệ thống ống lồng ; Diện tích sử dụng 91.000 m², được trang bị 19 hệ thống kỹ thuật tự động và bán tự động, công suất phục vụ 6 triệu khách năm. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu về dịch vụ hàng không, trong nhà ga được bố trí các khu vực dịch vụ thương nghiệp phục vụ hành khách như khu bán hàng lưu niệm, miễn thuế, nhà hàng ăn uống, khu vui chơi giải trí cho người lớn và trẻ em...

Trong những năm cuối thập niên của thế kỷ XX Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đã, sẽ trở thành một Trung tâm trung chuyển Hàng không lớn của khu vực và thế giới.





CÔNG TY GIẤY VIỆT TRÌ



Phó bí thư, Chủ tịch tỉnh Phú Thọ trao quyết định
gắn biển công trình chào mừng 110 năm ngày thành
lập Tỉnh. Hệ thống xử lý nước thải tại công ty.



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng II

NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

16 000 tấn/năm (2001) : 30.000 tấn/năm (2002)

MẶT HÀNG:

* Giấy in, viết, vẽ - Định lượng : 50-100g/m²

Độ trắng : 70 - 83° ISO

* Giấy kẻ tập, vở học sinh các loại

* Giấy polylux trắng, màu

* Giấy Duplex trắng, vàng

* Giấy tráng phân bón mặt công nghệ tiên tiến

Định lượng : 80-350g/m²

Sản phẩm dạng cuộn hoặc đóng ram

* Quy cách thỏa mãn theo yêu cầu của khách hàng

* Giấy vệ sinh chất lượng cao, sản phẩm ở dạng cuộn

* Khăn giấy các loại với kích cỡ phong phú phục vụ nhu
cầu sinh hoạt và công việc nội trợ.



Hệ thống máy cắt giấy hai dao



Trụ sở Công ty

Địa chỉ : Phường Thanh Miếu - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ

Điện thoại : 0210.846702 - 843227

Fax : 0210.8. 851109

Văn phòng đại diện : 63 Phan Phù Tiên - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại : 047334303

Giám đốc Công ty : Kỹ sư Đỗ Văn Chức

Hân hạnh được phục vụ quý khách

VIỆN NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ VIỆT NAM

Địa chỉ : 59 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

Điện thoại : (04) 9423479 - Fax : (04) 9424133 ; E-mail : hq.vaec@hn.vnn.vn

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

VIỆN TRƯỞNG : TS. VƯƠNG HỮU TẤN

① ① ①

Các thành tích nổi bật trong những năm gần đây :

- ♦ Khôi phục, nâng cấp và vận hành an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt phục vụ sản xuất đồng vị phóng xạ, phân tích kích hoạt, nghiên cứu và đào tạo.

- ♦ Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện dự án nghiên cứu tiền khả thi về việc đưa nhà máy điện hạt nhân đầu tiên vào Việt Nam và xây dựng chương trình dài hạn phát triển năng lượng nguyên tử ở Việt Nam

- ♦ Ứng dụng các phương pháp hạt nhân trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác dầu, đánh giá chất lượng công trình, nâng cao chất lượng xi măng lò đứng.

- ♦ Phối hợp với một số viện nghiên cứu nông nghiệp sử dụng kỹ thuật hạt nhân để tạo ra một số giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng thích ứng rộng.

- ♦ Hỗ trợ xây dựng và phát triển mạng lưới y học hạt nhân trong cả nước, phục vụ có hiệu quả cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh, thực hiện việc kiểm chuẩn và đảm bảo an toàn bức xạ cho các cơ sở xạ trị trong cả nước.

- ♦ Sử dụng các kỹ thuật hạt nhân để nghiên cứu ô nhiễm môi trường và ứng dụng các phương pháp xử lý môi trường.

- ♦ Các hoạt động chuyển giao công nghệ, triển khai kỹ thuật và dịch vụ thu được nhiều kết quả, được xã hội thừa nhận. Dự án "Chuyển giao công nghệ khử trùng bằng bức xạ" là một dự án điển hình về chuyển giao công nghệ mới vào Việt Nam, thiết thực phục vụ cho chương trình xuất khẩu hải sản của Việt Nam. Một số sản phẩm truyền thống của Viện đã có uy tín với thị trường như : ôxít kẽm, chất ổn định nhiệt, các đồng vị phóng xạ cho y tế.

- ♦ Tham gia đào tạo đại học và sau đại học cho ngành hạt nhân.

- ♦ Thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế về sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình với : Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế, Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Canada, Argentina...



Trụ sở của Viện (59 Lý Thường Kiệt)



*TT nghiên cứu và triển khai Công nghệ bức xạ
(TP HCM)*



Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt

**Mừng xuân Nhâm Ngọ Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam
Kính chúc quý vị một Năm mới an khang thịnh vượng**



TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM - VINACONEX

CÔNG TY XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC - WASENCO

Trụ sở chính : 52 Quốc Tử Giám - quận Đống Đa - Hà Nội * Tel : (04) 7.472.982 - 7.474.748 * Fax : (04) 8.431.3



Trụ sở Công ty

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- ☐ Xí nghiệp Xây lắp CTN 101
- ☐ Xí nghiệp Xây lắp CTN 102
- ☐ Xí nghiệp Xây lắp CTN 104
- ☐ Xí nghiệp khoan khai thác nước ngầm
- ☐ Các chi nhánh tại
TP. Hồ Chí Minh,
TP. Đà Nẵng,
TP. Hải Phòng
- ☐ Các đội công trình trực thuộc
- ☐ Huân chương Lao động hạng II
- ☐ 03 Huân chương Lao động hạng I

● Công ty Xây dựng cấp thoát nước - WASENCO là doanh nghiệp Nhà nước hạng 1, được thành lập theo Quyết định số 501/BXD-TC ngày 28/10/1975 và Quyết định thành lập số 156A/BXD-TCLĐ ngày 5/5/1993 của Bộ trưởng BXD. Từ cuối năm 1996, Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty VINACONEX, theo Quyết định 978/BXD-TCLĐ, ngày 11/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

● Trải qua 26 năm xây dựng và phát triển, đến nay với đội ngũ CBNV kỹ thuật được đào tạo toàn diện có năng lực chuyên môn cao, các thiết bị máy móc chuyên ngành và phương thức điều hành công nghiệp tiên tiến, Công ty Xây dựng cấp thoát nước có đủ khả năng thi công nhiều loại hình công trình cấp thoát nước, công ty công nghiệp, dân dụng quy mô lớn, hiện đại trong nước và quốc tế. Đặc biệt là các dự án cấp thoát nước các thành phố lớn, các đô thị và khu công nghiệp.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I CÔNG TY KINH DOANH DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU

**ĐỊA CHỈ : SỐ 17- MẠC THỊ BUỒI - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI : (04) 6360680 - FAX : (04) 6363113**

Giám đốc : TRẦN VĂN KHÁNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ kỹ thuật Mía đường, cung ứng vật tư, hàng hóa phục vụ công nghiệp chế biến đường.

- Xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm do Tổng công ty sản xuất và kinh doanh ; Nhập khẩu trực tiếp các nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phục vụ sản xuất, chế biến ngành mía đường, tư liệu sản xuất và tiêu dùng.

- Kinh doanh Dịch vụ rượu, bia, nước giải khát ; Tư vấn đầu tư xây lắp, sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng phát triển mía đường và dân dụng.

- Liên kết, sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến, cung ứng, trồng trọt giống cây trồng, vật nuôi, kinh doanh vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).

- Lập dự án điều tra, quy hoạch, khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn đầu tư - xây dựng, thiết kế, lập tổng dự toán, giám sát thi công, lắp đặt thiết bị, thi công XD, tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu...

- Mua sắm, thẩm định dự án đầu tư XD, thẩm định thiết kế, dự toán các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy lợi, thủy sản, dân dụng, công nghiệp, vệ sinh môi trường, xử lý các chất phế thải, cải tạo môi trường, môi sinh...



Trụ sở Công ty

KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG !

Chúc mừng
Năm mới!
VIGLACERA

XUÂN NHÂM NGỌ

Gạch men
Viglacera



CÔNG TY GẠCH ỐP LÁT HÀ NỘI

HANOICERAMICTILESCOMPANY

www.ceramic.vn.com



ISO 9002



LILAMA 45-1

Công ty lắp máy 45-1

đã được cấp chứng chỉ
quốc tế ISO - 9002 & ASME



ISO - 9002



ASME
CERTIFICATES OF AUTHORIZATION



*Kính chúc quý khách năm mới
an khang thịnh vượng*

- Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-1 là Công ty hàng đầu của ngành Lắp máy Việt Nam về chế tạo và lắp đặt thiết bị.
- Chuyên nhận thầu xây lắp trọn gói các công trình công nghiệp dân dụng, cơ sở hạ tầng với chất lượng cao.
- Công ty có đủ khả năng nhận thầu tự thiết kế, cung cấp, chế tạo lắp đặt kết cấu thép, thiết bị công nghệ cho nhà máy thủy điện, nhiệt điện, hóa chất, dầu khí, thực phẩm, vật liệu xây dựng... các loại bồn bể có dung tích lớn, bình áp lực, bình chứa khí gas hóa lỏng (LPG)... theo tiêu chuẩn quốc tế, với chất lượng cao.

Địa chỉ liên hệ :

* Trụ sở :

140 Điện Biên Phủ, quận I, TPHCM

Điện thoại : 8297527 - 8201124 fax : (84.08) 8201455

E.mail : lapec451@hcm.fpt.vn - www.ec45-1.com





HAPROSIMEX
XÍ NGHIỆP

MAY XUẤT KHẨU THANH TRÌ

Địa chỉ: Km 11 - Quốc lộ 1A - TT. Văn Điển - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8615334/8614239/8615551 * Fax: (84-4) 8615390

E-mail: hapro@fpt.vn * Website: www.hapro.com.vn



ISO 9002



Trụ sở Công ty



Toàn cảnh phân xưởng sản xuất

Chúc Mừng Năm Mới



CÔNG TY

NGUYÊN LIỆU GIẤY VĨNH PHÚ

Địa chỉ : Phù Ninh - Phong Châu - Phú Thọ

Điện thoại : 0210.829159 - Fax : 84.210.829385

Tổng giám đốc : TẠ VĂN CHUNG

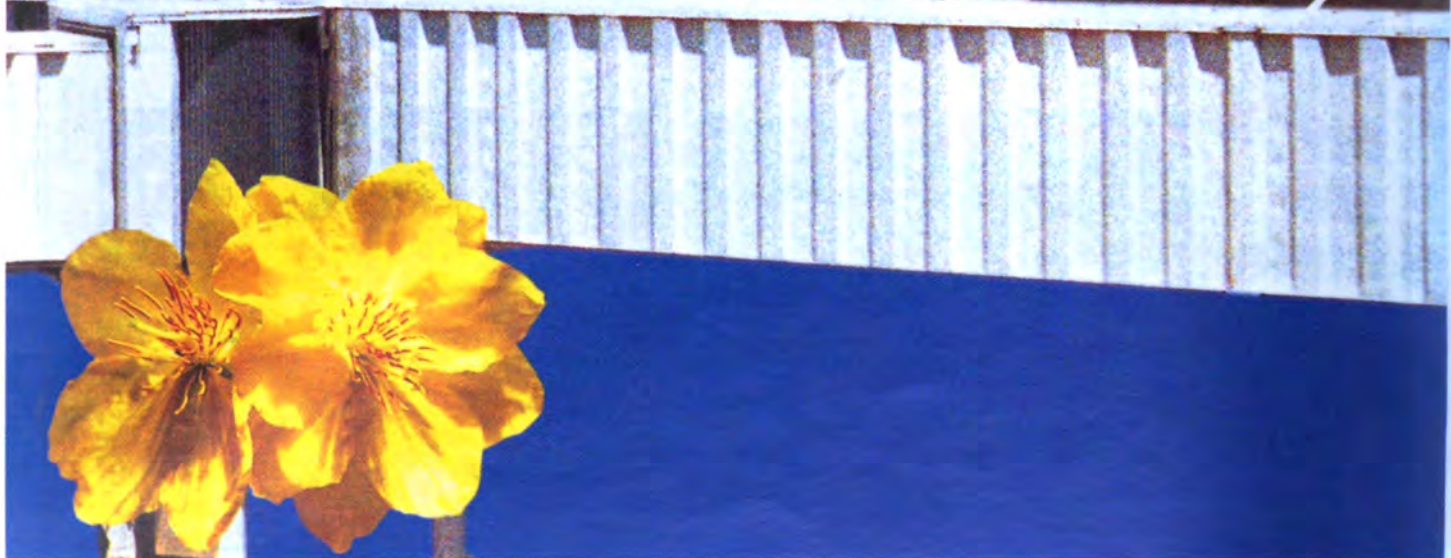
Chúc mừng năm mới

Xuân Nhâm Ngọ

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

KÍNH CHÚC QUÍ KHÁCH NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Trụ sở: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 8485383 Fax: (84-8) 8445127





BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH GIÁ MIỀN NAM
The Southern Information and Valuation Center
 154 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84.8) 8290266 – 8256470 Fax: 84.8.8227203 Email: sivec@hcm.vnn.vn

Trung Tâm Thông Tin & Kiểm định giá Miền Nam thuộc Ban Vật Giá Chính Phủ được thành lập theo quyết định số 108/ 1999/ QĐ - BVGCP ngày 09 - 09 - 1999 và quyết định số 99 - 1999/ QĐ - BVG CP ngày 11 - 09 - 1999 về ban hành điều lệ hoạt động của Trung tâm Thông tin và Kiểm định giá Miền Nam.



Chức năng & nhiệm vụ

Tổ chức thực hiện dịch vụ tư vấn và kiểm định giá đối với tài nguyên, tài sản bao gồm động sản và bất động sản, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa, lực lượng vũ trang và công dân...Dùng để làm cơ sở pháp lý, nguồn gốc pháp định nhằm phục vụ: Cổ phần hóa, liên doanh góp vốn đầu tư, để thành lập hoặc giải thể đối với các doanh nghiệp, để mua bán, chuyển nhượng, thế chấp vay vốn tín dụng ngân hàng, tính thuế, bảo hiểm, xử lý tài sản trong các vụ án...

Tổ chức các hoạt động nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật về thẩm định giá, kinh tế thị trường giá cả, Marketing, quản trị kinh doanh. Tổ chức hội thảo phổ biến kiến thức, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và nâng cao trình độ về kiểm định giá, nghiệp vụ kinh tế thị trường và quản trị kinh doanh.

Tổ chức thu nhập, xử lý, cung cấp thông tin và tư vấn về thị trường, giá cả tài sản, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng. Thực hiện các dịch vụ tư vấn, chuyển giao các kết quả nghiên cứu, các công nghệ tiên bộ, các cơ sở luận chứng kinh tế – kỹ thuật và quản lý kinh tế, các dịch vụ thương mại khác như : Giới thiệu cung cầu hàng hóa, tiền vốn lao động.

Xuất bản các ấn phẩm thông tin bằng tiếng Việt – tiếng Anh về thông tin liên quan đến thị trường giá cả, các loại sách báo, tạp chí mang tính chất thông tin – nghiên cứu về khoa học thẩm định giá, kinh tế thị trường giá cả, Marketing và quản trị kinh doanh.





CÔNG TY DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

PETROLEUM TECHNICAL SERVICES COMPANY (PTSC)

Trụ sở: 154 Nguyễn Thái Học - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 7336588 (5 đường) * Fax: (84-4) 7336578/89 * Email: ptsc.han@pt.vn

Chúc Mừng Năm Mới



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

I/ Dịch vụ hàng hải:

Cung cấp các loại tàu dịch vụ dầu khí bao gồm: tàu dịch vụ kéo thả neo, tàu lai dắt, tàu trục cứu hộ, tàu hộ tống và bảo vệ, tàu cứu hỏa, tàu lặn, tàu chở dầu sản phẩm, tàu phục vụ xây lắp công trình biển, tàu khảo sát địa chất công trình và ROV

Dịch vụ khảo sát ngoài biển

Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải

II/ Dịch vụ hậu cần:

Cung cấp các căn cứ, cảng dịch vụ dầu khí và các loại hình dịch vụ kỹ thuật hậu cần tại Vũng Tàu, Đà Nẵng và Hải Phòng

Dịch vụ mua bán và cung cấp các loại vật tư thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí

Dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa

Dịch vụ vận tải đường bộ

Dịch vụ kho ngoại quan

Dịch vụ chế biến xuất ăn dầu khí, cho thuê văn phòng, khách sạn và các dịch vụ có liên quan khác

III/ Cung cấp nhân lực chuyên ngành dầu khí:

Công nhân làm việc trên các công trình khai thác dầu khí, phương tiện nổi phục vụ dầu khí, chuyên gia kỹ thuật dầu khí...

IV/ Vận chuyển và lắp đặt các công trình trên biển

VI/ Gia công, lắp ráp chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí

VI/ Vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí

VII/ Kinh doanh và vận chuyển các sản phẩm dầu khí

VIII/ Sản xuất và kinh doanh nước khoáng Tiên Hải



KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH NĂM MỚI
AN KHANG THỊNH VƯỢNG

CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Kính mời Quý khách đến với 2 Khu du lịch nổi tiếng:

ĐẦM SEN - VÀM SÁT

CÔNG VIÊN VĂN HÓA ĐẦM SEN

DU XUÂN ĐẦM SEN TUNG BỪNG LỄ HỘI HOA XUÂN:

Cả Đầm Sen là một rừng hoa muôn sắc như Mai vàng, Hoa lan, Hoa hồng...

NHIỀU CÔNG TRÌNH NGHỆ THUẬT HẤP DẪN:

NHÀ BĂNG TUYẾT: Một quang cảnh tuyệt vời lần đầu có tại Việt Nam (tuyệt thật) và những cảnh Băng Đăng tuyệt đẹp.

TÂY DU KÝ: Con đường phố Đường Tăng thành kinh của Tôn Ngộ Không đầy hấp dẫn.

KHU THIẾU NHI MỚI: Với nhiều trò chơi mới lạ.

LÀNG ẨM THỰC - CÁC TRÒ CHƠI DÂN GIAN

Sân khấu có mái che lớn nhất Việt Nam với các chương trình ca nhạc sôi nổi, độc đáo.

Cùng rất nhiều nội dung mới lạ - hấp dẫn - đặc sắc không thể bỏ qua.

Công Viên Văn Hóa Đầm Sen

Số 03 Hòa Bình - F.3 - Q.11 - TP.HCM . ĐT : 8.841195 - 9.634963

KHU DU LỊCH SINH THÁI VÀM SÁT

Một phần đẹp nhất của khu du lịch sinh quyển thế giới thuộc Huyện Cần Giờ TP. HCM.

- + Một vùng rừng ngập mặn bạt ngàn bao quanh những dòng sông, kênh rạch êm đềm.
- + Với Đầm Dơi - Đầm Sấu - Tràm Chim có.
- + Dịch vụ câu cá, câu tôm, cua.
- + Các món ăn đặc sản. Nhà nghỉ thoáng mát.
- + Phương tiện vận chuyển thuận lợi.

Một chuyến du lịch dã ngoại lý thú, bổ ích khám phá nhiều mới lạ đang chờ đón Quý khách.

Xin liên hệ:

- Phòng du lịch Công ty Dịch Vụ Du Lịch Phú Thọ . ĐT : 8.655649

- Khu Du lịch Vàm Sát - Xã Lý Nhơn - Huyện Cần Giờ TP.HCM - ĐT : 8.894008





TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TRÀNG TIỀN TRÀNG TIỀN PLAZA

ĐỊA CHỈ: 24B HAI BÀ TRUNG - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH: TẦNG 7 - SỐ 2 LÁNG HẠ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (84-4) 8314174 - 8314429 - 7720698 FAX: (84-4) 8314173
Email: trangtienplaza@hn.vnn.vn

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TRÀNG TIỀN - THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 4385/TLDN
NGÀY 28/05/1999 CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

TRONG ĐÓ: TỔNG CÔNG TY VINACONEX: 90% VỐN ĐIỀU LỆ - CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI: 10% VỐN ĐIỀU LỆ.
ĐẠI DIỆN PHÁP NHÂN: TỔNG GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN DÂN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THỰC NHẤT: ĐOÀN NGHIỆM NGHỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN DÂN



Chúc mừng năm mới - An Khang - Thịnh vượng

Ngày 01/02/2002 Công ty Liên doanh TNHH Đầu tư thương mại Tràng Tiền (liên doanh giữa Tổng Công ty VINACONEX với Công ty Thương mại Hà Nội) đã chính thức khai trương Trung tâm thương mại Tràng Tiền Plaza.

Trung tâm thương mại Tràng tiền (Tràng Tiền Plaza), được xây dựng theo Quyết định số 286/QĐ-TT do Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng ký ngày 05/04/2000. Với tổng diện tích 4355m², việc tiến hành xây dựng Trung tâm thương mại Tràng Tiền được chính thức bắt đầu từ ngày 30/04 năm 2000. Mặc dù dự kiến thời gian xây dựng là 3 năm nhưng đến ngày 31/12/2001 toàn bộ tòa nhà đã được xây dựng hoàn thiện với quy mô 7 tầng (trong đó có 4 tầng phục vụ kinh doanh, 2 tầng văn phòng, 1 tầng hầm) với đầy đủ trang thiết bị phục vụ hiện đại, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao... đảm bảo đưa tòa nhà vào hoạt động trước tết âm lịch năm 2002, rút ngắn được thời gian xây dựng 16 tháng.

Việc đưa Trung tâm thương mại Tràng Tiền vào hoạt động trước tết âm lịch năm 2002 đáp ứng đúng sự chỉ đạo của Thành ủy và UBND Thành phố cũng là đáp ứng sự mong đợi của nhân dân cả nước và nhân dân Thủ đô đồng thời đây cũng là công trình chào mừng thành công của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9, đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ 13 và chào mừng ngày thành lập Đảng lần thứ 72 (03/02/1930-03/02/2002).

Nhân dịp năm mới thay mặt CBVNV Công ty Đầu tư thương mại Tràng Tiền, Ban Giám đốc Công ty Trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, UBND Thành phố, các Bộ, Ban, Ngành, Sở từ Trung ương đến địa phương Hà Nội; Xin gửi lời chúc mừng Năm mới An Khang - Thịnh Vượng tới mọi gia đình.

Rất hân hạnh được chào đón các vị khách quý đến chiêm ngưỡng và mua sắm hàng hóa đón mừng xuân mới tại Trung tâm thương mại Tràng Tiền Plaza.



CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

VIETNAM ROAD ADMINISTRATION

Địa chỉ: 106 Thái Thịnh - Đống Đa Hà Nội
Tel: 8571444 Fax: 8571440 * E-mail: Vroada@fpt.vn

CỤC TRƯỞNG: NGÔ THỊNH ĐỨC

Chúc mừng năm mới - An khang - Thịnh vượng

GIỚI THIỆU LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Giao thông vận tải đường bộ là một lĩnh vực có tác động trực tiếp đến mọi hoạt động của đời sống, đến sự phát triển kinh tế xã hội. Những năm qua, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, tình hình trật tự an toàn giao thông, nhất là vấn đề tai nạn giao thông đường bộ vẫn là vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Vì vậy, chỉ trong 1 kỳ họp của Quốc hội, Kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khoá X Luật giao thông đường bộ (GTĐB) đã được xem xét và thông qua ngày 29/6/2001; được công bố bằng Lệnh số 07/2001/L/CTN ngày 12/7/2001 của Chủ tịch nước.

Nội dung Luật GTĐB gồm Lời nói đầu và 9 Chương 77 Điều

Lời nói đầu nêu mục đích, căn cứ pháp lý ban hành Luật, lĩnh vực điều chỉnh của Luật

Chương I- Những qui định chung gồm 8 Điều qui định phạm vi điều chỉnh của Luật là các qui tắc giao thông đường bộ; các điều kiện về kết cấu hạ tầng, phương tiện và người tham gia giao thông, hoạt động vận tải để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ; đối tượng áp dụng là mọi tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam; giải thích một số từ ngữ được sử dụng trong các chương, điều của luật; qui định một số nguyên tắc cơ bản về bảo đảm an toàn giao thông đường bộ; chính sách ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ưu tiên phát triển vận tải khách công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân ở các thành phố lớn; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình trong việc tuyên truyền, phổ biến luật giao thông đường bộ; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc tuyên truyền, giám sát thực hiện luật GTĐB; nghiêm cấm các hành vi gây mất an toàn giao thông đường bộ.

Chương II- Quy tắc GTĐB là chương cơ bản của Luật gồm 28 Điều qui định quy tắc chung đối với người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ, xử lý các tình huống giao thông cụ thể; về sử dụng đường đô thị, tổ chức giao thông và điều khiển giao thông; trách nhiệm khi xảy ra tai nạn giao thông.

Chương III- Kết cấu hạ tầng GTĐB gồm 11 Điều qui định các điều kiện của kết cấu hạ tầng liên quan trực tiếp đến việc đảm bảo an toàn GTĐB cũng như ngăn ngừa nguyên nhân gây mất an toàn giao thông như vấn đề quy hoạch, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng GTĐB.

Chương IV- Phương tiện tham gia GTĐB gồm 5 Điều qui định điều kiện tham gia GTĐB của phương tiện như: Đăng ký cấp biển số, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, kiểm định phương tiện.

Chương V- Người điều khiển phương tiện tham gia GTĐB gồm 6 Điều qui định về điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông, trong đó tập trung quy định về người điều khiển xe cơ giới như các quy định về tuổi, sức khoẻ, giấy phép lái xe, đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Chương VI- Vận tải đường bộ gồm 9 Điều qui định về hoạt động vận tải đường bộ nhằm lập lại trật tự trong vận tải, khắc phục nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông như quy định về vận chuyển khách, vận chuyển hàng hoá, tổ chức hoạt động của bến xe ô tô khách, hoạt động vận tải trong đô thị.

Chương VII- Quản lý nhà nước về GTĐB gồm 6 Điều qui định nội dung quản lý nhà nước về GTĐB; trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về GTĐB, thực hiện các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn GTĐB; phân định trách nhiệm của Thanh tra giao thông và Cảnh sát giao thông.

Chương VIII- Khen thưởng, xử lý vi phạm gồm 2 Điều qui định về khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích; xử lý các hành vi vi phạm luật GTĐB.

Chương IX- Điều khoản thi hành gồm 2 Điều qui định Luật GTĐB có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2002 và giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Để tổ chức thực hiện Luật GTĐB, Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, các Bộ, ngành có liên quan đã khẩn trương xây dựng và ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật đến mọi tầng lớp nhân dân.

Chúc Mừng
Năm Mới
2002

Xuân Nhâm Ngọ



HAPPY NEW YEAR

Digitized by Google



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



2002
Xuân Nhâm Ngọ



Chúc Mừng Năm Mới
HAPPY NEW YEAR

Kính chúc Quý khách

An khang Thịnh vượng!

Chi tiết xin liên hệ: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tel: 04.8242210; Fax: 04.8266959;

Website: www.bidv.com.vn; Email: bidv@hn.vnn.vn;

- Công ty Cho thuê Tài chính (Leasing Co Ltd.); Tel: 9341324; Fax: 8266959;

- Công ty Chứng khoán (BSC Co. Ltd); Tel: 04.8262959; Fax: 04.8262188;

- Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC Bank; Tel: 04.8268307; Fax: 04.8268228;

- Công ty Bảo hiểm Việt - Úc (BIDV - QBE); Tel: 04.8223738; Fax: 04.8223740;

- Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt; Tel: 04.9433173; Fax: 04.9433176; Sở giao dịch I, Sở giao dịch II và chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh thành phố trong cả nước.



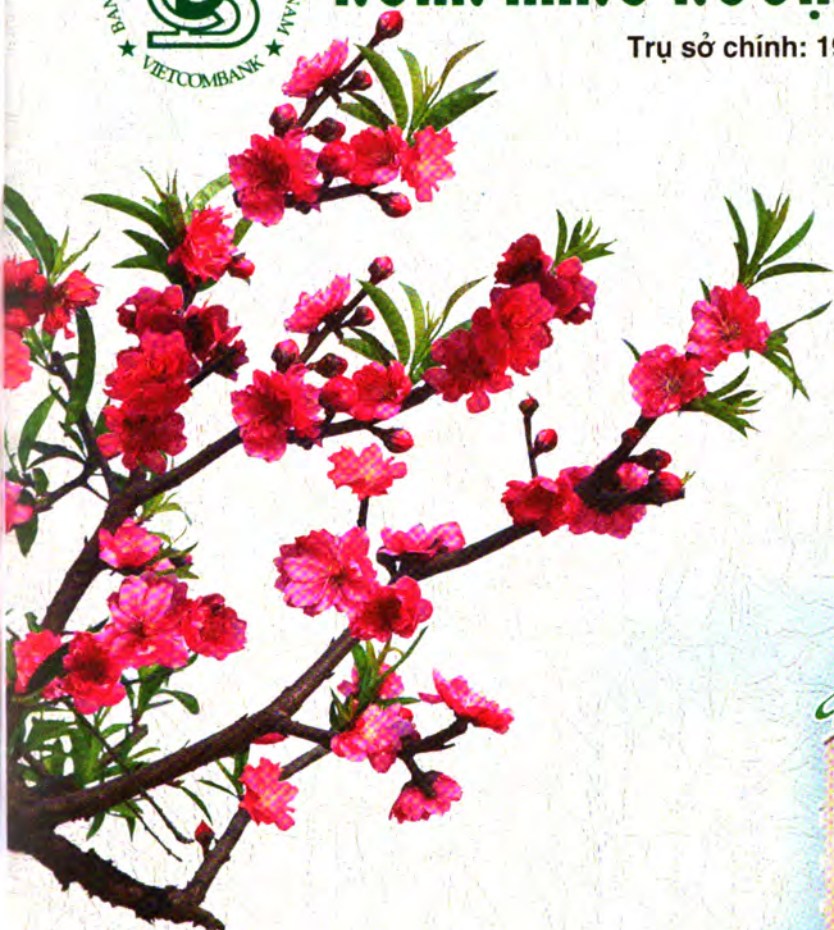
NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 8265503 - 8250392; Fax: 8269067, 8265548

Telex: 411 504 VCB - VT/411229 VCB - VT

Website: <http://www.vietcombank.com.vn>



CHÚC

MỪNG

NĂM

MỚI

Nhâm Ngọ
2002



Vietcombank



NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Incombank

- Là một Ngân hàng Thương mại Nhà nước, có quy mô lớn và hiện đại của Việt Nam.
- Quan hệ đại lý với hơn 600 Ngân hàng và quan hệ đối tác, liên doanh với các tổ chức Tài chính hàng đầu trên toàn Thế giới.
- Hệ thống công nghệ Ngân hàng hiện đại, các dịch vụ Ngân hàng có chất lượng tốt nhất.
- Dịch vụ thẻ ATM giúp khách hàng rút tiền mặt nhanh, an toàn, văn minh trong giao dịch.



Dịch vụ thẻ ATM

TRỤ SỞ CHÍNH: 108 Trần Hưng Đạo-Quận Hoàn Kiếm-TP. Hà Nội.Tel: 04-9421030-9421158. Fax:04-9421032
Telex:412259 ICB-VT. E-mai:webmster @ icb.com.vn. SWIFT:ICBVNVX. Website: www.icb.com.vn

BẢN ĐỒ PHỦ SÓNG VINAPHONE

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Nhâm Ngọ



VinaPhone GSM

- * Mạng điện thoại di động có vùng phủ sóng rộng nhất Việt Nam với gần 500 trạm BTS.
- * Có số thuê bao lớn nhất.
- * Dịch vụ đa dạng (VinaCard, SMS, WAP, IR...).
- * Đã thực hiện chuyển vùng Quốc tế với 57 nhà khai thác ở 28 nước trên khắp châu lục.



VinaPhone's Coverage Map

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT TỪ NGÀY 20/12/2001

Liên hệ với các nhà cung cấp điện thoại, thành phố hoặc liên hệ 151



*Chúc
Mừng
Năm
Mới*

**Xuân Nhâm Ngọ
2002**

Điện lực Việt Nam luôn cố gắng để các dịch vụ và sản phẩm điện
thực sự nâng cao chất lượng cuộc sống của khách hàng



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

18 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội - Việt Nam

ĐT : 84.4.8257232 * Fax : 84.4.9343715





CÔNG TY ĐIỆN THOẠI HÀ NỘI

HANOI TELEPHONE COMPANY

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ: 75 ĐÌNH TIÊN HOÀNG - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (84-4) 825 9328 - (84-4) 824 0767 * FAX: (84-4) 825 8885

*Chúc Mừng
Năm Mới*

2002

Nhâm Ngọ



CÔNG TY ĐIỆN THOẠI HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VỚI ĐỘI NGŨ 1800 CBCNV, TRONG ĐÓ TRÊN 30% CÓ TRÌNH ĐỘ KỸ SƯ. CÔNG TY ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ LẮP ĐẶT, QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG, KHAI THÁC TOÀN BỘ HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ TRÊN 350 000 MÁY ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH CỦA MẠNG VIỄN THÔNG NỘI THÀNH HÀ NỘI.

THÀNH LẬP TỪ NGÀY 1/5/1960, QUA 42 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH, CÔNG TY ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC TRAO TẶNG CÁC PHẦN THƯỞNG:

- Danh hiệu **ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG**
- 3 Huân chương Lao động hạng nhì
- 2 Huân chương Lao động hạng ba
- 1 Huân chương kháng chiến hạng ba
- Đảng bộ Công ty 10 năm liên tục được công nhận là Đảng bộ vững mạnh, 2 lần được Thành ủy Hà Nội tặng cờ **"ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH"**



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI

HOUSING DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

TRỤ SỞ: 34 HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: (84-4) 8253247 - 8245990 * FAX: (84-4) 8243977

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC : NGÔ XUÂN HỒNG



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC : NGÔ XUÂN HỒNG

*Chúc mừng
năm mới*

2002



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN NHÀ BA ĐÌNH

Trụ sở: 46 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8235065 - 8290513

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC : NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN



TRỤ SỞ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Ba Đình tiền thân là Công ty Xây dựng phát triển nhà Ba Đình là 1 trong 2 đơn vị đầu tiên của Tổng Công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội thực hiện cổ phần hóa.

Bắt đầu từ tháng 08 năm 2000 Công ty chính thức được cổ phần hóa. Với tinh thần đoàn kết và lòng quyết tâm cao độ cùng với sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Tổng Công ty và Đảng bộ Tổng, toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh với mức tăng trưởng bình quân 120% năm so với kế hoạch đề ra và tăng 240% năm so với cùng kỳ năm 2000 với tốc độ ấy Công ty xây dựng kế hoạch cho năm 2002 tăng trưởng > 240% so với năm 2001, phần lợi tức của các cổ đông trong 2 năm 2000-2001 là 15,6% vượt lên so với kế hoạch đề ra là 14,4%. Để thừa kế và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty, nhân dịp 990 năm Công ty đã tặng 1 căn nhà tình nghĩa và phụng dưỡng 1 bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Tham gia với quận 14 căn nhà tình nghĩa. Thực hiện quỹ nhà ở của Quận theo chỉ thị của Thành phố trong năm 2001 là 4.000m² sản phẩm năm 2002 thực hiện dự án 3 nhà cao tầng (11-13 tầng: Yên Ninh, Ngọc Khánh, Cống Vị sẽ được khởi công và hoàn thành. Bên cạnh đó các hoạt động khác cũng rất tích cực như tham gia các hội diễn, hội thao, thành lập CLB tuổi thơ cho con em CBCNV và trẻ em đường phố tham gia.. Hơn nữa năm 2001 hoàn thành 4 chỉ tiêu tự vệ quyết thắng, an ninh quyết thắng, Công đoàn vững mạnh, Đảng bộ trong sạch vững mạnh - Chi bộ Đảng thực sự là hạt nhân xuyên suốt trong sự phát triển của Công ty.

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 78/1999/QĐ-UB ngày 21/09/1999 của UBND Thành phố Hà Nội. Là Tổng Công ty đầu tiên của Thành phố Hà Nội thành lập theo mô hình Tổng Công ty 90, là một tổ chức kinh tế lớn, gồm 17 đơn vị thành viên, là lực lượng xung kích nòng cốt trong lĩnh vực xây dựng với kinh nghiệm trên 40 năm hoạt động. Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty đã có những đóng góp to lớn quan trọng vào việc phát triển đô thị của Thủ đô trong nhiều năm qua, đặc biệt trong 10 năm đổi mới đã tạo lập được vị thế, uy tín trên thị trường Hà Nội, trong cả nước và đang từng bước vững vàng mở rộng sản xuất, kinh doanh ra thị trường nước ngoài.

Các đơn vị thành viên:

1. Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội
2. Công ty Đầu tư xây dựng Hà Nội
3. Công ty Xây dựng số 2 Hà Nội
4. Công ty Kinh doanh dịch vụ nhà
5. Công ty Kinh doanh phát triển nhà Thanh Trì
6. Công ty Kinh doanh và Xây dựng nhà
7. Công ty Thiết kế và xây dựng nhà
8. Công ty Tu tạo phát triển nhà
9. Công ty Xây dựng Hồng Hà
10. Công ty Cổ Phần Xây dựng Ba Đình
11. Công ty Xây dựng Phát triển nhà Hoàn Kiếm
12. Công ty Xây dựng số 3 Hà Nội
13. Công ty Xây dựng số 9 Hà Nội
14. Công ty Xây dựng và kinh doanh nhà Sóc Sơn
15. Công ty Xây dựng và kinh doanh phát triển nhà Đống Đa
16. Công ty Xây dựng và kinh doanh phát triển nhà Hai Bà Trưng
17. Công ty Xuất nhập khẩu và đầu tư xây dựng

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ HAI BÀ TRUNG

Địa chỉ: 37 Nguyễn Đình Chiểu * Điện thoại: (84-4) 9.760619

GIÁM ĐỐC: TÔ THỊ HẠNH

Chức năng nhiệm vụ:

KINH DOANH KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG QUY MÔ LỚN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP, NÔNG NGHIỆP, THUỶ LỢI QUY MÔ VỪA VÀ NHỎ.
DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN VỀ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ

T RANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT
SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VỪA VÀ NHỎ
XÂY LẮP ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM HẠ THẾ ĐIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ CÔNG NGHIỆP
VẬN CHUYỂN CUNG ỨNG VẬT TƯ KỸ THUẬT

Chúc mừng năm mới



Công trình Công ty thi công

VNPT

**NHÀ KHAI THÁC BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**

*Chúc Quý khách năm mới
An khang, Thịnh vượng*

171

2
0
0
2

NHÀ MÀNG



TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (VNPT)



TỔNG CÔNG TY HOÁ CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY SUPE PHỐT PHÁT VÀ HOÁ CHẤT LÂM THẢO



ĐƠN VỊ 3 LẦN ANH HÙNG



PHÂN BÓN NPK CHO CÂY HOA

(Sử dụng loại phân bón cho hoa: PBH)

THÀNH PHẦN NPK: 7 - 5,5 - 7

- Bón cho hoa Cúc
- Bón cho hoa Thuộc Dược, hoa Bướm và hoa Mào gà
- Bón cho hoa Lay ơn và Hoa huệ
- Bón cho hoa Hồng

Số lần bón: chia 4 lần /năm lượng
PBH/1sào Bắc bộ 360 m²

(riêng hoa Lay ơn, hoa Huệ và hoa Hồng
có thể hoà nước phân PBH theo nồng độ
1/250 để phun qua lá).

BÓN PHÂN NPK CHO CÂY CẢNH

(Sử dụng loại phân bón cho cây cảnh :PBCC)

THÀNH PHẦN NPK: 6 -7- 6

- Bón cho nhóm cây cảnh dạng cây leo, cây hàng rào
và nhóm cây có hoa làm cảnh thân gỗ
- Bón cho nhóm cây cảnh bằng lá như nhóm
cây lá rộng, ngành thực vật hạt kín, hoặc nhóm
cây có hoa làm cảnh thân gỗ

Hai nhóm này, bón 4 lần/năm, tỉ lệ 28kg/sào bắc bộ 360 m²

Tức là khoảng 0,016 - 0,02kg/m²
hay 0,008 - 0,01kg /chậu (10 kg đất).

- Bón cho nhóm cây cảnh bằng cây tổng thể,
ngành thực vật hạt trần, hạt kín,
cây có hoa làm cảnh nhóm thân gỗ
(nhóm này có thể hoà nước PBCC
với nồng độ 1/250
để phun qua lá 4 -6 lần /năm).



ĐỊA CHỈ: HUYỆN LÂM THẢO - TỈNH PHÚ THỌ

ĐT:0210.825131 - 0210.825139 - FAX:0210.825126

CHI NHÁNH: HUYỆN CẨM GIANG TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐT:0320.786454 - FAX:0230.786758

LAMTHAO FERTILIZERS AND CHEMICALS COMPANY

ia Sidney, Melbourne

odia Phnom Penh, Siem Reap

Beijing, Guangzhou, Kunming

Paris

Osaka, Tokyo

Kong

entiane

ia Kuala Lumpur

illipines Manila

ore

Korea Seoul

Taipei, Kaohsiung

nd Bangkok

Arab Emirates Dubai

State Los Angeles, San Francisco

Mùa hè
Thiên
Phẩm
Hạt
2002



VIETNAM AIRLINES

HX

HX

H 6813

Tap chí

Tap chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chúc mừng năm mới



UNIV. OF MICH.

FEB 13 2002

CURRENT SERIALS

3

1-2002

Digitized by Google

Thầy bói
lên bài
chức An
đo



Tạp xưởng Hai Quê Tũ Vissan



Cái Nhà Đón Thịch

Giò lụa, Giò lụa thừ & Giò thừ Vissan

Thầy bói
lên bài
chức Thịch





THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 633

3

1-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 9 422 061
Fax : 04 8 222 846

**Cơ quan thường trú
ở miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 8225768

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>
<mailto:bttccs@hn.vnn.vn>

**TỔNG BIÊN TẬP :
VŨ VĂN HIỀN**



Bìa 1 : Mùa Xuân về trên
thành phố Huế

Ảnh : Hoàng Thế Nghiệp

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân	3
NGUYỄN DUY QUÝ - Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta	10
ĐOÀN DUY THÀNH - Để doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò then chốt trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	14

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện	
HÀ ĐĂNG - Xử lý đúng các mối quan hệ trong công tác cán bộ	21
NGUYỄN DUY HÙNG - Phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện	25

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN - Sáng tạo và kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin - cội nguồn những thành quả của công cuộc đổi mới ở Việt Nam	31
ANH PHƯƠNG - Kết quả của kỳ họp thứ 10 - Quốc hội khóa X	35
LÊ THANH BÌNH - Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN HỮU LUẬT - Bình Phước - 5 năm một chặng đường chuyển giao thế kỷ	46
THÀI SƠN - Một số vấn đề về củng cố tổ chức cơ sở đảng các xã miền núi phía bắc	51

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

XUÂN HOÀNH - Chuyện có nên buồn ?	57
-----------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN XUÂN SƠN - MAI HOÀI ANH - Một nền hòa bình bền vững - mục tiêu bức thiết và nguyện vọng cháy bỏng của nhân loại	58
--	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị về công tác phát hành Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh Tây Nam Bộ	
---	--

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ФУ ЧОНГ: Партийное руководство и сила великой всенациональной солидарности. НГУЕН ЗУЙ КУЙ: Путь к социализму минуя капиталистический строй в нашей стране. ДОАН ЗУЙ ТХАНЬ: Чтобы государственные предприятия сыграли ключевую роль в рыночной экономике с социалистической ориентацией. ХА ДАНГ: Правильно решать отношения кадровой работы. НГУЕН ЗУЙ ХУНЬ: Направления и мероприятия по повышению качества подготовки кадров – менеджеров районного и провинциального уровней. НГУЕН ЧОНГ ЧУАН: Быть творческим и стойко следовать Марсисто-Ленинизм – Источник достижений курса обновления во Вьетнаме. АНЬ ФЫОНГ: Итоги Хой сессии Национального Собрания (Хого созыва). ЛЕ ТХАНЬ БИНЬ: Повышать эффективность международной кооперации в области науки и технологии. НГУЕН СУАН ШОН – МАЙ ХОАЙ АНЬ: Устойчивый мир есть неотложная цель и горячее желание человечества.

CONTENTS

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: The Party's leadership and the power of the great nation-wide solidarity. NGUYỄN DUY QUÝ: The path to socialism omitting the capitalist regime in our country. ĐOÀN DUY THÀNH: So that the state enterprises could play the key role in the socialist – oriented market economy. HÀ ĐĂNG: To treat rightly the relationships in the cadres' work. NGUYỄN DUY HÙNG: Orientation and measures to enhance quality of training cadres – managers of district and provincial levels. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Be creative and firmly stick to Marxism-Leninism – the spring of achievements of the renovation cause in Vietnam. ANH PHƯƠNG: Achievements of the 10th session of the National Assembly (Xth tenure). LÊ THANH BÌNH: To enhance efficiency of World collaboration in the science - technology field. NGUYỄN XUÂN SƠN – MAI HOÀI ANH: A steadfast peace – an urgent target and feverish aspiration of mankind.

SOMMAIRE

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: La direction du Parti et la force de la grande union nationale. NGUYỄN DUY QUÝ: La voie menant au socialisme sans passer par le capitalisme au Vietnam. ĐOÀN DUY THÀNH: Pourquoi les entreprises d'Etat jouent le rôle-clé dans l'économie de marché à orientation socialiste. HÀ ĐĂNG: Un bon règlement des relations dans le travail de cadres. NGUYỄN DUY HÙNG: Orientations et solutions pour améliorer la qualité de la formation des gestionnaires à l'échelon provincial et de district. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Prendre les initiatives et persévérer dans le Marxisme-Léninisme – sources des réalisations de l'œuvre de renouveau au Vietnam. ANH PHƯƠNG: Bilan de la 10e session de l'Assemblée nationale (Xe législature). LÊ THANH BÌNH: Rehausser l'efficacité de la coopération internationale dans le domaine des sciences et technologies. NGUYỄN XUÂN SƠN – MAI HOÀI ANH: Une paix durable – objectif impérieux et aspiration vive de l'humanité.

SUMARIO

NGUYỄN PHÚ TRỌNG: La dirección del Partido y la fuerza de la gran unidad de todo el pueblo. NGUYỄN DUY QUÝ: El camino hacia el socialismo sin pasar por el régimen capitalista en Vietnam. ĐOÀN DUY THÀNH: A que la Empresa Estatal desempeñe el rol clave en la economía de mercado a la orientación socialista. HÀ ĐĂNG: Ejecutar bien las relaciones del trabajo de cuadros. NGUYỄN DUY HÙNG: Orientación y resolución del mejoramiento de la calidad de formación a los cuadros al nivel provincial y distrital. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN: Ser creador y persistente en el Marxismo-Leninismo – el origen de los logros de la renovación actual en Vietnam. ANH PHƯƠNG: Resultados de la X Sesión de la Asamblea Nacional (X Legislatura). LÊ THANH BÌNH: Mejorar la eficacia de la cooperación internacional en el área de ciencia-tecnología. NGUYỄN XUÂN SƠN – MAI HOÀI ANH: Una paz inalterable – objeto indispensable y aspiración viviente de la humanidad.

目錄

• 阮富仲: 党的领导与全民大团结力量 • 阮维贵: 我国未过度资本主义制度而迈向社会主义道路 • 段维成: 使国有营企业在社会主义定向的经济市场上起关键的作用 • 何登: 在干部工作中处理好各种关系 • 阮维雄: 提高省县级干部培训工作的方向及措施 • 阮仲准: 创造及坚持马列主义——越南革新事业的成果根源 • 英方: 越南国会第十届第十次会议的结果 • 黎青平: 科技领域中提高国际合作的效果 • 阮春山、梅怀英: 稳固的和平环境——人类的迫切目标及炽热的愿望



SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

1 - Một trong những tư tưởng cơ bản và quan trọng của Đại hội IX là khẳng định và nhấn mạnh vấn đề đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc, coi đây là đường lối chiến lược, là sức mạnh và động lực to lớn để tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư tưởng này đã được nêu thành chủ đề của Đại hội IX, tiêu đề của Báo cáo Chính trị và thấm sâu vào các văn kiện Đại hội, được toàn đảng, toàn dân, toàn quân, mọi giới đồng bào ở trong nước và nước ngoài hoan nghênh và đồng tình.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX đã ghi rõ : *“Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”*.

Đoạn văn trên đây có nhiều nội dung quan trọng cần được đi sâu phân tích,

lý giải, làm sáng tỏ. Ở đây tôi chỉ xin tham gia một vài ý kiến chung quanh vấn đề *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong mối quan hệ với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân*.

Chúng ta đều đã biết, giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của nhân dân có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau. Đây là mối quan hệ *“tin cậy lẫn nhau”, “tín nhiệm lẫn nhau”, “bổ sung cho nhau”,* như Lê-nin nói, để tạo ra một sức mạnh *“cộng hưởng”* - sức mạnh vô địch của cách mạng. Đảng chỉ mạnh khi gắn bó mật thiết với nhân dân, còn sức mạnh của nhân dân được nhân lên khi có sự lãnh đạo của Đảng. Nếu không liên hệ với nhân dân thì Đảng không có sức mạnh ; cũng như nếu không có sự lãnh đạo của Đảng thì quần chúng nhân dân không thể có phương hướng hoạt động đúng đắn, không thể đấu tranh một cách tự giác, có tổ chức, và do

* PGS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng

đó không thể giành thắng lợi triệt để và hoàn toàn trong cuộc đấu tranh cho lợi ích của mình.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định : “quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử” ; “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân” ; “chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân” ; “chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được xây dựng thắng lợi khi nào quần chúng nhân dân đông đảo hơn 10 lần, 100 lần so với trước kia trực tiếp tham gia xây dựng nhà nước, xây dựng đời sống kinh tế mới” ; “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”... Đồng thời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh : Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, là bảo đảm quan trọng và vững chắc nhất trong cuộc đấu tranh xóa bỏ ách áp bức bóc lột, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Lê-nin khẳng định : “Chỉ có Đảng cộng sản mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh kiên quyết nhất và thắng tay nhất chống tất cả mọi lực lượng của chủ nghĩa tư bản” ; “Chỉ có đội tiên phong của giai cấp công nhân mới lãnh đạo được nước mình”. Đó là “nguyên tắc”, đó là “điều không còn nghi ngờ gì nữa”. Nếu quan niệm sai lầm về vai trò lãnh đạo của Đảng trong mối quan hệ với quần chúng lao động “là một sự xa rời cơ bản về lý luận đối với chủ nghĩa cộng sản và là một thiên hướng công đoàn chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa”. Hồ Chí Minh nhấn mạnh : Đảng có vững

thì cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong chiến đấu có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam, đại biểu trung thành và đầy đủ những lợi ích sống còn, những nguyện vọng sâu xa và chính đáng của nhân dân, lại được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa mấy nghìn năm của dân tộc, cho nên Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất có điều kiện và khả năng phân tích khoa học tình hình thực tế khách quan, vạch ra phương hướng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, tập hợp, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối đã vạch ra, giúp quần chúng giành thắng lợi triệt để và hoàn toàn trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, xây dựng cuộc sống mới.

Trong những chặng đường cách mạng đã qua, Đảng ta và nhân dân ta đã kết thành một khối bằng những mối dây liên hệ máu thịt vô cùng bền chặt. Đảng hiểu rõ và hoàn toàn tin tưởng ở sức mạnh dời non lấp biển của nhân dân ; nhân dân cũng hiểu rõ Đảng và gửi gắm tất cả niềm tin yêu vào Đảng. Đây là truyền thống tốt đẹp, là bài học lịch sử vô giá và là nguồn sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam.

Hiện nay, nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, theo

cương lĩnh của Đảng. Đại hội IX đã chỉ rõ, Cương lĩnh năm 1991 là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi hơn bao giờ hết, phải phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc thực hiện dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, động viên và tổ chức mọi tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, ra sức thi đua, khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

2 - Thực tiễn 15 năm qua cho thấy, thắng lợi của công cuộc đổi mới tùy thuộc vào bản lĩnh, trình độ và năng lực lãnh đạo của Đảng. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Đảng ta đã tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống vẻ vang, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt và tổng kết được những hoạt động thực tiễn sáng tạo của quần chúng, kịp thời đề ra chủ trương đổi mới đúng đắn, khơi dậy và phát huy được tiềm năng sáng tạo to lớn của nhân dân.

Kiên định sự lãnh đạo của Đảng là vấn đề nguyên tắc, bởi vì sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế và mọi hoạt động xã

hội. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì phong trào quần chúng không có hướng đi đúng đắn, không bảo đảm được quyền làm chủ thực sự của nhân dân, không giữ vững được độc lập dân tộc, và càng không thể có chủ nghĩa xã hội.

Sở dĩ phải nhắc lại điều này là vì hiện nay, trước những đòn tiến công ác liệt của các thế lực thù địch nhằm vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, trước một số yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục của Đảng ta, không phải không có người dao động, ngả nghiêng, nghi ngờ về vai trò lãnh đạo của Đảng. Chúng ta cần hết sức tỉnh táo, cảnh giác, uốn nắn những nhận thức lệch lạc và kiên quyết đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững thành quả của cách mạng, tạo sức mạnh thống nhất để đưa đất nước tiếp tục đi lên.

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải *không ngừng tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao bản lĩnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình*. Là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện mới hết sức phức tạp, Đảng ta ý thức sâu sắc về sự đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Ngay từ Đại hội VI (tháng 12-1986) Đảng đã đề ra chủ trương phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách công tác. Đến Hội nghị Trung ương sáu (tháng 3-1989), Đảng tiếp tục chỉ rõ phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phải đổi mới phương thức lãnh đạo. Tại Đại hội VII (tháng 6-1991), Đảng đề ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Hội nghị Trung ương ba (tháng 6-1992) đã cụ thể hóa chủ trương

đó và nhấn mạnh : xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn của Đảng ta, chế độ ta. Đại hội VIII (tháng 6-1996) khẳng định và làm rõ những nội dung về bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Từ tháng 5-1999, toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII,...

Việc thực hiện các nghị quyết của Đảng trên lĩnh vực xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Trong đó :

- Thành tựu cơ bản và quan trọng nhất là Đảng đã đề ra được và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời cố định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân.

- Đảng giữ vững và từng bước xây dựng cơ chế thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; có nhiều tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội.

- Đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và tính chiến đấu của đội ngũ đảng viên ; ngăn chặn được sự sa sút, yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng ; có sự cải tiến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác.

Tuy nhiên, cho đến nay, công tác xây dựng đảng cũng còn không ít thiếu sót và khuyết điểm. Nổi bật là một số vấn đề :

- Trong điều kiện phức tạp chịu tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, mở cửa giao lưu với các nước, trước sự tiến công của các thế lực thù địch, một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống. Đó là những biểu hiện dao động, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, kém tính đảng, chạy theo lối sống cơ hội, thực dụng, làm giàu bất chính, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế chính sách để tham nhũng, sách nhiễu, ăn cắp của công, thu vén cá nhân, ăn chơi sa đọa. Trong khi đó nhiều tổ chức đảng buông lỏng công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên.

- Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của nhiều cấp ủy và cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý nhìn chung còn thiếu kiến thức, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

- Một số tổ chức đảng chưa được chỉnh đốn, dân chủ bị vi phạm, kỷ luật kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ kém đoàn kết, chất lượng sinh hoạt không cao. Tổ chức cơ sở đảng ở không ít nơi yếu kém, thậm chí có nơi rệu rã, tê liệt. Phương thức lãnh đạo còn lúng túng.

- Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng vẫn là một khâu yếu. Nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội và trong Đảng, trong bộ máy nhà nước chưa được khắc phục và đẩy lùi, nhất là tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm cho niềm tin và sự tín nhiệm của nhân dân đối với một số tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên bị giảm sút nghiêm trọng.

Đại hội IX của Đảng đã nghiêm khắc chỉ ra những khuyết điểm trong công tác xây dựng đảng, thừa nhận công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, củng cố mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước, với nhân dân.

Đại hội đặc biệt nhấn mạnh trong thời gian tới phải tập trung làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên; bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Kịp thời kiểm tra, xem xét, kết luận những cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền để tham nhũng, làm giàu phi pháp, xử lý nghiêm minh những trường hợp sai phạm.

Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, chống mọi biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, dân chủ hình thức, hoặc lợi dụng dân chủ để

mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị, làm suy yếu sức mạnh của tổ chức đảng. Bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ đến sinh hoạt cấp ủy đảng và các cơ quan lãnh đạo ở các cấp. Các tổ chức đảng thực hiện quyền của đảng viên được thông tin, được phê bình, chất vấn và trả lời trong sinh hoạt đảng; quyền được bảo lưu ý kiến riêng, đồng thời đòi hỏi đảng viên nói và làm theo đúng đường lối, nghị quyết của Đảng, không truyền bá những ý kiến trái với quan điểm của Đảng.

Thực hiện đúng chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ. Từng đảng bộ phải chủ động ngăn chặn và khắc phục tình trạng kém đoàn kết, thiếu thống nhất. Những cấp ủy, tổ chức đảng nào vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ thì cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, kiện toàn tổ chức cán bộ, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm.

Giữ vững nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ, chế độ tự phê bình và phê bình. Nghiêm cấm việc trấn áp, trù dập người phê bình cũng như lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ. Cấp ủy, chi bộ trực tiếp phân công, kiểm tra đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; giữ mối liên hệ với nhân dân ở nơi làm việc và nơi cư trú; tuyên truyền, phát triển đảng viên mới có chất lượng; kịp thời thanh lọc những đảng viên thoái hóa, biến chất.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới, trước hết là đội ngũ cốt cán của Đảng và Nhà nước các cấp, đặc biệt là ở

cấp chiến lược, thật sự vững vàng về chính trị, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Các cấp ủy và tổ chức đảng phải làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa chuẩn bị đội ngũ cán bộ lâu dài, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Có chính sách cụ thể phát huy tài năng những cán bộ khoa học có năng lực. Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành, các địa phương ; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, phát huy đầy đủ hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo và kiểm tra cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được thể hiện trước hết trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách hợp lòng dân, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, làm tốt công tác dân vận. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Lãnh đạo việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng một cách nghiêm túc, phù hợp với đặc điểm tình hình ở từng cấp, từng ngành ; khắc

phục tình trạng chậm trễ, nói không đi đôi với làm, làm không đến nơi đến chốn.

Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, công tác thanh tra của Chính phủ và công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các đoàn thể theo đúng chức năng và thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, biểu dương nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, các gương người tốt, việc tốt.

3 - Căn cứ vào những yêu cầu và phương hướng nêu trên, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần hướng dẫn, động viên, tổ chức và tạo mọi điều kiện để các hội viên, đoàn viên, thành viên của mình tham gia xây dựng đảng một cách thiết thực, có hiệu quả.

Trước hết, cần xác định rõ trách nhiệm đồng thời có kế hoạch bồi dưỡng cho các hội viên, đoàn viên, thành viên các kiến thức cần thiết về đảng và công tác xây dựng đảng, giúp họ nắm được những vấn đề chung và cơ bản về đảng, những nội dung, yêu cầu của công tác xây dựng đảng trong giai đoạn hiện nay. Từ đó ra sức phấn đấu trở thành đảng viên của Đảng, đồng thời tích cực tham gia xây dựng đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về chính trị : Mặt trận và các đoàn thể động viên, tổ chức các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương công tác của địa phương, đơn vị mình ; góp ý kiến về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và tổ chức đảng ; phấn đấu thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ, kế hoạch công tác của địa phương, đơn vị ; tích cực tham gia giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động của các cơ quan đảng, chính quyền,

các tổ chức kinh tế cũng như các cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước, bảo đảm cho các chủ trương, chính sách của Đảng được thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Về tư tưởng : Mặt trận và các đoàn thể tích cực góp phần vào việc xây dựng sự thống nhất về tư tưởng trong đảng và trong nhân dân, bảo đảm thấu suốt những quan điểm cơ bản của Đảng, quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện suy thoái, tiêu cực về mặt tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhất là tệ tham nhũng, ức hiếp quần chúng, làm ăn vô trách nhiệm, vô kỷ luật, gây lãng phí nghiêm trọng tiền của của nhà nước, của nhân dân,...

Về mặt tổ chức : Mặt trận và các đoàn thể cần vận động và tổ chức các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh về tổ chức. Cụ thể là cần hướng dẫn và tổ chức để các thành viên, hội viên, đoàn viên, nhân dân tham gia trên các mặt :

- Góp ý kiến về sự lãnh đạo của tổ chức đảng và hoạt động của cơ quan chính quyền, phê bình công tác của tổ chức đảng và cơ quan chính quyền, nêu ra những kiến nghị cải tiến công tác của các cơ quan đó.

- Góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên ; phê bình các nhân viên, công chức nhà nước một cách thẳng thắn, trung thực, chân tình, giúp họ phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để ngày càng tiến bộ. Tránh tình trạng cầu an, né tránh, sợ bị trừ úm, hoặc phê bình theo kiểu đao to búa lớn, thiếu xây dựng.

- Tham gia giới thiệu những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn để các tổ chức đảng xem xét, kết nạp vào Đảng.

- Góp ý kiến vào việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, góp phần làm trong sạch đội ngũ của Đảng, nhất là những người cơ hội chủ nghĩa, tê liệt ý chí cách mạng, tham nhũng, hư hỏng, không còn đủ tư cách ở trong Đảng.

- Giới thiệu những người xứng đáng đề bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, các cấp chính quyền, trước hết là vào cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở, nơi mình công tác, cư trú.

- Tham gia đấu tranh bảo vệ Đảng, củng cố và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân. Hiện nay các thế lực thù địch đang tìm mọi cách để xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của Đảng ta, mưu toan xóa bỏ hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chúng ta cần cảnh giác, đấu tranh đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch, không nghe theo những tin đồn nhảm, không tiết lộ bí mật quốc gia, phát hiện, báo cáo với tổ chức những hiện tượng và đối tượng khả nghi, những việc làm có hại cho sự nghiệp cách mạng.

Thực hiện tốt những công việc trên đây, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân sẽ đóng góp thiết thực và công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân, tăng cường được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng được niềm tin yêu và mong đợi của toàn xã hội. □

CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

NGUYỄN DUY QUÝ *

VỀ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : “*Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa...*” ⁽¹⁾. Nhìn ra bên ngoài và nhìn lại lịch sử đất nước ta trong thế kỷ XX, chúng ta lại càng thấy sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta, của nhân dân ta là hoàn toàn chính xác.

Như chúng ta đã biết, trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung và chủ nghĩa tư bản nói riêng, Mác và Ăng-ghe-nơ đã đi đến kết luận rằng chủ nghĩa tư bản **tất yếu** sẽ bị thay thế bởi chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội.

Song, khẳng định như vậy, phải chăng tất cả mọi quốc gia, mọi dân tộc đều đồng thời và nhất thiết phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa rồi mới có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội ? Vấn đề này đã được đặt ra ngay từ thời

Mác và Ăng-ghe-nơ và đã được các ông đề cập đến. Ngay từ năm 1875, Ăng-ghe-nơ đã nêu lên khả năng **phát triển rút ngắn** của các nước từ trình độ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1882, trong *Lời tựa* viết cho lần xuất bản thứ hai bằng tiếng Nga cuốn “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, Mác và Ăng-ghe-nơ lại tiếp tục khẳng định có khả năng này. Đặc biệt, năm 1894, Ăng-ghe-nơ nói rõ hơn về khả năng đó như sau : “Không những có thể mà còn chắc chắn là sau thắng lợi của giai cấp vô sản và sau việc xã hội hóa những tư liệu sản xuất ở các dân tộc Tây Âu thì những nước vừa mới bước vào con đường sản xuất tư bản chủ nghĩa và vẫn còn có các chế độ thị tộc nguyên vẹn hoặc những tàn dư của chế độ thị tộc, có thể sử dụng những tàn dư đó của sở hữu chung và những tập quán nhân dân tương ứng làm công cụ mạnh mẽ để rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và có thể tránh được phần lớn những đau khổ và những cuộc đấu tranh mà ở Tây Âu

* GS. VS. Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 84

chúng ta phải trải qua. Nhưng một điều kiện tất yếu để làm được việc đó là tấm gương và sự ủng hộ tích cực của phương Tây cho tới nay vẫn còn là tư bản chủ nghĩa. Chỉ khi nào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã bị đánh bại tại quê hương của nó và ở những nước nó đã phát đạt, chỉ khi nào những nước lạc hậu qua tấm gương ấy mà biết được rằng “việc đó đã được tiến hành như thế nào”, những lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại, với tư cách là sở hữu công cộng, đã được sử dụng như thế nào để phục vụ toàn thể xã hội, - thì những nước lạc hậu ấy mới có thể bước vào con đường phát triển rút ngắn như vậy. Như thế thắng lợi của những nước ấy sẽ được đảm bảo. Và điều đó không chỉ đúng với nước Nga, mà với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa”⁽²⁾.

Khẳng định, đồng thời tiếp tục phát triển quan điểm trên đây của Mác và Ăng-ghe-n, tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 7 năm 1920, Lê-nin đã trả lời câu hỏi về khả năng các dân tộc lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội như sau : “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”⁽³⁾. So với quan điểm của Mác và Ăng-ghe-n, quan điểm này của Lê-nin có một điểm khác biệt đáng chú ý. Đó là, nếu Ăng-ghe-n nói tới khả năng các nước lạc hậu có thể rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên chủ nghĩa xã hội thì Lê-nin nói thẳng tới khả năng các nước lạc hậu có thể tiến tới chủ nghĩa cộng sản bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Các quan điểm trên đây của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin đã được kiểm nghiệm trong thực tế như thế nào ?

Trong hơn một thế kỷ qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này ở một số nước, đồng thời cũng đã có một số cộng đồng dân tộc bắt tay vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội khi trình độ xuất phát mới chỉ ở giai đoạn tiền tư bản chủ nghĩa. Qua sự phát triển thành công của các nước Trung Á thuộc Liên Xô trước đây, của Mông Cổ, v.v... đã có nhiều công trình nghiên cứu, khẳng định rằng đó là những bằng chứng cụ thể của việc các nước tiền tư bản chủ nghĩa có thể đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ cho đến nay thì vấn đề lại được đặt ra : vậy liệu các nước xuất phát từ trình độ phát triển tiền tư bản chủ nghĩa có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa được hay không ? Đối với nước ta, điều đó hoàn toàn có thể biến thành hiện thực, vì những lẽ sau đây :

Trước hết phải nói rằng, khuynh hướng phát triển lên xã hội xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa không phải là kết quả của một sự lựa chọn duy ý chí, chủ quan, mà là một khuynh hướng phát triển khách quan, có thực trong đời sống xã hội. Vấn đề là ở chỗ, nếu xem xét ở phạm vi lịch sử toàn nhân loại thì lịch sử xã hội loài người đã phát triển qua một số hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Song, do đặc điểm về lịch sử, về không gian và thời gian, không phải quốc gia nào cũng trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội có tính tuần tự từ cộng sản nguyên thủy đến tư bản chủ nghĩa theo một sơ đồ chung. Thực tế chứng tỏ

(2) Mác và Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 22, tr 632

(3) Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 41, tr 295

rằng, trong khi một số quốc gia Tây Âu phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội điển hình, thì nhiều quốc gia khác (Ô-xtrây-li-a, Mỹ, một số quốc gia tư bản chủ nghĩa ở Mỹ La-tinh, một vài quốc gia châu Âu...) lại phát triển theo con đường bỏ qua một hoặc vài hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là vì sự vận động của xã hội thường diễn ra không đồng đều giữa các quốc gia, các vùng. Trong lịch sử thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn về sản xuất vật chất, về kỹ thuật, về văn hóa, chính trị... Sự giao lưu, hợp tác giữa các trung tâm đó làm xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử mà không cần lặp lại tuần tự các quá trình đã qua của lịch sử nhân loại.

Chính là dựa vào những thực tế lịch sử đó, Mác nêu lên tư tưởng về khả năng “phát triển rút ngắn”, còn Lê-nin đề xuất mô hình “không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội đối với những nước đi sau, những nước đang trong giai đoạn tiền tư bản chủ nghĩa. Trên những nét lớn, tư tưởng của Lê-nin thống nhất với tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n. Nghĩa là, các ông đều nhất trí rằng, trong những điều kiện nhất định, con đường phát triển của các dân tộc tiền tư bản chủ nghĩa không nhất thiết phải diễn ra một cách tuần tự, đầy đau khổ như lịch sử của chủ nghĩa tư bản mà một phần nhân loại đã từng trải qua. Con đường ấy có thể rút ngắn để các dân tộc chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội một cách nhanh hơn.

Có một câu hỏi thường gặp là : *sự phát triển rút ngắn* như vậy có mâu thuẫn với *sự phát triển theo quá trình lịch sử - tự nhiên* hay không ? Ở đây không có mâu thuẫn nào cả. Về mặt lôgic, người ta lầm tưởng đã phát triển tự nhiên thì phải tuần tự từng bước trải qua và

không rút ngắn được. Nhưng trong thực tế, *tuần tự chỉ là một kiểu của phát triển tự nhiên*. Ngoài phát triển tuần tự, đi đầy đủ theo từng bước của sự phát triển, xã hội còn phát triển theo kiểu “rút ngắn”. Về vấn đề này, Mác đã nêu lên một nhận xét rất quan trọng : “...*một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ*”⁽⁴⁾.

Trong thời đại ngày nay, chủ trương phát triển rút ngắn ướ đi lên chủ nghĩa xã hội chẳng những không mâu thuẫn với sự phát triển theo quá trình lịch sử - tự nhiên, mà còn là biểu hiện sinh động tính lịch sử - tự nhiên của quá trình ấy. Chỉ khi nào người ta “rút ngắn” một cách duy ý chí, bất chấp quy luật thì lúc đó sự phát triển rút ngắn mới trở nên đối lập với quá trình lịch sử - tự nhiên. Có thể khẳng định rằng, quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển xã hội chẳng những diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự, mà còn bao hàm cả sự bỏ qua một hoặc một vài hình thái kinh tế - xã hội nhất định trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định.

Các tác gia kinh điển trong các tác phẩm của mình đã nêu rõ những điều kiện để các nước đi sau có thể bỏ qua chế độ tư bản để đi lên chủ nghĩa xã hội. Ở thời điểm hiện nay, nghĩa là ở bối cảnh hiện thời của tình hình quốc tế, nước ta vẫn hội đủ các điều kiện ấy để đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản :

Thứ nhất, nếu như các tác gia kinh điển cho rằng đối với các nước tiền tư bản chủ nghĩa

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.21

phải có được tấm gương của một cuộc cách mạng vô sản đã thắng lợi để làm bài học hoặc làm hình mẫu cho việc rút ngắn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì đối với Việt Nam, vấn đề này đã được lý giải cả về lý luận và thực tiễn. Cho đến nay, các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà nhất là hơn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, gần 50 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, đã là những bài học, những hình mẫu phong phú đến mức bao hàm trong đó khá nhiều bài học kinh nghiệm cả về thành công và thất bại; đã sâu sắc và chi tiết đến mức có thể nêu ra được những tình huống và những giải pháp điển hình cho sự lãnh đạo và thực hiện tiến trình cách mạng.

Thứ hai, các tác gia kinh điển chỉ ra rằng, cần phải có sự giúp đỡ tích cực của các nước tiên tiến và giai cấp vô sản quốc tế, các nước tiền tư bản chủ nghĩa mới có thể rút ngắn được con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua cho thấy, sự ủng hộ, giúp đỡ của anh em, bè bạn, nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới là nhân tố không thể thiếu được trong những thắng lợi của dân tộc ta. Hiện nay, hơn bao giờ hết, chúng ta đã có được không ít kinh nghiệm phong phú trong việc tranh thủ sự ủng hộ của các nước phát triển cũng như thu hút sự giúp đỡ của giai cấp công nhân quốc tế để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đương nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, từ sau chiến tranh lạnh, tính chất của sự giúp đỡ quốc tế đã có nhiều thay đổi. Bối cảnh thế giới và khu vực hiện nay dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra một giai đoạn mới rất phức tạp đối với những quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm nắm bắt và xử lý được các quan hệ của mình với thế giới bên

ngoài có lợi cho sự phát triển của đất nước. Đây chính là một nguyên nhân đã tạo nên những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Vấn đề là ở chỗ, cần nghiên cứu, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như ở các quốc gia khác đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở tổng kết thực tiễn đang diễn ra hết sức phong phú. Thắng lợi của 15 năm đổi mới đã đem lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý để vững tin và kiên định con đường đã lựa chọn.

Thứ ba, có một điều kiện quốc tế cực kỳ quan trọng cho phép nước ta cũng như các nước đi sau thực hiện được sự phát triển bỏ qua chế độ tư bản. Đó là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tuy có đặt ra những thách thức không nhỏ, song, về cơ bản lại tạo ra những thuận lợi lớn cho sự phát triển của đất nước. Người đi sau không phải bao giờ cũng gặp bất lợi. Đó là những điều kiện rất đặc biệt mà việc tận dụng nó sẽ tạo ra những cơ sở hiện thực cho sự phát triển để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, nếu như Lê-nin luôn luôn nhấn mạnh đến vai trò của đảng của giai cấp vô sản trong việc lãnh đạo cách mạng nói chung và trong việc thực hiện quá trình phát triển bỏ qua chế độ tư bản ở các nước tiền tư bản nói riêng, thì ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Vì những lẽ trên, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta mà Đảng ta, nhân dân ta đã lựa chọn là con đường hợp quy luật và chắc chắn sẽ giành được thắng lợi. □

ĐỂ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIỮ VAI TRÒ THEN CHỐT TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐOÀN DUY THÀNH *

QUA nhiều lần sắp xếp, chuyển đổi, hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN) từng bước được củng cố và có đóng góp tích cực vào thành tựu của quá trình đổi mới ở nước ta. Nhiều DNNN đã đứng vững trên thị trường, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đóng góp nhiều cho ngân sách. Năm 2000, DNNN đóng góp 39,5% GDP, 39,2% tổng thu ngân sách, trên 50% kim ngạch xuất khẩu; nộp thuế thu nhập trong 10 năm (1991 - 2000) gần 64 000 tỉ đồng và hiện có khoảng 250 đơn vị được cấp chứng chỉ ISO, được người tiêu dùng bình chọn đạt chất lượng sản phẩm cao 5 năm liền... Tuy nhiên, hệ thống DNNN hiện đang nổi cộm bốn vấn đề gay gắt trong cạnh tranh của kinh tế thị trường, ảnh hưởng rất lớn đến khả năng nắm giữ có hiệu quả vị trí then chốt đối với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, như sau:

1 - Quy mô và các mối quan hệ quản lý của DNNN có nhiều điểm chưa hợp lý. DNNN phát triển còn chông chéo, trùng lặp về ngành nghề, sản phẩm. Nguồn vốn hạn

hẹp nhưng lại đầu tư hình thành và phát triển nhiều DNNN có quy mô vốn quá nhỏ bé không đủ lực để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đây là một sự lãng phí lớn trong đầu tư phát triển.

2 - Trình độ kỹ thuật, công nghệ lạc hậu đã và đang là lực cản lớn đối với quá trình nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh các sản phẩm trên thương trường. Nhiều loại vật tư, nguyên liệu tồn kho từ thời kỳ bao cấp đã lỗi thời, phẩm chất đã giảm, không tiêu thụ được; nhưng DNNN vẫn “treo” lại, chờ Nhà nước có biện pháp xử lý. Do đó, DN phải tăng thêm chi phí bảo quản, cất giữ, gây ứ đọng vốn, dẫn đến tình hình tài chính DN đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

3 - Hiệu quả sản xuất kinh doanh của DNNN giảm dần, nợ nần nhiều, quan hệ phải thu, phải trả ngày càng lớn, tình hình tài chính thiếu lành mạnh. Nhà nước phải

* Bí thư Đảng đoàn - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

giúp đỡ, hỗ trợ ngày càng nhiều trong khi ngân sách nhà nước còn eo hẹp, tỷ lệ vay nợ trong và ngoài nước tăng.

4 - DNNN cũng là một trong những “địa chỉ” của tệ lãng phí, tham nhũng, gây thất thoát, tổn thất nguồn tài lực của Nhà nước.

Trong 3 năm gần đây, số DNNN cổ phần hóa và đa dạng sở hữu gần như dẫm chân tại chỗ; nhiều bộ, ngành, địa phương lại thành lập thêm DNNN dù chưa đủ cơ sở và điều kiện. Phần lớn những doanh nghiệp mới được thành lập không thuộc ngành mũi nhọn, then chốt mà chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, xây dựng, thi công xây lắp, sản xuất hàng tiêu dùng... là những lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có nhiều lợi thế hơn.

Các Tổng công ty 91 tuy là những doanh nghiệp có nhiều lợi thế và tiềm lực, nhưng tình hình cũng chưa sáng sủa hơn so với thực trạng chung của DNNN. Về vốn, 17 doanh nghiệp này nắm giữ tới 80 000 tỉ đồng/126 000 tỉ đồng, chiếm tới 63,5% tổng số vốn ngân sách tại các DNNN, nắm giữ các sản phẩm quan trọng nhất và luôn được hưởng các chính sách ưu ái của Chính phủ mỗi khi gặp khó khăn. Thế nhưng, số lãi trước thuế của 17 Tổng công ty trong 6 tháng đầu năm 2001 chỉ đạt 92% so với cùng kỳ, chỉ bằng 47% kế hoạch năm, vẫn còn 23% số các doanh nghiệp thành viên bị thua lỗ.

Thực trạng trên đây của DNNN là do 4 nguyên nhân chính sau đây:

Một là, hệ thống thể chế, chính sách đối với DNNN chưa được cải tiến kịp quá trình đổi mới theo cơ chế quản lý của nền kinh tế thị trường. Hệ thống thể chế, chính sách hiện nay vừa thể hiện lối tư duy cũ, nặng cơ chế xin - cho, ban phát, bảo trợ đến mức tối đa từ ngân sách Nhà nước, từ các mệnh lệnh

theo ý muốn chủ quan của các cơ quan hành chính, quản lý cấp trên để không chệch hướng và mong muốn nó làm được vai trò then chốt, cạnh tranh thắng lợi trên thương trường. Do vậy, quyền tự chủ, tự quyết định của DNNN trên thương trường bị tước bỏ; quyền tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định, quyết đoán cũng không còn... Điều đó còn gây tâm lý ỷ lại nặng nề, dựa dẫm vào sự bảo trợ của Nhà nước, vừa triệt tiêu động lực, vừa không khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của mình. Trong khi đó, chính sách tiền lương bất hợp lý kéo dài trong nhiều năm, vừa không khuyến khích, động viên được người lao động, không bảo đảm được cuộc sống; vừa không khuyến khích những người tài giỏi nâng cao năng suất, hiệu quả. Chẳng hạn như chênh lệch tiền lương giữa công nhân kỹ thuật bậc cao với lao động phổ thông quá thấp (chỉ có 1,3 trong khi ở các nước là 5,5)... Đó là một trong những nguyên nhân chính làm “chảy chất xám” và nạn tham nhũng trong DNNN. Ngoài ra, còn phổ biến tình trạng “luật đá luật”, chồng chéo trái ngược nhau bởi sự chi phối của tính cục bộ và lợi ích của các bộ, ngành và các cấp quản lý ở địa phương ngay từ khi soạn thảo các dự án luật và các văn bản dưới luật.

Hai là, tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp chưa hợp lý. Với bộ máy quản lý hiện nay, hệ thống DNNN đã phải gánh chịu hai gọng kìm bất cứ lúc nào cũng đến kiểm tra mà giúp đỡ thì ít, hạch sách thì nhiều. Một bên là bộ, ngành, cấp chủ quản của doanh nghiệp và một bên là các tổ chức thanh tra, kiểm tra thuộc bộ quản lý chuyên ngành với hệ thống ngành dọc từ trên xuống dưới. Tức là, tất cả các bộ, ngành với hệ thống dọc, ngang đều có quyền thực hành chức năng của mình tại doanh nghiệp để

hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra... ; trên thực tế, nhiều khi đó là sự nhiễu loạn phiền hà và gây tổn thất cho doanh nghiệp, hiệu quả thấp và không rõ rệt.

Đáng lưu ý là sự tồn tại lâu dài của cơ chế bộ, ngành và cấp chủ quản với 2 chức năng song hành là vừa đại diện chủ sở hữu nhà nước, vừa làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với DNNN đã tạo cơ sở pháp lý cho các cấp can thiệp quá sâu vào mọi lĩnh vực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hậu quả của cơ chế chủ quản là, *một mặt* gây tâm lý ỷ lại, thói quen bị động, thụ động, xin xỏ các điều kiện thuận lợi trong kinh doanh (xin vốn, quota, đầu mối xuất, nhập khẩu, cung cấp thông tin, giới thiệu đối tác làm ăn...) và là địa chỉ tin cậy để cầu mong có sự “thông cảm” hoặc bao che đáng tin cậy khi doanh nghiệp có điều sai trái, vi phạm pháp luật... ; *mặt khác*, tạo ra thói quan liêu, hách dịch, mệnh lệnh cho cấp dưới thi hành với nhiều gậy chỉ huy, nhiều người quản lý của cơ quan chủ quản, nhưng cuối cùng là không có ai chịu trách nhiệm từ các “mệnh lệnh” đó.

Ba là, đội ngũ cán bộ lãnh đạo DNNN chưa được phát huy và thể hiện được năng lực, bản lĩnh cần phải có. Yêu cầu đối với giám đốc trong điều kiện mới không chỉ có năng lực, trình độ về nghiệp vụ kinh doanh mà cần phải có óc sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, sự nhanh nhẹn trong việc thu thập và xử lý thông tin, sáng suốt trong dự báo các tình huống trên thương trường với sự năng động, chủ động trong kinh doanh, có phẩm chất vững vàng trong quá trình đối mặt với tiền - hàng, coi tài sản của quốc gia như của chính mình với ý thức “vì nhân dân phục vụ”, làm giàu cho dân, cho nước, cho mình. Trách nhiệm không chỉ thuộc bản thân của từng giám đốc, mà lớn hơn, cao hơn thuộc

về hệ thống tổ chức và cán bộ trong việc theo dõi đề bạt, bổ nhiệm giám đốc nói riêng và đội ngũ cán bộ chủ chốt trong từng doanh nghiệp nói chung.

Bốn là, mô hình và cơ chế lãnh đạo của Đảng trong DNNN còn nhiều bất cập, nên chưa phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của thủ trưởng doanh nghiệp. Mặt khác, DNNN còn là cái “túi” chứa đựng nhiều loại lao động. Đây là nỗi khổ tâm của không ít giám đốc doanh nghiệp muốn cải tổ, cải cách, đổi mới, sắp xếp lại nhân sự trong doanh nghiệp.

Với thực trạng như vậy, dù giám đốc có giỏi về năng lực, trình độ, tốt về phẩm chất đạo đức chăng nữa thì cũng khó bề thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, làm ăn có hiệu quả ; còn với những giám đốc bất lực về trình độ, xuống cấp về đạo đức thì doanh nghiệp càng đến nhanh tới sự thua lỗ, yếu kém, phá sản...

Từ sự phân tích nhiều mặt như trên, cho thấy việc thua lỗ kém hiệu quả thậm chí phá sản của một bộ phận DNNN *không phải do thuộc tính, bản chất của DNNN* mà chủ yếu do *con người* - từ khâu hoạch định thể chế, chính sách, cơ chế tổ chức bộ máy quản lý cho đến việc quản trị, điều hành trong từng doanh nghiệp cũng như cả hệ thống.

Ở nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước hoàn toàn có đủ năng lực và quyền lực để xác định những chính sách và các giải pháp khắc phục tồn tại, xử lý những hậu quả để các DNNN đảm nhiệm được những vị trí then chốt với hiệu quả cao tạo lợi thế, điều kiện thuận lợi đối với sự phát triển.

Trên tinh thần đó, tôi xin kiến nghị 5 giải pháp cơ bản sau đây :

Một là, tận dụng và sử dụng có hiệu quả cao nhất nguồn lực vật chất to lớn của kinh tế nhà nước để *đẩy mạnh việc chuyển dịch*

cơ cấu kinh tế từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ với tốc độ nhanh hơn. Trong đó, mục tiêu ưu tiên hàng đầu là củng cố các DNNN đã có các cơ sở kinh tế vững chắc, đồng bộ ; đã và đang có những tiềm lực về năng suất, chất lượng, hiệu quả làm nông cốt để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao tốc độ tăng trưởng. Trước mắt, cần phải tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong việc hình thành đồng bộ các thể chế kinh tế thị trường vốn, lao động, đất đai, địa ốc, thông tin, khoa học và công nghệ... Đồng thời, để thực hiện được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu nông nghiệp - nông thôn nói riêng, phải đổi mới cơ chế và phương hướng đầu tư của Nhà nước, cải cách thực hiện hệ thống tài chính - ngân hàng theo hướng tập trung đầu tư cho *chuyển dịch cơ cấu kinh tế* và tôn trọng các cam kết với các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế.

Cần tổ chức chỉ đạo triển khai cải cách đồng bộ, có hiệu quả 4 lĩnh vực then chốt : cải cách *thể chế* (chính sách, luật pháp) ; cải cách *hành chính*, bộ máy *tổ chức, nhân sự* ; cải cách hoạt động *tài chính - ngân hàng* ; nâng cao chất lượng *nguồn nhân lực*. Trong đó, cải cách chế độ, chính sách tiền lương phải được coi là khâu đột phá để xoay chuyển toàn bộ tình hình, tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện cải cách ở các lĩnh vực khác.

Hai là, vấn đề cải cách thể chế kinh tế cần được Nhà nước chỉ đạo khẩn trương, đồng bộ, đạt được sự thống nhất chung giữa các bộ, ngành và các cấp quản lý nhằm khắc phục được những tồn tại hiện nay để tạo động lực phát triển. Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN,

khắc phục những yếu kém, tháo gỡ những vướng mắc.

Vấn đề quan trọng đặt ra đối với cải cách thể chế DNNN là cần phải đạt được những yêu cầu cải cách các loại thể chế, bao hàm đầy đủ các nội dung sau đây :

(1) DNNN có mặt đúng trận tuyến then chốt, bảo đảm được định hướng và sự ổn định xã hội, an sinh nhân dân bất kỳ trong tình huống nào. Không phát triển DNNN tràn lan sang các lĩnh vực, ngành nghề mà các thành phần kinh tế khác có thể làm.

(2) Tạo lập cho được những cơ sở, những điều kiện tối thiểu, cần thiết ban đầu cho DNNN đủ sức hoạt động với thế mạnh về cạnh tranh và nguồn lực trên một sân chơi bình đẳng ; các DNNN cũng cần cạnh tranh với nhau để phát triển.

(3) Không có sự can thiệp quá sâu của Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu để quản lý trực tiếp về phương án sản xuất kinh doanh, vốn, nhân sự, tiền lương, phân phối lần đầu và kiểm tra, kiểm soát đối với DNNN làm cho người điều hành doanh nghiệp phải hoạt động trong thế bị động, lúng túng khó khăn, không phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh mà luật pháp đã quy định.

(4) Không có kẽ hở trong thể chế, chính sách để bọn xấu có thể lợi dụng, đặc biệt cần loại bỏ ngay bọn ăn cắp, những kẻ hám danh, hám lợi, lừa đảo, thông đồng trong ngoài để “rút ruột nhà nước”. Đồng thời, không hình sự hóa các quan hệ kinh tế - dân sự, công tác thanh tra, kiểm tra có tác dụng thiết thực, vừa phát hiện nhân tố mới, vừa phát hiện, ngăn chặn sai lầm.

(5) Xóa bỏ cơ chế chủ quản đối với DNNN của các bộ, ngành, cấp quản lý hành chính địa phương trên cơ sở phân định rõ 2 chức năng của đại diện chủ sở hữu

Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước. DNNN chỉ chịu sự kiểm tra, quản lý, giám sát của luật pháp nói chung, của các bộ quản lý chuyên ngành ở từng lĩnh vực nói riêng. Bộ trưởng Bộ Tài chính được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền làm đại diện chủ sở hữu nhà nước, thông qua một hệ thống tổ chức đầu tư vốn cho DNNN theo phương thức hạch toán kinh doanh, chứ không phải cấp vốn bằng phương thức hành chính như trước.

(6) Luật hóa về trách nhiệm thực hiện quy chế dân chủ tại doanh nghiệp và trách nhiệm của người thủ trưởng thuộc cơ quan chủ quản và người giám đốc phải chịu trách nhiệm bồi thường, chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về sự tổn thất, thua lỗ của doanh nghiệp.

(7) Các chức danh có trách nhiệm chủ yếu về quản trị, điều hành DNNN cần áp dụng những phương pháp tuyển chọn nghiêm túc đúng ngành, nghề đào tạo, chặt đứt những đường dây móc ngoặc trên dưới, trong ngoài về cán bộ, phải có sự cam kết trước pháp luật đối với cán bộ được bổ nhiệm vào các chức danh này.

Yêu cầu cao nhất của các loại thể chế đối với DNNN nói riêng, kinh tế nhà nước nói chung là, *một mặt*, phải thể hiện được những loại tài sản - vốn liếng, cơ sở vật chất đang do nhà nước sở hữu, là tài sản *có chủ* chứ không phải là tài sản *vô chủ*, không thể bòn rút, đục khoét, ăn cắp... ; *mặt khác*, cơ chế quản lý không trói buộc DNNN, làm cho nó rơi vào tình trạng bị động, thụ động, ỷ lại, tạo ra thói quen ăn gian nói dối, nịnh bợ không phát huy được tính chủ động, năng động và sáng tạo của chính nó.

Ba là, trách nhiệm quản lý, điều hành DNNN cần được xác định rõ và giao cho một người là Tổng giám đốc. Do vậy, trong

quy chế làm việc của doanh nghiệp, Nhà nước phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ giữa Tổng giám đốc với bí thư đảng bộ ; tập thể ban giám đốc với tập thể Ban Thường vụ đảng bộ doanh nghiệp. Khi trách nhiệm rõ ràng, quyền hạn phân minh giữa cá nhân và tập thể thì mới tránh được tình trạng chồng chéo, dậm đạp, đùn đẩy, ỷ lại nhau từ trong nội bộ doanh nghiệp và mới có thể thành công trong kinh doanh.

Để làm được việc đó, Nhà nước phải chọn lựa, thi tuyển, để cử người có năng lực, trình độ, phẩm chất xứng đáng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.. Đối với Tổng giám đốc DNNN phải qua thi tuyển nghiêm túc, được sát hạch qua một hội đồng giám khảo về các phương án sản xuất kinh doanh, có sự cam kết trách nhiệm trước pháp luật về sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, và bồi thường vật chất nếu để xảy ra tổn thất. Tổng giám đốc tuân thủ và hoạt động theo luật pháp trong mọi lĩnh vực mà doanh nghiệp đang kinh doanh, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ cơ sở, quyết định các công việc của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trước pháp luật về những quyết định đó. Nếu 1, 2 năm mà sản xuất kinh doanh không đạt hiệu quả thì trước hết bãi miễn chức vụ, sau đó tùy vụ việc vi phạm mà xử lý hành chính hay truy tố.

Bốn là, xóa bỏ hẳn cơ chế chủ quản đối với DNNN. Có ý kiến lo ngại rằng, nếu Nhà nước giao cho Bộ Tài chính đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, thông qua hệ thống tổ chức dọc của ngành này để thực hiện đầu tư vốn các loại DNNN thì e không đảm đương nổi nhiệm vụ. Và quan trọng hơn, họ còn cho rằng với cơ chế đó, chỉ khác trước đây có nhiều bộ, cấp chủ quản thì nay tập trung vào một bộ - Bộ Tài chính. Xoay quanh chủ

đề này, ý kiến còn khác nhau là chuyện bình thường. Chúng tôi cho rằng, với cơ chế này sẽ tạo ra *sự thay đổi về chất* trong quan hệ quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các loại hình doanh nghiệp nhà nước. Bởi vì, khi tập trung vào *một đầu mối* chịu trách nhiệm chính trong việc đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước thì chỉ có một địa chỉ chịu trách nhiệm duy nhất trước Nhà nước, trước pháp luật về gìn giữ và phát triển các loại tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Mặt khác, sẽ giải quyết kịp thời, thống nhất những vấn đề phát sinh trong thực tiễn về tài sản, vốn liếng của Nhà nước trong quá trình hoạt động của các loại hình DNNN. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển, mỗi xí nghiệp cần có một trang Web, và hàng ngày Bộ Tài chính có thể nắm trọn tình hình các doanh nghiệp.

Điều đó, hoàn toàn khác với việc *phân tán cho nhiều đầu mối* với tư cách là bộ, ngành, cấp hành chính chủ quản với 2 chức năng vừa đại diện chủ sở hữu, vừa quản lý nhà nước theo cơ chế hiện hành trong việc đầu tư, quản lý và sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Từ đó, các bộ, ngành sẽ chuyên tâm hơn vào chức năng quản lý nhà nước, còn doanh nghiệp nhà nước sẽ giảm bớt được nhiều đầu mối phải “trình bẩm”.

Chuyển đổi *một cách hữu hiệu* từ phương thức đầu tư, quản lý vốn và sử dụng vốn nhà nước theo *cách quản lý hành chính* thông qua việc cấp phát vốn từ ngân sách nhà nước sang phương thức đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước theo phương pháp *hạch toán kinh doanh XHCN* đối với quá trình đầu tư vốn cho các loại hình doanh nghiệp nhà nước theo những mục tiêu và các tiêu chí hiệu quả về kinh tế - chính trị - xã hội.

Đối với các DNNN, trước đây, có quá nhiều bộ, ngành, cấp hành chính chủ quản

thì nay, chỉ có một cơ quan “chủ quản” duy nhất trong việc đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước. Đó là sự giải phóng, cởi trói đáng kể cho DNNN mà lâu nay họ đã từng gánh chịu mọi hậu quả của cơ chế chủ quản. Giả sử những tiêu cực, những nhiễu vẫn tiếp tục phát sinh với một cơ quan chủ quản duy nhất, đó là địa chỉ dễ truy tìm, quy trách nhiệm và xử lý.

Vấn đề quan trọng nhất, có tầm quyết định đến hiệu quả của mô hình trên là về mặt tổ chức, phải chọn được người tài để quản lý, phải thực hiện 3 lợi ích rất nghiêm minh bảo đảm người tài được hưởng thụ xứng đáng. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có đủ sức hội nhập và cạnh tranh trên thương trường quốc tế. Do đó, việc đổi mới tổ chức, quản lý DNNN là cấp bách; phải kiên quyết loại bỏ mô hình không đem lại hiệu quả.

Việc nắm tình hình và chỉ đạo từ Thủ tướng đến các Bộ xuống thẳng DNNN thông qua mạng lưới thông tin, trang Web chung gắn với trang Web từng doanh nghiệp nhanh nhạy, kịp thời và không tốn phí nhiều. Khi cần kiểm tra cụ thể một DNNN sẽ cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra. Việc quan trọng nhất là có giám đốc giỏi, hạch toán rõ ràng theo pháp luật, cập nhật đầy đủ hàng ngày trên trang Web. Có thể bắt đầu thực hiện ở các Tổng công ty 90, 91; sau đó đúc rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Xóa bỏ hẳn cơ chế bộ và cấp hành chính chủ quản, thì ranh giới doanh nghiệp trung ương và doanh nghiệp địa phương cũng không còn như trước. Nó sẽ được hình thành dưới dạng công ty mẹ, công ty con; hay một doanh nghiệp lớn với những doanh nghiệp nhỏ cùng kinh doanh một ngành nghề, một loại sản phẩm từ trên xuống với tư cách là vệ tinh, thầu phụ; hoặc là Tổng công ty lớn với những công ty thành viên không phải ép buộc từ mệnh lệnh hành chính mà xuất

phát từ ý thức tự nguyện để đạt được hiệu quả cao. Như vậy, chỉ có 2 cơ quan được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm trong việc quyết định thành lập và đầu tư vốn cho DNNN là Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Trong đó, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định và Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức đầu tư vốn theo phương thức hạch toán kinh doanh chứ không phải cấp vốn theo phương thức quản lý hành chính từ ngân sách nhà nước và phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc tính toán đầu tư, quản lý và kinh doanh vốn trong DNNN sao cho đạt hiệu quả cao.

Năm là, mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền trong hoạt động của DNNN cũng cần được nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh. Các đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức cần nắm vững hành động của đảng viên, đặc biệt về phẩm chất đạo đức; lãnh đạo đảng viên hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được phân công; thực hiện vai trò giám sát, kiểm tra, giữ vững nền nếp sinh hoạt, phê và tự phê để quản lý đảng viên và giữ gìn đoàn kết nội bộ trong đảng bộ theo điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thông qua sự lãnh đạo về chính trị - tư tưởng - tổ chức trong các DNNN, các tổ chức cơ sở Đảng tìm ra những biện pháp để nâng cao đạo đức, phẩm chất của đảng viên, sự năng động, sáng tạo, tài giỏi của doanh nghiệp. Đồng thời, tìm các giải pháp tích tụ, tập trung vốn, đầu tư đổi mới công nghệ để mở rộng, phát triển doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách ngày càng cao từ hiệu quả kinh doanh của mình. DNNN phải nêu gương tốt về năng suất, chất lượng, hiệu quả, chấp hành tốt pháp luật, hướng dẫn,

giúp đỡ các loại hình doanh nghiệp khác cùng phát triển; tạo công ăn việc làm cho người lao động, giúp đỡ, hướng dẫn những vùng dân cư chung quanh trụ sở doanh nghiệp thực hiện xóa đói, giảm nghèo, từng bước biết cách làm ăn, vươn lên làm giàu.

Các DNNN thực hiện tốt các vấn đề nêu trên nhằm góp phần củng cố mối quan hệ liên minh công - nông - trí thức trong cơ chế mới theo đường lối của Đảng. Từ đó, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho đời sống nông dân, thực hiện từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn một cách thiết thực. Và như vậy, DNNN sẽ góp phần giải quyết có hiệu quả thị trường tiêu thụ, cung cấp thông tin, xử lý vốn và tiếp cận với những tiến bộ khoa học và kỹ thuật sản xuất, kinh doanh hiện đang là những mặt yếu kém của doanh nghiệp vừa và nhỏ; tạo điều kiện để phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp dân doanh trên các địa bàn, các vùng lãnh thổ, nhất là các vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để khép dần khoảng cách giàu nghèo ngày càng doãng ra giữa thành thị và nông thôn nói chung, trên từng vùng, từng địa bàn dân cư nói riêng.

Vai trò, vị trí then chốt của DNNN trong cơ chế mới phải nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu như trên để thúc đẩy sự phát triển từ nội tại của đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả trên thị trường nội địa, trong quan hệ kinh tế khu vực và quốc tế. Đạt được điều đó, chỉ có một phương cách duy nhất đúng là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, chỉ đạo với đầy đủ quyết tâm, quyết liệt để *"tuyển đúng người giỏi, ưu đãi người tài, bảo vệ người trung thực, loại bỏ kẻ nịnh bợ, xóa đi phường gian dối, bài trừ được tham nhũng"* trong các đơn vị kinh tế nhà nước. □

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN

Lời BBT : Như đã giới thiệu ở số 1 (tháng 1 năm 2002), vừa qua Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tỉnh ủy Hải Dương tổ chức cuộc Hội thảo khoa học thực tiễn : “Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện”. Xin trân trọng giới thiệu một số bài phát biểu quan trọng trong Hội thảo.

XỬ LÝ ĐÚNG CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ

HÀ ĐĂNG

VẤN đề “Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện” được giới hạn ở cán bộ lãnh đạo và quản lý mà không phải cán bộ nói chung, và cũng giới hạn ở cấp tỉnh, huyện, chứ không phải là ở tất cả các cấp ; song đó lại là vấn đề rất quan trọng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung của Đảng, bởi hai lẽ :

Một : Tỉnh và huyện, gọi chung là địa phương. Mà các địa phương chính là chiếc

cầu nối giữa trung ương và cơ sở (tôi không coi đó là cấp trung gian). Địa phương không phải cấp chiến lược, lãnh đạo vĩ mô, nhưng cũng không phải chỉ là cấp chiến thuật, trực tiếp giải quyết những vấn đề vi mô như cơ sở. Nhưng, nếu muốn biến những vấn đề chiến lược ở cấp vĩ mô thành những hành động cụ thể mang tính chiến thuật ở cấp vi mô thì nhất thiết không thể không có bàn tay của tỉnh, huyện mà ta hay gọi là cấp “trung mô” (trung mô tỉnh thì gần với trung

ương hơn, còn trung mô huyện thì lại gần với cơ sở hơn).

Hai : Xét về mặt số lượng, nếu tôi không nhầm, thì tổng số cán bộ lãnh đạo và quản lý ở tỉnh và huyện lớn hơn cán bộ lãnh đạo, quản lý ở trung ương hay ở cơ sở. Bộ mặt và tấm lòng của Đảng và Nhà nước, nếu biểu hiện trong đội ngũ cán bộ thì trực tiếp nhất đối với nhân dân lại là cán bộ tỉnh, huyện.

Như vậy, khi nói đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện, chúng ta không thể không nói đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý nói chung của Đảng.

Khi nghiên cứu lại Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, các Nghị quyết của Trung ương 6, 7 và 8 (khóa VIII), phần xây dựng Đảng trong Báo cáo Chính trị Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 4 mới đây ; thật khó mà nói gì hơn là những vấn đề mà Trung ương đã nêu. Tuy vậy, khi nghiên cứu chiến lược cán bộ, liên hệ với vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cấp tỉnh, huyện, tôi đặc biệt chú ý hai điểm sau :

Một là : Trong 5 bài học kinh nghiệm về công tác cán bộ, bài học thứ ba ghi như sau : Có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách khách quan, khoa học, công tâm. Xử lý các mối quan hệ giữa đức và tài, quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích, giai cấp và dân tộc, tiêu chuẩn và cơ cấu, năng lực thực tế và bằng cấp (cả danh hiệu và danh xưng), cán bộ đương chức và cán bộ về hưu.

Hai là : Trong 4 quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ, quan điểm thứ ba ghi như sau : gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách.

Ở điểm thứ hai này, đúng như Đảng ta thường nói : Sức mạnh của một đảng chính trị được quyết định ở 3 nhân tố chủ yếu : a) Đường lối chính trị ; b) Tổ chức ; c) Cán bộ. Đường lối chính trị bao gồm cả cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược và sách lược trong từng thời kỳ - và cả những chủ trương, chính sách cụ thể. Đường lối chính trị đúng là nhân tố số 1. Sau khi có đường lối đúng thì phải có tổ chức thích hợp để bảo đảm thực hiện đường lối. Nhiệm vụ chính trị quyết định tổ chức. Không thể sáng lập ra một tổ chức mà nhiệm vụ chính trị không rõ ràng. Một tổ chức với nhiệm vụ chính trị rõ ràng, đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ bảo đảm. Vì nhiệm vụ chính trị mà đặt ra tổ chức, và vì tổ chức mà xếp đặt cán bộ chứ không phải ngược lại, vì cán bộ mà để ra tổ chức, rồi lại vì đã có tổ chức thì phải bày ra cho nó một nhiệm vụ mà nhiệm vụ ấy thì lại không cần thiết cho sự nghiệp cách mạng.

Vậy là, gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách là hoàn toàn đúng. Nếu chỉ chăm bẵm vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đòi hỏi cán bộ phải như thế này, hay như thế khác mà không đặt cán bộ ấy trong tổ chức và xây dựng tổ chức, không giải quyết tốt các cơ chế, chính sách (tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, kỷ luật, đãi ngộ...) thì chắc chắn, việc xây dựng đội ngũ cán bộ không thành công.

Ở điểm thứ nhất, bài học về đánh giá cán bộ, về bảy mối quan hệ mà tôi vừa trích ở trên, thì ở trung ương hay ở địa phương (tỉnh và huyện) đều phải xử lý thỏa đáng. Xin lấy thí dụ ở ba mối quan hệ phổ biến sau đây :

+ *Mối quan hệ giữa đức và tài* : Đảng ta coi trọng tiêu chuẩn cán bộ, phải coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Nhưng thế nào là đức, thế nào là tài, thì không phải ai cũng nhận thức đúng, nhất là trong xử lý cụ thể. Xin nhắc lại ba tiêu chuẩn chung trong chiến lược cán bộ :

Tiêu chuẩn 1 : Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Tiêu chuẩn 2 : Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức, kỷ luật, trung thực, không cơ hội, gán bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Tiêu chuẩn 3 : Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Xét một cách chung nhất thì có thể xếp tiêu chuẩn 1 và 2 là đức, bởi nó bao gồm sự trung thành và tính kiên định cách mạng, đạo đức cách mạng và tư cách cá nhân. Cho nên, ta xếp tiêu chuẩn 3 là tài vì nó đề cập tới trình độ, năng lực cán bộ. Nhưng phải chăng sự kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin

và tư tưởng Hồ Chí Minh, sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chỉ là đức không ? Nếu cán bộ không đủ tri thức, không quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thì có khi sự kiên trì lại trở thành giáo điều và bảo thủ ; nếu không tiếp cận được những quan niệm đổi mới về chủ nghĩa xã hội thì cũng sẽ là bảo thủ, là lực cản của đổi mới.

Nếu kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng là nói về đức. Nhưng nếu chỉ kiên quyết đấu tranh mà không có tri thức về vấn đề chống tham nhũng, không phân biệt được thế nào là tham nhũng với trách nhiệm làm thất thoát tài sản của Nhà nước, đặc biệt là nếu không có hiểu biết về luật pháp và định ra các biện pháp đấu tranh chống tham nhũng, tức là có tài thì có khi sự kiên quyết ấy lại trở thành sự chống lung tung và chỉ còn là lời nói suông chứ không trở thành hành động cụ thể.

Chưa biết sự phân biệt giữa đức và tài của cán bộ ở trung ương hay ở cấp địa phương dễ hơn.

+ *Mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu* : Chúng ta thường nói, giữa tiêu chuẩn và cơ cấu thì phải lấy tiêu chuẩn làm trọng trước hết. Nhưng sau mỗi kỳ bầu cử, nhìn vào thành phần cấp ủy, lại hay có nhận xét rằng, đó trước hết vẫn là cơ cấu. Vậy cái khó là ở chỗ nào ? ở chỗ có sự cần thiết phải quan tâm đến cơ cấu hay không. Mà cơ cấu thì gồm nhiều loại : giai cấp, dân tộc, địa phương, nữ, trẻ - già v.v. Nếu cứ lấy tiêu chuẩn mà so thì ngoại trừ những trường hợp riêng biệt, những cơ quan và đơn vị cụ thể

nào đó, thường là cán bộ dân tộc ít người trình độ không bằng cán bộ người Kinh, nữ không bằng nam, trẻ không bằng già... Nhưng rõ ràng là, trong một cấp ủy chỉ có nam mà không có nữ, chỉ có già mà không có trẻ ; ở các địa phương miền núi chỉ có Kinh mà không có Thượng hoặc là Thượng quá ít v.v. cũng không ổn. Cấp ủy một tỉnh không chỉ vì tiêu chuẩn mà dồn cán bộ vào một huyện, thị nào đó ; và cấp ủy huyện, thị thì không chỉ dồn cho một xã, phường nào đó. Một cán bộ lãnh đạo và quản lý lâu năm thường có trình độ cao hơn một cán bộ trẻ, nhưng không vì thế mà không chọn cán bộ trẻ để thay thế. Cho nên, đừng vì cơ cấu mà bất chấp tiêu chuẩn, nhưng lại không thể tuyệt đối hóa tiêu chuẩn để rồi không chú trọng đến cơ cấu. Có khi cơ cấu tự nó trở thành tiêu chuẩn.

+ *Mối quan hệ giữa năng lực thực tế và bằng cấp* : Thông thường, chất lượng cán bộ được quyết định trước hết bởi năng lực thực tế chứ không phải bằng cấp. Nhưng trong khi đánh giá cán bộ, cách dễ làm nhất lại là xem xét bằng cấp chứ không phải xem xét năng lực thực tế. Bằng cấp là gì ? là chứng chỉ về một trình độ được đào tạo, còn trình độ đó được thử thách trong hoạt động thực tiễn mới trở thành năng lực thực tế. Sau Đại hội IX, với việc đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư, một số cơ quan thông tấn phương Tây nhận xét rằng, đây là ông Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta có bằng đại học. Người ta cũng bảo rằng, trong nước ta hiện nay số người có bằng đại học và trên đại học nhiều hơn trước, có nghĩa là Đảng ta đang trong xu thế tri thức hóa đội

ngũ cán bộ. Nhận xét đó đúng với thực tế khách quan. Nhưng có phải khi ta bầu những đồng chí đó vào trung ương là ta xem xét trước hết ở bằng cấp mà không tính đến năng lực thực tế không ? Không phải. Các đồng chí Tổng Bí thư trước đây của Đảng ta quả thật là chưa có ai có bằng đại học, nhưng xét về trình độ và năng lực thực tế thì vượt xa đại học, là thầy của đại học cũng nên. Tôi cho rằng, đó không phải chỉ là tri thức về hoạt động thực tiễn, về khoa học xã hội, lý luận Mác - Lê-nin mà cả tri thức về khoa học tự nhiên. Thông thường bằng cấp và trình độ đi đôi với nhau, nhưng không phải không nhiều trường hợp bằng cấp một đẳng mà trình độ lại một nẻo, nhất là khi, đó là bằng cấp giả hay bằng cấp rởm.

Nói thế để nhấn mạnh tính khách quan trong đánh giá cán bộ giữa năng lực thực tế và bằng cấp mà hoàn toàn không có ý gì coi thường bằng cấp. Quyết định của Trung ương 3 (khóa VIII) về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ là : Phần đầu chậm nhất là từ năm 2005 trở đi, nói chung những cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi, từ cấp huyện trở lên ít nhất phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về lý luận chính trị. Có nghĩa là phải có bằng cấp, bằng cấp phản ánh trình độ, và trình độ gắn liền với năng lực thực tế.

Kết luận lại : Có rất nhiều mối quan hệ trong công tác cán bộ. Và bất kỳ mối quan hệ nào cũng đều phải được xử lý đúng. Có xử lý đúng các mối quan hệ ấy thì công tác cán bộ mới trôi chảy. Đó là chuyện của trung ương, mà cũng là chuyện của tỉnh, huyện.□

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP TỈNH, HUYỆN

NGUYỄN DUY HÙNG *

CHÚNG ta đang ở năm đầu của thế kỷ XXI. Đây là một thời điểm lịch sử hết sức quan trọng đối với Việt Nam. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IX của Đảng đã nhận định : ***“Thế kỷ XXI có thể sẽ có nhiều biến đổi to lớn trong quá trình phát triển, làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội”***. Nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, nặng nề đang đặt ra cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam là phải tạo ra những tiền đề căn bản cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục phát triển với quy mô lớn và tốc độ cao. Trong tiến trình không thể đảo ngược của công cuộc đổi mới, cần phải tiếp tục khắc phục những tồn tại từ cơ chế quan liêu, bao cấp cũ, đồng thời phải giải quyết một cách có hiệu quả nhiều vấn đề hết sức mới. Tình hình đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ của Việt Nam phải có đầy đủ phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị, hiểu biết lý luận và tinh thông nghiệp vụ, vững vàng kiên định đồng thời rất thông minh sáng tạo.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII) đã chỉ rõ, đồng thời với việc xây dựng đường lối chính trị và chiến lược kinh tế, xã hội và an ninh, quốc phòng phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ ngang tầm với những nhiệm vụ của thời kỳ lịch sử mới, trong đó phải đặc biệt chú trọng đội ngũ cốt cán ở các

cấp, trước hết là ở cấp chiến lược và cấp cơ sở. Một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược cán bộ là phải tạo được nguồn cán bộ, xây dựng được quy hoạch và chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ.

Lãnh đạo, quản lý nói chung là công tác có tầm quan trọng đặc biệt do tác động chính trị, kinh tế, xã hội của nó ; đồng thời cũng mang tính đặc biệt tinh tế, phức tạp do đối tượng tác động của công việc. Để có thể điều chỉnh được các quá trình phát triển kinh tế - xã hội, người cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện phải hiểu biết được bản chất và tính quy luật của các hiện tượng, quá trình xã hội đó, làm sao có thể tập hợp, tổ chức, định hướng suy nghĩ và hành động của quần chúng, phải hiểu và ***“biết làm việc với con người”***.

Đó là công việc hết sức khó khăn và phức tạp mà để làm tốt công việc đó, người cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện không thể chỉ có ý chí và lòng nhiệt thành, mà còn phải được trang bị kỹ lưỡng về tri thức và nghiệp vụ công tác lãnh đạo. Có thể nói lãnh đạo, quản lý cũng là một nghề nghiệp, với những ***“quy trình công nghệ”*** tinh tế, nghiêm ngặt. Số đông cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện của chúng ta vốn là những cán bộ được đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, nhưng ít được huấn luyện, đào tạo

* TS. Vụ trưởng Ban Tổ chức Trung ương

về nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện trong giai đoạn hiện nay, nhất là bước sang thế kỷ XXI, không phải chỉ là một nhà quản lý, chuyên môn thuần túy mà còn phải hoạt động như một nhà chính trị chuyên nghiệp. Họ không chỉ làm việc một cách mò mẫm với vốn liếng kinh nghiệm tự tích lũy qua thực tế công tác của bản thân, mà phải được đào tạo một cách công phu, chuẩn bị một cách kỹ lưỡng, để đáp ứng được những yêu cầu chất lượng của công việc.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IX của Đảng chỉ rõ phương hướng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời gian tới : *“Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước... xây dựng, chỉnh đốn các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập”*. Đại hội cũng xác định mục tiêu cụ thể : *“Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định”*.

Để có thể thực hiện tốt theo phương hướng, mục tiêu của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện do Đại hội IX của Đảng đã đề ra cần phải có những giải pháp đồng bộ và có tính khả thi cao.

1. Trước hết, phải xây dựng cụ thể hóa tiêu chuẩn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện.

Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong những năm tới đã được Đại hội IX của Đảng xác định ; phân tích sáng tỏ những yêu cầu, tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện. Trên cơ sở đó xác định

một cách cụ thể những mục tiêu đào tạo phù hợp với đội ngũ cán bộ này.

Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đã nêu lên 3 tiêu chuẩn chung cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Một trong những tiêu chuẩn đó, đã xác định cụ thể là có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Riêng đối với người cán bộ lãnh đạo, quản lý, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) còn nhấn mạnh những tiêu chuẩn sau đây :

- * Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối và khả năng đấu tranh bảo vệ quan điểm đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- * Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết nội bộ.

- * Có kiến thức về khoa học lãnh đạo và quản lý, đã học tập có hệ thống ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân, trải qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả cao.

Cần phải căn cứ vào những tiêu chuẩn chung trên đây để xây dựng cụ thể hóa tiêu chuẩn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện. Trên cơ sở đó xác định mục tiêu đào tạo ở mỗi hệ lớp phải phù hợp và đáp ứng những tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện. Có như vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ này mới được triển khai đúng hướng, đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ mới.

2. Làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện

trong những năm trước mắt (2001 - 2005) và cho lâu dài (2006 - 2010).

a - Đối với nguồn cán bộ diện quy hoạch dự bị các chức danh cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện trước mắt.

Cần rà soát lại quy hoạch, căn cứ lại tiêu chuẩn chức danh đã xây dựng mà đánh giá lại thực chất mặt mạnh, mặt yếu, khả năng và triển vọng của từng người. Qua đó mà đưa ra khỏi diện quy hoạch đối với những cán bộ không đủ tiêu chuẩn. Đồng thời đánh giá, lựa chọn bổ sung số cán bộ ngoài diện quy hoạch đủ tiêu chuẩn phải có triển vọng đưa vào diện quy hoạch. Đối với những địa phương, đơn vị chưa xây dựng quy hoạch cần xem xét lại nguồn cán bộ cụ thể, có thể chuyển cán bộ đủ tiêu chuẩn từ nơi khác đến bổ sung cho nơi thiếu, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ địa phương.

b - Đối với cán bộ diện quy hoạch đào tạo lâu dài.

Cần xem xét lựa chọn nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch đào tạo lâu dài là những người ưu tú trong những người lao động trẻ, công nhân trẻ, cán bộ, công chức trẻ ở cơ sở, trong sinh viên giỏi, trong lực lượng vũ trang có triển vọng để đào tạo, bồi dưỡng nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện dài hạn.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện thông qua rèn luyện, thử thách trong công tác thực tế.

Để đảm nhận hoàn thành được tốt nhiệm vụ chức trách được giao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện cần phải qua các lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nhưng quan trọng nhất là giúp cán bộ tiếp thu và tự hoàn thiện thường xuyên những kinh nghiệm lãnh đạo qua thực tế công tác.

a - Trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện cần khắc phục những nhược điểm của cách làm hiện nay, học quá nhiều nhưng kiến thức chung chung, không thiết thực, học không đi đôi với hành, hoặc

ngược lại nặng về lượm lặt kinh nghiệm thực tế một cách rời rạc, bị động, không vận dụng được những điều đã học để phân tích, chủ động tiếp thu một cách khoa học những kinh nghiệm đó. Chỉ khi nào kết hợp được cả hai mặt học và hành thông qua công tác thực tiễn, việc đào tạo cán bộ mới có hiệu quả thực sự, thể hiện ở sự chuyển biến mạnh về chất, của họ trên mọi mặt. Đương nhiên, để làm được điều đó, cần những cải cách có tính cách mạng trong tổ chức việc đào tạo, nội dung và phương pháp đào tạo.

b - Tổ chức tốt việc luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện coi đây là khâu đột phá trong công tác cán bộ hiện nay.

Do tính chất công việc ở cấp tỉnh, huyện để làm tròn nhiệm vụ của mình đòi hỏi người cán bộ phải có cái nhìn tổng hợp, hiểu biết các lĩnh vực có liên quan. Việc luân chuyển công tác giúp cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện có được những hiểu biết cụ thể và kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực, cách tiếp cận và xử lý tổng hợp đó, khiến họ dễ hợp tác, phối hợp với nhau hơn. Đặc biệt đối với cán bộ lãnh đạo chủ trì, cán bộ lãnh đạo những ngành quản lý tổng hợp, cán bộ lãnh đạo đoàn thể việc này lại càng quan trọng. Sẽ rất có lợi nếu áp dụng thống nhất một số mô hình luân chuyển cần thiết, tối thiểu, hợp lý như : một Bí thư tỉnh ủy đã qua các vị trí Chủ tịch tỉnh, Bí thư huyện ủy, Giám đốc sở, ngành ; một Chủ tịch tỉnh đã qua Bí thư huyện ủy, Chủ tịch huyện, Giám đốc sở ; một giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư tốt nhất là đã qua Chủ tịch huyện...

Luân chuyển một số chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, huyện như : Bí thư, Chủ tịch tỉnh ; Bí thư, Chủ tịch huyện theo hướng sau đây :

* Không bố trí Bí thư, Chủ tịch tỉnh, Bí thư, Chủ tịch huyện là người địa phương. Những cương vị đó điều từ nơi khác đến theo một chế độ, kế hoạch thống nhất.

* Thực hiện điều động, luân chuyển giữa Bí thư, Chủ tịch tỉnh với lãnh đạo các ban, bộ, ngành trung ương ; giữa Bí thư, Chủ tịch huyện với lãnh đạo các ban, sở, ngành, tỉnh.

* Các chức danh nói trên không giữ một vị trí tại một địa phương quá hai khóa (tốt nhất là một khóa). Nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có thể xem xét đề bạt, giao nhiệm vụ cao hơn. Nếu hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ bình thường hoặc không hoàn thành nhiệm vụ ở một nơi mà chưa rõ là do khuyết điểm cá nhân, thì có thể được luân chuyển đi nơi khác, nếu sau một thời gian xem xét vẫn không có tiến bộ thì đưa hẳn khỏi ngạch lãnh đạo, quản lý đó. Thực hiện nguyên tắc sử dụng cán bộ có lên, có xuống. Các diện cán bộ nói trên đều bố trí ở nhà công vụ trong thời gian làm nhiệm vụ ; không bố trí những người thân trong gia đình : vợ chồng, con cái, anh em của người cán bộ lãnh đạo chủ trì (Bí thư, Chủ tịch) cùng làm công tác lãnh đạo, quản lý trong tỉnh, huyện.

Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện theo quy hoạch, kế hoạch là một giải pháp rất có hiệu quả, góp phần khắc phục nhiều khuyết nhược điểm hiện nay trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện khắc phục tính cục bộ, khép kín, tính bè phái, bệnh gia trưởng, bảo đảm đoàn kết nội bộ...

4. Đổi mới nội dung, phương pháp, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện phù hợp với đặc điểm đối tượng đào tạo và mục tiêu đào tạo.

Thực hiện cho được một bước chuyển biến mang tính cách mạng về mặt phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện theo hướng hiện đại hóa, tranh thủ những thành tựu của công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp và phương tiện dạy và học trong toàn hệ thống trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể.

Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý đào tạo trên tất cả các khâu của quy trình quản lý theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Coi chất lượng đào tạo là tiêu điểm cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Quán triệt sâu sắc, toàn diện hơn nữa nguyên tắc kết hợp lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, học tập kết hợp với rèn luyện trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện.

Trong việc quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, cần phải chú ý trước hết đến mấy điểm sau đây :

* Trong bài giảng, giảng viên phải lựa chọn những vấn đề lý luận vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, kịp thời thông báo những thành tựu của sự phát triển lý luận thuộc lĩnh vực khoa học mà bài giảng đề cập đến.

* Các cuộc hội thảo, các luận văn tốt nghiệp cần phải hướng vào việc phân tích, lý giải những vấn đề bức xúc, những mâu thuẫn chủ yếu đang không ngừng nảy sinh trong thực tiễn đổi mới. Phải làm cho tất cả các khâu của quy trình đào tạo không bị chìm sâu trong bầu không khí “*yên tĩnh của chủ nghĩa kinh viện*”, mà phải thấm đượm hơi thở, nhịp đập nóng hổi của đời sống.

* Bố trí để các cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh, các nhà khoa học - công nghệ đến các cơ sở đào tạo tham gia giảng bài, tham gia thảo luận, những “*ông thầy thực tiễn*” này, những giảng viên kiêm chức này phải là một bộ phận quan trọng trong đội ngũ cán bộ giảng dạy ở các trường.

* Tổ chức những đợt tham quan, nghiên cứu, nhất là những đợt thực tập tại các cơ quan, các công sở, các doanh nghiệp. Trong những đợt thực tập này người học được phân công làm một số công việc cụ thể, kết thúc đợt thực tập, người học phải làm báo cáo có nhận xét của lãnh đạo các đơn vị, cơ quan về ý thức, thái độ,

nội dung, phương pháp và kết quả làm việc của người học.

Đối với việc đào tạo cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện thực hiện kết hợp giữa đào tạo, bồi dưỡng ở trường, lớp với việc tự học của cá nhân và việc rèn luyện qua thực tiễn công tác là vấn đề có ý nghĩa quan trọng.

Thực hiện phương thức đào tạo lấy chất lượng, hiệu quả làm mục tiêu chính ; giải quyết tốt quan hệ giữa đào tạo tập trung và đào tạo tại chức. Đối với cán bộ trẻ, có triển vọng và trong diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện nhất thiết phải đi học các lớp tập trung.

Giải quyết tốt quan hệ giữa đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện, sau khi đào tạo cơ bản về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước hằng năm cần tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn theo chuyên đề cập nhật chủ trương, chính sách mới, kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ mới.

5. Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên trong hệ thống trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể bảo đảm cả về số lượng và chất lượng đủ sức đáp ứng những yêu cầu của công tác đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện trong giai đoạn mới.

Tiến hành điều tra, thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên của các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể. Có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên. Trước mắt, cần tập trung bồi dưỡng các giảng viên chủ chốt, các nhà khoa học đầu đàn, hoàn chỉnh và nâng cao trình độ đào tạo, học hàm, học vị cho đội ngũ giảng viên trong hệ thống các trường nói trên.

Tuyển chọn các sinh viên khá, giỏi tốt nghiệp các trường đại học, các viện trong và ngoài nước để bồi dưỡng thành cán bộ giảng dạy trong các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể.

Mở rộng việc tổ chức cho đội ngũ giảng viên các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể đi tham quan, nghiên cứu, thực tập hoặc tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước để tiếp thu những lý luận và kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý tiên tiến trên thế giới vận dụng vào nâng cao chất lượng bài giảng.

6. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, cải tiến chế độ chính sách phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện.

Có quy định tỷ lệ trích ngân sách nhà nước thích đáng trong tổng chi ngân sách hằng năm cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp trong đó có cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện.

Đổi mới cơ chế cấp phát, quản lý, sử dụng ngân sách cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ngân sách nhà nước chi cho đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, quản lý kinh tế, nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, đoàn thể, kiến thức về ngoại ngữ, tin học, cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài.

Bổ sung, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc giảng dạy, học tập ở các trường chính trị, trường hành chính, trường đoàn thể theo hướng từng bước hiện đại hóa.

Xây dựng và thực hiện nhất quán chế độ trợ cấp hằng tháng đối với học viên. Có chính sách bố trí, sử dụng hợp lý những cán bộ đã được đào tạo. Đối với những cán bộ đạt kết quả cao trong học tập như tốt nghiệp loại xuất sắc hoặc có công trình nghiên cứu có giá trị tại các trường nói trên có thể xem xét đề bạt ngay sau khi kết thúc khóa học.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện.

Trong các lĩnh vực hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật thì hợp tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để thực hiện công cuộc đổi mới ở

Việt Nam là khâu then chốt. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ nắm được tri thức và hiểu biết sẽ vận dụng vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam là nhịp cầu nối liền những tiến bộ khoa học - kỹ thuật như kinh nghiệm quản lý con người vào xây dựng đất nước, phát triển sản xuất, quản lý xã hội... Vì thế, việc hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, hiện nay là một bộ phận quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ này. Quyết định số 874/TTg, ngày 20-11-1996 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước ghi rõ : “Việc hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước đi học ở nước ngoài phải được thực hiện theo đúng chế độ của Nhà nước, đảm bảo nội dung thiết thực và đối tượng được lựa chọn đi học nằm trong quy hoạch sử dụng và đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành, địa phương”.

Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng là điều kiện quan trọng để nhanh chóng giúp cho cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện nâng cao trình độ hiểu biết, đồng thời tiếp cận với kiến thức, khoa học hiện đại của thế giới.

8. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện.

Quán triệt hai quan điểm cơ bản trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là : Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, trong đó có công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời thực hiện thể chế hóa và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cụ thể :

- Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm giải quyết cơ bản, thống nhất một số yêu cầu bức xúc về những mặt thực tế đang đòi hỏi (quy

chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quy chế giảng viên, chế độ người đi học, người giảng, quy chế gắn đào tạo sử dụng, quy chế về trách nhiệm nghĩa vụ đi học và nghĩa vụ sau khi học đối với tổ chức cơ quan...).

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện sát với nhu cầu thực tế của địa phương. Cử cán bộ đi đào tạo phải gắn với thực tế, xuất phát từ thực tế. Không vì công tác tổ chức, hoặc lý do nào khác mà cử đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tràn lan, lãng phí. Điều tra nắm chắc đầy đủ thông tin về nhu cầu cần được đào tạo, bồi dưỡng trên từng lĩnh vực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thật sự sát hợp, hiệu quả.

- Xây dựng và tăng cường toàn diện, đủ mạnh cả về đội ngũ và cơ sở vật chất giúp cho các cơ sở đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý cấp tỉnh, huyện có đủ khả năng, điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng thích ứng với những yêu cầu của sự nghiệp cách mạng của đất nước.

- Thực hiện tốt phân công, phân cấp trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện.

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, có tính chiến lược của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trước những yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy thực trạng chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý ; thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện nay đang còn nhiều yếu kém, bất cập đòi hỏi phải đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý. □



Sáng tạo và kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin - cội nguồn những thành quả của công cuộc đổi mới ở Việt Nam

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN *

SAU thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến lâu dài chống ngoại xâm, đất nước được thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lần đầu tiên chúng ta bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng này đã không hoàn toàn thuận lợi và không tiến triển nhanh chóng như sự mong đợi của mọi người. Thực tiễn hàng chục năm chỉ ra rằng, chúng ta không thể áp dụng một cách máy móc quy luật tiến hành chiến tranh vào xây dựng và phát triển kinh tế trong thời bình và cũng không thể áp dụng một cách máy móc kinh nghiệm của các nước khác.

Do nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội và do những nguyên nhân khách quan khác, chúng ta đã rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nặng nề. Bởi vậy, ngay từ cuối những năm 70 đầu những năm 80, khi mà kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô lâm vào tình trạng trì trệ và khủng hoảng, nhất là khi thể chế xã hội ở các nước này bắt đầu bị chao đảo, thì ở Việt Nam *tư*

tướng đổi mới cũng đã bắt đầu hình thành. Song, phải đến Đại hội lần thứ VI (1986), với tinh thần **“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”**, Đảng ta, trong khi khẳng định những ưu điểm và thành quả đạt được, đã nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, coi đổi mới là *yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn* thì mới thực sự đề ra được *đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc*, mới mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta chủ trương rất rõ ràng rằng, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả và thành công hơn. Đổi mới không có nghĩa là phủ nhận những thành quả lý luận đã đạt được hoặc phủ nhận những thành tựu của sự nghiệp xây dựng

* GS. TS, Viện trưởng Viện Triết học, Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

chủ nghĩa xã hội. Để đổi mới có kết quả phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều, rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống những thói quen lỗi thời dai dẳng.

Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra *“Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”* và *“Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”*. Cương lĩnh và Chiến lược đó chính là cơ sở quan trọng định hướng cho công cuộc đổi mới toàn diện của chúng ta. Những thành công của công cuộc đổi mới đã chỉ ra cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu và những bài học hết sức quan trọng. Đó là :

+ Trong quá trình đổi mới, *trước hết* phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ *Đổi mới* phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn cuộc sống đang biến động mạnh mẽ và phải luôn luôn sáng tạo.

+ *Đổi mới* phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

+ *Đổi mới* muốn thành công phải có Đảng vững mạnh và lãnh đạo đúng đắn.

Bốn bài học này gắn bó hết sức chặt chẽ và có quan hệ mật thiết với nhau. Thực tiễn đất nước những năm qua đã chỉ ra rằng, muốn cho công cuộc *đổi mới* toàn diện thành công và không bị chệch hướng thì trước hết phải đổi mới tư duy lý luận, tư duy về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của một nước kém phát triển trong điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. *Đổi mới* phải thấm nhuần và kiên trì quan

điểm lịch sử - cụ thể, quan điểm thực tiễn và quan điểm phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đồng thời, *đổi mới* không thể thiếu sự nhận thức lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin sao cho sát và đúng nhất với tinh thần của các nhà kinh điển ; không thể không khắc phục những sự lý giải tùy tiện, chủ quan, giáo điều, cắt xén, duy ý chí. *Đổi mới* chính là quá trình sáng tạo trên cơ sở kế thừa một cách biện chứng và khoa học những giá trị bền vững, vốn có trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Thoát ly những giá trị khoa học đó sẽ không có đổi mới thực sự, sẽ không có đổi mới đúng hướng, sẽ rơi vào giáo điều hoặc phủ nhận sạch trơn và do vậy sẽ không thể thành công.

Những thành quả thu được trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước hơn 15 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng gắn liền với sự nhận thức lại một cách đúng đắn, sáng tạo và kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nếu nói khác đi là hoàn toàn không đúng với sự thật lịch sử.

Với quan điểm lịch sử cụ thể, Đảng Cộng sản Việt Nam ý thức rõ rằng, cần xác định cho đúng điểm xuất phát, đặc điểm, điều kiện và nhất là hiện trạng của đất nước để từ đó đề ra các bước đi cụ thể cho tất cả các lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội. Vấn đề giải phóng mọi lực lượng sản xuất, khai thác mọi năng lực tiềm ẩn của đất nước và của nhân dân được Đảng và Nhà nước ta đặt lên hàng đầu. Do vậy, chúng ta đã phải nhanh chóng và bằng mọi cách xóa bỏ những gì đang cản trở, đang kìm hãm sự phát triển. Chỉ có hiệu quả của sản xuất kinh doanh, sự ổn định xã hội và khả năng nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của

nhân dân được coi là tiêu chuẩn để đánh giá tính chất đúng đắn nhất đường lối đổi mới đất nước của Đảng ta.

Kiên trì và trung thành với quan điểm của C.Mác - V.I Lê-nin cho rằng, quan hệ sản xuất lạc hậu sẽ cản trở và kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã *bổ sung và phát triển* quan điểm đó bằng một kết luận cực kỳ quan trọng rằng *“lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”*⁽¹⁾.

Chính kết luận này đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước thông qua việc từng bước điều chỉnh và thiết lập lại quan hệ sản xuất cho phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân, trước hết là trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết luận này đã dẫn đến việc thừa nhận và thực hiện trên thực tế sự tồn tại đồng thời nhiều loại hình sở hữu, đến sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường những năm trước đây và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Việc thừa nhận và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước khắc phục tính kém hiệu quả, thiếu động lực của cách quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp tràn lan vốn cản trở sự năng động của cả người quản lý lẫn người lao động trực tiếp trong sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, việc đó cũng tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư của nước ngoài cùng các công nghệ và khoa học kỹ thuật tiên

tiên, góp phần phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

Việc thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần và nhiều loại hình sở hữu, việc thừa nhận các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, được kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực mà luật pháp không cấm, hoàn toàn không phải là xa rời hay từ bỏ quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề sở hữu trong chủ nghĩa xã hội, cũng không phải là phủ nhận hoặc cản trở việc thành phần kinh tế nhà nước chiếm giữ những lĩnh vực then chốt và đóng vai trò chủ đạo có khả năng chi phối toàn bộ nền kinh tế.

Kết luận lý luận quan trọng bậc nhất trên đây được thực hiện trong thực tiễn đã góp phần nhanh chóng đưa đất nước ta ra khỏi nạn thiếu lương thực triền miên và kéo dài, đã tạo được lực đẩy kỳ diệu và nhịp độ tăng trưởng nhanh và khá ổn định trong nhiều năm cho toàn bộ nền kinh tế. Cùng với Đảng, giới khoa học xã hội Việt Nam rất tự hào về kết luận khoa học này, bởi vì, từ một góc độ khác kết luận này đã làm phong phú thêm nội dung quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất do C. Mác đã nêu lên. Kết luận này còn khẳng định lại một lần nữa tính tất yếu kinh tế trong công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường “rút ngắn” và quá độ gián tiếp mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã từng nêu ra.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 57

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta không coi đổi mới và tăng trưởng kinh tế là những mục đích tự thân. Trái lại, đối với Đảng và Nhà nước ta con người mới là mục tiêu cao nhất. Bởi vậy, ngay từ những năm đầu của công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã coi việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế phải gắn liền với việc cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, với sự tiến bộ và công bằng xã hội ; không chờ đợi cho đến khi có kinh tế phát triển cao rồi mới bắt đầu giải quyết các vấn đề xã hội và công bằng xã hội. Trong quá trình đổi mới, công bằng xã hội đã được nhận thức theo một quan điểm mới. Công bằng xã hội được hiểu không phải là tình trạng cào bằng phổ biến mà một thời nhiều nước đã thực hiện ; công bằng xã hội không chỉ giới hạn ở trong lĩnh vực phân phối và hưởng thụ lợi ích mà quan trọng hơn chính là ở trong những cơ hội phát triển. Chính việc thực hiện công bằng xã hội trong việc tạo ra cơ hội này thông qua các chính sách, các biện pháp cụ thể đã giúp cho nhiều người có cơ may phát triển và thành đạt. Thành công của chúng ta trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo được thế giới thừa nhận, ngoài sự hỗ trợ vật chất và tài chính còn có vai trò rất quan trọng của các cơ hội đã được tạo ra.

Cũng chính từ trong quá trình đổi mới mà nhiều tư tưởng quan trọng khác đã hình thành. Đó là tư tưởng cho rằng, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội ; rằng, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực của sự phát triển xã hội và của chính bản thân con người ; rằng, văn hóa không chỉ góp phần hoàn thiện nhân cách mà còn làm cho con

người trở nên nhân văn hơn trong thời đại đầy rẫy những biến động bất thường dưới tác động của cách mạng khoa học, công nghệ, của những xung đột sắc tộc và tôn giáo.

Những đổi mới trong lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực khác không tách rời đổi mới trong lĩnh vực chính trị, mà một trong những nét nổi bật nhất là quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội. Chính từ sự đổi mới này mà quần chúng nhân dân đã thực sự tham gia vào nhiều sinh hoạt của đời sống xã hội một cách thực chất. Sáng kiến và sức mạnh sáng tạo của quần chúng được nhân lên và chính nhân dân đã góp phần to lớn và việc ổn định chính trị, chống lại các tệ nạn xã hội và sự đe dọa an ninh xã hội. Sự ổn định, tăng trưởng và phát triển của kinh tế đã góp phần vào việc ổn định chính trị - xã hội, đồng thời sự ổn định chính trị cũng là điều kiện để phát triển và ổn định kinh tế. Một lần nữa ở đây, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về dân chủ như là động lực của sự phát triển xã hội, về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị lại được khẳng định.

Có thể nói rằng, những thành quả của công cuộc đổi mới toàn diện mà chúng ta đạt được không tách rời việc nhận thức lại một cách đúng đắn, sáng tạo và kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Bởi vậy, Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định Đảng và nhân dân ta *“quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh”* (2). Đó là một khẳng định khoa học và đã được thực tiễn đổi mới vừa qua hoàn toàn xác nhận. □

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 83

Kết quả của kỳ họp thứ 10 - Quốc hội khóa X

ANH PHƯƠNG

KỠ họp thứ 10, Quốc hội khóa X được tiến hành trọng thể sau Đại hội lần thứ IX của Đảng. Nghị quyết Đại hội là ánh sáng soi rọi cho những vấn đề Quốc hội quan tâm. Trong kỳ họp quan trọng đặc biệt này, Quốc hội đã thảo luận và quyết định những vấn đề chính yếu sau :

1. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 do Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải trình bày bao gồm mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cùng 5 giải pháp lớn. Đa số các ý kiến của đại biểu Quốc hội nêu lên những thành tựu quan trọng, những vấn đề bức xúc, khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2001, phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2002, vấn đề dự toán ngân sách và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Nhiều ý kiến tập trung vào một số vấn đề cụ thể và bức xúc :

- Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó có chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp làm sao có hiệu quả, không gây thiệt hại lớn cho người sản xuất cũng như cho Nhà nước. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông

nghiệp đã được quan tâm, góp phần làm tăng nhanh tỷ trọng nông sản hàng hóa, kim ngạch xuất khẩu. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng với nhịp độ 5%/năm, đạt kế hoạch đề ra. Giá trị trên 1 ha đất nông nghiệp tăng từ 13,5 triệu đồng năm 1995 lên 17,5 triệu đồng năm 2000.

Tuy nhiên, sự chuyển biến

này còn nặng về số lượng, còn chậm so với sự phát triển của thị trường và sự trông đợi của nhân dân, chưa kết tinh được giá trị khoa học và có khả năng cạnh tranh cao. Giá cà-phê, chè, cao su, gạo... đều bị giảm so với các năm trước (gạo bình quân 173 USD/tấn, trong khi năm 1996 là 285 USD/tấn ; cà phê 422 USD/tấn, năm cao nhất là 2 559 USD/tấn ; tôm đông lạnh giá 8 868 USD/tấn, năm cao nhất là 9 802 USD/tấn). Trong chuyển dịch nhiều quy hoạch bị phá vỡ, sự tự phát không kiểm soát được (thí dụ, quy hoạch cho cà phê là 350 000 ha thì lại trồng tới 517 000 ha ; thiếu muối nhưng vẫn phá ruộng làm muối để nuôi tôm). Vậy làm gì để thay đổi một cách cơ bản nền nông nghiệp nước ta theo hướng dựa vào tiến bộ của công nghệ sinh học, để có thể đi tắt, đón đầu ? Phải chăng phải tập trung xây dựng bốn chương trình mũi nhọn của Nhà nước là **công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và tự động hóa**.

- Vấn đề xuất, nhập khẩu trong năm 2001 có bị hạn chế. Ví dụ xuất khẩu gạo vào giữa năm giá gạo hạ, nông dân bị thiệt, Nhà nước phải mua tạm trữ 1 triệu tấn gạo ; cuối năm

giá gạo tăng thì không có gạo xuất, Nhà nước phải mua 10 000 tấn gạo của Thái Lan để thực hiện hợp đồng. Vậy giải pháp nào để việc xuất khẩu gạo có lợi cho nông dân mà Nhà nước cũng không bị thiệt thòi ? Hay như vấn đề xuất khẩu cà phê cũng vậy. Vấn đề nhập khẩu muối và hạn chế nhập một số nguyên liệu phải có thời gian chúng ta mới thực hiện được một cách có hiệu quả. Vấn đề nhập khẩu ô tô, xe máy, ô tô, linh kiện xe máy là một trong những nguyên nhân gây hỗn loạn về giao thông, tai nạn giao thông tăng đột biến. Trong 10 tháng đầu năm 2001, ô tô tăng 50 000 chiếc, mô tô tăng 2 triệu chiếc, tăng 30% so với năm trước ; xảy ra 21 812 vụ tai nạn giao thông làm chết 8 643 người, bị thương 24 282 người. Nhiều đại biểu nêu những câu hỏi nghiêm túc : Giải pháp nào trong năm tới để giải quyết vấn đề giao thông ? Ngoài việc nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông của người điều khiển phương tiện giao thông, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền là gì ?

- Vấn đề ngân sách, có nhiều khía cạnh rất khó giải quyết bởi nhiều ý kiến đề nghị tăng chi nhưng đồng thời đề nghị miễn thuế, miễn thu. Có ý kiến đề nghị tăng thu nội địa bởi vì dầu thô là hàng xuất khẩu thì không thể có ngân sách vững chắc, nhưng tăng thu nội địa có nghĩa là phải tăng thu ngân sách về cho địa phương. Nhưng đưa chỉ tiêu thu ngân sách về các địa phương thì không phải địa phương nào cũng hoàn thành được.

- Về các vấn đề xã hội, giáo dục, y tế. Các đại biểu cho rằng, giáo dục là quốc sách hàng đầu, vậy chương trình sách giáo khoa, thi tuyển, nội dung đào tạo, dạy thêm, học thêm, bằng thật, bằng giả... giải quyết ra sao ? Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chính sách lương, phụ cấp cho cán bộ y tế nhất là

cấp cơ sở cũng là vấn đề đang được quan tâm. Các tệ nạn xã hội phức tạp có chiều hướng gia tăng cả về mức độ lẫn số lượng như ma túy, mại dâm, các băng đảng xã hội đen đang là vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Thực tế đó đòi hỏi các cơ quan chức năng phải ra tay một cách mạnh mẽ hơn.

- Vấn đề cải cách hành chính nhà nước và chống tham nhũng cũng được các đại biểu quan tâm nhiều. Cải cách hành chính mấy năm qua đã có tiến bộ hơn song để cải cách triệt để nên bắt đầu từ đâu ? Nhiều ý kiến đề nghị nên bắt đầu từ chính quyền cơ sở. Phải chăng cần đổi mới bộ máy chính quyền từ cơ sở : đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở cùng cơ chế chính sách phù hợp... Đấu tranh phòng và chống tham nhũng đã được nhấn mạnh trong các Nghị quyết của Đảng. Vấn đề là các biện pháp hành chính, kinh tế, pháp luật như thế nào để cuộc đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả. Rà soát lại đội ngũ cán bộ chủ chốt các bộ, ngành, chính quyền các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ này thực sự có phẩm chất, năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm...

Trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc, toàn diện các mặt thuận lợi và khó khăn, những nguyên nhân khách quan và chủ quan trong thời gian qua, dự báo tình hình trong nước và thế giới trong những năm tới, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ năm 2002, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 cùng những mục tiêu và giải pháp cụ thể.

2. Phê chuẩn Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về quan hệ thương mại.

Thực hiện đường lối đổi mới mà trọng tâm là lĩnh vực kinh tế, Việt Nam từng bước mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm thực hiện các mục tiêu của

phát triển kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, hoàn thiện pháp luật, thương mại, thuế, hải quan. Cho đến nay Việt Nam đã ký khoảng 70 hiệp định thương mại và hiệp định thương mại hàng hải song phương với các nước. Việt Nam đã trở thành thành viên của ASEAN, APEC. Trong quan hệ với Hoa Kỳ, Việt Nam chủ trương tiến tới bình thường hóa toàn diện quan hệ theo một lộ trình thích hợp mà hai bên thỏa thuận. Từ năm 1994, Hoa Kỳ đã dỡ bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam ; năm 1995 bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước ; năm 1996 các cơ quan ngoại giao được thiết lập giữa hai nước đồng thời hai nước bắt đầu khởi công cho quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Ngày 13-7-2000 Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ chính thức được ký kết. Ngày 6-9-2001, Hạ nghị viện Hoa Kỳ đã phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, đồng thời thông qua Đạo luật nhân quyền Việt Nam. Việc thông qua Đạo luật nhân quyền Việt Nam đã gây ra một làn sóng phản đối mạnh mẽ của các tổ chức, nhân dân thuộc mọi thành phần kinh tế - xã hội Việt Nam. Nhân dân ta kiên quyết bác bỏ Đạo luật trắng trợn này, một đạo luật vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế về quyền tự quyết bất khả xâm phạm của các dân tộc. Ngày 4-6-2001, Thượng nghị viện Mỹ đã phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, gác lại Đạo luật nhân quyền Việt Nam. Ngày 18-10-2001 Tổng thống Mỹ G.W. Bu-sơ đã ký lệnh ban hành Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Ngày 7-12-2001, Chủ tịch nước ta Trần Đức Lương cũng đã ký phê chuẩn Hiệp định. Vào hồi 15 giờ ngày 10-12-2001 (tức 3 giờ sáng ngày 11-12-2001 giờ Hà Nội), tại Oa-sinh-ton,

Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Vũ Khoan và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Duê-lic đã trao đổi thư phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ của Chính phủ hai nước. Kể từ thời điểm đó, Hiệp định chính thức có hiệu lực ngay lập tức và vô điều kiện, góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại giữa Việt Nam - Hoa Kỳ. Theo Hiệp định này, tất cả các loại hàng hóa Việt Nam (hàng dệt - may, giày dép, đồ gỗ, điện gia dụng, hàng thủ công, mỹ nghệ v.v...) xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ từ 10-12-2001 trở đi sẽ được hưởng mức thuế quan tối huệ quốc là 3% so với mức thuế 40% trước đây.

Đa số ý kiến đại biểu Quốc hội cho rằng, việc đàm phán và ký kết Hiệp định này là bước đi cần thiết trong quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, vì lợi ích của nhân dân hai nước. Hiệp định được thiết lập trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và không kèm theo bất cứ điều kiện nào. Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được hai bên phê chuẩn là tạo cho Việt Nam bước vào một sân chơi mới, điều kiện mới, nhiều thời cơ nhưng thách thức cũng không ít đòi hỏi sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Trên cơ sở tôn trọng các luật lệ, tập quán thương mại quốc tế Việt Nam sẽ từng bước điều chỉnh các cơ chế, chính sách của mình cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam, nâng cao khả năng cạnh tranh của nước ta trên cả ba mặt : **của từng mặt hàng và loại hình dịch vụ ; của từng doanh nghiệp và của cả quốc gia.**

3. Về chất vấn và trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ.

Mấy năm gần đây, như đã thành lệ, trong các kỳ họp Quốc hội, khi các thành viên Chính phủ trả lời chất vấn trước Quốc hội đều được truyền hình trực tiếp để cử tri cả nước tiện theo dõi. Tại kỳ họp lần này, sau khi nghe bảy thành viên của Chính phủ và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lời chất vấn, có thể khẳng định việc chất vấn và trả lời chất vấn được thực hiện nghiêm túc trên cơ sở quy định của pháp luật và đã được cải tiến từng bước. Các thành viên Chính phủ trả lời chất vấn ở kỳ họp này đã kết hợp vừa trả lời các câu hỏi của các đại biểu Quốc hội, vừa báo cáo với Quốc hội kết quả giải quyết các vấn đề đã nêu ra ở kỳ họp trước. Các giải trình và trả lời chất vấn đã làm rõ hơn những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những ưu, khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ; đã làm rõ những nguyên nhân của những hiện tượng mà nhân dân quan tâm, làm sáng tỏ những giải pháp đã, đang, sắp làm của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương ; tạo điều kiện để các bộ, ngành, các cấp chính quyền địa phương nâng cao trách nhiệm trước Quốc hội, trước cử tri ; tạo điều kiện cho cử tri cả nước nắm được các vấn đề mà Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục giải quyết, qua đó nhân dân có thể theo dõi, giám sát hoạt động của Chính phủ, của Quốc hội, của các cơ quan tư pháp. Có thể nói tại kỳ họp lần này, chất lượng chất vấn của đại biểu quốc hội và trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ngày càng có nhiều cố gắng và tiến bộ. Đó là tinh thần dám nhận khuyết điểm, tồn tại trong những lĩnh vực mà mình quản lý và phụ trách, phân tích những nguyên

nhân chủ quan và khách quan từ đó đề ra những giải pháp khắc phục. Cử tri cả nước đều ghi nhận những cố gắng đó đồng thời cũng nêu những hạn chế trong hoạt động này. Đó là việc giải trình còn dài, chưa tập trung vào nội dung chính. Một vài trường hợp phân tích trách nhiệm của ngành mình chưa thật sâu sắc. Người trả lời chất vấn chưa trình bày trực tiếp vào nội dung của vấn đề mà đại biểu quốc hội và cử tri yêu cầu ; chưa làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của ngành mình, cấp mình quản lý được pháp luật quy định. Các đại biểu quốc hội đã nêu lên nhiều vấn đề bức xúc nổi lên trong đời sống xã hội hiện nay, tỏ thái độ nghiêm khắc với những biểu hiện thực hiện không nghiêm các quy định của pháp luật, các Nghị quyết của Quốc hội.

4. Thảo luận và thông qua Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

Thực hiện kế hoạch lấy ý kiến nhân dân, các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương đã tổ chức các hội nghị góp ý kiến về dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 theo kế hoạch của Ủy ban dự thảo đã công bố. Ủy ban dự thảo đã nhận được 221 báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương, 203 thư góp ý của công dân và 206 bài viết đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Quốc hội đã họp phiên toàn thể tại hội trường để thảo luận và thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992. Các ý kiến rất phong phú, cụ thể, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của các đại biểu quốc hội trước vấn đề trọng đại của đất nước. Các đại biểu đều nhất trí về quan điểm, yêu cầu và phạm vi sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992, tập trung chủ yếu vào hai nhóm vấn đề chính là tổ chức bộ máy nhà nước và các vấn đề kinh tế, giáo dục, khoa học, công

nghe... tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực là thống nhất, có sự phân công và phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, chủ yếu quy định về những vấn đề có tính nguyên tắc, định hướng cho cả một giai đoạn phát triển của đất nước cho nên phải quán triệt và thể hiện đường lối đúng đắn của Đảng. Nội dung sửa đổi, bổ sung phải được cân nhắc thận trọng, bảo đảm đúng các quan điểm của Đảng và tính chỉnh thể, thống nhất của Hiến pháp. Vì vậy sửa đổi, bổ sung lần này chỉ tập trung vào những vấn đề thật sự bức xúc, cần thiết, có đủ cơ sở và sự thống nhất cao, được thực tiễn kiểm nghiệm làm cơ sở cho việc tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước. Đó là bổ sung thẩm quyền của Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu, phê chuẩn ; điều chỉnh thẩm quyền của Quốc hội trong việc phân bổ ngân sách ; bỏ thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Phó thủ tướng, bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ ; bỏ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ; điều chỉnh chức năng của Viện kiểm sát để tập trung lực lượng của ngành kiểm sát vào hai chức năng công tố và kiểm

sát các hoạt động tư pháp. Những nội dung sửa đổi, bổ sung lần này sẽ là những cơ sở hiến định cần thiết nhằm từng bước hoàn thiện tổ chức, bộ máy nhà nước. Một số vấn đề quan trọng khác về tổ chức bộ máy nhà nước còn có nhiều ý kiến rất khác nhau, chưa có đủ cơ sở để sửa đổi, bổ sung lần này, cần tiếp tục nghiên cứu (như mô hình tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp...). Những nội dung khác như Lời nói đầu, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, những vấn đề về kinh tế, khoa học, giáo dục, công nghệ... là những nội dung đã được Đại hội IX của Đảng khẳng định cần được cụ thể hóa kịp thời trong Hiến pháp thì tốt hơn, có lợi hơn.

5. Thảo luận và thông qua Luật Tổ chức Quốc hội (sửa đổi) ; Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) ; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội.

Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 được ban hành trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 1992. Qua gần 10 năm thực hiện, các quy định của Luật đã phát huy tác dụng tích cực trong việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động cho thấy hiệu quả hoạt động của Quốc hội chưa cao, công tác xây dựng pháp luật tuy đã có nhiều tiên bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng các văn bản đã ban hành ; chức năng giám sát, phân bổ ngân sách còn có những hạn chế. Những hạn chế này do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc chưa phân định rõ cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong Luật Tổ chức Quốc hội và các văn bản pháp luật khác liên quan. Yêu cầu đặt ra là phải sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Quốc hội nhằm khắc phục những

hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ, quyền hạn mà nhân dân giao phó, xứng đáng là cơ quan quyền lực cao nhất. Sửa đổi Luật Tổ chức Quốc hội lần này có nhiều vấn đề quan trọng trong đó nổi bật một số vấn đề như : sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được quy định tại Điều 2 và Điều 7 của Luật hiện hành thực chất là ghi lại những quy định của Điều 84, Điều 91 của Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung ; tăng số lượng đại biểu hoạt động theo chế độ chuyên trách lên 25% ; tổng số đại biểu Quốc hội có thể tăng lên 500 đại biểu ; Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình trình hoặc theo ý kiến của Hội đồng Dân tộc hay các Ủy ban của Quốc hội hoặc của ít nhất 20% tổng số đại biểu Quốc hội xem xét, quyết định trình Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Nhiều đại biểu cho rằng, việc bỏ phiếu tín nhiệm là việc làm mới và hệ trọng, là khâu đột phá của công tác cán bộ trong hệ thống chính trị được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Việc bỏ phiếu tín nhiệm có thể sẽ là căn cứ để nâng cao trách nhiệm của những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm nếu có và phát huy những ưu điểm, tài năng. Việc chia tách hai ủy ban : Ủy ban Pháp luật thành Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Tư pháp ; Ủy ban Kinh tế và Ngân sách thành Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Tài chính và Ngân sách được đa số ý kiến đại biểu không đồng tình vì chúng ta đang thực hiện cải cách hành chính, việc chia tách đầu mối sẽ làm bộ máy phình ra, biên chế tăng. Nên giữ nguyên số lượng ủy ban, tăng cường cán bộ chuyên trách, thuê chuyên gia giỏi, kiện toàn bộ máy của các ủy ban để tăng hiệu quả hoạt động v.v..

Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã nêu : *“Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu chuyên trách”*. Để thực hiện được yêu cầu đó, để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi), **việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội** là cần thiết, làm cơ sở cho việc chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI sắp tới, dự kiến vào ngày 19-5-2002.

Luật Tổ chức Chính phủ hiện hành được thông qua ngày 30-9-1992. Qua quá trình thi hành Luật cùng với những yêu cầu mới của quá trình phát triển kinh tế - xã hội Luật Tổ chức Chính phủ cũng bộc lộ những bất cập. Lần sửa đổi này cũng là thể chế hóa các quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng về tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước nói riêng đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ nhằm làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các bộ, trách nhiệm của tập thể Chính phủ với trách nhiệm cá nhân của các thành viên Chính phủ. Quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả để có căn cứ sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Chính phủ, các bộ, các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Phân cấp rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn đối với chính quyền địa phương nhất là về ngân sách, tổ chức và biên chế. Cụ thể hóa một bước nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với tổ chức, hoạt động của Chính phủ và chế độ thủ trưởng trong các cơ quan hành chính nhà nước. □

1. Kinh nghiệm một số nước.

Nhiều nước trên thế giới rất chú trọng đến hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học - công nghệ (KH - CN) và coi đó là một trong những hướng ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Trên thực tế, ở lĩnh vực này nhiều nước đã đạt được những thành quả rất đáng để chúng ta tham khảo.

nền giáo dục và nền hành chính quốc gia chủ yếu thông qua viện trợ của Mỹ từ 1921. Đó là tài trợ hiệu quả của Quỹ Rốc-kơ-phen-lơ cho Trường Y khoa hoàng gia mà sau này trở thành Đại học Ma-hi-đôn lớn thứ 2 trong số các trường đại học ở Thái Lan. Tiếp đó, năm 1985, họ tiến hành vận động quốc tế để lập chương trình phát triển KH - CN Mỹ - Thái Lan (trị giá 50 triệu USD), tạo ra một cú hích mạnh, thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản Thái Lan lên những bước mới, tầm mới.

Trung Quốc từ lâu đã tập trung sự chú ý đến vấn đề hợp tác quốc tế về KH - CN. Chỉ trong vài thập niên vừa qua, nước này đã gặt

hái được nhiều bí quyết kỹ thuật, công nghệ cao cấp từ những quốc gia khác, như kỹ thuật nguyên tử - hạt nhân, công nghệ ngành vệ tinh, nghiên cứu vũ trụ, công nghệ sinh học... Đầu những năm 80, Trung Quốc đã cử hàng chục vạn sinh viên, cán bộ khoa học đi đào tạo, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới. Riêng năm 1995, có khoảng 60 000 cán bộ khoa học Trung Quốc ra nước ngoài công tác và 35 000 cán bộ khoa học nước ngoài đến nước này trong khuôn khổ các dự án hợp tác và trao đổi KH - CN. Từ năm 2000 trở đi, ước tính mỗi năm Trung Quốc có hơn 50 000 sinh viên được cử đi đào tạo ở nước ngoài (chủ yếu ở Mỹ) theo học bổng của Nhà nước và 150 000 người đi học theo đường tự túc

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

LÊ THANH BÌNH *

Nhật Bản, mặc dù bị thảm bại trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng nhờ thi hành nhiều chính sách, chiến lược đúng đắn, mà nổi bật nhất là ưu tiên hợp tác quốc tế nhằm tiếp thụ công nghệ quốc tế hiện đại, nên đã đạt nhiều thành công trong phát triển KH - CN. Nhật Bản đã chủ trương **thúc đẩy việc thu thập và chuyển giao kết quả nghiên cứu** để sử dụng hiệu quả và phát triển các ngành công nghiệp. Các hoạt động hợp tác quốc tế đều nhằm cải tổ nền kinh tế theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Chính vì nhà nước tạo được môi trường đầu tư thuận lợi, nên thúc đẩy nhiệt tình và khả năng gánh chịu một phần các chi phí cho hoạt động nghiên cứu - triển khai từ phía khu vực tư nhân và cả các tập đoàn, công ty nước ngoài.

Thái Lan đã chú trọng phát huy vai trò hợp tác quốc tế trong công cuộc cải cách

* TS, Học viện Hành chính quốc gia

hoặc tư nhân tài trợ. Trung Quốc còn cho phép những người sau khi đi học xong cử nhân, thạc sỹ và cả tiến sỹ ở nước ngoài muốn ở lại đó làm việc thêm một thời gian nữa để trau dồi kinh nghiệm thực tế, sau này trở về nước phục vụ hiệu quả hơn. Nhờ các chính sách trên mà lực lượng cán bộ KH - CN Trung Quốc không ngừng tăng mạnh cả số lượng, chất lượng, bắt kịp sự phát triển quốc tế.

Hàn Quốc, sau khi rút ra bài học : phát triển đất nước mà chỉ dựa vào nông nghiệp là không hiệu quả, nên từ năm 1960, đã chuyển sang chính sách **phát triển quốc gia phải dựa vào công nghệ** và chính sách này đã trở thành nhân tố cơ bản để đưa đất nước đi lên từ đó đến nay. Hàn Quốc chọn các đối tác chính theo thứ tự ưu tiên là : Nhật, Mỹ, Đức, Pháp, Nga, Anh... Hiện nay, quốc gia này tiếp tục thực hiện chính sách mở cửa thị trường và quốc tế hóa nền kinh tế, coi việc hợp tác quốc tế về KH - CN như một hướng hoạt động ngoại giao đặc biệt của quốc gia.

2. Vài nét tổng quan về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

Hơn 55 năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế của chúng ta trong lĩnh vực KH - CN đã có nhiều thành tựu, đem lại hiệu quả to lớn đối với công cuộc giải phóng dân tộc và kiến thiết đất nước. Với phương châm vừa tăng cường nội lực vừa tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ cùng nhiều hình thức phong phú, đa dạng khác, nền KH - CN quốc gia đã không ngừng lớn mạnh, trực tiếp làm ra nhiều sản phẩm cho đời sống kinh tế - xã hội, làm giàu thêm tiềm năng tri thức, trí tuệ Việt Nam, có nhiều đóng góp cho KH - CN thế giới.

Đối với sự nghiệp phát triển KH - CN của đất nước, trong thời gian qua, hợp tác

quốc tế về KH - CN đã chứng tỏ vai trò và vị trí quan trọng của mình bằng những hoạt động tích cực và có hiệu quả ở các mặt sau :

- Tiếp thu và cập nhật tri thức mới của thế giới, tiếp cận với nền khoa học hiện đại và công nghệ tiên tiến, trang bị kiến thức chuyên môn cho nhiều thế hệ các cán bộ KH - CN (kể cả việc tạo điều kiện cho nhiều đơn vị, cá nhân không những tiếp cận mà còn đi sâu làm chủ được nhiều công đoạn, quy trình KH - CN tối tân), đồng thời học hỏi, thu nhận được nhiều phương pháp, kinh nghiệm tổ chức quản lý khoa học và tiến hành nghiên cứu của nước ngoài.

- Giới thiệu, quảng bá với thế giới các thành tựu khoa học, tiềm năng cũng như những vấn đề cấp bách của KH - CN Việt Nam nhằm tăng cường hiểu biết, thúc đẩy hợp tác quốc tế về KH - CN và các lĩnh vực liên quan. Mặt khác, cung cấp nhiều thông tin chính xác về công nghệ mới, hiện đại, giúp các cơ quan - tổ chức tư vấn, các đơn vị, cá nhân nhập, chuyển giao được nhiều công nghệ tiên tiến của nước ngoài thích hợp với điều kiện phát triển nước ta ; tạo điều kiện cho một số đơn vị, cơ quan nghiên cứu có thể đi tắt, đón đầu trong nghiên cứu - ứng dụng, hạn chế tình trạng nghiên cứu trùng lặp, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cũ, kém phẩm chất, không phù hợp với điều kiện đất nước...

- Tăng cường tiềm lực KH - CN quốc gia. Thông qua sự hợp tác hiệu quả với Liên Xô và các nước XHCN trước đây, chúng ta đã có được một đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ và năng lực tự tiến hành và tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH - CN vào quản lý kinh tế - văn hóa - môi trường, vào thực tiễn kinh doanh, thương mại ở Việt Nam...

- Trong một số trường hợp, hợp tác quốc tế về KH - CN đã có những đóng góp cụ thể cho các chương trình KH - CN cũng như kinh tế - xã hội trong nước, góp phần giải quyết các nhu cầu cấp bách của sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống xã hội Việt Nam, đem lại hiệu quả kinh tế và xã hội nhất định.

Mặc dù trong bối cảnh tình hình thế giới vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90 đã diễn ra những biến đổi đột ngột và sâu sắc, nhưng hợp tác quốc tế về KH - CN đã **vượt qua những thử thách gay gắt**, duy trì và có những bước phát triển mới về chất lượng, hiệu quả, hình thức, phạm vi, sự chuyển đổi thích ứng với tình hình, góp phần vào sự nghiệp phát triển KH - CN chung của đất nước.

Sau khi nước ta trở thành thành viên chính thức của ASEAN (năm 1995), thành viên APEC (năm 1998) và ký Hiệp định Thương mại với Mỹ (năm 2000)... các hoạt động hợp tác, giao lưu quốc tế, trong đó có lĩnh vực hợp tác chuyển giao KH - CN đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Đảng, Nhà nước đã ngày càng phát huy tác dụng hỗ trợ cho sự phát triển của hoạt động hợp tác, chuyển giao KH - CN, đồng thời chính việc đẩy mạnh hoạt động này lại góp phần làm cho đất nước vững vàng, chủ động tham gia quá trình hội nhập với thế giới. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, hoạt động hợp tác quốc tế về KH - CN trong thời gian qua, nhất là trước thập niên 90 của thế kỷ qua, cũng có những mặt hạn chế, những mặt cần cải tiến, hoàn thiện hơn. Đó là :

- Quan hệ hợp tác quốc tế về KH - CN chủ yếu mang tính chất **đơn cực**. Đối tác

chính của quan hệ hợp tác quốc tế về KH - CN trong suốt thời gian đó là Liên Xô và các nước XHCN trước đây (nếu không tính đến một số chương trình, dự án chưa phải là lớn của các cơ quan Liên hợp quốc, của Pháp, Ấn Độ, Thụy Điển, Hà Lan v.v...), phụ thuộc vào quan hệ chính trị, chưa tiếp cận toàn diện được với nền KH - CN tiên tiến của thế giới.

- Hình thức hợp tác về KH - CN trước thời kỳ Đổi mới thường là **song phương**, chủ yếu diễn ra giữa Nhà nước ta với một số nước và tổ chức quốc tế, do đó mang nặng đặc điểm tập trung và bao cấp, không khuyến khích các quan hệ trực tiếp giữa các tổ chức, cá nhân và với thành phần tư nhân.

- Nguồn kinh phí chủ yếu là **viện trợ** của các nước và tổ chức quốc tế ; Nhà nước và các tổ chức, cá nhân chưa dành kinh phí đầu tư hoặc hỗ trợ cho hoạt động này.

Quá trình quốc tế hóa hoạt động KH - CN và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, cũng như đường lối đổi mới và hội nhập, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đang đề ra những **yêu cầu và đòi hỏi** cấp bách đối với chính sách quốc gia về KH - CN nói chung cũng như về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH - CN.

3. Một số kiến nghị và giải pháp nhằm đẩy mạnh quan hệ quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, chuyển giao khoa học - công nghệ

Để khoa học công nghệ trở thành động lực thực sự cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung và công tác hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ nói riêng có những bước chuyển lớn lao, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ : Thực hiện cơ chế kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội - nhân văn với khoa học tự nhiên,

khoa học công nghệ... Khoa học xã hội và nhân văn đặt trọng tâm nghiên cứu vào tổng kết thực tiễn, đi sâu vào những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hóa Việt Nam. Khoa học tự nhiên chú trọng nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng, tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. Khoa học công nghệ tập trung vào đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng ; coi trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa. Nghị quyết đề ra yêu cầu : Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác được lợi thế về lao động. Chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam. Hiện đại hóa công nghệ trong quản lý. Hoàn thành xây dựng hai khu công nghệ cao ở gần Hà Nội (Hòa Lạc) và TP Hồ Chí Minh (khu Quang Trung), xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ tiên tiến của khu vực... Đó là những đường lối, chủ

trương to lớn, chiến lược của Đảng và Nhà nước, mà đất nước ta sẽ tiến hành trong những năm đầu thế kỷ XXI và xa hơn, còn trong phạm vi nghiên cứu chúng tôi cũng xin đề xuất thêm một số kiến nghị sát với vấn đề đang nghiên cứu là hợp tác quốc tế về chuyển giao khoa học - công nghệ :

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách **đa phương hóa** hoạt động hợp tác quốc tế về KH - CN với tất cả các nước và tổ chức quốc tế phù hợp với lợi ích của dân tộc, của đất nước, trong đó đặc biệt chú trọng các đối tác đang nắm giữ chủ yếu các nguồn KH - CN tiên tiến của thế giới ;

- Khuyến khích tính chủ động trong **đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế**.

- Huy động **mọi thành phần kinh tế**, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về KH - CN ; đa kênh và đa dạng hóa nguồn kinh phí dành cho hợp tác KH - CN, khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân tự lo lấy kinh phí, tranh thủ tài trợ của các loại quỹ, tổ chức quốc tế v.v...

- Thực hiện **chiến lược con người**, tranh thủ đào tạo nguồn nhân lực KH - CN trong nước, nhất là nhân lực có trình độ cao, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, huy động các nguồn vốn bên ngoài cũng như trong nước, kể cả ngân sách hoặc tín dụng của Nhà nước ;

- Ưu tiên **đổi mới công nghệ** bằng cách sáng tạo điều kiện nhập nội công nghệ tiên tiến và hiện đại của nước ngoài, nhanh chóng áp dụng các thành quả nghiên cứu KH - CN vào thực tiễn.

Một số kiến nghị cụ thể :

1. Các bộ, ngành sớm xây dựng một **chính sách hợp tác quốc tế** đa phương, đa dạng và năng động trong lĩnh vực KH - CN theo tinh thần tăng cường đổi mới

và chủ động hội nhập phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Xác lập và phát triển quan hệ đối ngoại đối với tất cả các tổ chức, quốc gia, trong đó đặc biệt quan tâm đến các đối tác có tiềm năng to lớn về KH - CN và kinh tế cũng như có truyền thống quan hệ, lợi ích đặc biệt.

2. Tạo điều kiện cho **mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân** trong nước được quan hệ, tham gia hợp tác quốc tế về KH - CN, trong đó đặc biệt chú trọng thành phần doanh nghiệp, các hiệp hội, tổ chức phi chính phủ (NGO) và **người Việt định cư ở nước ngoài**. Cần có những quy định, chế độ cụ thể theo tinh thần bộ Luật KH - CN để hướng dẫn thi hành về việc này; thực hiện chính sách mời chuyên gia từ nước ngoài (kể cả Việt kiều), tranh thủ mời chuyên gia Nga, Trung Quốc... về một số lĩnh vực rất mạnh mà chi phí lại không cao, phù hợp với khả năng kinh tế của nước ta.

3. Hợp tác quốc tế về KH - CN gắn với **phát triển kinh tế**, các nhu cầu kinh tế - xã hội và các chương trình kinh tế - kỹ thuật, KH - CN trọng điểm của Nhà nước nhằm **nâng cao hiệu quả** của các quan hệ kinh tế đối ngoại và hợp tác quốc tế về KH - CN.

4. Đẩy mạnh công tác **đào tạo nguồn nhân lực** và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KH - CN, củng cố tiềm lực KH - CN trong nước, trong đó chăm lo bồi dưỡng về nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ **cán bộ chuyên trách** hoặc có liên quan trực tiếp đến công tác này. Cần chú trọng gửi cán bộ đi đào tạo (bằng mọi hình thức kể cả tham quan khảo sát, nghiên cứu...) theo những ngành khoa học - công nghệ ưu tiên. Có chính sách trọng đãi cán bộ KH - CN tài năng, sử dụng đúng người, đúng việc, thực sự tôn vinh những thành quả của họ bằng

những phần thưởng xứng đáng cả về vật chất và tinh thần.

5. Hằng năm Nhà nước dành tỉ lệ **ngân sách thỏa đáng** (khoảng 1/3 - 1/4 ngân sách dành cho KH - CN), đồng thời huy động mọi nguồn tài trợ và các nguồn kinh phí khác phục vụ cho hoạt động này.

6. Hoàn thiện **hệ thống quản lý** hoạt động hợp tác quốc tế về KH - CN trong nước (các ngành, các cấp, các địa phương) và ngoài nước (mạng lưới tham tán, tùy viên, đại diện tại các cơ quan, tổ chức KH - CN quốc tế).

7. Có chính sách thúc đẩy **chuyển giao công nghệ**, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu theo hướng hoàn thiện quy trình, giảm nhẹ thủ tục, tổ chức quản lý chặt chẽ. Thành lập các trung tâm thí nghiệm, phòng nghiên cứu hỗn hợp với nước ngoài. Khi nhập công nghệ cao cần có sự chỉ đạo tập trung và có lực lượng khoa học liên ngành tham gia để tránh việc nhập tràn lan, lãng phí, không khả dụng, kém hiệu quả.

8. Tranh thủ tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế và tăng cường việc đăng cai tổ chức các loại hội nghị kể trên, đồng thời tích cực tham gia các dự án quốc tế và khu vực. (Mở rộng thông tin để ngày càng có nhiều chuyên gia nước ta được tham gia các hội nghị đó).

9. Trong khi tiến hành việc hợp tác, chuyển giao KH - CN, nhiều hoạt động có thể tổ chức đấu thầu để tăng tính cạnh tranh, chọn được đơn vị, cá nhân giỏi, đủ khả năng đảm nhiệm thực hiện dự án, công việc. Từ đó nâng cao chất lượng và thúc đẩy sự phát triển hoạt động KH - CN. □



BÌNH PHƯỚC -

5 năm một chặng đường chuyển giao thế kỷ

NGUYỄN HỮU LUẬT *

TRONG suốt quá trình lịch sử, Bình Phước có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng - an ninh. Bình Phước có hai trục đường giao thông chiến lược là quốc lộ 13 và quốc lộ 14 nối liền với tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và nước bạn Cam-pu-chia...

Bình Phước có 41 dân tộc anh em chung sống với những bản sắc văn hóa đa dạng và phong phú, trong đó có nền văn hóa truyền thống công chiêng của đồng bào dân tộc Stiêng.

Về điều kiện tự nhiên, Bình Phước có vùng đất badan chiếm 1/2 diện tích toàn tỉnh, rất phù hợp với phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị cao. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên và tiềm năng sẵn có, tỉnh xác định cơ cấu kinh tế là nông, lâm nghiệp - dịch vụ - công nghiệp. Các loại cây công nghiệp dài ngày là thế mạnh của tỉnh như cao su, điều, cà phê, tiêu đã và đang hình thành các vùng sản xuất tập trung, có khả năng cung cấp số lượng lớn sản phẩm cho công nghiệp chế biến tại chỗ và xuất khẩu.

Với bao bộn bề công việc phải làm của một tỉnh mới tái lập ngay từ những ngày đầu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cán bộ, công

chức của tỉnh đã đoàn kết, chia sẻ, cùng nhau nỗ lực, nhanh chóng ổn định về bộ máy tổ chức để đi vào hoạt động, từng bước phát triển. Đến nay, sau 5 năm tái lập tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, tạo tiền đề vững chắc để từng bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây là cái mốc quan trọng của 4 năm cuối thế kỷ XX và một năm mở đầu chuyển giao sang thế kỷ mới của tỉnh. Những thành tựu nổi bật được thể hiện trên các mặt như sau :

Một là : Năm năm qua, nền kinh tế Bình Phước tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng, kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm GDP tăng bình quân 9,1%/năm, GDP bình quân đầu người tăng bình quân 4,58%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước

11,4%, kim ngạch xuất khẩu tăng trên 5,55%. Phát huy thế mạnh của một tỉnh có ngành nông - lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong nền kinh tế, tỉnh đã tập trung những ngành có thế mạnh, hầu hết các cây trồng chính đều tăng diện tích, năng suất và sản lượng, nhất là những cây công nghiệp dài ngày như : cao su, điều, cà phê, hồ tiêu và các loại cây ăn trái khác. Đến nay, toàn tỉnh có 3 110 trang trại được hình thành ; 32 hợp tác xã đã được chuyển đổi và thành lập mới ; chăn nuôi phát triển khá, đàn gia súc, gia cầm đều tăng từ 3 - 5% qua từng năm.

Tỉnh đã thực hiện tốt chương trình trồng 5 triệu ha rừng, hằng năm trồng hơn 2 000 ha rừng tập trung và hơn 100 ha rừng phân tán.

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng trưởng khá, nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 57,5%/năm. Công nghiệp địa phương đã từng bước lấy công nghiệp hóa làm bước đi đầu tiên để công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Tỉnh đã quy hoạch tổng thể và chi tiết cho các khu công nghiệp Chơn Thành, khu công nghiệp vừa và nhỏ Tân Khai nhằm thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong gần 5 năm qua, tỉnh đã thu hút được gần 231 tỉ đồng vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cấp phép cho 5 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn 33,5 triệu USD. Bên cạnh đó tiếp tục đầu tư cho công nghiệp chế biến nông - lâm sản nhằm phát huy thế mạnh nguồn nguyên liệu có sẵn và giải quyết đầu ra cho một số nông sản, đồng thời tạo việc làm cho một bộ phận nhân dân lao động.

Về cơ sở hạ tầng, 5 năm qua tỉnh đã làm mới 207,35 km đường nhựa, 830 km đường sỏi đỏ, cấp phối ; tập trung nâng cấp các đường giao thông trọng điểm phục vụ dân sinh, kinh tế và quốc phòng - an ninh ; mở rộng hệ thống đường nội ô thị xã Đồng Xoài... ; mở thêm các tuyến đường mới vào

các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Đến nay 100% xã trong tỉnh đã có đường ô tô đến trung tâm xã. Toàn tỉnh có 100% số xã có điện lưới quốc gia đến trung tâm, 43% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia, tăng gấp 2 lần so với năm 1996. Hệ thống bưu chính viễn thông được chú trọng đầu tư phát triển, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt từ tỉnh đến hầu hết các xã. Toàn tỉnh có 19 251 máy điện thoại, tăng tỷ lệ số máy điện thoại bình quân trên 100 dân từ 0,76 máy (năm 1996) lên 2,74 máy, phủ sóng điện thoại di động đến hầu hết các trung tâm huyện, thị ; đã xây dựng được 41 nhà bưu điện văn hóa xã, thực sự là nơi sinh hoạt văn hóa bổ ích ở cơ sở.

Tuy khó khăn về nguồn vốn, nhưng gần 5 năm qua, tỉnh đã dành nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên 800 tỉ đồng để xây dựng các công trình phục vụ dân sinh như : trường học, bệnh viện đa khoa, nhà máy nước Đồng Xoài và đã khởi công xây dựng được một số công trình trọng điểm như trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, đã đầu tư xây dựng mới 1 869 phòng học. Thương mại, dịch vụ của tỉnh đã có những bước phát triển khá, hàng hóa phong phú và đa dạng hơn với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đến nay toàn tỉnh có gần 9 000 cơ sở kinh doanh dịch vụ.

Thu ngân sách địa phương hàng năm đạt khá, năm 2001 đạt 223,3 tỉ đồng, tăng bình quân gần 3%/năm. Hoạt động ngân hàng đã thực hiện tốt việc huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong dân, giải quyết về nhu cầu vốn cho người sản xuất (gần 65% hộ nông dân được vay vốn). Năm 2001, doanh số cho vay tín dụng ngắn hạn ước đạt 1 720 tỉ đồng, tăng bình quân 26,6%/năm ; doanh số cho vay tín dụng trung hạn, dài hạn ước đạt 1 065 tỉ đồng, tăng bình quân 97,6%/năm đã góp phần xóa đói giảm nghèo có hiệu quả.

Hai là : Văn hóa - xã hội có những tiến bộ, giáo dục - đào tạo đã có bước tiến đáng kể về

chất lượng dạy và học, mặt bằng dân trí được nâng lên, tỷ lệ người đi học trong tổng dân số tăng từ 24,6% năm 1996 lên 28,4% năm 2001. Số giáo viên tăng từ 4 473 người năm học 1996 - 1997 lên 8 354 người năm học 2000 - 2001. Nhờ vậy đã khắc phục đáng kể được tình trạng thiếu giáo viên của tỉnh. Nhiều giáo viên đã tình nguyện về công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nên con em đồng bào có điều kiện đến trường mỗi năm đều tăng. Tỉnh đã đầu tư xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh có 251 học sinh là con em các dân tộc thiểu số đang theo học. Tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học. Số học sinh ở các cấp học ngày một tăng, chất lượng tốt nghiệp hằng năm đạt trên 90% ; số học sinh thi đậu vào các trường đại học và cao đẳng năm sau cao hơn năm trước (kể cả các em là người dân tộc).

Về mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển, 100% thôn/ấp có nhân viên y tế cộng đồng, 100% trạm y tế có nữ hộ sinh là y sĩ sản nhi, 46,25% số trạm y tế có bác sĩ, chất lượng khám và trị bệnh ngày càng được nâng cao. Dịch vụ bảo hiểm y tế ngày càng được triển khai rộng đến các trạm y tế xã, góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ trẻ em cũng đạt những kết quả khả quan. Giảm sinh bình quân hằng năm là 0,8%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 47% năm 1997 xuống còn 37%, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc đạt 92%.

Công tác thông tin tuyên truyền đã đáp ứng được nhiệm vụ chính trị ở địa phương, thường xuyên tuyên truyền chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân bằng nhiều hình thức. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh đã bám sát nhiệm vụ chính trị của đảng bộ. Báo Bình Phước, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã mở nhiều

chuyên mục với những nội dung khá phong phú và thiết thực. Hệ thống truyền thanh của các huyện, thị, xã, phường và thị trấn được củng cố và phát huy có hiệu quả. Đến nay, 80/80 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã có trạm truyền thanh để phục vụ công tác tuyên truyền, góp phần tích cực trong việc đưa các loại thông tin về cơ sở...

Về chính sách xã hội, trong 5 năm qua, việc chăm lo giải quyết các chính sách xã hội đã thực hiện tốt hơn, được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Các đối tượng chính sách luôn được quan tâm, đã xây dựng 269 căn nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, gần 2 000 căn nhà tình thương cho các hộ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn ; 20 bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được nhận phụng dưỡng suốt đời, với mức trợ cấp thấp nhất là 200 000 đồng/tháng.

Tỉnh đã dành nhiều vốn đầu tư thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, đã thu được kết quả thiết thực, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 18% (1997) xuống còn 10,15% (2001).

Ba là : Trong 5 năm qua, công tác quốc phòng - an ninh của tỉnh được giữ vững và ổn định. Đã chú trọng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại ; kết hợp phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Vì vậy tỉnh đã giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác với nước bạn Cam-pu-chia ; bảo vệ tốt an ninh trật tự, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là : Hệ thống chính trị từng bước được củng cố và ngày càng phát huy tác dụng tích cực trong lãnh đạo, quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Công tác xây dựng Đảng được coi trọng trên cả ba mặt : Chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đảng bộ thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, triển khai, quán triệt, học tập các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh nhằm không ngừng nâng cao lập trường quan điểm và niềm tin vào thắng lợi của công cuộc đổi mới cho cán bộ, đảng viên. Công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên đạt kết quả khá. Số lượng tổ chức cơ sở đảng tăng từ 356 (1997) lên 402 năm 2000 (tăng 46 tổ chức cơ sở đảng). Số lượng các tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” không ngừng tăng lên. Năm 1997 có 233, đến năm 2000 có 301 (tăng 29,18%). Trong 5 năm, toàn đảng bộ tỉnh đã kết nạp 3 030 đảng viên mới (so với năm 1997 tăng thêm 37,45%). Ở các thôn, ấp, khu phố trong tỉnh đều có đảng viên, chất lượng đảng viên mới được nâng lên một bước. Hiện nay, toàn đảng bộ có 11 120 đảng viên, chiếm tỷ lệ 1,65% dân số toàn tỉnh.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII được tiến hành nghiêm túc, đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động cho cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ tỉnh.

Công tác xây dựng chính quyền các cấp ngày càng được củng cố và hoàn thiện, đội ngũ cán bộ công chức từng bước được chuẩn hóa. Do đó, phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn ngày được nâng lên. Việc thực hiện cải cách hành chính, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đang được triển khai và bước đầu có kết quả, làm giảm bớt thủ tục hành chính phiền hà, củng cố lòng tin, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân, góp phần giữ vững ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

Mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở luôn được mở rộng và củng cố, bước đầu đã có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt

động đạt được hiệu quả thiết thực. Đặc biệt là cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa và phong trào thanh niên tình nguyện” ; tham gia tích cực vào các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục truyền thống,... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Năm năm qua, Bình Phước có những trưởng thành đáng phấn khởi và đã rút ra một số bài học kinh nghiệm :

1 - Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Nghị quyết của Đảng đã thật sự đi vào cuộc sống bằng sự vận dụng, sáng tạo, năng động của các cấp ủy cơ sở vào điều kiện cụ thể của địa phương mình ; xác định nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với từng vùng, từng thời gian thích hợp. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết một cách chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc “nói đi đôi với làm” đã củng cố được niềm tin của Đảng đối với quần chúng nhân dân.

2 - Phát huy truyền thống đoàn kết trong Đảng đến các cơ quan, đoàn thể quần chúng. Nêu cao ý thức tự lập, tự cường, năng động, sáng tạo, tích cực khai thác tốt tiềm năng sẵn có đi đôi với thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham nhũng ; tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ từ nguồn lực bên ngoài để tạo sức mạnh tổng hợp nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh để dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng ; chú trọng nâng cao dân trí và đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

3 - Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, chú trọng mời gọi đầu tư với những chính sách ưu đãi. Tập trung phát triển diện tích cây công nghiệp thế mạnh của tỉnh như cao su, tiêu, điều, các loại cây ăn trái... Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế,

tăng dần tỷ trọng kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ; gắn sản xuất với chế biến phục vụ nông nghiệp.

4 - Tập trung xây dựng và củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh, huyện đến thị xã, chú trọng hệ thống chính trị cấp cơ sở. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội trong việc vận động quần chúng nhân dân hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh đề ra. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ ; dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, luật pháp. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng hướng mọi hoạt động về cơ sở, cán bộ của Đảng thực sự gần dân, hiểu dân và lắng nghe ý kiến của dân.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong 5 năm qua, đảng bộ Bình Phước đã đề ra định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI trên quan điểm phát triển và mục tiêu chủ yếu là tập trung mọi nguồn lực, nâng cao năng lực lãnh đạo, khả năng thích ứng nhanh trong nền kinh tế thị trường, tận dụng tối đa các tiềm năng và lợi thế, phát huy tốt nội lực chuẩn bị các điều kiện để đón trước thời cơ và vận hội, tạo dựng một môi trường thực sự hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn đầu tư để phát triển, bảo đảm hiệu quả và phát triển bền vững. Giảm thiểu tình trạng nghèo nàn, nâng dần đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh, từng bước tiến vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập với kinh tế khu vực. Từ quan điểm đó, đảng bộ và nhân dân Bình Phước tiếp tục phấn đấu để đạt được mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2001 - 2010 là :

- Phấn đấu phát triển kinh tế ổn định và bền vững, tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm đạt 9,5 - 10% ; Tăng GDP bình quân đầu người đạt khoảng 400 - 450 USD vào năm 2010, 300 USD vào năm 2005.

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp, dịch vụ nhằm thực hiện chuyển dịch

cơ cấu kinh tế, đến năm 2010 : công nghiệp - xây dựng 30% ; nông - lâm nghiệp 40% ; dịch vụ 30% ; đẩy mạnh chương trình xuất khẩu, trong đó chú trọng các mặt hàng chủ lực từ công nghiệp chế biến cao su, hạt điều, tiêu, cà phê, cây ăn quả và các mặt hàng nông sản khác. Đưa công nghiệp xuất khẩu năm 2010 đạt 400 - 410 triệu USD (năm 2005 đạt 200 triệu USD) ; tăng tỉ lệ huy động ngân sách từ GDP lên 19 - 20% vào năm 2010. Từng bước tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế 20 - 25%.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát huy nhân tố con người, ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên cho ngành giáo dục - đào tạo, y tế, đầu tư hơn nữa cho vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc, vùng kháng chiến cũ nhằm nâng cao dân trí, mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân lên một bước, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của xã hội.

- Củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, bảo đảm trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế - xã hội.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII ; phấn đấu toàn đảng bộ tỉnh không có tổ chức đảng yếu kém ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ đảng viên, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, xây dựng hệ thống khối mặt trận đoàn thể vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Năm năm một chặng đường không dài, những gì Bình Phước đạt được là sự đồng tâm hiệp lực của đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, vững tin vào tương lai, Bình Phước đang cùng cả nước tiến vào thế kỷ XXI vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.□

Một số vấn đề về CƯỜNG CỐ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG CÁC XÃ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

THÁI SON

CÁC xã miền núi nói chung, đặc biệt là miền Bắc nói riêng, từ xa xưa đã có vị trí cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều xã, thôn, bản ở đây thực sự là bức tường thành, là phen dậu trong việc giữ gìn bờ cõi nước nhà. Miền núi lại là nơi sinh sống, làm ăn lâu đời của đồng bào các dân tộc thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, địa bàn nhiều xã miền núi, đồng bào các dân tộc ở đây thực sự là nơi nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở, bảo vệ cách mạng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, với đúng nghĩa “rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”.

Địa bàn các dân tộc miền núi sinh sống cũng là nơi mà bọn phản động, các thế lực thù địch thường chọn tập trung những hoạt động để lôi kéo, kích động nhân dân, nhen nhóm gây dựng lực lượng, chia rẽ giữa các dân tộc, làm mất ổn định tình hình chính trị, chống phá cách mạng nước ta.

Trong những năm qua, nhất là trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, các tỉnh, cũng như các xã miền núi nước ta, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và căn

cứ cách mạng được quan tâm, đầu tư nhiều hơn trước. Đảng, Nhà nước ta cũng như các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã có nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, đề án cụ thể đẩy mạnh sự ổn định và phát triển

kinh tế - xã hội ở các xã miền núi. Đó là việc : tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (giai đoạn 1996 - 2000, Nhà nước đã đầu tư trên 4 000 tỉ đồng) ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở ; nâng cao trình độ dân trí ; xóa đói giảm nghèo ; chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở, kể cả cho già làng, trưởng bản ; chính sách để bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội v.v. Nhờ vậy, bộ mặt của nhiều tỉnh, nhiều xã miền núi, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc ngày càng được ổn định, cải thiện, nhiều nơi khởi sắc.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế, xã hội, đời sống của đồng bào nhiều xã miền núi còn rất nhiều khó khăn. Tổ chức đảng, bộ máy chính quyền, hoạt động của các đoàn thể còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Ở nhiều xã miền núi xuất hiện những nguy cơ làm mất ổn định chính trị do một số kẻ phản động cấu kết với các thế lực thù địch gây ra. Tình hình kinh tế, chính trị xã hội, an ninh, quốc phòng ở một số xã trở nên bức xúc.

Một trong những nguyên nhân rất quan trọng của tình hình yếu kém ở nhiều xã miền núi hiện nay là tổ chức cơ sở đảng ở đây

chưa được củng cố, chưa tương xứng với nhiệm vụ ; công tác xây dựng Đảng chưa thực sự trở thành nhiệm vụ then chốt. Chính vì vậy, sau 2 hội nghị chuyên đề về xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở các tỉnh Tây Nguyên (6-2001) và các tỉnh Tây Nam Bộ (9-2001), vừa qua, tại thị xã Điện Biên Phủ (Lai Châu), Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị về công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng các xã miền núi thuộc 16 tỉnh miền núi phía Bắc từ Nghệ An trở ra. Dự Hội nghị có : các đồng chí Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy ; Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy ; Trưởng Ban Tổ chức chính quyền ; lãnh đạo một số huyện, xã của 16 tỉnh miền núi ở phía Bắc ; đại diện các bộ, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang ở Trung ương và Tỉnh Lai Châu ; Ban thường vụ Tỉnh ủy và lãnh đạo các huyện, thị của tỉnh Lai Châu... Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng chỉ đạo Hội nghị. Mục đích, yêu cầu của hội nghị này là qua những ý kiến trao đổi kinh nghiệm, qua đánh giá, phân tích của các cấp ủy địa phương, nhất là cấp xã, làm rõ hơn những việc chúng ta đã làm được, chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm và những vấn đề bức xúc ở cơ sở hiện nay cần được tiếp tục nghiên cứu ; làm rõ hơn những đặc điểm riêng của các tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) và hệ thống chính trị ở các xã, thôn, bản miền núi, tìm rõ nguyên nhân của tình hình và kiến nghị, đề ra được những chủ trương, giải pháp cụ thể, thiết thực phù hợp để phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng Đảng cùng hệ thống chính trị ở các xã miền núi vững mạnh, thực hiện sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Dưới đây là những nội dung chính rút ra từ Hội nghị.

Tình hình tổ chức cơ sở đảng và xây dựng chính quyền, đoàn thể

Theo số liệu báo cáo của 14 tỉnh (trừ Lạng Sơn và Bắc Giang) có 2 085 đảng bộ, 157 chi bộ trực thuộc. Phân tích chất lượng năm 2000 cho thấy trên 50% cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, 4,5% cơ sở yếu kém. Toàn khu vực có 255 332 đảng viên. Cơ cấu đội ngũ đảng viên như sau : dân tộc thiểu số : 53,4% ; nữ : 19% ; đoàn viên : 11,8%. Chất lượng cán bộ : trình độ lý luận chính trị sơ cấp : 24,4% ; trung cấp : 30% ; cao cấp 0,37%. Trình độ chuyên môn : sơ cấp : 6,7% ; trung cấp : 11,8% ; cao đẳng + đại học : 3,8%.

Về vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Hội nghị cho rằng, công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân được các cấp ủy quan tâm, tạo nhiều chuyển biến tích cực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Hầu hết tổ chức đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Nội dung sinh hoạt đảng từng bước được đổi mới. Tinh chiến đấu, tính giáo dục được phát huy trên cơ sở giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhìn chung đã được các TCCSĐ quan tâm chỉ đạo như : tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, động viên tinh thần yêu nước, tình đoàn kết, thi đua phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình văn hóa mới, xóa bỏ tập tục lạc hậu ; đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” gây chia rẽ phá hoại của kẻ địch và kẻ xấu.

Phát hiện những diễn biến về tư tưởng, giải quyết các hiện tượng tiêu cực, tranh chấp trong nội bộ nhân dân ; chủ động phối hợp giải quyết các tranh chấp về đất đai, dân sự ; không để điểm nóng xảy ra.

Công tác tổ chức cán bộ, từ sau Đại hội Đảng bộ các cấp, cấp ủy cơ sở đã được kiện toàn, chất lượng cán bộ được nâng lên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Các TCCSĐ đã quan tâm hơn việc bố trí cán bộ các dân tộc vào cấp ủy, chính quyền, đoàn thể. Công tác quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm ; một số cơ sở đã xây dựng được đội ngũ cán bộ chủ chốt đều tay, hoạt động có hiệu quả, tạo được chuyển biến mọi mặt ở địa phương. Những nơi cần đưa cán bộ tại chỗ đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không chọn cử được người thay thế, nhiều tỉnh đã chủ trương đưa cán bộ của tỉnh, của huyện về tăng cường có thời hạn để thay thế, giúp các cơ sở giải quyết khó khăn do thiếu cán bộ, từng bước bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

Công tác kết nạp đảng viên mới được các cấp ủy quan tâm và chủ động thực hiện, nhất là ở những cơ sở chưa có đảng viên, chưa có tổ chức đảng. Công tác xây dựng chính quyền, đoàn thể đã được các cấp ủy chăm lo củng cố, kiện toàn, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng đã có nhiều đổi mới về nội dung, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào “đoàn kết xây dựng cuộc sống mới” ở khu dân cư, xây dựng gia đình văn hóa mới ; tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế, đền ơn đáp nghĩa... Thông qua hoạt động đã nâng cao nhận thức của hội viên, thu hút ngày càng đông hội viên tham

gia, trở thành cầu nối giữa cơ sở đảng, chính quyền với nhân dân các dân tộc.

Tuy nhiên, hoạt động TCCSĐ ở các xã miền núi phía Bắc còn những hạn chế và tồn tại sau đây :

- TCCSĐ ở nhiều xã, nhất là các xã vùng cao, biên giới chưa nắm được chức năng, nhiệm vụ, chưa khẳng định được vai trò lãnh đạo ở từng cơ sở, lúng túng trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện. Các nghị quyết, các chương trình, dự án hiệu quả thấp ; những mô hình tốt ở cơ sở chậm được nhân ra. Kinh tế hợp tác còn lúng túng về hình thức tổ chức ; chậm quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, trung tâm xã ; tình trạng du canh, du cư, phá rừng làm nương rẫy chưa được chấm dứt. Một số TCCSĐ vùng cao, biên giới chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng buôn lậu, tệ nạn xã hội. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho nhân dân còn thiếu sinh động, hình thức tuyên truyền còn nghèo nàn, nội dung thiếu thiết thực. Nhiều cán bộ cấp trên chưa biết tiếng dân tộc, chưa hiểu rõ phong tục, tập quán các dân tộc nên công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng còn hạn chế. Một số TCCSĐ có nhiều dân tộc, cấp ủy chưa quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ là người các dân tộc thiểu số có cơ cấu hợp lý trong cộng đồng dân cư. Tư tưởng dòng họ, dân tộc hẹp hòi chưa được khắc phục. Số đông cán bộ còn tập trung ở một số dân tộc, một số bản. Có nơi vì không có cán bộ dân tộc mình trong bộ máy của xã nên đã nảy sinh tư tưởng, đòi chia xã. Một số xã hằng hục cán bộ chủ chốt, huyện phải tăng cường về. Bức xúc nhất là thiếu cán bộ kỹ thuật nông nghiệp để hướng dẫn đồng bào thâm canh, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Công tác phát triển đảng viên ở các xã vùng cao, biên giới chưa được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm. Theo báo cáo khảo sát ở 14 tỉnh : còn 157 xã chưa đủ số đảng viên để thành lập đảng bộ, 1480 bản, thôn chưa có đảng viên ; 7 497 bản thôn chưa có chi bộ. Một số đảng bộ, chi bộ trực thuộc số đảng viên kết nạp hàng năm còn ít hơn số đảng viên phải xử lý kỷ luật. Một số xã nhiều năm không kết nạp được đảng viên mới là người địa phương, nếu có phát triển đảng viên mới thì chủ yếu là giáo viên và cán bộ y tế. Vì vậy, một số xã có hai, ba ngàn dân nhưng chỉ có trên dưới 20 đảng viên. Việc phát triển đảng viên còn máy móc, chưa nhìn nhận một cách toàn diện, chưa xuất phát từ yêu cầu cụ thể ở từng bản, từng dân tộc. Cấp ủy đảng, chính quyền một số xã còn xem nhẹ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, do vậy, thiếu sự quan tâm chỉ đạo trong công tác cán bộ. Những nơi tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể không mạnh, quần chúng dễ bị lôi kéo, lừa bịp, lợi dụng tôn giáo để truyền đạo, xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Nguyên nhân của tồn tại yếu kém

Tình hình trên có *nguyên nhân khách quan* là do địa bàn một số xã quá rộng, địa hình hiểm trở, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, điều kiện thiên nhiên không thuận lợi (lũ ống, mưa đá, sương muối, nắng hạn... thường xuyên xảy ra), sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên nên đời sống còn nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo gây tác động tiêu cực về tư tưởng chính trị, văn hóa, xã hội, trì trệ sản xuất, ảnh hưởng tới đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Về *nguyên nhân chủ quan*. Các cấp ủy chưa quan tâm hoặc lúng túng trong công tác

xây dựng, củng cố TCCSĐ và hệ thống chính trị ở cơ sở. Một số đảng bộ chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện cơ sở, tác phong quan liêu, xa dân. Đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt vừa yếu, vừa thiếu ; chưa có hoặc chưa làm tốt công tác quy hoạch cán bộ. Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là chính sách về cán bộ cơ sở, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, giao đất, khoán rừng còn nhiều bất hợp lý, chưa phù hợp, chưa khuyến khích người dân. Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng, phủ sóng phát thanh, truyền hình cho miền núi chưa đồng bộ, chậm khắc phục tình trạng đầu tư nhiều nhưng quá kém. Tình trạng “niú áo” lẫn nhau vẫn còn tồn tại ở một số đơn vị. Có cấp ủy cơ sở còn tư tưởng hẹp hòi, chưa chú trọng đến công tác phát triển đảng viên là quần chúng ở các dân tộc khác. Việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ cơ sở xã, bản miền núi có mặt chưa phù hợp, như chính sách phụ cấp, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ.

Một số giải pháp và kiến nghị

- Một số giải pháp

Để phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm tăng cường vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ cơ sở, hội nghị đã nhấn mạnh một số giải pháp cụ thể sau :

Về *công tác chính trị tư tưởng* : Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ; về những thành tựu của đất nước sau 15 năm đổi mới, đồng thời chỉ rõ những âm mưu, thủ đoạn tinh vi, thâm độc của các thế lực thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình” đang tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Chăm lo xây dựng, củng cố tình

đoàn kết nhân dân các dân tộc thông qua các hoạt động thiết thực. Vận động, tuyên truyền để nhân dân thấy được sự quan tâm đầu tư của nhà nước đối với miền núi và đồng bào các dân tộc thiểu số ; nhất là các chính sách về kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, chăm lo các đối tượng gia đình chính sách, thực hiện bình đẳng dân tộc. Kiên quyết chống việc lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phá vỡ truyền thống đoàn kết các dân tộc. Kiện toàn các trung tâm chính trị huyện để mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, có nội dung thiết thực cho cán bộ chủ chốt cơ sở về công tác dân vận, công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước. Cán bộ phải gần dân, nắm chắc mọi diễn biến tư tưởng của dân để chủ động có giải pháp khắc phục những nổi cộm, tranh chấp trong dân.

Về tổ chức cơ sở đảng : Cấp ủy các cấp cần nghiên cứu đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân yếu kém của TCCSĐ, trên cơ sở đó đề ra giải pháp thiết thực, cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc. Kiện toàn TCCSĐ gắn với nâng cao chất lượng lãnh đạo, điều hành, hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Tiếp tục sắp xếp, bố trí các chi bộ nhỏ, tổ đảng theo địa bàn dân cư (bản) khi cần thiết mới bố trí lập chi bộ liên bản. Phân công cán bộ, đảng viên sinh hoạt theo địa bàn dân cư để nắm bắt thực tế, giúp đảng ủy chỉ đạo từng đơn vị cơ sở. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị ; thực hiện chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ quy định. Nội dung sinh hoạt gắn với nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng. Tăng cường công tác quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, xây dựng nghị quyết chi, đảng bộ thiết thực với tình hình cơ sở. Thường xuyên kiểm tra đảng viên thực hiện

nhiệm vụ, nhất là công tác quần chúng ở từng hộ gia đình, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Tăng cường công tác phát triển đảng viên mới, tạo nguồn phát triển đảng trên cơ sở phù hợp với tình hình đặc điểm từng dân tộc ở từng địa phương cụ thể. Chú trọng kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số, đảng viên nữ, tuổi trẻ ở những bản, trường học chưa có đảng viên và tổ chức đảng. Quan tâm bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ chủ chốt các dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn. Phấn đấu các bản, trường học có chi bộ, xã có đảng bộ. Phát động cuộc vận động xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ; phổ biến giới thiệu trao đổi những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến.

Về công tác cán bộ : Tiến hành tổng hợp, đánh giá một cách nghiêm túc đội ngũ cán bộ hiện có phẩm chất và năng lực, phân loại bố trí, kiện toàn cho hợp lý ; vừa kiện toàn để đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa xúc tiến công tác quy hoạch cán bộ xã lâu dài. Đa dạng các loại hình đào tạo, phù hợp với nhu cầu thực tế của cán bộ xã ; chú trọng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, tuổi trẻ đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học và trường phổ thông dân tộc nội trú và số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương. Phấn đấu đến năm 2005, cán bộ chủ chốt ở xã miền núi phần lớn có trình độ trung cấp lý luận, trung cấp quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, một số có trình độ đại học về chuyên môn và lý luận chính trị cao cấp. Những chức danh cán bộ chuyên môn giúp việc ở xã phải có trình độ văn hóa cấp ba và trung cấp về chuyên môn, lý luận chính trị. Cần có cơ cấu hợp lý cán bộ các dân tộc, các bản trong bộ máy lãnh đạo ở xã. Khắc phục ngay tình trạng dân tộc hẹp hòi, bố trí cán bộ theo dòng họ, gia đình.

Phần đầu dân tộc nào cũng có cán bộ tham gia trong hệ thống chính trị cơ sở. Cùng với việc xây dựng lực lượng cán bộ cốt cán ở xã, bản, phải tranh thủ vai trò, uy tín của các già làng, trưởng họ, người về hưu có uy tín trong việc vận động tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hội nghị đề xuất một số kiến nghị cụ thể như sau :

1 - Sớm xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch vùng kinh tế nói chung và quy hoạch vùng tái định cư cho nhân dân vùng ngập khi xây dựng công trình thủy điện Sơn La để đầu tư có hiệu quả. Đặc biệt, cần có kế hoạch, chương trình tổng thể để giúp cơ sở định hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề, khai thác thế mạnh về đất, rừng, khí hậu, sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao góp phần nhanh chóng xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho nhân dân các dân tộc.

2 - Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Chính phủ, thực hiện có hiệu quả chương trình 135 và các chương trình dự án khác, giúp các xã miền núi thoát nghèo vươn lên giàu mạnh, bằng cách bổ sung một số chính sách, giải pháp về kinh tế - xã hội, đầu tư cơ sở hạ tầng ; miễn thuế sử dụng đất đai, đào tạo cán bộ, chính sách cho cán bộ xã, bản đặc biệt khó khăn. Phần đầu trong vài ba năm tới, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm, dân cư có nước sạch dùng trong sinh hoạt bốn mùa, nơi dân cư tập trung đông có điện để sản xuất và sinh hoạt. Chấm dứt tình trạng du cư tự do, phá rừng làm nương rẫy.

3 - Tăng chỉ tiêu cử tuyển con em các dân tộc thiểu số đi đào tạo ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, đồng thời có chính sách, cơ chế thu hút họ sau khi tốt nghiệp trở về tăng cường cho cơ sở, nhất là các xã còn

nhiều khó khăn. Các cấp, các ngành cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt người dân tộc thiểu số ở các xã miền núi. Có chính sách ưu đãi cho cán bộ các xã miền núi đặc biệt khó khăn (chính sách đào tạo, trợ cấp cho cán bộ). Làm tốt công tác tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số.

4 - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 09 CP của Chính phủ về định suất cán bộ xã, phường, thị trấn ; thực hiện việc phân công kiêm nhiệm công tác ở xã đối với một số chức danh để giảm số định suất được hưởng trợ cấp sinh hoạt phí, tăng mức trợ cấp sinh hoạt phí cho cán bộ ở những xã khu vực III tương đương cán bộ công chức nhà nước bằng ngân sách nhà nước.

5 - củng cố và duy trì hệ thống trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện để đào tạo con em các dân tộc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các trường dạy nghề của tỉnh có chương trình đào tạo nghề cho lao động địa bàn vùng cao, biên giới. Các cơ quan trung ương, các tỉnh cần quan tâm phủ sóng truyền hình, phát thanh bằng tiếng các dân tộc thiểu số để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao dân trí cho đồng bào.

6 - Bổ sung chính sách giao đất, khoán khoán nuôi, bảo vệ rừng, trồng rừng tập trung để người dân có nguồn thu nhập chính từ nghề rừng. Nhà nước sớm ban hành pháp lệnh về tôn giáo, trên cơ sở tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, đồng thời kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo và lợi dụng các vấn đề dân tộc để xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, băng hoại thuần phong mỹ tục tốt đẹp của đồng bào các dân tộc. □



Chuyện có nên buồn ?

XUÂN HOÀNH

Tại một quán nước nằm ở đầu hẻm nhà cao tầng của khu tập thể, tôi nghe được câu chuyện của hai cán bộ lão thành về hưu. Ông B, chủ quán đang rót nước cho khách. Thấy ông T lững thững bước vào ghế ngồi, ông B nói vui :

- Ông T sướng thật, về hưu nhàn hạ, chứ còn tôi bận bịu tới ngày. Nhiều hôm về phòng ở mệt lử, sáng ra mệt mỏi không muốn dậy !

Ông B và ông T cùng ở một cơ quan, cùng về hưu, cùng được phân nhà một đợt ở khu tập thể cao tầng này. Ông T có chức vụ cao hơn nên ở tầng 2 (căn hộ đầu hẻm), còn ông B được ở căn hộ tầng 1. Ở thời bao cấp, những người ở tầng 1 thường bị ám ảnh tâm lý bị các hộ tầng trên "tra tấn" như : bỏ củi, vứt rác, hắt nước, sợ nhất là muỗi nhiều. Vì vậy, ai cũng muốn ở căn hộ tầng cao cho sạch, cho mát.

Khi chuyển sang cơ chế thị trường thì các hộ ở tầng 1 lại có giá. Họ đã coi nới, bung ra làm kinh tế : mở ki ốt, nhận gửi xe, mở các dịch vụ khác nên có nguồn thu nhập khá. Có hộ chỉ cho thuê cũng thu nhập được từ 3 đến 5 triệu đồng/tháng. Ông T cũng thừa biết ông B nói kháy mình nên vui vẻ đáp :

- Xin lỗi ông, nếu khổ như ông nhiều người mơ cũng không được. Căn hộ ở tầng 1, chủ hộ nằm chơi đến cuối tháng cũng thu tiền triệu,

còn gì sướng bằng. Đúng là "tắc đất tắc vàng".

Ông T ngồi nhấp ngụm nước trà rồi nói tiếp : Ông Ấng-ghe nói rất đúng rằng : "Xét cho cùng kinh tế quyết định hết tất cả". Ngày tôi còn đương chức, tôi sai bảo điều gì các con đều nghe. Từ công việc ngày tết, ngày lễ tổ chức như thế nào, các con còn xin ý kiến. Đến bây giờ vào những ngày này, mình định tổ chức ăn vào bữa trưa thì con không đồng ý, bảo là để tối, bởi vợ chồng con cái còn đi chơi. Cái lệ hàng tháng cả gia đình về thăm quê một lần (quê cách 20km), hàng ngày bữa tối cả nhà ăn tập trung cũng không thực hiện được. Đồng lương hưu của tôi không còn sức nặng để thay đổi ý muốn của các con nữa. Thời kinh tế thị trường làm cho mọi người lao vào làm ăn kinh tế, học thêm, buôn chải... Ngồi lẩm lức nghĩ buồn lắm ông ạ. Cho nên câu châm ngôn cấm có sai : "Có chức, có quyền, có tiền có tất cả. Câu này ngấm với bản thân tôi thật đúng ! Sao hồi bao cấp nó hay thế còn bây giờ thì đạo đức xuống cấp làm vậy !".

Chia sẻ với tâm tư của ông T, ông B tâm sự : "Tôi cũng có hoàn cảnh của tôi. Căn hộ của tôi may mắn lại ở tầng 1, bán có thể được giá nên mấy đứa con tôi chỉ muốn tôi bán để chia tiền cho chúng nó làm ăn. Tôi thì nghĩ khác, tôi cứ giữ lại, mở quán nước xì xằng thêm chút tiền để vợ chồng già đỡ nhờ vả bọn trẻ. Nhưng thôi, bây giờ chúng mình cũng đừng nghĩ quá

thành ra lẫn thẩn. Mấy đứa nhà tôi toàn nói tôi khốt-ta-bít đấy !".

Đang dốc bầu tâm sự với ông B, tiếng trống trường tiểu học đã điểm tan trường, ông T vội đứng dậy đi đón cháu nội về.

Nghe được câu chuyện của hai ông, trong lòng tôi bồn chồn, day dứt về cái được và cái mất trong thời kinh tế thị trường. Phải chăng những mặt trái của kinh tế thị trường đang làm biến đổi, làm mất đi giá trị văn hóa truyền thống ? Phải chăng xu hướng chạy theo đồng tiền đã dẫn tới trong nhiều trường hợp được đo bằng tiền bạc nhiều hơn bằng tình nghĩa ? Tôi cứ tự đặt những câu hỏi như thế rồi tự trả lời, tự lý giải nhưng quả là khó cắt nghĩa cho rành mạch. Tôi cũng có 2 đứa con và cả hai đứa nhỏ lại rất chăm lo đến vợ chồng tôi. Ông anh, bà chị tôi cũng thế, các cháu rất hiếu thảo, chiều chuộng các bác ấy đủ đường. Hay là vì tôi chưa về nghỉ hưu, chưa phải nhờ vả con cái nên còn được ưu ái...

Tôi đem điều suy tư đó hỏi thẳng con lớn của tôi. Cháu nó cười xòa và nói : "Các cụ cứ nghĩ quá ra đấy thôi, thời nào cũng có người ngoan, người hư chứ bố. Và lại, các cụ cũng phải thông cảm hơn với suy nghĩ và cách làm ăn, tác phong sinh hoạt của lớp trẻ bây giờ. Có thể các cụ chưa thật hài lòng nhưng bọn chúng con cũng hiểu về chữ nhân, chữ hiếu chứ... !".

Có lẽ thẳng con tôi nó nói đúng hoặc ít ra là có phần đúng. Và như thế thì ông B, ông T cũng đừng quá phiền lòng về lớp trẻ. Chúng nó sống có nhiều khác biệt với các cụ, nhưng chưa đến nỗi nào. Đó là điều chắc chắn. □



MỘT NỀN HÒA BÌNH BỀN VỮNG - *mục tiêu bức thiết và nguyện vọng cháy bỏng* CỦA NHÂN LOẠI

NGUYỄN XUÂN SON * - MAI HOÀI ANH **

NHÂN loại đã bước vào thế kỷ mới với những phức tạp, bất trắc, khó lường của tình hình thế giới. Nhìn lại thế kỷ XX, chúng ta không thể không có những đánh giá về quá trình đầy khó khăn, thách thức mà nhân loại đã phải trải qua trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ và gìn giữ hòa bình suốt hơn một nửa thế kỷ qua, đặc biệt là từ khi chiến tranh lạnh kết thúc đến nay, từ đó có cách tiếp cận mới về một nền hòa bình bền vững mà nhân loại cần hướng tới trong thế kỷ XXI.

Hòa bình luôn là nguyện vọng thiết tha cháy bỏng của loài người ngay từ buổi bình minh của lịch sử cho đến ngày nay. Thế nhưng, biên niên sử nhân loại bên cạnh những điểm sáng, những phát minh kỳ diệu, vẫn còn những trang đầy máu và nước mắt, chiến tranh nối tiếp chiến tranh. Người ta đã tổng kết rằng, từ năm 3 600 trước công nguyên đến nay, thế giới đã xảy ra gần 15 000 cuộc chiến tranh, cướp đi sinh mạng khoảng 4 tỉ người và nhân loại chỉ vãn vẹn

có chưa đầy 300 năm được sống trong hòa bình. Riêng thế kỷ XX loài người đã chứng kiến 2 cuộc chiến tranh thế giới, cướp đi sinh mạng của hơn 100 triệu người, trong đó 75% là thường dân ; nhiều quốc gia, thành phố, làng mạc bị tàn phá nặng nề. Cộng vào đó là hơn 100 cuộc chiến tranh ở tầm khu vực làm cho hàng chục triệu người chết và tàn phế. Phương tiện giết người trong thế kỷ XX cũng “đa dạng, phong phú” hơn bao giờ hết. Từ những vũ khí thô sơ như cuộc, rìu, lửa đến những vũ khí hiện đại, tinh vi nhất như vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng, bom nguyên tử... đều đã được sử dụng trong các cuộc chiến. Hậu quả của những vũ khí giết người tối tân đó không chỉ tác động đến một thế hệ người, mà còn để lại nhiều di chứng khủng khiếp trong đời sống của nhiều thế hệ mai sau.

* PGS, TS, Viện trưởng Viện Quan hệ quốc tế - Học viện CTQG Hồ Chí Minh

** Cán bộ nghiên cứu, Viện Quan hệ quốc tế - Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Nhiều thập niên từ khi chiến tranh thế giới lần thứ II - cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại - kết thúc, thế giới vẫn chưa có hòa bình mà luôn đứng bên bờ vực của một cuộc chiến tranh hủy diệt bằng vũ khí hạt nhân, được tạo nên bởi sự đối đầu giữa hai siêu cường Xô - Mỹ.

Hơn một thập niên đã trôi qua, mặc dù đã không còn Liên Xô và theo đó là sự đối đầu trực tiếp Xô - Mỹ không còn nhưng thế giới vẫn tiếp tục căng thẳng, đang tồn tại đan xen những dòng chảy thuận nghịch. Chiến tranh và hòa bình luôn trở thành tâm điểm thu hút sự chú ý, quan tâm của cộng đồng quốc tế. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, hòa bình thế giới có chiều hướng được củng cố thêm một bước. Nguy cơ tiềm ẩn của một cuộc chiến tranh thế giới bằng vũ khí hạt nhân hủy diệt vẫn tồn tại trong suốt hơn 4 thập niên “chiến tranh lạnh” bị đẩy lùi ; nhiều điểm nóng xung đột được tháo gỡ, một số cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột khu vực đã hoặc đang đi tới giải pháp chính trị ; lĩnh vực giải trừ quân bị và kiểm soát vũ khí, chống chạy đua vũ trang được tăng cường, ngân sách quốc phòng của nhiều quốc gia trên thế giới đã có giảm xuống. Vấn đề kinh tế trở thành ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của các quốc gia và trong quan hệ quốc tế. Các nước đều dốc sức vào cuộc cạnh tranh sức mạnh tổng hợp của đất nước, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế và khoa học - kỹ thuật, cho nên rất cần có môi trường hòa bình và ổn định để tập trung phát triển. Giữa các cường quốc đã không thấy xuất hiện sự đối đầu về quân sự và chạy đua vũ trang trực tiếp. Một số nhân tố bất ổn định vốn có, một số mới xuất hiện và một số còn tiềm tàng, nhưng tất cả chưa phát triển thành chiến tranh lâu dài với quy mô lớn giữa các quốc

gia mà chỉ ảnh hưởng đến ổn định của khu vực và thế giới ở những mức độ khác nhau. Quá trình hợp tác giữa các quốc gia, nhất là các cường quốc có vũ khí hạt nhân trong vấn đề kiểm soát vũ khí và cắt giảm vũ khí chiến lược được thúc đẩy một cách tích cực hơn.

Tuy nhiên, thế giới trong thời kỳ “hậu chiến tranh lạnh” vẫn chưa được bình yên như mong muốn mà ngược lại, hầu như ngày nào cũng có tiếng súng nổ. Các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên mới nảy sinh và có xu hướng gia tăng ở nhiều nơi. Chẳng hạn như xung đột ở vùng Cáp-ca-dơ (Liên Xô), Trung Cận Đông (A-rập - I-xra-en, giữa các nước A-rập với nhau), ở Nam Tư (cũ), ở châu Á (Áp-ga-ni-xtan, Ấn Độ - Pa-ki-xtan, Đông Ti-mo...), châu Phi (Ê-ti-ô-pi-a - Ê-ri-tơ-ri-a, Ru-an-đa, nội chiến ở Công-gô, Xi-ê-ra Lê-ôn) v.v... Ước tính mỗi năm trên thế giới xảy ra hàng chục cuộc xung đột vũ trang lớn nhỏ. Khó có thể thống kê được đầy đủ những tổn thất mà nhân loại phải gánh chịu trong những năm qua. Tình hình đó đã khiến nhiều nhà nghiên cứu phải thốt lên rằng : sau “chiến tranh lạnh”, thế giới đã tạm có hòa bình, nhưng đó là một nền “hòa bình nóng”.

Nguyên nhân của tình trạng trên có cội nguồn từ một loạt các yếu tố khách quan và chủ quan : Tư tưởng dân tộc cực đoan ; kỳ thị sắc tộc, tôn giáo ; tranh chấp lợi ích về tài nguyên, lãnh thổ... Bên cạnh đó, trật tự thế giới hai cực đổ vỡ kèm theo sự mất đi của những cơ chế và giới hạn kiềm chế các xung đột, mang lại nhiều nhân tố không xác định và không ổn định. Trong khi đó, một số thiết chế và cơ chế vận hành của thời kỳ “chiến tranh lạnh” vẫn chưa bị thủ tiêu : sự tồn tại của khối quân sự NATO cùng với sự mở

rộng sang phía Đông và chiến lược mới của tổ chức này ; tình trạng sử dụng chính sách bá quyền và chính trị cường quyền để áp đặt trong quan hệ quốc tế, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các nước có chủ quyền đang có chiều hướng gia tăng một cách nguy hại. Mặt khác, mặc dù xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, nhưng vẫn tồn tại một cách sâu sắc tình trạng bất bình đẳng trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới ; tình trạng đói nghèo, phân hóa giàu nghèo, ô nhiễm môi trường sống, khai thác tài nguyên quá mức ; các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm ; các loại tội phạm xuyên quốc gia ; tệ nạn xã hội v.v... Đồng thời, nguy cơ chiến tranh hạt nhân cục bộ đang hiện hữu do không có một cơ chế kiểm soát chung, nhiều nước đã và đang xúc tiến xây dựng tiềm lực hạt nhân nhằm khẳng định và tìm kiếm vị trí của mình trong trật tự thế giới mới. Vấn đề phổ biến vũ khí giết người hàng loạt và các phương thức chuyển giao chúng ngày càng đạt tới quy mô nghiêm trọng. Ở một số khu vực, nhiều quốc gia đang tích cực mua sắm vũ khí, chạy đua vũ trang... Những sự kiện diễn ra trong thời gian gần đây như việc Mỹ và các đồng minh trong NATO tấn công Nam Tư (1999) ; Mỹ đơn phương đòi rút khỏi Hiệp ước ABM, đồng thời ráo riết lập kế hoạch triển khai Hệ thống phòng thủ quốc gia (NMD) và Hệ thống phòng thủ chiến trường (TMD)... khiến cho nhiều nước phải xúc tiến những biện pháp đối phó với chính sách tăng cường vũ trang của Mỹ đã làm cho tình hình thế giới có những diễn biến bất lợi cho xu thế hợp tác đối thoại mà các quốc gia đang cố gắng duy trì.

Sự kiện Trung tâm Thương mại quốc tế và Lầu năm góc - hai biểu tượng về

sức mạnh kinh tế và quốc phòng của Mỹ - bị các lực lượng khủng bố tiến công ngày 11-9-2001, khiến nước Mỹ kinh hoàng và làm chấn động thế giới càng cho thấy tính chất cực kỳ nguy hiểm của chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Và càng làm tăng thêm tính phức tạp của một thế giới đang ngổn ngang nhiều vấn đề chưa được giải quyết.

Tất cả những nhân tố kể trên đang đe dọa an ninh các quốc gia có chủ quyền và là những thách thức nghiêm trọng đối với nền hòa bình thế giới. Tình hình thế giới từ khi “chiến tranh lạnh” kết thúc cho thấy tính chất xung đột trong thời kỳ đối đầu hai cực đã nhường chỗ cho sự cạnh tranh và đấu tranh gay gắt của các lực lượng quốc tế trong một khuôn khổ giới hạn của sự hòa hoãn nhất định. Nhưng trong hòa hoãn vẫn tàng ẩn mối nguy hiểm của chiến tranh. Xu hướng chung giải quyết các xung đột trên thế giới hiện nay là hòa giải, thương lượng. Nhưng nếu các nước và các bên liên quan không biết tự kiềm chế vì lợi ích chung thì rất dễ bị các thế lực bên ngoài lợi dụng, kích động, và thực tế đã có rất nhiều sự kiện chứng minh.

Loài người đều mong muốn không trở thành nạn nhân của những vũ khí giết người. Nhưng trên thế giới hiện vẫn đang tồn tại một “loại người” muốn trút bom đạn, chết chóc lên đầu người khác ; vẫn còn những thế lực muốn duy trì kiểu quan hệ quốc tế “cá lớn nuốt cá bé” vốn đã tồn tại từ thời kỳ sinh tồn mông muội của nhân loại. Cho nên, chắc chắn cuộc đấu tranh cho hòa bình, đấu tranh cho một thế giới công bằng, bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc sẽ tiếp tục như một sứ mệnh tất yếu của những lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Lịch sử đã để lại nhiều bài học cho những kẻ rắp tâm gây ra chiến tranh : Bất kể kẻ nào gây chiến tranh chống lại nhân loại, dù mạnh đến đâu, sớm muộn cũng bị thất bại. Đế quốc La mã, kẻ mạnh nhất thế giới vào thời kỳ trước công nguyên, đã từng nô dịch toàn bộ vùng Địa Trung Hải cuối cùng cũng phải tan rã. Đế quốc Mông Cổ rộng lớn ở vùng Đông - Bắc Á, đã tung vó ngựa đi chinh phạt gần hết châu Á và Trung, Đông Âu cũng đã kết thúc số phận của mình một cách bi thảm và không bao giờ có thể gượng dậy nổi. Tiếp đến là thất bại của nước Pháp thời Na-pô-lê-ông và “mặt trời cũng bắt đầu lặn trên nước Anh” vào giữa và cuối thế kỷ XIX. Sang thế kỷ XX, chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã cùng phối hợp dùng sức mạnh quân sự khổng lồ để gây chiến tranh nhằm thống trị thế giới, tiêu diệt bất cứ ai ngăn cản con đường viễn chinh của chúng, kết quả chúng đã không thoát khỏi đại bại và phải đầu hàng nhục nhã. Thiết nghĩ những “tám gương” như vậy cũng đủ để cho con người thời nay tin vào sự công bằng của lịch sử : kẻ gieo gió sớm muộn cũng sẽ gặt bão.

Còn đối với các lực lượng chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, lịch sử cũng cho thấy, do những kẻ chủ trương gây chiến tranh thường có sức mạnh quân sự cộng với sự tàn bạo hơn người, cho nên cuộc đấu tranh chống lại chúng bao giờ cũng đòi hỏi có thời gian, thậm chí cả sự hy sinh mất mát của nhiều quốc gia, dân tộc. Tình đoàn kết, phối hợp lực lượng hình thành một mặt trận lớn để đấu tranh là điều kiện tiên quyết dẫn đến thắng lợi. Chủ nghĩa phát xít không thể bị tiêu diệt nếu không có sự sát cánh bên nhau của các dân tộc trong Liên bang Xô viết, các dân tộc châu Âu và các lực

lượng tiến bộ của nhiều quốc gia khác trong Đồng minh chống phát xít ở khắp các châu lục.

Thế kỷ XXI được mở ra với nhiều sự kiện phức tạp, trong đó có những tín hiệu chẳng mấy tốt lành. Nền ngoại giao pháo hạm, nền chính trị cường quyền và chủ nghĩa khủng bố và sự “khủng bố” lại bọn khủng bố cũng bằng cách giết chết dân lành đang làm vẩn đục bầu không khí chính trị thế giới. Nhiệm vụ cấp bách của các quốc gia hiện nay không chỉ là ngăn ngừa chiến tranh quy mô lớn, mà trước hết là ngăn ngừa thảm họa và sự mở rộng của các loại xung đột, chống vũ khí hạt nhân, giải trừ quân bị, chống sự áp đặt, can thiệp của nước này đối với nước khác, chống những hành động khủng bố. Đồng thời, phải đẩy mạnh đấu tranh chống các hậu quả tiêu cực của toàn cầu hoá, bảo vệ môi trường sống... Giải quyết một cách triệt để những nguyên nhân dẫn tới các xung đột hiện nay là một công việc khó khăn và lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả các quốc gia, các lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Chỉ có loại trừ hoàn toàn sự bất bình đẳng, tình trạng sử dụng bạo lực của dân tộc này đối với dân tộc khác, của quốc gia này đối với quốc gia khác... thì mới có thể ngăn chặn được nguy cơ chiến tranh, xây dựng tình hữu nghị thuận hòa giữa các dân tộc, khẳng định nền hòa bình bền vững trên hành tinh. Bất kỳ một thế lực nào mưu toan lấy chiến tranh làm phương tiện để đạt mục đích “hoàn thiện thế giới” theo cách của mình và vì lợi ích cục bộ của mình, nhất định sẽ thất bại và bị cả nhân loại tiến bộ công phần lên án.

Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa kinh tế và sự tiến bộ vượt bậc của

cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đang làm gia tăng mặt thống nhất và phụ thuộc lẫn nhau của thế giới hơn bao giờ hết. Sự phát triển của khái niệm “chiến tranh hay hòa bình” cũng trở nên phong phú, đa dạng hơn. Nhiều quốc gia đang phải đối mặt với những loại chiến tranh khác nhau : chiến tranh quân sự, chiến tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, chiến tranh thông tin, chiến tranh tư tưởng v.v... Tương tự như vậy, chúng ta cũng chứng kiến nhiều kiểu “hòa bình” đang được một số thế lực cổ súy như : hòa bình kiểu Mỹ ; hòa bình trong cái ô bảo trợ của người khác ; hòa bình trong sự áp đặt những giá trị dân chủ, nhân quyền xa lạ với bản sắc văn hóa và đặc trưng dân tộc ; hòa bình phi phát triển v.v... Thật đáng suy ngẫm khi chúng ta chứng kiến nhiều quốc gia tồn tại nhờ việc các công ty nước ngoài đang dốc sức khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên của mình. Có quốc gia đang dần dần trở thành “chợ trời” của thế giới và khu vực có quốc gia đang phải trả giá về sự tha hóa đạo đức xã hội và sự gia tăng các bệnh hiểm nghèo vào loại bậc nhất thế giới, có quốc gia có hòa bình, nhưng đất nước vẫn lẩn quẩn trong vòng lạc hậu kéo dài và có quốc gia mặc dù đang sống trong hòa bình nhưng lại tăng chi phí quân sự, mua sắm vũ khí, dự trữ chiến lược nhiều hơn v.v...

Chính vì vậy, trong hoàn cảnh lịch sử mới, cuộc đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới đã mang những nội dung, tính chất và hình thức biểu hiện mới. Khái niệm *hòa bình* phải được hiểu theo hàm nghĩa rộng hơn : *Một nền hòa bình bền vững không đơn giản chỉ là một trạng thái không có bom rơi, đạn nổ, mà hòa bình phải gắn với độc lập dân tộc, dân chủ, tự do ; hòa bình phải gắn với phát triển.*

Đây-vít Ko-ton một nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội nổi tiếng người Mỹ đã từng viết : “Nền hòa bình nào đem lại sự bất công hoặc duy trì sự bất công thì chính nền hòa bình ấy gây bạo lực cho người nghèo và người không có quyền lực...”. Còn cựu Tổng thống Nam Phi Nen-son Man-đê-la thì nói cụ thể hơn : “chúng ta không muốn có tự do mà không có bánh mì, cũng như có bánh mì mà không có tự do”.

Trong những bước đầu tiên trên hành trình tiến vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, khi mà nguy cơ chiến tranh thế giới đã tạm thời bị loại trừ thì tình hình căng thẳng, rối ren và những điểm nóng xung đột mới nảy sinh chỉ là dòng nước ngược trong quá trình phát triển đi lên của thế giới, không có khả năng làm thay đổi cơ sở của chủ đề hòa bình và phát triển mà nhân loại đã và đang hướng tới. *Khát vọng của tất cả mọi người trên thế giới là được sống trong môi trường hòa bình, hữu nghị, hạnh phúc, phát triển bền vững, không có chiến tranh, không có vũ khí hạt nhân, không có xung đột vũ trang.* Thực tế đang đòi hỏi Phong trào hòa bình thế giới cần phải được củng cố hơn nữa, phải đấu tranh kiên trì, tăng cường phối hợp lực lượng để hướng tới tương lai của một nền hòa bình bền vững, hòa bình trong độc lập, tự do và phát triển. Với tất cả nỗ lực hành động chung của toàn nhân loại, có thể khẳng định, hòa bình và phát triển sẽ vẫn là xu thế chủ yếu của thế giới trong những thập kỷ tới.

Đấu tranh cho một nền hòa bình trên thế giới luôn là mục tiêu chung của nhân loại tiến bộ. Đây cũng không chỉ là mục tiêu mà còn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam. Bao nhiêu thế kỷ qua, dân tộc ta đã phải hy sinh rất nhiều sức lực,

xương máu, trí tuệ trong các cuộc chiến tranh giải phóng, nhất là hai cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc, nên hơn ai hết, chúng ta hiểu rất rõ giá trị của hòa bình và ổn định. Trong giai đoạn lịch sử mới, chúng ta lại càng cần có hòa bình để khôi phục và phát triển đất nước về mọi mặt, tiến tới xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện ở các kỳ đại hội đều bày tỏ mong muốn và quyết tâm phấn đấu cho một nền hòa bình bền vững. Tại Đại hội lần thứ IX, Đảng ta một lần nữa khẳng định : “Tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội” ⁽¹⁾. Để thực hiện mục đích đó, chúng ta đã chủ động cùng với các nước Đông - Nam Á xây dựng một khu vực hòa bình, an ninh, ổn định, không có vũ khí hạt nhân, tạo điều kiện cho tất cả các nước cùng nhau phát triển. Đồng thời, Việt Nam luôn sát cánh và có nhiều đóng góp to lớn, thiết thực và hiệu quả về nhiều mặt đối với Phong trào hòa bình thế giới vì mục tiêu chung là đấu tranh cho một nền hòa bình bền vững trên toàn thế giới. □

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 42

TINH HOẠT ĐỘNG VÀ LUẬN THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PHÁT HÀNH TẠP CHÍ CỘNG SẢN Ở CÁC TỈNH TÂY NAM BỘ

Nhân 5 năm thi hành Chỉ thị số 11/CT-TW của Bộ Chính trị *Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng và 4 năm thực hiện Thông tư hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính Đảng* của Ban Tài chính Quản trị Trung ương ; gắn với việc thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị *Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới*, ngày 20-12-2001, tại tỉnh Đồng Tháp, Tạp chí Cộng sản đã phối hợp với Công ty phát hành báo chí trung ương tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá công tác phát hành Tạp chí ở các tỉnh Tây Nam Bộ. Đây là hội nghị phát hành đầu tiên được tổ chức cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Đồng chí Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, PGS, TS, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp Võ Quốc Trung, đồng chí Phan Văn Tô, giám đốc Công ty phát hành báo chí trung ương chủ trì hội nghị. Dự hội nghị có một số đồng chí Phó Bí thư thường trực, đại biểu đại diện cho các tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Sở Bưu điện của hầu hết các tỉnh ĐBSCL ; đại diện của một số huyện ủy trong tỉnh Đồng Tháp, đại diện Báo Nhân Dân, TTXVN, các cơ quan báo chí của địa phương.

Báo cáo đề dẫn của đồng chí Vũ Văn Hiến tại hội nghị đã nêu ; những nội dung cơ bản trong Chỉ thị quan trọng của Bộ Chính trị về việc mua, đọc, báo, tạp chí của Đảng, về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới, cũng như những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo, thực hiện tốt các chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng chí cũng thông báo về *nhiệm vụ* mà Ban Bí thư giao cho Tạp chí xuất bản *Tạp chí Cộng sản điện tử* và từ đầu năm 2002 Tạp chí phát hành *3 kỳ một tháng* (10 ngày một số).

Điều đó cho thấy tầm quan trọng, sự quan tâm của Đảng đối với công tác lý luận - tư tưởng hiện nay, từ đó đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương, từng tổ chức đảng cần nhận thức đầy đủ và phải chú trọng hơn nữa công tác mua, đọc, phát hành báo chí của Đảng để cho báo, tạp chí của Đảng đến được thường xuyên, kịp thời với tổ chức đảng và các đối tượng cán bộ, đảng viên theo quy định của Trung ương.

Đồng chí Phan Văn Tô trong bài phát biểu tại hội nghị cho biết năm 2001 số lượng phát hành của Tạp chí Cộng sản qua Tổng công ty phát hành và các cơ quan đoàn thể khác là 57 nghìn cuốn mỗi kỳ ; cao nhất trong các loại tạp chí hiện nay. Tuy nhiên, nếu so với hơn 2 triệu đảng viên trong cả nước thì số lượng có thể cao hơn nữa nếu các tổ chức đảng quan tâm thường xuyên, thực hiện tốt Chỉ thị 11 của Bộ Chính trị. Đồng chí đưa ra những kiến nghị thiết thực để góp phần đẩy mạnh công tác phát hành báo và tạp chí Đảng đến tay bạn đọc, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Những biện pháp đưa ra liên quan đến các khâu xuất bản (đổi mới nội dung, hình thức cho phù hợp) ; in ấn (nghiên cứu có thể in Tạp chí trực tiếp ở phía Nam để ấn phẩm nhanh tới bạn đọc, giảm chi phí vận chuyển) ; phối hợp công tác của các đơn vị ; những biện pháp chế tài của Nhà nước trợ giá cho các đối tượng vùng sâu, vùng xa, diện chính sách, cán bộ, đảng viên dân tộc và các hình thức bán lẻ phù hợp.

Đại diện của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh Tiền Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Trà Vinh, Bến Tre, Long An, Vĩnh Long đều đánh giá cao vai trò, tác dụng, tính lý luận và tính thời sự cao của các bài đăng trong Tạp chí. Những bài của Tạp chí đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, chuyển tải của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng xuống địa phương, cơ sở ; định hướng cho công tác lãnh đạo cũng như hoạt động thực tiễn. Nhiều đại biểu đã chỉ ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan của tình trạng chưa thực hiện nghiêm túc Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về việc phát hành báo và tạp chí Đảng ; đưa ra những nhận xét xác đáng, nêu những khó khăn, thuận lợi của địa phương trong việc mua, đọc và làm theo báo, tạp chí Đảng ; đồng thời, cũng góp ý thẳng thắn cho Tạp chí về các mặt nhằm làm tốt hơn nữa công tác phát hành ; để báo, tạp chí Đảng gần gũi hơn với đảng viên, cán bộ ; là cơ sở lý luận, giúp địa phương giải quyết tốt nhiệm vụ chính trị đang đặt ra. Một số ý kiến nêu kiến nghị cụ thể :

- Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản cần nghiên cứu, cân đối các nội dung, các chuyên mục vừa đảm bảo phục vụ cho công tác lý luận ; vừa phản ánh được thực tiễn sinh động ở địa phương, của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ sở.

- Tăng cường hơn nữa những bài viết phân tích sâu sắc, có sức thuyết phục cao, nhằm chống lại những quan điểm, luận điệu sai trái ; giúp cán bộ, đảng viên và quần chúng (nhất là ở cơ sở) tích cực đấu tranh với những phản tử phản động, thoái hóa, biến chất ; xây dựng Đảng vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Nội dung các bài của Tạp chí cần tiếp tục tập trung và làm rõ hơn nữa các vấn đề lý luận - thực tiễn cấp bách của đất nước hiện nay.

- Các chuyên mục của Tạp chí được bạn đọc ở các địa phương quan tâm và đánh giá cao là : *"Nghiên cứu - Trao đổi"* ; *"Thực tiễn - kinh nghiệm"* ; *"Sinh hoạt tư tưởng"* , *"Tìm hiểu khái niệm"*... Cần tăng cường hơn nữa các bài viết mang tính tổng kết thực tiễn, đưa ra những mô hình, cách làm mà các địa phương khác có thể học hỏi. Thực trạng hiện nay ở khu vực ĐBSCL là trình độ dân trí còn thấp. Vì thế, nội dung bài viết cả phần lý luận và thực tiễn cần được trình bày một cách đơn giản, ngắn gọn hơn, có nhiều bài viết về các tỉnh ĐBSCL và những vấn đề nổi cộm của khu vực, đưa ra những biện pháp giải quyết thỏa đáng trên Tạp chí.

- Cần thường xuyên tổ chức hội nghị, tạo điều kiện có thể trao đổi ý kiến, nắm bắt tình hình địa phương, cơ sở, theo kịp với yêu cầu của từng nơi, từng thời điểm.

Tổng kết hội nghị, đồng chí Vũ Văn Hiến đánh giá cao những ý kiến chân thành, thiết thực của Đại biểu. Tất cả những ý kiến đóng góp tại hội nghị sẽ được Bộ biên tập nghiên cứu nghiêm túc, và tìm các giải pháp để sớm thực hiện một cách có hiệu quả, thiết thực hơn, nhằm làm cho Tạp chí đến được ngày càng nhiều hơn, hiệu quả cao hơn đối với các cấp ủy đảng, với cán bộ, đảng viên các tỉnh ĐBSCL cũng như với mọi vùng, miền trong cả nước. □

PV THUẬN TÙNG



GERU SPORT CO.

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DỤNG CỤ THỂ THAO

GERU SPORT COMPANY

- Địa chỉ : 1/1 Tân Kỳ - Tân Quý, Phường 16, Q. Tân Bình, TPHCM.
- Điện thoại : 8425110 - 8472719 Fax : 84-8-8425008.
- Email : geruyoung@hcm.vnn.vn



GERU STAR
NGÔI SAO



SGS SGS United Kingdom Ltd.
Consumer Products Division

Report No. TO 88867/00001
Date: 15 November 2001 Page: 1/2 Your Ref: NGUYEN SAO

REPORT ON SUBMITTED SAMPLES OF GERU STAR 32 PANEL FOOTBALLS

DATE SAMPLES RECEIVED: 30 October 2001

TESTS REQUIRED: For compliance with:
INTERNATIONAL MATCHBALL STANDARDS' Specification
Issued By FIFA/IFL August 1996.

RESULTS: Details in appendix

CONCLUSIONS: In the opinion of SGS, the submitted samples
met the requirements of the 'International
Matchball Standards' specification.

Reporting officer: D. Broughton

Counterpart: Mr. P. ...

❖ **Bóng GERU STAR** được thi đấu chính thức tại :

"Giải bóng đá chuyên nghiệp STRATA 2001 - 2002".

"Giải bóng đá Cúp Quốc gia Sam Sung Cup 2001 - 2002".

"Giải bóng đá LG-Cup 2001" và các giải phong trào TDTT Thanh niên trên toàn quốc.

❖ **Bóng GERU STAR:**

Đạt huy chương vàng hội chợ thương mại EXPO Hà Nội - Cần Thơ 1999 - 2000 - 2001.

Được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới : Đức - Italia - New Zealand - Chile - Pháp...

CHUYÊN:

- ❖ Sản xuất - kinh doanh các sản phẩm : Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, lưới thể thao và các dụng cụ cơ khí.
- ❖ Cung cấp tất cả trang thiết bị TDTT phục vụ cho luyện tập và thi đấu.



XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC I

120 Lê Duẩn - Hà Nội

ĐT : (84-4) 9421117 - Fax : (84-4) 8224736

Kính chào quý khách

Địa chỉ văn phòng : 120, đường Lê Duẩn, Hà Nội

Tổng giám đốc : Nguyễn Phát

ĐT : 7470303 & 9422119

Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I (thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam) quản lý và khai thác các tuyến đường sắt từ Ga Đồng Hới (Quảng Bình) trở ra Bắc.

Tất cả có 37 đơn vị thành viên, hơn 2 vạn cán bộ công nhân viên chuyên làm công tác vận tải hàng hóa và phục vụ hành khách đi tất cả các ga trên toàn mạng lưới đường sắt trong nước và liên vận quốc tế.

Với phương tiện và thiết bị vận tải tiên tiến (hệ thống các toa xe khách đầy đủ tiện nghi, toa xe khách 2 tầng, toa xe có trang bị điều hòa không khí, toa chuyên dụng chở container, đầu máy sức kéo lớn...) đội ngũ công nhân viên luôn luôn có tác phong làm việc chính quy, kỷ cương, nhiệt tình, chu đáo.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2001 :

Chi tiêu	Tăng so với năm 2000, %
1. Tấn Km hàng hóa, 1000	102,10
2. Hành khách Km, 1000	107,42
3. Tấn Km hành lý, 1000	105,85
4. Tấn Km tính đổi, 1000	104,93
5. Doanh thu, triệu đồng	104,51

Bí quyết để không ngừng phát triển năng lực vận tải, nâng cao chất lượng phục vụ và duy trì tác phong làm việc hiện đại là ở chỗ Xí nghiệp luôn coi công tác Đảng là khâu then chốt.

Kết quả công tác Đảng năm 2001 :

4907 đảng viên	568 chi bộ	38 đảng bộ, chi bộ có
93,2% loại I	87,8% trong sạch vững mạnh	79% trong sạch vững mạnh
6,6% loại II	11,6% khá	21% khá
0,2% loại III	0,6% yếu	Không có yếu kém



Xí nghiệp Liên hợp vận tải đường sắt khu vực I rất vui lòng được phục vụ Quý khách !



TỔNG CÔNG TY DỆT MAY VIỆT NAM

Công ty Cơ khí Hưng Yên

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA : 1962
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA : 1974
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ : 1999



* Địa chỉ : 76 Nguyễn Thiện Thuật,

Thị xã Hưng yên

Điện thoại : 0321 862441 091 280078

Fax : 0321 864309

* Giám đốc : Kỹ sư Nguyễn Văn Lanh

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

SẢN XUẤT CƠ KHÍ

- Trang thiết bị, phụ tùng ngành dệt may, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác : 450 tấn/năm.
- Thép cán các loại phục vụ xây dựng : 300 tấn/năm.

SẢN XUẤT MAY CÔNG NGHIỆP

- Quy mô sản xuất : 7 dây chuyền trang thiết bị hiện đại đồng bộ của Nhật Bản.
- Chúng loại sản phẩm : Jac-ket, áo sơ mi, quần áo phòng hộ lao động, thể thao...
- Sản lượng hàng năm: 350 000 sản phẩm (quy ra áo Jacket)

Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, EU.



Phân xưởng may



Máy kéo sợi tơ tằm

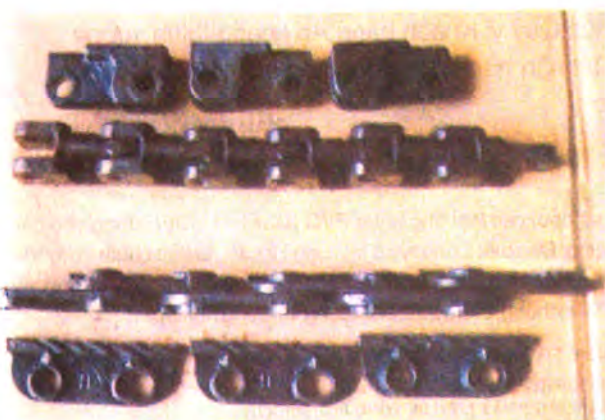
KHẢ NĂNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VỀ CƠ KHÍ

- Các dự án đầu tư sản xuất thiết bị, phụ tùng dệt.
- Các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn

VỀ SẢN XUẤT MAY

- Tăng quy mô sản xuất lên 10 dây chuyền thiết bị sản xuất may công nghiệp.

CÔNG TY SẴN SÀNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT, HỢP TÁC với các đối tác trong và ngoài nước nhằm phát triển sản xuất kinh doanh và trong các lĩnh vực ngành nghề mới.



Sản phẩm Phục vụ ngành dệt (ghi lò hơi)



**HÃY ĐẾN VỚI LISOHAKA VIỆT NAM
XE MÁY CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT**

201 ĐƯƠNG TRƯỜNG - BÌNH HẠ NỘI - ĐT: 045634539 - 04 8534155
96 TÂY SƠN - ĐỒNG DÀ - HÀ NỘI - ĐT: 04. 5330011
SỐ 2 NGÕ GIÀ TỰ BÁC GIANG - ĐT: 0240.853116
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUY ANH 24 TRẦN LÂM - THÁI BÌNH - ĐT: 036.8531132
CÔNG TY KHAI THÁC KHOẢNG SÂN HOA BÌNH 34 CÔ CHÍNH LAN
THỊ XÃ HOÀ BÌNH - ĐT: 018.653398
CƠ SỞ HÀNG XE MÁY CHẤT LƯỢNG CẤP 25 KHAM THIÊN - HÀ NỘI - ĐT: 01841118
CÔNG TY THƯƠNG MẠI HẠNH LINH KIỀU MẠI PHƯỚC TIẾN - HÀ NỘI - ĐT: 04 766111



TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
POSTAL CONSTRUCTION MATERIAL COMPANY

Văn phòng Công ty : xã Phú Diễn - huyện Từ Liêm - TP Hà Nội
Tel : (04). 7655369 - (04). 8372163 fax : (04). 7659816



CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Nhân dịp đón Xuân mới 2002 - Nhâm Ngọ
Kính chúc Quý vị Khách hàng An khang thịnh vượng
Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách !

Công ty chúng tôi chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm chất dẻo, các ngành Bưu điện, cấp thoát nước, cầu đường giao thông và xây dựng. Đặc biệt ống thép. Chuyên sản xuất các cấu kiện bê tông, các loại cột điện cung cấp cho khác. Xây dựng và lắp đặt các công trình chuyên ngành Bưu chính Viễn thông, công

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRONG CÔNG

- 1. XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN I**
Địa chỉ: Lộc Hà - Đồng Anh - Hà Nội. Tel: (04).8800305 Fax: (04)8833820
- 2. XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU BÊ TÔNG BƯU ĐIỆN II**
Địa chỉ: Lộc Hà - Đồng Anh - Hà Nội. Tel: (04).8832245 - 8834565 - Fax: (04) 8833820

3. XÍ NGHIỆP NHỰA BƯU ĐIỆN 090 690909 090909
4. XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU BÊ TÔNG 090 690909 090909
Địa chỉ : Thị xã Tam Hiệp - Tỉnh Ninh Bình 090909 090909
5. CHI NHÁNH CÔNG TY VLXD - BÊ 090 690909 090909
Địa chỉ : 270/11 Phường 14 - Q10 (TPHCM) 090909 090909

ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG

HAI DUONG POWER

Địa chỉ : Số 33, Đại lộ Hồ Chí Minh - TP. Hải Dương

Điện thoại : 0320.852611 - 852323 • Fax : 84-32-856613



NHIỆM VỤ CHÍNH

- 1) Quản lý, vận hành, xây dựng, cải tạo, sửa chữa lưới điện phân phối.
- 2) Quản lý và kinh doanh điện năng, cung ứng điện an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng.
- 3) Tham gia việc tư vấn thiết kế, xây dựng quy hoạch kế hoạch phát triển lưới điện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.
- 4) Quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ tài sản lưới điện, nguồn điện, vốn được Công ty điện lực 1 giao.
- 5) Xây dựng đội ngũ CBCNV để đáp ứng nhiệm vụ của đơn vị trong từng giai đoạn phát triển.

Điện lực Hải Dương rất mong nhận được và chân thành cảm ơn những ý kiến góp ý xây dựng của quý khách hàng.

GIÁM ĐỐC ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN TRỌNG HỮU

Rất mong được phục vụ quý khách

Digitized by Google

NHÀ HÁT MÚA RỐI QUỐC GIA VIỆT NAM

Địa chỉ : 361 Đường Trường Chinh - Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 8531339 - 5630242. Fax : (84-4) 8538674

E-mail : muaroitw@netvillage.netnam.vn - Website : <http://www.tinet.com.vn/puppetvn>



Nhà hát Múa Rối Quốc gia Việt Nam được thành lập ngày 12 tháng 3 năm 1956 theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là một đơn vị đầu ngành của nghệ thuật múa rối chuyên nghiệp toàn quốc, với một lực lượng gồm các nghệ sĩ giỏi trong các lĩnh vực chuyên môn như : Đạo diễn, biên kịch, họa sỹ mỹ thuật, tạo hình, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng v.v. Nhiều người được đào tạo chính qui từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

Nhà hát đã xây dựng hàng trăm tiết mục lớn và nhỏ gồm nhiều thể loại : Rối nước, rối que, rối tay, rối dây... với hai đoàn diễn viên chủ lực đã biểu diễn phục vụ khán giả khắp các tỉnh thành trên đất nước và nhiều nước trên thế giới.

Chương trình của Nhà hát luôn là nòng cốt trong các hội diễn sân khấu múa rối toàn quốc và được đánh giá cao trong nhiều Festival sân khấu quốc tế.

Hiện Nhà hát đang mở rộng quan hệ quốc tế để tăng cường biểu diễn và giới thiệu về nghệ thuật múa rối độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Là một trung tâm lớn nhất về nghệ thuật múa rối ở Việt Nam, với những đóng góp to lớn cho nền nghệ thuật biểu diễn, Nhà hát đã nhận được nhiều Huân, Huy chương cao quý do Đảng và Nhà nước trao tặng.

Chúc Mừng Năm Mới !

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN LANG SON IMPORT - EXPORT CORPORATION



諒山進出口公司

Địa chỉ : Số 2 Phai Vệ, Phường Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại : (025)870165, (025)870167, (025)873304 - Fax : (084)25870202 - Email : lasimex76ls@hn.vnn.vn

Công ty xuất nhập khẩu Lạng Sơn là doanh nghiệp nhà nước hoạt động thương mại.

Mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu số : 4900100075 - 1.

Địa chỉ : Số 2 đường Phai Vệ Phường Đông Kinh thị xã Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn.

Phạm vi kinh doanh :

A - Xuất nhập khẩu :

B - Dịch vụ Du lịch lữ hành quốc tế và trong nước

C - Nhà hàng khách sạn :

Khách sạn Đông Kinh

Địa chỉ : Số 25 đường Nguyễn Du Phường Đông Kinh Thị xã Lạng Sơn

Từ khi thành lập đến nay, công ty vẫn luôn giữ vai trò là cờ đầu của ngành thương mại Lạng Sơn. Kinh doanh có lãi đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong 10 năm qua công ty đã thực hiện tốt kế hoạch nộp ngân sách cho tỉnh. Tính đến hết ngày 31/12/2001 công ty đã nộp ngân sách được : 119 tỷ đồng.

Chúc Mừng Năm Mới !



VIETINDEBANK

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HÀ TÂY

197 QUANG TRUNG - HÀ ĐÔNG - HÀ TÂY

ĐT : 034.826111 - 826114 FAX : 827896

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG :

- Huy động vốn thông qua các hình thức : tài khoản thanh toán, tiền tiết kiệm, kỳ phiếu, trái phiếu của mọi tổ chức kinh tế - xã hội bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

- Cho vay vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh ; chủ yếu cho vay xây dựng cơ bản và đầu tư dây chuyền công nghệ.

Mục tiêu hoạt động : Hiệu quả sản xuất kinh doanh của bạn hàng

Phương châm kinh doanh : Nhanh chóng - chính xác - an toàn và hiệu quả.



Kính chúc Quý khách năm mới An khang - Thịnh vượng



CÔNG TY KHÁCH SẠN DU LỊCH SÔNG NHUỆ

150 ĐƯỜNG TRẦN PHÚ - HÀ ĐÔNG - HÀ TÂY

ĐT : 034.512415 - 512416 - 512417 * FAX : 034.510446



Khách sạn sông Nhuệ là khách sạn lớn nhất của tỉnh Hà Tây, nằm ở vị trí trung tâm thị xã Hà Đông thuận lợi cho việc giao dịch, lưu trú của Quý khách. Với trang thiết bị hiện đại và một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, tận tình, chu đáo trong phục vụ - quý khách sẽ cố niềm tin tuyệt đối khi đến với Chúng tôi.

* Khách sạn có 64 phòng ngủ đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn.

* Nhiều phòng ăn lịch sự thoáng mát với các món ăn Âu - Á và các món ăn đặc sản. Khách sạn có khả năng phục vụ từ 300 - 600 khách và nhận phục vụ hội nghị, tiệc cưới, sinh nhật, liên hoan...

* Phòng hội thảo 50 - 80 chỗ ngồi và hội trường 250 chỗ ngồi phục vụ các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn, đám cưới, vũ hội, ca nhạc...

* Khách sạn có quầy hàng trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm mỹ nghệ truyền thống của tỉnh Hà Tây.

Trung tâm lữ hành du lịch - Khách sạn Sông Nhuệ nhận tổ chức các chương trình du lịch trọn gói trong và ngoài nước, với những tuyến điểm độc đáo, hấp dẫn, chắc chắn Quý khách sẽ có những chuyến đi thú vị và bổ ích.

*Sự hài lòng của Quý khách
là niềm hạnh phúc của Chúng tôi !*

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN HỌC ĐẶC BIỆT

Phát Triển Tài Năng Trẻ

TỔNG TRỊ GIÁ
750.000.000đ



**Super
HALIM**

**HOLDER
50cc**

LEVER DY

Welcome

HOLDER

50
suất học bổng

**Cơ hội nhận học bổng
 trong suốt 3 năm
 khi mua 1 trong các loại
 xe gắn máy của Cty HOA LÂM
 kể từ ngày 15/10/2001
 đến ngày 19/5/2002**

Mọi chi tiết xin liên hệ các Đại lý ủy nhiệm của Cty Hoa Lâm trên toàn quốc

MIỀN BẮC

- Cty TM & DV QUANG TRUNG 294 Tây Sơn, Hà Nội
- CH XE MẠC HÀ NAM NINH 111 Quang Trung, Nam Định
- Cty TRƯỜNG MẠI VINH 02 Quang Trung, TP. Vinh
- Cty XNK QUẢNG TRỊ 18 Lê Duẩn, Quảng Trị
- DNTN TÂN NINH HẢI 276 Trần Hưng Đạo, Đồng Hới
- Cty TNHH TÂN HIỆU HỒNG 37 Quang Trung, Đồng Hới
- Cty TNHH TÂN HỒNG HỒNG KP.3, TT Ba Đình, Q. Trách, Q. Bình

MIỀN TRUNG

- CH XE MÁY CÔNG LÂM 66 Hùng Vương, TP. Huế
- Cty TNHH TÂN DV BẮC SƠN 388 Hùng Vương, TP. Đà Nẵng
- Cty TNHH TÂN NGỌC VÂN 310 Hùng Vương, TP. Đà Nẵng
- DNTN TÂN KIM CHUNG 473 Quang Trung, TX. Quảng Ngãi
- DNTN TÂN NHƠN 554 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn
- DNTN TÂN THANH SƯƠNG 225 Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa
- DNTN TÂN THUY LỘC 14 Quang Trung, Nha Trang
- Cty TNHH NGỌC BÍCH 480 Thống Nhất, Nha Trang
- CH THÔNG NHẤT 396 Thống Nhất, Phan Rang

CAO NGUYÊN

- Cty TNHH VĂN SƠN 91 Hùng Vương, TX. Kon Tum
- DNTN TÂN HẠM TÂN 94 Hùng Vương, TP. Pleiku
- DNTN TÂN TRƯỜNG HÒA LỢI 86 Lê H. Phụng, Buôn Ma Thuột
- Cty TNHH THẮNG LỢI Lô A11 Hái Thương, TP. Đà Lạt
- CH NGC & XNK KIM CƯỜNG 480 KP.2, Đúc Trung, Lâm Đồng

ĐỒNG NAM BỘ

- DNTN TÂN TÂN QUANG 03-05 Trần Q. Toàn, Phan Thiết
- DNTN TÂN NGỌC TIẾN 2344B Trần H. Đạo, Phan Thiết
- DNTN TÂN NGỌC BÁT 341 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết
- DNTN TÂN TÂN PHÁT 71 Đường 30/4, TP. Biên Hòa
- DNTN TÂN VINH LỘC 100F QL.1, Quyển Thắng, Biên Hòa
- DNTN TÂN DV HOÀNG LONG 360 CMTB, Bình Dương
- CH XNK ĐỨC PHÚC 46/1 CMTB, TDM, Bình Dương
- DNTN KIM HIẾN 1329 Phước Trung, R. R. - Vũng Tàu
- DNTN LỘC NGÂN 276 Lê Thống Nhất, H. Long Thành
- MI NAM

TP. HỒ CHÍ MINH

- DNTN TÂN THUY HUNG
- Cty TNHH TÂN & DV HƯƠNG 459 Hoàng V. Thủ, P.4, Q.1
- Cty TNHH TÂN HỒNG THỊNH 18 Hoàng Văn Thụ, Q.1
- Cty TNHH TÂN & DV PHÁT TIẾN 163 Phạm Đăng Lưu, Q.1
- DNTN TÂN THANH TRUNG 518A Nguyễn T. Minh, Q.1
- DNTN TÂN MINH TRUNG 05-04 Lê Đại Hành, P.12, Q.1
- CH XE GẮN MÁY 1A Hùng Vương, P.4, Q.1
- DNTN HỒNG VƯƠNG 139 Phan Đăng Lưu, Q.1
- Cty TNHH TÂN VĂN PHÚC 141 Phan Đăng Lưu, Q.1
- Cty TNHH TÂN DV PHÚC ANH 299 Lý Tự Trọng, Q.1
- DNTN NHẤT THÀNH 73 Phạm Văn Chí, Q.1
- DNTN LÊ NGỌC LAN 445 Hòa Giang, P.11, Q.1
- DNTN HẢI SƠN 41 CMTB, Q.1
- Cty TNHH TÂN DV ĐỒ THÀNH 274 Võ Thị Sáu, Q.1
- Cty TNHH TÂN DV ĐÔNG PHƯƠNG 4/36A Ng. Đình, P.12, Q.1
- P. TRUNG BAY & BÀN HÀNG 27-31 Hùng Vương, Bình C.
- NH SX PT & LR XE MÁY E4/52 Bình T. Đông, Bình C.
- CỬA HÀNG HOA LÂM 3 65-65A Đường 3/2, P.11, Q.1

TÂY NAM BỘ

- CH MBS XNK THỊNH PHÁT 25 Nguyễn Đình Chiểu, TX. Bà Rịa
- DNTN TÂN NGỌC TÂN 210 NKKD, TP. Mỹ Tho
- CH XNK HUY HOÀNG 129 Nguyễn Đình Chiểu, TX. Bà Rịa
- DNTN HUYNH SƠN 511 QL.40, TX. Bà Rịa
- DNTN THANH NHA 440, Khóm 4, F.1, TX. Sóc Trăng
- DNTN TÂN THANH BÌNH 170 Nguyễn Huệ, TX. Vĩnh Long
- CH XNK ĐỨC HIẾP 15 Điện Biên Phủ, TX. Vĩnh Long
- CH XNK VINH HIẾP 96 Lý Tự Trọng, TP. Cần Thơ
- DNTN KIM HỒNG KP4/161 Ng. 6 G. Đức, TX. Mỹ Tho
- DNTN NGỌC ANH Khóm 1, Th. trấn Hòa Thành, TX. Mỹ Tho
- Cty TNHH KHUANG HUY 550 CMTB, F.3, TX. Mỹ Tho
- CH ANH SÁNG 249 Nguyễn Huệ, TX. Sóc Trăng
- Cty THUONG NGHEP CA MAU 70-72 D. Thới, TP. Cần Thơ
- CH XNK KIM DIỆP 142 Trần Phú, TX. Cần Thơ



CÔNG TY SÔNG GIANH SONGGIANH COMPANY

Tổng giám đốc Nguyễn Hồng Lam
General Director : Nguyen Hong Lam



Các sản phẩm phân bón



Chế biến thủy sản xuất khẩu

Ngành nghề kinh doanh :

1. Sản xuất phân bón hữu cơ sinh học và các chế phẩm sinh hóa cao cấp phục vụ nông nghiệp.

2. Chế biến thủy sản xuất khẩu và dịch vụ nuôi trồng phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Sản phẩm xuất khẩu chính : Mực khô lột da cao cấp, mực khô nguyên da, mực nang đông, mực ống đông, cá đông sạch nội tạng, các sản phẩm đông Block, đông IQF, tôm, mực FILLET.

- Cung cấp cá giống, tôm giống, thức ăn nuôi tôm, phân bón sinh học cải tạo trong hồ, chất bảo vệ cá tôm.

3. Sản xuất vật liệu xây dựng và nhận thầu xây dựng.

4. Thương mại và dịch vụ các sản phẩm (Phân bón, bao bì, thủy sản, vật liệu xây dựng).

Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phân bón và nông nghiệp, sản xuất cá giống, tôm giống, thủy sản khác.

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY ĐẠT CÁC GIẢI THƯỞNG BÓNG LỬA VÀNG HỘI CHỢ NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ 1999, HUY CHƯƠNG VÀNG HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ EXPO 2000.

SẢN PHẨM PHÂN BÓN SÔNG GIANH THÍCH HỢP VỚI CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DÙNG ĐỂ BÓN LÓT, BÓN THỨC CHO CÂY LÚA, NGŨ, KHOAI, ĐẬU, LẠC, MÌA, CHÈ, CÀPHÊ, ĐIỀU, TIÊU, CAO SU, THUỐC LÁ, BÔNG VẢI, DẦU, CỎ BÒ SỮA, CÁC LOẠI HOA MÀU, CÁC LOẠI RAU, CÂY CẢNH...

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH : BA ĐỐN - QUẢNG TRẠCH - QUẢNG BÌNH

ĐIỆN THOẠI : 052.512.418 - 052.513.423 FAX : 052.512.416

SẢN PHẨM ĐANG CÓ BÀN KHẮP CÁC ĐẠI LÝ TRÊN TOÀN QUỐC

ĐT : 052.512418 - 048832843 - 848370764 - 088914988 - 050862440 - 059861329

*Chúc mừng
năm mới*



CÔNG TY SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
HANOI SYNTHETIC PAINT COMPANY

*Kính chúc
Năm mới
An khang
Thịnh vượng*



CÔNG TY SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
HANOI SYNTHETIC PAINT COMPANY

Giám đốc: KS. NGUYỄN THIÊN AN



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

INVESTMENT AND TRADING OF REAL ESTATE JOINT STOCK Co.

Trụ sở : 18 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh E-mail : dautu.resco@az.com.vn

Điện thoại : (84-8) 8.230.256 - 8.225.985 - 8.225.213 Fax : (84.8) 8.293.764

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

* Đầu tư kinh doanh địa ốc.

- Kinh doanh địa ốc,
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác nhà ở và các công trình ;
- Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê nhà ;
- Thực hiện : Dịch vụ pháp lý, định giá, tư vấn và môi giới bất động sản.

* Sản xuất - kinh doanh vật liệu - xuất nhập khẩu

- Sản xuất, cung ứng bê tông tươi, cọc, ống cống, bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất,

- Cho thuê xe vận chuyển và thiết bị bơm bê tông tươi ;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị xây dựng

* Tư vấn thiết kế - xây dựng và trang trí nội thất

- Lập dự án đầu tư quy hoạch, thiết kế công trình ;
- Tư vấn đấu thầu - giám sát kỹ thuật xây dựng ;
- Thực hiện các dịch vụ đo vẽ, đánh giá hiện trạng ;
- Thi công xây dựng và trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1/ KHU DÂN CƯ BÌNH HÒA

Vị trí : Mặt tiền đường Nơ Trang Long nối dài, ven Sông Sài Gòn thuộc Phường 13 Quận Bình Thạnh

Quy mô đầu tư : 8,53 ha

Gồm : 98 căn nhà vườn (60 - 110 m²/căn)

222 căn nhà phố (65 - 80 m²/căn)

Khu nhà ở ven sông thoáng mát ; các công trình công cộng và hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh.

2/ KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG

Vị trí : Mặt tiền đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, ven rạch Ông Lớn thuộc xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh - Đô thị Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 15,40 ha - là khu dân cư đô thị, bao gồm khu nhà ở liên doanh với nước ngoài, khu vực nhà ở cao cấp, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với thương hiệu khu nhà ở INTRESCO.

Gồm : - Nhà liên kế : 460 căn

- Biệt thự : 106 căn.

3/ KHU NHÀ Ở XÃ PHONG PHÚ

Vị trí : Giáp đại lộ Nguyễn Văn Linh, gần quốc lộ 50 thuộc xã Phong Phú - huyện Bình Chánh - Đô thị Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 32 ha

Gồm : - Nhà liên kế : 527 căn

- Biệt thự : 394 căn

+ Trong khu vực dự án có đầu tư một làng Việt Kiều với diện tích 08 ha dành để bán hoặc cho thuê. Đây là khu nhà ở cao cấp, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi với đầy đủ tiện nghi ; Có các dịch vụ phục vụ toàn khu như Mini Max, khu dinh dưỡng, trung tâm thể thao...

4/ KHU DÂN CƯ CHÁNH HƯNG

Vị trí : Nằm ở mặt tiền đường Chánh Hưng nối dài (rộng 40m) và đại lộ Nguyễn Văn Linh thuộc xã Bình Hưng - huyện Bình Chánh - Đô thị mới Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 16,90 ha

Gồm : - Nhà liên kế : 410 căn

- Biệt thự : 12 căn

5/ KHU CÔNG NGHỆ CAO - KHU DÂN CƯ

Vị trí : Giáp đại lộ Nguyễn Văn Linh và ven rạch Ông Bè - xã Bình Hưng - huyện Bình Chánh - Đô thị Nam Sài Gòn.



Văn phòng Công ty

Quy mô dự án : 54 ha, trong đó :

- Khu công nghệ cao : 36 ha : gồm khu phần cứng, khu phần mềm, trung tâm đào tạo, khu triển lãm, khu chuyên gia.

- Khu dân cư : 18 ha, bao gồm : khu nhà phố, nhà biệt thự, khu vui chơi giải trí.

6/ KHU ĐÔ THỊ AN PHÚ - AN KHÁNH

Vị trí : quận 2 TP. Hồ Chí Minh.

Quy mô dự án : Hoạt động theo nguyên tắc cùng góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở khu đô thị An Phú - An Khánh Quận 2, với quy mô dự án 131 ha. Đây là một khu đô thị hoàn chỉnh gồm nhà phố, biệt thự, chung cư... và đầy đủ hạ tầng xã hội của một khu đô thị.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1/ Xí nghiệp Xây dựng số 1

Địa chỉ : 235 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 8.994.144

Fax : (84-8) 8.982.206

2/ Xí nghiệp Xây dựng số 2

Địa chỉ : 83 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 8.484.852 - 8.435.833

Fax : (84-8) 8.435.833

Email : xaydung283@hcm.fpt.vn

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA HAI XÍ NGHIỆP :

- Thi công cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các công trình dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, cầu đường và hệ thống thoát nước.

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3/ Xí nghiệp Bê tông Hải Âu

- Văn phòng Trạm Bê tông Hải Âu 1 :

Km số 9 xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 8.963.021 - 8.960.036 - 7.305.930 - Fax : (84-8) 8.961.983

- Văn phòng Trạm bê tông Hải Âu 2 :

Khu công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai

Điện thoại : (061) 521075 - Fax : (061) 521076

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Sản xuất và cung ứng các loại bê tông trộn sẵn có tính năng kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận. Kể cả các công trình cao trên 100m.



BỘ CÔNG NGHIỆP - MINISTRY OF INDUSTRY
CÔNG TY KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN
 THÁI NGUYÊN NON-FERROUS METALS CORPORATION (TMC)

Giám đốc - Director :
 LÊ XUÂN TRƯỜNG

LẦN ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM CÓ THIẾT SIÊU SẠCH 99,95% SN
DO CÔNG TY KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN SẢN XUẤT

CÔNG TY KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN

*** Tên giao dịch :**

Thái Nguyên non - Ferrous Metals Corporation
 Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty khoáng sản Việt Nam -
 Bộ công nghiệp.

*** Lĩnh Vực hoạt động :**

- Thăm dò khai thác, chế biến kim loại màu
 - Chế tạo cơ khí, trung đại tu ô tô, thiết bị máy mỏ.
 - Thiết kế thi công các công trình xây dựng, khai thác mỏ và luyện kim.

*** Công ty có các liên doanh sản xuất với nước ngoài, trong nước :**

- Công ty liên doanh công nghiệp kẽm - Việt - Thái
 - Liên doanh sản xuất tinh quặng đồng với tỉnh Lào Cai.
 - Có nhiều dự án liên doanh sản xuất kim loại màu với Thái Lan và
 Trung Quốc đang hình thành.

*** Công ty có nhiều bạn hàng nước ngoài như :** Thái Lan, Trung
 Quốc, Nhật Bản, Sing-ga-po, Nam Triều Tiên, Ô-x-trây-li-a, Đài
 Loan...

THAI NGUYEN NON - FERROUS METALS CORPORATION
 Firm is a member of Vietnam National Mineral Corporation of
 Ministry of Industry

*** Sphere of action :**

- Try to know deposits-exploit non-ferrous metals process.
 - Manufacture-car under repair of medium, overhaul equipment
 exploit mine.

- The design, to build a mine exploit execute and metallurgy

*** TMC link together foreign and countries for products :**

- Link together Lao Cai province to product gray copper.
 - Have any plans to produce non-ferrous metals with Thailand, China
 take spape.

*** Fellow trades in foreign :**

Thailand, China, Fapain, Singapore, Australia, Taiwan, South Korea.

Trụ sở : Phường Phú xã - TP Thái Nguyên
Office : Vietnam - Thai Nguyen City - Quarter Fuxa
Tel : (84) 028.847232 Fax : (84) 028.847079



Trụ sở Công ty



Bột kẽm



Tinh quặng Vonframit



Thiết thời 99,95%

CÁC LOẠI SẢN PHẨM CHÍNH
(MAIN PRODUCTS)

1. Thiết thời	Sn 99,95%	7. Tinh quặng kẽm sunfua	
Tin ingot	Sn 99,75%	tuyển nổi	Zn 50%
2. Ăng ti moan thời	Sb 99%	Zinc sunfua gravity refined	
Antimon ingot		8. Tinh quặng vonframit	WO 365%
3. Bột kẽm công nghiệp	Zn 60%	Wonramit ore fefined	
Zinc oxide Powder industry		9. Tinh quặng crômít	Cr203 43%
4. Bột kẽm oxít loại 1	ZnO 90%	Cromit ore refined	
Zinc oxide Powder side 1		10. Tinh quặng đồng	Cu 18%
5. Bột kẽm oxít loại 2	ZnO 80%	Gray copper refined	
Zinc oxide Powder side 2			
6. Quặng kẽm oxít	Zn 30%		
Zinc oxide ore			

Sản phẩm của công ty chúng tôi có tín nhiệm đối với bạn hàng trong và ngoài nước.

Our products tras monthy for fellow trader in countries and foreign.

Chúng tôi mong muốn hợp tác với tất cả các tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư, chế biến và tiêu thụ sản phẩm của công ty.

We are willing to cooperate with all domestic and foreign economic organization and individuals to invest in production, processing and
 consumption with the view to increasing product quality.

**CHÚC MỪNG NĂM MỚI
XUÂN NHÂM NGỌ 2002**



CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

❖ Địa chỉ : 03, Đinh Tiên Hoàng, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.

❖ Điện thoại : (063) 826836 - 822240 - 821831.

❖ Fax : (84-63) 824050.

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Nhâm Ngọ 2002
BƯU ĐIỆN TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ : 80 Phan Đình Phùng, Thị xã Quảng Ngãi

Điện thoại : 055.822935 ; Fax : 055.822961

Xin trân trọng giới thiệu các dịch vụ mới:

- ☎ *Điện thoại di động Vinaphone, Vinacard.*
- ☎ *Nhắn tin Việt Nam 107 - 1570*
- ☎ *Điện thoại thẻ Cardphone.*
- ☎ *Internet.*
- ☎ *Chuyển phát nhanh EMS.*
- ☎ *Tiết kiệm Bưu Điện.*
- ☎ *Chuyển tiền nhanh.*
- ☎ *Dịch vụ VoIP gọi 171 quốc tế*



Chúc quý khách năm mới :

An khang - Thịnh vượng - Hạnh phúc
Hân hạnh được phục vụ quý khách hàng

HX

Răng bạn sẽ trắng hơn sau **4** tuần!



P/S THUỐC ĐO ĐỘ TRẮNG
HÃY KIỂM TRA ĐỘ TRẮNG CỦA RĂNG VỚI
THUỐC ĐO ĐỘ TRẮNG TRONG HỘP P/S LÀM TRẮNG!

MỖI



P/S LÀM RĂNG với các hạt li ti làm trắng
len lõi làm sạch mảng bám, cho răng bạn
trắng hơn một cách tự nhiên sau 4 tuần.

International Health Care Foundation

Approved as effective
in prevention of dental
caries

Viện Răng Hàm Mặt (Bộ Y Tế)

Chứng Nhận
Sản phẩm đạt hiệu quả cao
trong việc chống sâu
răng bảo vệ sức khỏe
răng miệng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

HA NOI UNIVERSITY OF FOREIGN STUDIES

ĐỊA CHỈ : KM 9 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI, THANH XUÂN - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI : 8544338 ; FAX : 8544550 ; EMAIL : hufs@netnam.org.vn

Thành lập năm 1959, trường Đại học Ngoại ngữ hiện nay là một trong những cơ sở đào tạo, nghiên cứu, bồi dưỡng ngoại ngữ lớn nhất ở Việt Nam, có khả năng đào tạo 19 ngoại ngữ gồm các thứ tiếng : Anh, Nga, Trung Quốc, Pháp, Italia, Đức, Nhật, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, An-ba-ni, Séc, Slô-vác, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ả Rập, Hàn Quốc, Thái và tiếng Việt như một ngoại ngữ.



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ : Trường đào tạo phiên dịch, biên dịch và giáo viên ngoại ngữ có trình độ cử nhân, cao học, thạc sỹ, tiến sỹ ; Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh, Du lịch, Quốc tế học và tiếng Việt cho người nước ngoài; bồi dưỡng ngoại ngữ cho mọi đối tượng theo yêu cầu ; nghiên cứu phương pháp, công nghệ giảng dạy ngoại ngữ.

Các loại hình đào tạo bao gồm chính quy, tại chức, từ xa, liên kết trong và ngoài nước theo hình thức tập trung và bán tập trung.

THÀNH TÍCH :

Hơn 40 năm qua Trường Đại học Ngoại ngữ đã đào tạo trên 20.000 lưu học sinh, 6.000 thực tập sinh và nghiên cứu sinh, 14.000 phiên dịch, biên dịch và giáo viên, 15.000 cử nhân hệ tại chức và bồi dưỡng ngoại ngữ cho hàng vạn người. Trường đã được tặng thưởng hai Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.



Phòng máy Multimedla - Multimedia Lab



Lễ đón Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHND Trung Hoa đến thăm Trường

CHÚC MỪNG NĂM MỚI XUÂN NHÂM NGỌ 2002

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



Mừng Đảng, Mừng Xuân

SỐ ĐẶC BIỆT

4+5
2-2002

UNIV. OF MICH.

FEB 19 2002

CURRENT SERIALS



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

Địa chỉ : Bồ Đề - Gia Lâm - Hà Nội
Điện thoại : 04.8271453 - Fax : (84-4) 8371364



Giám đốc :
TRẦN ĐÌNH HẢI



- ☆ Ba Huân chương Lao động hạng 2
- ☆ Ba Huân chương Lao động hạng 3
- ☆ Ba cờ đơn vị chất lượng cao ngành Xây dựng Việt Nam
- ☆ 26 Huy chương vàng cho các sản phẩm cùng nhiều Bằng khen, giấy khen của Nhà nước và Bộ Xây dựng tặng thưởng.



Năm 2001, năm khởi đầu của thiên niên kỷ mới một năm để lại nhiều ấn tượng, dấu ấn cho toàn thế giới nói chung và nước ta nói riêng. Hiệp định thương mại Việt - Mỹ đã được ký kết và thông qua ở hai nước cũng như sự khẳng định Việt Nam là một trong những quốc gia có sự ổn định về kinh tế, chính trị trên thế giới. Cùng chảy theo dòng của đất nước, Công ty Cơ khí Xây dựng và lắp máy điện nước đã có những bước nhảy vọt đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong các hoạt động khác.

Với phương châm giữ vững ngành truyền thống, đa dạng hóa ngành nghề, đa phương hóa quan hệ, tăng cường tiếp thị mở rộng thị trường, phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng, năm 2001 Công ty đã phát triển đúng phương hướng và thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể :

- + Giá trị SXKD đạt 125,120 tỷ đồng tăng 122,5% so với TH 2000 và 104% so với KH 2001.
- + Doanh thu đạt 83,077 tỷ đồng, tăng 194% so với TH 2000 và 103% so với KH 2001.
- + Khối lượng SXKD đạt 5.213 tấn sản phẩm các loại tăng 113% so với TH 2000 và 100,25% so với KH 2001.

Để đạt được những kết quả trên trước hết phải kể đến sự năng động sáng tạo của tập thể CBCNV Công ty, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ trực tiếp của Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty trong việc sản xuất kinh doanh và tìm kiếm việc làm.

Giữ vững phương châm “Uy tín và Hiệu quả”, năm 2002 Công ty chủ trương tiếp tục phát triển đa ngành trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng lấy ngành cơ khí làm chuyên ngành chủ đạo, tiếp tục mở rộng phát triển lĩnh vực xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng điện nước, các công trình giao thông thủy lợi, cầu đường và tư vấn thiết kế góp phần tăng doanh thu của Công ty nói riêng và Tổng Công ty nói chung.



lắp
lồng
rộng
Nhà
Quy
An
ring
bằng
sys-
vidhi
ai
mặt
Vgh



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 634

**Số 4+5
2-2002**

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 9422061
Fax : 04 8222846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 8225768

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Mừng Đảng, mừng Xuân
Tranh : **HÀ HUY PHƯỢNG**

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẤT NƯỚC

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Đổi mới : Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam	3
TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân	14
TRẦN QUANG NHIẾP - Bác Hồ nói về quan hệ giữa Đảng với nhân dân	21
NGUYỄN HUYỀN - Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng Đổi mới, thắng lợi mới	25

NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 95, NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TRƯỞNG CHINH (9-2-1907 - 9-2-2002)

HÀ XUÂN TRƯỜNG - Trường Chinh trên mặt trận báo chí, văn hóa, văn nghệ	27
--	----

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN ĐẦU NĂM :

"Công tác tư tưởng, lý luận hiện nay - thực trạng và giải pháp"

VŨ HIỀN - Báo cáo đề dẫn	33
*** Tổng quan Hội thảo	36
HÀ ĐĂNG - Vấn đề trọng yếu của công tác lý luận hiện nay	43
HỮU THỌ - Thực tiễn và lý luận	47

TRÊN CÁC Nẻo ĐƯỜNG TỔ QUỐC

VŨ NGỌC KỲ - Đổi mới ở một tỉnh cực bắc của Tổ quốc	50
NHỊ LÊ - Vóc dáng Hưng Yên	54
ĐẶNG DUY BẦU - Hà Tĩnh thực hiện lời dạy của Bác Hồ	60
NGUYỄN VĂN LẠNG - Đắc Lắc - trên con đường vươn tới tương lai	65
NGUYỄN VĂN TIẾN - Tây Ninh vững bước cùng cả nước	70
HUỲNH MINH ĐOÀN - Đồng Tháp vận dụng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002	73
ĐỖ CƯỜNG - Xuân về trên con đường mang tên Bác	75

CÂU CHUYỆN NGÀY XUÂN

TRẦN QUANG HẢI - Xuân này, cao su Dầu Tiếng	78
VIỆT HƯNG - Đầu xuân kể vài giai thoại trong câu đối	81
PHAN ĐĂNG NHẬT - Hội lễ trong không gian và thời gian	84

NHÌN RA THẾ GIỚI

NGUYỄN HỒNG LĨNH - Thế giới hậu Á-p-ga-ni-xtan	88
QUANG LỢI - Bài học sinh tử đầu thế kỷ	90

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ: Обновление: революционный выбор в целях развития Вьетнама. **ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК:** Увеличить неразрывные отношения между Партией, государством и народом. **ЧАН КУАНГ НИЕП:** Дядя Хо говорит об отношениях между Партией и народом. **НГУЕН ХУЭН:** Поздравляем Партию! С Новой Весной! С курсом Обновления! Желаем новых успехов. **ХА СУАН ЧЫОНГ:** Товарищ Чыонг Тинь на фронте прессы, культуры и искусства. **ВУ ХИЕН:** Доклад – введение для научно – практического семинара: “Нынешняя идеологическая работа: реальность и решения”. **ХА ДАНГ:** Ключевые проблемы теоретической работы в настоящее время. **ХЫУ ТХО:** Практика и теория. **ВУ НГОК КЙ:** Обновление в одной из крайних северных провинций Отчизны. **ДО КЫОНГ:** Весна наступла на пути, носящем имя Дяди Хо. **НГУЕН ВАН ЛАНГ:** Дак Лак провинция на пути, стремящемся к будущему. **НГУЕН ХОНГ ЛИНЬ:** Мир после событий в Афганистане. **КУАНГ ЛОЙ:** Жизненно-важный урок в начале века.

CONTENTS

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Renovation – a revolutionary choice of developmental purpose of Vietnam. **TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC:** To promote the close relationships between the Party, state and people. **TRẦN QUANG NHIỆP:** Uncle Ho speaks about the relationships between the Party and the people. **NGUYỄN HUYỀN:** Congratulate the Party! Congratulate the new spring! Congratulate the Renovation and wish new successes. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** Comrade Trường Chinh at the front of the press, culture and arts. **VŨ HIẾN:** Introductory report for the scientific – practical seminar: “The present – day work of ideology and theory: realities and solutions”. **HÀ ĐĂNG:** The key problems of the theoretical work in our country nowadays. **HỮU THỌ:** Practice and theory. **VŨ NGỌC KỶ:** Renovation in one of the northernmost provinces of the Fatherland. **ĐỖ CƯỜNG:** Spring comes to the path bearing the name of Uncle Ho. **NGUYỄN VĂN LẠNG:** Province Đắc Lắc on the path leading impetuously to the future. **NGUYỄN HỒNG LĨNH:** The World after the events in Afghanistan. **QUANG LỢI:** A lesson of vital importance at the beginning of the century.

SOMMAIRE

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Renouveau – Le choix révolutionnaire au service du développement du Vietnam. **TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC:** Renforcement des relations entre le Parti, l'Etat et le peuple. **TRẦN QUANG NHIỆP:** L'Oncle Ho parle des relations entre le Parti et le peuple. **NGUYỄN HUYỀN:** Félicitations au Parti, au Printemps, au Renouveau et aux nouvelles victoires. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** Le camarade Trường Chinh (Ex-Secrétaire Général du PCV) sur le front de la presse, de la culture, de la littérature et des arts. **VŨ HIẾN:** Rapport d'introduction du Colloque science-pratique: “Le travail idéologique et théorique actuel – Etat de lieux et solutions”. **HÀ ĐĂNG:** Le problème important du travail théorique actuel au Vietnam. **HỮU THỌ:** La réalité et la théorie. **VŨ NGỌC KỶ:** Le Renouveau dans une province au Nord du Vietnam. **ĐỖ CƯỜNG:** Le retour du printemps sur la route Hồ Chí Minh. **NGUYỄN VĂN LẠNG:** La province de Đắc Lắc sur le chemin vers l'avenir. **NGUYỄN HỒNG LĨNH:** Le monde post-Afghanistan. **QUANG LỢI:** La leçon de vie et de mort du début du siècle.

SUMARIO

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Renovación – la selección revolucionaria por los objetivos del desarrollo de Vietnam. **TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC:** Intensificar las relaciones entrañables entre el Partido, el Estado y el pueblo. **TRẦN QUANG NHIỆP:** El Tío Hồ habla sobre las relaciones entre el Partido y el pueblo. **NGUYỄN HUYỀN:** Felicitaciones al Partido, a la Primavera, a la Renovación y a los nuevos logros. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** El compañero Trường Chinh (Ex-Secretario General del PTVN) en el frente de prensa, literatura y arte. **VŨ HIẾN:** Informe de introducción del Simposio científico-práctico: “El trabajo ideológico, teórico actual en Vietnam – realidad y soluciones”. **HÀ ĐĂNG:** El problema importante del trabajo teórico actual en Vietnam. **HỮU THỌ:** La realidad y la teoría. **VŨ NGỌC KỶ:** La renovación en una provincia del Extremo Norte de la Patria. **ĐỖ CƯỜNG:** La primavera en la obra de la Ruta Hồ Chí Minh. **NGUYỄN VĂN LẠNG:** La provincia de Đắc Lắc en el camino hacia el futuro. **NGUYỄN HỒNG LĨNH:** El mundo en post-Afghanistan. **QUANG LỢI:** La lección vital del comienzo del nuevo siglo.

目录

陈德良: 革新——对准越南发展目标的革命性选择·张光得: 加强党、国家和人民之间的密切关系·陈光摄: 胡伯伯论党和人民之间的关系·阮萱: 庆祝党、春天、革新、新胜利·何春长: 在新闻、文化、文艺战线上的长征同志·武贤: 科学实践研讨会的报告提纲 “目前的思想理论工作——现状及解决措施”·何登: 目前理论工作的重要问题·友寿: 实践与理论·武玉旗: 祖国最北端省份的革新·杜强: 春天来到胡志明公路·阮文凉: 迈向将来的多乐·阮鸿岭: 阿富汗后的世界形势·光利: 世纪初的深刻教训

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẤT NƯỚC

ĐỔI MỚI : SỰ LỰA CHỌN CÁCH MẠNG NHẪM MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đổi mới là sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam bắt đầu diễn ra từ năm 1986, là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Sau 15 năm vượt qua các thử thách và khó khăn to lớn, tiến hành công cuộc đổi mới trên mọi mặt : chính trị, kinh tế, xã hội..., đến nay, Việt Nam có đủ cơ sở để khẳng định rằng đổi mới là sự lựa chọn đúng đắn, đã đặt Việt Nam vào quỹ đạo phát triển mới về chất, phù hợp với xu thế của thời đại và với ý nguyện của nhân dân. Sự hưởng ứng đường lối đổi mới ngày càng sâu rộng và tự giác của nhân dân, khả năng tiếp cận và hội nhập một cách có hiệu quả của đất nước vào đời sống của cộng đồng quốc tế cùng với những kết quả to lớn và toàn diện mà đổi mới mang lại là những bằng chứng hiển nhiên, thuyết phục về tính tất yếu lịch sử của quá trình đổi mới ở Việt Nam.

I. ĐỔI MỚI - LÔGIC TẤT YẾU CỦA CUỘC SỐNG.

Trong nhiều thập kỷ trước đổi mới, cũng giống như ở các nước XHCN khác, Việt Nam thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo mô hình XHCN được quan niệm lúc bấy giờ. Theo đó, chế độ sở hữu toàn dân và tập thể về tư liệu sản xuất và cơ chế kế hoạch hóa tập trung đóng vai trò là những yếu tố chủ đạo của mô hình phát triển.

Cần nhấn mạnh rằng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, nhân dân Việt Nam phải ra sức động viên và tập trung sức mạnh toàn dân tộc để vừa xây dựng đất nước, vừa thực hiện cuộc chiến tranh không cân sức nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Việc thực hiện mô hình phát triển này đã mang lại những kết quả to lớn không thể phủ nhận. Đó là sự bảo đảm quyết định để giành thắng lợi

trong cuộc chiến giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, tạo lập những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu rất quan trọng của XHCN, mang lại cho nhân dân cuộc sống tự do, việc làm, quyền làm chủ xã hội cùng với những cải thiện đáng kể trong đời sống vật chất và tinh thần.

Tuy nhiên, thực tế trước đổi mới, nhất là của hơn 10 năm tiến hành xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước (1975 - 1986), chứng tỏ rằng trong nền kinh tế mang đậm bản sắc nông dân - nông nghiệp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, mô hình phát triển gắn với cơ chế kế hoạch hóa tập trung có những khiếm khuyết lớn trong việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Sau nhiều năm vận động trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, tuy đất nước có đạt được những thành tựu to lớn, song nhiều vấn đề mấu chốt và thiết yếu nhất của cuộc sống nhân dân (ăn, mặc, ở) vẫn chưa được giải quyết đầy đủ; đất nước chưa có những thay đổi sâu sắc và triệt để trong phương thức phát triển; tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế ngày càng trầm trọng; nhiệt tình lao động và năng lực sáng tạo của nhân dân, tài nguyên và các nguồn lực chưa được khai thác, phát huy đầy đủ, thậm chí bị xói mòn.

Nhìn tổng quát, với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, nền kinh tế Việt Nam vận động thiếu năng động và kém hiệu quả. Những mất cân đối và nguy cơ bất ổn định tiềm tàng trong đời sống kinh tế - xã hội bị tích nén lại. Tình trạng thiếu hụt kinh niên làm gia tăng các căng thẳng trong đời sống xã hội. Lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước giảm sút. Trên thực tế, đến cuối những năm 70, đất nước đã thực sự lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Vấn đề cấp bách đặt ra cho Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam lúc này là tìm kiếm cách thức phát triển mới có khả năng đáp ứng các mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong

đó quan trọng nhất là phải tháo gỡ các ràng buộc về cơ chế và thể chế để giải phóng các nguồn lực phát triển của đất nước.

Cần phải nói rằng ngay khi đất nước mới lâm vào khủng hoảng, trong nền kinh tế Việt Nam, dưới áp lực của thực tiễn, *đã diễn ra hai cuộc thử nghiệm quan trọng*: i) *áp dụng chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân trong HTX nông nghiệp* và ii) *triển khai chế độ “kế hoạch 3 phần” ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*. Về nguyên tắc, cả hai cuộc thử nghiệm này đều diễn ra theo một xu hướng chung: nới lỏng các ràng buộc của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mở rộng hơn phạm vi hoạt động của các quan hệ thị trường, trao nhiều quyền chủ động kinh doanh hơn cho các chủ thể kinh tế và người lao động. Phong trào lan rộng ra khắp nền kinh tế và đã nhanh chóng đưa lại những thành tựu nổi bật, trước hết là trên mặt trận nông nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả của xu hướng cải cách này còn bị hạn chế do việc thực hiện những cải cách theo hướng thị trường mới mang tính cục bộ và chỉ dừng lại ở cấp vi mô, trong khuôn khổ cố gắng bảo tồn cơ chế kế hoạch hóa tập trung ở tầm vĩ mô. Vì vậy, những cuộc thử nghiệm này tuy đưa đến những thành tựu nổi bật trong nông nghiệp nhưng vẫn không ngăn cản được cuộc khủng hoảng ngày càng trở nên trầm trọng. Tình hình đó đã khiến cho đổi mới trở thành một nhu cầu hết sức bức bách, là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống. Nhận rõ nhu cầu bức thiết ấy, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã chính thức khởi xướng sự nghiệp đổi mới.

Giữa lúc Việt Nam chính thức quyết định tiến hành công cuộc đổi mới, trên thế giới cũng diễn ra nhiều biến đổi quan trọng. Những biến đổi ấy vừa có ảnh hưởng tới Việt Nam, vừa gợi ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo với các mức độ khác nhau. Đó là:

1. Công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc theo hướng thị trường - mở cửa bắt đầu diễn ra từ năm 1978. Tiếng vang của những thành tựu cải cách nổi bật mà Trung Quốc thu được đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam quan tâm do có sự tương đồng nhiều mặt về các điều kiện kinh tế - xã hội giữa hai nước, mặc dù trong thời gian này quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vẫn còn căng thẳng, chưa được bình thường hóa.

2. Sự không thành công của công cuộc cải tổ đã dẫn tới sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu là một bài học phản diện. Sự sụp đổ đó là bằng chứng về sự thất bại của con đường cải tổ theo kiểu “phủ định sạch trơn”, sử dụng “liệu pháp sốc”, giải quyết không đúng mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình cải tổ. Cái giá phải trả là rất đắt.

3. Thành công của các nước “công nghiệp mới” ở Đông Á đưa ra những gợi ý về cách thức và giải pháp phát triển đối với những nước

vốn xuất phát từ những nước nông nghiệp và có quan hệ xã hội theo kiểu những giá trị văn hóa phương Đông. Đó là những thành công của các chiến lược phát triển : phát huy mạnh nội lực, thị trường - mở cửa, hướng vào xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

4. Xu hướng hợp tác và cạnh tranh trên thế giới đang từng bước thay thế xu hướng đối đầu và xung đột. Tình huống này buộc các quốc gia phải định hướng lại tư duy về các vấn đề phát triển. Khác hẳn trước đây, trong hoàn cảnh phát triển mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành nhu cầu tự thân bên trong đối với nền kinh tế nông nghiệp vốn mang đậm tính chất khép kín, tự cấp tự túc của Việt Nam.

Toàn bộ tình hình trên đây, ở trong cũng như ngoài nước đã tác động đến Việt Nam về cả hai phương diện. Một mặt, nó đòi hỏi phải đổi mới **tư duy phát triển**, đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế theo một phương thức mới. Mặt khác, nó tạo ra **các cơ hội và điều kiện** để sự thay đổi đó diễn ra thuận lợi. Đó là điểm



khởi đầu cả về lịch sử lẫn lý luận của quá trình đổi mới.

II. ĐỔI MỚI TƯ DUY PHÁT TRIỂN.

Nhận thức được sự thay đổi của tình hình và yêu cầu gay gắt phải tạo một bước ngoặt trong tiến trình phát triển đất nước, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI tuyên bố tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để. Chương trình phát triển đất nước được thông qua tại Đại hội này có nội dung đặc biệt quan trọng là *chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường - mở cửa theo định hướng XHCN*. Để thực hiện được bước chuyển ấy, khâu đầu tiên có ý nghĩa quyết định là phải đổi mới tư duy phát triển. Chính điều đó xác định giá trị lịch sử của Đại hội VI : **Đại hội của Đổi mới tư duy.**

Quá trình đổi mới tư duy phát triển trên thực tế là quá trình đấu tranh về mặt lý luận và tư tưởng nhằm đạt đến nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Trước hết, với tinh thần *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”*, Đại hội VI đã **kiểm điểm và đánh giá theo tinh thần phê phán những sai lầm chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động nóng vội, chủ quan, không tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan**. Đại hội đã rút ra 4 bài học lớn, trong đó 2 bài học đầu tiên là *“Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”* và *“Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan”*. Những bài học trên đây là cơ sở quyết định để từ bỏ lối tư duy sáo mòn, kinh viện ; tập trung trí tuệ của toàn Đảng vào việc tìm kiếm và lựa chọn một tư duy mới, một chiến lược phát triển mới, có khả năng đáp ứng tốt nhất đòi hỏi của nhân dân. Đại hội Đảng VI

trở thành sự kiện đánh dấu bước ngoặt phát triển là nhờ nó quán triệt sâu sắc nguyên tắc : nếu không có sự phê phán và tự phê phán nghiêm túc, sẽ không thể có bất kỳ một sự đổi mới nào, kể cả đổi mới tư duy.

Thứ hai, nội dung cốt lõi của tư duy đổi mới là bước chuyển từ quan niệm kinh tế xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, phải được xây dựng ngay trong thời kỳ quá độ *sang* **khẳng định phải phát triển** trong thời kỳ quá độ *một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, tức là **nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**.

Về thực chất, đây là sự **đổi mới tư duy phát triển**.

Sự đổi mới tư duy phát triển ấy hướng tới sự đổi mới triệt để và toàn diện *phương thức phát triển* nhưng không *đổi hướng phát triển* : mục tiêu của phát triển vẫn là đạt tới chủ nghĩa xã hội. Nhưng *phương thức phát triển* thì có những đổi mới căn bản. Đó là :

- *Bước chuyển* từ quan niệm cũ về nền kinh tế trong thời kỳ quá độ, theo đó, trong nền kinh tế ấy *thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa* (gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) với *sở hữu công cộng* (gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) *giữ vị trí thống trị* sang quan điểm *phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần* (gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) với *nhiều hình thức sở hữu đa dạng, hỗn hợp, đan xen lẫn nhau*.

- *Bước chuyển* từ *cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp* sang *cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, trong đó từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch, kỳ thị thị trường *sang* chỗ thừa nhận thị trường, khẳng định phải kết hợp kế hoạch với thị trường,

trong đó kế hoạch định hướng thị trường, còn thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch, có vai trò điều tiết cung cầu, giá cả, điều tiết sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Thứ ba, sự đổi mới tư duy phát triển còn thể hiện ở bài học thứ ba mà Đại hội VI đã rút ra : đó là **“phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới”**. Thực chất của sự đổi mới này là thay thế quan niệm phát triển “khép kín” trong thế đối đầu bằng quan niệm phát triển dựa vào mở cửa, mở rộng hợp tác quốc tế theo phương châm kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và cạnh tranh phát triển dựa trên cơ sở phát huy nội lực. Cách tiếp cận phát triển mới này bắt nguồn từ đòi hỏi bức bách phải thoát khỏi tình trạng bị bao vây cấm vận, trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa có những thay đổi lớn. Đảng Cộng sản Việt Nam coi đây là cách lựa chọn tốt nhất để Việt Nam chủ động hội nhập vào quá trình hợp tác kinh tế quốc tế, tận dụng các cơ hội phát triển to lớn mà thời đại đang dành cho các nước đi sau. Việc kịp thời chuyển hướng nhận thức trong đường lối đối ngoại như vậy thể hiện rõ quan niệm mới về độc lập dân tộc, phù hợp với các điều kiện quốc tế đã thay đổi sâu sắc.

Thứ tư, cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phải ngày càng hoàn thiện cơ chế **Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ** thành cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội. Nếu cơ chế quản lý kinh tế là cơ chế bảo đảm cho sự vận động và phát triển của lĩnh vực kinh tế, thì cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội là cơ chế bảo đảm cho hệ thống chính trị phát huy được vai trò của mình, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả một hệ thống quản lý xã hội.

Cơ chế **Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ** đã được đề ra từ những năm 70, nhưng nay cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, theo đó, **“phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”** như bài học thứ tư mà Đại hội VI đã rút ra, đặc biệt là phải tăng cường sức chiến đấu, nâng cao năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng, còn Nhà nước phải được xây dựng thành **Nhà nước pháp quyền** của dân, do dân, vì dân, quản lý xã hội bằng pháp luật, nhân dân phải thực sự trở thành người chủ, mọi việc đều phải tiến hành theo nguyên tắc **“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”**.

Thứ năm, sự đổi mới tư duy phát triển còn thể hiện ở khẳng định phải **“phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, coi nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định đối với sự phát triển của đất nước, là yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững”**, từ đó yêu cầu phải “khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội” như đã từng xảy ra trong thời kỳ trước đổi mới.

Trên cơ sở quan điểm đổi mới ấy, Đại hội VI đề ra nhiệm vụ **phải có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài** và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sự đổi mới tư duy lý luận trên đây của Việt Nam, một mặt, đặt nền tảng lý luận cần thiết cho quá trình đổi mới thực tiễn ; mặt khác, là sản phẩm của chính quá trình này. Để hình thành nên tư duy mới ấy, nhiệm vụ phải làm là kết hợp một cách biện chứng những nguyên lý lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống và tinh hoa

văn hóa dân tộc, với những nhận thức mới về thế giới hiện đại, về con đường phát triển mang các sắc thái đặc thù của thời đại và dân tộc. Điều rất quan trọng là tư duy mới đó được hình thành từ chính thực tiễn sáng tạo của dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, nó trở thành một trong những căn nguyên chủ yếu nhất của các thành tựu phát triển to lớn mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong quãng thời gian hơn 15 năm đổi mới vừa qua.

III. KẾT QUẢ ĐỔI MỚI : THÀNH CÔNG CỦA MỘT ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN MỚI.

Tuy không thể nói công cuộc đổi mới của Việt Nam cho đến nay diễn ra một cách hoàn toàn trơn tru và thuận lợi, song tính nhất quán của quá trình phát triển là điều được khẳng định. Chính việc đặt nền kinh tế vào một quỹ đạo phát triển mới - quỹ đạo kinh tế thị trường, mở cửa theo định hướng XHCN - đã tạo nên các thành tích phát triển đáng kể trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

Về mặt kinh tế, với việc thực hiện đường lối đổi mới, chỉ sau 10 năm, Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng nặng nề. Nạn lạm phát phi mã bị đẩy lùi từ hơn 700% năm 1986 xuống còn 12% năm 1995 và được kiểm soát chặt chẽ từ đó đến nay đã góp phần đáng kể vào việc khôi phục và củng cố các cơ sở ổn định và tăng trưởng. GDP được nhân đôi sau 10 năm (1991 - 2000) nhờ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt hơn 7,5% trong khi xuất, nhập khẩu đạt mức tăng trưởng hơn 20%/năm. Đây là kết quả trực tiếp của quá trình **đổi mới cơ chế kinh tế và áp dụng mô hình tăng trưởng mới**. Việc tập trung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và từng bước kết hợp với việc đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội đã khuyến khích sự phát triển của tất cả các thành phần, lực lượng kinh tế, tạo nên sức thúc đẩy phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, đồng thời vẫn giữ được sự ổn định vĩ mô cả về kinh tế, chính trị, xã hội - tiền đề tối cần thiết cho thành

công của đổi mới. Ngân sách nhà nước, cán cân thương mại và dự trữ quốc gia không ngừng được cải thiện, tạo cơ sở vững chắc cho quá trình tăng trưởng cao, bền vững. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng CNH, HĐH : tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm xuống tương ứng với sự tăng lên rõ ràng của công nghiệp và dịch vụ. Cơ chế thị trường, với sự can thiệp có định hướng của Nhà nước, đã làm thay đổi căn bản nguyên tắc phân phối các nguồn lực. Đối với một nước nghèo như Việt Nam, về dài hạn, sự thay đổi đó có giá trị đặc biệt to lớn.

Đường lối phát triển giữ vững định hướng XHCN xác định rõ tăng trưởng không phải là mục đích tự thân. Cùng với việc tập trung nỗ lực để đạt được tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, Nhà nước đã định hướng phân bổ rộng khắp và công bằng cho nhân dân lao động lợi ích do đổi mới mang lại. Nhờ đó, đời sống của người dân được cải thiện nhanh chóng. Chỉ trong 5 năm (1993 - 1998) thu nhập bình quân đầu người trên phạm vi cả nước đã tăng gấp 2,45 lần, tỷ lệ hộ đói nghèo về cả lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm đã giảm từ trên 50% giai đoạn 1992 - 1993 xuống còn trên 30% giai đoạn 1997 - 1998. Đời sống tinh thần trong xã hội được cải thiện rõ rệt. Việc kiên trì định hướng phát triển vì con người đó đã dẫn tới kết quả là chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam, theo xếp hạng của UNDP, tăng lên khá nhanh, từ thứ 121 năm 1990 lên thứ 101 năm 2000 (trên 174 nước). Cũng cần nói thêm rằng đối với Việt Nam, xếp hạng chỉ số phát triển con người luôn luôn vượt trội xếp hạng chỉ số GDP/đầu người. Năm 1992, sự chênh lệch giữa hai chỉ số này là 34 bậc, còn đến năm 2000, con số tương ứng là 19 bậc ⁽¹⁾. Sự chênh lệch này phản ánh một cách rõ ràng định hướng ưu tiên quan tâm

(1) UNDP : Human Development Reports 1994, 2001

đến con người, đến sự phát triển vì con người trong chiến lược phát triển của Việt Nam. Đây là một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Một trong những kết quả đổi mới nổi bật khác của Việt Nam là trong lĩnh vực đối ngoại. Với chủ trương Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, Việt Nam đã tiến hành việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ và các nước trước đây có quan hệ thù địch, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và chủ động hội nhập vào quỹ đạo phát triển của khu vực và thế giới. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ toàn diện với hầu hết các nước trên thế giới, là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Hàng nghìn công ty nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam với số vốn cam kết gần 40 tỉ đô la, chưa kể hàng chục tỉ đô la thu hút được từ các nguồn tài trợ phát triển chính thức.

Nhìn tổng thể, các kết quả mà đổi mới mang lại đã tạo ra cho Việt Nam *thế* và *lực* phát triển mới. Đây là kết quả mang tính tổng hợp của đổi mới, có giá trị định hướng tương lai. Với cách nhìn như vậy, có thể nói thành công quan trọng nhất của đổi mới là Việt Nam đã tìm thấy và khẳng định được một con đường phù hợp để giải quyết các vấn đề phát triển của mình trong điều kiện mới.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA VIỆT NAM.

Mười lăm năm đổi mới là quãng thời gian đầy thử thách, vượt qua vô vàn khó khăn của Việt Nam trên con đường tìm tòi mô hình phát triển mới, có hiệu quả hơn, đảm bảo đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thành công. Thực tiễn của 15 năm đổi mới đó cho phép rút ra nhiều bài học bổ ích về tiến hành công cuộc đổi mới. Dưới đây là một số bài học chủ yếu nhất.

Bài học thứ nhất : *Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Trong bối cảnh CNXH thế giới đang lâm vào thoái trào, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời phân tích tình hình quốc tế và trong nước, khẳng định con đường ***kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh*** là quyết định chính trị có tầm quan trọng hàng đầu. Theo đó, trong nhận thức lại về CNXH, học thuyết Mác - Lê-nin không đồng nghĩa với sự phủ định sạch trơn. Vấn đề là cần phân biệt những nguyên lý cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những nhận thức không đúng do sự ngộ nhận có tính ấu trĩ và kinh viện đã bị thực tiễn bác bỏ.

Trong hơn 70 năm qua, dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng “long trời, lở đất” vì độc lập tự do của mỗi người và cho cả dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam đã được thử thách trên 70 năm ; là sự kết hợp nhuần nhuyễn mục tiêu độc lập dân tộc với xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa ; là sự kết hợp những tinh hoa cách mạng - khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những truyền thống lịch sử - văn hóa quý báu của dân tộc Việt Nam. Chân lý đó sẽ không là khó hiểu đối với bất kỳ ai có điều kiện nghiên cứu toàn bộ các tác phẩm và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh kể từ những năm 1920 cho đến khi Người qua đời.

Bài học thứ hai : *Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm thích hợp.*

Đây là bài học về nghệ thuật tiến hành đổi mới. Thực chất của nó là bài học về phối hợp chính sách và kết hợp tối ưu giữa các lợi ích ngắn hạn, cục bộ với các lợi ích dài hạn và toàn thể, tìm tòi các bước đi, hình thức và cách làm thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Thực tiễn cho thấy đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, nó phải được tiến hành đồng bộ trên tất cả mọi lĩnh vực. Logic khách quan đó đòi hỏi phải phối hợp đồng bộ các chính sách và giải pháp đổi mới trên cơ sở sự nhất quán của đường lối đổi mới và của quyết tâm phát triển. Yêu cầu này đặc biệt đúng cho quá trình chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường - mở cửa.

Trong khi yêu cầu đồng bộ thể hiện ra là nguyên tắc phổ biến, quyết định triển vọng dài hạn của đổi mới thì các điều kiện cụ thể hiện thực của đất nước lại đòi hỏi sự mềm dẻo, linh hoạt khi lựa chọn và phối hợp chính sách. Việt Nam là một nước nghèo, lạc hậu, tiềm lực phát triển yếu, lại bị bao vây, cấm vận kéo dài. Trong bối cảnh đó, đổi mới chỉ có thể thành công khi biết lựa chọn một cách tối ưu các hình thức và bước đi thích hợp, biết tập trung nỗ lực và các nguồn lực phát triển hạn chế vào những khâu đột phá quyết định nhằm xoay chuyển tình hình. Không phải ngẫu nhiên mà quá trình đổi mới ở Việt Nam được bắt đầu từ khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết quả là, từ một nước thiếu lương thực một cách triền miên, sau một thời gian ngắn, Việt Nam đã có thể trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu của thế giới.

Trong thực tế đổi mới, Việt Nam đã hướng chính sách vào mục tiêu tập trung nỗ lực và sức mạnh để tạo ra sự đột phá phát triển trong khuôn khổ định hướng chung. Chính đây là lý do giải thích tại sao Việt Nam thu được thành công khá nhanh chóng trong việc chống lạm

phát, phá vỡ thế cấm vận, giải quyết vấn đề đói nghèo và tăng trưởng, thiết lập cơ chế kinh tế mới và từng bước nâng cao sức cạnh tranh quốc tế, v.v.

Bài học thứ ba : *Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm.*

Đây là bài học về việc xử lý mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình chuyển đổi được thực hiện trong bối cảnh quốc tế đang thay đổi mạnh mẽ và có nhiều yếu tố tác động không thuận lợi. Bài học này được đúc kết từ chính kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam.

Vấn đề làm rõ *quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị* đã được đặt ra từ Đại hội VI. Nhưng rồi thực tiễn đổi mới ở Việt Nam cũng như thực tiễn cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa đã cho phép Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (6-1991) rút ra kết luận rằng *phải tập trung sức đổi mới kinh tế*, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. *Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.* Đổi mới các hoạt động trong hệ thống chính trị cần được tiến hành thận trọng, trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, tạo sự nhất trí cao trong xã hội, tiến hành liên tục từng bước vững chắc. Tuyệt đối không được phép nhân danh cải tổ, cải cách mà tạo ra tình hình mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Tuy nhiên, không vì vậy mà tiến hành chậm trễ việc đổi mới hệ thống chính trị (nhất là về hoàn thiện hệ thống luật pháp, về cải cách hành chính, về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân) vì sự chậm trễ đó cản trở việc đổi mới kinh tế và các lĩnh vực khác.

Bài học thứ tư : *Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

Thực tiễn 15 năm đổi mới của Việt Nam cho thấy việc chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung vốn mang nặng tính quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường là hoàn toàn cần thiết. Chính cơ chế thị trường đã góp phần quan trọng vào việc khai thác và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội, làm bật dậy sức sáng tạo to lớn của hàng chục triệu người lao động, là nền tảng bảo đảm thực hiện quyền làm chủ về mặt kinh tế của người lao động, trên cơ sở đó, mở rộng và phát huy dân chủ trong tất cả các lĩnh vực khác của đời sống.

Song thực tế cũng cho thấy cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng dẫn đến xu thế phân hóa giàu nghèo quá mức, kéo theo việc thương mại hóa các quan hệ xã hội, làm xuất hiện những tệ nạn xã hội, làm tổn hại các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Vì thế, để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, việc sử dụng cơ chế thị trường phải đi đôi với việc nâng cao chất lượng quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước. Bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác, Nhà nước phải hướng vào việc phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối và bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư, thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn đến sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập, v.v... Tóm lại, cùng với việc sử dụng cơ chế thị trường để kích thích sản xuất phát triển, phải tăng cường vai trò và nâng cao chất lượng quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bài học thứ năm : Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Đây là bài học truyền thống của Việt Nam, thể hiện đặc biệt rõ qua việc huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa và phát huy truyền thống ấy, trong thời kỳ đổi mới, xuất phát từ hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam sau 30 năm chiến tranh, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai.

Chính việc mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân theo tư tưởng đổi mới trên đây đã phát huy được sức mạnh của cả dân tộc, tạo thành *động lực chủ yếu để phát triển Việt Nam* trong thời kỳ đổi mới.

Bài học thứ sáu : Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là xu hướng toàn cầu hóa kinh tế đang được đẩy mạnh và quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức đang diễn ra nhanh chóng. Với tư duy đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đi đôi với phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, cần khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới từ bên ngoài, thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh mở cửa và chủ động hội nhập quốc tế, coi đây là cách thức hợp lý để tiếp cận nhanh và có hiệu quả

vào các xu hướng phát triển quyết định tương lai đang diễn ra trên thế giới, thông qua đó lựa chọn một mô hình thích hợp để giải quyết các vấn đề phát triển đang đặt ra gay gắt cho một nước đang bị tụt hậu phát triển.

Trong thực tiễn đổi mới, ngay từ đầu Việt Nam đã lựa chọn chính sách phát triển trên đây. Nhờ vậy, Việt Nam đã từng bước phá vỡ thế bao vây cấm vận, xây dựng và củng cố niềm tin trong cộng đồng quốc tế; nhanh chóng mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và ngoại giao với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới cũng như với các tổ chức quốc tế và khu vực. Nhờ đó, uy tín và vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trong những vấn đề hợp tác quốc tế và khu vực. Kết quả rõ nhất của điều đó là tạo lập được một môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, là mức độ tăng trưởng cao của hoạt động ngoại thương, của các dòng đầu tư và tài trợ phát triển nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua.

Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới cũng cho thấy trong khi đẩy mạnh mở cửa và chủ động hội nhập quốc tế, cần phải giữ vững độc lập tự chủ, thực hiện mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, “hòa nhập” nhưng không “hòa tan” - đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến những thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Bài học thứ bảy : Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của Đảng. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, lực lượng chính trị đã đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử có khả năng tập hợp và tổ chức quần chúng

trong phạm vi cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc và tái thiết đất nước cũng như phát động sự nghiệp đổi mới, mở ra trang sử mới của dân tộc thì chắc chắn sự nghiệp phát triển sẽ không thể thực hiện có tính kế thừa liên tục, thậm chí có thể đi chệch hướng. Vì vậy, Đảng cùng với đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

V. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI : CON ĐƯỜNG ĐI TỚI TƯƠNG LAI CỦA VIỆT NAM.

Sau 15 năm đổi mới, xã hội Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc. Những thay đổi đó đã mang lại cho Việt Nam một *thế* và *lực* phát triển mới khi bước vào thế kỷ mới.

Ngày nay, xét trên tất cả các mặt, tiềm lực phát triển của Việt Nam đã được nhân lên gấp bội so với trước đổi mới. Nền kinh tế đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng của thập niên 80, đứng vững trước tác động tiêu cực to lớn của cuộc khủng hoảng khu vực nửa cuối thập niên 90. Những nền tảng cho quá trình tăng trưởng nhanh bền vững đã được tạo lập và củng cố. Thể chế kinh tế thị trường được khẳng định dứt khoát nhờ hiệu quả phát triển to lớn mà nó đem lại trong thời gian qua. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH đã tạo nên cơ sở xuất phát tốt cho giai đoạn tới. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ ràng không chỉ đem lại cho nền kinh tế một khả năng đầu tư phát triển mới to lớn hơn mà còn củng cố lòng tin vào định hướng phát triển XHCN và tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ.

Trong các quan hệ quốc tế, vị thế của Việt Nam đã được nâng cao rõ rệt. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho phép Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn đến cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả hơn các lợi thế phát triển của một nước đi sau.

Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đang bước vào thế kỷ mới với một vóc dáng mới đầy triển vọng.

Tuy nhiên, đó chỉ mới là một mặt của vấn đề. Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận thức rõ rằng đổi mới là cuộc thử nghiệm một con đường phát triển mới. Sai lầm và khiếm khuyết là không thể tránh khỏi. Trên cơ sở nghiêm túc tổng kết thực tiễn, các kỳ Đại hội Đảng, mà gần đây nhất là Đại hội IX, đã phân tích sâu sắc các điểm yếu kém nội tại của nền kinh tế, các vấn đề chính trị - xã hội phát sinh trong quá trình đổi mới, vạch ra các nguyên nhân của tình hình, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan.

Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng đã phân tích và đánh giá khách quan và toàn diện các xu hướng đang diễn ra trên thế giới, định vị rõ những yếu tố có ảnh hưởng to lớn đến triển vọng phát triển toàn cầu và khu vực và khả năng tác động của chúng đến Việt Nam.

Những nhận thức như vậy là cơ sở để rút ra các nhận định về thời cơ, nguy cơ và thách thức phát triển mà Việt Nam đang và sẽ đối mặt trong giai đoạn tới. Cơ hội phát triển là rất lớn, song thách thức còn rất gay gắt.

Kết luận quan trọng nhất được rút ra từ những nhận định đó là : đẩy mạnh đổi mới, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là phương hướng chiến lược phải tiếp tục kiên trì thực hiện vì đó là con đường duy nhất bảo đảm triển vọng phát triển sáng sủa cho Việt Nam.

Trong tầm nhìn chiến lược, mục tiêu cơ bản mà Việt Nam phấn đấu đạt vào năm 2020 là thoát khỏi tình trạng tụt hậu phát triển, về cơ bản trở thành nước công nghiệp. Đây là cơ sở vật chất để đạt được mục đích phát triển tổng quát là xây dựng Việt Nam thành một nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Trong bối cảnh thế giới đang thay đổi sâu sắc và nhanh chóng, khi những rủi ro phát triển đang gia tăng nhanh cùng với xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, việc đạt tới các mục tiêu đó đòi hỏi những nỗ lực to lớn hơn, mang tính trí tuệ cao hơn và có chất lượng cao hơn. Những nỗ lực đó hướng tới việc giải quyết những nhiệm vụ chính sau :

Thứ nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng và phát triển nhanh, bền vững, đúng định hướng XHCN.

Thứ hai, hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường.

Thứ ba, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

Các nhiệm vụ này bao hàm trong chiến lược tổng thể về CNH, HĐH của giai đoạn mới. Về thực chất, chiến lược này đồng nghĩa với việc triển khai một mô hình phát triển cho phép Việt Nam rút ngắn được quãng đường tiến lên hiện đại, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách tụt hậu giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Nhưng để đạt được các mục tiêu dài hạn đó, trong giai đoạn trước mắt, Việt Nam phải tập trung nỗ lực giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa đột phá như đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế, nhất là cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trong khu vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của sản phẩm Việt Nam, xóa đói giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực, cải cách hành chính và tạo lập môi trường thúc đẩy quá trình thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, v.v.

Sau một thời gian nhịp độ cải cách và tăng trưởng bị chậm lại do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực và những điều kiện thị trường quốc tế không thuận lợi, do những yếu kém bên trong chưa được khắc phục kịp thời, khi bước vào thế kỷ mới, nền kinh tế Việt Nam đã khôi phục lại được đà phát triển. Đây là kết quả của việc áp dụng các giải pháp tiếp tục đổi mới với một quyết tâm và một cấp chất lượng cao hơn. Sau 15 năm dựa vào đổi mới để phát triển, Việt Nam lại có thêm một kinh nghiệm mới để khẳng định rằng **tiếp tục đẩy mạnh đổi mới là sự lựa chọn duy nhất đúng cho tương lai của Việt Nam.** □

TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỚI NHÂN DÂN

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC*

1- Gắn bó máu thịt với nhân dân - một biểu hiện bản chất cách mạng của Đảng ta.

Trong lịch sử Đảng ta, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân luôn luôn được củng cố và tăng cường, là một yếu tố đóng vai trò quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đã tỏ rõ là một đảng cách mạng chân chính, hết lòng phấn đấu vì lợi ích của cả dân tộc và nhân dân. Cán bộ, đảng viên luôn luôn đi tiên phong trong các cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc. Nhân dân gắn bó với Đảng, theo Đảng làm cách mạng, dũng cảm vượt mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, để thực hiện mục tiêu cách mạng cao cả mà Đảng ta đã đề ra.

Vì lợi ích của nhân dân, gắn bó với dân, Đảng ta đã luôn luôn đi sâu tổng kết hoạt động thực tiễn sáng tạo của nhân dân, hoàn thiện, bổ sung, phát triển đường lối lãnh đạo của mình. Nhiều đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng xuất phát từ sáng kiến của nhân dân. Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, chủ trương xây dựng ba thứ quân, phương châm "hai chân", "ba mũi", cách đánh của đặc công, dân quân tự vệ cũng đều xuất phát từ sáng kiến của dân. Sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng bắt đầu từ dân. Nguồn gốc bản Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Nghị quyết 10 của

Bộ Chính trị về nông nghiệp chính là từ sáng kiến của nông dân. Trong lúc chúng ta còn đang lúng túng giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường thì sáng kiến xóa đói giảm nghèo đã xuất hiện ở nhiều địa phương, cơ sở. Đảng ta đã kịp thời nắm bắt, tổng kết sáng kiến này và lãnh đạo đưa thành chương trình quốc gia và cuộc vận động lớn trong toàn dân về xóa đói giảm nghèo. Phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cũng đều là sáng kiến của dân. Nhân dân không chỉ nêu sáng kiến, mà khi sáng kiến trở thành đường lối, chủ trương của Đảng thì chính nhân dân lại là người thực hiện hăng hái, có hiệu quả. Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định : *"Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay"*⁽¹⁾.

* Ủy viên Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 73



Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là mối quan hệ hai chiều. Nhân dân cần có Đảng lãnh đạo để làm cách mạng giải phóng cho mình thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc. Đảng cần có dân để có sức mạnh về vật chất, về tinh thần và trí tuệ; là người làm nên và quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Có dân là có tất cả, mất dân là mất tất cả. Đó là bài học có tính chân lý của Đảng, được rút ra từ thực tiễn sôi động của cách mạng nước ta trong mấy chục năm qua. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước Đông Âu là bài học đau xót, khi Đảng Cộng sản ở các nước này mất đi sự hậu thuẫn, sự che chở, bảo vệ của nhân dân trước sự tấn công của các lực lượng thù địch. Sự kiện các thế lực thù địch gây ra cuộc bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên vào tháng 2-2001, một lần nữa lại cảnh báo, nhắc nhở chúng ta về nguy cơ xa dân, thiếu chỗ dựa vào dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh: *Đảng phải gần dân, tin dân, trọng dân, học dân để lãnh đạo dân*. Với ý nghĩa sâu sắc đó, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân là vấn đề có tính quy luật trong sự hình thành, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2- Chính quyền - nơi thể hiện cụ thể, tập trung và rõ nét nhất mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Trước đây, khi chưa có chính quyền, Đảng phải thông qua cán bộ, đảng viên, thông qua Mặt trận và các đoàn thể để thiết lập mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Cán bộ, đảng viên sống trong lòng nhân dân, được nhân dân che chở, bảo vệ, lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, giành chính quyền. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trở thành mối quan hệ tự nhiên, hết sức gần gũi.

Ngày nay, Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền và đang lãnh đạo chính quyền quản lý toàn xã hội. Phần đông cán bộ, công chức nhà nước là đảng viên. Do đó, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân chủ yếu thể hiện ở mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân thông qua pháp luật, chính sách, thông qua hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước. Đảng ta luôn luôn chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền, đề phòng xu hướng lạm dụng quyền lực của bộ máy nhà nước. Trong bài báo *Dân vận* (công bố ngày 15-10-1949), khi đề cập vấn đề ai phụ trách dân vận, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *"Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ*

Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (...) đều phải phụ trách dân vận" (2). Trong quá trình tiến hành sự nghiệp đổi mới, đảng ta đã có nhiều nghị quyết về xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 18/2000/CT-TTg về *Tăng cường công tác dân vận*.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, các cấp chính quyền đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ, đề ra được nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhằm phát huy tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, phối hợp ngày càng chặt chẽ hơn với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để cùng làm tốt công tác dân vận. Song, cũng phải thừa nhận rằng, sự chuyển biến, tiến bộ còn chậm, chưa đáp ứng đòi hỏi của tình hình và yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Một số cán bộ chính quyền còn quan niệm rằng, công tác dân vận là công tác của cán bộ đoàn thể, là của cán bộ làm công tác đảng ; rằng, cán bộ chính quyền làm công việc cầm quyền, công việc hành chính, quản lý xã hội bằng pháp luật. Quan niệm như vậy chưa đúng, chưa đầy đủ và rất sai lầm. Cán bộ chính quyền chỉ làm công tác hành chính mà không hiểu công tác dân vận, không thực sự làm dân vận thì chưa thể là những cán bộ công chức cách mạng, chưa thể là công bộc của dân. Bệnh quan liêu trong bộ máy chính quyền của chúng ta còn rất nặng. Lê-nin đã từng cảnh báo rằng, cái làm cho chúng ta thất bại, chính là bệnh quan liêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhắc nhở chúng ta rằng, bệnh quan liêu là *"kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ"* ; là *"Kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta "* (3). Hiện nay, bệnh quan liêu cùng với tệ tham nhũng đã trở thành kẻ thù rất nguy hiểm, đang gây bất bình trong nhân dân và cũng đã trở thành một nguy cơ lớn đối với sự sống còn của Đảng ta, của chế độ ta.

Chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng, dân vận không thể dừng lại ở những lời kêu gọi chung chung hoặc chạy ở vòng ngoài cuộc sống. Dân vận phải đi thẳng vào cuộc sống của nhân dân để vận động. Phải gần dân, hiểu dân, nắm được lòng dân. Nói đến cuộc sống không thể không nói đến mối quan hệ của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Người làm chính sách cũng như người đưa chính sách đến với nhân dân, nếu không quán triệt sâu sắc quan điểm dân vận của Đảng thì dễ mắc sai lầm và có hại. Với ý nghĩa đó, không thể coi nhẹ công tác dân vận của chính quyền. *Chính sách là phương hướng dân vận hàng đầu và sự công minh, liêm chính của chính quyền là linh hồn của dân vận trong thời kỳ mới.*

3- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân - cầu nối quan trọng trong quan hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân ở nước ta đóng vai trò đại diện cho lợi ích chung, lợi ích của từng giai cấp, từng tầng lớp nhân dân, đồng thời là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Những năm gần đây, nhờ thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI), Mặt trận và các đoàn thể đã vượt ra khỏi tình trạng trì trệ, có những tiến bộ rõ nét về đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp ngày càng nhiều đoàn viên, hội viên. Nhiều tổ chức quần chúng mới ra đời. Cùng với các đoàn thể nhân dân, nhiều hội nghề nghiệp, văn hóa, từ thiện, nhân đạo, hữu nghị ... được kiện toàn về tổ chức hoặc thành lập mới. Nhiều cuộc vận động và phong trào nhân dân do Mặt trận và một số đoàn thể khởi xướng và chỉ đạo đã có ý nghĩa to lớn như xóa đói, giảm nghèo, "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 699

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 6, tr 490

dân cư" nay là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi đang có sức hấp dẫn, thu hút nhân dân tham gia. Nhưng, phải nhận thấy rằng, Mặt trận và các đoàn thể chưa khắc phục được bao nhiêu những hoạt động theo kiểu hành chính ; phương thức công tác còn nhiều lúng túng trước tình hình mới, hiệu quả chưa cao, chưa gần dân, chưa hiểu dân. Tỷ lệ nhân dân được tập hợp còn thấp, lực lượng nòng cốt mỏng, đội ngũ cán bộ đoàn thể chưa được chăm lo, bồi dưỡng, đào tạo, động viên nên nhiều người thiếu phần khởi công tác. Vẫn còn tình trạng khá phổ biến ở không ít cơ sở là khi xảy ra vấn đề phức tạp, đoàn thể không nắm được tình hình, không phát huy được vai trò của đoàn viên, hội viên. Chiếc cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân trong những trường hợp này trở nên hình thức. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân của chúng ta còn một số mặt hạn chế. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta chỉ cần có chính quyền để giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong xã hội, ngoài ra không cần có Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực tế cách mạng nước ta trong mấy chục năm qua đã cho thấy, bộ máy chính quyền dù đồ sộ đến đâu, ngân sách nhà nước dù có lớn đến đâu cũng không thể đến vận động từng hộ, từng người được. Trong khi đó, đây lại chính là thế mạnh vốn có của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Do vậy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đều phải chủ động phối hợp tốt để vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

4- Chăm lo đến lợi ích thiết thực của nhân dân - bài học quan trọng trong công tác dân vận.

Trong công tác dân vận, chúng ta còn cần rút ra bài học : phải chăm lo đến những lợi ích thiết thực của nhân dân. Nhiều khi, Đảng và Nhà nước ta làm rất nhiều việc chăm lo đến những lợi ích cơ bản của nhân dân, nhưng ở một số địa phương lại không chú ý đến lợi ích thiết thực

của người dân. Các thế lực phản động, thù địch đã chú ý khai thác mặt hạn chế này để giành giật quần chúng của chúng ta, nhất là ở cơ sở. Vì vậy, muốn làm tốt công tác dân vận, trước hết phải nhận thức được *vai trò ngày càng tăng lên của cơ sở*. Cơ sở là khâu trọng yếu trong toàn bộ hệ thống chính trị, nơi thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật ; nơi trực tiếp và thường xuyên diễn ra mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Song, cơ sở cũng đang là nơi còn nhiều vấn đề bức xúc và yếu kém. Uy tín của một số cán bộ ở cơ sở bị giảm sút. Cán bộ, đảng viên ít có khả năng thuyết phục nhân dân. Đội ngũ cán bộ cơ sở đang còn nhiều bất cập về năng lực và trình độ quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý hành chính. Đa số cán bộ có tinh thần hăng hái làm việc, nhưng lại chưa được đào tạo, huấn luyện một cách bài bản và chu đáo. Cộng đồng dân cư ở cơ sở lại rất đa dạng, tình trạng vi phạm dân chủ cũng như thiếu kỷ cương, vi phạm pháp luật ở cơ sở khá phổ biến, có nơi nghiêm trọng làm ảnh hưởng xấu tới việc tổ chức, động viên nhân dân thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Ở cơ sở, hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên đối với dân là biểu hiện cụ thể và sinh động mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đã từ lâu, chúng ta nói : *tăng cường cho cơ sở, hướng mạnh về cơ sở*. Nhưng, trên thực tế, chúng ta chưa làm được bao nhiêu, trong khi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở ngày càng phức tạp và nặng nề hơn. Vì vậy, chủ trương hướng về cơ sở phải trở thành hành động thiết thực của tất cả các cấp, các ngành ; phải tiếp tục xây dựng, củng cố, tăng cường và phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là ở cấp xã, phường.

Hiện nay, Đảng ta đang tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII. Quan điểm của Đảng là phải dựa vào

dân, thông qua phong trào cách mạng của nhân dân để tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Thông qua phong trào cách mạng của nhân dân, Đảng kiểm nghiệm, hoàn chỉnh và cụ thể hóa đường lối chính trị. Cũng từ phong trào nhân dân, Đảng lựa chọn những người ưu tú để kết nạp vào hàng ngũ của mình. Đồng thời, dựa vào phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, Đảng ta tiến hành công tác giáo dục, rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ, đảng viên. Chúng ta cần có kế hoạch thật tốt để nhân dân tham gia xây dựng Đảng, giúp Đảng phát hiện và loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi hàng ngũ của mình; gắn xây dựng Đảng với sự kiểm tra, giám sát của quần chúng, củng cố lòng tin của dân với Đảng; dân chủ hóa sinh hoạt của Đảng và tranh thủ ý kiến nhân dân trong công tác cán bộ, kiện toàn cấp ủy, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở từng địa bàn, từng cơ sở, từng cộng đồng dân cư.

5- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân - vấn đề mấu chốt để tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

Yêu nước và đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Truyền thống đó luôn thôi thúc tinh thần quật cường, sức sáng tạo và khả năng ứng xử linh hoạt của dân tộc ta trong mọi tình huống và trên mọi lĩnh vực để trường tồn và phát triển bền vững. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *"...vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân"* (4). Như vậy, theo tư tưởng của Người, chúng ta phải làm hết sức mình để cho khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Chính trong khối đoàn kết vững chắc đó, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân ngày càng được củng

cố, giữ gìn và phát triển vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mối quan hệ ấy lại càng có ý nghĩa lớn hơn bao giờ hết. Vì vậy, chúng ta cần thực hiện tốt những việc sau đây:

Phát huy dân chủ trong đời sống xã hội, bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Dân chủ là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Chúng ta chủ trương xây dựng nền dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với công bằng xã hội, chống áp bức bất công; được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nền dân chủ đó. Mấy năm qua, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, cả nước ta đã từng bước xây dựng và thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở. Ở những nơi thực hiện tốt Quy chế này, tình đoàn kết xóm làng, tính cộng đồng tăng lên, việc khiếu kiện giảm đi rõ rệt, các công việc chung được đẩy mạnh. Ngược lại, ở những nơi không thực hiện tốt, không những các công việc chung bị trì trệ, kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân chậm được cải thiện mà còn làm nảy sinh nhiều vụ việc phức tạp, cán bộ, đảng viên bị thoái hóa, biến chất, nhân dân khiếu kiện nhiều, gây ảnh hưởng không tốt tới việc ổn định tình hình xã hội và đoàn kết, tập hợp nhân dân. Do vậy, chúng ta không thể đồng tình với quan điểm mở rộng dân chủ mà lại coi nhẹ kỷ cương, phép nước, lợi dụng dân chủ để không nghiêm chỉnh thực hiện các nghĩa vụ công dân. Vấn đề quan trọng là ở chỗ, Đảng phải nắm chắc ngọn cờ dân chủ, hướng dẫn nhân dân phát huy dân chủ đúng hướng. Kiên trì xây dựng và thực hiện các thiết chế dân

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 698

chủ (bao gồm cả những quy định của pháp luật, tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành) để dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa ... ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở, nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế, xã hội đúng đắn làm cơ sở phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và chăm lo đời sống của các tầng lớp nhân dân. Chính sách, pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng chủ yếu, trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ trong xã hội.

Chăm lo đời sống và bồi dưỡng sức dân là vấn đề lớn của xã hội ta hiện nay, nhất là đối với bộ phận lớn trong nhân dân là nông dân. Cần có một hệ thống chính sách đồng bộ để chăm lo đời sống và bồi dưỡng sức dân, giảm bớt gánh nặng đóng góp của nông dân, nâng cao dần đời sống cho nông dân, phát huy mạnh mẽ vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, góp phần thiết thực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất, gắn kết quá trình sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đối với giai cấp công nhân, bên cạnh việc khẩn trương hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công, cần sớm nghiên cứu và ban hành **Chính sách bảo hiểm thất nghiệp**; đẩy mạnh việc đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ học vấn và ý thức giác ngộ chính trị cho công nhân. Chăm lo công tác phát triển Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Để thực sự đoàn kết và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, Đảng và Nhà nước cần có những chủ trương và chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ về vật chất và tinh thần; khuyến khích người giỏi, người tài cả

ở trong nước và cả người đang định cư ở nước ngoài đem tài năng, trí tuệ đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nước ta là nước có nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo là vấn đề có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng nước ta. Song, đó cũng là vấn đề nhạy cảm trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân. Để giải quyết tốt vấn đề này, phải nhất quán và cụ thể hóa quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng: **"...Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; (...). Chống tư tưởng dân tộc lớn, và dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc (...),... tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. (...). Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo"** (5).

Đồng bào ta định cư ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đoàn kết, động viên đồng bào nêu cao lòng yêu nước, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng, lòng tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước... đó là những vấn đề phải được thể hiện trong chính sách cụ thể của Nhà nước đối với kiều bào ta ở nước ngoài.

Đất nước ta trải qua nhiều năm có chiến tranh, bị chia cắt làm hai miền trong mấy

(5) Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 127 - 128

thập kỷ. Trong nhiều gia đình cũng có sự khác biệt giữa các thành viên về quá khứ chính trị. Đó là những nỗi đau do chiến tranh để lại. Chúng ta không quên những vấn đề của quá khứ, nhưng đứng trước vận hội mới của đất nước, chúng ta sẵn sàng khép lại quá khứ để cùng nhau đoàn kết, hướng tới tương lai. Các chính sách và ngay cả trong thái độ đối xử của cán bộ, công chức, đảng viên phải thể hiện tinh thần nhân ái, khoan dung, nhân đạo, trọng nghĩa tình cao cả làm cho khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng phát triển, thật sự vững bền.

Thực hiện đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc và trong các đoàn thể nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân ; là một trong những nơi chủ yếu thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong hiệp thương, giới thiệu tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp ; tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật ; giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử ; giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ; góp phần xây dựng, củng cố nhà nước ở các cấp ngày càng trong sạch, vững mạnh. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân kiên trì xây dựng sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của khối đại đoàn kết toàn dân ; tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động để đáp ứng nhu cầu, lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên và của các tầng lớp nhân dân.

Hiện nay, trong xã hội ta đang hình thành nhiều mô hình tốt về hình thức *nhân dân tự quản*, nhất là trên các địa bàn phường, xã,

thị trấn. Các hình thức này, hầu hết đều xuất phát từ yêu cầu biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành công việc của dân ; động viên nhân dân tham gia tự giải quyết các vấn đề của cộng đồng, đoàn kết, tương trợ theo tinh thần tình làng, nghĩa xóm. Chúng ta cần chú ý nuôi dưỡng, phát triển hình thức này, vì đó chính là xu hướng phát triển chung của xã hội văn minh. Mặt khác đối với nước ta, đây cũng là phương thức thực hiện chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân ngay từ cấp cơ sở.

Phương thức lãnh đạo công tác quần chúng của tổ chức cơ sở đảng phải thường xuyên được đổi mới. Tổ chức cơ sở đảng các cấp có trách nhiệm đưa đường lối, chủ trương của Đảng thành kế hoạch, biện pháp cụ thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Công việc hàng đầu là tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy phải có quyết định đúng đắn về nội dung công tác quần chúng, công tác dân vận (quyết định những vấn đề về quyền làm chủ của nhân dân, vấn đề việc làm, thu nhập, lợi ích kinh tế, văn hóa - xã hội, bảo đảm sức khỏe của nhân dân ; hoặc về vai trò của các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội). Việc phân công cấp ủy, xây dựng chương trình công tác quần chúng, công tác dân vận, công tác kiểm tra, xây dựng nền nếp lãnh đạo tập thể trong công tác dân vận phải được kết hợp với chương trình, kế hoạch thực hiện những chuyên đề về công tác quần chúng. Cán bộ, đảng viên phải thường xuyên được giáo dục và không ngừng nâng cao năng lực, đạo đức, tính tiên phong, gương mẫu, tác phong giản dị, gần gũi quần chúng, v.v... Đồng thời, để công tác dân vận ngày càng được nâng cao về chất, Đảng ta cần coi trọng việc bồi dưỡng kiến thức về mọi mặt : văn hóa, chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác quần chúng, xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách phù hợp đối với những cán bộ làm công tác quần chúng của Đảng. □

BÁC HỒ

nói về quan hệ giữa Đảng với nhân dân

TRẦN QUANG NHIẾP

BÁC HỒ thường dạy chúng ta phải luôn luôn xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đảng ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ. Ngoài việc mưu cầu lợi ích cho nhân dân, Đảng ta không có mục đích nào khác. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Bác Hồ luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho việc xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Nói về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Bác Hồ thường có cách nói rất giản dị dưới nhiều khía cạnh khác nhau, chúng ta có thể nhận thấy ở những nội dung chính sau.

Một là, nhất thiết Đảng phải gắn bó máu thịt với nhân dân.

Ngay từ khi thành lập Đảng, Bác Hồ đã xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Người coi đây không chỉ là tiêu chuẩn của một Đảng cách mạng chân chính, mà còn là một trong những qui luật tồn tại và phát triển của Đảng. Người chỉ rõ : cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Bác luôn luôn coi mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là một trong những vấn đề cơ bản nhất trong công tác xây dựng Đảng, là nguồn gốc mọi sức mạnh của Đảng, của dân tộc, của cách mạng. Mối quan hệ giữa Đảng với

nhân dân được Bác xác định là mối quan hệ biện chứng, nó hình thành và phát triển gắn với quá trình cách mạng. Người chỉ rõ cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, Đảng chỉ là người hướng dẫn, tổ chức, lãnh đạo mọi hoạt động của phong trào cách mạng ấy. Người nhắc nhở chúng ta phải hiểu sâu sắc ý nghĩa, vai trò của nhân dân trong mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Bởi vì theo Người nhân dân là gốc, gốc có vững cây mới bền. Đảng chỉ có thể xây “lầu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Trong bản Di chúc của Người, Bác đã đúc kết kinh nghiệm cách mạng của Đảng : “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác” ⁽¹⁾. Bài học Đảng muốn có sức mạnh, chiến thắng mọi kẻ thù thì nhất thiết phải gắn bó với nhân dân được Bác Hồ rút ra rõ ràng không chỉ đúng và có giá trị suốt 72 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng mà còn mãi mãi dẫn đường chỉ lối cho chúng ta đi tới những thắng lợi trong tương lai.

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 12, tr 510

Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân nhưng xét trên góc độ mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân thì Đảng có cơ sở xã hội của mình là giai cấp công nhân và mọi tầng lớp nhân dân thuộc cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2 năm 1951, Bác Hồ chỉ rõ : “Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” (2).

Bác Hồ quan niệm Đảng không những của giai cấp công nhân mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc và đó cũng chính là cơ sở xã hội sâu rộng của Đảng. Điều đó chính là sự quy định tất yếu bên trong buộc Đảng phải gắn bó với nhân dân, Đảng phải tập hợp được toàn dân vào trận tuyến cách mạng. Thiếu cơ sở xã hội như vậy thì Đảng không còn là Đảng mác xít, Đảng sẽ trở thành một tổ chức biệt phái, Đảng sẽ mất đi sức mạnh vĩ đại của mình.

Hai là, Đảng tin ở sức mạnh của nhân dân và hết lòng phục vụ nhân dân.

Lòng tin của Đảng với nhân dân theo quan niệm của Bác Hồ là muốn tập hợp tất cả những người yêu nước vào sự nghiệp cách mạng của Đảng. Bác cho rằng nhân dân là những người yêu nước, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc, giàu nghèo, gái trai..., đều là những con Rồng cháu Tiên đều nặng lòng yêu nước.

Bác quan niệm : Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết : “Trong bầu trời này không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân”. Dân là gốc của nước, của cách mạng ; dân là chủ, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” (3).

Bác yêu cầu, Đảng phải xây dựng, củng cố niềm tin sâu sắc vào nhân dân, dựa chắc vào nhân dân, mọi việc làm của Đảng phải xuất phát từ nhân dân và trở về với nhân dân. Bác nhắc chúng ta phải coi đây là nguyên tắc cơ bản của công cuộc xây dựng Đảng. Người thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên phải kính trọng, yêu mến, tin tưởng, học hỏi và tận tâm phục vụ nhân dân ; phải phê phán nghiêm khắc mọi biểu hiện tự cao, tự đại, hách dịch, quan liêu cửa quyền đặt mình trên nhân dân.

Cuộc đời hoạt động của Bác Hồ là tấm gương sáng về lòng tin yêu vô bờ bến đối với nhân dân. Mọi tư tưởng, mọi sáng tạo của Bác đều xuất phát từ lòng thương yêu, kính trọng, tin tưởng nhân dân, tìm thấy sức mạnh to lớn ở nhân dân.

Nhân dân tin Đảng, đi theo Đảng gắn bó với Đảng là vì Đảng mang lại lợi ích chính đáng cho nhân dân. Bác Hồ nói ngoài lợi ích của dân tộc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác.

Như vậy, điều quan trọng là muốn cho nhân dân tin tưởng thì Đảng phải hiểu nguyện vọng của nhân dân ; Đảng phải dũng cảm và sáng tạo đem hết sức mình thực hiện bằng được mục tiêu cao cả và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài chống đế quốc, phong kiến, nguyện vọng chung của nhân dân là được giải phóng khỏi xiềng xích

(2) Hồ Chí Minh *Sách đã dẫn*, tập 6, tr 175

(3) Hồ Chí Minh *Sách đã dẫn*, tập 5, tr 698

nô lệ, giành lại những quyền dân sinh, dân chủ. Thấu hiểu sâu sắc khát vọng cháy bỏng này của nhân dân, Bác Hồ nêu cao chân lý “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, và hướng cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân vào việc giành lại quyền lợi thiêng liêng nhất của dân tộc là độc lập tự do.

Khi giành chính quyền, Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, Bác Hồ đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chăm lo đời sống của nhân dân. Người căn dặn Đảng ta giành được độc lập, tự do mà nhân dân vẫn nghèo khổ thì cũng chẳng có ý nghĩa gì. Đảng phải chăm lo cho nhân dân từ cái kim, sợi chỉ, tương cà, mắm muối. Bác cho rằng nếu để dân đói, dân rét, dân ốm mà không được chữa bệnh, là Đảng và Chính phủ có lỗi với dân.

Cùng với việc chăm lo cho nhân dân, Bác đòi hỏi Đảng phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội. Bác thường nói, không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng.

Thực hiện điều đó, Bác yêu cầu mỗi cán bộ đảng viên phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng ; phải suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân ; phải đặt lợi ích cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết ; phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

Ba là, Đảng phải biết dựa vào nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Bác Hồ thường dạy chúng ta sự nghiệp cách mạng của Đảng là vô cùng to lớn nếu không biết dựa vào dân thì Đảng có tài giỏi mấy cũng khó có thể làm nổi. Trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, vì hòa bình, thống nhất đất nước, Bác chỉ rõ : Đảng ta có đường lối chính trị đúng đắn được nhân dân ủng hộ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên làm tiên

phong chiến đấu, gắn bó chặt chẽ với nhân dân đã trở thành nguồn cách mạng và truyền thống vô cùng quý báu của cách mạng Việt Nam.

Trong công tác xây dựng Đảng, Bác Hồ nhấn mạnh, những phẩm chất của Đảng không phải tự nhiên mà có, cũng không phải “nhất thành bất biến” mà là kết quả của cả một quá trình thường xuyên, bền bỉ tự xây dựng, chỉnh đốn Đảng mới có được. Bác nhắc nhở chúng ta : Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân.



Khi đã trở thành một đảng cầm quyền, Đảng dễ phát sinh những căn bệnh nguy hiểm như : quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân ; tha hóa , biến chất, mâu thuẫn nội bộ... Bác nhắc mọi người phải cảnh giác, đề phòng, ngăn ngừa những tật bệnh này, bằng cách phải luôn luôn gắn bó với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng thật sự trong sạch vững mạnh.

Bác nhắc nhở nếu cán bộ, đảng viên mắc bệnh quan liêu xa rời quần chúng thì có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ mà tham ô, lãng phí.

Nguyên nhân sâu xa của bệnh quan liêu được Bác chỉ rõ là do Đảng xa dân, khinh dân, sợ dân, không tin dân, không hiểu dân, không thương dân.

Theo Bác, dựa vào dân là Đảng phải luôn luôn lắng nghe ý kiến của nhân dân để xem xét những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ chỉ là lời nói suông mà không được nhân dân quan tâm, không biến thành hiện thực.

Bác Hồ cho rằng mọi công việc của Đảng phải dựa vào nhân dân, qua tai mắt của nhân dân, sự giám sát, kiểm tra của nhân dân mà đánh giá sàng lọc, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Người từng nói đồng bào, chiến sĩ có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ, có quyền phê bình và chỉ trích cán bộ không làm tròn nhiệm vụ. Bác Hồ chỉ rõ, thực hiện dân chủ và dựa vào lực lượng quần chúng sẽ làm cho việc chống tham ô, lãng phí, quan liêu nhất định sẽ thành công, vì nhân dân là người hiểu rõ cán bộ, đảng viên hơn ai hết ; là người công bằng nhất.

Đảng là bộ phận tiên phong trong quần chúng nên trong quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Đảng có nhiệm vụ truyền bá lý luận cách mạng, định ra phương hướng hành động, phát hiện những nhân tố mới, tập hợp và tổ chức quần chúng lại, giáo dục và nâng cao giác ngộ của quần chúng, tạo nên sức mạnh vĩ đại làm cho quần chúng có khả năng tiến hành đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng cuộc sống mới. Mấu chốt của công tác tuyên truyền vận động, giáo dục nhân dân là Đảng phải biết nói tiếng nói của nhân dân, hợp với nguyện vọng, tình cảm và trình độ của quần chúng, phải học cách nói của quần chúng làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của Đảng.

Muốn vậy, theo Bác, Đảng phải đi vào dân, sống trong dân, phải từ nơi quần chúng mà kiểm tra xem quần chúng cần cái gì, muốn nghe, muốn biết cái gì, ham chuộng cái gì ; phải thực hành dân chủ, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Qua đó Đảng tiếp thu ý kiến bàn bạc của nhân dân, gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ, phân tích nó, nghiên cứu nó sắp đặt thành những ý kiến có hệ thống, biến nó thành ý kiến chung của nhân dân và làm cho nhân dân chủ động thực hành ý kiến đó. Qua thực hành, Đảng lại kiểm tra độ chính xác, tiếp tục lấy ý kiến của nhân dân, phát triển những ưu điểm, nâng cao chất lượng ý kiến của nhân dân thành những kinh nghiệm tốt để phổ biến, áp dụng rộng rãi ở nhiều nơi. Đảng phải tập hợp, hướng dẫn nhân dân tham gia vào các tổ chức quần chúng từ thấp đến cao phù hợp với từng ngành, từng giới, từng lứa tuổi ; phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, từng dân tộc, từng tôn giáo, từng tầng lớp nhân dân. Các tổ chức đó của nhân dân phải được tập hợp lại trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi do Đảng lãnh đạo.□

Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng Đổi mới, thắng lợi mới

NGUYỄN HUYỀN

MÙA Xuân năm 1930 Đảng ta ra đời. Mùa Xuân năm 1941, Bác Hồ về nước trực tiếp cùng Trung ương lãnh đạo cách mạng. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, mỗi độ xuân về, dân tộc ta vui xuân, đón Tết thêm nội dung mới : ***"Mừng Xuân, mừng Đảng, mừng khởi đại đoàn kết dân tộc, mừng năm mới, thắng lợi mới"***.

Đón xuân sang, lòng dân ta càng nhớ Bác - vị lãnh tụ kính yêu, người con vĩ đại của giai cấp và dân tộc, người suốt cuộc đời vì nước, vì dân, bốn ba khắp bốn biển, năm châu, tìm ra con đường cứu nước, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh giữa mùa xuân đầy sức sống.

Đảng ta ra đời đã mở ra giai đoạn lịch sử mới của dân tộc, tạo cho dân tộc ta một sức xuân mới, nhân lên gấp bội sức mạnh của dân tộc, làm nên những chiến công thần kỳ, biến lịch sử thành huyền thoại trong thế kỷ XX. Đó là thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa toàn dân Tháng Tám năm 1945 hiếm có trong lịch sử, lật đổ ách thống trị hàng ngàn năm của chế độ phong kiến và gần một trăm năm của chế độ thực dân, đưa dân ta từ kiếp nô lệ lầm than trở thành người dân của nước độc lập, dân chủ.

Đó là chiến công vĩ đại của cuộc kháng chiến chống xâm lược 30 năm, đánh bại hai đế quốc to, đem lại độc lập, thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc, góp phần đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

Đó là thắng lợi lịch sử của công cuộc đổi mới đầy dũng cảm và sáng tạo, đưa cách mạng nước ta vượt qua cơn khủng hoảng hiểm nghèo, đứng vững và tiến lên, đạt những thành tựu cực kỳ quan trọng, mở ra bước ngoặt mới cho công cuộc xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì sao Đảng ta

đã lãnh đạo được dân tộc ta làm nên những thắng lợi vĩ đại như vậy ?

Điều quyết định là do *Bác Hồ và Đảng ta đã nắm vững quan điểm thực tiễn, luôn xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, kế thừa sâu sắc truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đỉnh cao tư tưởng nhân văn thời đại và kinh nghiệm cách mạng thế giới một cách sáng tạo và có những phát triển mới, không giáo điều sách vở.* Nhờ đó mà hạt giống đỏ được gieo trên mảnh đất Việt Nam vào mùa xuân của đất trời đã đâm chồi nảy lộc, luôn vươn lên mạnh mẽ.

Năm nay, đón Tết, mừng Xuân 2002, Xuân Nhâm Ngọ, mừng Đảng ta ra đời 72 mùa xuân, toàn Đảng toàn dân, toàn quân ta rất vui mừng vì năm qua, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu mới, tiến bộ mới, đất nước ổn định, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Thành công của Đại hội IX, Đại hội *trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới* đang tạo nên sức sống mới.

Chúng ta đang bước vào những mùa xuân mới, trong thời đại mới. Thời đại mà khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão - tri thức nhân loại đang vươn tới những đỉnh cao mới, toàn cầu hóa đang trở thành một xu hướng khách quan. Cuộc đấu tranh của nhân loại chống lại cường quyền, áp bức, bất công, vì hòa bình, hợp tác và phát triển bình đẳng đang diễn ra quyết liệt. Thế giới đang có những biến động khó lường, có những biến đổi mới rất khác so với thời kỳ trước.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế chậm phát triển, chưa có tiền lệ, lý luận kinh điển chưa nói tới. Sự phát triển sáng tạo của Đảng ta về lý luận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã đưa công cuộc đổi mới đạt được thành công to lớn.

Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường vạn dặm. Nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn đang đòi hỏi sức sáng tạo lớn về tư duy lý luận cũng như về khả năng tổ chức thực tiễn. Bên cạnh những thuận lợi, thời cơ mới, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức, nguy cơ mới gay go, quyết liệt.

Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta càng phải quán triệt Cương lĩnh của Đảng, tiếp tục nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Tiếp tục nêu cao và thấm nhuần sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam, kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kinh nghiệm cách mạng thế giới và kế thừa sâu sắc truyền thống dân tộc, đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn. Tiếp tục đi vào thực tiễn, bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy, khuyến khích suy nghĩ tìm tòi phát hiện quy luật, sáng tạo và phát triển lý luận, giải đáp đúng những vấn đề do thực tiễn đặt ra, đưa đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuyệt đối không dao động, xét lại, không bảo thủ, giáo điều, sách vở, chủ quan, duy ý chí, lý luận xa rời thực tiễn, không theo kịp sự phát triển của đất nước và thời đại.

Đón xuân mới, với khí thế mới, chúng ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, phấn đấu tạo nên chuyển biến mới, nhất là trên các mặt sau :

- *Phát huy mạnh mẽ động lực đại đoàn kết dân tộc*, thực hiện đoàn kết thật rộng rãi, trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân, trí thức, động viên cao nhất sức mạnh của mọi người dân Việt Nam trong nước và ở nước ngoài vào sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất*, khuyến khích mọi thành phần kinh tế : kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân..., phát huy cao độ nội lực, đồng thời tích cực tranh thủ ngoại lực, để làm ra nhiều của cải, tạo ra nhiều việc làm, nhanh chóng xóa đói giảm nghèo, ra sức làm giàu chính đáng ; từng bước thực hiện

công bằng xã hội, tìm phương sách mới để đưa nền kinh tế đất nước phát triển nhanh và bền vững.

- *Có kế hoạch, biện pháp cụ thể tạo chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực khoa học và giáo dục*, bồi dưỡng con người, nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, nhanh chóng bắt kịp sự phát triển của khoa học hiện đại trên thế giới. Đó là khâu đột phá để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội đưa đất nước sớm tiến vào nền kinh tế tri thức.

- *Thực hiện chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính nhà nước*, phát huy dân chủ, thực sự phải dựa vào nhân dân để chống tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, làm ăn bất chính với *quyết tâm mới, biện pháp mới, kiên quyết, có hiệu lực*. Chúng ta mong Đảng và Nhà nước ta chỉ đạo chống tham nhũng có hiệu quả, trước hết chặn đứng cho được những vụ tham nhũng lớn.

Chúng ta đã đánh bại giặc ngoại xâm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, ngày nay đang bước vào giai đoạn xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, một nhiệm vụ vẻ vang nhưng cực kỳ nặng nề, khó khăn. Chủ nghĩa cá nhân, nạn quan liêu, lãng phí, tham nhũng, làm ăn bất chính là "giặc nội xâm" và là nguy cơ lớn cần tập trung ngăn chặn, đẩy lùi. Để chống được loài giặc này đòi hỏi quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân ta, nhưng điều quan trọng có tính quyết định là sự đấu tranh của mỗi cá nhân ; cần thực hiện lời dạy của Bác Hồ coi việc tự phê bình, phê bình như rửa mặt hằng ngày. Mỗi độ xuân về, mỗi ngày mới đến, cán bộ, đảng viên chúng ta suy nghĩ xem ngày qua, năm qua mình đã làm gì có ích cho dân, cho Tổ quốc, cho Đảng ; đã tránh được điều gì không có lợi cho nước, cho dân.

Để xứng đáng với danh hiệu cao quý của người cộng sản, xứng đáng với nghĩa vụ thiêng liêng của người công dân đối với Tổ quốc, xứng đáng là con cháu của Bác Hồ, chúng ta cùng nhau phấn đấu năm mới làm thêm nhiều việc tốt, ra sức loại trừ việc xấu, cảnh giác, làm thất bại mọi hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, để vun đắp thêm sức xuân của Đảng mãi mãi bền gốc, tỏa cành, sức mạnh của Đảng thêm xuân, thêm mạnh, cùng với dân tộc **"làm cho đất nước càng ngày càng xuân"** như Bác hằng mong muốn.□

TRƯỜNG CHINH

trên mặt trận báo chí, văn hóa - văn nghệ

HÀ XUÂN TRƯỜNG

LẦN đầu tiên tôi được gặp đồng chí Trường Chinh là vào tháng 10-1946 tại khóa I lớp bồi dưỡng chính trị lấy tên Nguyễn Ái Quốc mở tại Hà Đông. Thật không ngờ, chỉ hơn nửa năm sau, tôi được Trung ương điều động ra Việt Bắc giúp việc cho đồng chí Trường Chinh. Được gán gửi đồng chí một thời gian khá dài và được đồng chí dìu dắt làm báo, làm văn từ những năm đầu vào nghề đến lúc trưởng thành, đối với tôi đó là một may mắn lớn. Sự nghiệp cách mạng của Trường Chinh lớn lao, bao quát trên nhiều lĩnh vực. Tôi xin ghi lại một số điều cảm nhận của tôi đối với đồng chí Trường Chinh trên hai lĩnh vực báo chí và văn hóa - văn nghệ.

Làm báo với nhà báo Trường Chinh.

Trường Chinh cây bút xuất sắc của báo chí cách mạng từ thời kỳ Mặt trận dân chủ. Trường Chinh là một nhà báo bậc thầy, người kế tục sự nghiệp báo chí Nguyễn Ái Quốc, tạo nên một văn phong chính luận cách mạng cho nền văn học nước nhà. Sau khởi nghĩa, người ta thường thấy một anh "mo-rát-xi-ê" (người chữa bản thảo) người tầm thước, trán cao, mặc chỉnh tề, chiều nào cũng nằm dài trên bàn của nhà in Lê Văn Tân phố Hàng Bông sửa bài cho báo *Cờ giải phóng*. Sau này người ta mới biết đó là Đặng Xuân Khu, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương khi đồng chí chủ trì cuộc họp báo tuyên bố "giải tán Đảng" (một chiến thuật của Đảng ta lúc bấy giờ).

Từ những năm bốn mươi cho đến sau này, Trường Chinh là người trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp những cơ quan ngôn luận của Đảng như các báo *Cờ Giải Phóng*, *Sự Thật*, *Nhân Dân*, *Tạp chí Tiên phong*, *Tạp chí Sinh hoạt nội bộ*, *Tạp chí Học tập* (*Tạp chí Cộng sản*).

Đi bộ một tháng từ Hà Tĩnh, tháng 5-1947 tôi tới cơ quan Trung ương Đảng, được phân công làm thư ký riêng cho Tổng Bí thư, Thường trực Tiểu ban Tuyên truyền, Ủy viên Ban biên tập báo *Sự Thật*. Mấy tháng sau, nhiệm vụ thư ký riêng chuyển sang đồng chí Trần Quang Huy, tôi cùng với Thép Mới, Quang Đạm, Phan Kế An tập trung làm báo *Sự Thật*. Tôi còn nhớ buổi gặp gỡ làm việc đầu tiên với đồng chí Trường Chinh. Tôi trình bày công việc của mình ở địa phương là viết bài cho đài truyền thanh của thị xã và gửi xuống cơ sở, viết tài liệu huấn luyện theo Chương trình Việt Minh, tôi chưa từng viết báo in. Để tạo lòng tin cho tôi, đồng chí cười và thân mật nói : hãy bắt tay vào làm, vừa làm vừa học, cần có chí và tính đảng mọi việc sẽ tốt. Đồng chí đưa cho tôi bản đánh máy "*Mười tám điều tự răn trong khi viết văn*" để nghiên cứu và thực hiện. Bản "tự răn" này đồng chí vừa thảo cách đây không lâu theo ba phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng của *Đề cương văn hóa Việt Nam* mà đồng chí đã thảo năm 1943.

Càng làm việc với đồng chí Trường Chinh, tôi càng thấm thía trách nhiệm của người làm báo, làm văn học đối với tiếng nói, chữ viết của dân tộc. Trên báo *Sự Thật*, đồng chí đã phát động "phong trào Việt hóa lời nói và văn chương". Bằng những thí dụ cụ thể, dí dỏm, tác giả phê phán các bệnh sinh nói chữ và cái tật dùng sai chữ. "Cuộc kháng chiến này làm cho ta ghét cay ghét đắng những thói lai căng, mất gốc, theo đuôi người. Chúng ta phải cách mạng lối nói và viết của chúng ta hơn nữa. Phải kiên quyết bảo vệ tiếng mẹ đẻ, giữ cho lời văn, tiếng nói của ta trong sáng, nói theo gương Hồ Chủ tịch"⁽¹⁾. Lời kêu gọi ấy vẫn mang tính thời sự và khẩn thiết cho hôm nay, cho thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đặt ra mười tám điều tự răn, đồng chí rất nghiêm với mình, chú ý từ dấu phẩy, dấu chấm. Đồng chí Trường Chinh không chỉ quan tâm đến khâu viết bài, sửa bài mà còn đặc biệt quan tâm đến khâu sửa bản thảo nhà in và cho rằng, tất cả đều thuộc trách nhiệm và sự tôn trọng của người làm báo Đảng đối với quần chúng, bạn đọc.

Đối với Trường Chinh, người làm báo không nên nghĩ rằng bài viết của mình không ai có thể chữa được. Viết báo cũng như làm văn học phải có bản lĩnh, cá tính, bản sắc, nhưng không nên vì những đặc điểm ấy mà tạo nên lòng tự ái quá mức, tự cho nghề nghiệp của mình là riêng biệt, không ai được đụng đến. Khi viết bài nên nghe ý kiến người khác, bài viết xong, nên tạo điều kiện cho người khác góp ý. Khi tôi làm Thư ký tòa soạn báo *Sự Thật*, không có một bài nào đồng chí viết mà không có lời dặn: "anh xem có gì cần sửa, hoặc anh sửa thẳng vào bài, hoặc anh ghi ra giấy hay bên lề". Thông thường tôi ghi dấu hiệu bên lề cùng ý kiến đề nghị sửa. Có đề nghị đồng chí chấp nhận cả, có cái chấp nhận một phần, có cái không chấp nhận và giải thích thêm cho tôi hiểu rõ hơn ý của mình. Tất cả đều biểu lộ một sự tôn trọng hết sức đối với người đọc, đối với đồng nghiệp, dù người đó là học trò của mình.

Đồng chí Trường Chinh rất quan tâm đến khâu cuối cùng của Ban biên tập - khâu sửa bản thảo nhà in. Đồng chí thường nhắc nhở chúng tôi: "Làm báo phải coi việc đính chính như một điều cấm kỵ, nhất là làm báo thời chiến. Trong chiến tranh, báo đến tay bạn đọc có khi phải đổi bằng máu của anh em giao thông làm nhiệm vụ phát hành. Có bạn đọc xem được số này không còn sống để chờ số sau. Vậy thì người làm báo lấy quyền gì để nay đính chính mai đính chính". Ngày nay trong hòa bình, khoa học, kỹ thuật in ấn hiện đại mà báo, sách in sai lại rất nhiều. Tôi nhớ mãi một lần đồng chí Trường Chinh đưa cho tôi xem một quyển sách không đầy một trăm trang mà có vài chục lỗi phải đính chính. Đồng chí nhận xét rằng, hiện nay gần như không có một quyển sách nào do ta in mà không có đính chính, báo chí cũng vậy, in sai là chuyện xảy ra thường xuyên. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là vấn đề trách nhiệm, vấn đề văn hóa, vấn đề lễ phép đối với bạn đọc và tác giả. Với tư cách Chủ tịch Quốc hội, đồng chí nói: lẽ ra vấn đề này phải đưa vào luật, hạn chế tỷ lệ sai sót về in ấn đến mức thấp nhất. Tại sao trong kháng chiến khó khăn là thế, máy in lạc hậu, nhà in lại xa tòa soạn hàng chục cây số mà báo *Sự Thật* hầu như không có in sai, in sót? Vấn đề trước hết là trách nhiệm đồng bộ và cơ chế chỉ đạo chặt chẽ. Để tránh sai sót trong in ấn, đồng chí còn dặn chúng tôi phải cố gắng viết chữ cho rõ. Chữ viết của đồng chí Trường Chinh rất rõ. Chữ "u" ra chữ "u", chữ "n" ra chữ "n", đến chữ ký **Trường Chinh** cũng được viết ngang bằng, sổ thẳng.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, báo *Sự Thật* chuyển thành báo *Nhân Dân*, ra khổ lớn. Mặc dù nhu cầu cán bộ biên tập lúc đó của báo đang rất cần nhưng đồng chí Trường Chinh vẫn cho tôi xuống cơ sở tỉnh Phú Thọ một năm làm công tác thuế nông nghiệp và tham gia phong trào giảm tô. Đồng chí thường nói với chúng tôi: phải

(1) Báo *Sự Thật*, số 104, ngày 19-12-1948

nhớ lời dạy của Lê-nin "học, học nữa, học mãi", không chỉ học trong sách vở mà phải học trong thực tiễn. Người làm báo Đảng phải có lập trường chính trị vững vàng, đồng thời phải có học vấn và luôn luôn gắn bó với thực tiễn. Đồng chí là tấm gương "học tập suốt đời" cho chúng tôi noi theo. Trong nhiều năm, chúng tôi đã được chứng kiến sức đọc không mệt mỏi của đồng chí dưới ánh sáng leo lét của ngọn đèn dầu trong núi rừng Việt Bắc. Trí thức của đồng chí Trường Chinh rất rộng, hiểu sâu lịch sử dân tộc và vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên về tính uyên bác trong những bài viết của đồng chí.

Trường Chinh là thủ trưởng, là người thầy đầu tiên dạy tôi làm báo, làm văn. Cho đến hôm nay, tuổi đời của tôi đã gần 80 mà hình ảnh của đồng chí Trường Chinh vẫn không phai nhạt, những lời khuyên của đồng chí, những lời dặn dò của đồng chí tôi vẫn nhớ, nhớ trong tâm khảm.

Xây dựng lý luận văn nghệ cách mạng

Chúng ta biết đồng chí Trường Chinh là tác giả *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943, với bút danh Tân Trào, đồng chí là tác giả của những bài báo sắc sảo, đấu tranh cho quan điểm văn hóa - văn nghệ của Đảng.

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Hầu hết trí thức yêu nước, không phân biệt giai cấp, tín ngưỡng, dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chiến khu. Tháng 7-1948, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai họp ở Phú Thọ, đồng chí Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng đọc Báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*.

Hội nghị tập hợp nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà văn, nghệ sĩ nổi tiếng từ khu IV trở ra, phần lớn chưa phải đảng viên. Nhiều bản tham luận sâu sắc đã được trình bày. Nhưng người ta vẫn chờ đợi bản báo cáo chính ở Hội nghị và người đọc báo cáo là đồng chí Trường Chinh. Nhiều câu hỏi được đặt ra : Ông Trường Chinh là người thế nào ? Trình độ tri thức đến đâu ? Điều họ muốn biết trước tiên là trình độ tri thức của người lãnh đạo.

Trước khi Hội nghị diễn ra, Tiểu ban văn hóa, đồng thời cũng là Tiểu ban trụ bị Hội nghị gồm các đồng chí Tố Hữu, Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Sơn, Hải Triều v.v... họp để nghe đồng chí Trường Chinh trình bày những nét lớn của bản báo cáo. Cuộc họp thảo luận sôi nổi chung quanh hai vấn đề : 1- Có nên trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác hay không ? Có ý kiến cho rằng không nên, sợ cử tọa phật ý, cho rằng họ phải nghe những điều abc ; 2- Có nên đề ra những nhiệm vụ cụ thể hay không ? Có ý kiến cho rằng viết như trong báo cáo sẽ làm cho người nghe như bị áp đặt. Đồng chí Trường Chinh đã giải thích sự cần thiết phải nêu như báo cáo đã chuẩn bị. Trên mặt trận tư tưởng lúc này là phải làm rõ quan điểm, lập trường của Đảng về văn hóa, văn nghệ và nhiệm vụ của trí thức phải gánh vác. Đó cũng là yêu cầu của trí thức đối với Đảng khi họ đi theo Đảng. Hội nghị phải tạo được lòng tin giữa Đảng với trí thức, không nên e ngại mà phải thẳng thắn, chân tình, với cách làm việc phát huy dân chủ, khuyến khích tự do tư tưởng. Bản báo cáo đã được Bác Hồ và Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua. Ý kiến được trình bày trong bản báo cáo không còn là ý kiến cá nhân của đồng chí Trường Chinh. Cuối cùng Tiểu ban chấp nhận toàn bộ bản báo cáo.

Hội nghị đã diễn ra đúng như dự kiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Giới văn hóa - văn nghệ đang chờ mong sự chỉ đạo cụ thể của Đảng lãnh đạo, đang khát khao được tạo điều kiện để nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách cơ bản. Vào thời điểm đó, phần giới thiệu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác là rất cần thiết. Tiếp theo *Đề cương văn hóa Việt Nam*, Báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* là một tác phẩm có giá trị lớn về lý luận văn hóa - văn nghệ mác xít của nước ta.

Lúc đi cũng như lúc về, các đại biểu đều phải qua bến Bình Ca (sông Lô). Mấy ngày liền vào chập choạng tối, bến Bình Ca nhộn nhịp đưa đón các đại biểu. Từ Hội nghị ra về, trong một chuyến

đò qua sông tôi đã được nghe những vị như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Tấn Gi Trọng... "kháo" về đồng chí Trường Chinh : "Chắc ông ấy phải qua trường đào tạo ở Nga Xô", "một bản báo cáo đầy ắp những nhận định khoa học, mới mẻ", "một văn phong sáng sủa, gãy gọn ít thấy", "một thái độ thẳng thắn", "một tinh thần chiến đấu khá căng, nhưng lại chấp nhận được", v.v ...

Sau Hội nghị, Trường Chinh có viết một bài trên *Tạp chí Sinh hoạt nội bộ* rút kinh nghiệm công tác vận động trí thức, phê bình tác phong xa cách, thiếu tin cậy ở trí thức, chưa thật tin vào đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng có thể thuyết phục được giới trí thức đi theo Đảng.

Từ Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV về trước, bao giờ cũng có một phiên họp của Bộ Chính trị bàn về Đại hội, thông qua bức thư gửi Đại hội và góp ý kiến vào bài nói của đồng chí thay mặt Đảng sẽ trình bày ở Đại hội. Người được giao trách nhiệm đó là đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Tố Hữu là người chỉ đạo cụ thể. Trong các bài nói, đồng chí Trường Chinh đề cập hầu hết các vấn đề thuộc sáng tạo nghệ thuật : tính đảng, tính nhân dân, tính dân tộc ; phương pháp sáng tạo ; hình tượng nghệ thuật ; đào tạo và bồi dưỡng lực lượng trẻ ; viết người thật và hư cấu nghệ thuật; phê phán xây dựng, phê bình và tự do sáng tạo, kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, v.v...

Về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, đồng chí viết : " ... đã có những quan điểm giản đơn, thiên cận về vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị, dẫn tới chỗ coi nhẹ trách nhiệm cá nhân. Ít khuyến khích sự suy nghĩ, tìm tòi của từng người trong việc sáng tác ; gò bó đề tài và hình thức nghệ thuật một cách hẹp hòi, phiến diện. Nhiều tác phẩm muốn "phục vụ chính sách" và "phục vụ kịp thời", nhưng lại rơi vào chỗ tầm thường hóa văn nghệ, dễ non, làm vội, tuyên truyền chính sách một cách khô khan hoặc công thức"⁽²⁾.

Về văn nghệ gắn bó với cuộc sống, đồng chí viết : "Đi sâu vào quần chúng để tích lũy những cảm xúc ấy trong cuộc sống hằng ngày của quần

chúng, những nhận xét về người và việc tổng hợp lại thành nhận xét khái quát. Lúc đó tác phẩm sẽ bật ra như hoa nở trên cành khi mùa xuân đến. Không phải hoa tầm thường, mà hoa thơm, hoa đẹp... Văn nghệ sĩ tách rời cuộc sống thì văn chẳng ra văn, thơ chẳng thành thơ, nhạc không ra nhạc, họa bất thành họa, vì chẳng truyền cảm cho ai hết".

"Hiện thực xã hội chủ nghĩa không cấm người ta mơ ước. Văn nghệ không mơ ước khác nào con chim không cánh, cái thuyền không buồm..." "Không tưởng tượng làm sao được ? Xuất phát từ đời sống thực tế và dựa vào quy luật phát triển khách quan của sự vật, trí tưởng tượng của ta có thể đi trước hiện thực một vài bước và nâng cao đời sống thực tế vươn lên. Sứ mệnh của văn học, nghệ thuật không phải chỉ thu hẹp trong việc ghi chép, biểu hiện đời sống một cách trung thực, mà còn phải mở cái màn của tương lai cho tâm hồn của con người vút lên. Trong tác phẩm *Phao-xtơ*, cuối thế kỷ XVII, Gớt đã đoán trước loài người thế nào cũng có ngày phải lao mình vào khoảng không vũ trụ, mặc dù có phải chạm trán với cối hư vô". "Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tác tốt nhất, nhưng không phải duy nhất ... Điều đó có nghĩa là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa thu hút và bao dung tất cả những yếu tố tích cực của những phương pháp khác, chẳng hạn như phương pháp lãng mạn, phương pháp tượng trưng".

Trong các bài phát biểu về văn nghệ, đồng chí đều phân tích công tác phê bình. Quan điểm rõ ràng là "một nền văn nghệ mà công tác lý luận và phê bình yếu ớt, kém tính chiến đấu thì không phát triển nhanh được".

Khi nói tới việc bồi dưỡng lực lượng trẻ, đồng chí không quên sự liên hệ chặt chẽ giữa các thế hệ : "Việc đào tạo, bồi dưỡng lực lượng trẻ phải do Đảng ủy và những đồng chí lãnh đạo chủ chốt, những văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa lão luyện trực tiếp phụ trách ...

(2) Từ đây những trích dẫn trong bài này đều lấy từ *Tuyển tập văn học của Trường Chinh*, Nxb Văn học, Hà Nội, năm 1997

"Coi trọng việc bồi dưỡng lực lượng trẻ không có nghĩa là xem nhẹ lực lượng hiện có, lực lượng cũ, trái lại phải coi trọng và săn sóc lực lượng cũ, vì đây là vốn quý của đảng, của nhân dân".

Trong mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp, mặc dù giao thông cản trở, một mình một ngựa cùng với chú bảo vệ, đồng chí đi giảng bài cho một lớp đại học hay một lớp bồi dưỡng cán bộ tuyên huấn của địa phương. Thu Đông 1947 đồng chí xuýt chết vì bom Pháp ở Phú Minh (Đại Từ - Thái Nguyên) khi đang giảng bài cho một lớp đại học. Sự quan tâm đến đào tạo thế hệ trẻ là một trong những đức tính rất quý ở đồng chí, tận tâm như một nhà sư phạm.

Bàn đến tính dân tộc và truyền thống dân tộc, đồng chí phê phán cả hai khuynh hướng xem thường cũng như không chọn lọc có phê phán di sản dân tộc. "Cần nhận rõ rằng nền văn nghệ cách mạng của chúng ta thừa kế tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra và truyền lại ... Tôi tin rằng trong kho tàng văn nghệ của nhân dân từ Bắc đến Nam, ở dân tộc Kinh cũng như ở các dân tộc thiểu số anh em, chúng ta sẽ thấy rất nhiều châu báu".

Trường Chinh rất coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa, văn nghệ thế giới, nhưng không quên nhắc nhở : "... Học không phải là "cóp" mà là nghiên cứu kinh nghiệm của người, xây dựng cái độc đáo của mình".

Trong quan hệ giữa phê phán và ca ngợi, đồng chí quan tâm trước hết đến tính chân thật "khẳng định cái mới không có nghĩa là chỉ ca ngợi một chiều... Đảng yêu cầu văn nghệ ta phải có tính chân thật cao, nghĩa là biểu dương cái hay, phê bình cái dở trong xã hội, trong công tác... Phê bình cũng là để khẳng định cái mới, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Phản đối tô hồng, nhưng cũng kiên quyết phản đối bôi đen, gây bi quan, thất vọng xuyên tạc chế độ ta".

Trường Chinh không chỉ đi sâu giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản của văn nghệ, mà còn rất gần gũi với văn nghệ sĩ. Đồng chí trao đổi trực tiếp với họ về một tác phẩm cụ thể, một vấn

đề cụ thể thuộc về cấu trúc tác phẩm, hay xây dựng nhân vật, v.v... Đồng chí xem không phải một lần mà nhiều lần một bộ phim, một vở kịch, đàm đạo với đạo diễn, người viết kịch bản, diễn viên một cách thẳng thắn, nhưng rất cởi mở. Khi chưa gặp đồng chí, không ít văn nghệ sĩ ngần ngại, nhưng khi đã được gặp và trao đổi ý kiến thì tất cả đều cảm nhận ở đồng chí một sự ấm áp thân tình. Nhiều lần, đồng chí đã trao đổi ý kiến với Chu Văn về tiểu thuyết *Bão biển*, với Bạch Diệp về bộ phim *Ngày lễ Thánh*, với Bùi Đình Hạc về bộ phim *Nguyễn Văn Trỗi*, với Tào Mạt về vở chèo *Bài ca dựng nước*, với Thế Lữ về vở kịch *Chị Tắm anh Điền*; đàm đạo thường xuyên về thơ của Lưu Trọng Lư; gặp gỡ, thảo luận với nhiều văn nghệ sĩ khác về những vấn đề mà họ quan tâm tại trụ sở Hội, tại nhà hát, xưởng phim hoặc tại nhà riêng của đồng chí. Văn nghệ sĩ coi đồng chí là người bạn lớn.

Nhà thơ Sóng Hồng

Trường Chinh còn là một nhà thơ. Đồng chí thích thơ và biết làm thơ lúc còn thanh niên. Bài đầu tiên "Nhớ bạn", được làm lúc đồng chí mới hai mươi tuổi. Cùng trăng, hoa, chim : "*Trăng kia ơi,/ xuống đây chơi ... "Hoa kia ơi,/ Lại đây chơi ... " "Chim kia ơi,/xuống đây chơi ... "* với chất trữ tình man mác. Với trăng : "*Lơ lửng làm chi ở giữa trời ?*" Với hoa : "*Lẻ loi vườn rộng biết cùng ai ?*". Với chim : "*Đêm khuya xao xác bay xa vời*". Điều ngạc nhiên là bài thơ làm năm 1927 thuộc thể thơ tự do theo phong cách thơ mới. Toàn bộ thơ của đồng chí được sưu tập có 65 bài, bài thơ cuối cùng đề ngày 6-1-1985. Bài thơ dài theo thể lục bát *Kể chuyện Bác Hồ* trong phần *Di cảo* không rõ làm từ lúc nào. Làm thơ, đồng chí lấy bút danh Sóng Hồng.

Thơ của Sóng Hồng bao quát nhiều xúc cảm tinh tế và chân thực, luôn mang khí phách của một cán bộ cách mạng nhưng vẫn đậm chất trữ tình : "*Nhớ buổi cùng nhau vui ước mơ, /Trăng tròn đang độ, nhụy đang tơ. /Yêu nhau ta hẹn cùng yêu nước, /Xao xuyến lòng anh bao ý thơ !*" (bài "Đi", tặng vợ).

Thơ Sóng Hồng không nhiều nhưng thể hiện cảm xúc của tác giả trước các sự kiện của đất nước, từ những năm bị tù ở Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La đến sau này. Qua những bài thơ đã được sưu tập, chúng ta thấy một Trường Chinh khí phách, đầy tình nghĩa với người thân, với đồng chí, đồng bào, một tâm hồn luôn luôn tươi tắn lạc quan, tuyệt đối tin tưởng ở tiền đồ sáng lạn của cách mạng. Đặc biệt, Sóng Hồng dành một bản trường ca để kể chuyện Bắc Hồ. Lời thơ của Sóng Hồng ở đây thấm thiết, đậm đà, mang nhiều chất dân gian như muốn thể hiện được đức tính giản dị của Người.

Trường Chinh làm thơ và lý luận về thơ. Lý luận về thơ của đồng chí Trường Chinh nằm trong hệ thống lý luận văn nghệ của Đảng mà đồng chí là một trong những người đặt nền móng. Đồng chí Trường Chinh viết: "Thơ tức là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. Thơ không chỉ nói lên tình cảm riêng của nhà thơ, mà nhiều khi thông qua tình cảm đó nói lên niềm hy vọng của cả một dân tộc, những ước mơ của nhân dân, về nên những nhịp đập của trái tim quần chúng và xu thế chung của lịch sử loài người (...). Thơ cũng như nhạc có thể trở thành một sức mạnh phi thường khi nó chinh phục được trái tim của quần chúng nhân dân (...). Thơ của một người hoặc của một dân tộc cũng ví như một vườn hoa có nhiều màu sắc và hương thơm. Có thơ trữ tình, cũng có thơ châm biếm. Có anh hùng ca mà cũng có tình ca. Điều cốt yếu là trữ tình chứ không bi lụy và hùng tráng mà không lên gân. Thơ chính trị là thơ trăm phần trăm như các thơ khác. Đó chính là loại thơ "có thép" như Hồ Chủ tịch đã nói, chứ không phải là những bài xã luận bất thành văn (...). Thơ là một viên ngọc long lanh dưới ánh sáng mặt trời. Thơ là thơ, đồng thời cũng là vẽ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng (...) thơ là nghệ thuật kỳ diệu bậc nhất của trí tưởng tượng".

Điều thú vị ở Trường Chinh khi bàn về thơ là đồng chí đã có những "tuyên ngôn về thơ bằng thơ". Tôi nói "những" là vì, theo tôi, đồng chí đã viết ba bài thơ, thể hiện quan niệm mới về thơ :

Là thi sĩ (tặng các nhà thơ Việt Nam), viết tháng 6-1962 ; *Nói chuyện với cô T*, viết mùa hè năm 1969 ; *Gửi một nhà thơ trẻ*, viết tháng 12-1970. Trong ba bài thơ nói trên, *Là thi sĩ* là bài thơ được nhiều người biết đến.

Về bài thơ *Là thi sĩ*, có một câu chuyện khá thú vị. Đồng chí Trường Chinh đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện này :

Bài thơ ra đời năm 1942. Thời đó trong thanh niên trí thức có tâm lý thích thơ lãng mạn. Đồng chí Hoàng Văn Thụ, phụ trách Ban Binh vận giao cho hai đồng chí nữ vận động Nguyễn Văn Vịnh (theo cách mạng, sau này trở thành trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam). Theo điều tra của ta, "đội" Vịnh (còn gọi là "Séc-giăng" Vịnh) là người tiến bộ, có thể vận động được. Một đặc điểm đáng chú ý của "ông đội" này là rất thích thơ, hay nói chuyện về thơ và làm thơ. Sau mấy lần tìm cách gần được "đội" Vịnh, hai chị nhân nhó, phàn nàn với anh Hoàng Văn Thụ : "chúng em chịu thôi. Ông Vịnh thuộc nhiều bài thơ và hay đọc thơ, mà toàn chuyện trăng, mây, yêu đương. Chúng em chẳng biết gì về thơ, ông ta lại nghĩ chúng em là "gái làng chơi" thì chết". Đồng chí Trường Chinh biết chuyện, làm bài thơ này và dặn các chị học thuộc lòng, khi gặp "đội" Vịnh thì đọc cho ông ta nghe.

Sau này anh Vịnh được giác ngộ cách mạng, bị bắt giam ở Hỏa Lò rồi bị đày ra Côn Đảo. Năm 1951, anh tham gia đoàn đại biểu Nam Bộ ra dự Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, gặp đồng chí Trường Chinh, anh Vịnh nhắc lại câu chuyện bài thơ *Là thi sĩ* và nói "nhờ bài thơ của anh mà tôi giác ngộ cách mạng đây !". Anh Vịnh có tặng anh Trường Chinh một số bài thơ anh làm hồi còn ở tù. Nhân kể chuyện này, đồng chí Trường Chinh đọc mấy bài thơ của anh Vịnh và nói hồn nhiên : "Câu xem, ai bảo thơ không vận động được cách mạng".

Thơ của Sóng Hồng là thơ cách mạng, tất cả vì cách mạng, thơ của một tâm hồn lớn của một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng ta, của dân tộc ta. □

"CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP"

Lời BBT : Mừng Đảng, mừng Xuân, thiết thực góp phần chuẩn bị những luận cứ khoa học phục vụ Hội nghị lần thứ 5 sắp tới của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tư tưởng, lý luận đáp ứng tình hình mới, ngày 16-1-2002, tại Hà Nội, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Công tác tư tưởng, lý luận- thực trạng và giải pháp".

Đồng chí PGS, TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, phụ trách công tác lý luận của Đảng đã tới dự và phát biểu ý kiến. Dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo và quản lý ; các giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học làm công tác nghiên cứu, giảng dạy thuộc các ban, ngành, viện nghiên cứu, học viện, nhà trường ở trung ương và Hà Nội ; một số cơ quan thông tấn báo chí cùng toàn thể phóng viên, biên tập viên Tạp chí Cộng sản. PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản chủ trì Hội thảo.

Sau bản Báo cáo đề dẫn của PGS, TS Vũ Văn Hiền, có 13 bản tham luận được trình bày trong số 37 bản tham luận có chất lượng được các tác giả chuẩn bị công phu gửi tới Ban tổ chức. Trong số này, Tạp chí Cộng sản xin giới thiệu cùng bạn đọc Báo cáo đề dẫn, Báo cáo tổng quan và một số bài đã được trình bày trong Hội thảo. Số 6 (tháng 2-2002), Tạp chí sẽ đăng tiếp một số bài quan trọng khác.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

VŨ HIỀN

CÔNG tác tư tưởng, lý luận là một trong những lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Đảng ta trên mọi bước đường cách mạng, đặc biệt là trong việc lãnh đạo đất nước thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực hiện chức năng cơ quan lý luận - chính trị của Trung ương Đảng, nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận trong giai đoạn hiện nay, Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức cuộc hội thảo quan trọng này nhằm tập hợp ý kiến quý giá của các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước,

góp phần cung cấp những luận cứ để Trung ương tham khảo và ra quyết định.

Công tác tư tưởng và công tác lý luận được Đảng ta hết sức quan tâm và được gắn mật thiết với các nhiệm vụ công tác quan trọng khác của Đảng. Vậy nên đã không biết bao nhiêu lần và sẽ nhiều hơn thế lần chúng ta đề cập tới chủ đề này, một chủ đề vô cùng rộng lớn vừa liên quan đến cái tổng thể như mục tiêu, lý tưởng, động lực cách mạng mà theo cách nói của Mác là lý luận sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó xâm nhập vào quần chúng ; lại vừa hiển hiện trong từng con người với những tâm tư, tình cảm, quan điểm lập trường và sự nghiên cứu, khám phá, sáng tạo. Trong đây ấp những vấn đề mà về mặt lý luận cần được làm sâu sắc thêm, về mặt thực tiễn cần được phân tích đúc rút và làm sáng tỏ, hội thảo của chúng ta có lẽ cần tập trung vào một số nội dung cơ bản sau :

1. Công tác tư tưởng, công tác lý luận và những vấn đề đặt ra đối với công tác tư tưởng và công tác lý luận ở nước ta hiện nay.
2. Nhận định về tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân ta hiện nay.
3. Những vấn đề trọng yếu của công tác tư tưởng - lý luận của nước ta hiện nay.
4. Những vấn đề lý luận quan trọng trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng.
5. Đặc điểm của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay.
6. Những giải pháp chủ yếu để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng - lý luận.

Nếu chúng ta không dừng lại ở việc xem xét những nội dung nêu trên đã đủ bao quát hay chưa, có sự trùng lặp nào không mà chỉ coi đó là sự gợi mở cần thiết thì chung quanh các khía cạnh đó cũng có nhiều điều cần thảo luận làm rõ thêm.

Thứ nhất là khái niệm về công tác tư tưởng, công tác lý luận.

Theo như chúng tôi hiểu thì công tác tư tưởng nói chung là việc sử dụng tổng hợp các thành quả của khoa học, nghệ thuật và phương pháp tác động vào ý thức, tình cảm, hành động của con người và xã hội để hình thành, củng cố hoặc làm chuyển biến tư tưởng con người một cách có chỉ định, đồng thời qua đó để định hướng hoạt động của con người. Nói cụ thể hơn, công tác tư tưởng của chúng ta là hoạt động đa dạng và quan trọng vào bậc nhất của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng, xác lập, phát triển hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hình thành niềm tin, định hướng giá trị đúng đắn, góp phần xây dựng thế giới quan khoa học cho con người, thúc đẩy con người hành động tích cực và sáng tạo để thực hiện thắng lợi lý tưởng và mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Còn công tác lý luận là lĩnh vực công tác nhằm phát triển và làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận, tổng kết và đúc rút từ thực tiễn, giúp cho việc đi sâu vào bản chất của hiện tượng tự nhiên, xã hội, từ đó tìm ra những giải pháp và phương pháp hành động theo hướng chủ định. Đối với chúng ta hiện nay, đó cũng là lĩnh vực công tác nhằm phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phục vụ cho công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như thế công tác tư tưởng và công tác lý luận là một hay là hai ; nếu nó độc lập tương đối với nhau thì có "môn đăng, hậu đối" không hay công tác lý luận là một bộ phận của công tác tư tưởng và công tác tư tưởng bao hàm nội dung quan trọng là công tác lý luận ?

Thứ hai là những vấn đề đang đặt ra đối với công tác tư tưởng và công tác lý luận.

Phải nói rằng, công tác tư tưởng và công tác lý luận luôn gắn bó hữu cơ với toàn bộ

sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong thời kỳ đổi mới, công tác tư tưởng và công tác lý luận vừa mở đường vừa bám sát cuộc sống, tác động thúc đẩy cùng với các lĩnh vực công tác khác đưa toàn bộ hoạt động của đất nước đi lên. Đảng ta là người phát động, dẫn dắt, đồng thời lãnh đạo tổ chức thực hiện sự nghiệp đổi mới và những thành tựu của sự nghiệp đổi mới phải kể đến sự đóng góp của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Đồng thời qua việc thực hiện những nhiệm vụ của mình, bản thân công tác tư tưởng, lý luận cũng gặt hái được nhiều kết quả và có bước trưởng thành. Điều này có lẽ ai cũng dễ thừa nhận.

Nhưng còn những yếu kém bất cập và những vấn đề đang đặt ra đối với công tác lý luận, tư tưởng là gì và trong sự yếu kém bất cập ấy, công tác tư tưởng ở mức nào và công tác lý luận ở mức nào, có đồng nhất với nhau không ? Hiện nay chúng ta đang thiếu luận cứ, thiếu lý thuyết đặc thù cách mạng Việt Nam để phát triển hay đã đủ lý thuyết mà ách tắc ở khâu tuyên truyền vận động, đưa chúng vào trong ý thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân ? Công tác tư tưởng, công tác lý luận của chúng ta đang đi trước, hướng dẫn hay chưa theo kịp thực tiễn ?

Thứ ba là đánh giá tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân ta hiện nay.

Trước hết cần khẳng định tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân ta nhìn chung là tích cực, mặc nhiên coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của tất cả mọi người và của mỗi người. Vậy nên mọi thành quả của sự nghiệp cách mạng, nhất là của công cuộc đổi mới đều thể hiện một cách sinh động sự đồng tình ủng hộ bằng hành động thực tiễn của cán bộ, đảng viên và quảng đại quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, việc đánh giá thực trạng tình hình tư tưởng vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến và là phần đông cho rằng, tình hình

tư tưởng rất an tâm, niềm tin vào Đảng, vào sự nghiệp cách mạng rất vững chắc. Lại có ý kiến có phần ngược lại, cho rằng tình hình tư tưởng có nhiều dấu hiệu rất đáng lo ngại ; đó là niềm tin của nhân dân có chiều giảm sút, ngay cả cán bộ, đảng viên cũng có nhiều người không tin vào sự khả thi của đường lối, chính sách hiện hành. Còn cách đánh giá khác là về cơ bản là tốt nhưng cũng có nhiều dấu hiệu không thể xem thường. Vậy nên có tiêu chí nào và có luận cứ nào để nhìn nhận đánh giá cho chính xác. Đánh giá đúng tình hình đã đạt được một nửa kết quả của công việc.

Thứ tư là những vấn đề trọng yếu của công tác tư tưởng, công tác lý luận hiện nay.

Chúng ta đều nhất trí rằng, việc tăng cường công tác giáo dục tư tưởng và nâng cao trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên, nhân dân là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi tới thành công. Như thế, việc nghiên cứu, bảo vệ phát triển và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ rất quan trọng trong điều kiện cách mạng hiện nay. Vấn đề cần trao đổi ở đây xoay quanh một số câu hỏi đang đặt ra. Đó là, chúng ta đặt trọng tâm công tác tư tưởng - lý luận vào cụ thể hóa đường đi, nước bước của con đường cách mạng nước ta, hay là tập trung vào việc bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin ? Chúng ta cần tập trung vào việc tìm hiểu, khám phá những vấn đề mới, phát triển lý luận hay tập trung sức vào việc đưa nghị quyết vào cuộc sống, đúc rút, tổng kết kinh nghiệm muôn màu muôn vẻ của đời sống thực tiễn của đất nước ? Chúng ta cần tập trung vào việc nâng cao quan điểm nhận thức của cán bộ đảng viên bằng tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước hay dồn sức vào việc đấu tranh tư tưởng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" mà lĩnh vực tư tưởng là xung yếu nhất ? Và nữa, có phải nhiệm vụ

trọng yếu của công tác tư tưởng, lý luận là tất cả các vấn đề nêu trên ?

Thứ năm là những giải pháp chủ yếu để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận. Đây là nội dung có ý nghĩa thiết thực nhất của cuộc Hội thảo. Chúng tôi kỳ vọng rằng, với bề dày kinh nghiệm và sự am hiểu tường tận các vấn đề, với sự trao đổi đối lại một cách sâu sắc và nghiêm túc, Hội thảo của chúng ta sẽ đưa ra được những sáng kiến hay, những kinh nghiệm quý, những giải pháp hữu hiệu và khả thi giúp cho công tác tư tưởng, lý luận của Đảng có những bước phát triển mới.

Hội thảo của chúng ta được tiến hành vào một thời điểm đặc biệt. Đất nước chúng ta vừa thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của năm 2001 với nhiều điều kiện thuận lợi nhưng cũng phải vượt qua không ít cam go, thách thức và đi vào một năm mới với thể và lực mới. Chúng ta lại đang chuẩn bị đón tết cổ truyền dân tộc, chào đón 72 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh với phơi phơi sức xuân.

Trong niềm vui chung ấy, Tạp chí Cộng sản cũng có những niềm vui mới và có sự khởi sắc.

Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao nhiệm vụ Tạp chí xuất bản 3 kỳ một tháng kể từ năm 2002. Đây là một nhiệm vụ đánh dấu bước trưởng thành của Tạp chí : từ xuất bản 1 kỳ đến 2 kỳ và nay là 3 kỳ, 10 ngày ra một số. Cho đến hôm nay Tạp chí đã xuất bản được số 1, số đặc biệt và số 2, chuẩn bị xong mọi nội dung để xuất bản số 3 của tháng 1-2002. Tạp chí cũng đã được giao nhiệm vụ phát hành Tạp chí Cộng sản điện tử trên mạng In-tơ-nét. Qua gần 5 tháng thử nghiệm đến nay Tạp chí Cộng sản điện tử phát được 5 số, có khoảng 30 ngàn người truy cập và con số đó ngày một tăng thêm. Sắp tới, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, Tạp chí sẽ tổ chức phát hành chính thức và từ đó, mỗi tháng Tạp chí Cộng sản sẽ có 2 số. Nhiệm vụ thật mới mẻ và nặng nề nhưng anh chị em cán bộ, nhân viên Tạp chí sẽ phấn đấu hoàn thành xuất sắc.

Với một bối cảnh như vậy, lại được các nhà khoa học, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia, chúng tôi tin chắc rằng cuộc Hội thảo khoa học - thực tiễn đầu xuân này sẽ thành công tốt đẹp. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

CUỘC Hội thảo đầu xuân này thực sự có ý nghĩa bởi bản thân những vấn đề đặt ra có tính thời sự, thiết thực, đang cần những lời giải đáp. Có thể nói những ý kiến trình bày trong Hội thảo đều tâm huyết, có sức cuốn hút từ đầu đến cuối. Do thời gian có hạn nên còn nhiều đại biểu đến dự chưa có điều kiện trình bày tham luận của mình. Một số đồng chí khác rất tâm huyết với chủ đề Hội thảo, nên tuy quá bận không trực tiếp đến dự,

vẫn gửi tới Hội thảo những bài viết công phu, sâu sắc. Tổng hợp lại những ý kiến của 37 bản tham luận, chúng tôi xin nêu những nét chính yếu sau :

I - VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, CÔNG TÁC LÝ LUẬN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

Công tác tư tưởng, lý luận là chủ đề rộng lớn, gắn liền với nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng chúng lại là hai nhiệm vụ

công tác có chức năng, nhiệm vụ tương đối riêng và có tính độc lập tương đối. Vì thế, khi bàn tới vấn đề này, Hội thảo đặc biệt quan tâm đến việc xác định phạm vi, tính chất, nội hàm của từng phạm trù cũng như mối quan hệ giữa công tác tư tưởng và công tác lý luận của Đảng hiện nay.

GS Văn Tạo cho rằng : Lý luận cách mạng không phải là cái gì bất biến mà nó ra đời và phát triển theo những điều kiện và yêu cầu của mỗi thời đại ; nó kế thừa những tinh hoa của quá khứ và sự sáng tạo ra cái mới của thời đại đó. Trong thời đại phát sinh và bước đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản thế kỷ XVII - XIX chủ nghĩa Mác ra đời và phát huy tác dụng. Tới thế kỷ XX chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa Lê-nin ra đời có kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác. Thế kỷ XXI, thời đại mới mở ra - thời đại hình thành nền văn minh trí tuệ là điều kiện cũng như yêu cầu về sự ra đời của lý luận cách mạng mới trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách sáng tạo lý luận Mác - Lê-nin. *Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay không chỉ là kế thừa và phát huy tác dụng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà phải phát triển trong điều kiện mới, sáng tạo mới.*

Trong những người làm công tác tư tưởng, lý luận lâu nay, câu hỏi thường đặt ra là : *Thế nào là công tác tư tưởng ? Thế nào là công tác lý luận ? Giữa hai công tác đó có gì giống và khác nhau.* Có những ý kiến cho rằng đó là hai loại công tác khác nhau trong cùng một mặt trận. Công tác tư tưởng có nội hàm rộng hơn, bao quát toàn bộ các vấn đề tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội. Còn công tác lý luận thì chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để xây dựng lý luận, phổ biến lý luận, đấu tranh lý luận. Theo **đồng chí Hà Đăng (Trợ lý Tổng Bí thư)** thì vấn đề không chỉ là như vậy. Trong thực tiễn cách

mạng, tư tưởng và lý luận quyện chặt với nhau, hòa nhập vào nhau trên từng khâu công tác : *từ đề ra đường lối, chủ trương, chính sách ; đến quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách ; rồi tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn để tiếp tục phát triển, bổ sung và hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách đó.v.v..* Có nhà khoa học nhận xét khá đúng rằng : *"Lý luận là cơ sở của công tác tư tưởng. Tư tưởng là linh hồn của lý luận... Công tác tư tưởng và lý luận là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, cho toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có sự phân công, phân cấp rõ ràng..."*

Trong những năm qua, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ta có nhiều thành tựu. **GS Bùi Đình Thanh (Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia)** khẳng định, tuy có cuộc khủng hoảng lý luận diễn ra trước và sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, song Đảng ta với bản lĩnh kiên định, bình tĩnh, sáng suốt đã đề ra đường lối đổi mới với phương châm "nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật" đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh thật phi thường. **GS,TS Nguyễn Ngọc Long (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)** đã nêu lên những bước tiến quan trọng của công tác tư tưởng, lý luận trong những năm đổi mới vừa qua. Kết quả hơn 15 năm đổi mới đã giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, về mặt lý luận không có gì được gọi là xong xuôi, bàn một lần là xong. Bởi lý luận luôn bắt nguồn từ thực tiễn, được tổng kết, bổ sung qua thực tiễn mà thực tiễn lại biến đổi không ngừng nên sự nghiệp cách mạng của Đảng ta cũng không ngừng phát triển đi lên.

Đồng chí Hà Xuân Trường (nguyên Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) cho rằng : Cái yếu kém của công tác tư tưởng, lý luận không chỉ ở phương pháp chỉ đạo, tổ chức

thực hiện mà chính là sự khái quát, đi sâu vào nội dung, cấu trúc của từng lĩnh vực, từng ngành hoạt động, hệ thống hóa thành những phạm trù có sức soi sáng cho việc thực thi nhiệm vụ đề ra. Tư tưởng, lý luận mà ta bàn đến thường dừng ở các quan điểm chỉ đạo, ít đi sâu vào nội dung khoa học của từng lĩnh vực. Trong lĩnh vực chính trị, do tính chất đặc thù của Việt Nam, vị trí độc tôn Đảng Cộng sản lãnh đạo là duy nhất đúng đắn, hợp quy luật, hợp lý, hợp pháp, hợp lòng dân không phải bàn cãi. Làm lu mờ nét đặc thù ấy của xã hội ta là rơi vào chủ nghĩa cơ hội.

GS, TS Phạm Ngọc Quang (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) cho rằng mục tiêu công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay là : Tiếp tục hoàn thiện quan niệm về CNXH ở nước ta ; củng cố sự đồng thuận xã hội trên những vấn đề chiến lược để quy tụ sức mạnh của toàn thể dân tộc vào việc hiện thực hóa các quan niệm đó. Do vậy, nhiệm vụ bao trùm trong công tác lý luận của Đảng là nắm vững, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát và đẩy mạnh tổng kết thực tiễn thế giới cũng như trong nước ; nghiên cứu và sử dụng có chọn lọc thành quả lý luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài để phát triển một cách sáng tạo mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ; nâng cao năng lực cụ thể hóa, triển khai, tổ chức thực hiện những quan điểm lý luận đó phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế chung của thời đại. **Trung tướng Phạm Quang Cận** với cách tìm tòi, nghiên cứu có chiều sâu cho rằng, chúng ta cần phải có tư duy hiện đại về CNXH hoặc chủ nghĩa xã hội hiện đại là một CNXH tiếp nhận và kế thừa được toàn bộ những mặt tích cực của chủ nghĩa tư bản (CNTB) hiện đại và vượt qua được những sự hạn chế của CNTB hiện đại. Theo ý kiến của **PGS, TS Nguyễn Tinh Gia (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)**,

hơn bao giờ hết cách mạng Việt Nam đòi hỏi rất cao trình độ tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị, tư tưởng kiên định, tổng kết thực tiễn khái quát thành lý luận của Đảng và Nhà nước ta. Thời đại ngày nay không thể "bắt chước", "nhái lại" của người khác mà phải độc lập, sáng tạo. **Đồng chí Hữu Thọ (Trợ lý Tổng Bí thư), TS Nhị Lê (Phó vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản)** đề cao vai trò của thực tiễn đối với công tác lý luận, khẳng định quan điểm nhất quán là : Lý luận phải luôn luôn gắn liền với thực tiễn và chỉ đường cho hoạt động thực tiễn. Lý luận phân tích sâu sắc những vấn đề của thực tiễn, tìm ra quy luật của phát triển, giải đáp được những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống, chỉ ra hướng đi đúng đắn hợp quy luật của hoạt động thực tiễn để con người hoạt động phù hợp quy luật khách quan. Thực tiễn đang diễn ra và phát triển cho nên lý luận chỉ đạo có hiệu quả thực tiễn chỉ có thể là lý luận phát triển, kịp thời bổ sung nhận thức mới từ tổng kết thực tiễn. **Trung tướng Nguyễn Đình Ước** cho rằng, công tác tư tưởng, lý luận xuất phát từ thực tế cuộc sống đang nảy sinh nhiều vấn đề mới chúng ta chưa gặp phải, cần được làm sáng tỏ để góp phần cụ thể hóa những định hướng mà Đại hội IX của Đảng đã xác định.

II - VỀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, NHÂN DÂN TA HIỆN NAY

Các tham luận đều khẳng định tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân ta nhìn chung là tốt, tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH của đất nước. Thành quả của sự nghiệp cách mạng, nhất là của công cuộc đổi mới là biểu trưng cao nhất của ý Đảng, lòng dân được hòa quyện với nhau, là minh chứng sinh động sự đồng tình ủng hộ bằng hành động thực tiễn của cán bộ, đảng viên và quảng đại

quần chúng nhân dân với Đảng. Tuy nhiên, việc phân tích những trạng thái tư tưởng cụ thể của các tầng lớp nhân dân vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau. Phần đông cho rằng, tình hình tư tưởng là an tâm, tin tưởng vững chắc vào Đảng, vào sự nghiệp cách mạng của Đảng. Có ý kiến cho rằng tình hình tư tưởng của bộ phận không nhỏ trong nhân dân có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại ; niềm tin của nhân dân có chiều giảm sút, băn khoăn nghi ngờ về tính khả thi của đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đồng chí Hồng Vinh, (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam) thông qua kết quả thăm dò dư luận gần đây của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, cho rằng : Tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về cơ bản là tích cực. Đó là sự nhạy bén chính trị, năng động trong sản xuất, công tác, có ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, vượt lên khó khăn, thách thức góp sức đưa đất nước sớm thoát khỏi đói nghèo. Số đông cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH ; đồng tình với tư tưởng cơ bản của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Tuy nhiên, có một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về chính trị, phẩm chất, đạo đức, xa dân, mất dân chủ ...

Đồng chí Hoàng Bình Quân, (Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) đã khái quát bức tranh về tình hình tư tưởng thanh niên và công tác tư tưởng của Đoàn thanh niên ở nước ta hiện nay. Thanh niên ngày nay thích nghi nhanh với cơ chế quản lý mới, khi sức trẻ được giải phóng họ trở thành lớp người năng động, hăng hái

ủng hộ và đi đầu trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Thanh niên có điều kiện thuận lợi tiếp nhận thông tin, khoa học, công nghệ tiên tiến, tích cực ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất - kinh doanh. Có thể khẳng định, niềm tin của thanh niên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH, vào sự phát triển phồn vinh của đất nước được củng cố và tăng cường rõ rệt. Thái độ và ý thức chính trị của thanh niên được nâng lên. Tuy nhiên lối sống thực dụng, đặt lợi ích cá nhân lên trên đang len lỏi chi phối suy nghĩ và hành động của một bộ phận thanh niên hiện nay. Một số thanh niên bị các tệ nạn xã hội chi phối như ma túy, sống buông thả, coi thường pháp luật ...

PGS, TS Nguyễn Chí Mỹ (Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội) trình bày những nét chính về bức tranh khá toàn diện, mang những sắc thái về tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung qua các kết quả điều tra, nghiên cứu công phu được Hội thảo rất quan tâm.

III - VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TÁC LÝ LUẬN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Đồng chí Hà Đăng cho rằng : Vấn đề trọng yếu nhất của công tác lý luận hiện nay là tiếp tục nâng cao và từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Còn theo **đồng chí Hoàng Tùng (nguyên Bí thư Trung ương Đảng)** thì đó là các vấn đề : Bản chất thời kỳ trước mắt của cách mạng Việt Nam, nội dung thời kỳ quá độ đặc thù của nước ta ; bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh và bản sắc Việt Nam, con đường đặc thù bắt đầu từ cách mạng giải phóng dân tộc dân chủ nhân dân quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại loài người quá độ từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức ; lý luận về nền kinh tế quá độ từ nền kinh tế nông nghiệp thủ công tiến thẳng lên nền kinh tế mới - kinh tế

tri thức, từ phương thức tiền tư bản chủ nghĩa lên phương thức xã hội chủ nghĩa, sử dụng hình thức kinh tế tư bản và các phương thức khác hướng tới xây dựng phương thức xã hội chủ nghĩa thuần nhất ; nhân tố cơ bản, động lực cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội ; mặt tích cực và mặt tiêu cực của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ; thời cơ lớn và những điều kiện vượt qua thách thức, biến thời cơ thành động lực, lực lượng vật chất của phát triển, giữ vững đường lối độc lập, tự chủ trong thế giới đa cực, bảo vệ hòa bình, ổn định để phát triển đi lên ; bản chất của thời đại ; vận mệnh, tiền đề của học thuyết cộng sản chủ nghĩa.

Khi bàn về những vấn đề trọng yếu của công tác tư tưởng, lý luận, nhiều bản tham luận của Hội thảo tập trung làm rõ những vấn đề lý luận quan trọng mà Đại hội IX của Đảng đã xác định. Theo GS Lê Xuân Tùng (nguyên Ủy viên Bộ Chính trị), Văn kiện Đại hội IX của Đảng ta chứa đựng nhiều vấn đề lý luận quan trọng. Chúng nằm ở các phần trong Văn kiện. Đó là những vấn đề dưới dạng là những đề tài nghiên cứu ; những vấn đề có cơ sở lý luận và thực tiễn mà Văn kiện không đi sâu phân tích ; những vấn đề lý luận mới phác họa trên những nét cơ bản ; những vấn đề lý luận đã được nghiên cứu từ trước và nay đưa vào Văn kiện dưới dạng tổng kết. Theo GS Vũ Hữu Ngoạn (Thường trực Ban chỉ đạo biên soạn Toàn tập Văn kiện Đảng), những vấn đề lý luận quan trọng trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng là : Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và nền tảng tư tưởng của con đường cách mạng đó ở nước ta ; về tư tưởng Hồ Chí Minh ; về chặng đường, các bước trung gian của thời kỳ quá độ ở nước ta ; về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; về đấu tranh giai cấp và nội dung của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay ; về động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn

dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo ; về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; về phát triển và hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ; về hệ thống chính trị ; về các vấn đề quốc tế. v.v..

Một nội dung khác cũng được đề cập một cách rõ nét trong cuộc Hội thảo là những đặc điểm chủ yếu của cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay.

GS, Trung tướng Trần Xuân Trường cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng và là kim chỉ nam của Đảng ta, của dân tộc ta đóng vai trò quyết định trong những thắng lợi của cách mạng Việt Nam suốt hơn 70 năm qua. Thế nhưng, từ sau sự tan rã của Liên Xô, của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, nền tảng ấy bị tấn công dữ dội. Chủ nghĩa chống cộng thế giới và những đại biểu bản xứ của nó ở Việt Nam thẳng thừng bác bỏ toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Một số người khác thì tuy không bác bỏ nhưng đã không đặt niềm tin như trước vào những giá trị tư tưởng và lý luận Mác - Lê-nin ; thậm chí có người nói rằng may mắn còn lại được cái phương pháp biện chứng. Chúng ta không phải là những người biệt phái chủ nghĩa, cái gì hay, có giá trị trong lý luận của các học giả phương Tây thì nhất thiết phải học tập, tiếp thu làm giàu cho mình. Nhưng phải đứng trên lập trường thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để tiếp thu một cách có phê phán thì mới hy vọng ngày càng tiếp cận chân lý được. Nói những điều trên đây để nhấn mạnh rằng nhiệm vụ cấp bách của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay là phải củng cố và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chiếm lĩnh vị trí mà nó từng có và nhất định có trong trái tim và khối óc của Đảng ta, nhân dân ta. Bên cạnh đó, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa

cơ hội về chính trị, quan liêu, tham nhũng, tha hóa đạo đức, lối sống v.v... cũng diễn ra không kém phần quyết liệt trong nội bộ Đảng ta và nhân dân ta. Hơn lúc nào hết chúng ta rất cần những tấm lòng trung thực và cái tâm trong sáng thì khó khăn nào cũng sẽ vượt qua.

IV- VỀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TĂNG CƯỜNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN HIỆN NAY

Điều đáng trân trọng là, trong số 37 tham luận của Hội thảo, hầu hết các bản tham luận đều có ý kiến đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác tư tưởng, công tác lý luận ở nước ta hiện nay. Các ý kiến đề xuất đều hay, xác đáng và có tính thuyết phục cao, chắc chắn sẽ là những gợi ý để Trung ương Đảng tham khảo, cân nhắc và quyết định. Sau đây là một số đề xuất tiêu biểu của các đại biểu. **Đồng chí Hồng Vinh**, đưa ra 3 giải pháp để tăng cường công tác tư tưởng, lý luận hiện nay. *Thứ nhất*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng cần ban hành sớm *Nghị quyết* về công tác tư tưởng, lý luận làm cơ sở cho các cấp ủy đảng đánh giá đúng thực trạng tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở, đơn vị mình, địa phương mình, từ đó đề ra những biện pháp thiết thực, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, tạo sự nhất trí cao trong nhận thức và hành động. *Thứ hai*, nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng, lý luận theo hướng mở rộng dân chủ, hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại với các tầng lớp nhân dân về những vấn đề dư luận đang quan tâm. *Thứ ba*, kiện toàn, đổi mới các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác tư tưởng, lý luận có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có lòng yêu nghề, có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. **Đồng chí Hoàng Bình Quân**, kiến nghị những giải pháp chủ yếu như : Nắm chắc những diễn biến tình hình tư tưởng của các

tầng lớp, đối tượng thanh niên, nhất là tâm tư, nguyện vọng của họ và những thuận lợi, khó khăn đối với họ ; hình thành đội ngũ báo cáo viên giỏi, có kinh nghiệm, có sức thu hút ; nội dung giáo dục chính trị phong phú, chú trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng tự hào dân tộc ; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên ; đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng, xung kích. **Đồng chí Hà Thị Khiết**, (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam) đưa ra 6 giải pháp nhằm tăng cường công tác tư tưởng, lý luận hiện nay như :

- Tăng cường giáo dục những giá trị truyền thống dân tộc, bồi đắp lý tưởng XHCN trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho toàn Đảng, toàn dân một cách sâu rộng, thiết thực, cụ thể từ trong hệ thống giáo dục, các cấp, các ngành, các địa phương ;

- Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giữ vững ổn định chính trị, hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà tổ chức Đảng giữ vai trò quyết định, đảng viên làm nòng cốt ;

- Thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng là điều kiện cơ bản để nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình trong sự nghiệp đổi mới ;

- Đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ các dân tộc thiểu số từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở, là yếu tố quyết định thực hiện mục tiêu bình đẳng thực sự giữa các dân tộc, ổn định tư tưởng, tăng cường khối đoàn kết dân tộc ;

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tư tưởng, lý luận, phát huy vai trò tích cực của thực tiễn đối với lý luận ;

- Xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ góp phần hạn chế các tiêu cực tác

động mạnh đến tư tưởng, lòng tin và nhiệt tình cách mạng của phụ nữ trong tình hình hiện nay.

Đồng chí Cù Thị Hậu, (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam) cho rằng những giải pháp chủ yếu trong thời gian tới là : Nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho công chức, viên chức, công nhân lao động ; công tác tư tưởng, lý luận phải bám sát thực tiễn, giải quyết những vấn đề bức xúc mà cuộc sống đặt ra ; công tác tư tưởng, lý luận phải gắn bó mật thiết với các mặt công tác khác ; tăng cường ngân sách đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận ; chủ động thường xuyên nắm vững tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tránh bị động, bất ngờ.

Đồng chí Thiếu tướng Phạm Hồng Thanh (Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng) ; PGS, TS Trần Quang Nhiếp (Phó tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) ; TS, Thiếu tướng Đoàn Sinh Hưởng (Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp) ; đồng chí Nguyễn Xuân Hải (Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản) đưa ra một số giải pháp cụ thể như : Khẳng định vị trí, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta ; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn ; đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao chất lượng hiệu quả sinh hoạt chính trị, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết của Đảng ; phối hợp chặt chẽ các binh chủng làm công tác tư tưởng, lý luận đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước với các phong trào thi đua yêu nước ; đổi mới phương thức và phong cách, nâng cao tính thuyết phục trong công tác tư tưởng, lý luận ; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ, tăng cường cơ sở vật chất cho ngành tư tưởng,

văn hoá. **GS Bùi Đình Thanh (Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia)** đề xuất một số giải pháp có tính chất chiến lược như :

- Phải tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị năm 1992 để xác định về mặt định tính, định lượng của công tác tư tưởng, lý luận xem những vấn đề gì có tiến bộ, vấn đề nào còn trì trệ, đề ra các giải pháp khắc phục ;

- Tăng cường công tác thông tin lý luận hai chiều, từ trong nước ra, từ nước ngoài vào ;

- Hoạt động của Hội đồng lý luận Trung ương bớt khép kín hơn. Cần thông tin cho đội ngũ làm công tác tư tưởng, lý luận biết được Hội đồng lý luận Trung ương đang quan tâm đến những vấn đề gì. Thường xuyên trao đổi, tiếp xúc với đội ngũ làm công tác lý luận, khoa học xã hội, không phải cứ đợi đến trước khi Hội nghị Trung ương bàn về một vấn đề nào đó mới huy động cán bộ nghiên cứu, chuyên gia ;

- Tăng cường dự các Hội nghị quốc tế về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những vấn đề mang tính chất toàn cầu vừa có tính chất chính trị, vừa có tính chất khoa học ;

- Coi trọng công tác báo chí, xuất bản ;

- Có chính sách đãi ngộ, chế độ khuyến khích đội ngũ làm công tác tư tưởng, lý luận, các chuyên gia giỏi, kể cả những người đã về hưu tham gia đóng góp vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, (Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương) phát biểu ý kiến tại Hội thảo. Đồng chí hoan nghênh Tạp chí Cộng sản đã tổ chức Hội thảo với chủ đề thiết thực ; hoan nghênh các nhà khoa học đã có những bản tham luận có chất lượng, đầy trách nhiệm. Đồng chí đề nghị nên tập trung nghiên cứu lĩnh vực lý luận phục vụ

các nhiệm vụ chính trị thiết thực hiện nay. Dưới góc độ lý luận chính trị, xác định phạm vi nghiên cứu, trọng tâm cần giải quyết từng giai đoạn, từng bước. Giải pháp hàng đầu để nâng cao hơn nữa công tác tư tưởng, lý luận hiện nay theo đồng chí là **sự thống nhất trong nhận thức và hành động** của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Với sự khái lược cô đọng và sâu sắc, đồng chí Nguyễn Phú Trọng nêu lên những thành tựu về công tác tư tưởng, lý luận trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực này. Đồng chí đề nghị các nhà khoa học trên cơ sở phân tích những mặt làm được và chưa làm được, tập trung nghiên cứu để đưa ra

những kiến nghị cụ thể trong 5 năm, 10 năm tới, xem chúng ta nên bổ sung những điều gì, làm như thế nào để công tác tư tưởng, lý luận cũng như công tác giáo dục, tuyên truyền ngày càng tốt hơn, bảo đảm cho công tác tư tưởng, lý luận tiếp tục phục vụ thiết thực sự nghiệp đổi mới của Đảng. Qua cuộc Hội thảo này cần tập hợp những ý kiến để xem những vấn đề nào đã được bàn bạc, nghiên cứu ; những vấn đề nào chưa được đề cập làm cơ sở để Trung ương tham khảo, xem xét và ra quyết định về lĩnh vực công tác quan trọng này.□

NGUYỄN THỊ VY

(tổng thuật)

Vấn đề trọng yếu CỦA CÔNG TÁC LÝ LUẬN HIỆN NAY

HÀ ĐĂNG

I - Về mối quan hệ giữa công tác tư tưởng và công tác lý luận.

Trong những người làm công tác tư tưởng và lý luận chúng ta, câu hỏi thường được đặt ra là : Thế nào là công tác tư tưởng ? Thế nào là công tác lý luận ? Giữa hai công tác đó, có gì khác nhau ? Đó là một hay là hai ?

Không ít ý kiến cho rằng đó là hai loại công tác khác nhau trong cùng một mặt trận. Bởi công tác tư tưởng có nội hàm rộng hơn, bao quát toàn bộ các vấn đề tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Còn công tác lý luận thì chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xây dựng lý luận, phổ biến lý luận và đấu tranh về lý luận. Nhìn vào các cơ

quan chức năng của Đảng, rất dễ thấy là công tác tư tưởng nói chung do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phụ trách, còn công tác lý luận thì do Ban Khoa giáo và Hội đồng lý luận Trung ương đảm nhiệm.

Thật ra, vấn đề không đơn giản như vậy. Trong thực tiễn cách mạng, tư tưởng và lý luận quện chặt với nhau và hòa nhập vào nhau trên từng khâu công tác : đề ra đường lối, chủ trương, chính sách ; quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách ; tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn để tiếp tục phát triển, bổ sung và hoàn thiện đường lối và các chủ trương, chính sách, v.v... Trong khi chuẩn bị đề án Hội nghị Trung ương 5 sắp tới, một nhà khoa học có

nhận xét khá đúng rằng : “Lý luận là cơ sở của công tác tư tưởng. Tư tưởng là linh hồn của lý luận”. Và “Công tác tư tưởng và lý luận là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, cho toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có sự phân công, phân cấp rõ ràng”.

Nhìn vào các nghị quyết của Đảng từ trước đến nay, ta thấy những nhiệm vụ đề ra cho công tác tư tưởng và công tác lý luận luôn luôn gắn kết với nhau, nói đúng hơn là khi nói đến công tác tư tưởng là bao hàm cả công tác lý luận.

Nghị quyết Đại hội VI viết : “Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng...”.

Nghị quyết Đại hội VII nêu rõ : “Phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận phục vụ tốt yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng, quán triệt và phát triển các nghị quyết Đại hội VII của Đảng, động viên toàn đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế - xã hội, nâng cao hơn nữa lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới.

Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm, đường lối của Đảng. Bồi dưỡng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn... góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, lý luận...”.

Đại hội VIII xác định yêu cầu của công tác tư tưởng, lý luận là nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên. Cụ thể là :

Căn cứ vào Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội IX, trong nhiệm vụ “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”, đã coi việc giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân là một trong những công tác quan trọng hàng đầu. Đại hội chủ trương toàn Đảng phải nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

Với quan niệm về mối quan hệ giữa công tác tư tưởng và công tác lý luận như trên, tôi xin có một số ý kiến sau đây về công tác lý luận.

II - Những thành tựu đạt được về mặt lý luận qua đổi mới.

Trong khi đóng góp ý kiến vào việc chuẩn bị Đề án Hội nghị Trung ương 5, đồng chí

Hoàng Tùng nói : “Nhiệm vụ trung tâm của công tác lý luận trong giai đoạn cách mạng trước mắt là tiếp tục hoàn chỉnh sự nghiệp đổi mới tư duy lý luận, mở đầu từ năm 1986, đối với quá trình khám phá con đường mới đưa nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới, xác định nền tảng cho việc chỉ đạo thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại và mọi mặt đời sống của đất nước và xã hội ta”.

Tôi cho rằng nhận định đó là đúng. Song để hiểu rõ hơn, hãy thử nhìn lại quá trình đổi mới tư duy lý luận và những gì đã đạt được về mặt lý luận trong hơn 15 năm qua.

Đúng là Đại hội VI của Đảng, như trên nói, đã xác định rõ ràng rằng nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng (cũng tức là công tác lý luận) là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế... Về sau, được nói khái quát hơn là “đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội”. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở đây được hiểu không chỉ là những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về phương hướng đi lên, mà trước hết là đường lối, chủ trương, hình thức, phương pháp và bước đi, là sự hình thành ngày càng rõ nét những mô hình xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trên tổng thể cũng như trong từng lĩnh vực cụ thể. Đại hội VII, với Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã tiến được một bước quan trọng trong đổi mới tư duy lý luận, trong đó đã đưa ra một quan niệm đúng đắn về xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng gồm 6 đặc trưng cùng với 7 phương hướng để từng bước hiện thực hóa các đặc trưng ấy trên đất nước ta. Đại hội VIII tổng kết 10 năm đổi mới, đã khẳng định rằng “con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”. Đại hội IX mới đây, lại một lần nữa nêu rõ : “Thực tiễn phong phú và những thành tựu

thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Đại hội cũng khẳng định : “Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới”. Đương nhiên trong phần III Báo cáo chính trị “Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”, cũng đã có sự làm rõ thêm, bổ sung và phát triển một số điểm trong Cương lĩnh, thí dụ như về tư tưởng Hồ Chí Minh, về thời kỳ quá độ và các chặng đường, về đấu tranh giai cấp và đại đoàn kết dân tộc, về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, v.v..

Tóm lại, con đường hay là mô hình xây dựng đất nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những nội dung chính như sau :

- Một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ.
- Một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (được coi là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ).
- Một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Một xã hội cởi mở, bên trong thì thực hiện đại đoàn kết toàn dân, bên ngoài thì có quan hệ rộng rãi với các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.
- Một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.
- Một đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo - Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của mình.

Xin nói rõ rằng, đó không phải là những mô hình có sẵn hoặc để ra từ sách vở, mà là những mô hình được xây dựng nên từ công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của chúng ta. Những mô hình ấy đều có nội dung được xác định trong từng nghị quyết của Đảng và cũng đã được thực tế thừa nhận. Tất nhiên đi vào cụ thể, thì còn biết bao vấn đề phải được làm sáng tỏ hơn nữa ; lại thêm những vấn đề mới nảy sinh đòi hỏi phải tiếp tục được giải đáp.

Về mặt lý luận mà nói, không có gì được gọi là xong xuôi, nói một lần là dứt. Bởi lý luận được tổng kết từ thực tiễn, mà thực tiễn thì luôn luôn phát triển ; có cái hôm nay tưởng là đúng ngày mai đã sai hay ngược lại. Đó cũng là một trong những lý do mà trong khi sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên, công tác tư tưởng, lý luận được coi là đi tiên phong mà thường vẫn bị đánh giá là yếu kém và bất cập.

III - Một số vấn đề trọng yếu trong công tác lý luận hiện nay.

Vấn đề trọng yếu nhất hiện nay của công tác lý luận là tiếp tục nâng cao và từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nếu chúng ta dừng lại ở những gì đã đạt được thì chúng ta sẽ lạc hậu.

Chúng ta phải tiếp tục đề cập, không né tránh những vấn đề của thời đại (về tính chất, nội dung và xu hướng phát triển), về học thuyết Mác - Lê-nin, về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản hiện đại và các trào lưu chính trị - xã hội khác, về giai cấp, dân tộc và đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, về chiến tranh, hòa bình và phát triển, v.v.. Nhưng nghiên cứu những vấn đề ấy là cốt để thấy rõ hơn cái thế giới ngày nay, thấy rõ các xu thế phát triển để cuối cùng,

làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Theo tôi được biết, vừa qua, Hội đồng lý luận Trung ương đã làm việc với Ban cán sự đảng Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia về việc chuẩn bị trình Bộ Chính trị Đề án “Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học xã hội và nhân văn nước ta 10 năm đầu thế kỷ XXI”, trong đó đã vạch ra 15 nhiệm vụ nghiên cứu trong giai đoạn 2001 - 2010, riêng trong giai đoạn 2001 - 2005, sẽ triển khai thực hiện 8 chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước như sau :

1 - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa : con đường và bước đi.

3 - Xây dựng Đảng trong điều kiện mới.

4 - Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

5 - Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6 - Dự báo chiến tranh kiểu mới của địch, đề xuất các chủ trương, giải pháp đối phó.

7 - Âm mưu, ý đồ chiến lược và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch trong giai đoạn mới. Đối sách của ta.

8 - Những đặc điểm chủ yếu, những xu thế lớn của thế giới và khu vực trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

Có thể nói, nội dung tám chương trình này đã từng được đề cập trong các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong giai đoạn 1996 - 2000, nay đặt lại cũng là có lẽ của nó : những vấn đề ấy càng phải được nghiên cứu và giải đáp một cách thấu đáo hơn nữa, phù hợp với tình hình không ngừng phát triển.

Dẫu sao, thực hiện những chương trình đó cũng chưa phải là toàn bộ công tác lý luận của Đảng. Công tác lý luận gắn liền với công tác tư tưởng phải là nhiệm vụ chung của toàn đảng và toàn xã hội. Để làm tròn nhiệm vụ ấy, Đảng ta phải tổ chức tốt hơn nữa việc huy động các lực lượng tham gia nghiên cứu lý luận, có kế

hoạch tuyên truyền, giáo dục rộng rãi kịp thời về lý luận và tiến hành cuộc đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận lý luận, chống lại các luận điệu thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta. □

Thực tiễn và lý luận

HỮU THỌ

VẤN đề phát triển lý luận có nhiều nội dung như đề dẫn và nhiều đồng chí đã đề cập. Tôi chỉ xin phát biểu một số khía cạnh của một nội dung ; đó là vị trí của tổng kết thực tiễn với phát triển lý luận trong tình hình hiện nay.

1- Người ta có thể định nghĩa khái niệm lý luận một cách phức tạp và sâu sắc. Nhưng lý luận, theo tôi hiểu một cách đơn giản là hệ thống những quan điểm, tư tưởng được tổng kết từ thực tiễn và chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

Hiểu như vậy có nghĩa rằng, nghiên cứu, phân tích, tổng kết thực tiễn là cơ sở của việc hình thành lý luận. Lý luận kinh tế chính trị học mác xít bắt nguồn từ sự phân tích bản chất của hàng hóa dưới chế độ tư bản đầu thế kỷ XIX, đặc biệt là phân biệt sức lao động và lao động trong sản xuất hàng hóa, từ đó mà hoàn thiện về lý luận giá trị v.v.. Cho nên lý luận kinh tế chính trị học mác xít có cơ sở sâu sắc từ thực tiễn. Nhưng thực tiễn lại luôn luôn biến động, có những biến động nằm trong khuôn khổ bản chất, nhưng có biến động vượt ra ngoài bản chất ; đó là cơ sở cho sự phát triển không ngừng của lý luận. Lý luận không thể đứng nguyên một chỗ khi thực tiễn phát triển. Vì vậy cuộc đời luôn luôn phong phú hơn sách vở.

Hiểu lý luận có vai trò rất quan trọng trong chỉ đạo hoạt động, chính vì lý luận phân tích sâu sắc những vấn đề của thực tiễn, tìm ra quy luật của phát triển, do đó mà giải đáp được những vấn đề mới đặt ra trong cuộc sống, chỉ ra hướng đi đúng đắn, hợp quy luật để con người hoạt động phù hợp quy luật khách quan. Thực tiễn đang diễn ra và phát triển cho nên lý luận chỉ đạo có hiệu quả thực tiễn **chỉ có thể** là lý luận phát triển, kịp thời bổ sung nhận thức mới từ tổng kết thực tiễn.

2- Phạm trù lý luận mà hôm nay chúng ta bàn là lý luận gì, lý luận ở cấp độ nào ? Trên phạm vi chung và khái quát nhất, hệ trọng nhất là lý luận chính trị gắn liền với hệ tư tưởng, chủ yếu là về con đường đi lên gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội ở nước ta và tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần xây dựng niềm tin khoa học vào mục tiêu lý tưởng, nền tảng tư tưởng. Nhưng xã hội ngày càng phát triển đa dạng, mỗi lĩnh vực hoạt động thực tiễn lại có lý luận của nó ngày càng phong phú. Có lý luận về xây dựng Đảng, lý luận về xây dựng Nhà nước, lý luận về phát triển kinh tế, lý luận về ngoại giao, lý luận về bảo vệ an ninh Tổ quốc, v.v.. Mỗi vấn đề lại cũng có những nội dung rất mới

do thực tiễn đặt ra như Đảng cầm quyền ; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu văn hóa trong kinh tế toàn cầu nhưng giữ được kinh tế độc lập tự chủ và bản sắc văn hoá dân tộc ; quyền con người, vai trò cá nhân, vấn đề dân tộc, tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới với rất nhiều khái niệm mới về sự "xâm lược" ... Lại có những vấn đề cụ thể hơn nữa đang đặt ra đòi hỏi lý luận phải giải quyết về mặt nhận thức, như thế nào và làm thế nào để cổ phần hóa doanh nghiệp mà không tư nhân hóa ; khái niệm về "bóc lột" được hiểu như thế nào khi công nhận "cổ tức" là nguồn thu nhập hợp pháp ; con đường đi đến tích tụ ruộng đất đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn ; ranh giới giữa việc thực hiện quyền sử dụng đất trong Luật Đất đai với sở hữu tư nhân về đất đai ; làm thế nào quy hoạch sản xuất hàng hóa trong một nền kinh tế thị trường, không để xảy ra sản xuất tự phát ; hợp tác hóa theo Luật Hợp tác xã của ta hiện nay khác với hợp tác xã tiền tư bản ở chỗ nào và có khác gì với hợp tác hóa ở nước ta vào những năm 60 của thế kỷ trước và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lê-nin về hợp tác hóa ở chỗ nào ? ...

Càng đi sâu vào các vấn đề thực tiễn của đất nước trong thời kỳ đổi mới càng thấy lý luận lại gắn liền với chính sách, mô hình, mà chính sách, mô hình lại không thể tách rời đường lối ; thực chất là biểu hiện cụ thể của lý luận, đường lối. Những vấn đề cụ thể đó lại đang là những đòi hỏi bức xúc của **số đông** cán bộ, đảng viên, công chức đối với vấn đề lý luận. Không xông vào giải quyết những vấn đề đó thì mãi mãi lý luận sẽ bị coi là lạc hậu, đi sau cuộc sống, không giải đáp được những vấn đề bức bối mà xã hội trong thời kỳ đổi mới đặt ra, do đó không thể có vai trò tích cực hướng dẫn hoạt động, không thể được đông đảo cán bộ, đảng viên quan tâm. Không có lý luận đúng đắn, rõ ràng chỉ đường thì hành

động dễ chệch choạc hoặc không dám làm, sinh ra trì trệ, thậm chí có thể gây hiểu lầm, mất đoàn kết nội bộ.

3- Lý luận luôn luôn gắn liền với thực tiễn và chỉ đường cho hoạt động thực tiễn. Nhưng đổi mới là sự nghiệp rất mới mẻ. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta không giống thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước tư bản cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, không giống sự phát triển của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ ; cũng không hoàn toàn giống bước đi "cải cách" của nước bạn ... Nghị quyết Đại hội VI nói rằng : sự nghiệp đổi mới của ta "không có tiền lệ", phải "vừa làm vừa rút kinh nghiệm". Nói như thế không có nghĩa rằng sự nghiệp đổi mới của ta là những mảng hoạt động tự phát, không có lý luận soi đường. Nhưng chắc chắn sơ đồ, lộ trình vạch ra không thể một lúc đã rõ ràng, đầy đủ và rõ hẳn. Điều đó nói lên rằng, tổng kết thực tiễn nhất là thực tiễn thời kỳ đổi mới càng có vị trí rất quan trọng đối với việc phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Trong các văn kiện Đại hội VII, Đại hội VIII và Đại hội IX đều nhấn mạnh "tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận", và đều đặt tổng kết thực tiễn **lên trên**, từ tổng kết thực tiễn đổi mới mà vận dụng sáng tạo, phát triển lý luận, từng bước hoàn chỉnh lý luận về chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Trong 15 năm đổi mới, hoạt động lý luận đã làm được nhiều việc, không thể phủ nhận ; nếu không thì làm sao có thể nói là "con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn". Nhưng phải chăng, hoạt động lý luận trong thời gian qua còn nặng về sách vở, trích dẫn, minh họa, chưa trực tiếp xông vào hoặc chưa đủ sức giải quyết các vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra, cho nên Đại hội IX đã phê bình : "công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ **nhiều** vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí

chính trị, tư tưởng trong xã hội". Nói cách khác, Nghị quyết Đại hội đã đặt cho công tác lý luận những mục tiêu cụ thể sát với tư tưởng các chính sách, mô hình ... trong thời kỳ đổi mới ; vì thực ra, làm được như thế công tác lý luận mới có thể chỉ đạo kịp thời hoạt động thực tiễn.

4- Tiếp xúc với những người hoạt động thực tiễn khi họ tiếp cận các sách, báo lý luận của ta, thường họ không thích không ít các bài, các sách, vì :

Hoặc những sách, những bài đó chỉ nói lý luận chung chung ; nói một cách áp đặt ; không phù hợp với thực tiễn đang diễn ra sôi động, không giúp họ giải đáp những vướng mắc trong thực tiễn ;

Hoặc những sách, những bài đó trình bày la liệt thực tiễn rồi rầm, không cho họ một cách nhìn khái quát, tổng quan, đi vào bản chất, mà ta hay gọi là "chủ nghĩa thực tiễn tầm thường".

Những người hoạt động thực tiễn rất cần lý luận, nhưng cần thứ lý luận để họ có thể hành động. Không phải họ không thích thực tiễn, nhưng muốn thực tiễn được khái quát hóa.

Chỉ có thể lao vào thực tiễn, tham gia tổng kết thực tiễn mới có thể sửa chữa các khuyết điểm về công tác lý luận mà Đại hội IX đã phê phán để có thể "sớm làm rõ và kết luận những vấn đề bức xúc nảy sinh từ thực tiễn" mà Đại hội IX đã đặt ra cho công tác nghiên cứu lý luận.

Chúng ta đã có không ít chuyến đi nghiên cứu tình hình thực tiễn, tổ chức không ít các cuộc hội thảo khoa học và các hội nghị gọi là hội nghị tổng kết ; nhưng không phải chuyến nghiên cứu nào, cuộc hội nghị nào cũng có giá trị tổng kết thực tiễn. Các nhà nghiên cứu lý luận cần gần mình với thực tiễn, tham gia nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để góp phần phát triển lý luận Việt Nam. Nhưng tổng kết thực tiễn luôn luôn là việc làm không dễ dàng. Vì cũng với thực tiễn của chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ thứ XIX, chỉ có Mác mới phân tích đúng. Chính vì lẽ đó, người

ta thường nói tới những phẩm chất cần phải có của những người tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn :

Thứ nhất, muốn nghiên cứu, tổng kết thực tiễn sâu sắc phải có hiểu biết sâu sắc về lý luận và có tinh thần cách mạng. Đứng vững trên lập trường cách mạng và khoa học, nắm vững nội dung phép duy vật biện chứng của Mác, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu thực tiễn, thì việc tổng kết thực tiễn mới có giá trị chỉ đạo quá trình thực hiện đường lối của Đảng.

Thứ hai, phải mở rộng dân chủ và phải trung thực.

Thực tiễn diễn ra rất phong phú, đa dạng, đánh giá và phân tích không dễ ; cho nên phải mở rộng dân chủ, tổ chức tranh luận để tìm ra chân lý, không thể chỉ nói một chiều, áp đặt, không chịu nghe những ý kiến khác nhau.

Thực tiễn diễn biến có khi không đúng, không khớp với tư duy, cho nên phải trung thực, khoa học, "có thể nào nói thế đó" như Bác Hồ đã dạy, không thói phòng bóp méo, không khuôn mọi thực tiễn vào sơ đồ có sẵn.

Phải có tính tự phê bình và phê bình. Sáng tạo nào cũng có phần phủ định cái cũ. Không có tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc ; mang ý muốn chủ quan, cố chấp thậm chí tự ái cá nhân vào nghiên cứu thực tiễn, để dẫn tới thiếu khách quan, không khoa học.

Thứ ba, phải có năng lực tư duy, tư duy tích cực (nghĩa là suy nghĩ tới nơi tới chốn), đồng thời phải hiểu biết kỹ càng các vấn đề cụ thể của lĩnh vực khảo sát để có thể khái quát những thực tiễn phong phú nhưng thường tản mạn, trở thành các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo hành động.

Và như vậy, muốn tổng kết thực tiễn tốt lại phải công phu nghiên cứu lý luận, học tập các nghiệp vụ cụ thể. Cho nên vấn đề tổng kết thực tiễn lại gắn với nghiên cứu lý luận, không ngừng nâng cao kiến thức khoa học và đời sống để từ tổng kết thực tiễn mà phát triển lý luận. □



Đổi mới ở một tỉnh cực bắc của Tổ quốc

VŨ NGỌC KỲ *

SAU mỗi một năm, cứ mỗi độ xuân về, người ta thường dành thời gian để suy ngẫm, nhìn nhận, đánh giá những gì đã làm được trong một năm, đúc rút kinh nghiệm, chuẩn bị hành trang cho năm mới, bước tiến mới tốt đẹp hơn. Năm đầu tiên của thế kỷ mới, nhìn lại, Đảng bộ và nhân dân Hà Giang đã thực hiện tốt một số chương trình, góp phần đổi mới đất nước từ một mảnh đất cực bắc của Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Hà Giang là một tỉnh miền núi, biên giới có 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó 1/3 là dân tộc Mông. Có 74% số xã, 50% số huyện đặc biệt khó khăn. Một số huyện ở vùng cao đồng bào thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt trầm trọng vào mùa khô, thiếu chất đốt, trình độ dân trí thấp, kết cấu hạ tầng cơ sở thấp kém. Hiện nay tỉnh Hà Giang vẫn là một trong 6 tỉnh miền núi phía Bắc được xếp vào loại nghèo và khó khăn nhất.

Những năm qua, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc tỉnh Hà Giang được Trung ương

Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương lãnh đạo, đầu tư và giúp đỡ, cùng với sự phấn đấu rất cao của đồng bào các dân tộc cho nên nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã có bước phát triển khá, chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, hệ thống chính trị, mà nòng cốt là Đảng bộ, được nâng lên một bước. Những năm qua, Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt và thực hiện quan điểm lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, cả hai nhiệm vụ này đều giành được thắng lợi. Ở đây chỉ xin đề cập tới sự lãnh đạo của Đảng bộ trên một số lĩnh vực ở nông thôn Hà Giang mấy năm gần đây.

Những năm qua, nền kinh tế của tỉnh Hà Giang tăng trưởng bình quân 10,3%, năm 2001 đạt 10,68%, trong đó kinh tế nông nghiệp luôn giữ sự tăng trưởng ở mức trên 5%.

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang

Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch đáng kể, kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng 68% trong GDP. Đến năm 2001 tỷ trọng này còn 47,4% ; công nghiệp, xây dựng chiếm 22%, dịch vụ chiếm 30,6%. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ dân đói, nghèo từ 60% nay giảm xuống 25,5% (theo tiêu chí mới), thu ngân sách tăng gấp ba lần ; cơ sở hạ tầng được tăng thêm khá nhiều, làm cho bộ mặt ở thị xã, thị trấn và nông thôn ngày càng đổi mới, khang trang hơn.

Từ một tỉnh thiếu, đói triền miên, đến nay, phần lớn nhân dân đã đủ ăn về lương thực, có một phần dự trữ. Năm 2001, tổng sản lượng thóc, ngô đạt 21 vạn tấn, bình quân đạt 339kg/người. Trong 5 năm qua, sản lượng lương thực tăng trên 6 vạn tấn. Cùng với sự phát triển cây lương thực, tỉnh đã mở rộng, phát triển một số cây hàng hóa tập trung : 12 000 ha chè, trên 7 000 ha cây ăn quả ; hằng năm trồng 7 000 ha đậu tương ; 30 000 con gia súc lớn (trong đó có 20 000 con trâu, bò) ; độ che phủ của rừng hiện nay là 37%. Có thể nói, sản xuất nông, lâm nghiệp đã phát triển toàn diện hơn, vừa chú trọng mở rộng diện tích đi đôi với đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giống mới vào sản xuất. Là một tỉnh chủ yếu sản xuất nông - lâm nghiệp, với 90% dân cư sống ở nông thôn thì sự phát triển và thắng lợi của lĩnh vực nông - lâm nghiệp ở Hà Giang những năm qua là một thành tựu nổi bật nhất, quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, góp phần vào sự ổn định chính trị, nâng cao uy tín lãnh đạo của Đảng bộ. Đạt được kết quả đó, ngoài sự nỗ lực, cố gắng của đồng bào các dân tộc, tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách của trung ương đối với miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số. Mặt khác, tỉnh đã đề ra một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp như : chính sách trợ giá giống cây, con tốt ; đầu tư cho thủy lợi ; khuyến nông, khuyến lâm ; tạo

điều kiện cho số hộ nông dân nghèo khó có điều kiện để phát triển sản xuất.

Cùng với phát triển nông, lâm nghiệp, Tỉnh ủy đã coi trọng việc lãnh đạo phát triển tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế hộ gia đình phát triển. Đến năm 2001, giá trị sản xuất của tiểu, thủ công nghiệp địa phương theo giá thực tế đạt gần 200 tỉ đồng. Hằng năm đã sản xuất 35 000 tấn xi măng được tiêu thụ hết, 20 triệu viên gạch tuy nện, hàng triệu mét khối đá xây dựng, bước đầu có sản phẩm bột giấy, dừa tre, vầu... xuất khẩu. Một số cơ sở chế biến nông, lâm sản, khoáng sản đang được xây dựng. Toàn tỉnh hiện nay có 176 doanh nghiệp, 208 hợp tác xã, trên 5 000 hộ kinh doanh thương mại, hơn 3 000 hộ sản xuất thủ công nghiệp, trên 2 000 hộ có trang trại... Các thành phần kinh tế đã hỗ trợ và liên kết với nhau để phát triển. Các thành phần kinh tế nêu trên tuy quy mô nhỏ bé và một nửa mới được hình thành nhưng đó là sự chuyển biến mới rất đáng mừng của tỉnh Hà Giang.

Một thành tựu đáng kể nữa là cơ sở hạ tầng trong những năm qua đã được xây dựng khá hơn, tăng thêm năng lực cho sản xuất. Đến nay, đường giao thông đã được rải nhựa đến tất cả các huyện lỵ ; các xã trong toàn tỉnh đã có đường ô tô tới trung tâm ; 60% thôn bản ở vùng thấp đã có đường ô tô tới. Nhờ hệ thống đường giao thông và cầu cống được xây dựng mở mang cho nên việc đi lại, giao lưu, phát triển kinh tế giữa Hà Giang với miền xuôi, các tỉnh lân cận đến Hà Giang và đi lại trong toàn tỉnh thuận lợi hơn. Đến nay đã có 50% số xã, 40,7% số hộ dân cư được sử dụng điện lưới, riêng năm 2001 đã kéo điện lưới quốc gia tới 23 xã, với 262 km đường dây 35kV, lắp đặt 66 trạm hạ thế. Hàng nghìn công trình thủy lợi được xây dựng mới, kiên cố được 400 km kênh mương, xây dựng được 150 km đường bê-tông

nông thôn. Về trường học, 85% số xã có trường học cao tầng ở trường chính ; 50% số trường học thôn bản đang được xây dựng bằng gạch ngói. Hiện nay 75% vùng dân cư được phủ sóng truyền hình, 80% được phủ sóng phát thanh v.v...

Trong chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như phát triển sản xuất có một chương trình được nhân dân đồng tình ủng hộ đạt hiệu quả tích cực. Từ thực tế của tỉnh đồng bào vùng cao núi đá, ngoài phát triển sản xuất trồng trọt thì chăn nuôi bò theo phương thức nuôi trong chuồng được phát triển khá. Đó cũng là đặc thù ở tỉnh Hà Giang. Trong 3 năm qua, tỉnh đã có chính sách đầu tư hỗ trợ 100% lãi suất vay ngân hàng cho các hộ nông dân nghèo vay vốn để mua trâu, bò. Đến nay chương trình này đã kết thúc, 30 000 hộ nông dân được vay vốn của ngân hàng mua 32 000 con trâu, bò. Tuy số tiền hỗ trợ không nhiều nhưng đã giúp các gia đình nông dân nghèo sau 3 năm có thêm một con trâu, bò mới, tạo cơ hội để đồng bào trả được nợ và phát triển sản xuất lâu dài. Cùng với phát triển con trâu, bò, tỉnh cũng đã có chính sách hỗ trợ trồng cỏ chất lượng cao cho gia súc trên các núi đá, đến nay đã được trên 100 ha.

Tỉnh Hà Giang có khoảng 18 000 đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó chủ yếu là người Mông, sống ở trên núi cao, do đó thiếu nước sinh hoạt, đặc biệt là vào mùa khô. Từ những năm 60, Trung ương Đảng, Chính phủ đã quan tâm đầu tư cho tỉnh Hà Giang để giải quyết nước sinh hoạt và 60 000 người đã chủ động được nước sinh hoạt về mùa khô. Tuy nhiên, do xây dựng bể nước công cộng và hệ thống dẫn nước quá dài trên các triền núi đá, sau một số năm đã bị hỏng, tình trạng thiếu nước trầm trọng về mùa khô vẫn diễn ra trong phạm vi lớn. Trong hai năm qua tỉnh đã quyết định đầu tư trực tiếp đến hộ nông dân xây dựng bể nước theo phương thức tỉnh cấp 700 kg xi măng

Hà Giang, 300 nghìn đồng và hướng dẫn nhân dân tự xây lấy bể nước (khoảng 1 triệu đồng/bể nước, chứa được từ 6 đến 8m³ nước). Nhân dân đã bỏ công sức ra để khai thác đá, sỏi, cát và công xây dựng, nhiều gia đình bỏ thêm vốn của mình để xây dựng bể nước to hơn. Từ giữa năm 2000 đến hết năm 2001, tỉnh Hà Giang đã xây dựng được 20 000 bể chứa nước, một số huyện khó khăn như Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ đã xây dựng xong mỗi gia đình có một bể nước. Chương trình này đang được tiếp tục thực hiện và sẽ hoàn thành trong năm 2002. Có thể khẳng định việc đầu tư trực tiếp cho hộ nông dân xây dựng bể nước sinh hoạt thể hiện tinh thần làm chủ, đồng thời huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia chương trình này. Hà Giang có 33 000 hộ nông dân nghèo, chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng không có sẵn chất lợp nhà, nhiều gia đình đồng bào Mông lợp bằng cây cỏ gianh, cây ngô, rom rạ... Hơn một năm qua, tỉnh đã cung cấp chất lợp bằng xi măng cho đồng bào để lợp nhà, mỗi hộ nghèo 70 tấm. Năm 2001 đã có 10 200 hộ được cấp tấm lợp nhà. Có tấm lợp, đồng bào sửa sang lại nhà mình đàng hoàng hơn, yên tâm định cư sản xuất. Chương trình này sẽ được tiếp tục thực hiện trong hai năm tới, để đến năm 2004 cơ bản các hộ nông dân nghèo được giúp đỡ về tấm lợp nhà.

Cùng với các chương trình nói trên, tỉnh đã đầu tư kéo điện lưới tới 5 400 hộ dân (năm 2001 được 4 700 hộ) theo phương thức kéo và lắp cho mỗi gia đình 2 bóng điện. Nhờ có điện, đồng bào mua ti vi để xem truyền hình, sắm được đài và một ít thiết bị về điện. Chương trình “hạ sơn” từ trên núi cao xuống lập các làng ở dưới thấp trong từng xã đang được triển khai. Trong năm qua, đã có 350 hộ từ trên núi cao chuyển xuống ở dọc các đường ô tô, tạo điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng thuận lợi hơn, nâng cao mức sống đồng bào và gắn kết với sản xuất, không gây ra xáo trộn.

Chương trình theo công thức : mái nhà + bể nước + con bò và nay thêm điện sáng... đã và đang vào lòng dân, nhờ đó đồng bào rất phấn khởi, đời sống được cải thiện rõ rệt, niềm tin vào Đảng, Chính phủ ngày một nâng cao.

Cùng với phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo cũng đạt nhiều thành tích, trong đó các thôn bản đều có lớp học, 95,6% học sinh trong độ tuổi đến trường. Việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tốt hơn, các vấn đề về văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, kế hoạch hóa dân số được thực hiện, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện nay còn 1,88%...

Tuy đạt được một số thành tựu như vậy nhưng Hà Giang vẫn là một tỉnh nghèo và khó khăn, vẫn cần sự giúp đỡ to lớn của Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh bạn để Hà Giang tiến kịp với các tỉnh trong khu vực. Trên con đường đi tới, Đảng bộ tỉnh Hà Giang đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết XIII của Đảng bộ tỉnh, phát huy truyền thống đoàn kết, truyền thống vượt khó đi lên và những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế những năm qua để phát triển kinh tế toàn diện hơn, nhanh hơn, cao hơn. Mục tiêu trong những năm tới là bảo đảm tăng trưởng kinh tế đạt bình quân trên 11%, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn 42%, công nghiệp dịch vụ 58%, thu nhập của nhân dân các dân tộc tăng gấp đôi, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt từ 150 đến 200 tỉ đồng. Cơ sở hạ tầng được xây dựng ngày một khá hơn, một số vấn đề yêu cầu bức xúc của nhân dân về nước sinh hoạt, mái nhà, điện thấp sáng, lập làng dân cư mới v.v... sẽ được giải quyết cơ bản. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, phấn đấu mỗi năm giảm xuống 5%, để đến năm 2005 còn ở mức 10% số hộ đói nghèo. Đảng bộ Hà Giang đã rút một số bài học kinh nghiệm quý giá trong những năm qua để tiếp tục phấn đấu đi lên :

- Nêu cao truyền thống đoàn kết trong Đảng, trong cấp ủy, trong cán bộ chủ trì, đoàn kết các dân tộc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nông thôn, cơ quan, trường học. Đó là những nguyên nhân thành công và cũng là bài học rút ra để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Quán triệt một cách sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối, nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước vào thực tiễn của địa phương, có cơ chế chính sách hỗ trợ giúp đỡ vùng nghèo, xã nghèo, thôn, bản nghèo và người nghèo để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo...

- Tiến hành thực hiện tốt công tác cán bộ, nhất là đối với cán bộ cơ sở, luân chuyển cán bộ từ tỉnh xuống huyện, từ huyện lên tỉnh và đến xã. Đặt việc học tập, nâng cao trình độ cho cán bộ là vấn đề vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt vừa lâu dài ; tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ có phẩm chất, năng lực công tác. Chú trọng đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và bố trí xen kẽ một cách hợp lý cán bộ dân tộc thiểu số các loại, đồng thời có cơ chế chính sách giúp đỡ, tạo điều kiện cho những cán bộ hoàn cảnh gia đình khó khăn, chính sách đối với cán bộ công tác ở những vùng đặc biệt khó khăn.

- Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, của những cán bộ chủ trì các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm vì nhân dân, phải chỉ đạo cụ thể và sâu sát. Kịp thời giải quyết những nguyện vọng, bức xúc của nhân dân đặt ra. Gương mẫu trong mọi việc, thực hiện lời dạy của Bác Hồ : Cán bộ phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Trên cơ sở đó Đảng bộ tỉnh Hà Giang sẽ tiếp tục mạnh lên, lãnh đạo thắng lợi các nhiệm vụ mà Đại hội IX của Đảng và Đại hội XIII của Đảng bộ tỉnh đã đề ra. □



HUNG Yên - vùng đất giống một tấm thảm trải giữa lòng châu thổ sông Hồng. Có một câu hỏi đặt ra là vì sao chỉ sau 5 năm tái lập, Hưng Yên đã thực hiện một cuộc bút phá khá ngoạn mục : *Vươn từ vị trí thứ 41 lên vị trí thứ 19 trong số 61 tỉnh, thành phố của nước ta.*

Chúng tôi nhận ra những lời giải của câu hỏi đó trên dung mạo và thần thái Hưng Yên kết tụ trong mỗi vùng đất, lấp lánh trên mỗi gương mặt người dân, ở nơi thị thành hay chốn thôn quê.

Bài học con người là gốc.

Từ buổi các vua Hùng mở nước, xứ này đã dựng nên một bản sắc văn hóa của chính mình với nền văn minh trồng lúa nước, đánh cá, chăn tằm, dệt vải... Các di chỉ khảo cổ như trống đồng Kim Động, mộ cuội An Viên, mộ thuyền Kim Động và các di tích văn hóa với hệ thống đình chùa và loạt truyền thuyết về Chử Đồng Tử - Tiên Dung công chúa... đang còn đó.

Như con sông Hồng mãi miết chảy vào lịch sử, tới thế kỷ XVI, Phố Hiến - Hưng Yên bùng lên trong vị thế là "tiểu Tràng An" phồn hoa đô hội - "thứ nhất kinh kỳ thứ nhì Phố Hiến" - một thương cảng sầm uất đứng ở bậc nhất xứ Đàng Ngoài. Bia chùa Hiến dựng năm Vĩnh Tộ thứ 7 (1625) và sách sử cũ còn ghi : "*Hiển Nam danh thị tứ phương đô hội tiểu Tràng An dã*" (tạm dịch : Phố Hiến là tiểu Tràng An bốn phương hội tụ), đến mức "ở đây

dùng lại tất cả thuyền bè các nước từ bốn phương đến buôn bán với Đàng Ngoài", "*số lượng quá lớn đến nỗi khó có thể lội xuống bờ sông được*". Rồi gần hai trăm năm sau, với sự đổi dòng của sông Hồng cộng với nạn giặc dã tàn phá, tới nửa sau thế kỷ XVIII, Phố Hiến rơi vào cảnh suy tàn đến tang thương từng khắc khoải trong những vần thơ đầy cảm luyến của Phạm Đình Hổ - một thi nhân đương thời, rằng : "*Tự thiếu tăng văn Hiến Nội bảo. Ty lai Hiến Nội cánh điêu hao*" (tạm dịch : Từ nhỏ từng nghe Hiến Nội đẹp. Mà nay Hiến Nội quá điêu hiu). Bước sang đầu thế kỷ XIX, dưới triều Nguyễn, với chính sách *ức thương* bằng bế quan tỏa cảng, bằng thuế lệ rất nặng..., Phố Hiến - Hưng Yên bị tước mất cơ hội chấn hưng, và rồi cuộc dân đã biến thành một thị trấn nhỏ và cả khu thương điểm cũ cũng trở thành những ruộng cày ngập nước.

Mặc dù vậy, năm 1831, tỉnh Hưng Yên thành lập, và tỉnh lỵ được đặt tại Phố Hiến. Điều đó chứng tỏ dù bấy giờ Phố Hiến - Hưng Yên đã suy giảm nhiều nhưng vẫn là một địa điểm có vị trí quan trọng về mặt kinh tế, chính trị và xã hội trong lòng vùng châu thổ sông Hồng. Một cơ hội Phố Hiến tái phục hồi vừa lóe lên, thì năm 1858, tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp xô đẩy nước ta vào vòng lửa chiến tranh vệ quốc gần 80 năm, đã khiến cho cơ hội ấy vụt tắt. Hưng Yên

tiêu thổ dốc sức kháng chiến, làng xóm xác xơ, đường sá được chặt đứt, cầu cống được phá sập, nhà cửa có chỗ gần như bị san phẳng. Cảnh phồn hoa, sầm uất mấy trăm năm về trước của Phố Hiến - Hưng Yên, lại phải cầm lòng đợi tới năm 1954, khi hòa bình lập lại. Nhưng rồi kế tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược nổ ra ác liệt, sau đó là hợp nhất với tỉnh Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng nên vị trí "tiểu Tràng An" của Hưng Yên như bị "bỏ quên".

Ngày 1-1-1997, tỉnh Hưng Yên được tái lập và những người dân của vùng đất văn hiến với những danh thắng nổi tiếng như sông Hồng, Bãi Sậy, Dạ Trạch, Phù Ủng, chùa Chuông, Đình Hiến, Nguyệt Hồ lại đồng lòng góp sức tiếp tục xây dựng Hưng Yên rạng rỡ hơn xưa.

Nhưng bước đột phá, để bứt lên phía trước được dựa vào đâu, bằng cách nào và như thế nào ?

Bài học phát triển từ lịch sử của Hưng Yên suốt cả mấy trăm năm trước cho thấy, chỗ yếu chí tử của những chiến lược bứt phá của mọi thời luôn thiếu một điều căn bản. Và chính điều này cắt nghĩa vì sao trong quá khứ Hưng Yên luôn rơi vào tình trạng đắp đổi không tiền khoáng hậu sự thăng, trầm, hưng, suy... như một chuyện luân hồi nhưng với nhịp độ ngày càng ngắn hạn. Đó chính là mối quan hệ giữa phát triển nhanh mạnh và phát triển bền vững. Điều này, trong quá khứ Hưng Yên luôn khiếm khuyết và chưa thể làm được. Bởi lẽ, muốn phát triển bền vững, cần hội đủ rất nhiều nhân tố, trong đó rường cột là thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Nhận thức đó, người Hưng Yên trong quá khứ luôn nhìn thấu, thậm chí am tường là khác. Nhưng khiếm khuyết của Hưng Yên trải cả mấy trăm năm trước, trở thành nguyên nhân của mọi nguyên nhân tạo nên sự thăng, giáng thất thường là ở chỗ, *không thể biến cái nhân tố quyết định, quán xuyến và bảo đảm cho mọi sự phát triển bền vững nằm trong chính nhân tố con người thành hiện thực, mà dường như chỉ chú tâm và dựa ở những cái thiên thời hay địa lợi*. Mà thiên, địa ở xứ này lại chuyển hóa và đã từng chuyển hóa không ngừng, ngoài ý muốn con người.

Đúng vậy.

Sự hưng thịnh của Phố Hiến - Hưng Yên trong quá khứ thường được quy định và gắn liền trước hết bởi *địa lợi*, cột chặt với sự tồn tại của một *cảng* sông, khi sông Hồng còn chảy sát con đê bồi cũ bây giờ. Nhưng sự đổi dòng của sông Hồng và tới thế kỷ XVIII khiến đê Mạn Trù bị vỡ, sự bồi tụ bồi phù sa đã đẩy Phố Hiến lùi sâu vào phía trong gần hai ki-lô-mét, làm ảnh hưởng lớn đến vị trí kinh tế của Phố Hiến thuở ấy. Sự biến động của tự nhiên cộng với sự thay đổi của *thời thế*, nhất là sự thay đổi trong hệ thống thương mại Á Đông và tình hình loạn lạc với các cuộc khởi nghĩa nông dân chống phong kiến bùng lên dữ dội, chính sách ức thương của nhà Nguyễn lúc bấy giờ đã đẩy sản xuất rơi vào tình trạng đình đốn đẩy cư dân bản địa phải rời bỏ Phố Hiến - Hưng Yên đi làm ăn nơi khác. Thế là, Phố Hiến không còn là một trung tâm thương mại Đàng Ngoài như xưa nữa. Sơ lược lại chuyện thiên, địa quá khứ để muốn khẳng định chuyện lấy con người làm điều gốc rễ, trong chính thể thiên - địa - nhân, ở Hưng Yên bây giờ.

Là vùng đất rất dày truyền thống văn hóa nhưng lại vô cùng nghèo tiềm năng tự nhiên đặc thù : không biển, không núi, không rừng..., Hưng Yên nay chỉ có đất đai châu thổ khá phì nhiêu và gần một triệu một con người. Vốn quý nhất vẫn chỉ là *hai thứ* đó. Nhưng, đất đai thuận nông thì đang bị "gặm dần" vì các khu công nghiệp không ngừng mở rộng ; hơn nữa, nơi thì chiêm khô nơi thì mùa thối, lại bị chia cắt vụn nát bởi hệ thống đê điều, kênh, mương trị thủy dày đặc. Nguy cơ thiếu đất canh tác đã áp sát nhãn tiền, khi mật độ số dân bình quân rất cao : 1 161 người/km². Vì thế, bài toán phát triển của Hưng Yên chung đúc lại không thể không lấy vấn đề con người làm điểm xuất phát, làm lời giải, làm dữ kiện cần và đủ có tính chất quyết định.

Con người, đó chính là *nhân tố* sinh ra muôn vàn cái khả biến của sự phát triển nhanh, mạnh và bền vững ; cái trung tâm mà mọi sự phát triển với bất kể gia tốc nào cũng phải xoay chung quanh nó, vì nó và phục vụ nó.

Xin thêm một lần được nhấn mạnh *nhân tố con người* là phải lấy cái *nhân hòa* làm trung tâm của

rường mới căn bản bảo đảm phát triển bền vững : thiên - địa - nhân ở Hưng Yên. Ông Nguyễn Đình Phách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, đã chia sẻ với chúng tôi bài học sâu sắc đó, nhân ngày kỷ niệm 170 năm thành lập và 5 năm tái lập tỉnh Hưng Yên.

Con người, đó cũng chính là **mục tiêu, nguồn gốc**, là **bảo đảm** và là **động lực** để thực hiện công cuộc phát triển bền vững ở Hưng Yên. Bài học cho sự phát triển được chất lọc và hun đúc từ trong lịch sử thăng trầm đã được khắc sâu và sáng tỏ.

Chọn trúng ba khâu đột phá.

Hưng Yên vừa tái lập lại đi lên từ một xuất phát điểm thấp về kinh tế, mà chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp coi như không đáng kể, trong tay lại rất ít tài nguyên tự nhiên, nên khó khăn càng nặng nề. Đó là thách thức không dễ vượt qua.

Muốn phát triển phải yên dân và ổn định tình hình xã hội. Vì thế, trước hết con đường đi lên duy nhất đúng ở Hưng Yên là, đã nhanh chóng *yên dân, ổn định xã hội, tạo nền móng căn bản vững chắc bởi nhân dân*, từ đó từ từ tính kế sách phát triển lâu dài và bền vững. Mọi quyết sách đều phải xuất phát từ dân, vì dân và mỗi cố gắng, dù nhỏ nhất cũng phải cho dân đã trở thành phương châm hành động thống nhất của toàn tỉnh, vì lẽ, chỗ dựa căn bản, ưu thế so sánh tuyệt đối nhất trong sự phát triển của Hưng Yên là *nguồn lực con người*. Vốn là một trong những vựa lúa lớn của cả nước nhưng việc giải quyết cơ bản **vấn đề lương thực** cho toàn dân, để người nông dân không còn phấp phỏng chuyện đói no, vẫn luôn là trọng trách hàng đầu ; đồng thời, bắt tay ngay vào nhiệm vụ giải quyết tốt nhất các vấn đề **chính sách xã hội** trong phạm vi cho phép và khả năng có thể... được xem là mũi **đột phá số một** để yên dân, để bồi dưỡng sức dân và ổn định xã hội nhằm “xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”.

Với lợi thế kế thừa thành quả mười năm đổi mới của Hải Hưng, khi tái lập cũng là thời điểm thoát ra khỏi tình hình suy thoái, Hưng Yên dốc sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp với sự *tăng tốc chuyển*

dịch cơ cấu trong trồng trọt và chăn nuôi, giải phóng mọi năng lực các thành phần kinh tế nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp, nhằm tính đến sản xuất nông sản hàng hóa xuất khẩu. Các hợp tác xã được chuyển đổi theo luật đồng bộ với việc tăng cường công tác khuyến nông. Các huyện Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ... đổi mới bộ giống lúa có năng suất cao, nhất là các giống lúa có chất lượng cao (nếp hoa vàng, dự, tám thơm...) đã tạo ra sự nhảy vọt chưa từng thấy về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất lương thực.

Mặt khác, trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, các huyện Khoái Châu, Văn Giang, Văn Lâm, Mỹ Hào... đẩy nhanh tiến độ luân canh muôn hình về để tăng thu nhập tối đa trên một đơn vị canh tác. Những mô hình trồng cây ăn quả, cây cảnh xen đậu tương ở Mỹ Sở, Phụng Công, Liên Nghĩa (Văn Giang) ; trồng hoa và cây cảnh ở Như Quỳnh (Văn Lâm) ; các trang trại gắn trồng cây ăn quả, cây cảnh với chăn nuôi đặc sản ở Bình Minh, Đông Cảo, Dạ Trạch (Khoái Châu) ; gắn việc trồng trọt với chế biến lương thực, thực phẩm với chất lượng cao ở Yên Phú, Trung Hưng, Minh Châu (Yên Mỹ) ; Vĩnh Khúc, Long Hưng (Văn Giang) ; thị trấn Bần (Mỹ Hào)... đã trở thành những điểm sáng có sức ảnh hưởng lớn và lan tỏa rộng trong việc thay đổi cơ cấu nông nghiệp và diện mạo nông thôn trong tiểu vùng, vùng và toàn tỉnh. Đặc biệt, các mô hình đó đã trở thành vệ tinh có *sức hút và tương tác hai chiều* giữa thủ đô Hà Nội, các tỉnh khác và các tiểu vùng phụ cận trong việc liên kết sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, xuất khẩu lao động tại chỗ và khu vực, phá vỡ sự o bế, tù đọng của gong kim thuần nông, độc canh, khép kín từng xiết chặt những nơi này suốt nhiều thập kỷ nay. Chuyện “dân dĩ thực vi tiên”, tức vấn đề ăn làm điều trước hết của nhân dân được giải quyết căn bản, và nhân dân bừng lên khát vọng và có cơ sở để làm giàu theo phương kế “ly hương bất ly nông” kết hợp với “ly nông bất ly hương”...

Tất cả sự nỗ lực đó đã tạo nên sự *chuyển động sâu, rộng, mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và bước biến đổi diện mạo nông thôn chưa từng thấy*

ở Hưng Yên : Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 6%, năng suất lúa năm 2000 đạt 11,93 tấn/ha, bình quân đạt giá trị 32 triệu đồng/ha canh tác, năng mức lương thực bình quân từ 460 (1997) lên 520kg/người/năm (2000). Đó cũng chính là *sự hội tụ và hiện hình những điều dân nghĩ, dân muốn, dân làm và là thành quả của sự nỗ lực bởi sức dân*.

Cùng với việc đó, Hưng Yên hết sức chăm lo *giải quyết toàn diện các vấn đề xã hội, để nhanh chóng yên dân, ổn định tình hình xã hội và chính trị, tạo thế lòng dân tin tưởng, sức dân vững chãi để đi lên*. Mỗi quan tâm trước hết và đặc biệt của toàn dân dành cho 845 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 22 377 liệt sỹ và 8 413 thương binh các loại... trong tổng số gần 100 000 đối tượng được hưởng ưu đãi về chính sách xã hội. Nói một cách hình ảnh, cứ mười người dân chăm lo và cưu mang một đối tượng hưởng chính sách xã hội ưu đãi. Đó là điều hết sức khó khăn, nhất là đối với một tỉnh vừa tái lập và còn bao vấn đề cần giải quyết cấp bách như Hưng Yên. Qua thực tiễn, đã bật lên sáng tỏ chân lý giản dị : Không sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh nhân dân. Nêu cao đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, với tinh thần “đền ơn đáp nghĩa”, “lá lành đùm lá rách”... nhân dân tự nguyện góp sức người, sức của cùng với các đoàn thể chính trị, xã hội xây dựng 600 ngôi nhà tình nghĩa, mua trên 10 000 sổ tiết kiệm tình nghĩa, 265 000 thẻ bảo hiểm y tế tặng cho các gia đình hưởng chính sách ưu đãi, sửa chữa 32 nghĩa trang liệt sỹ, dựng 70 bia ghi công, xây 350 vỏ mộ liệt sỹ... với giá trị hơn 8 tỷ đồng.

Giáo dục là nguồn cội phát triển con người. Phát huy tinh thần của vùng đất văn hiến, hiếu học và khoa bảng, nhằm không ngừng nâng cao và bảo vệ chất lượng cuộc sống nhân dân, hàng trăm tỷ đồng đã được huy động từ nhiều nguồn để mở rộng, kiên cố hóa toàn bộ hệ thống trường học, bệnh viện, bệnh xá... Kết thúc tháng 10 - 2001, Hưng Yên xây mới thêm 1 230 phòng học kiên cố, có gần 86% số xã hoàn thành chương trình phổ cập trung học cơ sở, 17 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, thành lập mới 7 trường và 2 phân hiệu trung học phổ thông, hơn 50% trạm y tế cơ sở có bác sỹ.

Với chính sách khuyến học, “chiêu hiền đãi sỹ”..., tỉnh đã huy động hơn 10 tỉ đồng lập các quỹ khuyến học, khuyến tài... chăm lo cho công tác dạy và học, săn sóc đội ngũ thầy cô giáo, động viên những người có khả năng tiếp tục học lên. Bằng chế độ ưu đãi (tăng phụ cấp cho giáo viên ở khu vực vùng sâu, thường 15 và 10 triệu đồng cho người bảo vệ thành công luận án tiến sỹ và thạc sỹ, cấp nhà và sắp xếp việc làm cho vợ, con của người có học vị khoa học về công tác tại tỉnh...), đội ngũ cán bộ, nhất là giáo viên không ngừng được đổi mới về số lượng và chất lượng. Theo nhịp đó, các phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội... được đẩy lên mạnh mẽ và sâu rộng. Hưng Yên có 270 làng được công nhận Làng văn hóa, với hơn 60% Gia đình văn hóa ; hoàn thành dự án trùng tu tôn tạo quần thể di tích Phố Hiến, giữ gìn và nâng cấp 50 di tích lịch sử và văn hóa khác nhằm tôn vinh và giáo dục truyền thống cách mạng và văn hiến.

Điều quan tâm lớn của tỉnh là, đối với 19 xã còn khó khăn, đã hỗ trợ từ ngân sách 6,1 tỉ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng, dành gần 7 tỉ đồng vốn cho vay với lãi suất thấp và không lấy lãi để giúp về vốn cho các hộ nghèo hoặc thiếu vốn sản xuất, kinh doanh hoặc mở thêm nghề mới, chấn hưng và mở rộng làng nghề. Nhờ vậy, hiệu suất sử dụng lao động không ngừng tăng, nhất là lao động trong khu vực nông thôn được thu hút vào những ngành nghề truyền thống và mới, giảm đáng kể thời gian nông nhàn, nhất là ở các huyện chuyên canh cây lương thực. Đó chính là việc để yên dân, bồi dưỡng và khởi động sức dân.

Có thể nói, toàn bộ nỗ lực đó là sức sống của *đạo lý đến với và giữ vững lòng dân ; là nghệ thuật khai thông, hội tụ và nhân lên sức mạnh nhân dân làm nền tảng căn bản bảo đảm mọi thành công trong sự bứt phá* được kết tinh trên diện mạo và trong thần thái Hưng Yên suốt chặng đường phát triển bằng cách tự vượt lên mình. Những điều đó chúng tôi cảm nhận được rất rõ trên gương mặt mỗi làng, xã, mỗi người dân.

Nếu tăng cường nội lực và chủ động hội nhập là hai mặt của quá trình phát triển bền vững thì đối với Hưng Yên, **việc xây dựng cơ sở hạ tầng, mà quyết định là đường giao thông và hệ thống điện, các cơ sở công nghiệp trọng yếu làm căn bản của sự phát triển nội lực là vấn đề cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa cốt tử** để khai thông sự ngưng bế, phá vỡ thế cát cứ bởi rào chắn tự nhiên. Đó là mũi **đột phá thứ hai** để phá vỡ tình trạng bế quan tỏa cảng trong tâm lý và thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội hiện nay. Đòi hỏi đó được quy định bởi các yếu tố địa - kinh tế, địa - chính trị và địa - xã hội của Hưng Yên. Hơn nữa, bài học phát triển từ mấy trăm năm qua cũng đã chứng minh hết sức thuyết phục lẽ hưng vong đó. Và đây cũng là cách để tạo ra thế địa lợi, phá vỡ sự thúc thủ của mảnh đất nằm lọt giữa vùng phù sa châu thổ sông Hồng, có nguy cơ ngày càng bị khép kín này.

Vì thế, suốt 5 năm, Hưng Yên đã dồn sức đầu tư hơn 140 tỉ đồng - bằng gần 30% ngân sách tập trung, gấp 300% toàn bộ số đầu tư của suốt 28 năm cho xứ này trước khi tái lập tỉnh - để giải quyết vấn đề **giao thông**, nhằm tăng cường lưu thông huyết mạch bên trong, “nối dài cánh tay”, mở rộng bang giao với tỉnh bạn và cả nước. Dự kiến kết thúc năm 2001, sẽ hoàn thành tuyến quốc lộ 39A, mở rộng và nâng cấp đường 39B ; cải tạo toàn tuyến đê sông Hồng dài 59 km và đê sông Luộc dài 21 km ; bắt đầu khởi công cây cầu Yên Lệnh với giá trị 300 tỉ đồng, mở hướng thông thoáng sang Hà Tây, Hà Nam ; tôn tạo cầu Triều Dương giữ vững cửa ngõ tới Thái Bình ; củng cố, nâng cấp các cảng sông Hồng... bảo đảm sự thông thương thủy bộ rộng khắp. Đồng thời với việc triển khai xây dựng các tuyến giao thông thủy bộ huyết mạch trong tỉnh và quốc gia, Hưng Yên đã bê tông hóa hơn 300 km đường liên thôn, liên xã bằng mọi nguồn vốn, mà chủ yếu là do nhân dân đóng góp. Mặt khác, Hưng Yên đã đầu tư 61 tỉ đồng để xây lắp mới 142 trạm biến thế, 96 km đường dây trung thế và sửa chữa lớn lưới điện, bảo đảm 100% số xã dùng điện. Đặc biệt, để giữ vững và bảo đảm sự phát triển bền vững cho sản xuất nông nghiệp, toàn bộ hệ thống thủy lợi được tu chỉnh, xây mới 15 trạm bơm ở những vùng lúa trọng điểm của tỉnh.

Giao thông và điện đi trước mở đường đã khai thông và trở thành động lực to lớn đối với sản xuất công nghiệp và hệ thống dịch vụ, xuất nhập khẩu. Thông qua cơ chế khuyến khích đầu tư phù hợp, ba khu công nghiệp gồm Như Quỳnh, Phố Nối và thị xã Hưng Yên được hình thành với 62 dự án, trong đó có 13 dự án đầu tư nước ngoài, đạt tổng vốn đăng ký 225,6 triệu đô la Mỹ, thu hút 3 900 lao động tại chỗ. Cùng với các dự án vào khu công nghiệp, có 167 đơn vị kinh tế gồm các thành phần kinh tế ngoài nhà nước được thành lập và đi vào hoạt động. Kết thúc năm 2000, giá trị sản xuất công nghiệp Hưng Yên tăng với tốc độ 60,17%, đạt 2 350 tỉ đồng, gấp 6,62 lần so với năm 1996 ; công nghiệp địa phương tăng bình quân 17,7%/năm ; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài tăng bình quân 2,8 lần/năm. Điều ghi nhận là, sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp đã thúc đẩy dịch vụ Hưng Yên tăng tốc khá với 15,48%/năm ; kinh tế xuất khẩu tăng với nhịp độ 20,6%/năm, đạt kim ngạch 26,28 triệu đô la Mỹ/năm, suốt 5 năm qua.

Để phát triển bền vững, không thể đi theo vết mòn “xây nhà từ nóc” mà quá khứ không ít thời đã làm và dù có thể đạt được sự thăng tiến nhất thời nào đó. Nói cách khác, rút kinh nghiệm bài học về quy luật “hoạch phát hoạch tàn”, “dục tốc bất đạt” từ trong lịch sử phát triển của chính mình, Hưng Yên chọn vấn đề **xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện làm mũi đột phá thứ ba** để giải bài toán phát triển bền vững. Với nhận thức đó, 161 cơ sở với 864 thôn trở thành **địa bàn căn bản, nền tảng quyết định** sự thành bại đối với toàn bộ tiến trình phát triển của tỉnh. Với phương châm hướng về cơ sở, vì cơ sở và cho cơ sở, Hưng Yên đã dành tất cả sự ưu tiên những điều kiện tốt nhất (về cơ sở vật chất, về chính sách đãi ngộ, về cán bộ...) trong điều kiện và khả năng có thể cho cơ sở, nhất là 19 xã còn khó khăn. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị, xã hội coi việc **gắn với cơ sở, sát dân, kịp thời giải quyết mọi việc của cơ sở tại cơ sở** là tiêu chí đánh giá và tiêu chuẩn thi đua sự đổi mới nội dung và phong cách làm việc của mình. Về phương diện này, các huyện Văn Giang, Tiên Lữ, Phù Cừ,

Yên Mỹ... đã thực sự là những điển hình tốt trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách bộ máy và phương thức làm việc hành chính, thực hiện Quy chế dân chủ,... thực sự tạo nên sự ổn định, đoàn kết thống nhất chặt chẽ từ ở cơ sở, trong nội bộ nhân dân. Có thể nói, đây chính là *chìa khóa*, là *động lực* bảo đảm thành công trong mỗi bước phát triển mới ở Hưng Yên.

Nhìn tổng thể, 5 năm qua, Hưng Yên đã thực hiện khá thành công bước ***bứt phá toàn diện với tốc độ khá và tương đối vững chắc***: Tổng sản phẩm kinh tế tăng bình quân 12,17%/năm; tỷ trọng cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ từ 60% - 15% - 25% (năm 1996) tới 41,5% - 27,8% - 30,7% (năm 2000); nâng mức thu nhập bình quân từ 180 lên hơn 300 đô la Mỹ/người/năm; các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội nhiều khởi sắc... Kết quả bước đầu đó đã đưa Hưng Yên vươn lên đứng vào tốp 20 trong số 61 tỉnh, thành phố của nước ta, khi bước vào thế kỷ XXI.

Giữ đoàn kết làm điều căn bản.

Một năm sau tái lập tỉnh, 1998, các huyện được phép tái lập, trở lại 10 đơn vị hành chính huyện, thị xã; đồng thời, cũng tái phát triển những phố huyện. Mỗi huyện, mỗi xã, mỗi người dân một cảnh nhưng tất cả đều chung quyết tâm, kết thành một khối và bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng mới.

Có thể nói, mỗi vùng một ý tưởng, mỗi huyện một dự định tương lai, song tất cả đều chung một nguyện vọng cao nhất và duy nhất: Xây dựng Hưng Yên giàu mạnh và văn minh gấp mười lần “tiểu Tràng An” xưa. Đó là *điểm gặp gỡ và tương đồng, nơi thống nhất và hội tụ* quyết tâm, trí tuệ và sức lực của 10 huyện, thị khác nhau, của mọi người dân. Và chính đây là *nhân tố căn bản* làm nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, là *nguồn gốc* và *động lực*, là *bí quyết* vượt mọi khó khăn trong 5 năm qua.

Qua 5 năm, thực tế cho thấy một cách thuyết phục rằng, nếu không có sự đoàn kết thống nhất từ

trong Đảng, giữa Đảng với chính quyền các cấp nhất định không có sự đại đoàn kết toàn dân, không có bất cứ một sự ổn định nào, để mưu cầu bất cứ một sự phát triển nào. Hưng Yên đã ý thức rất rõ và nỗ lực làm hết sức mình điều mệnh hệ đó. Điều cần nói về đoàn kết ở đây tuyệt nhiên không phải là thứ đoàn kết theo kiểu phường hội cát cứ, địa phương chủ nghĩa hay đoàn kết một cách xuôi chiều, “dĩ hòa vi quý”, mà đó là sự cố kết nhân tâm, sức lực vì mục tiêu chung; là sự tự hào và tự tôn chính đáng, sự tương đồng muôn cái khác nhau trên cơ sở nguyên tắc tính đảng cao nhất và nghĩa đồng bào sâu sắc nhất. Điều đó cốt nghĩa vì sao Hưng Yên luôn giữ được sự chủ động, ổn định cần thiết và đúng đắn trên mọi phương diện suốt nhiều năm qua, để thực hiện công cuộc phát triển không ngừng theo mục tiêu đã vạch ra, cho dù tình hình khách quan luôn biến động hết sức phức tạp. Nơi nào nhân dân xao xuyến nơi đó các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị xã hội chịu trách nhiệm phải kịp thời giải quyết, không để tình trạng ùn tắc hay đùn đẩy cho nhau hoặc cho cấp trên. Đến lượt mình, các cấp ủy đảng và chính quyền luôn chủ động tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ giám sát, kiểm tra và góp ý xây dựng đối với mình. Đó là *tiếng nói chung, cách làm chung và sự phối hợp chung* của tất cả các huyện từ Văn Giang, Yên Mỹ đến Phù Cừ, Tiên Lữ..., của các sở từ Giao Thông đến Lao động - Thương binh và xã hội..., của các xã từ Mỹ Sở, Liên Nghĩa đến Đình Cao, Tống Trân... trong mỗi huyện, mà chúng tôi gặp gỡ và rất cảm phục.

Trong lịch sử, từ mấy trăm năm trước đã từng có một Phố Hiến - Hưng Yên lòng lẫy chỉ đứng sau kinh kỳ.

Tiếp tục cái mạch nguồn ấy, với tất cả những gì mà Hưng Yên hôm nay đang làm với một thần thái riêng đã dựng nên một vị trí mới, với tầm vóc của riêng mình như thế, nhất định Hưng Yên sẽ tiếp tục bứt lên mạnh mẽ, bền vững và thịnh vượng gấp mười lần, hai mươi lần... Phố Hiến thuở xưa. Đó là điều phải đến. □

HÀ TỈNH

thực hiện lời dạy của BÁC HỒ

ĐẶNG DUY BẦU *

KHI mới tách (9-1991), Hà Tĩnh là một tỉnh vào loại nghèo nhất nước. Đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, tỉ lệ hộ đói nghèo còn chiếm 53% ; cơ sở hạ tầng chưa có gì đáng kể, lại trong tình trạng xuống cấp trầm trọng. Tình hình chính trị, xã hội phức tạp, nhiều nơi nổi lên thành “điểm nóng”. Sản xuất kém phát triển, sản lượng lương thực ở mức 20 vạn tấn, thu ngân sách 18 tỉ, bình quân thu nhập đầu người 713 nghìn đồng/năm... Thêm vào đó hạn hán và lũ lụt đã làm cho tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vốn đã khó khăn lại càng khó khăn thêm. Nhưng cũng chính trong thời điểm này, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ “Hà Tĩnh phải làm sao cho tình hình nổi bật lên”, đã đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, khai thác tiềm năng nội lực, huy động các nguồn lực, tạo tiền đề thuận lợi cho bước phát triển mới.

Sau 10 năm, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh đạt 8,1%, thu nhập bình quân đầu người trên 3 triệu đồng. Sản xuất nông

ng nghiệp phát triển đồng đều ; sản lượng lương thực đạt 43,6 vạn tấn. Diện tích rừng được bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng mới phát triển tốt, độ che phủ chiếm gần 40%. Sản lượng đánh bắt thủy sản đạt 26 000 tấn (cao nhất từ trước đến nay), xuất khẩu thủy sản đạt trên 10 triệu USD. Giá trị sản xuất các ngành nông, lâm, ngư nghiệp đạt 2 893 tỉ đồng. Lần đầu tiên tỉnh đã sản xuất được giống tôm và những lô hàng tôm giống

từ Hà Tĩnh thâm nhập thị trường các tỉnh phía Nam. Bến số 1 của cảng biển Vũng Áng, tàu có trọng tải 2,8 vạn tấn đã cập bến trả hàng an toàn. Ngành công nghiệp đóng tàu đã khởi công đóng mới tàu lai dắt, cứu hộ, cứu nạn công suất 1 800 CV và có thể đóng được tàu trọng tải 4 000 tấn, nếu được đầu tư thêm. Bản Rào Tre của đồng bào dân tộc Chứt đã sản xuất được lúa nước và đang phấn đấu để tự túc được lương thực. Có xã bằng vốn tín dụng nhân dân đã tạo điều kiện cho trên 2 200 lượt người xuất khẩu lao động. Có hộ sản xuất tiểu - thủ công nghiệp nộp cho Nhà nước 4 tỉ đồng thuế v.v... Đó là những nhân tố mới xuất hiện.

Hà Tĩnh coi trọng việc đầu tư và huy động nội lực của dân cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tỉnh đã làm được gần 700 km đường nhựa nông thôn và kiên cố hóa trên 600 km

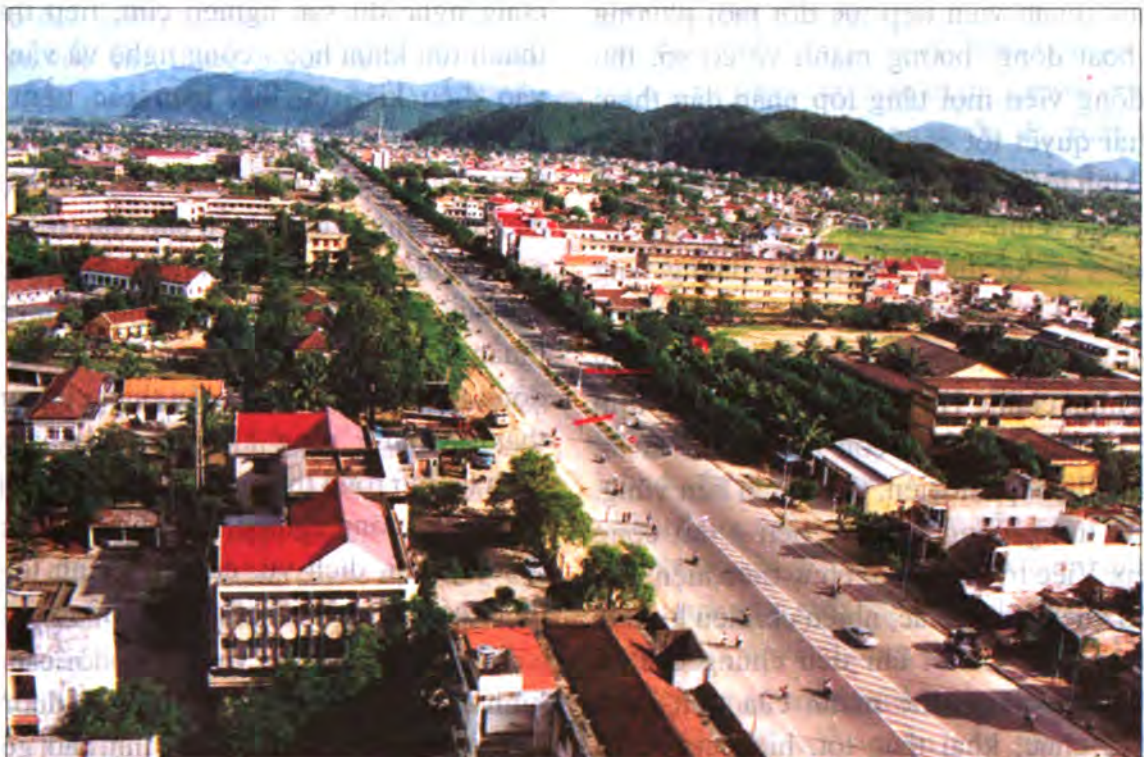
* TS, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tĩnh

kênh mương thủy lợi nội đồng. Đã đưa được điện về tất cả các xã trong tỉnh và trên 80% số xã có trường học cao tầng. Từ chỗ hầu như chưa có gì, đến nay giá trị công nghiệp chiếm 15% tỉ trọng GDP. Đã xuất hiện nhiều cơ sở công nghiệp trên các lĩnh vực : khai khoáng, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, hải sản, cơ khí, may mặc như : Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh, Công ty lâm nghiệp và dịch vụ Hương Sơn, Xí nghiệp đông lạnh Đồ Diệm (Thạch Hà)...

Thương mại, du lịch, dịch vụ tiếp tục được đổi mới và mở rộng các phương thức, hình thức hoạt động, đưa doanh số đạt trên 1 651 tỉ đồng. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 20 tỉ đồng ; thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 100 tỉ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu gần 200 tỉ đồng. Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại có bước chuyển biến cả về quản lý và tổ chức thực hiện.

Văn hóa - xã hội tiếp tục được duy trì, ổn định và vươn lên đạt kết quả khá. Năm 2001, phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được củng cố ; toàn tỉnh đã có 170/259 xã, phường hoàn thành phổ cập THCS theo chuẩn mới, 81 trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác xã hội hóa giáo dục, dạy nghề có tiến bộ. Hiện nay có 225 trạm y tế hoạt động tốt, 92 xã, phường có bác sĩ, góp phần giữ gìn và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ngăn ngừa và dập tắt kịp thời các ổ dịch bệnh ; 90% lãnh thổ đã được phủ sóng phát thanh và 80% lãnh thổ phủ sóng truyền hình. Hoạt động thể dục - thể thao thu hút nhiều tầng lớp tham gia, và đã dành được 69 huy chương các loại. Các điểm bưu điện - văn hóa đã phục vụ tốt các nhu cầu văn hóa và thông tin của nhân dân.

Nhờ thực hiện tốt các chương trình 135, chương trình xây dựng trung tâm cụm xã, định canh, định cư ; nên đời sống của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biển ngang đã



được cải thiện đáng kể. Nhiều xã từ đói nghèo đã vươn lên xã giàu, như : Trường Sơn (Đức Thọ), Cẩm Nam, Cẩm Yên (Cẩm Xuyên), Gia Phố (Hương Khê), Kỳ Thọ (Kỳ Anh), Cương Gián (Nghị Xuân), Sơn Tây (Hương Sơn), Quang Lộc (Can Lộc).

An ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tiếp tục được giữ vững và ổn định. Cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm và tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh trật tự, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ; chủ động giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn ở cơ sở, hạn chế tình trạng khiếu kiện vượt cấp ; từng bước giải quyết kịp thời việc khiếu nại, tố cáo của công dân, giải quyết dứt điểm một số vụ việc nổi cộm. Tuyến an ninh biên giới, bờ biển được tăng cường. Đến nay, tỉnh có 9 huyện, thị xã, 64 xã, phường được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hoạt động của HĐND và UBND các cấp có tiến bộ đáng kể. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, thu hút, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia giải quyết tốt các nhiệm vụ, nhằm phát triển kinh tế, xã hội một cách toàn diện. Năm 2001, Hà Tĩnh có 3 xã, 1 trường PTCS, 1 trạm y tế xã được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Kết quả đạt được là rất quan trọng, tuy nhiên nhìn chung Hà Tĩnh vẫn còn trong tình trạng tỉnh nghèo, vẫn còn nhiều khó khăn, sản xuất kém phát triển, thiếu tính bền vững, nhất là trong công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp. Việc triển khai tổ chức thực hiện một số lĩnh vực còn ách tắc, nhiều chỉ tiêu kinh tế đạt thấp hơn so với chỉ tiêu chung của cả nước. Tiềm năng, thế mạnh của tỉnh chưa được tổ chức, khai thác tốt, hiệu quả chưa

cao. Công tác quản lý chỉ đạo, điều hành còn nhiều lúng túng ; nhất là việc tạo cơ chế, chính sách về vốn, thị trường, quản lý dự án. Cải cách hành chính và việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp tiến hành chậm ; một bộ phận cán bộ còn biểu hiện những nhiều, quan liêu, thiếu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Một số tổ chức cơ sở đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu còn thấp. Tai nạn, tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng, tình trạng khiếu kiện vẫn còn nhiều, các vấn đề xã hội còn có tiềm ẩn phức tạp...

Bước vào năm 2002, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh tiếp tục phấn đấu đưa tỉnh nhà thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo, vươn lên giàu mạnh. Muốn vậy, chúng tôi xác định rõ là phải có các cơ chế, chính sách thích hợp, tạo sự hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài ; vun trồng nhân tài, đội ngũ các nhà trí thức, các nhà kinh doanh trẻ, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ đủ sức nghiên cứu, tiếp thu các thành tựu khoa học - công nghệ và vận dụng vào điều kiện cụ thể, biến các tiềm năng thành của cải vật chất và hàng hóa có giá trị. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được bắt đầu từ những chuyển biến căn bản trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng làm thay đổi cơ bản cơ cấu của ngành nông nghiệp vốn thuần nông chuyển sang sản xuất hàng hóa ; đồng thời tạo ra tiền đề cần thiết cho sự hình thành và mở rộng không gian hoạt động kinh tế, mở rộng thị trường, tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp, các khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, các khu kinh tế trọng điểm có quy mô lớn hơn phát triển.

Tỉnh đã định hình và cho ra đời các vùng kinh tế trọng điểm : Vùng kinh tế đường 8 ; vùng trung tâm thị xã Hà Tĩnh bao gồm cả

khu mỏ sắt Thạch Khê trong tương lai ; vùng cảng biển và khu công nghiệp Vũng Áng gắn với khu kinh tế nam Kỳ Anh. Các vùng kinh tế này đang khẳng định vai trò động lực kinh tế của tỉnh và tiếp tục được đầu tư phát triển.

Hà Tĩnh có diện tích 6 054 km², đủ các vùng đồi núi, trung du, đồng bằng và ven biển ; có 143 km đường biên giới và 4 cặp cửa khẩu với Lào, bờ biển dài 137 km, có nhiều cảng và cửa lạch cùng các bãi sạch, đẹp. Nhân dân lao động cần cù, chịu khó, giàu truyền thống hiếu học, văn hóa và cách mạng.

Đất đai đa dạng, hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới cho trên 75% diện tích canh tác. Ngoài trồng lúa nước còn có thể trồng được các loại cây ăn quả đặc sản như bưởi Phúc Trạch, cam bù Hương Sơn ; cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, đậu ; cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như chè, dứa. Rừng có nhiều lâm, đặc sản quý hiếm.

Khai thác tốt tiềm năng lợi thế là điều kiện để xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và gắn với xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, giải quyết tốt vấn đề này là đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của tuyệt đại bộ phận người dân Hà Tĩnh, góp phần quan trọng cho việc tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, cung cấp nguyên liệu, lao động cho công nghiệp, dịch vụ ; là cơ sở quyết định của vấn đề yên dân.

Tuy nhiên, những năm tới, nông nghiệp cần phải được hướng dẫn, tổ chức lại, quy hoạch lại đồng ruộng, chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Vai trò của kinh tế hợp tác và hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, mối quan hệ gắn bó giữa

công nhân, nông dân, trí thức, sự liên kết giữa các ngành, các cấp, các địa phương đối với yêu cầu này là rất quan trọng. Huy động các nguồn vốn và lao động trong dân thực hiện chương trình nhựa hóa, bê tông hóa đường giao thông và kênh mương thủy lợi. Tập trung đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn là tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và nông dân là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Do đó, Hà Tĩnh đang hình thành các cơ chế, chính sách, trang bị kiến thức làm ăn, vốn sản xuất ; giúp nông dân chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo không khí ổn định lâu dài để nông dân yên tâm đầu tư thâm canh, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Mạnh dạn chuyển số diện tích trồng lúa năng suất thấp sang trồng các loại cây hàng hóa, cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

Hà Tĩnh có nguồn tài nguyên phong phú như : sắt, titan, thiếc, mangan, than, nước khoáng, vật liệu xây dựng... Trên cơ sở các nhà máy, xí nghiệp đã có, tỉnh tiếp tục phát triển khai thác, chế biến titan, zircon siêu mịn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư khai thác than đá, quặng mangan, sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, đóng tàu, gỗ dăm, mộc dân dụng, chế biến rau quả...

Cùng với phát triển công nghiệp, tỉnh quan tâm phát triển ngành nghề truyền thống, du nhập ngành nghề mới để có khả năng thu hút lao động, giải quyết việc làm, hình thành nhiều làng nghề ; tích cực sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, tổ chức lại sản xuất nhằm tăng hiệu quả sản xuất và kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX).

Gắn phát triển sản xuất của mỗi thành phần kinh tế với nguồn vốn huy động vào

ngân sách đúng chính sách, pháp luật nhà nước. Tích cực huy động nguồn vốn nhân rồi trong dân cư để cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh...

Về giáo dục - đào tạo, tỉnh tập trung tăng cường các cơ sở đào tạo hiện tại, xem xét lại chất lượng, hiệu quả dạy và học, đẩy mạnh phổ cập giáo dục trung học cơ sở để hoàn thành vào năm 2003. Đi đôi với đào tạo văn hóa, chuyên môn phải quan tâm giáo dục chính trị, đạo đức, nâng cao nhận thức cuộc sống cho học sinh, giúp học sinh hướng nghiệp khi ra trường.

Làm tốt việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là diện đối nghèo. Quan tâm đến y tế thôn bản, đưa bác sĩ về xã, nâng cấp cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị cho các tuyến y tế ; chấn chỉnh công tác khám và chữa bệnh, công tác quản lý, điều mà dân rất quan tâm.

Tập trung chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến, nhất là khâu giống cây, giống con. Tổ chức triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học đã được thông qua một cách có hiệu quả. Tăng cường các hoạt động của văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục - thể thao. Nâng tỉ lệ số người được đọc báo, nghe đài, xem truyền hình ; khắc phục tình trạng thiếu thông tin ở các vùng sâu, vùng xa, vùng lõm.

Phối hợp với các lực lượng vũ trang và bán vũ trang làm tốt công tác quốc phòng, an ninh. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Giáo dục tư tưởng chính trị, ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân, nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, các hiện tượng tiêu cực, tham

nhũng, tai nạn, tệ nạn xã hội. Giải quyết dứt điểm khiếu nại, tố cáo của công dân, giữ vững sự ổn định ngay từ cơ sở.

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Quan tâm đúng mức đến việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm minh, có lý, có tình các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng ; nâng cao chất lượng đảng viên, vai trò gương mẫu của đảng viên. Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp, cải tiến việc ra nghị quyết, chú ý khâu tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết vào cuộc sống, nói đi đôi với làm.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, năng lực quản lý điều hành của UBND các cấp. Xây dựng và hoàn thiện quy chế, tiêu chuẩn chức danh, các cơ chế phối hợp giữa các ngành trong hệ thống chính trị, bảo đảm điều hành thông suốt hoạt động của bộ máy hành chính từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính nhà nước, nhất là sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức ; quản lý nhà nước theo pháp luật...

Tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng và bề dày lịch sử của mình, với niềm vinh dự là quê hương của đồng chí Trần Phú và Hà Huy Tập, Tổng Bí thư của Đảng, Đảng bộ, nhân dân Hà Tĩnh sẽ khai thác tốt tiềm năng lợi thế, khắc phục khó khăn, tiến công vào đối nghèo, vươn lên giàu mạnh.□

TỈNH Đắk Lắk nằm về hướng phía Tây Nam dãy Trường Sơn ; phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai ; Nam giáp Lâm Đồng, Bình Phước ; Đông giáp Phú Yên, Khánh Hòa và Tây giáp Vương quốc Cam-pu-chia. Với tổng diện tích tự nhiên là

toàn diện. Đây là loại đất tốt, có độ phì cao, là tiềm năng quý giá nhất để phát triển các cây công nghiệp có giá trị như cà phê, cao su, tiêu, điều, chè... và cây nguyên liệu giấy. Với diện tích đất phù sa được phân bố dọc các sông suối, các cánh đồng lớn như

Ea Súp, Krông Pak, Lắk, Krông Bông, Krông Ana đã và đang là những cánh đồng lúa với năng suất cao, là cơ sở tạo ổn định về sản xuất đảm bảo an ninh lương thực cho tỉnh. Hàng vạn ha đất đồng cỏ tự nhiên ở phía Đông và Tây Nam tỉnh rất thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi đại gia súc.

ĐẮK LẮK - *trên con đường vươn tới tương lai*

NGUYỄN VĂN LẠNG *

1 959 950 ha, Đắk Lắk là một tỉnh miền núi, biên giới rộng nhất Việt Nam. Dân số từ 350 000 người (năm 1975), tăng lên trên 1 776 331 người (thời điểm tháng 4/1999) và gần 2 triệu người hiện nay, với 43 dân tộc anh em cùng chung sống. Tỉnh có 19 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thành phố Buôn Ma Thuột và 18 huyện, với 207 xã, phường. Đắk Lắk có 22 000 cán bộ khoa học - kỹ thuật và xã hội có trình độ trung cấp, đại học và trên đại học ; có Trường đại học Tây Nguyên, Trường cao đẳng sư phạm, Viện nghiên cứu khoa học - kỹ thuật nông - lâm nghiệp Tây Nguyên.

Đắk Lắk có tiềm năng lớn về tài nguyên thiên nhiên rất đa dạng, phong phú ; đất đai phì nhiêu, màu mỡ, với diện tích đất đỏ bazan chiếm hơn 70 vạn ha, là điều kiện lý tưởng để phát triển nông, lâm nghiệp

Địa hình Đắk Lắk như một mái nhà phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái cho vùng duyên hải phía Đông và vùng đồng bằng rộng lớn phía Nam. Diện tích đất lâm nghiệp có 1 017 955 ha, chiếm 51,9% diện tích tự nhiên, với nhiều tài nguyên sinh vật rừng rất phong phú, đa dạng và độc đáo. Thực vật có trên 3 000 loài, trong đó có nhiều loài đặc hữu và gần đặc hữu. Nhiều loại thực vật có giá trị kinh tế cao, có loại gien quý hiếm như : các loại gỗ sao, kiền kiền, trắc, giáng hương, gỗ đỏ, cẩm lai... rừng thưa rụng lá có dầu trà ben, các loại cây họ dầu, đặc biệt có loài quý hiếm như loài thủy tùng. Hệ động vật có nhiều loại giá trị như các loài bò sát, chim, thú, trong đó có 38 loài động vật quý hiếm đã được xếp vào sách đỏ thế giới như : voi,

* Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

bò xám, trâu rừng, nai Eld, khỉ mặt đỏ, công, gà tiền mặt đỏ...

Đăk Lăk là tỉnh giàu trữ lượng khoáng sản như bôxít, đá quý, kim loại quý, trong đó đáng kể nhất là quặng bô xít tự nhiên có trữ lượng 4 - 5 tỉ tấn, hàm lượng ô xít nhôm từ 35 - 42%. Thiên nhiên kỳ thú và nền văn hóa đa sắc tộc đã tạo cho Đăk Lăk một tiềm năng du lịch hấp dẫn, độc đáo. Nếu lấy thành phố Buôn Ma Thuột làm tâm điểm, thì đường như phần lớn các cảnh đẹp nhất của Đăk Lăk đều nằm trong khu vực có bán kính 50 km. Đó là cảnh "sơn thủy hữu tình" của hồ Lắk rộng 500 ha nằm giữa một thung lũng đẹp, thơ mộng. Đó là chuỗi các thác Draysap, Trinh nữ, Gia Long, Diệu Thanh, Krông K'Ma... mỗi thác một dáng vẻ và đều gắn với những truyền thuyết nên thơ. Trong các chương trình du lịch của mình, du khách có thể đến với các khu rừng nguyên sinh trong vườn quốc gia Yok Đôn, khu lâm viên Ea Kao, vùng Bản Đôn mà từ lâu đã nổi tiếng với nghề săn bắt và thuần dưỡng voi rừng ; hoặc dự các đêm sinh hoạt lễ hội truyền thống của các dân tộc Ê đê, Mnông, Gia rai... ; thăm các di tích tháp Chăm thế kỷ XIII, "Biệt điện" của cựu hoàng đế Bảo Đại (nay là nhà truyền thống và bảo tồn, bảo tàng tỉnh)... Tính đến nay, Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận 7 di tích ở Đăk Lăk, gồm 4 di tích lịch sử cách mạng, 1 di tích kiến trúc tôn giáo và 2 danh lam thắng cảnh.

Tiềm năng giàu có của Đăk Lăk không chỉ là kho dự trữ cho tương lai mà còn là nguồn sinh lực dồi dào của hiện tại. Rừng núi bạt ngàn, đồi cỏ mênh mông, sông cuộn cuộn nước, gió cuốn bụi đỏ và một không gian chan hòa ánh nắng mặt trời là một khung cảnh hùng vĩ của Đăk Lăk luôn có sức hấp dẫn với mọi miền đất, con người đến nơi

đây. Thiên nhiên ấy sản sinh và nuôi dưỡng những tộc người hùng mạnh, quả cảm tự dặt nên cho mình pho lịch sử hào hùng qua bao đời bằng những truyền thuyết, trường ca làm đắm say lòng người và những đêm lễ hội tung bừng, độc đáo. Tinh thần cộng đồng, dân chủ, bình đẳng còn chi phối mạnh mẽ đời sống xã hội, văn hóa của đồng bào các dân tộc bản địa. Tinh thần thượng võ, nhân ái, yêu thiên nhiên, yêu hòa bình là những truyền thống luôn được tôn trọng, kế thừa và phát triển. Cũng như cả vùng Tây Nguyên, Đăk Lăk là quê hương của những bản trường ca. Cùng với một nền âm nhạc dân gian độc đáo, các bản trường ca đặc sắc đó đã thể hiện khát vọng mãnh liệt của con người với thiên nhiên, với cuộc sống. Những bản trường ca như Đam San, Đam Bri..., các luật tục cổ, kiến trúc nhà sàn và tượng nhà mồ, các loại nhạc cụ dân tộc... từ lâu đời đã trở nên nổi tiếng không chỉ là niềm tự hào của Đăk Lăk, của Tây Nguyên mà còn là những viên ngọc quý trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam, thu hút nhiều nhà nghiên cứu về lịch sử văn hóa, dân tộc học, ngôn ngữ học.

Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của mình, nhân dân các dân tộc Đăk Lăk đã hun đúc nên truyền thống đấu tranh bảo vệ buôn, làng, quê hương đất nước hết sức oanh liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào các dân tộc đã kề vai, sát cánh bên nhau, một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, góp phần xứng đáng cùng nhân dân cả nước làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống Pháp và chống Mỹ, Đăk Lăk luôn là chiến trường ác liệt giữa ta và địch. Hàng vạn chiến sỹ, đồng bào đã ngã xuống trên mảnh đất cao nguyên đất đỏ để làm nên những sự kiện

lịch sử lẫy lừng và cuối cùng là chiến thắng Buôn Ma Thuột mùa xuân năm 1975 vô cùng oanh liệt.

Gần một thế kỷ thuộc địa và chiến tranh đã để lại những hậu quả nặng nề trên nhiều mặt. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Lắk trong 27 năm qua từ sau ngày giải phóng đã không ngừng phấn đấu, vươn lên từ trong khó khăn, gian khổ để xây dựng quê hương ngày một tươi đẹp hơn. Chặng đường 27 năm ấy tuy không phải là dài nhưng đến hôm nay, tỉnh Đắk Lắk có thể tự hào về những thành quả mình đã có, nơi đây không còn là chốn “rừng thiêng, nước độc” mà thực sự đã trở thành nơi “đất lành, chim đậu”. Tiềm năng vốn có được khai thác, phát huy, tạo động lực cho nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, tổng sản phẩm xã hội năm 2000 tăng 1,7 lần so với năm 1995 và 2,7 lần so với năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 1996 -

2000 là 11,5% ; GDP bình quân đầu người đạt 357 USD, tăng bình quân 5%/năm. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội và quy mô, năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp tăng lên rõ rệt, giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm 12,75% ; diện tích gieo trồng tăng 1,5 lần so với năm 1995 ; trình độ thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao được năng suất cây trồng. Hằng năm, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trên 98% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Cơ cấu cây trồng được bố trí khá đa dạng, hợp lý, cho phép khai thác ngày một tốt hơn tiềm năng, lợi thế của đất đai ; đã hình thành những vùng cây công nghiệp tập trung với quy mô lớn như cà phê, cao su, bông, mía, với diện tích 290 000 ha, chiếm 56% tổng diện tích cây gieo trồng, đã và đang là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Diện tích cà phê từ năm 1995 chỉ có 76 000 ha, đến nay đã có 264 000 ha,



với sản lượng 385 000 tấn ; diện tích cao su năm 1995 chỉ có 16 000 ha đến nay đã có 257 000 ha, với sản lượng 9 000 tấn mù khô.

Cây công nghiệp ngắn ngày cũng được chú trọng phát triển, diện tích bông vải năm 1995 chỉ có 950 ha đến nay đã có 12 500 ha, với sản lượng 14 000 tấn ; đã có 9 300 ha mía, với sản lượng 430 000 tấn, đáp ứng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến đường ; có hơn 8 000 ha điều ; và trên 6 500 ha tiêu.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước tăng trưởng, giá trị sản xuất tăng 1,8 lần so với năm 1995, nhịp độ tăng bình quân hàng năm 12,8%, chiếm tỷ trọng trên 10% trong cơ cấu kinh tế. Công nghiệp chế biến được chú trọng phát triển, đã đầu tư xây dựng 2 nhà máy chế biến đường, 2 nhà máy gạch Tuynel, hoàn thành, nâng cấp nhà máy chế biến cao su, xây dựng hàng chục nhà máy tinh chế gỗ, sơ chế bông, sản xuất bao bì... ; Công nghiệp điện phát triển khá nhanh, đến nay đã có 100% số huyện, 76% số xã có điện lưới, sản lượng điện thương phẩm năm 2000 tăng 2,7 lần so với năm 1995 ; sản lượng sản xuất nước sinh hoạt cũng tăng 11% so với năm 1995.

Các ngành dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước tiếp cận với kinh tế thị trường, góp phần thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng xã hội. Hoạt động xuất khẩu có những bước tiến mới, thị trường quốc tế được củng cố và mở rộng ; khai thác được nhiều nguồn hàng trong tỉnh ; hàng năm có trên 95% sản lượng cà phê, cao su, gỗ tinh chế được huy động cho xuất khẩu, do đó kim ngạch xuất khẩu tăng đáng kể trong các năm qua, từ 100 triệu USD (1995), đến năm 1999 đã đạt 315 triệu USD ; tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm (1995 - 1999) đạt 1 300 triệu USD, tăng 4 lần so với giai đoạn 1991 - 1995.

Nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất cho y tế, giáo dục cũng được chú trọng hơn, đến nay 100% số huyện đã và đang xây dựng mới các trường phổ thông trung học. Quy mô và chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, số lượng học sinh, giáo viên giỏi các cấp học ngày càng tăng ; đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học vượt kế hoạch 1 năm. Cơ sở vật chất trường học được đầu tư đúng mức nên đã cơ bản xóa được tình trạng học ca 3. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế phát triển đều khắp, thường xuyên được củng cố và tăng cường thiết bị ; cơ bản xóa được xã trắng về y tế.

Cùng với sự phát triển của các nguồn vốn đầu tư, lực lượng làm nhiệm vụ xây dựng, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành và công nhân lành nghề tăng về số lượng, đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn. Công tác an ninh - quốc phòng được giữ vững, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn lại những thành quả đã đạt được sau 27 năm xây dựng cuộc sống mới, có lẽ không thể nào tin nổi rằng cho đến ngày giải phóng, đồng bào các dân tộc bản địa ở Đắk Lắk vẫn chỉ quen chọc lỗ và tra hạt, sống du canh du cư, luôn nghèo đói và bệnh tật đe dọa mà giờ đây Đắk Lắk đã có một tầm vóc mới, đổi thịt thay da từng ngày. Có thể nói, sau những năm tháng suy nghĩ, tìm tòi đã qua, con đường dẫn tới tương lai của Đắk Lắk đã được khám phá. Nạn đói, mối đe dọa nhiều đời của đồng bào các dân tộc cơ bản đã được khắc phục ; kinh tế, xã hội phát triển nhanh chóng, từng bước hội nhập với cả nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Với những tiềm năng, thế mạnh và những thách thức trên bước đường hội nhập và phát

triển trong những năm đầu của thế kỷ XXI, mục tiêu của Đắk Lắk là khai thác và phát huy nguồn lực để tập trung phát triển kinh tế, trước hết là nhiệm vụ đổi mới cơ cấu và từng bước hiện đại hóa nền nông nghiệp theo hướng phát triển một nền nông nghiệp bền vững, chất lượng và hiệu quả. Phấn đấu đưa Đắk Lắk thành trung tâm kinh tế - xã hội của Tây Nguyên, với các mục tiêu, phương hướng cụ thể như sau :

Về kinh tế, trong các năm tới nông nghiệp vẫn là thế mạnh của tỉnh do đó cần ưu tiên phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn một cách toàn diện để thúc đẩy nền kinh tế phát triển cao và ổn định, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm khoảng 10%, trong đó mức tăng trưởng của Công nghiệp 11%, nông - lâm nghiệp 72%, dịch vụ 17% và quy mô nền kinh tế năm 2005 bằng 1,6 lần năm 2000. Đưa GDP bình quân đầu người đạt 500 USD ; về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích lúa nước vụ mùa ở những nơi có điều kiện, tập trung đầu tư thâm canh trên toàn bộ diện tích lúa nước ổn định, hình thành các vùng chuyên canh bắp lai để đảm bảo sản lượng lương thực đạt trên dưới nửa triệu tấn ; tập trung thâm canh diện tích cà phê hiện có, đặc biệt coi trọng công nghiệp chế biến và chất lượng sản phẩm, thực hiện phương châm sản xuất phải gắn liền với chế biến, xuất khẩu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Về xã hội, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường đầu tư củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, phấn đấu tất cả các cơ sở y tế đều có bác sỹ làm việc, có đủ y tế thôn, buôn ; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 30%. Tập trung phát triển giáo dục - đào tạo nhằm nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, tạo

nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của tỉnh. Phát huy kết quả về phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, tiến hành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các đô thị, các xã vùng I và hầu hết các xã vùng II. Phát triển thể dục thể thao theo hướng động viên toàn dân tham gia rèn luyện thân thể, nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học và chất lượng các môn thể thao thành tích cao. Tăng cường đầu tư để hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và mở rộng diện phủ sóng phát thanh truyền hình trên địa bàn toàn tỉnh. Củng cố và phát triển mạng lưới truyền thanh huyện và cơ sở.

Trong các năm tới, đời sống nhân dân sẽ tiếp tục được cải thiện, nâng cao thêm một bước, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Tạo chuyển biến mạnh về phát huy nhân tố con người, giáo dục - đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ. Giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội về việc làm, cơ bản xóa đói, giảm mạnh số hộ nghèo, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ; ổn định, cải thiện đời sống nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố tiềm lực quốc phòng và bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Với quyết tâm cao, ý chí kiên cường và sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, khắc phục khó khăn, phát huy các thành quả đã đạt được và sử dụng tối đa các tiềm năng sẵn có, với mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, phấn đấu đạt nhịp độ tăng GDP ít nhất 9,5%/năm là điều chắc chắn đạt được và Đắk Lắk sẽ trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của Tây Nguyên. Ước mơ của chàng Đam San năm xưa muốn chinh phục mọi tầm cao sẽ trở thành hiện thực trong cuộc sống hôm nay. □

TÂY Ninh là một trong những tỉnh có vùng chuyên canh cây công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản xuất hàng hóa lớn nhất cả nước.

Phát triển vùng cây chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến chính là hướng đi đúng nhằm triệt để khai thác lợi thế của công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và vòng quay của vốn. Hiện nay trên địa bàn Tây Ninh có 3 nhà máy đường lớn, giai đoạn một là 11 500 tấn mía cây/ngày, đủ năng lực chế biến hết nguyên liệu tại chỗ ; giai đoạn 2 của 3 nhà máy là 20 500 tấn mía cây/ngày (nhà máy Bourbon 16 000 ngàn tấn mía cây/ngày, Nước Trong 1 000 tấn mía cây/ngày, nhà máy đường Biên Hòa 3 500 tấn mía cây/ngày) sẽ bảo đảm chế biến ổn định đầu ra lâu dài cho cây mía. Nếu trước đây bằng máy ép thủ công, phải từ 20 - 22 tấn mía cây chúng ta mới thu được 1 tấn đường, nay nhờ công nghiệp hóa chúng ta đã rút xuống còn 10 - 12 tấn mía cây một tấn đường. Riêng công nghiệp ngành mía đường đã cho phép nâng giá trị cây mía lên gấp đôi trên tổng sản lượng cây mía toàn tỉnh. Hướng phát triển của Tây Ninh là tiếp tục hiện đại hóa ngành mía đường, tận dụng máy móc thiết bị hiện đại để giảm tối đa chi phí và sản xuất các sản phẩm sau đường, nâng sức cạnh tranh, đồng thời ổn định giá nguyên liệu đầu vào, đảm bảo có lời để người dân yên tâm sản xuất.

Công nghệ chế biến khoai mì cũng là một hướng ưu tiên phát triển. Nhờ đầu tư đúng mức cho công nghiệp chế biến, và tìm được đầu ra, giá nguyên liệu đầu vào của khoai mì tương đối ổn định, sản xuất bảo đảm có lãi, người dân đã yên tâm bỏ vốn khai thác đất hoang hóa phát triển cây khoai mì. Tây Ninh có 4 nhà

TÂY NINH vững bước cùng cả nước

NGUYỄN VĂN TIẾN *

máy liên doanh với công suất 1 600 tấn củ, bằng 400 tấn bột/ngày, chưa kể hàng chục cơ sở thủ công được đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ mới có công suất hơn 800 tấn củ bằng 200 tấn bột/ngày.

Ngoài cây công nghiệp, chăn nuôi cũng là một thế mạnh của Tây Ninh. Bò là loại gia súc thích hợp nhất với vùng đất Tây Ninh. Hiện cả tỉnh có 63 ngàn con bò, trong đó đặc biệt có hơn 70% con bò lai Sin. Tỉnh chủ trương lai tạo đàn bò để phối giống tạo bò sữa. Hướng phát triển chủ yếu là bò sữa, bò giống, bò thịt gắn với xây dựng nhà máy chế biến trong tương lai ; trước mắt tạo đàn bò sữa, cung cấp bò giống cho các tỉnh miền Đông và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Để tạo động lực, tỉnh chủ động hỗ trợ nông dân vay vốn 3 năm không tính lãi, chuyển giao kỹ thuật tạo giống và kỹ thuật chăn nuôi đến từng hộ nông dân. Phấn đấu để từ 2005, toàn tỉnh có từ 5 - 10 ngàn con bò sữa, biến Tây Ninh thành trung tâm phát triển đàn bò sữa và cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa.

Dọc tuyến ven sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông, các ao, hồ đầm, ruộng trũng có khoảng 1 000 ha trồng lúa bị ngập, năng suất thấp, tỉnh chủ động hướng dẫn nông dân chuyển sang

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

nuôi tôm càng xanh. Tỉnh đắp và khoanh vùng, xây dựng đê bao, kéo điện, hỗ trợ vốn để phát triển nghề nuôi tôm. Hiện nay, tôm càng xanh cũng đang là một trong những lĩnh vực có thể mạnh. Đầu tư phát triển lĩnh vực này cho phép khai thác tốt nguồn đất hoang hóa ven sông rạch, ao hồ. Tận dụng tối đa lợi thế đất đai và nguồn lao động nông nhân làm ra sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.

Ngoài việc đầu tư có trọng điểm nuôi bò, nuôi tôm, phát triển chăn nuôi heo, nuôi trâu và gia cầm cũng là một định hướng ưu tiên nhằm tận dụng tối đa mọi nguồn lực về đất đai, lao động và những sản phẩm thứ cấp trong nông nghiệp. Gắn trồng trọt với chăn nuôi, chế biến chính là một hướng đi đúng, nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

Tây Ninh nhận thức rất rõ đa dạng hóa cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa phải gắn liền với phát triển công nghiệp chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Đầu tư trí tuệ vào tất cả các công đoạn nói trên là giải pháp tối ưu nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay. Để nâng cao hiệu quả, phải nhanh chóng ứng dụng khoa học công nghệ vào việc tạo giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao ; đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm tận dụng và khai thác tối đa lợi thế vùng nguyên liệu, sản xuất các sản phẩm chế biến có chất lượng, giá thành hạ ; gắn sản xuất, chế biến với thị trường ; có chính sách nghiên cứu thị trường và chiến lược Ma-ke-ting thích hợp ; bảo đảm tiêu thụ hết sản phẩm được sản xuất ra với giá cả hợp lý và thị trường ổn định.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội VII Đảng bộ tỉnh, Tây Ninh chủ trương đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP để trong vài năm tới có nguồn thu ngân sách ổn định, căn cơ hơn. Là một tỉnh chưa có công nghiệp phát triển

lại ở vào một vị trí địa lý không thuận lợi cho việc kêu gọi đầu tư nước ngoài, làm thế nào để phát triển công nghiệp và dịch vụ là một bài toán không đơn giản. Quyết tâm sát cánh cùng cả nước trên con đường công nghiệp hóa, Đảng bộ Tây Ninh đã chủ động tìm ra con đường của địa phương mình. Với lợi thế của một tỉnh biên giới có 240 km đường biên tiếp giáp Cam-pu-chia, một cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tâm điểm giữa TP Hồ Chí Minh và Nông Pênh, một cửa khẩu quốc gia Sa Mát và hàng chục cửa khẩu tiểu ngạch khác, Tây Ninh đã chủ động lập kế hoạch xin phép trung ương và kêu gọi đầu tư phát triển cửa khẩu Mộc Bài, biến Mộc Bài thành trung tâm thương mại và dịch vụ, công nghiệp lớn của khu vực trong tương lai. Chọn đúng vị thế và thời điểm, đã giúp Tây Ninh đánh thức dậy một tiềm năng không chỉ của riêng mình mà cả các tỉnh Đông Nam Bộ, TP Hồ Chí Minh và các tỉnh dọc biên giới nước bạn Cam-pu-chia. Toàn khu cửa khẩu được quy hoạch phát triển 21 292 ha. Đã có 7 đơn vị trong nước tham gia, trong đó nhóm liên kết giữa Tây Ninh với các đơn vị của TP Hồ Chí Minh đã nhận thuê đất thô hơn 500 ha, với số vốn đăng ký ban đầu 80,1 tỉ. Tại đây sẽ xây dựng khu chợ đường biên, khu thương mại quốc tế, khu kho ngoại quan, khu vui chơi giải trí, khu đô thị mới hiện đại, khu dân cư cao cấp, khu nhà ở cho chuyên gia... Mộc Bài sẽ trở thành một trung tâm kinh tế cửa khẩu quốc tế lớn của Tây Ninh trên trục đường xuyên Á, đồng thời là một thành phố có tầm cỡ của Tây Ninh trong thế kỷ XXI.

Thành phố công nghiệp - thương mại - dịch vụ Mộc Bài chính là chất xúc tác đầy thuyết phục cho một định hướng phát triển và thúc đẩy các khu xung quanh cùng phát triển. Tây Ninh còn có khu công nghiệp Trảng Bàng theo quy hoạch 700 ha, đến nay có 14 dự án đầu tư với tổng số vốn hơn 20 triệu USD. Cuối năm 2001 đã lấp đầy bước 1 của giai đoạn 1 và

đang triển khai mở rộng bước 2 của giai đoạn 1 là 128 ha.

Ngoài khu công nghiệp Trảng Bàng, các khu công nghiệp nhỏ vệ tinh khác với quy mô từ 50 - 200 ha cũng đang được quy hoạch hình thành như khu Dương Minh Châu, khu Bến Kéo của Hòa Thành, khu Thánh Điem của Châu Thành... Nhờ định hướng đúng, công nghiệp Tây Ninh đang bùng lên đầy triển vọng, đó chính là hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Cùng với công nghiệp, lĩnh vực du lịch, dịch vụ cũng là trọng tâm phát triển của Tây Ninh trong những năm tới. Nhờ lợi thế địa phương có đường biên giới, có các khu danh lam, thắng cảnh như khu Căn cứ Trung ương cục, khu hồ Dầu Tiếng, núi Bà, Tòa thánh..., Tây Ninh đã tăng cường đầu tư và tìm mọi cách khai thác lợi thế vốn có, tăng nguồn thu từ dịch vụ và du lịch. Ngành du lịch có thể gắn kết với TP Hồ Chí Minh, Kông-pông-chàm (Cam-pu-chia) mở tuyến du lịch TP Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Cam-pu-chia và các nước trong khu vực.

Cùng với phát triển nông nghiệp, các khu công nghiệp tập trung và công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển hạ tầng về mặt xã hội cũng là định hướng ưu tiên của Đảng bộ và chính quyền Tây Ninh.

Là một tỉnh căn cứ địa cách mạng của nhiều thời kỳ lịch sử, lại bị chiến tranh tàn phá, đối tượng thuộc diện chính sách và các tầng lớp dân nghèo chiếm đại bộ phận dân số toàn tỉnh. Đảng bộ Tây Ninh nhận thức rằng, đền ơn đáp nghĩa và ổn định về mặt xã hội vừa là trách nhiệm vừa là điều kiện để phát triển kinh tế xã hội. Ngay từ ngày đất nước được giải phóng, Tây Ninh chủ trương lo cho các đối tượng chính sách và xóa đói giảm nghèo không phải chỉ là trợ cấp, trợ giúp bằng tiền và hiện vật. Chăm lo cho đối tượng chính sách trước hết là quy hoạch đào tạo nghề nghiệp và bố trí việc làm phù hợp cho diện đối tượng chính sách; xóa đói giảm nghèo trước

hết bằng cách giải quyết công ăn việc làm cho các hộ nghèo. Do đặc điểm Tây Ninh là vùng nông nghiệp, vì vậy Tỉnh ủy lấy việc điều chỉnh, khai hoang và phục hóa đất để tạo quỹ đất chia cho dân nghèo và đối tượng chính sách không có đất là hướng ưu tiên. Đã giải quyết được từ 19% số hộ sản xuất không có đất sản xuất (1995) đến nay còn 4,5% và đã đưa nhà máy chế biến mía đường, khoai mì về vùng nguyên liệu ở nông thôn để giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, giảm bớt khoảng cách nghèo giữa thành thị - nông thôn. Đồng thời đó cũng là hướng đô thị hóa nông thôn. Tỉnh ủy Tây Ninh còn chú trọng tạo việc làm, nâng cao dân trí, cung cấp vốn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng. Thành lập các tổ nhóm để hướng dẫn tương trợ nhân dân cách làm ăn là các định hướng tốt nhằm xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách xã hội. Nhờ nhận thức và vận dụng đúng, trên địa bàn Tây Ninh sau hơn 25 năm giải phóng, về cơ bản đã xóa xong nạn mù chữ, và đã tiến hành phổ cập cấp II, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 4.6% vào năm 2001, theo tiêu chuẩn quốc gia; 100% xã có trạm xá và 70% trạm xá có bác sỹ phục vụ ổn định; dự kiến đến cuối năm 2002 có 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ phục vụ ổn định tại chỗ; 100% số xã sử dụng điện. Phần đầu nâng mức kiên cố hóa, lầu hóa trường học v.v... Việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, củng cố, xây dựng các loại hình hợp tác xã, nâng đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu cũng là phương hướng ưu tiên nhằm xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Muốn thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, Tây Ninh phải biết kết hợp giữa phát huy nội lực với sự giúp đỡ của Trung ương, của các bộ chủ quản và các địa phương trong cả nước cũng như mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài. Vì cả nước, cùng cả nước, Tây Ninh quyết tâm vượt qua mọi khó khăn vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □

NĂM 2001 là năm thứ hai liên tiếp, nhân dân Đồng Tháp cũng như nhân dân một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long lại phải đương đầu với ngập lụt lớn. Ngập lụt đã gây thiệt hại nhiều về người, của cải và làm suy yếu thêm nền kinh tế - xã hội của tỉnh. Sự mất mát từ ngập lụt cộng với một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2001 chưa hoàn thành đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp nhiệm vụ hết sức nặng nề trong năm 2002. Như vậy, nhiệm vụ năm 2002 không chỉ bù đắp những tổn thất mà còn phải tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng bộ tỉnh. Nhận thức được ý nghĩa ấy, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp đã xác định quyết tâm, chuẩn bị sớm các điều kiện để bắt tay vào việc thực hiện các nhiệm vụ năm 2002.

Rất có thể có những yếu tố bất lợi khó lường, nhưng khai thác các cơ hội, các lợi thế của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và kế thừa các tiền đề kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp đã phấn đấu để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức trung bình hàng năm của vài năm gần đây, thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ ; tăng tỉ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp, đồng thời giữ sản lượng lúa hợp lý, góp phần ổn định lương thực cho cả nước ; phòng tránh và giảm nhẹ những thiệt hại thiên tai, nhanh chóng bố trí dân cư

ĐỒNG THÁP ***vận dụng Nghị quyết Đại hội IX*** ***của Đảng vào việc thực hiện*** ***nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002***

HUỲNH MINH ĐOÀN *

để người dân sống vùng ngập lụt có cuộc sống ổn định, thu hẹp sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị ; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục, các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, công tác chăm sóc sức khỏe ; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã nỗ lực để hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản như : tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng 8%, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5%, công nghiệp - xây dựng tăng 16%, dịch vụ - thương mại tăng 12% ; thu ngân sách trên địa bàn đạt 535 tỉ đồng, tăng 10,99% so với kết quả thực hiện năm 2001 ; tổng chi ngân sách địa phương đạt 817,4 tỉ đồng bằng 86,63% so với ước thực hiện năm 2001 ; kim ngạch xuất khẩu tăng 18 - 20%, kim ngạch nhập khẩu tăng 16 - 18% ; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng

* Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp

1 540 tỉ đồng, tăng 18 - 19% ; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,35% ; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,5% ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 25,8% ; tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ phục vụ đạt 97% ; tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước sạch đạt 48% ; tỷ lệ hộ được dùng điện lưới đạt 78% ; tạo việc làm, giải quyết việc làm thêm cho 30 000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 12 - 13% ; giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,5 - 2% năm ; bảo đảm cho khoảng 60 - 70% hộ dân vùng ngập sâu có nơi định cư ổn định.

Để đạt được những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản nêu trên, đồng thời làm tiền đề cho sự tăng tốc trong những năm tiếp theo, ban Thường vụ Tỉnh ủy đã giao cho UBND tỉnh chọn 95 nội dung kinh tế - xã hội để xây dựng kế hoạch, đề án, dự án. Phần lớn các dự án, đề án đều hướng trọng tâm vào những vấn đề chủ yếu trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ; thương mại - dịch vụ và đào tạo nguồn nhân lực ; ổn định dân cư, nâng cao thu nhập cho nhân dân, nhất là nông dân. Đối với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, các dự án và biện pháp mang tính đột phá việc thúc đẩy sự chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác lợi thế vốn có của tỉnh như : phát triển diện tích lúa có chất lượng cao, vườn cây ăn trái đặc sản, bắp lai, bông vải, nuôi trồng thủy sản (tôm, cá), chăn nuôi đại gia súc (chủ yếu là nuôi bò thịt và bò sữa) với quy mô lớn.

Trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu - thủ công nghiệp, sẽ đầu tư mở rộng để khai thác tốt khu công nghiệp Sa Đéc, khu công nghiệp Trần Quốc Toản và các cụm công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp của huyện nhằm phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp và thu hút lao động dư thừa, nhân rồi quá lớn hiện nay.

Trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ, tiếp tục nâng cấp các chợ trung tâm, chợ đầu mối, mở rộng các chợ nông thôn, xây dựng chợ nông

sản, chuyển tiểu ngạch biên giới thành khu kinh tế cửa khẩu. Đầu tư và khai thác có hiệu quả các điểm du lịch. Xem hướng khai thác cửa khẩu và phát triển kinh tế vùng biên là một lợi thế cần được đầu tư đúng mức.

Tất cả những hoạt động kinh tế nêu trên phải xuất phát từ nhu cầu thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, việc áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để giảm chi phí đầu vào và các khâu bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng nông sản phải được đặc biệt coi trọng. Điều đó càng đặt ra tính cấp thiết phải củng cố các doanh nghiệp nhà nước, kiện toàn các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã để thúc đẩy phát triển sản xuất, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ lợi ích của người lao động. Công việc trước mắt và lâu dài có tính quyết định cho các hoạt động kinh tế nêu trên là việc chăm lo đào tạo nguồn nhân lực. Vì vậy, việc mở rộng hệ thống trường lớp, nhất là các trường dạy nghề và thành lập trường đại học là nhu cầu bức bách.

Đồng thời với việc phát triển kinh tế, các đề án xây dựng các cụm dân cư, tuyến dân cư và đề bao tránh lũ ở thị trấn Hồng Ngự, thị xã Cao Lãnh, thị trấn Tràm Chim (Tam Nông), thị trấn Mỹ An (Tháp Mười) phải được tập trung tổ chức thực hiện khẩn trương, nhưng phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tránh được tiêu cực.

Đối với lĩnh vực văn hóa xã hội, phấn đấu giữ vững những thành quả đạt được, tiếp tục đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đồng thời với việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và ấp (khu dân cư) có cuộc sống mới.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và để làm cơ sở thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu ấy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ tổ chức thực hiện

(Xem tiếp trang 89)

Xuân về trên con đường mang tên Bác



NỤ cây lộc vùng ngoài hiên đang hé nở, hạt mưa xuân tối qua còn đọng lại trên cành như những giọt sương sớm mai lấp lánh. Thế là thêm một mùa xuân nữa lại đến với những người thợ trên tuyến đường mang tên Bác. Những con người trong hơn một năm rưỡi qua, đã đổ biết bao mồ hôi, công sức, kể cả máu của mình, để hôm nay làm nên hình hài mới - hình hài hiện đại của con đường huyền thoại - Đường Hồ Chí Minh thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiếp nối huyền thoại xưa.

Trong những năm tháng chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, các thế hệ cha anh của chúng ta đã xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, làm nên một tuyến vận tải kỳ diệu để tiếp sức cho miền Nam đánh thắng. Hôm nay, hàng vạn con người cùng máy móc thiết bị lại bạt núi, băng rừng để nối tiếp truyền thống xưa và viết tiếp trang sử mới trong xây dựng đất nước. Ngày 5-4-2000, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã chính thức tuyên bố khởi công xây dựng đường Hồ Chí Minh. Đây là điểm mốc quan trọng trong

những năm đầu của thế kỷ, là sự tiếp nối lịch sử oai hùng của dân tộc và là niềm mong đợi bấy lâu của hàng triệu người dân ở miền đất phía Tây Tổ quốc. Nhìn về tương lai, lễ khởi công xây dựng con đường huyền thoại được coi là sự khởi động đầy ý nghĩa không chỉ của riêng ngành giao thông vận tải mà còn là sự thể hiện thể và lực của đất nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Theo tính toán của các nhà chuyên môn, đường Hồ Chí Minh mới được xây dựng sẽ phát huy cao độ các nguồn lực tự nhiên và xã hội. Nếu chỉ tính khi hoàn thành giai đoạn 1 (bắt đầu từ Hòa Lạc - Hà Tây kéo dài đến ngã tư Bình Phước - TP Hồ Chí Minh), tuyến đường sẽ đóng vai trò đặc lực trong việc quy hoạch phân bố và sử dụng hợp lý đất đai canh tác của một vùng có diện tích hơn 10 triệu ha và 28 triệu dân sinh sống. Vùng đất giàu tiềm năng này hầu như chưa được khai phá. Xét về mặt giao thông thuần túy, thì việc đầu tư xây dựng một trục dọc thứ hai ở phía Tây kết nối với 63 tuyến đường ngang,

* Phóng viên Thông tấn xã Việt Nam

trong đó có các trục dọc hành lang Đông - Tây kết nối với quốc lộ 1A ở phía Đông và thông ra các cảng nước sâu ở miền Trung, sẽ hình thành một mạng lưới giao thông hoàn chỉnh cho đất nước. Một vấn đề quan trọng nữa của tuyến đường Hồ Chí Minh, là vừa liên thông với các nước láng giềng, vừa góp phần giải quyết triệt để tình trạng ách tắc giao thông Bắc - Nam trong mùa mưa lũ. Từ những ý nghĩa lớn lao đó, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định dồn sức, dồn của coi đây là công trình đặc biệt trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trang sử mới hôm nay.

Hơn hai mươi tháng đã trôi qua, nếu thời gian đó tính trong đời của mỗi người thì quá ngắn ngủi, nhưng đối với người thợ trên đường Hồ Chí Minh thì lại quá lớn lao. Điều đó không những thể hiện ở khối lượng công việc đã hoàn thành mà còn thể hiện ở những khó khăn chồng chất phải vượt qua. Có lần, chúng tôi gặp kỹ sư Hà Đình Cẩn, Tổng giám đốc Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh. Anh tâm sự: những ngày đầu khó khăn lắm, ở đây không chỉ có thời tiết khắc nghiệt của Trường Sơn, mà còn cả những công việc cần phải làm của một công trình lớn. Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh trải dài cả ngàn cây số, để khởi động nó không phải là điều dễ dàng, nhất là thời gian chuẩn bị quá ngắn, chỉ trong vài tháng trời, nên những trục trặc buổi ban đầu là khó tránh khỏi... Rồi những vất vả của người thợ như phải chịu mưa, chịu nóng... và chịu rét trên rừng Trường Sơn, mà nếu ai đã từng nếm trải dù chỉ một lần, hẳn cũng rất khó quên. Nhớ lại hôm cuối năm, đứng trên cầu Hương Đại, bắc qua sông Ngàn Trươi, chứng kiến hình ảnh những người thợ khăn trương lao dầm, anh Ngô Thanh, đội trưởng đội 5, Công ty cầu 12 (Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông I) đã tâm sự với chúng tôi: cây cầu này nằm trên tuyến đường độc đạo nối 3 huyện miền

núi là Hương Sơn, Vũ Quang và Hương Khê, thuộc vùng sâu nhất của tỉnh Hà Tĩnh. Lúc đầu, chỉ đưa một số công nhân vào mà đã thấy vất vả, sau này lại phải chuyển các thiết bị, vật liệu thi công đều thuộc loại "siêu trường", "siêu trọng" ... nên sự vất vả và khó khăn ấy tăng gấp bội phần. Chỉ riêng vận chuyển 32 tấn cọc ván thép từ Vinh vào công trường, đã mất 11 ngày, ... Trong khi đó, thời tiết nơi đây lại rất "đồng đánh", mùa hè thì gió Lào nóng hầm hập như chảo rang muối, mùa đông thì lạnh thấu xương cắt da cắt thịt, trời quanh năm mưa liên miên, tính ra trong cả năm, những ngày nắng ráo chỉ ước chừng có được từ ba đến bốn tháng. Anh Thanh vốn là người có nhiều kinh nghiệm làm cầu, nhưng nhiều hôm nhìn lũ kéo về mà còn cảm thấy hãi hùng. Đã mấy lần cầu tạm bị trôi, hàng trăm mét khối đá bị cuốn đi cùng dòng nước hung bạo, nhưng nhờ công tác chuẩn bị tốt nên qua mấy đợt lũ, đơn vị không bị thiệt hại gì đáng kể. Tuyến đường Hồ Chí Minh hôm nay đang xây dựng là sự tiếp nối rất nhiều địa danh đã nổi tiếng trong thời chống Mỹ, như Ka Tang, Khe Ve, Khe Rin, Khe Gát, đèo Đá Đẽo, đèo U Bò, Zin Zin, Tảng Ký, Cửa Tử, Sê Bông Hiền, đường 20 quyết thắng ... rồi đoạn AĐốt-ATép, đèo Lò So vốn là những nơi rừng thiêng nước độc ... Chiến tranh đã đi qua hàng chục năm, nhưng nay vẫn còn heo hút, gian khó vì mưa rừng, vì sốt rét và tàn dư của chất độc màu da cam. Không có sự lựa chọn nào khác, người thợ cầu đường phải chịu đựng, phải vượt lên để con đường vươn về phía trước.

Bất chấp khó khăn, tập trung cao độ cho mục tiêu thông tuyến, hơn một năm rưỡi qua, các đơn vị trên công trường đã hoàn thành đào đắp được 33 trong tổng số 42 triệu m³ đất đá; hoàn thành 100 trong tổng số 200 cầu, 2900/3200 cống các loại và sản xuất 1,7 triệu m³ / 3,3 triệu m³ đá. Một khối lượng công việc thật đồ sộ, quy ra tổng giá trị sản lượng thực hiện toàn công trường là 2 100 tỉ đồng. Công việc rải mặt đường đã khởi

động và sẽ triển khai thi công đại trà hạng mục này vào mùa khô năm 2002. Với đà này, theo đánh giá chung thì đoạn tuyến từ Hà Tĩnh đến Kon Tum với chiều dài xấp xỉ 1 000 km, sẽ có thể hoàn thành tiến độ đúng yêu cầu đề ra cho năm 2003. Ngoài việc tập trung xây dựng sớm các đoạn tuyến trên, đường Hồ Chí Minh còn cần phải được đầu tư để nối thông các đoạn hiện đang bị đứt quãng và đặc biệt xấu từ Hà Tĩnh trở ra ; nhất là đoạn Thanh Hóa - Nghệ An để tạo tiền đề khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế vùng đồi núi rộng lớn của hai tỉnh, hỗ trợ quốc lộ 1A tránh ngập lụt trong mùa mưa bão.

Năm quyết định thắng lợi.

Nếu thời gian hơn một năm rưỡi qua có ý nghĩa trong việc đặt nền móng, là bước khởi đầu quan trọng, thì năm 2002 là năm quyết định sự thắng lợi của chặng đường đầu tiên này. Để đẩy nhanh tiến độ, theo ông Hà Đình Cẩn, những việc sắp tới cần phải làm là nhanh chóng tổ chức lại đội hình thi công cho phù hợp với nhiệm vụ và tình hình mới. Tới đây, giai đoạn làm nền móng và mặt đường có yêu cầu kỹ thuật rất cao ; nên phải tổ chức lại các mũi thi công, chuẩn bị đầy đủ máy móc thiết bị, bố trí các đơn vị có năng lực tốt. Kỹ thuật phải được chỉ đạo thống nhất trên toàn tuyến, có các thiết kế mẫu như chiều dày của lớp bê tông nhựa, lớp móng, công trình phòng hộ, công trình thoát nước, biện pháp gia cố chống sụt trượt, kết cấu bảo vệ mặt cầu. Bên cạnh đó, các đơn vị cần đẩy mạnh sản xuất vật liệu, tăng cường nhịp độ khai thác chế biến, nhưng không vì số lượng mà coi nhẹ chất lượng, phải bảo đảm đúng quy trình công nghệ. Về tài chính, phải đẩy nhanh các khâu duyệt thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định, duyệt dự toán chính thức ...

Thời gian qua, các lực lượng tham gia thi công đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương liên quan, nhiều khó khăn đã được tháo gỡ kịp thời ;

nhưng cũng không thể tránh khỏi một số vướng mắc, những vấn đề nảy sinh trong thực tế cần phải được tiếp tục xem xét, giải quyết. Chẳng hạn như, một số loại kết cấu chưa phù hợp ; chế độ nghiệm thu, thanh toán chưa thống nhất ; nhiều quy định không phù hợp đối với một công trình đặc biệt cấp bách như đường Hồ Chí Minh ; việc trình duyệt thiết kế, bản vẽ thi công còn nhiều tầng nấc làm cho khâu lập dự toán chậm ; sự phối hợp của các bộ, ngành trong việc giải quyết công việc cho toàn tuyến còn thiếu đồng bộ, chưa nhịp nhàng. Các địa phương, nơi tuyến đường đi qua cần đề cao hơn nữa trách nhiệm quản lý chặt chẽ lộ giới, không để xảy ra tình trạng đường mở đến đâu, nhà dân bám theo đến đó, sẽ phá vỡ quy hoạch của một tuyến đường hiện đại trong tương lai ...

Thế là một mùa xuân mới lại đến với Trường Sơn, nơi đã từng ghi dấu biết bao chiến công và những mất mát, hy sinh cao cả của những người con Việt Nam cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Cùng với tuyến đường dài hàng ngàn cây số, với hàng trăm cây cầu đang hình thành to đẹp, dang hoàng, với sắc xuân đang chớm nở trong từng rừng cây, từng hốc đá trên dãy Trường Sơn - là quyết tâm và nhiệt huyết của những người viết tiếp trang sử mới hôm nay từ tuyến đường huyền thoại năm xưa. Họ không đơn độc trong mùa xuân mới này. Bên cạnh họ có những tình cảm nồng ấm của đồng bào, chiến sĩ cả nước hướng về tuyến đường mang tên Bác kính yêu ; có cả những lời nhắn gửi thiết tha của biết bao chàng trai, cô gái đã hy sinh cho sự sống của tuyến đường, cho ngày toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ; và có cả những ánh mắt hy vọng của đồng bào các dân tộc, của những em bé nơi tuyến đường đi qua.

Mùa xuân đã đến, cả đất nước tin cậy và trân trọng nỗi vất vả, lòng quyết tâm sắt đá của những người thợ xây dựng đường Hồ Chí Minh. □

Câu chuyện ngày xuân

Xuân này

CAO SU DẦU TIẾNG

TRẦN QUANG HẢI

TỪ Thành phố Hồ Chí Minh, theo quốc lộ 13, và sau chưa đầy hai giờ ô tô, chúng tôi đã “lọt thỏm” giữa màu xanh bạt ngàn cao su của Công ty cao su Dầu Tiếng. Sức sống mãnh liệt của rừng cây dễ làm người ta liên tưởng đến “sức chảy” khỏe khoắn, bền bỉ của nguồn “vàng trắng” miền Đông đang góp phần làm giàu cho đất nước.

Đứng chân trên địa bàn 15 xã thuộc hai huyện Dầu Tiếng và Bến Cát của tỉnh Bình Dương, Cao su Dầu Tiếng có phạm vi hoạt động tới 320 km² (bằng xấp xỉ 1/4 diện tích của tỉnh Thái Bình). Cao su Dầu Tiếng có một “cơ cấu bộ máy” và “của ăn của để” mà có lẽ bất cứ “anh cao su” nào ở đất nước này đều mơ ước : 11 nông trường, 5 xí nghiệp, 11 phòng, ban nghiệp vụ, 1 tổng kho vật tư, 3 đơn vị sự nghiệp. “Ngon nghề” nhất là 29 624 héc-ta cao su (đứng thứ hai toàn ngành). Nhưng còn một “gia tài” khác đáng giá hơn. Đó là trên dải đất dài rộng này, Cao su Dầu Tiếng quản lý 9 000 hộ dân với gần 37 000 nhân khẩu, trong đó riêng cán bộ, công nhân viên (CBCNV) là 12 282 người. Quả như ai đó nói, Cao su Dầu Tiếng là một “hộp chùng... tỉnh”. Ở đây có đủ dân của 61 tỉnh, thành trong cả nước, gồm người kinh, thượng, lương, giáo, hưởng lương, không lương, dân thường, cán bộ... Cao su Dầu Tiếng có một đảng bộ với 26 chi bộ cơ sở, 655 đảng viên ; chi đoàn thanh niên gồm 16 liên chi đoàn với trên 2 000 đoàn viên ; 20 công đoàn cơ sở với 12 000 đoàn viên. Bên cạnh là các hội : phụ nữ, hưu trí, cựu chiến binh, chữ thập đỏ... mà không hội nào “chịu” dưới 10 chi hội. Phục vụ cho đời sống mọi mặt của gần ấy con người còn có cả một hệ thống hạ tầng thiết yếu từ công ty đến các nông

trường gồm đường sá, điện, nước, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, v.v... Nghị quyết của đảng bộ Công ty đã ghi rõ : “bảo đảm trả đủ lương và trả đúng kỳ hạn”. Nhưng để nghị quyết thành hiện thực, mỗi tháng trôi qua, chỉ riêng khối CBCNV đã “ngốn” của nhà nước xấp xỉ 15 tỉ đồng tiền lương. Đủ thấy, trước một “xã hội thu nhỏ” như vậy, cái “gánh” mà những người quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh ở đây phải gánh, nó “oằn vai” thế nào !

Nhưng từ khá lâu, Cao su Dầu Tiếng đã được “tiếng” là “con cưng” của Tổng công ty Cao su Việt Nam. Nói như vậy là bởi, không chỉ đang “dự phần” tới 1/5 sản lượng mủ và 1/3 cao su xuất khẩu hằng năm của toàn ngành, mà Cao su Dầu Tiếng là đơn vị đã “hai lần anh hùng”, đang có “tiếng giàu” nhờ có cung cách làm ăn khá.

Năm 2001, với ngành cao su nói chung, Cao su Dầu Tiếng nói riêng là một năm không suôn sẻ. Lý do là, “hùa” với thời tiết diễn biến phức tạp làm cho năng suất và sản lượng cao su giảm đáng kể (do sâu bệnh phá hại và bão gió làm cây gãy đổ), sự “phập phù” về cung - cầu của thị trường cao su thế giới, mà theo lời của đồng chí Trần Ngọc Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cao su Việt Nam thì : “giá bán mủ cao su tụt xuống mức thấp nhất trong vòng 30 năm qua”. Giá tụt và lượng cao su tồn đọng khá nhiều đã làm cho sản xuất - kinh doanh và đời sống của những người làm cao su không kém phần vất vả. Làm việc với lãnh đạo Cao su Dầu Tiếng, đồng chí Trần Văn Du - Phó giám đốc, Phó bí thư đảng bộ Công ty cho biết : “Chỉ so với năm ngoái thôi, giá bán mỗi tấn mủ cao su đã giảm 1 triệu đồng. Vì vậy, lợi nhuận trước

thuế của Công ty năm nay chỉ còn độ 58 tỉ đồng trong khi năm ngoái là 90 tỉ đồng. Trừ các khoản, phần chia cho các quỹ khen thưởng và phúc lợi, so với cả "rừng người", đủ biết chẳng còn đáng là bao..."

Năm nay, tuy không thuận gió xuôi buồm, nhưng Cao su Dầu Tiếng vẫn còn khối chuyện để vui nhờ những gì đã đạt được và làm được. Và hình như trong khó khăn, Công ty lại có dịp để chứng tỏ khí chất anh hùng của mình.

Đến 31-12-2001, Cao su Dầu Tiếng đã khai thác 45 500 tấn mủ và chế biến 48 500 tấn, cả hai chỉ tiêu đều đạt 100% kế hoạch cả năm ; đã tiêu thụ 42 266 tấn, đạt trên 87%, trong đó tỷ lệ cao su xuất khẩu chiếm 93%, giữ vững quan hệ và sự tin nhiệm của 30 bạn hàng trên thế giới. Năm nay, Cao su Dầu Tiếng vẫn nghiêm túc thực hiện "hai không" đã được đưa vào nghị quyết. Đó là "không giảm lương của công nhân và không giảm định mức phân bón đối với vườn cây". Để hạ giá thành sản phẩm theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Cao su Dầu Tiếng kiên quyết cắt bỏ, hoặc giảm các chi phí tiếp khách, điện thoại, xăng dầu, vật tư và tiết kiệm trong sản xuất, lưu thông v.v... Nhờ vậy, tiền lương bình quân cả năm của CBCNV đạt 1 260 000 đồng/người/tháng (bằng 105% kế hoạch năm và tăng 3% so với năm 2000). Toàn bộ diện tích cao su không bị "ăn bớt" ký phân nào. Cùng với lương, Cao su Dầu Tiếng bảo đảm chu đáo và đầy đủ mọi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ cấp độc hại, bảo hộ lao động v.v... cho CBCNV. Về y tế, Công ty luôn làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh định kỳ cho CBCNV, thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng dịch, vệ sinh môi trường và vệ sinh thực phẩm từ các khu dân cư đến các bếp ăn tập thể. Trung tâm y tế và 18 trạm y tế nông trường của Công ty đã kết hợp với Bệnh viện Thống Nhất khám và cấp thuốc miễn phí (trị giá 35 triệu đồng) cho trên 2 000 người. Cùng với chăm lo đời sống của đội ngũ y, bác sĩ, Công ty tiếp tục đầu tư hàng trăm triệu đồng nâng cấp cơ sở vật chất về y tế. Nhờ vậy, hệ thống y tế của Công ty không chỉ đáp ứng được yêu cầu khám và điều trị cho CBCNV mà còn phục vụ nhân dân khu vực thị trấn Dầu Tiếng và một phần dân của huyện Dương Minh Châu. Công ty có 21 cụm nhà trẻ, 150 cô mẫu giáo và trên 2 000 cháu. Nói về

tiền lương cho giáo viên mẫu giáo, xưa nay nhiều công ty vẫn trông chờ vào ngân sách của huyện và tỉnh - nơi đơn vị đứng chân, theo tư tưởng "được chăng hay chớ". Ở Cao su Dầu Tiếng hoàn toàn ngược lại. Các cô được hưởng lương như CNVC ; tất cả các cháu đều được Công ty phụ cấp tiền ăn với mức 2000 đồng/ngày. Mỗi năm, quỹ lương và phụ cấp tiền ăn cho cả cô và cháu của Cao su Dầu Tiếng là trên 2 tỉ đồng. Tính ra Công ty mỗi năm đã chi khoảng 5 tỉ đồng cho các hoạt động về y tế, giáo dục, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao. Mới đây, Công ty vừa đưa công trình Nhà truyền thống vào hoạt động với tổng kinh phí trên 2 tỉ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, ôn lại truyền thống của Công ty. Nơi đây thường xuyên diễn ra các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, giúp công nhân rèn luyện thể chất, làm giàu đời sống tinh thần. Đây cũng là một "biểu tượng" sinh động về việc chăm lo đời sống của Công ty đối với người lao động. Cao su Dầu Tiếng còn là đơn vị khởi xướng và thực hiện có hiệu quả nhất của ngành về chương trình "xóa đói giảm nghèo". Một trong những nội dung của chương trình này là chính sách bán vật tư giúp công nhân làm nhà ở trả góp. Năm 2001, đã có thêm 204 hộ được "mượn trước" vật tư trị giá trên 200 triệu đồng để làm nhà, nâng tổng trị giá vật tư Công ty cho vay từ trước đến nay lên 50 tỉ đồng, và số hộ nhờ chính sách này đã được "an cư" là 5 896 hộ. Với công nhân cao su đây là một niềm mơ ước. Năm 2001 vừa qua đã có 550 hộ công nhân được Công ty cho vay 600 triệu đồng để làm kinh tế gia đình, 326 hộ công nhân nghèo được hỗ trợ 220 triệu đồng ; 2 486 lượt hộ gặp khó khăn được trợ cấp trên 300 triệu đồng và 3 246 kg gạo ; 500 hộ khác được hỗ trợ 50 triệu đồng quà tết Tân Ty ; 1 000 người nghèo đơn chiếc trên địa bàn được tặng quần áo ; 700 CBCNV được bố trí đi tham quan du lịch với tổng kinh phí trên 500 triệu đồng. Đảng bộ Công ty đã phối hợp với các trung tâm và trường trên địa bàn mở 2 lớp đối tượng đảng cho 182 quần chúng (đã kết nạp được 41 đồng chí) ; 4 lớp lý luận chính trị phổ thông cho 296 đảng viên ; 1 lớp trung cấp chính trị cho 77 đồng chí ; bồi dưỡng công tác cấp ủy cho 51 đồng chí ; tập huấn công tác dân vận cho 22 đồng chí... Công ty cũng đang cử 16 cán bộ đi học cao cấp lý luận, 7 cán bộ học cử nhân chính trị. Về công tác giáo dục và

đào tạo từ năm 1998 đến nay, năm nào Công ty cũng “dành” ra 200 triệu đồng để từng bước phổ cập văn hóa cấp 1 và cấp 2 cho công nhân. Riêng năm học 2000 - 2001, Công ty phối hợp với ngành giáo dục các cấp đã mở 24 lớp phổ cập văn hóa cấp 2 và 3 cho 713 công nhân.

Cao su Dầu Tiếng cũng là đơn vị tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Tiếp tục công tác “đền ơn đáp nghĩa”, năm 2001, Công ty đã xây tặng địa phương 10 căn nhà tình nghĩa, 14 căn nhà tình thương với tổng kinh phí 260 triệu đồng, nâng tổng số nhà tình nghĩa lên 213 cái, nhà tình thương lên 26 cái với tổng kinh phí trên 500 triệu đồng. Bằng tiền và hiện vật trị giá 342,2 triệu đồng, Công ty đã tổ chức nhiều đợt thăm hỏi các gia đình chính sách, giúp đỡ học sinh nghèo, hỗ trợ xây dựng trường lớp, làm đường giao thông, điện... góp sức giúp nhân dân trong vùng ổn định đời sống và sinh hoạt. Công ty còn nhận phụng dưỡng suốt đời 18 bà mẹ Việt Nam anh hùng, bao gồm việc chu cấp tiền chi tiêu hằng tháng và tặng quà, thăm hỏi các mẹ vào các dịp lễ, tết, ốm đau. Vừa qua, trước cảnh đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt, Công ty đã vận động CBCNV đóng góp một ngày lương, huy động được 300 triệu đồng và gần 100 triệu đồng khác (gồm tiền và hiện vật) do CBCNV tự nguyện “nhường cơm, sẻ áo” với đồng bào. Trăm thứ việc cần làm. Trăm thứ tiền phải chi. Việc nào, tiền nào ở Cao su Dầu Tiếng cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm và nghĩa tình.

Nếu để nói một điều gì đó mang tính bài học kinh nghiệm của Cao su Dầu Tiếng, theo chúng tôi - đó có lẽ là “sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy Bình Dương và lãnh đạo Tổng công ty Cao su Việt Nam ; sự hỗ trợ thiết thực của các cấp ủy chính quyền và các ban ngành, đoàn thể... đặc biệt, yếu tố có tính quyết định là sự nỗ lực rất lớn của lãnh đạo và toàn thể CBCNV...” như báo cáo tổng kết cuối năm của Công ty đã khẳng định.

Chúng tôi nêu câu hỏi này với đồng chí Trần Quốc Dương - Phó Bí thư Đảng bộ Công ty : - Thưa đồng chí, có nghĩa là năm nay, Cao su Dầu Tiếng vẫn hoàn toàn có thể chủ động các điều kiện về vật chất và tinh thần để CBCNV đón tết vui tươi như mọi năm ? - “Chủ trương của Đảng bộ Công ty là như vậy” - đồng chí nói - Thực hiện chủ trương này,

chúng tôi đang cố gắng làm sao để “tệ” lắm cũng có được tháng lương thứ 13 cho CBCNV đón tết”. Chúng tôi biết làm được điều này không dễ. Bình quân một tháng lương của Cao su Dầu Tiếng đã là 15 tỉ đồng. Đồng chí Dương nói tiếp : “Và vẫn như mọi năm, từ tháng 11 dương lịch, các đơn vị trực thuộc đã gửi phương án tổ chức đón tết của mình về công ty. Các vấn đề dự trù kinh phí cho các hoạt động phục vụ tết, các chương trình đi thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các gia đình khó khăn v.v... và quan trọng nhất là việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao mừng Đảng, mừng xuân được “trình diễn” rất cụ thể. Chúng tôi thống nhất tinh thần của năm nay là đón tết vui tươi, tiết kiệm và ấm cúng. Ngoài tiền lương và tiền thưởng, Công ty không “quên” để ra 1 tỉ đồng để hỗ trợ các hoạt động đón xuân vui tết”.

Vâng, trên một vùng đất khá cách biệt với phố phường, Cao su Dầu Tiếng lại vừa đi qua một năm có nhiều thử thách. Và vẫn còn đó những trăn trở lo toan của thời kỳ kiến thiết và tích lũy... Nhưng chúng tôi vẫn nhận ra sức xuân lại bùng lên trên những cánh rừng cao su, cũng như trên từng gương mặt đầy tự tin của công nhân Công ty Cao su Dầu Tiếng anh hùng.□



Đầu xuân, kể vài giai thoại trong CÂU ĐỐI*

VIỆT HƯNG

CÂU đối là một hình thức biểu hiện rất độc đáo của văn học. Trong truyền thống văn hóa Việt Nam (nói riêng) và các dân tộc phương Đông sử dụng ngôn ngữ đơn âm tiết thì việc sáng tác và chơi câu đối, hoành phi trở thành một nghệ thuật làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần.

Ngày xưa, ở nước ta các bậc túc nho, trí giả không nhiều, nhưng không mấy ai là không sáng tác câu đối, hoành phi. Đó là một thú chơi tao nhã của người có học vấn. Thú chơi ấy được mở rộng ra trong nhân dân và trở thành một truyền thống rất đáng quý của người Việt Nam. Ở các thôn làng, thường vào dịp tết nhà nào cũng có “*câu đối đỏ - bánh chưng xanh*”. Người nông dân, dù đời sống còn nhiều khó khăn, nhiều người không biết chữ nhưng mỗi độ tết đến, xuân về vẫn đến nhà hoặc khi đi chợ tết thường tìm gặp các ông đồ để xin (mặc dù là phải mua nhưng dân gian không ai nói là mua) câu đối về treo chơi tết. Khi trong nhà có việc vui, việc buồn người ta cũng tìm đến người “*hay chữ*” trình bày ý nguyện của mình và xin chữ đem về nhà treo vào nơi trang trọng vừa để thưởng ngoạn, vừa gửi gắm niềm tâm sự. Chữ thầy đồ cho, hầu hết có nội dung giáo dục con người về nhân cách và đạo đức, thể hiện những khát vọng tốt đẹp, những

rung cảm tâm linh thăm thẳm trong đáy sâu của tâm hồn con người trước cuộc đời.

Bên cạnh những sáng tác của những người có chữ nghĩa, câu đối nhiều khi còn là kết quả sáng tạo của nhiều người. Cũng giống như văn chương nói chung, câu đối có nguồn mạch chất từ cuộc sống, lao động và ứng xử của con người trước thiên nhiên, xã hội. Từ lời ăn tiếng nói hằng ngày mà ngẫu thành câu đối, rồi được ghi nhớ truyền tụng lại. Vì vậy, trong dân gian còn nhiều giai thoại về câu đối rất lý thú, mang bản sắc văn hóa rất đậm đà. Không mấy ai là không biết một giai thoại về tài ứng đối của Hồ Xuân Hương - Bà Chúa thơ Nôm - thuở đi học, một bận gặp mưa, đường trơn, bị ngã. Một sĩ tử đã chòng ghẹo, chế giễu. Vốn là người thông minh, Bà đối đáp lại ngay : “*Giơ tay với thử trời cao thấp. Xoạc cẳng đo xem đất vấn dài*”.

Do đặc trưng ngôn ngữ dân tộc mà các cấu trúc ngữ pháp, ngữ nghĩa và trong cách đối thoại của người Việt Nam, từ cái cụ thể, đơn lẻ đến cái trừu tượng và rộng lớn đều có xu hướng hình thành nên một chỉnh thể cân đối, hài hòa và không kém phần “*năng động*”. Các quan niệm, nhận thức của đời sống văn hóa tinh thần, về các hiện tượng tự nhiên và xã hội cũng được hình thành và tồn tại theo một trật tự cân đối, cân xứng. Điều đó được thể hiện qua rất nhiều lĩnh vực của văn hóa nghệ thuật (theo nghĩa rộng). Câu đối - sản phẩm của tư duy và trí tuệ cũng không nằm ngoài quy luật cân xứng và cân đối ấy. Câu đối càng ngắn thì càng khó “*tạo tác*”. Ngắn gọn mà chỉnh ; một câu có khi chứa đựng cả thần khí của con người, tạo được cái thế bất ngờ, bao hàm cả ý tứ sâu xa, rộng lớn làm cho người đọc nó, thưởng ngoạn nó từ trong hữu hạn mà nhìn thấy cái vô cùng. Ngoài đặc điểm **cân đối, cân xứng**, chỉnh thể câu đối còn là sự **nén dồn chữ nghĩa**.

* Bài viết có sử dụng tư liệu của các đồng nghiệp : Khúc Hà Linh (Hải Dương), Hoàng Di (Hưng Yên), Xuân Mai (Hà Nội) và báo chí trong nước

Sự chất lọc ấy tạo ra nội lực nhiều, mà sức công phá lớn. Mặc dù lề luật rất chặt chẽ nhưng ý tứ lại có thể len vào mọi ngõ ngách của đời sống con người. Từ vũ trụ bao la, trời đất siêu phàm, non sông gấm vóc, thế thái nhân tình đến chuyện buồn the cảm kỷ hoặc những nghề nghiệp rất quan thiết cho đời sống nhưng người đời lại không mấy coi trọng. Cho nên, tính biểu trưng, biểu cảm trong nghệ thuật chơi chữ trong câu đối rất cao. Từ kỹ thuật ngôn từ được nâng lên những cung bậc và cấp độ cao hơn thành một nghệ thuật. Những sự vật, sự việc không thể nói “trắng” ra được, người ta phải mượn con chữ để thể hiện. Cuộc sống vốn phong phú vô cùng. Con người cũng tế nhị và nhạy cảm vô cùng nên trong chừng mực nào đó phải mượn câu chuyện, hình ảnh, sự vật, điển tích, điển cố ở nơi này để nói về việc khác, nơi khác. Và không chỉ có **đối thanh** (âm thanh - âm tiết), **đối ý** (ý tứ - ý nghĩa - chủ thể) và **đối lời** (câu - chữ, từ ngữ) mà các tác giả còn sử dụng nhiều kỹ thuật về ngôn ngữ về bằng - trắc, xuôi - ngược, nói lái, nói trạo, dùng cả chữ Hán, chữ Nôm, chữ quốc ngữ (tiếng Việt), thậm chí cả các từ số trong tiếng Pháp, tiếng Anh lồng ghép vào... nhờ đó mà câu đối có thể tung hoành ngang dọc trong sự vật, sự việc. Ngoài ra, trong nghệ thuật chơi câu đối còn có lối ra những vế đối bỏ ngo (hoặc tác giả chỉ sáng tác được một vế) để mời người đối, tạo nên một thói quen sinh hoạt văn hóa bổ ích và lịch lãm.

Rõ ràng câu đối là một nghệ thuật. Nghệ thuật như rừng, khó nói hết. Ngày Xuân, phiếm đàm về câu đối, cũng nhân đây xin ghi lại vài giai thoại. Còn về những câu đối nổi tiếng lưu trong sử sách và bia đá thì chắc bạn đọc đã tỏ rồi.

Một lần đi điền dã để sưu tầm về văn hóa dân gian thuộc tỉnh Hưng Yên, tôi được một cụ già kể cho nghe câu chuyện về nghệ thuật thêm chữ trong câu đối : ở một làng nọ, có một nhà nho nghèo hay chữ, chỉ có sách là nhiều. Bên cạnh nhà ông là một nhà giàu hợm của, rất coi rẻ chuyện học hành. Tết đến lão nhà giàu thường khoe mẽ bày biện trong nhà ngoài ngõ đủ thứ. Lão có khóm trúc quân tử làm cảnh rất đẹp mang bày trước cửa để tỏ cho mọi

người thấy rằng mình cũng là người giàu có cao đạo. Thấy vậy, nhà nho bèn viết một đôi câu đối trên giấy điều dán trước cổng nhà mình. Câu đối như sau : - *Gia trung vạn quyển thư. Ngoại môn sở trúc tử* (trong nhà có “vạn” quyển sách quý - bên ngoài cửa (nhà bên) có một khóm trúc) theo tự dạng của nhà nho thì chữ “*tử*” còn có nghĩa là “*chết*”. Biết mình bị lờn, lão nhà giàu tức giận mang dao phạt mất khóm trúc quý. Tiếp đó, nhà nho lại cầm bút ra thêm vào hai chữ “*trường*” sau chữ “*thư*” và chữ “*doãn*” sau chữ “*trúc*”. Lão nhà giàu lại càng tức giận, sai người nhà đem đào hẳn khóm trúc vứt đi. Nhà nho vẫn chưa buông tha, lại cầm bút ra cổng và viết thêm vào vế đối chữ “*hữu*” sau chữ “*trường*” và một chữ “*vô*” sau chữ “*doãn*”. Đến nước này thì lão nhà giàu đành ngậm đắng nuốt cay, không dám ngạo mạn coi thường nhà nho hay chữ nữa.

- Ở đền thờ Tống Trân thuộc huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) còn treo đôi câu đối mà hai chữ cuối ở mỗi vế đều bị đục xóa. Hỏi ra thì biết là người ta đã bớt chữ trong câu đối này. Nội dung vế đối được dịch đầy đủ như sau :

- *Trạng nguyên chín tuổi vang trời Việt. Sứ sứ mười năm khét đất Ngô.* Câu đối ngợi ca người được thờ là Tống Trân đỗ Trạng nguyên năm chín tuổi và cuộc đời làm quan của ông có 10 năm đi sứ bên Tàu rất nổi tiếng. Bớt đi hai chữ “*Việt*” và “*Ngô*” sức ngợi ca bỗng trở nên bao la, hoành tráng : ... *vang trời* và.... *khét đất* thì mệnh mông quá.

Chuyện “*bớt chữ*”, “*chia chữ*” câu đối trong lịch sử thì về danh sĩ Cao Bá Quát mới là “*Thần*”. Ngày tết người dân quanh vùng “*xếp hàng*” ở nhà “*Cụ*” để xin chữ. Đức cận dân không cho phép Cụ từ chối, thành thử Cụ phải nghĩ ra một câu để chia được cho nhiều người. Tứ dân - Bách nghệ, làm sao để ai đến xin được chữ đem về đều mãn nguyện mới là khó. Có một người hành nghề làm áo quan bán, tính dễ dãi nên làm ăn khá giả, cuối năm đến xin chữ. Cụ Quát cho - *Thiên thêm tuế nguyệt, nhân thêm Thọ. Xuân mãn càn khôn, phúc mãn Đường*

(trời đất chuyển vận thì con người càng dẻo dai trường thọ, mỗi tiết xuân đến, xuân đi thì gia chủ được đầy phúc trong nhà), lại được cả hai chữ “*thọ đường*” để nói với nghề thì thật là trác tuyệt, không lẫn với ai. Sau đó vài người khác chỉ xin cụ cử để làm hoành phi treo trên bàn thờ. Người thì sở nguyện về sự trường thọ, người thì mong muốn điều phúc đức, cụ đem bút mỗi vế bốn chữ rồi “*chia*” cho họ “*Nhân thiên thọ*” và “*Phúc mãn đường*”. Cả hai đều mừng vì xin được chữ hay. Lại có chị phụ nữ lấy chồng đã lâu, mong mỗi mãi mới có thai nên mừng lắm, bèn vác cả bụng to đến xin chữ về treo. Cụ Quát liền bút đi mỗi vế đi một chữ cuối. Hai vế đối chỉ còn : *Thiên thiên tuế nguyệt, nhân thiên. Xuân mãn càn khôn, phúc mãn* (trời đất càng chuyển vận thì càng thêm con cái. Mỗi một mùa xuân đi qua thì lại được dịp chờ “*khai hoa*” chữ “*phúc mãn*” còn có ý nghĩa là bụng to). Vừa được Cụ Quát lờm vui, lại vừa đúng ý trung nhân ở nhà nên chị ta đã vui vẻ tạ lễ Cụ rồi ôm chữ mang về.

Về thuật **mượn chữ, mượn lời mà nói lên ý** mình trong câu đối, xin dẫn vài chuyện nhỏ. Chuyện thứ nhất. Có một phụ nữ xinh đẹp và thông minh nhưng không may chồng mất sớm, chỉ có mỗi mụn con nhỏ dại. Nhưng cái đẹp dường như là do trời phú, càng khó khăn vất vả nhà chị này càng làm cho thiên hạ “*mòn con mắt*”. Chị phải mở hàng ăn để kiếm tiền nuôi con. Cái quán ấy rất nhiều người đến và không ít người tỏ ý bõm xom, tán tỉnh. Chị đành tề nhị treo lên vách quán một vế đối : *Nạc mỡ* *nữa làm gì, em nghĩ chín rồi, đừng nói với em câu tái giá*. Sau khi treo lên, nhiều bậc tài tử phải giật mình. Không ngờ chủ quán cũng là người có học. 16 chữ trong vế đối mà có đến 5 chữ nói về nghề com phở, ăn uống : “*nạc*”, “*mỡ*”, “*chín*”, “*tái*”, và “*giá*”, lại còn ngầm ý với các anh đừng chòng ghẹo để cho em yên phận nuôi con. Một anh thợ cắt tóc hay mồm mép tán tỉnh liền xin đối lại bằng chính nghề của mình : *Tóc tơ đâu phải rốn, tơ liễu kéo lại, đừng nên trốn tơ chuyện dao, đầu*. Một ông lang làm nghề bốc thuốc cũng tỏ ra thạo đời không chịu thua kém anh chàng phó cáo, đã tỏ rõ tài năng :

Thuốc thang chưa đỡ hủ, tôi còn bốc nữa, không nghe thì tôi phải bóp xoa. Cuộc đối đáp quanh người đẹp càng trở nên vui nhộn, chẳng ai chịu nhường ai. Bấy giờ, anh làm nghề mổ lợn cũng ra tay : *Hành tởi vừa thôi chứ, khách hăng tiết đấy, hãy thêm cho khách đủ rằm mùi*.

Chuyện thứ hai : Lê Thánh Tông là ông vua hay chữ và cận dân. Ông là người đứng đầu hội Tao Đàn nhị thập bát tú ở kinh thành Thăng Long. Một lần giáp tết, ông cải trang thành cậu học trò đi vi hành để xem dân tình ăn tết ra sao. Ông rẽ vào một phố nghèo thăm nhà một người dân làm nghề đồ thùng. Tết đến mà gia cảnh túng bấn không có tiền mua câu đối. “*Cậu khóa*” Lê Thánh Tông bèn đến hàng văn mua một tấm lụa hồng rồi mượn bút viết tặng đôi câu đối như sau : - *Đái nhất nhung y, đảm thế gian nan sự. Trì tam xích kiếm, thu thiên hạ nhân tâm*. Nghĩa là : Khoác một tấm áo, làm việc khó khăn trong thiên hạ. Dẫn ba thước kiếm, thu được lòng dạ của thế gian. Câu chữ thì nghe như nói về bậc hiền nhân quân tử mà sự thật ở đây lại nói về một nghề khó nhọc gian nan. Nhưng là người có văn hóa thì cũng nên lấy điều ấy làm trọng.

Lại nói thêm một chuyện về thuật **nói lái, nói ngược** trong câu đối : Khoảng cuối thập niên 80 thế kỷ trước, trong lực lượng công an có chỉ thị cấm uống rượu trong ngày làm việc. Các báo cũng nhiệt tình tuyên truyền hưởng ứng chủ trương này. Tết, trên báo công an có một vế mời đối : - *Công an : can ông đừng uống rượu*. Phải đến mấy năm sau mới có một vế đối lại của tác giả Đỗ Dân như sau : - *Chủ báo : bảo chú chớ ăn chè*. Khuyên việc rượu chè là nói nên tránh rượu chè bê tha, say sưa tùy tiện, nhất là dịp tết. Phải sinh hoạt sao cho đúng với thuần phong mỹ tục của dân tộc và chủ trương của Đảng - Nhà nước : Tết vui vẻ, an toàn và tiết kiệm. Vế đối lại đạt được cả cách nói lái mà lại trúng chủ đề xây dựng nền nếp văn hóa trong đời sống.

Ngày tết, phẩm đàm vài chuyện về câu đối, góp vui cùng bạn đọc nhân khi nhân tân lúc xuân về cũng là để mừng một mùa xuân Nhâm Ngọ trong thể thượng phong của đất nước. □



Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

(Nguyễn Du)

Dòng chảy hội cùng với thời gian.

Mùa xuân là mùa hội hè lại là mùa có nhiều hội nhất trong năm. Lúc này công việc thanh nhàn, lòng người thanh thoi, thời tiết ấm áp, cây cối đâm hoa nảy lộc, như cùng phô sắc thắm, cùng vui với người. Theo danh sách liệt kê của sách *Lễ hội cổ truyền*, số hội trong cả năm ở nước ta là 118 thì mùa xuân có 91, nghĩa là chiếm 77%. Tuy vậy, suốt trong cả năm không tháng nào dứt dòng người trẩy hội, trong đó nhiều nhất là tháng tám (*Tháng tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ*).

Đây là nói về một năm, còn xét về lịch sử, từ xưa đến nay, dòng hội hè vốn bất tận. Trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, mấy ngàn năm trước đã thấy khắc dòng người hóa trang, múa nhẩy, hát giao duyên, thổi kèn, đánh trống, đánh chiêng, đua thuyền,... Trong thời kỳ văn hóa Đại Việt, chúng ta có hội chùa, hội đình và hội đền, ngoài các hội gắn

với tín ngưỡng nguyên thủy, với nông nghiệp lúa nước, còn có nhiều hội hè thuộc về Đạo giáo, tín ngưỡng thành hoàng, hội tôn thờ các anh hùng dân tộc... Không ít hội là sự cấu thành của nhiều thứ lớp nội dung nói trên. Các triều đại gia phong các vị thần làm cho hội được nâng cao, toàn quốc hóa, trong đó có các hội có vị trí quốc gia, được gọi là quốc tế (Nhà nước chủ trì việc tế lễ) như hội Đền Hùng, hội Trường Yên, hội Phù Đồng...

Cho đến ngày nay, diện mạo của hội hè nước ta cơ bản vẫn như truyền thống. Và những năm gần đây, trong đổi mới, đời sống tinh thần và vật chất được nâng cao, đặc biệt là hội hè không bị ngăn trở bởi chiến tranh hoặc các nguyên nhân khác, nhân dân mở hội tung bừng khắp nơi.

Hà Nội, ước tính toàn thành phố hằng năm có trên 200 lễ hội to nhỏ các loại, chủ yếu được diễn ra ở các vùng nông thôn ngoại thành. Năm 1993, Thái Bình có gần 100 làng mở lại hội có những hội cuốn hút cả nhân dân các tỉnh ngoài về dự như hội

* GS, TS KH, Viện Văn hóa dân gian, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

chùa Keo, hội Tiên La, Đồng Bằng, Đồng Sâm, La Vân, đền Hệ... Các hội lớn có đến 5 vạn người dự.

Ở cố đô Huế, các hội được phục hồi và phát triển khá nhiều : hội hát trò ở Phò Trạch, Cầu Ngư ở Thai Dương, hội vật võ làng Sinh, hội ngành rèn Hiền Lương, hội chạp trở Mỹ Xuyên, hội kim hoàn, ca nhạc, tuồng ở Huế, hội thờ Mẫu ở điện Hòn Chén...

Ở Nam Bộ, hội không nhiều nhưng lại lớn, Hội Bà Chúa Xứ núi Sam, An Giang, số người dự có năm lên đến nửa triệu. Hội đền Linh Sơn Thánh Mẫu ở núi Bà Đen, Tây Ninh, thường đông đến hàng chục vạn người. Hội Lăng Ông Bà Chiểu ước tính hàng triệu lượt người dự.

Ở miền núi có các hội tiêu biểu như hội lũng tùng (Tày), hội chơi hang (Thái), hội sải sán (Mông) ; hội pơ thi, đâm trâu, rước kpan... của các dân tộc Tây Nguyên ; hội đua thuyền Ôk âm bok, Chôl Xnâm thmây... của người Khơ-me.

Khắp đất nước, từ Bắc chí Nam, miền núi cho đến miền xuôi, đâu đâu cũng mở hội. Vậy chúng ta thử tìm hiểu do nhu cầu gì mà nhân dân nô nức với hội hè.

Sau đây là kết quả điều tra về nhu cầu của nhân dân vùng Hà Bắc với hội lễ trong thời kỳ hiện đại.

Việc điều tra được tiến hành trong 4 đối tượng : nông dân, viên chức, thương mại - tiểu thủ công và học sinh. Như vậy là có các giới, các nghề nghiệp, các độ tuổi và có đối chiếu miền núi - miền xuôi. (1)

Với đối tượng nông dân, nhu cầu chiếm 90,6% (cả miền núi lẫn miền xuôi) đối với lễ hội là : giải trí, xem và dự các trò vui ; hòa đồng, tìm hiểu lịch sử truyền thống văn hóa dân tộc và giải tỏa tinh thần mệt mỏi căng thẳng.

Với đối tượng thương mại - thủ công nghiệp, nhu cầu sinh hoạt văn hóa lễ hội tập trung chủ yếu vào việc đi lễ, cầu an, cầu tài, cầu lộc, chiếm tỷ lệ 96,2%, đối với miền xuôi và 90,6% đối với miền núi. Như vậy trong xã hội hiện đại, với cơ chế thị trường nhiều may rủi, niềm tin tâm linh ở đối tượng này khá lớn

Với viên chức, tham dự lễ hội tập trung vào việc tìm hiểu lịch sử văn hóa dân tộc, tham quan du lịch,

giải tỏa tinh thần căng thẳng, xem và dự các trò chơi cổ tục.

Với học sinh phổ thông, nhu cầu tìm hiểu văn hóa dân tộc, các trò vui cổ tục khá cao, chiếm tỷ lệ 93,3%, cả miền xuôi lẫn miền núi. Điều này khẳng định thể hệ trẻ ngày nay, trong đời sống hiện đại vẫn có nhu cầu tìm hiểu hướng về cội nguồn dân tộc.

Nhìn chung, “nhu cầu sinh hoạt lễ hội ở 4 đối tượng trên là một nhu cầu thực tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, ở Hà Bắc nói riêng, cũng như cả nước nói chung. Con người trong thời đại ngày nay vẫn rất cần tham dự lễ hội và lễ hội thực sự cần thiết cho nhu cầu văn hóa của con người” (2) “Nhân dân không chỉ yêu cầu nghe nhìn như sử dụng hệ thống kỹ thuật thông tin điện tử, mà còn yêu cầu có sự hội nhập, hòa đồng, dần thân thực sự vào không gian, thời gian diễn ra lễ hội” (3).

Con số thống kê ở trên được tiến hành ở một vùng văn hóa tiêu biểu và vào năm 1999. Một lần nữa chúng ta thấy nhu cầu hội lễ thực sự là của quần chúng nhân dân, không chỉ có ngày xưa, mà kể cả trong xã hội hiện đại, cả miền núi và miền xuôi, trong các tầng lớp, nông dân, viên chức, người buôn bán, thợ thủ công, thanh niên học sinh.

Như vậy có thể nói *dòng chảy hội ở nước ta tiếp tục chảy theo dòng thời gian*. Nhưng nhìn ra các nước trên thế giới tình hình cũng như vậy.

Trước hết hãy xem Trung Quốc, nước láng giềng có một truyền thống văn hóa gần gũi với ta và có một trình độ công nghiệp hóa không cách xa ta mấy.

Để phục vụ cho việc phát huy hội lễ trong cuộc sống hiện đại, Trung Quốc đã thực hiện một công trình điều tra khảo sát, sưu tầm tuyển chọn hội lễ trong toàn quốc. Cuối cùng các nhà nghiên cứu đã tuyển chọn được 1 572 hội của 56 dân tộc, được coi là những hội có giá trị, cần phải giới thiệu và phát huy. Số lượng hội đồ sộ đó được công bố trong một cuốn từ điển hội lễ có tên là *Trung Quốc dân gian*

(1) Bùi Văn Thành : *Luận án tiến sĩ Lễ hội truyền thống của người Việt ở Hà Bắc, 1999*

(2), (3) Bùi Văn Thành : *Tài liệu đã dẫn*

tiết nhật văn hóa từ điển, xuất bản năm 1990, tại Bắc Kinh.

Những hội lễ Trung Quốc thường được phát huy trong cuộc sống gồm 4 loại chính :

- Lễ hội tôn vinh các anh hùng cứu quốc và những nhân vật lịch sử nổi tiếng. Thí dụ như *Sấm vương miếu hội* thờ Sấm vương Lý Tự Thành, lãnh tụ nông dân khởi nghĩa. Cứ 3 năm một lần mở hội, liền trong 3 ngày. Ngoài nghi thức cúng tế còn có các mục biểu diễn võ thuật, xiếc, thể thao, kịch hát, vui chơi giải trí. Khách thập phương đến rất đông. Cả một vùng rộng lớn quanh đền miếu đông vui tấp nập, có đủ các loại hàng quán như một khu hội chợ.

- Lễ hội phục vụ các ngày lễ của tôn giáo chủ yếu là Phật giáo : Các hoạt động trong hội ngoài nội dung phục vụ chủ đề tôn giáo tín ngưỡng cũng có các tiết mục văn nghệ, vui chơi, giải trí.

- Lễ hội gắn với nông nghiệp và thủ công nghiệp : Loại này gồm có Tết năm mới, hội xuống đồng, mừng cơm mới, mở cửa rừng, hội kỷ niệm tổ sư các ngành nghề...

- Hội gắn với đặc sản địa phương : Ví dụ như *Mẫu đơn hoa hội* (Hội hoa mẫu đơn) ở Lạc Dương nơi có nghề trồng mẫu đơn từ đời Tùy (thế kỷ VII). Cho đến nay mẫu đơn vẫn là đặc sản ở đây, hiện có tới 180 loài khác nhau. Vào dịp mở hội, địa phương tổ chức các chợ hoa, hội thi hoa, tiệc hoa (hoa yến), ca vũ nhạc về hoa. Các nhà thơ tổ chức các đêm thơ ca tụng mẫu đơn. Các họa sỹ, nhà nhiếp ảnh thi tranh ảnh mẫu đơn. Ngoài ra có nhiều trò chơi, trò giải trí gắn với nếp sống tôn trọng vẻ đẹp thiên nhiên, bảo vệ thảo mộc, môi trường. ⁽⁴⁾

Các nước khác trên thế giới đều duy trì những hội lễ tiêu biểu của họ. Có thể kể những hội nổi tiếng sau đây :

Hội mừng ở bãi biển Yamana, đông bắc Bra-xin, là một cuộc nhảy múa và nhập đồng mê cuồng, nhằm hồi tưởng lại một châu Phi xa xưa. Những hội rước có từ thời Aten cổ đại được lưu giữ đến ngày nay ở Hy Lạp. Đám cưới của tổng trấn thành Vơ-ni-dơ và thần biển ở I-ta-li-a. Hội hóa trang có khắp nơi, tiêu biểu là Vơ-ni-dơ, Mui-nich (Đức), Nga... nhất là Bra-xin. Những bữa ăn cộng cảm được gọi là agapê (tiệc yêu đương), vốn có từ

thời Hy Lạp cổ đại. Hội mừng mùa xuân, gô gô, ở Ấn Độ, mừng nữ thần của sự giàu có. Hội Inca ở Pê-ru, tổ chức vào hạ chí. Hội sư tử giả, gọi là Xim-bơ ở Xê-nê-gan. Hội lễ vong nhân ở Mê-hi-cô, bắt nguồn từ thời kỳ tiền Cô-lông-bơ. Hội lấy nước, Ô-mi-giu-tô-ri ở Nhật Bản...

Khao khát hội hè trong xã hội hiện đại ?

Trước đây đã có nhiều nhà nghiên cứu nói về vai trò, ý nghĩa của hội lễ. Hội là nơi cuốn hút, gìn giữ và lan tỏa văn hóa nghệ thuật của làng cho đến nhiều làng và toàn dân tộc. Hội là một pho lịch sử khổng lồ, ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng, những sự kiện và nhân vật lịch sử quan trọng. Hay nói cách khác hội lễ thực hiện các chức năng phản ánh và bảo lưu truyền thống, tuyên truyền và giáo dục, hưởng thụ và giải trí.

Tuy nhiên, có người đặt lại vấn đề. Tất cả những điều trên đều đúng, nhưng chỉ đúng với thời kỳ xa xưa, ngày nay khi con người không tin những điều huyền bí nữa thì hội lễ chỉ trần tục khô cứng như những trò chơi thể thao ; khi tính chất đô thị phát triển mạnh cả ở nông thôn, cộng đồng truyền thống bị xé nhỏ ra thành những cá nhân lẻ loi, giữa một đám đông ngày càng vô danh và xa lạ ; khi các phương tiện truyền thông hiện đại có hiệu lực cao và đi sâu vào các ngõ xóm xa xôi... “thì khao khát hội hè mà làm chi ? Hội hè vẫn tiếp tục, nhưng từ nay người ta mừng cái gì ở nó” ⁽⁵⁾. Vấn đề đặt ra là, tuy chấp nhận sự tồn tại của hội hè, nhưng không hiểu người ta mê say hội để đạt nhu cầu gì của con người hiện đại ?

Xã hội hiện đại, con người có ý thức mạnh mẽ về cá nhân, nên ngoài việc ngồi yên để chứng kiến thưởng thức các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật, vui chơi, thể thao, họ càng có nhu cầu mạnh mẽ tự thể hiện qua các hoạt động đó. Vì vậy, từ sân khấu cổ điển, buộc người ta chỉ nghe nhìn một cách nghiêm túc với những quy tắc nghiêm ngặt về khán trường, y phục của khán giả ; con người hiện đại đi đến sân khấu hòa đồng khán trường và diễn trường với tân nghệ thuật kiểu rốc, pốp,... ka-ra-ô-kê cũng

(4) Đặng Đức Siêu : *Một vài nét về tình hình phát huy các giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống Văn hóa đương đại của Trung Quốc*, báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học văn hóa dân gian trong sự nghiệp đổi mới
(5) Lễ hội nơi nơi, *Người đưa tin UNESCO*, 12-1989, tr. 9

là một khuynh hướng nhằm tăng cường nhu cầu tự thể hiện của quần chúng.

Hội chính là nơi mọi người được thực thi nhu cầu thể hiện mình một cách thuận lợi nhất. Ở hội, mọi người có thể biểu hiện vai trò và năng lực cá nhân trước đông đảo quần chúng. Nơi đây, không phải là nhà nghề và nhà thể thao chuyên nghiệp cũng có thể ca hát, nhảy múa, đua thuyền, đấu vật... hoặc cũng được cầm cờ, cầm lọng, khiêng trống. Những vai trên, mặc dầu đã đông đảo, vẫn là hữu hạn thì ít nhất cũng được mặc bộ quần áo đẹp, đội cổ, mang lễ theo người lớn đi dự hội. (Khi sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, đầu tiên đại, người ta cũng chỉ là người chứng kiến các hoạt động sáng tạo văn hóa - thể thao)

Hội lễ tôn vinh các anh hùng dân tộc, người có công với nước hoặc với dân làng. Họ hầu hết là thành hoàng làng, gần gũi mọi người, có thể phù hộ hay trách phạt dân làng. Ở ngày hội người ta được bày tỏ sở cầu, sở nguyện đối với các vị trong những giờ phút linh thiêng nhất, mà người ta tin sự linh ứng chứng giám sẽ cao nhất.

Đối với cư dân nông nghiệp như nước ta và các nước trong khu vực, các lễ hội đều có một cơ tầng chung, một mẫu số chung là cầu mưa, cầu nước, khánh chúc mưa, khánh chúc nước, cầu được mùa, mừng được mùa, dâng lễ vật tạ ơn tổ tiên, trời đất. Thao tác cầu nguyện này lúc khởi nguyên chỉ là những lời khấn bằng ngôn ngữ giản đơn dễ hiểu, như ta thường thấy ở các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên. Dần dần chúng được nghi thức hóa như là một tín hiệu khó hiểu và trở thành một thứ vô thức cộng đồng. Ý thức hoặc vô thức, người dự hội thực hiện được nhu cầu tự mình cùng cộng đồng trực tiếp đề đạt sự cầu nguyện và tạ ơn. Trước cộng đồng, với sự cộng hưởng của ý nguyện và ngôn ngữ, người ta tin rằng hiệu lực sẽ cao hơn.

Theo suy đoán thông thường thì trong xã hội hiện đại con người không tin vào tâm linh. Nhưng thực tế và qua điều tra, (như đã trình bày), trong xã hội ngày nay, với cơ chế thị trường, con người bị đe dọa bởi bao nhiêu sự rủi ro và tệ nạn xã hội không lường được, nên một bộ phận công chúng vẫn phải dựa vào những lực lượng bên ngoài và bên

trên mình, không chờ chứng minh rằng chúng tồn tại hay không.

Con người đầu ở giai đoạn lịch sử nào cũng là một thực thể có tính xã hội. Vì vậy, con người hiện đại, ngoài nhu cầu thể hiện cá nhân mình, còn có nhu cầu được thoát ra khỏi sự vây hãm của nỗi cô độc cá nhân, để đi đến với cộng đồng. Hội hè là dịp tốt để mọi người thể hiện sự hòa đồng cộng cảm, bao gồm cộng cảm với xã hội và hòa đồng với thiên nhiên.

Ngày hội, người nông dân đồng bằng mở rộng cổng ngõ, mở rộng tấm lòng vì công việc cả làng. Mọi suy nghĩ và việc làm ngày hội là vì làng. Lễ vật dâng cúng phải tinh khiết, đúng quy định kiêng khem, phải cố gắng tốt đẹp, ngon lành nhất để đem lại sự may mắn, tránh rủi ro cho làng. Tế lễ rước xách, nói năng phải kính cẩn, nghiêm chỉnh để đem lại những tốt lành chung cho cả làng.

Ngày hội làng, dân làng phải lịch sự niềm nở với khách bạn vì niềm tự hào và uy tín của làng. Nhiều làng có tục làm cỗ hoặc bánh trái đặc sản để tiếp khách. Dầu cả năm tằn tiện thì ngày hội cũng phải phóng khoáng, rộng rãi vì lúc này họ thay mặt cho làng đón khách.

Nói rằng hội là do một hoặc các làng kết chạ chịu trách nhiệm về tổ chức và tinh thần nhưng là nơi mở rộng mối quan hệ cộng đồng của nhiều làng, của tổng, có khi của cả nước, như các hội "quốc tế".

Ngoài việc đem đến sự cộng cảm của cộng đồng xã hội, lễ hội còn đem lại sự hòa đồng với thiên nhiên.

Ở các trung tâm hội lễ của nước ta, kiến trúc đình đền, chùa tháp, lăng mộ thường được hòa vào những thắng cảnh thiên nhiên. Đi hội là một dịp được sống giữa cảnh trời mây, sông nước, núi non cây cỏ... Nhiều hội thêm thu hút sự mong đợi của khách là do cảnh thú thiên nhiên như hội chùa Hương, Yên Tử, Bích Động, Phong Nha... Đúng như Chu Mạnh Chinh đã viết :

Bầu trời cảnh Bụt,

Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.

Người xưa đã thế, con người hiện đại ngày nay càng cần như thế. □



THẾ GIỚI

HẬU ÁP-GA-NI-XTAN

NGUYỄN HỒNG LĨNH *

TẤT cả những diễn biến đầy kịch tính từ sau 11-9 đã khiến cục diện an ninh toàn cầu chao đảo, cục diện chính trị và quan hệ quốc tế có nhiều thay đổi lớn, cả cục diện kinh tế thế giới trước 11-9 vốn đã có dấu hiệu xấu đi nay càng xấu thêm. Loài người đang sống trong trạng thái không yên ổn, đầy những biến động, bất trắc, bấp bênh khôn lường. Sau 3 tháng căn bản kết thúc (có thể nói là thắng lợi) giai đoạn đầu cuộc chiến chống khủng bố, xem ra Mỹ đang thừa thắng, không muốn dừng lại ở Áp-ga-ni-xtan, liệu Mỹ có nhân danh chống khủng bố lao tiếp vào những mục tiêu mới ?

Vụ tấn công khủng bố vào Trung tâm Thương mại thế giới và Lầu năm góc cho thấy những kẻ khủng bố coi Mỹ là kẻ thù gây nhiều tội ác, tuy nhiên điều đó tuyệt nhiên không thể biện bạch cho chính tội ác mà bọn khủng bố đã gây ra ngày 11-9 bi thảm với bao tổn thất lớn lao về vật chất, nhân mạng và các giá trị văn minh. Sự nguy hiểm lại thêm lên, tai hại thêm lên là bằng hành động dã man ngày 11-9, những kẻ khủng bố trong thực tế đã tạo cơ cho Mỹ nắm lấy ngọn cờ chống khủng bố quốc tế để lần đầu tiên trong lịch sử tập hợp được hầu như cả thế giới, kể cả các nước lớn, vào một mặt trận rộng lớn dưới sự chỉ đạo của

Mỹ, vì những toan tính sâu xa về chiến lược để quốc bá quyền đơn cực vô cùng thâm hiểm.

Mỹ còn có thể đi xa đến đâu khi tuyên bố rằng cuộc chiến chống khủng bố chưa kết thúc, rằng cuộc chiến đang bước vào giai đoạn mới ? Các quốc gia dân tộc và cả loài người phải hết sức cảnh giác với triết lý rất nguy hiểm : “Hoặc là các bạn đi với chúng tôi, hoặc là các bạn đi với bọn khủng bố”. Hãy tỉnh táo và tỉnh táo gấp 100 lần để nhận rõ thực chất các sự kiện và ý đồ rất thâm hiểm của những thế lực hiếu chiến, và để phân biệt chính xác các ranh giới, nhất là ranh giới giữa chống khủng bố với lợi dụng chống khủng bố để bành trướng bá quyền, khò sa vào cạm bẫy chiến lược lớn của họ. Một chính sách khôn ngoan là biết “tương kế tựu kế”, biết nhân cơ hội này giành lấy những gì có thể giành được, biết làm mạnh những gì mà bình thường khó làm được, biết lợi dụng mâu thuẫn các loại vì lợi ích đất nước trong khi Mỹ đang buộc phải có những nhân nhượng “mềm mỏng” vì nhu cầu tập hợp lực lượng chống khủng bố. Song, lại phải chú ý các giới hạn ; trong trường hợp có những thỏa hiệp nào đó, sẽ phạm sai lầm lớn nếu vì một chút lợi ích nhất thời trước mắt

* GS

mà từ bỏ các nguyên tắc cách mạng, từ bỏ các lợi ích cơ bản và lâu dài.

Không thể chống khủng bố bằng chiến tranh đại khủng bố, siêu khủng bố. Không thể nhân danh chống khủng bố để giết hại dân lành, để xâm phạm chủ quyền các quốc gia. Ngược lại cũng không thể “lấy ác trị ác” bởi làm thế chỉ đẩy cái ác lên nhanh với mức cấp số nhân ; làm thế nguồn gốc tội ác chẳng những không bị loại trừ mà còn được che lấp đi bằng lý do gọi là “chính nghĩa” ; làm thế, những kẻ chủ trương khủng bố, về khách quan, đã tự mình biến thành một công cụ cực kỳ lợi hại cho đối phương “mượn gió bẻ măng”, đem lại cho họ một cơ hội lớn. Cái logic “lấy ác trị ác” cũng như cái logic dùng chiến tranh đại khủng bố để chống khủng bố, chỉ đưa tiến trình các sự kiện vào một vòng xoáy bất tận của những chết chóc, tàn phá và hủy hoại nền văn minh.

Chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế là hoàn toàn cần thiết khi nó đang nổi lên như một thảm họa và nguy cơ lớn hiện nay đối với thế giới. Song, sẽ phạm sai lầm nếu từ đó cho rằng trên thế giới hiện nay không còn vấn đề gì khác ngoài cuộc đấu tranh chống khủng bố. Cũng không nên tách rời chủ nghĩa khủng bố khỏi những quan hệ và mâu thuẫn xã hội, những mâu thuẫn của thời đại. Chẳng phải trước mắt các quốc gia dân tộc, trước nhân loại toàn cầu đang tồn tại và nổi lên không biết bao nhiêu mâu thuẫn xã hội, kinh tế, chính trị, bao nhiêu thảm họa sinh thái môi trường phải giải quyết ? Có không biết bao nhiêu nhiệm vụ cấp thiết và sống còn phải làm ? Đặc biệt là cuộc đấu tranh để xóa bỏ tình trạng đói nghèo, tình trạng bất công xã hội và bất bình đẳng giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển cũng như trong mỗi nước - tình trạng này là một nguồn gốc sâu xa của nạn khủng bố. Đấu tranh chống khủng bố là phải triệt từ gốc đến ngọn. □

ĐỒNG THÁP...

(Tiếp theo trang 74)

nghiêm túc cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị và quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ năng lực và phẩm chất hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Điều quan trọng trước mắt là phải nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục tiêu và các giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất phải gắn với thị trường, nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ hội nhập kinh tế quốc tế... cùng với việc xác định trách nhiệm của cấp trên đối với cấp dưới trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc xuất hiện khi thực hiện nhiệm vụ.

Muốn cho Đồng Tháp cũng như các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững, ngoài sự nỗ lực của địa phương cần có sự giúp đỡ của Trung ương. Trước hết, Chính phủ phải là người chỉ huy thống nhất trong việc phòng chống ngập lụt và thoát lũ để khắc phục tình trạng ngập lụt “cực bộ” cao như vừa qua ; chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan trung ương tiến hành quy hoạch sản xuất cho toàn vùng và từng tỉnh ; hỗ trợ kỹ thuật sản xuất để giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm thị trường và dành kinh phí thích đáng cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và chỗ ở cho dân cư vùng ngập lụt sâu (đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng ngập lụt sâu cao gấp hai, ba lần ở những nơi có điều kiện địa lý thuận lợi)

Với những định hướng từ đường lối Đại hội lần thứ IX của Đảng và sự giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp sẽ phát huy những lợi thế, khơi dậy những tiềm năng để thực hiện tốt các nhiệm vụ năm 2002, tạo đà cho việc phát triển vượt bậc trong thời gian tới. □

BÀI HỌC SINH TỬ ĐẦU THẾ KỶ

QUANG LỢI

ĐÚNG một năm trước, vào thời khắc thiêng liêng và vĩ đại của cuộc chuyển giao *Thời gian- Lịch sử*, nhân loại đã sống với bao kỳ vọng về một thế giới tươi sáng, tốt lành, bình yên...

Trong năm mở đầu thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, biết bao kỳ tích trên con đường vươn tới tầm cao mới của nền văn minh trong thời đại thông tin và toàn cầu hóa đã được khắc tạc. Dẫu con nhiều bất cập và còn bao điều nhức nhối, nhưng xu thế hội nhập khu vực và toàn cầu đang phát triển ngày càng sâu rộng, cuốn tất cả các quốc gia vào vòng chảy sôi động của nó, tạo ra một vận hội chưa từng có cho sự hợp tác quốc tế và phát triển. Hội nhập và hợp tác phát triển vẫn là xu thế mạnh mẽ trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, không thể không thấy rằng năm 2001, thật đau đớn và đáng tiếc, lại là một năm nhuộm đầy bạo lực.

Sự thật vẫn là sự thật. Nó đang hằng ngày hằng giờ diễn ra dưới mắt ta, len lỏi và cuộn trào trong mỗi con người, mỗi gia đình, mỗi dân tộc. Sự thật cần được gọi đúng tên của nó: Năm 2001, thế giới bị tổn thương sâu sắc !

Những đòn bạo lực kinh dị, những cơn binh lửa tàn khốc đã mở ra và vẫn chưa khép lại. Đó không chỉ là cuộc xung đột đẫm máu giữa Pa-le-xtin và I-xra-en đã đẩy hai bên đến miệng

hố chiến tranh: các cuộc đánh bom cảm tử liên tiếp của các phần tử Hồi giáo cực đoan Pa-le-xtin, còn I-xra-en thì có cơ hội "trả đáp" bằng sở thích bạo lực và sức mạnh bạo lực vốn có của mình. Đó cũng không chỉ là xung đột tiếp diễn nhiều nơi trên bán đảo Ban-căng mà nghiêm trọng nhất trong năm qua là ở Ma-xê-đô-ni-a, một bản sao ở mức độ thấp hơn của kịch bản tệ hại ở Cô-xô-vô. Đó cũng không chỉ là cuộc xung đột giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan trên tuyến biên giới ở vùng Ca-sơ-mia sau sự kiện bọn khủng bố có căn cứ ở trên đất Pa-ki-xtan tấn công vào tòa nhà Quốc hội Ấn Độ ngay khi Quốc hội nước này đang họp. Những ngày cuối năm 2001, sau những trận đấu khẩu và đấu súng, hai bên đã kéo cả bộ phóng tên lửa hạt nhân tới vùng biên giới. Đó cũng không chỉ là cuộc khủng hoảng con tin căng thẳng ở Phi-lip-pin, nơi tổ chức khủng bố A-bu Xay-áp cầm giữ nhiều con tin phương Tây và thỉnh thoảng lại hành quyết một vài con tin để đòi tiền chuộc những con tin còn lại...

Ngọn triều bạo lực năm 2001 ẩn chứa một điều gì đáng sợ hơn thế. Đáng sợ hơn về tính chất, mức độ và cách thức tiến hành. Chưa bao giờ có một vụ khủng bố lại táo tợn, theo một cách thức rợn người, được thực hiện một cách "hoàn hảo" gây một chấn động sâu xa đến như vậy. Đó là cuộc khủng bố tấn công vào nước Mỹ

hôm 11-9. Hậu quả của nó không phải chỉ là hơn 3 225 người bị giết hại một cách oan uổng, hàng trăm tỉ USD bị biến thành tro bụi. Những chiếc máy bay chở khách của chính nước Mỹ, cất cánh từ các sân bay trên đất Mỹ đã bị bọn khủng bố biến thành những quả bom bay khổng lồ phạt dứt và làm sụp đổ hoàn toàn hai tòa tháp đôi cao 110 tầng của Trung tâm Thương mại thế giới, đánh sập một phần Lầu năm góc. Biểu tượng sức mạnh kinh tế và quân sự của siêu cường Mỹ đã sụp đổ. Người Mỹ dường như không thể tin vào mắt mình khi hai tòa tháp cao ngất lảo đảo khụy xuống sờ sờ trước mắt họ như người khổng lồ bị đánh gãy xương sống. Hình ảnh đó sẽ mãi mãi đi vào ký ức người Mỹ, vào lịch sử nước Mỹ như một đòn không tiền khoáng hậu giáng vào trái tim nước Mỹ, sau bấy nhiêu năm siêu cường đế chế này chỉ biết sống với tham vọng thiết lập địa vị bá chủ thế giới của mình. Chủ nghĩa khủng bố là kẻ thù của nhân loại. Cả thế giới đau buồn trước nỗi đau của nhân dân Mỹ. Hàng triệu ngọn nến cầu nguyện đã được thắp lên trên mọi góc trời của thế giới cho những con người vô tội trong chớp mắt đã bị chôn vùi dưới đống bê tông hàng triệu tấn.

Sự kiện 11-9 đã thay đổi nước Mỹ, thay đổi thế giới. Nước Mỹ không còn như cũ, thế giới không còn như cũ. Trước hết, sau ngày 11-9-2001, nước Mỹ không còn sống trong giấc mơ hồng của "một quốc gia bất khả xâm phạm". Và sau đó, nước Mỹ cần nhìn nhận lại bản thân mình, xem xét lại cách thức cư xử với thế giới. Một câu hỏi đau đớn cứ xoáy trong lòng mỗi người dân Mỹ: Vì sao nước Mỹ lại làm kẻ thù như vậy? Không ai khác mà chính cựu Tổng thống W.J. Clin-ton, vào thời điểm nước Mỹ đang chìm đắm trong nỗi kinh hoàng 11-9 đã nói rằng: "Chúng ta phải tạo ra một thế giới nơi chúng ta có nhiều bạn bè hơn và ít kẻ thù tiềm

tàng hơn. Nước Mỹ phải đủ thông minh để rũ sạch thói kiêu căng tự phụ, cho mình là đúng để chúng ta (Mỹ) không đòi những thứ mà chúng ta không cho người khác có ". Theo một số nhà phân tích phương Tây, sự kiện ngày 11-9 có thể được coi như tiếng chuông báo trước đường cong của đế chế Mỹ như mọi đế chế khác, sau khi đã trải qua điểm cực thịnh. Trong hơn nửa thế kỷ qua, nhất là từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt, Mỹ luôn ép buộc thế giới hướng theo giá trị Mỹ. Là siêu cường duy nhất còn lại, Mỹ tưởng có thể tự mình ổn định trật tự thế giới.

Nếu như cuộc tấn công ngày 11-9 là thông điệp kỳ quái từ một thế giới đi sai đường khủng khiếp thì cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, được mang danh "chống khủng bố", được khai hỏa gần một tháng sau đó (7-10), cũng vẫn chỉ là thông điệp tàn khốc của bạo lực. Áp-ga-ni-xtan dưới thời Ta-li-ban là điểm tối u buồn bậc nhất trong nền văn minh nhân loại đầu thế kỷ XXI. Cái chế độ quái đản này làm sao có thể trụ được trước cơn bão sắt thép từ bên ngoài phối hợp với đòn nội công đẩy lên từ mọi phía ở bên trong. Đó là một chế độ không có cơ sở tồn tại, lại bị cô lập hoàn toàn với bên ngoài. Lời kêu gào "Thánh chiến" chỉ là liều thuốc an thần trong cơn khốn quẫn. Cả thế giới không ai tiếc nuối cho sự sụp đổ của Ta-li-ban. Bức màn tối tăm, u muội trùm lên đất nước này đang được quét đi, để lộ ra gương mặt một đất nước khao khát tự do.

Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan - cuộc chiến tranh đầu tiên trong thế kỷ XXI ẩn chứa trong lòng nó hàng loạt câu hỏi lớn mà trong khói lửa chiến tranh, trong sự xô đẩy của những cơn sóng lạ lùng giữa các mối quan hệ quốc tế bị chi phối bởi lời hô hào tập hợp trong mặt trận toàn cầu chống khủng bố, người ta chưa thể cắt nghĩa và lý giải được một cách thấu đáo.

Làm sao có thể chấp nhận nổi công thức "nhị phân" do Tổng thống Mỹ G.W. Bu-sơ đưa ra rằng các quốc gia trong cộng đồng quốc tế hoặc là đi theo Mỹ để chống khủng bố hoặc là đi theo bọn khủng bố. Lời kêu gọi này mang bản chất của một sự hăm dọa và đe nẹt.

Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, lịch sử quân sự thế giới, xuất hiện loại hình "chiến tranh chống khủng bố". Nguyên cơ để phát động chiến tranh, cách thức tiến hành nó ẩn chứa ý định của người tự trao cho mình sứ mệnh sắp đặt chương trình nghị sự về việc phá vỡ những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Điều này tạo ra những nguy cơ bất ổn mới trong thế giới vốn đã quá nhiều xung khắc.

Bọn khủng bố đang bị truy kích, một số tên khủng bố cụ thể bằng xương bằng thịt đang bị bắt, nhưng con quỷ dữ khủng bố, con bạch tuộc khủng bố vẫn đang thò những cái vòi hung bạo của nó vào mọi ngõ ngách của đời sống loài người. Không thể biến một dân tộc, một quốc gia thành con tin của chiến tranh dưới chiêu bài "chống khủng bố". Điều đó lại càng đặc biệt nguy hiểm khi Oa-sinh-ton đang có ý định mở rộng cuộc chiến tranh chống khủng bố sang một số quốc gia khác như I-rắc, Xô-ma-li... Như thế, đã rõ rằng Mỹ đâu có muốn dừng lại ở Áp-ga-ni-xtan. Cựu Tổng thống Mỹ W.J. Clin-ton đã nói rằng: "Mục đích của một bọn khủng bố không phải là chiến thắng về quân sự mà là để mỗi buổi sáng bạn thức dậy, sợ tương lai và sợ lẫn nhau". Thế giới đang bị ám ảnh bởi khủng bố, nhưng thế giới cũng đang bị ám ảnh bởi mũi dùi tàn khốc của "trận chiến chống khủng bố" có thể chọc vào cơ thể bất cứ quốc gia nào nếu bị Mỹ coi là "chứa chấp bọn khủng bố" bất cần chứng cứ. Chẳng phải là một luật chơi độc đoán, cay nghiệt trong thời "khủng bố - chống khủng bố" đó sao? Trong hàng loạt biện pháp của một

chiến lược tổng thể chống khủng bố, không thể bỏ qua việc tìm hiểu một cách thấu đáo những căn nguyên sâu xa dẫn đến những thách thức phản kháng cực đoan trên thế giới, trong đó khủng bố là cách thức tệ hại và nguy hiểm nhất. Khi giải thích lý do vì sao Mỹ bị thù ghét khắp nơi, nhà sử học, giáo sư trường đại học Tổng hợp Ca-li-pho-ni-a, ông T. Han-pe-rin nói rằng: "Trật tự bị thách thức là một trật tự bất công sâu sắc, bởi vậy, mặc dù sự thách thức đó (hành động khủng bố) là không thể chấp nhận được thì việc bảo vệ trật tự đó cũng không thể chấp nhận được".

Thế giới năm 2001 không phải chỉ chìm đắm trong khói lửa chiến tranh. Bao nhiêu điều kỳ diệu vẫn nảy nở trong cái thế giới đầy biến động này. Loài người vẫn đang tiến về phía trước với những khát vọng lớn lao, trong đó khát vọng hòa bình đang trở nên nóng bỏng, cốt tử và thiêng liêng nhất.

Các quan hệ quốc tế đang đan cài trên nhiều tầng nấc vô cùng phức tạp trong một thế nứu kéo đa chiều nhạy cảm. Nhận biết được những luồng lạch trong đại dương thế giới đầy đông bão để đưa con tàu đất nước cập bến bình yên, phồn vinh, hạnh phúc đòi hỏi sự năng cảm, tài thao lược của các nhà hoạch định chiến lược và lãnh đạo các quốc gia.

Điều quý giá hơn nghìn vàng là trong năm qua, khi lửa chiến tranh, xung đột bùng lên ở nhiều góc trời thế giới, nhiều quốc gia bị cuốn vào những cơn binh lửa, kinh tế thế giới suy giảm thì Việt Nam ta vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP gần 7%. Đặc biệt nước ta được cộng đồng quốc tế bầu là nơi đầu tư an toàn nhất châu Á-Thái Bình Dương. Hiện thực này một lần nữa làm sáng tỏ cách thức giải bài toán phát triển đất nước của Đảng ta: ổn định, bình yên là cái chân đế vững vàng cho phát triển. □

Trong số này có sử dụng ảnh của : TTXVN. Trần Hồng và một số tác giả khác.

BỘ GD & ĐT
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
HANOI OPEN UNIVERSITY

Viện trưởng : Nguyễn Kim Truy

Địa chỉ : Nhà B 101 - phường Bách Khoa - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel : 8694821 - 8695952 Fax : 8691587



*Chúc
Mừng
Năm
Mới*

Nhâm Ngọ 2002



Viện ĐH Mở Hà Nội là cơ sở đào tạo ĐH & nghiên cứu với các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của XH, góp phần tăng tiềm lực cán bộ khoa học, kỹ thuật cho đất nước. ĐH Mở HN là tổ chức hoạt động trong hệ thống các trường ĐH Quốc gia do Bộ GDDT trực tiếp quản lý & được hưởng mọi quy chế của một trường ĐH Công lập. Với mục tiêu là mở ra cơ hội học tập cho nhiều người bằng cách : Đa dạng hóa chương trình học tập và đa dạng hóa loại hình đào tạo.

Viện ĐH Mở HN có 7 khoa chuyên ngành đào tạo 15 ngành học gồm :

- 1) Khoa Kinh tế & quản trị kinh doanh.
- 2) Khoa Ngoại ngữ
- 3) Khoa Công nghệ thông tin
- 4) Khoa Du lịch
- 5) Khoa Tạo dáng Công nghiệp
- 6) Khoa Luật
- 7) Khoa Công nghệ sinh học

- Phục vụ đào tạo có phòng học tiếng, trung tâm máy tính, phòng học từ xa, thư viện, phòng internet miễn phí cho SV...

- Viện có quan hệ với Đài tiếng nói VN, Đài truyền hình TW để truyền hình, truyền thanh các chương trình Giáo dục từ xa.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI



ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG ĐẠI CỐ VIỆT - QUẬN HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI
TEL: 8694242 FAX: 8692006 E-MAIL: QHQT@MAIL.HUT.EDU.VN



Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Huân chương Hồ Chí Minh

Huân chương Độc lập hạng Nhất

Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

Đơn vị 3 lần Bác Hồ về thăm

1. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

1800 cán bộ công chức, trong đó có 1500 giảng viên và cán bộ nghiên cứu khoa học.

128 Nhà giáo Nhân dân và Nhà giáo Ưu tú.

2 Viện sĩ nước ngoài.

2 Giáo sư UNESCO.

265 Giáo sư và Phó giáo sư.

425 Tiến sĩ khoa học và Tiến sĩ.

200 Thạc sĩ.

2. BỘ MÁY TỔ CHỨC

Gồm 15 Khoa và Bộ môn; 4 Viện nghiên cứu; 16 Trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo.

1 thư viện; 1 Trung tâm Kỹ túc xá và Công ty Bách Khoa.

Các khoa và đơn vị đào tạo: Cơ khí, Điện, Công nghệ Hoá học, Điện tử - Viễn thông, Luyện kim và Công nghệ vật liệu, Công nghệ Thông tin, Kinh tế và Quản lý, Công nghệ Dệt May và Thời trang, Toán ứng dụng, Đại học tại chức, Mác-Lênin, Ngoại ngữ, Sư phạm kỹ thuật, Giáo dục quốc phòng và Bộ môn Giáo dục thể chất, Ban đào tạo kỹ sư tài năng, Chương trình kỹ sư chất lượng cao, Chương trình hợp tác đào tạo Genetic.

Các viện: Vật lý kỹ thuật, Khoa học và Công nghệ Môi trường, Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa học và Công nghệ Nhiệt-Lạnh

Các trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo: Nghiên cứu kỹ thuật-cơ khí chính xác, Nghiên cứu vật liệu polime, Nghiên cứu khoa học tự động hoá, Vật liệu học và hợp kim đặc biệt, Nghiên cứu năng lượng mới, Nghiên cứu vật liệu vô cơ và silicat, Nghiên cứu ăn mòn và bảo vệ kim loại, Nghiên cứu triển khai công nghệ cao, Hợp tác quốc tế về đào tạo và chuyển giao công nghệ, Trao đổi khoa học kỹ thuật Việt - Đức, Tính toán hiệu năng cao, Đào tạo tiếng Pháp chuyên ngành (CFC), Điện tử-Y-Sinh học, Thông tin và mạng, Giáo dục và phát triển sắc ký, Thực hành công nghệ cơ khí.

Thư viện 600.000 đầu sách

Kỹ túc xá 5000 sinh viên

Công ty Bách Khoa có 10 xí nghiệp, trung tâm; 10 xưởng sản xuất; 24 ngành nghề kinh doanh.

3. CÁC TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO

Sau đại học: Thạc sĩ (35 ngành và chuyên ngành)

Tiến sĩ: (11 ngành và chuyên ngành)

Đại học: Hệ tập trung, Tại chức, Bằng hai, Cao đẳng kỹ thuật (74 chuyên ngành thuộc 15 ngành lớn)

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Có quan hệ hợp tác với 130 trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học, công ty... của 25 nước và tổ chức quốc tế.

Trường đã đào tạo được 63.253 kỹ sư và cử nhân cao đẳng kỹ thuật, 250 tiến sĩ khoa học và tiến sĩ, 1081 thạc sĩ; đã và đang thực hiện thành công hàng trăm đề tài, dự án cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp thành phố... phục vụ đặc lực, hiệu quả, kịp thời cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô và đất nước.





NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CHI NHÁNH

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI

HANOI BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

TRỤ SỞ CHÍNH : 77 LẠC TRUNG - HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI

Điện thoại : 8.211681 - Fax : 8.219352



TRỤ SỞ

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- ❖ Huy động tiền gửi và cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ đối với mọi thành phần kinh tế.
- ❖ Tài trợ các hoạt động xuất nhập khẩu.
- ❖ Cho vay phục vụ đời sống đối với cán bộ, công nhân viên chức thuộc doanh nghiệp nhà nước và cơ quan hành chính sự nghiệp.
- ❖ Thanh toán quốc tế qua mạng SWIFT
- ❖ Cho vay cầm đồ các chứng từ có giá.
- ❖ Làm dịch vụ kiều hối, kinh doanh ngoại tệ.
- ❖ Làm dịch vụ tư vấn.
- ❖ Các nghiệp vụ bảo lãnh.
- ❖ Thanh toán chuyển tiền điện tử.
- ❖ Các dịch vụ ngân hàng khác.

Một số kết quả đạt được trong suốt chặng đường kinh doanh :

1. Lợi nhuận : Tăng từ 5-10%/năm.
2. Số lượng khách hàng giao dịch : Trên 3.500 khách hàng.
3. Thực hiện giao dịch đại lý với trên 300 ngân hàng trên thế giới.
4. Năm 2000, 100% hoạt động giao dịch với khách hàng trên toàn mạng lưới đang thực hiện trên máy vi tính.
5. Mạng lưới hoạt động : 01 trụ sở chính, 08 chi nhánh ngân hàng quận, khu vực, 18 quỹ tiết kiệm.
6. Nhiều năm liên tục được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tặng bằng khen, cờ thi đua.
7. Năm 1997 được Chính phủ tặng bằng khen.
8. Năm 1998 được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng ba.
9. Năm 2001 được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba.



Phòng Ngân quỹ



Phòng kế toán giao dịch

***Nhân dịp năm mới xuân Nhâm Ngọ 2002 kính chúc
Quý khách hàng An Khang, Thịnh Vượng và Hạnh Phúc***

LIÊN HIỆP KHOA HỌC - SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ HÓA HỌC

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Trụ sở : Nhà A18 Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia

18 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại : 7541241 ; Fax : 7541834

I. Chức năng nhiệm vụ

1. Nghiên cứu ứng dụng các quá trình và thiết bị công nghệ hóa học trong khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
2. Hợp tác khoa học kỹ thuật với các cơ sở nghiên cứu, sản xuất, từng bước triển khai công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ hóa học và các lĩnh vực liên quan.
3. Nghiên cứu thử nghiệm và triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong các lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý chất thải và vệ sinh môi trường nhằm lựa chọn những tiến bộ kỹ thuật, giải pháp và công nghệ mới thích hợp với điều kiện Việt Nam, đề xuất các mô hình thí điểm về công nghệ cao.
4. Thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng trong các lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý chất thải và vệ sinh bao gồm :
 - Tư vấn đầu tư, huy động các nguồn vốn cho các dự án bảo vệ môi trường.
 - Tư vấn về kỹ thuật công nghệ, hướng dẫn và giúp đỡ các địa phương, các đơn vị xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.
 - Khảo sát các điều kiện tự nhiên : địa hình thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn, môi trường, thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của đất, đá, nước và môi trường.
 - Thiết kế kỹ thuật và công nghệ cho các công trình xử lý nước thải, bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường.
 - Kiểm định, đánh giá sơ bộ, đánh giá ô nhiễm môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
 - Thi công xây dựng thử nghiệm các công trình cung cấp nước sạch, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường trên cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm.
5. Hợp tác với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học, các hình thức đào tạo và nâng cao trình độ và phổ biến khoa học kỹ thuật công nghệ trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.
6. Liên kết liên doanh với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và sản xuất các sản phẩm mới trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường để phổ biến và sử dụng rộng rãi trong cả nước.
7. Tham gia đào tạo trên đại học (Thạc sỹ và Tiến sỹ) chuyên ngành 01.10.88 (Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học).

II. Lực lượng :

- Liên hiệp có 12 đơn vị thành viên
- Tổng số cán bộ công nhân viên 92 người trong đó có 2 Giáo sư, Viện sỹ hàn lâm ; 3 Tiến sỹ khoa học ; 6 Tiến sỹ chuyên ngành ; 6 thạc sỹ ; 75 kỹ sư và kỹ thuật viên.

III. Những thành tựu tiêu biểu

- Nghiên cứu, sản xuất thành công chất keo tụ PACN-95 làm trong nước (đã áp dụng ổn định cho trên 20



*Cụm thiết bị Khu xử lý nước rác Nam Sơn Sóc Sơn Hà Nội của
Liên hiệp Khoa học - sản xuất Công nghệ hóa học thiết kế, chế tạo và vận hành.*

nhà máy nước trong toàn quốc, phục vụ đồng bào bảo vệ miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ 1997 - 2000).

- Nghiên cứu, thiết kế chế tạo thiết bị xử lý nước thải, xử lý khí thải, thiết bị lọc bụi tĩnh điện LBD-93 (áp dụng cho các nhà máy xi măng, cho 45 công trình xử lý nước thải bệnh viện và công nghiệp).
- Nghiên cứu thành công chế phẩm XANTHAN GUM và hóa phẩm dầu khí để phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.
- Nghiên cứu sản xuất thành công phân bón HUBAVIL ; HN 2000 và CHEDAVI trong chương trình phân bón hữu cơ vi sinh của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (đã triển khai được 30 xí nghiệp sản xuất phân bón hữu cơ cho các tỉnh).
- Nghiên cứu và sản xuất thành công phụ gia bê tông xây dựng CN-01 phục vụ cho nhiều công trình xây dựng (Thủy điện YALY, thủy điện Sông Đà ; công trình ngầm đèo Hải Vân).
- Nghiên cứu sản xuất thuốc chống mối, xây dựng qui trình phòng trừ mối cho các công trình.
- Tư vấn cho các dự án về cung cấp nước sạch và xử lý môi trường cho nhiều tỉnh thành trong cả nước.
- Hoàn thành xử lý khẩn cấp gần 20 vạn m³ nước rác tại bãi rác Nam Sơn Sóc Sơn Hà Nội để tránh các sự cố môi trường.
- Được cấp 9 bằng độc quyền sáng chế (1 Liên bang Nga) và 3 bằng giải pháp hữu ích.

Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ xuất nhập khẩu Từ Liêm

TULTRACO HÀ NỘI



**Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng giám đốc
NGUYỄN XUẤT SỬU**

Trụ sở giao dịch : số 97 Đường 32A Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại : 8330799 Fax : 8330696

Ngành nghề kinh doanh sản xuất :

- Kinh doanh : xuất nhập khẩu tổng hợp các loại vật tư thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thiết bị văn phòng. Kinh doanh bất động sản, khách sạn, dịch vụ ăn uống vui chơi giải trí.
- Sản xuất, lắp ráp : đồ gia dụng, điện tử, điện lạnh.
- Kinh doanh hàng nông lâm hải sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc phòng và chữa bệnh cho người.

*TULTRACO HANOI luôn mong muốn mở rộng mối quan hệ
với các quý đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.*



CÔNG TY 22

ĐỊA CHỈ : THỊ TRẤN SÀI ĐỒNG - GIA LÂM - HÀ NỘI
Điện thoại : 8.276226 - 8.276296 - 8.276928 ; Fax : 8.750636
Giám đốc : Hoàng Khắc Thức

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

❖ Chuyên sản xuất các loại bánh quy ngọt và mặn, các loại bánh ép, lương khô, kẹo, bia hơi, nước giải khát phục vụ quân đội và dân sinh.

❖ Chuyên sản xuất dụng cụ cấp dưỡng cho quân đội, dụng cụ gia đình.

Sản xuất thức ăn gia súc, chăn nuôi gà công nghiệp.



Dây chuyền thiết bị đồng bộ hiện đại của Ý sản xuất bánh quy mặn



Sản phẩm đoạt huy chương vàng



Thùng đựng nước bằng inox loại 50^l và 30^l đã được tặng huy chương vàng tại hội chợ quốc gia.

NHÂN ĐỊP NĂM MỚI XUÂN NHÂM NGỌ - KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG AN KHANG, THỊNH VƯỢNG

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

CONSULTANT AND TECHNOLOGY TRANSFER COMPANY OF HANOI WATER RESOURCES UNIVERSITY

Địa chỉ : 175 Tây Sơn, quận Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại : (04)5635104 ; Fax : (04)5635105

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG : 27 TRẦN PHÚ, THỊ XÃ PHAN RANG, TỈNH NINH THUẬN (TRONG KHUÔN VIÊN TRUNG TÂM ĐHQ).

CHI NHÁNH MIỀN NAM : 145 TÔ HIỂN THÁNH, QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (TRONG KHUÔN VIÊN CƠ SỞ)

NHIỆM VỤ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Tư vấn đầu tư và xây dựng : Lập quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện, cầu đường, giao thông, công trình kết cấu hạ tầng thuộc dự án thủy lợi ; thẩm định dự án đầu tư ; kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình. Tư vấn và dịch vụ trong lĩnh vực thủy văn và môi trường.
- Thi công xây lắp công trình thủy lợi, thủy điện, cầu, đường giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng thuộc dự án thủy lợi và hạ tầng cơ sở nông thôn ; xây dựng đồng ruộng, đồng muối, công trình nuôi trồng thủy sản bằng các biện pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, vật liệu mới.
- Tham gia nghiên cứu và thí nghiệm mô hình.
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật theo sự phân công của nhà trường.





LIÊN HIỆP ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CÔNG TY VẬT LIỆU VÀ XÂY LẮP



Toàn cảnh Công ty

ĐỊA CHỈ : GIÁP BÁT THANH TRÌ HÀ NỘI

Điện thoại : 8.612434

Fax : 04.6411459

GIÁM ĐỐC CÔNG TY :

NGUYỄN QUỐC VIỆT - Cử nhân luật

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- ❖ Sản xuất cầu kiện bê tông, tà vẹt bê tông đường sắt.
- ❖ Xây dựng công trình giao thông
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng cải tạo sửa chữa và nâng cấp các công trình giao thông vận tải.
- ❖ Hoàn thiện xây dựng : Trang trí nội thất và tạo kiến trúc cảnh quan công trình.



Cán bộ, công nhân Công ty Vật liệu & Xây lắp tham gia công trình đường Hồ Chí Minh (lễ khởi công)



Cấp tà vẹt phục vụ đường sắt thống nhất

Vốn : 5.006.000.000 VND

Vốn cố định : 3.193.000.000 VND

Vốn lưu động : 1.813.000.000 VND



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Địa chỉ : 334 NGUYỄN TRÃI - THANH XUÂN - HÀ NỘI

Điện thoại : 8.584615 ; Fax : 8.583061

Hiệu trưởng : GS. TSKH. NGUYỄN VĂN MẬU



Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo quyết định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ra đời là sự tiếp nối, kế thừa và phát huy truyền thống 40 năm của Trường đại học Tổng hợp Hà Nội

- ❖ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là Trường Đại học trọng điểm, đầu ngành của cả nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.
- ❖ Trường có 8 khoa, 2 bộ môn trực thuộc, 1 viện và 9 trung tâm. Tổng số cán bộ công chức là 700 trong đó có 460 cán bộ giảng dạy, 36 GS, 112 PGS, 38 TSKH, 241 TS, 67 Thạc sỹ, 6 Nhà giáo nhân dân, 38 Nhà giáo ưu tú. Hiện nay có hơn 8000 sinh viên đại học, gần 600 học viên cao học và nghiên cứu sinh, 1200 học sinh Trung học phổ thông chuyên đang học tập tại Trường.
- ❖ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên có nhiệm vụ đào tạo các bậc học chủ yếu sau đây :
 - Bậc sau Đại học : Đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ trong hơn 50 chuyên ngành khoa học.
 - Bậc Đại học : Đào tạo cử nhân khoa học và cử nhân công nghệ thuộc 16 ngành với hơn 60 chuyên ngành khoa học.
 - Để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, Trường còn đào tạo bậc Trung học phổ thông chuyên (Toán học, tin học, vật lý, hóa học, sinh học), khởi xướng và đi đầu trong việc thực hiện mô hình đào tạo cử nhân khoa học tài năng.
- ❖ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là Trường dẫn đầu về thành tích nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ khoa học cơ bản cho đất nước. Chỉ tính trong 5 năm trở lại đây Trường đã thực hiện được 428 đề tài cấp nhà nước, 156 đề tài cấp bộ, 76 đề tài cấp cơ sở và đã đào tạo 4000 cử nhân hệ chính quy, 450 Thạc sỹ và 150 Tiến sỹ.



BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢN TRỊ KINH DOANH

Địa chỉ : NHU QUỲNH - VĂN LÂM - HUNG YÊN

Điện thoại : 0321.985808 - 0321.985810 - 0321.985339

Hiệu trưởng : BÙI VĂN CAN

Trường Cao Đẳng Quản trị kinh doanh tiền thân là Trường Vật giá trung ương thuộc Ban Vật giá Chính phủ, được thành lập ngày 17/10/1967

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân Cao đẳng về quản trị kinh doanh có kỹ năng thực hành cao, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế theo đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nền kinh tế hòa nhập.

Với mục tiêu tổng quát trên Trường đã được chính phủ cho phép đào tạo 5 chuyên ngành và được công nhận chức danh khoa học cử nhân cao đẳng theo các chuyên ngành : Quản trị doanh nghiệp, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Tín dụng, Tin kinh tế, Thẩm định giá ; Với những mục tiêu cụ thể sau :

- Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp
- Chuyên ngành Tin kinh tế
- Chuyên ngành Thẩm định giá
- Chuyên ngành Tài chính - Tín dụng
- Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán



Lãnh đạo Ban Vật giá Chính phủ Tỉnh ủy Hưng Yên và trường ĐHKQTĐ và ĐQTKD, tại buổi ký hợp tác đào tạo giữa hai trường



Đoàn đại biểu Tổng cục Cảnh tranh Cộng hòa Pháp sang thăm và hợp tác đào tạo với trường



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC **Khoa học Xã hội** **và Nhân văn**



Địa chỉ : 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội ĐT : 858284

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được chính thức thành lập vào tháng 9-1995. Tuy nhiên sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu các ngành Khoa học xã hội và Nhân văn của nhà trường thực sự đã gắn liền với tên tuổi các đại học lớn ở Việt Nam trong lịch sử.

Theo Quyết định số 2184/TC ngày 5-6-1956 Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định thành lập 5 trường đại học đầu tiên trong đó có trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tháng 9-1995 Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo Quyết định của Chính phủ trên cơ sở hợp nhất các trường đại học : Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Đại học Tổng hợp Hà Nội. 2 Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn và Đại học Khoa học Tự nhiên được hình thành trên sự chia tách và phát triển của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ngày nay nhà trường đang cố gắng hòa nhập cùng các trường thành viên khác thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu có chất lượng cao của Việt Nam, tiến kịp trình độ của khu vực và thế giới.

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn hiện có 13 khoa, 4 bộ môn trực thuộc và 4 trung tâm với hơn 438 cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và hành chính, trong đó có nhiều Giáo sư đầu ngành có uy tín khoa học cao, đặc biệt trong các lĩnh vực lịch sử, văn học, ngôn ngữ, triết học. Số lượng sinh viên ngày một tăng. Hiện tại có khoảng 20 000 sinh viên theo học các loại hình đào tạo. Số học viên sau Đại học thường xuyên có trên 500 người. Bao gồm các khoa :

- 1 - Khoa lịch sử
- 2 - Khoa văn học
- 3 - Khoa tiếng Việt + văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài
- 4 - Khoa triết học
- 5 - Khoa Giáo dục Quốc phòng
- 6 - Khoa báo chí
- 7 - Khoa du lịch
- 8 - Khoa Đông Phương



- 9 - Khoa quốc tế học
- 10 - Khoa lưu trữ học và quản trị văn phòng
- 11 - Khoa ngôn ngữ học
- 12 - Khoa tâm lý học
- 13 - Khoa xã hội học

4 bộ môn :

- 1 - Bộ môn tiếng nước ngoài
- 2 - Bộ môn Giáo dục thể chất
- 3 - Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh và khoa học chính trị
- 4 - Bộ môn thông tin - thư viện

và 4 Trung tâm

- 1 - Trung tâm nghiên cứu châu Á - Thái Bình Dương
- 2 - Trung tâm nghiên cứu văn hóa quốc tế
- 3 - Trung tâm nghiên cứu ngoại ngữ
- 4 - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

ĐỊA CHỈ : ĐƯỜNG NHƯ NGUYỆT - ĐÁP CẦU - BẮC NINH

ĐIỆN THOẠI : 0241.827368



Giám đốc Bí thư Đảng ủy
ĐỖ HỮU QUANG

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, ngành quản lý đường sông đã nhanh chóng thích nghi với cơ chế quản lý mới, các thành phần kinh tế phát triển nhanh, thỏa mãn về cơ bản yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Là đơn vị trực thuộc Cục đường sông Việt Nam - Đoạn quản lý đường sông số 4 đã tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ của một cơ quan quản lý Nhà nước về chuyên ngành GTVT đường sông, giải quyết nhiều vấn đề cơ bản mang tính hệ thống đồng bộ đó là : Quản lý và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công tác thanh tra giao thông đường thủy nội địa, công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sông, công tác quy hoạch, định hướng phát triển ngành và các mặt hoạt động khác.

Năm 2001 bổ sung các nhiệm vụ : Sản xuất hệ thống báo hiệu ; Quản lý và khai thác cát.

Năm 2001 là năm có nhiều sự kiện quan trọng đó là : Năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, ngành đường sông tổ chức kỷ niệm 45 năm ngày thành lập ; triển khai thực hiện hàng loạt các văn bản pháp luật quan trọng của ngành như : NĐ 40/CP, NĐ 171/CP của Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, và bảo vệ hành lang giao thông, QĐ 4099/QĐ-BGTVT về chuyển đổi báo hiệu đường thủy.

*** / Công tác thi đua, khen thưởng, thanh tra kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo :**

- Lập thành tích chào mừng Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX và kỷ niệm 45 năm ngày thành lập ngành đường sông, các phong trào thi đua lao động sản xuất ở đoạn diễn ra sôi nổi và hiệu quả với nhiều hình thức



phong phú và được CBCNV hưởng ứng tích cực như hội thi Trạm trưởng giỏi, thuyền trưởng giỏi, tuyển sông mẫu, trạm đường sông mẫu, và một số các công trình chào mừng như Đăng tiêu Phả Lại, Trạm thanh niên Đa Phúc.v.v.

Năm 2001 Đoạn tổng kết 5 năm thực hiện NĐ 40/CP đã đề nghị khen thưởng :

+ / 5 tập thể được Bộ GTVT tặng bằng khen.

+ / 7 tập thể được Cục ĐSVN tặng giấy khen.

+ / 5 cá nhân được Bộ GTVT Tặng Bằng khen và 12 cá nhân khác được Cục đường sông Việt Nam Tặng Giấy khen.

100% CBCNV của Đoạn đều được bố trí việc làm phù hợp với trình độ và khả năng, năng lực của từng người nên đã phát huy được tính chủ động sáng tạo của đội ngũ CBCNV. Đời sống về vật chất, tinh thần ngày được nâng lên rõ rệt với thu nhập bình quân đạt trên 900.000 đ/người/tháng.

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI I LẠNG SƠN

ĐỊA CHỈ : 405 ĐƯỜNG BÀ TRIỆU - THỊ XÃ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN
ĐIỆN THOẠI : 025 870276 FAX : 025 871148

CHỨC NĂNG :

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng
- Thi công xây dựng các công trình giao thông
- Cung ứng vật tư, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC :

- Định hướng phát triển theo chiều sâu chất lượng công trình.
- Ưu tiên phục vụ các công trình vùng cao, miền núi và định canh, định cư cho đồng bào thiểu số vùng biên giới.

**NHÂN DỊP CHÀO MỪNG NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ ĐẦU XUÂN NHÂM NGỌ 2002,
CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI I LẠNG SƠN XIN GỬI LỜI CHÚC AN KHANG - THỊNH VƯỢNG
TỚI CÁC ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ BẠN I**



Công trình Đập Hồ Lấu Xá - Thị xã Lạng Sơn



DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

chào mừng năm mới

Chào **Thiên Niên Kỷ Mới**, mừng Tết Nhâm Ngọ Suối Tiên tung bừng mở hội "**Rồng Tiên Thế Kỷ**" năm thứ 2. Bạn sẽ thấy cả Suối Tiên biến thành một "**Kinh Kỳ Đô Hội**" với hàng loạt các công trình văn hóa kỳ vĩ, hoành tráng, rực rỡ sắc màu huyền thoại. Sau quần thể "**Thiên Cảnh Bồng Lai - Đại Bồ Đề Quang Minh Cảnh - Bí Mật Cổ Loa Thành**". Nối tiếp là các công trình quy mô hơn, mới lạ và ấn tượng hơn - tâm cỡ Thế giới vừa được ra đời.

Đặc biệt Suối Tiên long trọng khánh thành 2 công trình mới:

- **Biển Tiên Đồng** một kỳ quan nhân tạo trong lòng Đại Dương, nằm giữa lòng Thành phố, một công trình mà Thế giới chưa từng có.

- **Đền thờ Vua Hùng** hoành tráng - uy nghiêm - lộng lẫy - thể hiện hùng hồn trang sử thời đại Hùng Vương cực thịnh. Niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

Đặc biệt:

- Nhiều chương trình lễ hội, biểu diễn văn hóa nghệ thuật mừng Xuân đặc sắc, mới lạ, hấp dẫn.
- Bạn sẽ được tham gia nhiều mô hình vui chơi giải trí cao cấp và hiện đại.
- Suối Tiên mùa Xuân - lễ hội nối tiếp - ngày hội tài nhân - Đêm hội **Đồng Đăng** với muôn triệu ánh đèn sao, pháo hoa rực rỡ. Đẹp như giấc mơ tiên - vui như mừng đại thắng - hạnh phúc như vừa được quà Xuân.
- Suối Tiên phục vụ Tết Nguyên Đán từ Mùng 1 đến Rằm tháng Giêng.



SUỐI TIÊN TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI!

Suối Tiên của chúng ta là miền đất tứ linh với Long - Lân - Quy - Phụng nơi an lành hạnh phúc luôn đem lại nhiều may mắn cho gia đình bạn.



THANH BÌNH

ĐỊA CHỈ: 206 HOÀNG VĂN THỤ - PHƯỜNG 2 - TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH
DIỆN THOẠI: 8.441.732 - 8.458.527 FAX: 84.443.582



Sản xuất kinh doanh các sản phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu

- Xây dựng công trình công nghiệp đầu tư phát triển và kinh doanh nhà trang trí nội thất.

- Sản xuất các loại phân bón hóa chất.

- Chế tạo thiết bị cho dây chuyền sản xuất mủ cao su và các mặt hàng cơ khí.

+ Sản xuất các mặt hàng xuất khẩu như: giấy, may mặc v.v...

+ Nhập khẩu: Vật liệu xây dựng trang trí nội thất, vật tư thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất.

Sản phẩm của Công ty có chất lượng cao và đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Sẵn sàng mua bán, trao đổi, mở rộng sản xuất, hợp tác liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế, trong và ngoài nước muốn đến với Công ty chúng tôi.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VIỆN CHĂN NUÔI

Địa chỉ : Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội, Tel : 04.8389267

- Được thành lập ngày 9-2-1950

- 16 năm liên tục là Đảng bộ trong sạch vững mạnh

CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU :

- Giống lợn hướng nạc, giống bò thịt, bò sữa, trâu lai, ngựa lai Cabadin, dê thịt, dê sữa, gà thịt CN, gà trứng, gà thả vườn, gà tây, gà ác, vịt siêu trứng, siêu thịt ngan lai, ngỗng, hươu, nai, gấu, đà điểu.
- Nghiên cứu về thức ăn phụ phẩm, đậm đặc, thức ăn bổ sung, khí bi-ô-ga.
- Nghiên cứu và dịch vụ về thụ tinh nhân tạo cho đại gia súc, lợn, gia cầm.
- Nghiên cứu và dịch vụ phân tích thành phần dinh dưỡng thức ăn gia súc và thức phẩm cho người bằng thiết bị hiện đại.
- Nghiên cứu về cây truyền phối bỏ, di truyền phân tử.
- Đào tạo nghiên cứu sinh.

CÁC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ CHUYỂN GIAO THIẾT BỊ KỸ THUẬT (TBKT), DỊCH VỤ GIỐNG VẬT NUÔI :

1 - Trung tâm nghiên cứu lợn Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội.

Tel : (04) 8389774.

2 - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Từ Liêm, Hà Nội.

Tel : (04) 8385803 ; (04) 8389773 ; Fax : 8385084

3 - Trạm Nghiên cứu - Thử nghiệm (NC - TN) thức ăn gia súc, Từ Liêm, Hà Nội.

Tel : (04) 8389125.

4 - Trạm nghiên cứu - Chế biến Thức phẩm Từ Liêm, Hà Nội.

Tel : (04) 8389254.

5 - Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì, Hà Tây.

Tel : (034) 881094 Fax : (034) 881040.

6 - Trung tâm nghiên cứu dê, thỏ Sơn Tây, Hà Tây.

Tel : (034) 832341 ; Fax : (034) 832889.

7 - Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Tây.

Tel : (034) 854250.



8 - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Tây.

Tel : (04) 8390525.

9 - Trung tâm nghiên cứu và PTCN miền núi Bá Vân, Thái Nguyên.

Tel : (0280) 862378.

10 - Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền Trung 422 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn.

Tel : (056) 821044.

11 - Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao TBKT chăn nuôi 85/841 Nguyễn Văn Nghi, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh.

Tel : (08) 8942474 ; Fax : 8958864.

12 - Công ty liên doanh Guyomach - VCN với CH Pháp (Chế biến thức ăn gia súc).



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

CÔNG TY BẢO HIỂM BẮC NINH

Địa chỉ : 16 Đường Nguyễn Du - Thị xã Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh ĐTCQ : (0241) 822737 Fax : (0241) 822728

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Giám đốc
NGUYỄN VĂN TẤN

CÔNG TY MAI ĐỘNG

Địa chỉ : 310 Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - T.p Hà Nội
Điện thoại : 04.8.623200 - 04.863202 - Fax : 84.4.8.624963
Văn phòng đại diện tại T.p Hồ Chí Minh :
72 Lạc Long Quân - Phường 8 - Quận Tân Bình
T.p Hồ Chí Minh - Tel : 08.8.643812

ISO 9002

Sản phẩm của Công ty bao gồm các cỡ loại ống gang cấp nước chịu áp lực và phụ kiện đồng bộ từ Φ 100 đến Φ 600 ; Chế tạo trụ nước chữa cháy và các thiết bị Rèn, dập ép.... các sản phẩm của Công ty được khách hàng rất ưa chuộng trong suốt 40 năm qua.

Sản phẩm của Công ty không những có mặt rộng rãi trên 50 tỉnh thành, ngành trong nước mà còn được xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài như Liên Xô cũ và CHDCND Lào...

Hầu hết khách hàng đã hài lòng và yên tâm khi sử dụng sản phẩm của Công ty chúng tôi bởi giá cả hợp lý, sự phục vụ tận tình và dịch vụ thuận tiện sau bán hàng.

Công ty chúng tôi đang nâng cao năng lực sản xuất và tiêu thụ 2 loại sản phẩm :

* Các loại ống gang xám, láng hỗn hợp xi măng bên trong, sơn phủ bi tum bên ngoài theo công nghệ của Đức, bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn ISO 2531-79. Đây là sản phẩm ống duy nhất đã được huy chương vàng Hội Chợ Quốc Tế hàng công nghiệp Việt Nam 1999.

- Đến quý III/2001 Công ty sẽ sản xuất các loại ống cầu bằng phương pháp đúc ly tâm.

* Trụ nước chữa cháy Φ 125 theo TCVN 6379 - 1998 phục vụ công tác PCCC lắp trong mạng cấp nước của các đô thị và khu công nghiệp. Sản phẩm đã được các cơ quan chức năng :

+ Cục cảnh sát PCCC Bộ Công an duyệt thiết kế và thẩm định chất lượng cho phép đưa vào sử dụng trong phạm vi cả nước.

+ Tổng Cục Đo lường chất lượng kiểm định và xác nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Sản phẩm trụ nước chữa cháy Φ 125 cũng được thưởng Huy chương vàng tại Hội chợ Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam 2000 và đã được xuất khẩu.

Hiện nay Công ty chúng tôi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002, do 2 tổ chức QUACERT (Việt Nam) và TUV-NORD (CHLB Đức) chứng nhận.

Rất mong được hợp tác phát triển cùng Quý khách.



Trụ nước chữa cháy



Ống gang

Chúc mừng năm mới - Xuân Nhâm Ngọ 2002



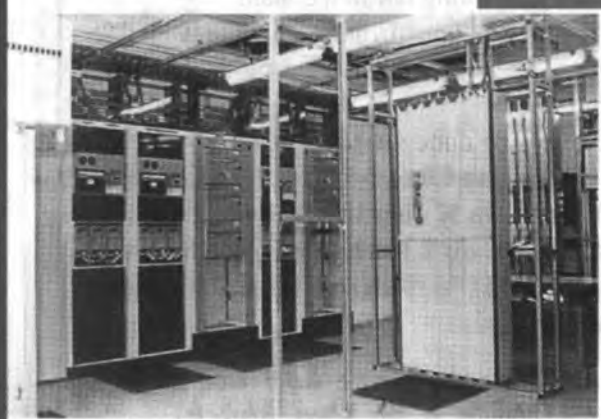
CÔNG TY VIỄN THÔNG LIÊN TỈNH

VIỆT NAM TELECOM NATIONAL COMPANY (VTN)

ĐỊA CHỈ: 123 THÁI HÀ, QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

ĐT: (84-4)5.371.750 * FAX: 5.371.738 * E-MAIL: KH-VTN@hn.vnn.vn

Công ty Viễn thông liên tỉnh sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu về thông tin trong nước và đến của ngõ quốc tế bằng công nghệ hiện đại với chất lượng cao, kịp thời. Cho thuê kênh thoại, truyền số liệu (tốc độ nx64 Kb/s đến 155Mb/s), truyền dẫn tín hiệu phát thanh, truyền hình trong nước theo yêu cầu của khách hàng.





CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 2 HÀ NỘI

HANOI CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY N°2

HACINCO N°2

Trụ sở: 324 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 84.4.5584167 - 5584176* Fax: 84.4.5584201
E-mail: Hacinco@fpt.vn * Web:hacinco.com.vn

Giám đốc công ty: kỹ sư Nguyễn Chí Sỹ



TRUNG TÂM VLXD CAO CẤP 324 TÂY SƠN

- Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội (gọi tắt là HACINCO)
- Với chức năng và nhiệm vụ: Tổ chức đầu tư XD và làm các dịch vụ tư vấn đầu tư XD; Nhận thầu XD mới và cải tạo các công trình dân dụng và công nghiệp... Công ty đã làm chủ nhiều công trình xây dựng quan trọng như: Cải tạo và xây dựng chợ Đồng Xuân - Bắc Qua; Khách sạn Hồ Tây; Trung tâm Báo chí Quốc gia 37 Hùng Vương; Cải tạo nhà làm việc Văn phòng Quốc Hội; Khách sạn HACINCO... Và nhiều công trình xây dựng khác.
- Công ty đang thực hiện đầu tư dự án "Làng Sinh viên HACINCO" với diện tích 3,5ha tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội nhằm đáp ứng nhu cầu ăn, ở, học tập và vui chơi cho sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước.

- Đến với "Làng Sinh viên HACINCO" các bạn sinh viên sẽ nhận được một chế độ dịch vụ ăn uống, đồ dùng học tập, y tế, dịch vụ tiếp nhận và quản lý tiền gửi hoàn hảo, nhằm góp phần bớt nhọc nhằn về nơi ăn, chỗ ở cho sinh viên.

- Đồng thời Công ty cũng đang triển khai XD một Trung tâm Thương mại VLXD cao cấp tại 324 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Đây sẽ là nơi hội tụ trung bày và bán các sản phẩm VLXD cao cấp, các loại thiết bị thi công tiên tiến nhất của các Tập đoàn, các Nhà sản xuất VLXD và thiết bị thi công nổi tiếng trên Thế giới và trong nước sản xuất.

Trung tâm Thương mại VLXD cao cấp 324 Tây Sơn sẽ là nơi gặp gỡ, trao đổi thông tin của các Nhà thầu, các Chủ đầu tư, các Nhà sản xuất thông qua các cuộc hội thảo, các cuộc triển lãm VLXD và thiết bị do Công ty ĐTXD số 2 Hà Nội phối hợp và tổ chức



DỰ ÁN LÀNG SINH VIÊN HACINCO

*Đến với Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội - HACINCO
là đến với sự hợp tác, thành công và phát triển*



CÔNG TY DU LỊCH & XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

LANG SON TOURIST & EXPORT - IMPORT COMPANY

Địa chỉ : 41 Lê Lợi - Thị xã Lạng Sơn

Điện thoại : 025-871132, 870386, 872036, 872085, 810556

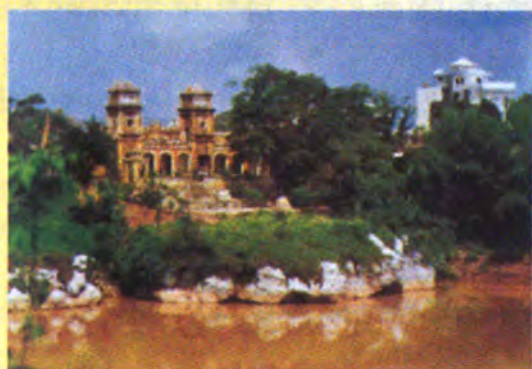
Fax : 84.25-871507, 871506, 876678, 878256, 811113



Giám đốc :
TRẦN VIỆT DI



"Trung tâm giao dịch Tân Thanh" Lạng Sơn



Đền Kỳ Cùng - Ky Cung Temple



KHÁCH SẠN - DỊCH VỤ
HOTEL AND SERVICE

Lễ tân Tam Thanh
Tam Thanh reception



Khách sạn Tam Thanh
Tam Thanh Hotel

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SÔNG MIỀN BẮC
CẢNG HÀ BẮC

Địa chỉ : Khu 5 Đắp Cầu - ĐT : 0241.821202

Giám đốc : Kỹ sư NGUYỄN TIẾN ĐẠT



*Đ/c Nguyễn Tiến Đạt phát biểu tại Đại hội CNVC
cảng Hà Bắc năm 2000*

Chức năng nhiệm vụ :

- Bốc xếp vận tải và vận chuyển hàng hóa.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa trên sông.
- Kinh doanh VLXD.
- Thi công công trình phù hợp với khả năng (làm đường, san nền, làm đê...).



Toàn cảnh cảng HÀ BẮC

- Trong xu thế tăng trưởng của nền kinh tế mở, cùng với sự quan tâm của Bộ GTVT, Tổng Công ty đường sông miền Bắc & UBND tỉnh Bắc Ninh : Dự án nâng cấp, cải tạo cảng Hà Bắc thành 1 cảng contene hiện đại đang dần dần được hình thành. Đảng bộ cảng Hà Bắc hy vọng trong tương lai rất gần chúng tôi sẽ phục vụ được tối đa nhu cầu bốc xếp và dịch vụ vận tải hàng hóa trên địa bàn đơn vị quản lý.

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ : 142 A ĐỘI CÁN - BA ĐÌNH HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI : (04) 7.221451 FAX : 7221460

GIÁM ĐỐC : CHU VĂN TÙY



BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI là đơn vị sự nghiệp nhà nước ; cùng với Bảo hiểm xã hội 12 quận, huyện có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện bản Điều lệ Bảo hiểm ban hành kèm theo nghị định 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ nhằm cụ thể hóa chương XII Bộ Luật Lao động.

Sau 6 năm thực hiện đến nay Hà Nội có 670.000 người được Bảo hiểm xã hội chiếm gần 1/4 dân số trong đó :

- 430.000 người trong độ tuổi lao động đang tham gia đóng và hưởng BHXH.

- Năm 2001 mức thu Bảo hiểm xã hội là 670 tỉ đồng

- 240.000 người hưởng hưu trí và trợ cấp hàng tháng với mức chi trả 110 tỷ đồng/tháng.

Đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi kịp thời, an toàn đến tay người hưởng trước ngày 10 hàng tháng.

Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội đã được nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng ba, Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc và 2 bằng khen cùng cờ thưởng thi đua của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và nhiều bằng khen của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố.

ĐẢNG BỘ CÔNG TY XÀ PHÒNG HÀ NỘI

Mừng Đảng - Mừng Xuân



Giám đốc - Bí thư Đảng ủy
PHẠM KIM THÀNH

ĐC : 233 B NGUYỄN TRÃI THANH XUÂN - HÀ NỘI
TEL : 8584145 - 8584553 FAX : 8584486



Dây chuyền sản xuất ►



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ

SONG DA CONSTRUCTION CORPORATION



Trụ sở : Nhà G10 - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04.8541164 ; Fax : 047.8541161 ; Email : tctxdsd@hn.vnn.vn

Chủ tịch HĐQT : Ông Đinh La Thăng ; Tổng Giám đốc : Ông Lê Văn Quế

Tổng công ty xây dựng Sông Đà được thành lập theo :

- Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 5825/ĐMDN ngày 13/10/1995.
- Quyết định số 966/BXD-TCLĐ ngày 15/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tên đăng ký chính thức :

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ.

♦ TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ :

SONG DA CONSTRUCTION CORPORATION

♦ ĐẠI DIỆN TẠI MIỀN TRUNG :

- Thủy điện Yaly, huyện Chưpăh, tỉnh Gia Lai.

- Điện thoại : 059.845388 ; Fax : 059.845335

♦ ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH :

- 14B Kỳ Đồng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : 08.8439304 ; Fax : 08.8438504

♦ ĐẠI DIỆN TẠI SƠN LA

- Điện thoại : 022.854630 ; Fax : 022.853468

Đăng ký kinh doanh : Số 108576 ngày 20/3/1996 do Ủy ban Kế hoạch TP. Hà Nội cấp

Tổng công ty Xây dựng Sông Đà có 24 đơn vị thành viên trong đó 14 công ty là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, hoạt động trên phạm vi cả nước, với đội ngũ cán bộ gồm 1.200 kỹ sư, 14.000 công nhân kỹ thuật lành nghề cùng với máy móc, trang thiết bị công nghệ hiện đại.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ CHUYÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ :

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường hầm, buu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện...

- Kinh doanh điện.

- Kinh doanh phát triển nhà ở, trụ sở cơ quan, khách sạn...

- Tư vấn thiết kế xây dựng.

- Sản xuất vật liệu xây dựng, thép xây dựng

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghệ và vật liệu xây dựng, thiết bị cho may, đan, thêu.

- Tổ chức hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài.

- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.



Trụ sở Công ty

THUỐC HO BỔ PHẾ

VIÊN NGÂM



SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI
Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà
415 Hàn Thuyên, Thành phố Nam Định

CẢI TIẾN ĐỂ TĂNG TÍNH ƯU VIỆT : TIỆN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ

Thuốc ho bổ phế dạng viên ngậm là sản phẩm bào chế dạng mới theo công thức Bổ phế chỉ khái lộ - sản phẩm truyền thống 40 năm của Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà.

Bằng phương pháp chiết xuất được liệu rồi làm khô trong môi trường áp suất giảm, nhiệt độ thấp thu được cao khô còn nguyên những tính năng, tác dụng của dược liệu. Từ cao khô áp dụng công nghệ bào chế phương tây, công ty sản xuất ra thuốc viên ngậm.

- ♦ Ở dạng viên, thuốc rất tiện lợi cho việc sử dụng, có thể mang theo người khi đi xa.
- ♦ Ở dạng viên ngậm, thuốc có tác dụng trực tiếp và liên tục vào cổ họng giúp giảm ho nhanh hơn và hiệu quả lâu dài hơn.

CÔNG THỨC : Cho 1 viên

Bạch linh	36mg	Cam thảo	25mg
Cát cánh	68,5mg	Bán hạ	60mg
Ma hoàng	26,5mg	Bạch bộ	75mg
Tỳ bà diệp	130mg	Tang bạch bì	75mg
Ô mai	60mg	Thiên môn đông	48,5mg
Bạc hà diệp	65mg	Tinh dầu bạc hà	0,25mg

CÔNG DỤNG : Chữa ho, tiêu đờm. Chuyên trị ho cảm, ho gió, ho khan, viêm họng, viêm phế quản.

LIỀU DÙNG :

Người lớn : 4-6 viên/ngày

Trẻ em : 2-3 viên/ngày

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG



Mừng Đảng Mừng Xuân

CÔNG TY ĐIỆN TOÁN VÀ TRUYỀN SỐ LIỆU

The Partner With Your E - Future

Head Office

292 Tây Sơn - Hà Nội
Tel: (84-4) - 5372761
Fax: (84-4) - 5372753
E-mail: KHKD.VDC@VNN.VN

VDC1

292 Tây Sơn - Hà Nội
Tel: (04) - 5372775
Fax: (04) - 5372787
E-mail: SALE.VDC1@VNN.VN

VDC2

07 Phạm Ngọc Thạch - Tp.HCM
Tel: (08) - 8256121
Fax: (08) - 8256120
E-mail: KHKD.VDC2@VNN.VN

VDC3

24 Lê Thánh Tông - Đà Nẵng
Tel: (0 511) - 892876
Fax: (0 511) - 892878
E-mail: KHKD.VDC3@VNN.VN

[Http:// vdc.com.vn](http://vdc.com.vn); [http:// home.vnn.vn](http://home.vnn.vn)

VDC: NHÀ CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ INTERNET, TRUYỀN SỐ LIỆU & CNTT HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Số điện thoại hỗ trợ khách hàng 24/24: **18001260**



CÔNG TY BAO BÌ 27-7 HÀ NỘI

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Địa chỉ : Số 4 Đường Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
ĐT : (844) 8345184/343457 Fax : (844) 8344609 Email : hapack27-7@fpt.vn



Chúc mừng năm mới

XUÂN NHÂM NGỌ

2002

CÔNG TY CHUYÊN SẢN XUẤT

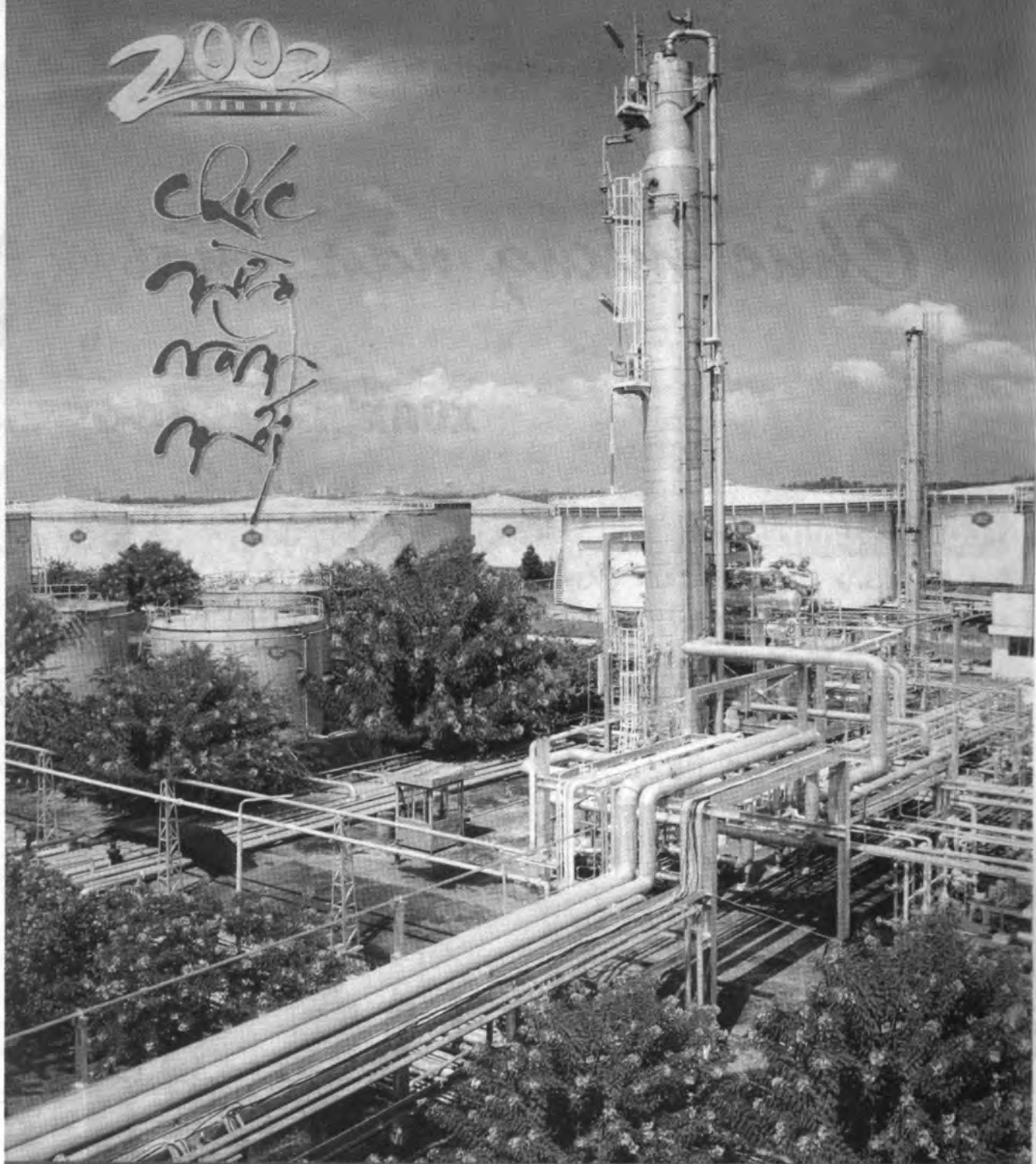
- 1 CÁC LOẠI BAO BÌ CAO CẤP MÀNG PHỨC HỢP IN NHIỀU MÀU TRÊN THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI.
- 2 TÚI XỐP SIÊU THỊ, PHỤC VỤ NHU CẦU TRONG NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU.
- 3 BAO BÌ CATON SÓNG (3-5 LỚP).
- 4 HỘP ĐUPLEX CÓ IN TỪ 1-6 MÀU.
- 5 BAO PP CÁC LOẠI.
- 6 MAY MẶC XUẤT KHẨU
- 7 KINH DOANH CÁC LOẠI VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU HÓA CHẤT : HẠT NHỰA PE-HD-PI... CÁC LOẠI MÀNG : BOPP, MCP, AL, PET.



Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã quan tâm và sử dụng sản phẩm của Công ty Bao Bì 27-7 Hà Nội

2002
TỔNG NGUYỄN VĂN

Chúc
mừng
năm
mới



CÔNG TY DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SAIGON PETRO**

Một trong các đơn vị lớn tại Việt Nam vừa sản xuất vừa kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ : Xăng không pha chì - Dầu các loại, khí đốt hóa lỏng (LPG) dùng cho dân dụng và công nghiệp
Liên doanh với tập đoàn **BURMAH CASTROL** - Anh Quốc, thành lập **XNLD CASTROL VIETNAM LTD.** : Sản xuất và kinh doanh dầu nhờn nhãn hiệu **CASTROL**.

TRỤ SỞ CHÍNH: 27 NGUYỄN THÔNG, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH - TEL: 84.8.9307.989 - 9307.037 - FAX: 84.8.9307.642

BỘ TÀI CHÍNH

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Địa chỉ: Số 4 - Ngõ 1 - Hàng Chuối - Hà Nội

Điện thoại: 04.9716637 * Fax: 04.9716632

CỤC TRƯỞNG: PHẠM ĐÌNH SOẠN

THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 134/2001/QĐ-BTC NGÀY 11-12-2001 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN III BCHTW ĐẢNG KHOA IX

MỤC TIÊU: Đổi mới cơ chế tài chính doanh nghiệp, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp lý về kế toán, kiểm toán, các chỉ tiêu giám sát hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị TW 3 khoá IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước.

YÊU CẦU: Cụ thể hoá các quan điểm chủ trương, định hướng đã nêu trong nội dung Nghị quyết và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bằng các văn bản pháp quy và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH

1. Đánh giá phân loại và sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước.

Nghiên cứu xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động và cơ chế giám sát cho phù hợp với từng loại hình DN Nhà nước.

Hoàn thành phương án tổng thể sắp xếp, phát triển DNNN trực thuộc Bộ Tài Chính

2. Bổ sung sửa đổi cơ chế tài chính để đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá, đa dạng hoá doanh nghiệp Nhà nước.

Nghiên cứu xây dựng nghị định thay thế nghị định số 44/1998/NĐ-CP về chuyển DNNN thành Công ty cổ phần.

3. Đổi mới chính sách tài chính doanh nghiệp Nhà nước

Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn DNNN hoạt động công ích thực hiện hạch toán theo đúng quy định của Chính phủ.

Sửa đổi bổ sung cơ chế tài chính mẫu hướng dẫn điều lệ

của Tổng công ty.

Hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển DNNN thành Công ty TNHH một thành viên và cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên.

Xây dựng quy chế tài chính của Tcty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Xây dựng đề án thành lập Công ty đầu tư tài chính.

4. Thực hiện các biện pháp lành mạnh hoá tài chính doanh nghiệp.

Xây dựng nghị định về sử lý nợ DNNN.

Xây dựng đề án thành lập Công ty mua bán nợ và tài sản của DNNN.

5. Xây dựng hệ thống mạng tin học kết nối giữa Bộ Tài chính với một số doanh nghiệp Nhà nước trọng điểm cung cấp nhanh thông tin về tình hình kinh tế tài chính phục vụ cho công tác điều hành tài chính - Tiền tệ vĩ mô.



CÔNG TY DU LỊCH HÀ NỘI

Hanoitourism

Chúc mừng năm mới

Nhân dịp xuân Nhâm Ngọ 2002 Công ty Du lịch Hà Nội
xin gửi tới Quý khách và Bạn hàng lời chúc Năm Mới.
An khang - Thịnh vượng - Hạnh phúc

Giám đốc Công ty: Lê Đại Tâm

Trụ sở công ty: 18 Lý Thường Kiệt - Hà Nội

Tel: 8257886 - 8266714 - 8256036 ; Fax : 8254209

Email: hanoitourism@hn.vnn.vn * Website: <http://hanoitourism.com.vn>

PATA



SỬA LẠI:

Ở trang 7 số 2 (1-2002) phần Quảng cáo xin đọc là: NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC và
cột 2 dòng 1 đọc là: Theo chức năng nâng cao ... thành thật xin lỗi bạn đọc

PETROLIMEX

Chúc Mừng Năm Mới

Happy New Year

2002



DẦU NHỜN



VẬN TẢI



NHỰA ĐƯỜNG



HÓA CHẤT



CƠ KHÍ



KHÍ HÓA LỎNG



XÂY DỰNG



BẢO HIỂM



THIẾT BỊ XĂNG DẦU



XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP



THIẾT KẾ & TƯ VẤN
ĐẦU TƯ



XĂNG DẦU



TÍN HỌC &
TỰ ĐỘNG HÓA



PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL PETROLEUM CORPORATION

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.

ĐT: (84-4) 851 2603 - 851 3258

FAX: (84-4) 851 9203 - 851 2410

TELEX: 844 241 - TCTXDVT

HEAD OFFICE:

Nº 1 KHAM THIEN ST., HANOI, VIETNAM.

TEL: (84-4) 851 2603 - 851 3258

FAX: (84-4) 851 9203 - 851 2410

TELEX: 844 241 - TCTXDVT



BỘ XÂY DỰNG TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Trụ sở : 21 phố Kim Đồng - Hai Bà Trưng - Hà Nội Tel : 04.8.647129 Fax : 04.8.647144



Trụ sở Tổng Công ty

A. CÁC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI ĐANG HOÀN THIỆN:

- I - Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm: 184 ha ở phía Nam Hà Nội, bao gồm:
- 1 - Khu nhà ở Bắc Linh Đàm: 24 ha đã hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, dịch vụ thương mại (nhà trẻ, mẫu giáo, siêu thị, bưu điện, công viên...) đã đưa vào sử dụng. Hệ thống nhà chung cư cao tầng, nhà biệt thự, nhà liền kề... dân cư đông đúc dần.
 - 2 - Khu nhà ở bán đảo Hồ Linh Đàm có hệ thống hạ tầng đồng bộ, đang xây dựng 12 nhà chung cư cao tầng với 2.000 căn hộ.
 - 3 - Hồ nước tự nhiên rộng 74 ha, xung quanh là nhà ở, công viên, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.
- II - Dự án khu đô thị mới Định Công : 35 ha.
- Đây là Khu đô thị mới, bắt đầu sắm uất bởi có tới 300.000 m² sàn nhà ở các loại, đặc biệt hệ thống nhà chung cư cao tầng (CT5, CT6, CT2, CT16...) hiện đại, các dịch vụ tiện ích, hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh.

B. CÁC DỰ ÁN SẼ TRIỂN KHAI NĂM 2002 :

- Bao gồm 7 khu đô thị mới ở 5 tỉnh, thành phố với quy mô tổng cộng hơn 600 ha, bao gồm:
- 1- Khu đô thị mới Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội : 24 ha.
 - 2- Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội : 50 ha.
 - 3- Khu đô thị mới Việt Hưng, Gia Lâm, Hà Nội : 214 ha
 - 4- Khu đô thị mới Văn Quán, thị xã Hà Đông, Hà Tây : 62 ha
 - 5- Khu đô thị mới Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai : 204 ha
 - 6- Khu đô thị mới Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh : 28 ha
 - 7- Khu đô thị mới Đồng bắc ga Thanh Hóa : 24 ha.



Chung cư 9 tầng CT3 & CT4 (256 căn hộ) tại Khu nhà ở Bắc Linh Đàm



Chung cư 9-12 tầng CT5 & CT6 (275 hộ) tại khu Đô thị mới Định Công



Công trường Xây dựng 16 khối nhà 11 tầng tại khu Đô thị mới Bán đảo Hồ Linh Đàm (nhìn từ Công viên Bắc Linh)



Khu Đô thị mới Định Công



CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN I

Công ty Truyền tải điện I

Địa chỉ : 15 Cửa Bắc Hà Nội

Điện thoại : 048293153 - 8293152

Fax : 048293173 - 8238638

Giám đốc : Anh hùng lao động **ĐẬU ĐỨC KHÔI**



Trạm 220 KW Ba Chì - Thanh Hóa công trình chào mừng ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam



*Sửa chữa đường dây 220 KV
Hòa Bình - Hà Tây*



*Lắp đặt tụ Bù 110 KW hạng 220 KV
Hưng Đông - Vinh*

NHIỆM VỤ :

Là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng Công ty điện lực Việt Nam, hoạt động chuyên ngành Truyền tải điện trên phạm vi các tỉnh phía bắc Việt Nam với các chức năng :

- + Quản lý vận hành lưới điện 220 KV, 500 KV khu vực miền Bắc.
- + Sửa chữa, đại tu các loại thiết bị điện có điện áp 6 KV trở lên đến 500 KV gồm các loại máy cắt dầu, máy cắt không khí, máy cắt SF6, máy biến thế các cấp điện áp, các loại TU, TI và các loại dao cách ly.
- + Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị nhất, nhị thứ của các trạm biến áp ở các cấp điện áp.
- + Sửa chữa điện nóng (Đường dây đang vận hành) đường dây 220 KV.
- + Đào tạo chuyên sâu công nhân - nhân viên quản lý vận hành thiết bị lưới điện các cấp điện áp.

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH :

- 16 Trạm biến áp 220 KV với 23 máy có tổng công suất đặt 3375 MVA.
- 7 Trạm 110 KV với 14 máy 110 KV có tổng công suất đặt 433 MVA.
- 1 Trạm bù 500 KV với tổng dung lượng 256 MVAR (Đang lắp đặt 1 trạm biến áp 500 KV với công suất 3x150 MVA, điện áp 500/220 KV và 1 Trạm 220 KV với công suất 125 MVA).
- 1500 km đường dây 220 KV.
- 406 km đường dây 500 KV.

CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC :

- 1 đơn vị và 1 cá nhân được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.
- 1 huân chương Độc lập hạng ba.
- 2 huân chương Lao động hạng nhất.
- 1 huân chương Lao động hạng nhì.
- 5 huân chương Lao động hạng ba.
- 4 cờ thi đua, 28 bằng khen của thủ tướng chính phủ.
- 3 cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- Nhiều cờ, bằng khen của Bộ Công nghiệp, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI

HA NOI CONSTRUCTION CORPORATION

Địa chỉ : 57 Phố Quang Trung, Hà Nội, Việt Nam

Head office : Quang Trung Str, Hanoi, Vietnam

Tel : 8.262.036 - 8.227.432

Fax : 84.4.8.268.521 - 9.430.449



CHỨC NĂNG

- * Xây dựng công trình dân dụng và công trình công nghiệp đến nhóm A.
- * Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp đến nhóm A.
- * Xây lắp đường dây và trạm biến thế điện 35KV
- * Xây dựng công trình giao thông đường bộ, đường hầm, tủy nen, cầu, sân bay, bến cảng.
- * Xây dựng các công trình thủy lợi, trang trí nội ngoại thất.
- * Lắp đặt các thiết bị điện kỹ thuật và máy móc ngành hóa dầu. Lập và nghiên cứu dự án trước đầu tư và thiết kế thử nghiệm.
- * Tư vấn và thiết kế quy hoạch khu dân cư, khu đô thị và công nghiệp.
- * Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp và nội ngoại thất.
- * Thẩm định dự án và thiết kế. Kiểm định dự án và thiết kế.
- * Kiểm định chất lượng vật liệu và công trình xây dựng.
- * Tư vấn đấu thầu và chuyển giao công nghệ xây dựng.
- * Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông, thương phẩm và đồ gỗ.
- * Kinh doanh bất động sản.
- * Kinh doanh xuất nhập khẩu.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU

HAI CHAU CONFECTIONERY COMPANY

Địa chỉ: Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04-4) 6624326 - 6621664 Fax: (04-4) 6621620

Là một trong những Công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bánh kẹo, thực phẩm với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đảm bảo cho Công ty phát huy hiệu quả công suất của 7 dây chuyền thiết bị hiện đại sản xuất các chủng loại sản phẩm rất đa dạng, với 70 mặt hàng bao gồm các loại bánh quy, kem xốp, bột canh, lương khô, kẹo, sôcôla thanh và viên...

Sản phẩm của Công ty được bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 1997, 1998, 1999, 2000, 2001 đạt nhiều huy chương vàng trong các kỳ Hội chợ triển lãm và đạt Top ten trong những năm 1997, 1998, 1999, 2000, 2001.



Phước Mùng



Năm Mới



Xuân Nhâm Ngọ

Huy chương vàng các kỳ Hội chợ triển lãm 2002

Digitized by www.vietnamnet.vn

CÔNG VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING COMPANY

VP: 1D PHẠM NGŨ LÃO - CẦN THƠ

ĐT: 071.825848 - 825850 Fax: 071.825844

email: tsc@hcm.vnn.vn



PHÁT TRIỂN CÙNG NÔNG DÂN VIỆT NAM



TSC

- Sản xuất và cung ứng thuốc bảo vệ thực vật trên toàn quốc.

- Thu mua, chế biến nông sản & gạo xuất khẩu.

- Nhập khẩu và cung ứng phân bón các loại.

Mã Tào Công

XUÂN NHÂM NGỌ

2002



Chúc Mừng Xuân Mới



BỘ CÔNG NGHIỆP

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: 30C BÀ TRIỆU - HOÀN KIẾM - HÀ NỘI

ĐT: 04.9346189 * Fax: 04.8253417 * E-mail: IPS@hn.vnn.vn

VIỆN TRƯỞNG: ĐỖ HỮU HÀO

Viện nghiên cứu chiến lược, Chính sách công nghiệp là cơ quan sự nghiệp nghiên cứu khoa học trực thuộc Bộ Công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 3740/QĐ-TCCB ngày 13/12/1996 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở Quyết định số 782/TTg ngày 24/10/1996 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ. Tiền thân của viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp là Viện Thông tin - Kinh tế Công nghiệp, được thành lập năm 1996 trên cơ sở sáp nhập Viện Thông Tin Kinh tế Công nghiệp nặng, Tạp chí Công nghiệp và Trung tâm Thông tin Kinh tế và Khoa học Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN số 653 ngày 21/2/2000 của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

- Tên giao dịch Quốc tế : Insititute for Industry Policy and Strategy.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu, soạn thảo định hướng chiến lược, chính sách và quy hoạch phát triển công nghiệp trong phạm vi cả nước.
- Tổ chức triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học về kinh tế và quản lý công nghiệp.
- Nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ phần mềm công nghiệp và ứng dụng các tiến bộ công nghệ thông tin tiên tiến phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH ngành công nghiệp.
- Tham gia hội đồng thẩm định các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ, xét duyệt các báo cáo, các công trình khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý và thông tin khoa học kỹ thuật.
- Tổ chức các hoạt động thông tin kinh tế và khoa học kỹ thuật ngành công nghiệp, bao gồm : thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin dưới hình thức biên tập và xuất bản Tạp chí Công nghiệp, các ấn phẩm Tuần tin Công nghiệp và Thương mại, Thông tin Chiến lược - Chính sách công nghiệp theo định kỳ và các ấn phẩm không định kỳ khác : Quảng cáo - giới thiệu sản phẩm, tổ chức hội chợ triển lãm, hội thảo khoa học báo cáo chuyên đề v.v..
- Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức về kinh tế, quản lý, nghiệp vụ theo chuyên đề cho cán bộ trong và ngoài ngành; tổ chức hợp tác đào tạo sau đại học cho các đối tượng có nhu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tư vấn cho các doanh nghiệp và các đơn vị trong và ngoài Bộ về quản lý, đầu tư, chuyển giao công nghệ; tổ chức các hoạt động in ấn và số các dịch vụ công nghiệp có thu.
- Thiết lập quan hệ và hợp tác với các tổ chức, cơ quan nghiên cứu, thông tin báo chí, hội chợ triển lãm và các cơ quan hữu quan khác của nước ngoài về các lĩnh vực hoạt động mà Bộ đã giao cho Viện trong khuôn khổ chương trình và kế hoạch hợp tác quốc tế của Bộ và Nhà nước.



Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chúc mừng năm mới



6

2-2002

UNIV. OF MICHIGAN
MAR 15 2002
CURRENT SE



CÔNG TY HỎA CHẤT VINH

Trụ sở : Nghi Liên - Nghi Lộc - Nghệ An (Quốc lộ 1A - Km số 7 Vinh - Hà Nội)

Điện thoại : (038) 851247 - 852035 - 851136 * Fax : (038) 8511247



Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL Nguyễn Hữu Thiện
trao chứng chỉ ISO 9002 cho Giám đốc Công ty Lương Ngọc Nho



Giải Bạc
Chất lượng Việt Nam
1998 - 1999



Huân chương
Lao động Hạng 3



ISO 9002

- ♦ Phân NPK các loại : 5-10-3, 8-8-3, 8-10-4, 8-7-4, 11-1-8, 5-10-15, 16-16-8
- ♦ Phân đặc chủng cho : Mía, Lạc, Cà phê
- ♦ Sản phẩm khác : Magie, Clorua, Tắm lợp Lưu ly, Magiê ôxyt



Ruộng mía thí nghiệm được bón bằng
phân NPK cho năng suất cao



Lễ động thổ khai trương xí nghiệp phân bón Hữu cơ sinh học
Nghệ An (Tân Kỳ 17-4-2001)

*20 năm kinh nghiệm nghiên cứu chế biến các loại phân bón
có hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học chuyên ngành
Có hệ thống Quản lý chất lượng đạt Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002*

CÔNG TY HỎA CHẤT VINH

Người bạn tin cậy của Nông dân và Nông nghiệp



THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 635

6

2-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 04 9422061
Fax : 04 8222846

**Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 8225768

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : TP Hồ Chí Minh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Không có lý luận tiên phong thì Đảng không thể thực hiện được vai trò người chiến sĩ tiên phong	3
PHAN VĂN KHẢI - Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế	10
LÊ XUÂN TÙNG - Những vấn đề lý luận quan trọng trong văn kiện Đại hội IX của Đảng	17
HÀ THỊ KHIẾT - Phụ nữ Việt Nam đoàn kết phấn đấu vì sự nghiệp bình đẳng và phát triển, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh	22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN PHÚC THĂNG - "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" bàn về giai cấp tư sản	28
HÀ XUÂN TRƯỜNG - Vai trò của Đảng trong xây dựng lý luận văn học Việt Nam	31
NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Thương mại : thực trạng năm 2001 và triển vọng năm 2002	35

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN NGỌC TĂNG - Đảng bộ tỉnh Phú Thọ với phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	40
HÀ VĂN HIẾN - Quảng Ninh xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở	45
TRƯƠNG GIANG LONG - Đồng Tháp sau mùa lũ	49
TRẦN QUANG HẢI - Đơn vị đi tiên phong trong đội hình lắp máy Việt Nam	53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TRUNG HIẾU - "Cân đảng viên"	58
------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

PHAN VĂN DÂN - PHẠM THỊ PHÚC - Kinh tế các nước đang phát triển năm 2001	59
--	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc	63
- Lễ kết nghĩa giữa Tạp chí Cộng sản với Bộ đội Biên phòng	64

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Без передовой теории Партия не может выполнить роль авангардного борца. **ФАН ВАН ХАЙ:** Развивать рыночную экономику по социалистической ориентации, осуществлять великую всенациональную солидарность и усиливать демократию в экономической жизни. **ЛЕ СУАН ТУНГ:** Важные теоретические проблемы в документах IXого Съезда Партии. **ХА ТХИ ХИЕТ:** Вьетнамские женщины сплачиваются, стараются за дело равенства, развития и строят страну всё более богатой и сильной. **ЧАН ФУК ТХАНГ:** "Манифест Коммунистической Партии" обсуждает о буржуазном классе. **ХА СУАН ЧЫОНГ:** Роль Партии в оформлении теории Вьетнамской литературы XXI века. **НГУЕН ДИНЬ БИТЬ:** Торговля: реальность 2001ого года и перспективы 2002ого года. **ФАН ВАН ЗАН – ФАМ ТХИ ФУК:** Экономика развивающихся стран в 2001ом году.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: Without an advanced theory the Party cannot fulfill the role of the vanguard fighter. **PHAN VĂN KHẢI:** To develop the socialist – oriented market economy, to implement the great nation – wide solidarity and promote democracy in the economic life. **LÊ XUÂN TÙNG:** The important theoretical problems in the documents of the IXth Party Congress. **HÀ THỊ KHIẾT:** The Vietnamese women unite and strive for the cause of equality and development, build and make the country be more wealthy and powerful. **TRẦN PHÚC THẮNG:** "The Manifesto of the Communist Party" discussing about the bourgeois class. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** The role of the Party in the formation of the theory of the Vietnamese literature of the XXIst century. **NGUYỄN ĐÌNH BÍCH:** Trade: realities and prospects in 2002. **PHAN VĂN DÂN – PHẠM THỊ PHÚC:** Economy of the developing countries in 2001.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Le PCV ne peut assumer son rôle d'avant-garde sans la théorie d'avant-garde. **PHAN VĂN KHẢI:** Développement de l'économie de marché à orientation socialiste, réalisation de la grand union nationale et valorisation de la démocratie dans la vie économique. **LÊ XUÂN TÙNG:** Les questions théoriques importantes dans les documents du IX^e Congrès national du PCV. **HÀ THỊ KHIẾT:** La solidarité des femmes vietnamiennes au service de l'œuvre de l'égalité et du développement pour un pays de plus en plus prospère et puissant. **TRẦN PHÚC THẮNG:** "Le manifeste du Parti communiste" parle de la classe bourgeoise. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** Le rôle du PCV dans l'élaboration de la théorie littéraire du Vietnam au XXI^e siècle. **NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Commerce:** Etat de lieux de l'année 2001 et perspectives pour l'année 2002. **PHAN VĂN DÂN - PHẠM THỊ PHÚC:** L'économie des pays en voie de développement en 2001.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Sin la teoría de vanguardia el PCV no podría poner en práctica su papel de combatiente de primera fila. **PHAN VĂN KHẢI:** Acelerar la economía de mercado a la orientación socialista, realizar la gran unión nacional y desplegar la democracia en la vida económica. **LÊ XUÂN TÙNG:** Las cuestiones importantes en los documentos del IX Congreso Nacional del PCV. **HÀ THỊ KHIẾT:** La solidaridad de la Mujer vietnamita al servicio de la obra de igualdad y del desarrollo por un país cada día más próspero y poderoso. **TRẦN PHÚC THẮNG:** "El Manifiesto del Partido Comunista" habla sobre la clase burguesa. **HÀ XUÂN TRƯỜNG:** El papel del PCV en la elaboración de la teoría literaria vietnamita en el siglo XXI. **NGUYỄN ĐÌNH BÍCH:** Comercio: la realidad del año 2001 y perspectivas del año 2002. **PHAN VĂN DÂN - PHẠM THỊ PHÚC:** La economía de los países en via de desarrollo. del año 2001.

目录

• 农德孟 没有先锋的理论则党就不能实现先锋战士的作用 • 潘文凯 发展社会主义定向经济 实现全民大团结并在经济生活中发挥民主 • 黎春松 党九大文件中重要的理论问题 • 何氏洁 越南妇女为平等和发展事业 为建设日益富强的国家而团结奋斗 • 陈福升 《共产党宣言》论有关资产阶级 • 何春长 党在建设二十一世纪越南文学理论中的作用 • 阮亭碧 贸易 — 2001 年实况及 2002 年展望 • 潘文民 - 范氏福 2001 年发展中国家之经济。



KHÔNG CÓ LÝ LUẬN TIỀN PHONG THÌ ĐẢNG KHÔNG THỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC VAI TRÒ NGƯỜI CHIẾN SĨ TIỀN PHONG *

NÔNG ĐỨC MẠNH

**Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam**

Hôm nay, tôi rất vui mừng được gặp các đồng chí trong Hội đồng Lý luận Trung ương. Tôi cũng rất vui mừng được gặp các đồng chí phụ trách các chương trình và đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước và nhiều đồng chí nghiên cứu lý luận khác ở các ban, ngành, học viện, trường đại học. Các đồng chí là những cán bộ làm việc trên một lĩnh vực khoa học hết sức quan trọng mà Đảng ta luôn quan tâm trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Vì Đảng hiểu rằng : không có lý luận tiên phong thì Đảng không thể thực hiện được vai trò người chiến sĩ tiên phong.

Cách đây đúng mười năm, Bộ Chính trị khóa VII đã ra Nghị quyết 01 về công tác lý luận. Từ đó đến nay, Đảng ta có bước phát triển rõ rệt về lý luận và đạt nhiều thành tựu đáng kể trong công tác lý luận.

Điều nổi bật nhất là Đảng ta đã thật sự đổi mới phương pháp tư duy lý luận, trên cơ sở kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, mở ra bước đột phá đi tới xác định ngày càng hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện, làm cho nước ta phát triển mạnh mẽ, tạo ra thế và lực tốt đẹp như ngày nay.

Chúng ta đã khái quát được mục tiêu chung của toàn Đảng, toàn dân là : *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Đảng đã giải đáp có căn cứ khoa học, vững chắc hơn nhiều vấn đề như : kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát triển

* Bài phát biểu tại cuộc họp của Hội đồng Lý luận Trung ương ngày 29-1-2002. Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy nguồn lực con người ; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện mới...

Cuộc đấu tranh trên mặt trận lý luận chống lại các quan điểm sai trái, thù địch đã góp phần bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, chế độ và đường lối đổi mới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, làm thất bại một bước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước về khoa học xã hội đã được tiến hành. Nhiều bộ sách và tạp chí nghiên cứu lý luận cùng các giáo trình quốc gia về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về lịch sử Đảng đã được xuất bản. Mạng lưới các cơ quan làm công tác lý luận được mở rộng. Đội ngũ cán bộ lý luận ngày càng đông đảo và trưởng thành. Hàng nghìn cán bộ lý luận đã có học vị thạc sĩ, tiến sĩ, có chức danh khoa học giáo sư, phó giáo sư. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia đóng vai trò nòng cốt quan trọng trong công tác nghiên cứu và giảng dạy lý luận. Hàng chục vạn cán bộ đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân đã được đào tạo về lý luận qua các chương trình cao cấp,

trung cấp và sơ cấp. Nhiều khoa và bộ môn lý luận của nhiều học viện và trường đại học cũng như nhiều bộ phận nghiên cứu lý luận của một số ban, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương đã có những đóng góp thiết thực vào công tác lý luận của Đảng. Hội đồng Lý luận Trung ương đã tích cực làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng. Một số chính sách và quy chế của Đảng và Nhà nước về đầu tư, đãi ngộ, khen thưởng, hợp tác quốc tế... đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu lý luận ngày càng có chất lượng hơn.

Những kết quả nghiên cứu lý luận gắn với khảo sát thực tiễn của giới lý luận đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học, góp phần bổ sung, phát triển đường lối, quan điểm của Đảng, được thể hiện tập trung trong các chủ trương, chính sách của Đảng và trong nghị quyết các Đại hội Đảng, đặc biệt là trong Nghị quyết Đại hội IX. Tôi xin thay mặt Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những thành tích đáng tự hào của đội ngũ cán bộ lý luận nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, công tác lý luận của Đảng ta còn nhiều yếu kém, bất cập. Nghị quyết Đại hội IX đã chỉ ra : “Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu

cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội”.

Nhận thức trong chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội tuy đã rõ hơn một bước so với mười năm trước, song chưa thật cụ thể, chưa phản ánh đầy đủ những biến đổi của thực tiễn. Còn nhiều câu hỏi đặt ra mà công tác lý luận chưa có lời giải đáp hoặc giải đáp chưa đủ sức thuyết phục. Nhận thức của nhiều cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh còn giản đơn. Đối với một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn, trong Đảng còn có những quan điểm, nhận thức khác nhau, trong đó có không ít nhận thức sai lầm. Một bộ phận cán bộ giảm sút niềm tin đối với nền tảng tư tưởng của Đảng. Phương pháp tư duy của nhiều cán bộ, đảng viên chưa vươn tới tầm tư duy biện chứng, tư duy lý luận, mà còn dừng lại ở tư duy cảm tính, ở chủ nghĩa kinh nghiệm hoặc chủ nghĩa thực dụng. Việc đấu tranh về mặt lý luận đối với những quan điểm sai trái, thù địch chưa chủ động, sắc bén và kịp thời.

Đội ngũ cán bộ lý luận chưa đồng bộ và nói chung trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt là còn rất thiếu những chuyên gia lý luận đầu đàn trên các lĩnh vực trọng yếu. Công tác đào tạo cán bộ lý luận tuy đã

được tăng cường song vẫn nặng về chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng ; mở rộng tràn lan hình thức đào tạo tại chức, hiệu quả đào tạo thấp, nặng về hình thức và bằng cấp, cốt để lên chức, lên lương cho cán bộ.

Phương pháp dạy và học lý luận chưa thật sự đổi mới. Việc giảng dạy lý luận còn mang tính giáo điều, kinh viện, khô khan, kém hấp dẫn. Đối với người học thì có tình trạng tự học ít, thụ động, ít đi khảo sát thực tế, thiếu thiết bị hiện đại và sách, báo, tạp chí để tham khảo, việc nghiên cứu tác phẩm kinh điển chưa được coi trọng. Việc đánh giá kết quả học tập chưa nghiêm túc. Một số khá đông cán bộ đi học chính trị - lý luận đều được công nhận là khá và giỏi, nhưng không đúng thực chất. Cách làm này sẽ dẫn đến hậu quả là chúng ta có được nhiều cán bộ có học hàm, học vị, nhiều quan chức có bằng và giấy chứng nhận tốt nghiệp nhưng có được rất ít những chuyên gia lý luận giỏi.

Nhiều cấp lãnh đạo chưa quan tâm đến công tác lý luận, Đảng và Nhà nước chưa có những cơ chế, chính sách hợp lý, đồng bộ để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy lý luận, của đội ngũ lý luận trong cả nước. Việc triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cũng như việc nghiệm thu và ứng dụng kết quả nghiên cứu chưa tốt. Tác phẩm lý luận có giá trị lớn hiện nay rất ít. Chất lý luận trên các sách báo, tạp chí còn thấp.

Đến nay vẫn chưa xây dựng được quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động lý luận.

Trong thời gian tới, chúng ta cần khắc phục những khuyết điểm nói trên, đưa công tác lý luận phát triển mạnh mẽ lên tầm cao mới, có hiệu quả và có chất lượng, phục vụ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người đặt nền móng đầu tiên cho công tác lý luận của Đảng ta, đã dạy : Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Có lý luận thì mới hiểu được mọi việc trong xã hội, trong phong trào để chủ trương cho đúng, làm cho đúng. Đảng ta từ ngày thành lập đến nay, ở bất cứ thời kỳ nào, luôn coi trọng việc đẩy mạnh công tác lý luận. Các đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, Lê Duẩn, những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là những nhà lãnh đạo tài giỏi đồng thời là những nhà lý luận sâu sắc, hết lòng chăm lo xây dựng, vun đắp nền lý luận của Đảng ta. Chúng ta phải cố gắng rất nhiều để học tập tư duy lý luận và phong cách lý luận của các đồng chí.

Tình hình trong nước và thế giới đang đòi hỏi chúng ta đổi mới và tiếp tục đẩy mạnh công tác lý luận, tạo bước đột phá mới về công tác lý luận, làm cho lý luận của Đảng thực sự là lý luận tiên phong của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Công tác lý luận phải quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; kết hợp nhuần nhuyễn tính khoa học với tính Đảng, kết hợp khoa học với chính trị. Nhiệm vụ bao trùm và cấp bách của công tác lý luận trong tình hình hiện nay là thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng : “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái”.

Để thực hiện được nhiệm vụ đó, chúng ta cần làm tốt những việc sau đây :

Một là, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận và dùng lý luận để hướng dẫn và cắt nghĩa những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Tổng kết thực tiễn là phương pháp cơ bản trong hoạt động lý luận, là cách thức để khắc phục chủ nghĩa giáo điều, sự yếu kém, lạc hậu và xa rời thực tiễn của lý luận. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Những tiến bộ về lý luận của Đảng được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Phải từ thực tiễn đổi mới của đất nước ta mà tổng kết, khái quát thành lý luận, chứ không phải chép từ những cuốn sách có sẵn. Cần thật sự đi sâu tổng kết thực tiễn, nhạy cảm trước những thay đổi diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội, đáp ứng

kip thời những yêu cầu cụ thể, cấp bách của thực tiễn, chứ không chỉ dựa vào những nguyên lý phổ biến sẵn có trong sách vở để luận giải trừu tượng, theo lối kinh viện. Đội ngũ cán bộ lý luận trước mắt có nhiệm vụ tiếp tục làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam và mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” ; giải đáp một cách thuyết phục những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra : Thời kỳ quá độ và các chặng đường của thời kỳ quá độ ở nước ta ? Bản chất đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ? Tính chất, nội dung của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện nay ? Bản chất của toàn cầu hóa ? Kinh tế tri thức ? Làm thế nào để kinh tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo ? Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước có phải là tư nhân hóa ? Kinh tế hợp tác và hợp tác xã có vai trò, tương lai như thế nào và hợp tác xã ngày nay khác gì về tính chất so với hợp tác xã trước đổi mới ? Kinh tế tư bản tư nhân phát triển đến mức độ nào thì không làm mất định hướng xã hội chủ nghĩa ? Thế nào là “bóc lột” và đảng viên có được làm kinh tế tư bản, tư nhân không ? Làm thế nào để nước ta giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội khi tham gia toàn cầu hóa trong bối cảnh tình hình thế giới phức tạp hiện nay ? Làm sao chống được tham nhũng, quan liêu ? Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng như thế nào trong điều kiện kinh tế thị trường ?...

Cần đổi mới phương thức tổng kết thực tiễn, bảo đảm tiếp nhận được những số liệu, tư liệu trung thực, những thông tin khách quan theo phương châm nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật.

Hai là, đấu tranh chống lại những quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch.

Đây là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Số người có các quan điểm nói trên tuy không nhiều nhưng gây tác hại nghiêm trọng và được tán phát, tuyên truyền khá nhanh chóng, rộng rãi, kể cả phát trên mạng in-tơ-nét, nhằm vu cáo và xóa bỏ Đảng lãnh đạo và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, phá hoại sự đoàn kết thống nhất của Đảng và dân tộc, sự gắn bó của Đảng và nhân dân.

Các cơ quan lý luận và đội ngũ cán bộ lý luận, trước hết là các cán bộ chủ chốt, các chuyên gia lý luận giỏi cần đi sâu nghiên cứu và tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống những quan điểm, luận điệu xấu một cách chủ động, sáng tạo, sắc bén, có sức thuyết phục.

Ba là, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, công tác dạy và học lý luận.

Đây cũng là một đòi hỏi bức xúc của Đảng. Công tác nghiên cứu lý luận gắn với sự hiểu biết thực tiễn Việt Nam và những vấn đề mới của thế giới, tổng kết thực tiễn và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của nhân loại ; nhận thức đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng

Hồ Chí Minh đồng thời nghiên cứu để hiểu thực chất các học thuyết ngoài mác xít và phản mác xít. Cần khắc phục tình trạng trùng lặp trong các chương trình, đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về khoa học xã hội cũng như đề tài các luận án tiến sĩ. Việc giao nhận đề tài nghiên cứu khóa học cấp nhà nước cần thực hiện thông qua chế độ tuyển chọn, không theo cơ chế “xin - cho”, để nhiều nhà khoa học hoặc tập thể khoa học được dân chủ, bình đẳng, công khai tham gia. Các kết quả nghiên cứu và kiến nghị của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cần được phân tích, đánh giá kịp thời để lãnh đạo Đảng và Nhà nước xem xét, sử dụng.

Cần đổi mới phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả. Đội ngũ giảng viên phải có số lượng đáp ứng yêu cầu và đồng bộ, có đủ phương tiện và thiết bị làm việc, kể cả máy vi tính, không “dạy chay”, được đãi ngộ thỏa đáng để không phải “chạy đi làm ngoài” chỉ còn ít thời gian dành cho nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng bài giảng. Cần phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng.

Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ lý luận đông đảo, có chất lượng cao, có trình độ chính trị và kiến thức cơ bản vững chắc, uyên thâm môn khoa học mình theo đuổi, có đạo đức, phẩm chất, nhiệt tình say mê nghiên cứu

lý luận. Sắp xếp lại, kiện toàn hệ thống các cơ quan, các trung tâm đào tạo và nghiên cứu lý luận, khắc phục tình trạng phân tán, trùng lặp, chồng chéo, kém hiệu quả. Hội đồng Lý luận Trung ương, hai trung tâm lớn quốc gia đào tạo và nghiên cứu lý luận là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia cần đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động.

Công tác lý luận và hệ thống cơ quan nghiên cứu lý luận xứng đáng được tăng cường đầu tư bằng các nguồn lực vật chất và tinh thần, bảo đảm từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, hệ thống thông tin, sách báo, thực hiện giao lưu quốc tế, tạo điều kiện tốt cho việc nghiên cứu và khảo sát thực tiễn.

Bốn là, mở rộng dân chủ và giữ vững định hướng chính trị trong hoạt động lý luận.

Nghiên cứu là khám phá, sáng tạo, là quá trình nhận thức để đi đến những hiểu biết mới, tìm ra chân lý khách quan. Cán bộ lý luận vừa phải có năng lực tư duy, phương pháp nghiên cứu, nắm vững định hướng chính trị, vừa phải có bản lĩnh độc lập, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dũng cảm đấu tranh bảo vệ chân lý. Do đó, Đảng ta cho rằng cần xây dựng trong hoạt động lý luận một môi trường đoàn kết, thân ái, dân chủ, cởi mở, bình đẳng và có nguyên tắc nhằm phát huy đầy đủ tự do sáng tạo của mỗi cán bộ lý luận, của mọi tài năng trí tuệ trong quá trình

tìm ra chân lý, không được có bất cứ sự áp đặt, định kiến, “truy chụp” nào. Trong thảo luận, tranh luận khoa học thì tự do phát biểu ý kiến của mình, kể cả những ý kiến trái ngược, nhưng khi hành động thì phải làm theo nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không được tuyên truyền, tán phát tài liệu chưa được phép công bố hoặc truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng. Cần khẩn trương xây dựng và ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động lý luận.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận.

Cuộc sống đang đặt ra những đòi hỏi bức xúc đối với công tác lý luận. Đại hội X của Đảng sẽ là một bước phát triển mới của Đảng về tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nhằm giành những thành tựu mới, to lớn hơn cho sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Vì vậy, các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các cấp ủy phải đặc biệt quan tâm công tác lý luận, thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc kết lý luận, giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tổng Bí thư Đảng sẽ trực tiếp chỉ đạo Hội đồng Lý luận Trung ương và công tác lý luận ; sẽ định kỳ hoặc đột xuất nghe Hội đồng Lý luận Trung ương và các cơ quan lý luận, các nhà lý luận trình bày kết quả nghiên cứu, đóng góp ý kiến vào những vấn đề mà Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đang quan tâm tìm

cách giải quyết. Không những thế, chúng tôi sẽ “đặt hàng” nghiên cứu cho các cơ quan lý luận và các nhà lý luận. Nhưng chính các đồng chí cũng cần chủ động đề xuất những kiến nghị, giải pháp để lãnh đạo Đảng xem xét, tiếp thu hoặc chấp nhận cho triển khai nghiên cứu sâu thêm.

Đảng ta mong muốn đưa công tác lý luận lên ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới khi bước vào thế kỷ XXI, một giai đoạn có cả cơ hội và thách thức lớn đối với toàn dân tộc. Đảng trông cậy và tin tưởng ở đội ngũ cán bộ lý luận cũng như ở toàn thể cán bộ, đảng viên ta có thể hoàn thành được nhiệm vụ cao cả đó. Nhưng đối với chúng ta, có quyết tâm và có mong muốn vẫn chưa đủ mà điều quan trọng là phải hành động, nói đi đôi với làm.

Các cán bộ lý luận phải có những đóng góp cụ thể, thiết thực vào việc hoạch định, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, vào việc tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Nhân dịp năm mới 2002 và Tết Nhâm Ngọ sắp đến, thay mặt Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tôi chúc các cán bộ lý luận trên mọi miền đất nước, thuộc các thế hệ và lĩnh vực khác nhau, cùng gia đình bước sang năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong công tác và cuộc sống. □

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ

PHAN VĂN KHÁI

Thủ tướng Chính phủ

TỪ những phương hướng chủ yếu của công cuộc đổi mới đã được Đại hội VI của Đảng đề ra đến chủ trương "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa"⁽¹⁾ được Đại hội VII xác định và được Đại hội IX phát triển thành chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là những bước tiến quan trọng trong quá trình tổng kết thực tiễn cách mạng, đổi mới tư duy kinh tế, vượt qua những quan niệm sơ cứng về mô hình phát triển kinh tế - xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong đường lối chiến lược của Đảng ta, tư tưởng đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ được thể hiện rất rõ ràng. Đại hội IX xác định: "Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn

trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai"⁽²⁾.

Có thể nói, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà mục tiêu đến năm 2010, hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt thể chế kinh tế thị trường, là chính sách nhất quán, lâu dài nhằm thực hiện đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường tạo ra khung pháp luật để thực hiện quyền của mỗi công dân được *tự do kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm*, mưu cầu lợi ích của mình nhưng không xâm phạm lợi ích của người khác, đóng góp vào sự phồn vinh và tiến bộ xã hội. Đó là cơ sở xã hội để phát

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 86

(2) Văn kiện đã dẫn, tr 123 - 124

huy tinh thần năng động, sáng tạo, cần kiệm của mỗi người dân, tạo thêm việc làm, tạo thêm của cải, tăng thu nhập cho mình và đóng góp cho xã hội ; đồng thời cũng là phương thức để thực hiện : "... đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"⁽³⁾.

Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh : "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân ..." ⁽⁴⁾. Phát triển kinh tế cũng chính là phát huy khả năng của mọi người dân, mọi thành phần kinh tế, tất cả các thành phần kinh tế "... đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ..." ⁽⁵⁾ trên đất nước ta. Chính sách này thể hiện một nhận thức mới, phù hợp với thực tế là mặc dầu có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, có nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội, nhưng "mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng"⁽⁶⁾. Thực tế vừa qua cho thấy, chúng ta đã bước đầu phát huy được sức mạnh của sự thống nhất trong tính đa dạng của nền kinh tế, nhiều thành phần kinh tế thực sự đã là cơ sở tốt cho đại đoàn kết toàn dân.

Đại hội IX tiếp tục khẳng định, trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển ổn định và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dẫu rằng, kinh tế nhà nước đang còn một số mặt yếu kém, nhưng trên thực tế, đã nắm

những cân đối lớn của nền kinh tế và đang giữ vai trò chủ đạo. Trong mấy năm tới, chúng ta chủ trương tiếp tục đẩy nhanh quá trình đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, trên cơ sở đó kinh tế nhà nước làm tốt hơn nữa vai trò chủ đạo của mình. Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã có những quyết định quan trọng về vấn đề này ; yêu cầu các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc để tạo ra một bước chuyển biến cơ bản trong những năm tới.

Kinh tế nhà nước nắm vững vai trò chủ đạo chính là để phát huy khả năng của kinh tế nhà nước và phát huy khả năng các thành phần kinh tế khác. Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ : "Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng..." ⁽⁷⁾. Xin được nhấn mạnh thêm, bình đẳng là bình đẳng trước pháp luật, lấy pháp luật làm cơ sở. Đường lối của Đảng phải được thể chế hóa thành pháp luật, các cơ quan nhà nước và mọi người dân, mọi doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Vấn đề rất quan trọng trong sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là làm thế nào phát huy được các thành phần kinh tế ngoài khu vực kinh tế nhà nước. Thực tế những năm đổi mới vừa qua đã chứng minh rằng, những thành phần kinh tế này thực sự có nhiều lợi thế trong

(3) Văn kiện đã dẫn, tr 86

(4) Văn kiện đã dẫn, tr 86

(5) Văn kiện đã dẫn, tr 96

(6) Văn kiện đã dẫn, tr 85

(7) Văn kiện đã dẫn, tr 188

việc huy động các nguồn lực còn rất lớn trong xã hội và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Chẳng hạn, sau khi có Luật Doanh nghiệp, chỉ tính từ đầu năm 2000 đến giữa năm 2001, cả nước đã có 21 600 doanh nghiệp mới đăng ký thành lập, huy động một lượng vốn đầu tư hơn 36 000 tỉ đồng ; ngoài ra còn có trên 15 vạn hộ kinh doanh cá thể mới ra đời.

Năm 2001, nền kinh tế nước ta gặp phải nhiều khó khăn do ảnh hưởng của những biến động tiêu cực trên thị trường thế giới, nhưng khu vực công nghiệp dân doanh đã có tốc độ tăng trưởng khá cao (20,3% so với năm 2000), trong khi công nghiệp của khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ tăng 12,7% (trung ương : 13,1% và địa phương 11,8%) và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng 12,1%⁽⁸⁾.

Đối với kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã, chúng ta kiên trì hướng dẫn những người nông dân, thợ thủ công và tiểu chủ tự nguyện, tự giác, tự tổ chức làm ăn tập thể vì lợi ích thiết thân của chính họ. Hiện nay, chúng ta đang tổng kết việc thực hiện Luật Hợp tác xã để tiếp tục bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh cho phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống ở từng lĩnh vực, từng vùng.

Kinh tế trang trại không phải là một thành phần kinh tế mà là một hình thức sản xuất kinh doanh ; có thể là kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, cũng có thể là kinh tế hợp tác hay tổ hợp tác, hoặc đan xen nhiều hình thức sở hữu. Vừa qua đã có những thử nghiệm tốt về kinh tế trang trại. Chúng ta đã kịp thời đề ra những chính sách và quy định để khuyến khích phát triển kinh tế trang trại phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng địa phương.

Đảng và Nhà nước ta khuyến khích sự liên kết giữa các thành phần kinh tế với

nhau, nhất là giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác, vì đây chính là con đường dẫn tới xã hội hóa quan hệ sản xuất phù hợp với tiến trình xã hội hóa lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một hình thức liên kết như vậy.

Chúng ta quan niệm, trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tựa hồ như "ba thứ quân" : có hiện đại, chính quy ở tầm quốc gia và sánh vai với quốc tế, bán chính quy ở quy mô địa phương và các hộ kinh tế gia đình, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại. Tất cả các "thứ quân" ấy tạo thành một thể thống nhất trong đa dạng. Các doanh nghiệp bổ sung cho nhau bằng những lợi thế và mặt mạnh của nhau, cùng hợp tác, cùng cạnh tranh vì sự tiến bộ và phát triển. Quá trình đó còn có một tác dụng nữa là "hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh"⁽⁹⁾ không vì sự tiến bộ và phát triển.

Bên cạnh những mặt đã làm được, cũng cần phải nói thêm rằng, hiện vẫn còn nhiều người dân muốn phát triển sản xuất, kinh doanh, nhiều nhà đầu tư nước ngoài muốn vào làm ăn ở nước ta, nhưng họ chưa thật tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước ta, chưa yên tâm về việc thực thi chính sách, luật pháp ở các ngành, các cấp, do đó còn ngần ngại trong việc bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh lâu dài. Điều đó một mặt là do các chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chưa được giải thích thật thấu đáo đến các đối tượng này, mặt khác là các chính sách và pháp luật cùng với những

(8) *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2001*, Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 2001, tr 9

(9) *Văn kiện đã dẫn*, tr 100

thể thức quản lý, nhất là các thủ tục hành chính, còn có những chỗ chưa tháo gỡ hết những vướng mắc để các nhà doanh nghiệp yên tâm và phấn khởi làm ăn. Chính phủ đang phấn đấu tạo ra một sự thống nhất trong hành động, nhất quán giữa trước và sau, giữa nói và làm, giữa chính sách và các quy định cụ thể, giữa trên và dưới, giữa trung ương và các địa phương, khắc phục cho được tình trạng luật pháp, chính sách của Nhà nước bị biến dạng, méo mó đi nhiều qua các tầng nấc trung gian và không được thực hiện tốt trong thực tế cuộc sống.

Chính phủ đang tiếp tục sửa đổi các cơ chế, chính sách và các thủ tục hành chính để tháo gỡ mọi trở ngại nhằm giải phóng tối đa lực lượng sản xuất, phát huy tiềm năng của các doanh nghiệp, đồng thời cũng đòi hỏi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả trong môi trường cạnh tranh lành mạnh ; tăng cường kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế theo đúng pháp luật.

Qua các cuộc tiếp xúc hàng năm với các doanh nghiệp, kể cả lần gần đây nhất, có nhiều ý kiến đề xuất rất tâm huyết với Chính phủ về hoàn thiện cơ chế, chính sách, các thủ tục hành chính. Chính phủ đã, đang và sẽ làm hết sức mình để hỗ trợ, phục vụ doanh nghiệp, đồng thời cũng yêu cầu các doanh nghiệp phải tự vươn lên khắc phục những yếu kém của mình, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ với Nhà nước và với xã hội theo quy định của pháp luật.

Thời gian vừa qua, các doanh nghiệp của nước ta đã trưởng thành về nhiều mặt, nhưng vẫn còn là một đội hình của những "người lính mới" trong kinh tế thị trường. Chúng ta cần phải được rèn luyện nhiều hơn nữa theo

yêu cầu hiện đại hóa cả về công nghệ và quản lý để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt của quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Thực tế ngày càng tỏ rõ sự nghiệp này phụ thuộc trước hết vào bản lĩnh của các nhà doanh nghiệp. Hơn lúc nào hết, như Đại hội IX của Đảng đã nhấn mạnh, chúng ta phải "... nêu cao vai trò và trách nhiệm của các nhà doanh nghiệp đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội ; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật ; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi"⁽¹⁰⁾.

Một vấn đề nữa là tiếp tục phát triển đồng bộ và ngày càng hoàn thiện các yếu tố thị trường, tức là các thị trường bộ phận tạo thành nền kinh tế thị trường. Chúng ta cần sớm mở rộng và phát triển những loại thị trường chưa hình thành đầy đủ, thậm chí còn sơ khai, như : thị trường lao động, thị trường vốn và tài chính, thị trường bất động sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật⁽¹¹⁾), thị trường khoa học và công nghệ, thị trường các dịch vụ mới hoặc có trình độ cao (dịch vụ thông tin, dịch vụ tư vấn, dịch vụ hành chính công...).

Cùng với việc hoàn chỉnh cơ cấu thành phần kinh tế, xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường như đã nêu ở trên, vấn đề bức xúc hiện nay trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nền kinh tế nước ta đang bộc lộ nhiều yếu kém trong tiến

(10) Văn kiện đã dẫn, tr 127

(11) Xem : Văn kiện đã dẫn, tr 101

trình hội nhập kinh tế, nhất là sức cạnh tranh trên thị trường còn thấp. Thách thức gay gắt hiện nay đối với chúng ta là năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nói chung còn kém so với nhiều nước trong khu vực.

Trong nông nghiệp, những năm gần đây nhiều sản phẩm làm ra không tiêu thụ hết, giá hạ, xuất khẩu khó khăn. Nếu vẫn duy trì cơ cấu và chất lượng sản phẩm như hiện nay thì chỉ việc giữ được mức tăng trưởng nông nghiệp như những năm vừa qua đã khó và sẽ càng khó khăn hơn khi giá cả nông sản trên thị trường thế giới diễn biến theo xu hướng tiếp tục giảm mạnh.

Trong công nghiệp, các sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế còn quá ít, giá thành lại quá cao, giá bán quá đắt. Một số mặt hàng sản xuất trong nước như sắt thép, phân bón, xi măng, kính xây dựng...có mức giá cao hơn mặt hàng cùng loại nhập khẩu từ 20 - 40%, riêng mặt hàng đường thô cao hơn tới 70 - 80%. Các sản phẩm công nghệ cao hoặc có hàm lượng công nghệ cao phát triển còn chậm, mặc dầu đã có chính sách khuyến khích mạnh.

Các ngành dịch vụ của ta vừa lạc hậu về trình độ kinh doanh và công nghệ, lại vừa có giá quá cao so với khu vực và thế giới, nhất là bưu chính - viễn thông (cao hơn giá quốc tế 4 - 5 lần), vận tải ... và còn có sự phân biệt về giá giữa người Việt Nam và người nước ngoài ở nước ta ; thêm vào đó, dịch vụ hành chính còn gây phiền hà, sách nhiễu, vừa gây tốn kém, vừa làm mất thì giờ. Những yếu tố đó làm hạn chế khả năng tăng trưởng và thu hút đầu tư phát triển.

Chúng ta bước vào kinh tế thị trường chưa được bao lâu mà phân hóa giàu nghèo đã tăng lên khá nhanh. Khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị, giữa nhóm

người giàu nhất và nhóm người nghèo nhất đang doãng ra ; môi trường sinh thái nhiều nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng ... đang là thách thức đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong khi đó, chúng ta đang thực hiện lịch trình đã cam kết với AFTA, đi vào thực hiện Hiệp định Thương mại song phương Việt - Mỹ, đàm phán gia nhập WTO, do đó chúng ta cần phát huy các lợi thế, nhất là lợi thế về sự an toàn và ổn định chính trị - xã hội, tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách để huy động các nguồn nội lực, tranh thủ các nguồn ngoại lực tập trung cho sự phát triển kinh tế nhanh, bền vững, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường ngay trong từng bước phát triển, thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo. Cùng với việc tiếp tục thúc đẩy sự phát triển nhanh của các vùng kinh tế trọng điểm có vai trò động lực kinh tế, phải quan tâm đến các vùng có nhiều khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng này phát triển nhanh hơn, hòa nhập với sự phát triển chung của cả nước ...

Yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh đòi hỏi tăng cường đầu tư, trong đó đầu tư nhà nước có tính chất mở đường và tạo nền (chẳng hạn đầu tư kết cấu hạ tầng), song điều rất quan trọng là phát huy vai trò điều tiết của thị trường trong việc phân bổ các nguồn lực để đạt hiệu quả kinh tế cao. Cần có những giải pháp mạnh mẽ, tổ chức thực hiện có hiệu lực và thiết thực theo hướng này, kiên quyết khắc phục tư duy và cách làm cũ theo kiểu kế hoạch hóa tập trung quan liêu, duy ý chí trong chỉ đạo, quản lý và các biểu hiện của cơ chế "xin - cho" tràn lan.

Thực hiện đúng đắn chính sách đối với các thành phần kinh tế, phát triển đồng bộ các loại thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh

tế ngành, cơ cấu lĩnh vực và cơ cấu vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... chính là một hệ thống các chủ trương nhằm phát huy mạnh mẽ động lực đại đoàn kết toàn dân và mở rộng nền dân chủ trong đời sống kinh tế. Sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ là nguồn sức mạnh tổng hợp sẽ giúp chúng ta nhanh chóng vượt qua được mọi khó khăn, thử thách, đưa đất nước tiến lên.

Để phát huy mọi khả năng và nguồn lực của đất nước, một yếu tố quyết định là đổi mới sự quản lý của Nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta, vai trò của Nhà nước chẳng những không bị giảm bớt, không yếu đi, mà Nhà nước càng phải quản lý một cách có hiệu lực và hiệu quả hơn. Trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta phát triển kinh tế thị trường và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, vai trò đó cần được xác định rõ và quán triệt thấu đáo. Chủ trương của Đảng ta là : "Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành" ; "Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân"⁽¹²⁾. Điểm mới của chủ trương trên đây là đã làm rõ mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa việc thực hiện đúng đắn vai trò quản lý của Nhà nước với việc phát huy dân chủ và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Lâu nay, những cố gắng đổi mới quản lý nhà nước đã đạt được những kết quả đáng kể, góp phần vào những thành tựu to lớn của công cuộc phát triển đất nước. Song, việc

thực hiện vai trò và chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường vẫn còn nhiều yếu kém, nhược điểm và lúng túng. Trong vấn đề này, quan điểm của Đảng ta là rõ ràng : "Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, đồng thời khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường. Nhà nước tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển, thực hiện những dự án trọng điểm bằng nguồn lực tập trung ; đổi mới thể chế quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ; điều tiết thu nhập hợp lý ; xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực hiện ; giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh"⁽¹³⁾.

Chính phủ đang tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các chính sách và thể chế của Nhà nước đối với thị trường. Từ đó đổi mới quan hệ của Nhà nước với doanh nghiệp. Chúng ta đã làm được nhiều việc, song trước mắt vẫn còn rất nhiều vấn đề, trong đó điều nổi bật là phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật có liên quan đến thị trường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là làm cho thị trường có sự cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, các doanh nghiệp có quyền chủ động đích đáng và trách nhiệm rõ ràng, chống độc quyền kinh doanh, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Để thực hiện có hiệu quả vai trò và chức năng đó, chúng ta đang tích cực cải cách bộ máy và phương thức hoạt động của Nhà nước, sửa đổi và bổ sung một số điều của

(12) Văn kiện đã dẫn, tr 193

(13) Văn kiện đã dẫn, tr 193

Hiến pháp năm 1992, triển khai đồng bộ chương trình cải cách hành chính - một khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mà thời gian vừa qua làm còn rất chậm.

Trong quản lý nền kinh tế hiện nay, chúng ta cũng phải quan tâm xử lý thật tốt các mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội, bao gồm các đoàn thể nhân dân, các tổ chức quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp...

Nhà nước, thị trường, doanh nghiệp... đều không thể tách rời các tổ chức xã hội, các tổ chức phi nhà nước (phi chính phủ). Trong xã hội nước ta, mặt này còn rất yếu so với các nước đã có nền kinh tế thị trường phát triển. Chúng ta thường nói "Nhà nước và nhân dân cùng làm", mở rộng dân chủ ở cơ sở, xã hội hóa các hoạt động kinh tế và xã hội..., song việc thực hiện chưa được như mong muốn. Trong khi đó, các đoàn thể, hiệp hội có vai trò rất quan trọng, nhưng chưa được phát huy đúng và đầy đủ. Còn phải khuyến khích để hình thành nhiều hơn nữa các tổ chức xã hội tự nguyện, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tác dụng thúc đẩy các hoạt động kinh tế và xã hội ở ngay cơ sở, trên từng địa bàn. Những tổ chức này cũng là cầu nối giữa người dân với chính quyền, với Đảng. Kiên quyết khắc phục căn bệnh hành chính hóa các hoạt động đó, làm mất tác dụng đích thực của các tổ chức này.

Trong toàn bộ sự phát triển đã đề cập ở trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng. Mặt trận tập hợp lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy các nguồn lực vật chất, trí tuệ và tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội.

Trong việc phối hợp với Chính phủ, Mặt trận có sức mạnh và uy tín rất to lớn động viên mọi công dân đóng góp ý kiến đối với các chính sách và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, Mặt trận cũng là nơi tuyên truyền, giải thích các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó khơi dậy trong nhân dân tinh thần hồ hởi, phấn khởi, hăng hái đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và tuân theo pháp luật. Trên tinh thần đó, Mặt trận cùng với các tổ chức thành viên thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, khuyến khích làm giàu hợp pháp và tích cực xóa đói giảm nghèo ở cơ sở; động viên anh chị em trí thức đem hết tài năng, trí tuệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thu hút bà con kiều bào ở nước ngoài đóng góp cho công cuộc xây dựng đất nước; động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước.

Để phát huy thế mạnh của Mặt trận với đông đảo các tổ chức thành viên, đề nghị Mặt trận phối hợp chặt chẽ với Chính phủ trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, bài trừ tiêu cực, khuyến khích tinh thần dũng cảm phê phán cái sai, bảo vệ cái đúng. Mặt trận tham gia tích cực vào việc giám sát các hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước theo quy định trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đổi mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài, liên tục, ngày càng đi vào chiều sâu và nâng cao hơn theo các mục tiêu chiến lược phát triển đất nước. Để biến Nghị quyết Đại hội IX của Đảng thành hiện thực, chúng ta hãy cùng nhau hành động với tinh thần rất khẩn trương, tích cực, thiết thực để tạo ra khí thế mới trong mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. □

Những vấn đề lý luận quan trọng **TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG**

LÊ XUÂN TÙNG

VĂN kiện Đại hội IX của Đảng chứa đựng nhiều vấn đề lý luận quan trọng. Chúng nằm rải rác trong toàn bộ văn kiện. Đó là những vấn đề dưới dạng là những đề tài nghiên cứu ; Những vấn đề có cơ sở lý luận và thực tiễn mà văn kiện không đi sâu phân tích ; Những vấn đề lý luận mới phác họa trên những nét cơ bản ; Hoặc là những vấn đề đã được nghiên cứu từ trước và nay đưa vào văn kiện dưới dạng tổng kết.

Các vấn đề trên liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội : từ kinh tế, chính trị, xã hội đến an ninh - quốc phòng, dân tộc, quốc tế... Khó có thể liệt kê các vấn đề liên quan đến lý luận. Chúng tôi chỉ có thể nêu lên mấy vấn đề quan trọng theo nhận thức của mình.

Trước hết, vấn đề gây sự chú ý lớn trong dư luận là ***con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*** ở nước ta. Vấn đề này rất cũ nhưng cũng rất mới. Cũ là vì chúng ta đã bàn nhiều, nghe nhiều và cũng đã được thực hành nhiều. Mới là vì quan niệm về CNXH không đứng nguyên một chỗ, nó có những thay đổi do tư duy của chúng ta vận động trên những nấc thang mới cao hơn, phù hợp với những biến đổi của thực tiễn. Và lại, CNXH từ lý thuyết trở thành hiện thực là một quá trình lâu dài, mà hiện nay chúng ta đang ở những bước đi đầu tiên, vừa làm, vừa học hỏi, tổng kết.

Văn kiện nói chúng ta đang “trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường,

nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ”.⁽¹⁾ Đây là một đề tài lớn, bao trùm về con đường lên CNXH. Đó là nhận thức mới về thời kỳ quá độ mà việc nghiên cứu của chúng ta mới chỉ bắt đầu. Nó bao gồm ba bộ phận quan trọng.

- Thời kỳ quá độ là một thời kỳ ***lâu dài***. Trước đây có khi chúng ta hình dung thời kỳ này quá ngắn dựa trên tư duy quá độ trực tiếp và xã hội hóa hình thức. Bệnh âu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản thường xuất hiện ở những nước mới giành được chính quyền, kinh tế chậm phát triển. Phải luận chứng điều này một cách thuyết phục, rằng thời kỳ quá độ là một thời kỳ lâu dài.

Thời kỳ quá độ lên CNXH phải trải qua ***nhiều chặng đường***, nhiều bước trung gian quá độ.

Vậy có bao nhiêu chặng ? Chúng ta phải nghiên cứu, dự báo. Để biết chúng ta đang ở đâu và chuẩn bị đi về đâu vì hành trình của chúng ta là quá trình hoàn toàn tự giác, dựa trên quy luật tiến hóa của lịch sử. Tiêu chuẩn để phân định từng chặng đường là gì ? Dựa vào tiêu chuẩn gì là chính để phân chia chặng đường. Đó là những vấn đề mấu chốt khi bắt tay nghiên cứu.

- Đi sâu vào chặng đường hiện nay mà chúng ta đang trải qua, nêu lên những nhiệm

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 85

vụ chủ yếu, những đặc điểm chủ yếu về kinh tế, chính trị, xã hội.

Vấn kiện Đại hội đã đặc biệt nhấn mạnh chế độ kinh tế hiện nay, từ chế độ sở hữu đến các thành phần kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh. Phải làm rõ tính chất quá độ trung gian trong tổ chức kinh tế và các hình thức kinh tế, vừa có CNXH vừa chưa có CNXH để định hướng lên CNXH. Đó là vấn đề khó khăn nhất, nhưng cũng lý thú nhất trong nghiên cứu về thời kỳ quá độ.

Tất cả các thành phần kinh tế, kể cả thành phần có vốn đầu tư nước ngoài đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Vậy làm thế nào để thành một nền kinh tế quốc dân thống nhất? Làm thế nào để khắc phục sự phân biệt đối xử không đáng có, nhờ đó mà phát huy được tiềm năng và sự đóng góp tối đa của các thành phần kinh tế? Nhưng mặt khác, chúng ta cũng cần khẳng định: trong nền kinh tế đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Nếu không như vậy thì định hướng XHCN trở thành khẩu hiệu suông.

Nhưng phải đi sâu nghiên cứu thế nào là chủ đạo, chủ đạo trên những lĩnh vực nào, nhà nước cần nắm gì, buông gì... Không phải mọi vấn đề đã giải quyết xong, nhất là để giữ được vai trò chủ đạo thì kinh tế nhà nước phải đổi mới như thế nào.

Còn kinh tế tập thể thì vẫn còn có nhiều vấn đề bỏ ngõ, lâu nay sự quan tâm của chúng ta chưa thích đáng, cả về nghiên cứu lý luận, cả về chính sách và tổ chức thực tiễn.

Một vấn đề lý luận không chỉ liên quan đến chặng đường hiện nay mà đến cả thời kỳ quá độ lên CNXH và trong CNXH là vấn kiện Đại hội IX nêu lên đặc điểm của **kinh tế thị trường định hướng XHCN**. Ở đây chẳng những vấn đề CNXH có dung hợp với kinh tế thị trường hay không được khẳng định, mà còn

nêu lên đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN từ chế độ sở hữu, chế độ quản lý, đến chế độ phân phối.

Vấn kiện định hướng cho các nhà nghiên cứu đi sâu giải quyết những vấn đề lý luận của việc thiết lập đồng bộ **các yếu tố thị trường**.

Một số thị trường chúng ta chưa có hoặc mới có nhưng còn sơ khai, như thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ... Điều đáng quan tâm nhất và nhiệm vụ còn lâu dài là nghiên cứu hoàn thiện những công cụ của cơ chế thị trường. Trong số này đáng chú ý là thực hiện cạnh tranh lành mạnh không những trên thị trường quốc gia mà ngày càng mở rộng trên thị trường quốc tế. Đây là yếu tố sống còn, quyết định sự thắng thua trên thị trường. Đứng trước thị trường quốc tế diễn biến khôn lường, mức độ phụ thuộc của nền kinh tế nước ta vào thị trường quốc tế cùng với quá trình tăng cường hội nhập quốc tế dưới hình thức song phương và đa phương, thì vai trò của công cụ điều tiết của nhà nước càng trở nên quan trọng. Mức độ định hướng XHCN trong nền kinh tế một phần chủ yếu cũng tùy thuộc vào việc sử dụng có hiệu quả công cụ này.

Một không gian rộng lớn cho các nhà nghiên cứu là tổng kết thực tiễn các hình thức xây dựng CNXH từ kinh tế, chính trị đến xã hội, an ninh quốc phòng... Chính điều này làm phong phú con đường đi lên CNXH. Cái này không có trong sách vở, trong trước tác kinh điển hay trong đường lối chung. Chúng xuất hiện trong quá trình tổ chức thực hiện, trong hoạt động sáng tạo của quần chúng. Điều này thực hiện có kết quả chính là nhờ hoạt động lý luận. Chẳng hạn, tổng kết vai trò của hợp tác xã kiểu mới đã ra đời, chỉ ra những mâu thuẫn đang cản trở quá trình phát triển của chúng và chỉ ra các giải pháp khắc phục. Hiện nay đang xuất hiện tình hình: để kinh tế hợp tác xã phát triển nếu cứ khép kín các hợp tác xã theo quy mô hiện có thì không phát triển được, nhưng hợp nhất lại theo quy mô lớn như

trước đây đã từng làm cũng dẫn đến thất bại. Vậy giải quyết theo hướng nào ? Thực tiễn ở một vài địa phương đã hé mở cho chúng ta những kinh nghiệm hay.

Hay như vấn đề dân chủ. Chúng ta đã có hình thức dân chủ gián tiếp, mấy năm nay đã sáng tạo ra hình thức dân chủ trực tiếp từ cơ sở. Đó là một sáng kiến rất hay. Nhưng hầu như chưa được tổng kết thành lý luận. Còn nhiều vấn đề khác nữa cũng có tình trạng tương tự.

Con đường đi lên CNXH phải bắc qua những “chiếc cầu nho nhỏ” này, phải xây bằng những “viên gạch nho nhỏ” này. Không chỉ bằng đường lối chung mà giải quyết được con đường đi lên CNXH.

Một vấn đề khác có tầm quan trọng về lý luận trong văn kiện Đại hội IX là **công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**. Thực ra, đây không phải là vấn đề mới hoàn toàn. Vì, Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, năm 1994 và tiếp đó là Đại hội VIII của Đảng năm 1996 đã đề cập đến vấn đề này một cách khá cơ bản. Nhưng lần này có phát triển thêm.

Đại hội bổ sung những nội dung mới làm rõ hơn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta. Đại hội xác định mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm trước mắt 2001 - 2010 là tạo ra nền tảng cho một nước công nghiệp để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Như vậy là không dừng lại ở việc xác định điểm xuất phát và mục tiêu cuối cùng của CNH, HĐH ở nước ta như trước đây, mà cụ thể hóa thêm một bước chặng đường đi tới.

Nền tảng đó bao gồm :

- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.
- Nền công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng.
- Nền nông nghiệp hàng hóa lớn, giảm tỷ lệ nông nghiệp xuống còn 50%.
- Xây dựng và phát triển các dịch vụ cơ bản.

- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

- Hình thành về cơ bản nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để CNH, HĐH nhanh, rút ngắn thời gian, có bước nhảy vọt, Đại hội IX coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực của sự nghiệp CNH, HĐH. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tính lịch sử, gắn với trình độ nhất định của sự phát triển khoa học - kỹ thuật, của lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa ở thế kỷ XVIII - XIX gắn với việc sử dụng thành tựu của cuộc cách mạng kỹ thuật, thế kỷ XX gắn với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật. Chúng ta tiến hành CNH, HĐH ở cuối thế kỷ XX và tiếp sang thế kỷ XXI, thì ngoài việc sử dụng thành tựu của hai cuộc cách mạng trên, như Nghị quyết Đại hội IX ghi rõ là cần phải “từng bước phát triển kinh tế tri thức”, trong đó đặc biệt chú ý hai ngành là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Đó là sự phát triển mới về lý luận công nghiệp hóa ở nước ta.

Vấn đề CNH, HĐH tại Đại hội IX có một nội dung mới nữa so với trước đây là gắn với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế. Đây là một tư tưởng chỉ đạo quan trọng, vì trên thế giới có không ít nước trong khi phát triển kinh tế có giành được một số thành tựu nhất định nhưng lại không thể đứng vững trước những chấn động từ bên ngoài hoặc bên trong, nền kinh tế lệ thuộc vào quốc tế, hoặc vào các nước lớn lại tăng lên. Muốn khắc phục điều này phải xây dựng được một nền kinh tế độc lập tự chủ. Còn hội nhập quốc tế, và khu vực là một tất yếu khách quan, trước đây đã là như vậy, trong điều kiện toàn cầu hóa về kinh tế và thực hiện kinh tế tri thức lại càng phải như vậy. Nói cách khác là chúng ta sử dụng sức mạnh quốc tế và thời đại để phát huy tối đa nội lực, phát huy sức mạnh tổng hợp để tiến hành CNH, HĐH. Nhưng hội nhập quốc tế cũng có hai mặt. Bên cạnh tác dụng tích cực là chủ yếu còn có tác dụng tiêu cực mà chúng ta phải tỉnh táo đề

phòng. Chúng ta không hội nhập một cách bất kỳ, với bất cứ giá nào, mà **chủ động** hội nhập, bảo đảm được độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong văn kiện Đại hội IX, một vấn đề quan trọng về lý luận được đề cập tới là trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta vẫn tồn tại **đấu tranh giai cấp**. Vấn đề này trước đây đã từng là đề tài tranh luận lớn ở trong nước. Có người hiểu đấu tranh giai cấp một cách đơn giản, thô thiển theo nghĩa là các giai cấp đấu tranh trực diện với nhau ; lại cũng có người nhấn mạnh một chiều là các giai cấp hòa bình, thống nhất, cùng nhau xây dựng xã hội mới. Văn kiện bác bỏ cả hai quan niệm đó. Trung thành với Cương lĩnh chính trị được thông qua năm 1991 tại Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, văn kiện Đại hội IX chỉ rõ : “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân...”⁽²⁾ rằng “Đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH theo định hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc”.⁽³⁾

Như vậy, đấu tranh giai cấp vẫn còn, nhưng phải hiểu theo tinh thần biện chứng, phù hợp với giai đoạn lịch sử mới, trong đó nội dung chủ yếu là xây dựng, là thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH, khắc phục tình trạng nước nghèo kém phát triển...

Bên cạnh mặt đấu tranh trên thì xuất phát từ mục tiêu chủ yếu và lợi ích cơ bản, mối quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội trong nước ta chủ yếu là quan hệ hợp tác, mặt đoàn kết và hợp tác lâu dài với nhau là chính. Vì vậy, văn kiện Đại hội nhấn mạnh “Động lực

chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo”.⁽⁴⁾

Một lĩnh vực chứa đựng những tư duy lý luận quan trọng là **hệ thống chính trị**, từ vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng, nội dung xây dựng và chỉnh đốn Đảng để Đảng làm tròn sứ mệnh lịch sử là người lãnh đạo giai cấp và dân tộc trong giai đoạn mới, đến xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, vai trò và hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân... Trong rất nhiều vấn đề đặt ra phải nghiên cứu, nổi lên vấn đề dân chủ và tập trung, mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. Vấn đề này thấu suốt trong mọi tổ chức của hệ thống chính trị, từ nguyên tắc tổ chức, lề lối làm việc, phương thức lãnh đạo của mỗi tổ chức đến quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống. Vấn đề này rất cũ, nhưng cũng rất mới, luôn luôn mới. Trình độ dân trí, hiểu biết của nhân dân ngày càng cao, nhiệm vụ cách mạng ngày càng nặng nề và phức tạp, tính hiệu quả đòi hỏi ngày càng lớn... thì yêu cầu dân chủ ngày càng cao. Nhưng dân chủ phải được lãnh đạo một cách đúng đắn, nếu không sẽ trở thành mất dân chủ, vô chính phủ, nói một cách khác cần sự tập trung đúng đắn. Vấn đề dân chủ và tập trung lại càng nổi lên là một vấn đề vừa cơ bản, vừa bức thiết khi Đại hội IX nhất trí bổ sung thêm về “dân chủ” trong mục tiêu chung của đất nước là : “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”. Không phải ngẫu nhiên mà các tổ chức trong hệ thống chính trị được trình bày trọng văn kiện đề cập khá đậm nét vấn đề dân chủ và tập trung. Chúng ta đã giành được nhiều thành tựu trong lĩnh vực này. Nhưng còn nhiều vấn đề phải tìm tòi, thử nghiệm. Chẳng hạn, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đòi hỏi phải xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Hai mặt đó phải đi song hành với nhau và phục vụ cho nhau mật thiết.

(2) Văn kiện đã dẫn, tr 85

(3) (4) Văn kiện đã dẫn, tr 86

Nền kinh tế thị trường, muốn vận hành thông suốt phải lấy sự hoàn thiện Nhà nước pháp quyền làm tiền đề. Nhà nước pháp quyền phải xây dựng được hệ thống luật lệ rõ ràng, minh bạch, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, tính công vụ của các nhân viên thừa hành thành thạo, tính trong sạch của họ được đề cao... Làm như vậy để bảo đảm quyền làm chủ của dân, sự bình đẳng của các thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường, nhờ đó thúc đẩy hoạt động kinh tế. Mặt khác, kinh tế thị trường định hướng XHCN của chúng ta được Nhà nước quản lý, Nhà nước thực hiện quyền tập trung khi cần thiết để can thiệp vào thị trường. Nhà nước nắm gì, buông gì, phạm vi và mức độ đến đâu, vào thời điểm nào... Đó quả là một khoa học và nghệ thuật. Những vấn đề này liên quan đến phạm trù dân chủ - tập trung. Kỳ họp thứ X Quốc hội khóa X vừa rồi bàn về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và sửa đổi một số luật cũng là theo hướng này. Nhưng đường đi còn dài, chúng ta mới bước những bước đầu tiên trên con đường thực hiện dân chủ trong các lĩnh vực.

Cuối cùng, nhóm vấn đề về **quốc tế** cũng là những vấn đề lý luận đáng quan tâm. Văn kiện Đại hội không đặt ra nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu toàn diện vấn đề quốc tế. Văn kiện chỉ điểm xuyết những sự kiện trực tiếp tác động vào nước ta chủ yếu diễn ra trong hai thế kỷ XX và XXI. Những vấn đề nêu lên có những vấn đề khẳng định lại thể hiện tính kiên định, nhất quán của Đảng ta, như tính chất và nội dung thời đại, các mâu thuẫn cơ bản của thời đại, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới..., có những vấn đề mới như sang thế kỷ XXI khoa học và công nghệ phát triển nhảy vọt, kinh tế tri thức ngày càng có vai trò nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và kinh tế tri thức kéo theo sự tăng cường quốc tế hóa đời sống kinh tế và quá trình hội nhập của các nước cũng như các vấn đề phát sinh phải giải quyết mang tính toàn cầu. Một đặc điểm mới trong tình hình quốc tế hiện nay là trong

vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố... còn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Cuộc chiến ở Áp-ga-ni-xtan là một thí dụ tiêu biểu. Khu vực Đông - Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương gần ta có khả năng phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Chúng ta phải nghiên cứu và dự báo tình hình khu vực và thế giới, nắm vững sự sắp xếp các lực lượng chủ yếu và diễn biến các mâu thuẫn nảy sinh, nhất là dự báo động thái phát triển kinh tế để tận dụng các cơ hội và đề phòng những thách thức, bảo đảm an ninh quốc phòng của nước ta và sự thắng lợi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Một mặt chúng ta phải có kế hoạch đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản và tổng kết thực tiễn những vấn đề nêu trên ; mặt khác phải rất chú ý hướng công tác lý luận giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn hàng ngày đặt ra. Một số đường lối, chủ trương, chính sách khó được thực thi nếu như chưa gỡ được về mặt lý luận. Chẳng hạn khi nói “đảng viên không được bóc lột”, thì chúng ta hiểu như thế nào là bóc lột, bóc lột đến mức nào là tư sản, đối chiếu những chủ trương chúng ta đề ra với thực tế xã hội hiện nay để so sánh và tìm câu trả lời thích hợp, chuẩn mực để xem xét, đánh giá bóc lột là gì?... Còn có nhiều vấn đề khác tình hình cũng tương tự như thế.

Chỉ có làm tốt những việc trên chúng ta mới khắc phục được một bước quan trọng khuyết điểm của công tác lý luận trong thời gian qua mà văn kiện Đại hội IX đã nêu lên : “Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội”. □

*Phụ nữ Việt Nam đoàn kết phấn đấu
vì sự bình đẳng và phát triển,
xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh*

HÀ THỊ KHIẾT *

QUÁ trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, anh hùng của phụ nữ Việt Nam. Đặc biệt từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các tầng lớp phụ nữ đã đoàn kết thống nhất hành động, đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đồng thời tạo dựng nên truyền thống vẻ vang của phụ nữ Việt Nam. Trong công cuộc đổi mới đất nước, hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", Hội liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động bám sát cơ sở, tổ chức, hướng dẫn, vận động phụ nữ tham gia tích cực, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phụ nữ Việt Nam đã phát huy mạnh mẽ truyền thống "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang", nỗ lực phấn đấu vươn lên, đóng góp xứng đáng vào những thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, cùng với nhân dân cả nước, các tầng lớp phụ nữ đã và đang tích cực tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; đẩy mạnh việc

thực hiện các chương trình công tác trọng tâm của Hội, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII, tiến tới Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ IX với tinh thần đoàn kết - trí tuệ - bình đẳng - phát triển góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đại hội phụ nữ lần này có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ VIII, quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của phong trào phụ nữ, chương trình hoạt động của Hội LHPN Việt Nam nhiệm kỳ 2002 - 2007, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh".

I - Những cống hiến quan trọng của Hội LHPN Việt Nam trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước 5 năm qua (1997 - 2002).

Trong 5 năm qua, các tầng lớp phụ nữ và Hội LHPN Việt Nam đã đoàn kết phấn đấu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ thông qua 5 chương trình công tác trọng tâm, 2 phong trào thi đua do Đại hội phụ nữ toàn quốc

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

lần thứ VIII đề ra, vươn lên tự khẳng định mình, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Các tầng lớp phụ nữ đã tham gia tích cực và có hiệu quả, đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của cộng đồng và gia đình. Tiềm năng to lớn và những phẩm chất tốt đẹp của các tầng lớp phụ nữ được phát huy, quy tụ trong các phong trào thi đua yêu nước như: "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước", "Hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, tăng thu nhập", "Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo"; "Phụ nữ nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học"; "Giải việc nước, đảm việc nhà", các phong trào đền ơn đáp nghĩa (phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ liệt sĩ cô đơn), tặng 17 943 sổ tiết kiệm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ trị giá 9 035 triệu đồng, ủng hộ 20 437 triệu đồng xây dựng nhà tình nghĩa và các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Từ các phong trào đó, khối đoàn kết trong các tầng lớp phụ nữ ngày càng được củng cố và phát triển. Hoạt động của các cấp Hội được đổi mới về nội dung và phương thức không chỉ thu hút sự tham gia đông đảo của phụ nữ mà còn lôi cuốn cả một số nam giới cùng tham gia.

Một trong những thành tựu nổi bật của đất nước 15 năm đổi mới được bạn bè quốc tế đánh giá cao là thành tích xóa đói giảm nghèo, trong đó có sự tham gia tích cực, bền bỉ và sáng tạo của Hội LHPN Việt Nam và các tầng lớp phụ nữ. Các cấp Hội đã phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng người nghèo, đã khơi dậy được tiềm năng to lớn và truyền thống lao động sáng tạo, cần cù tạo nên một phong trào rộng lớn trong các tầng lớp phụ nữ. Với phương châm phát huy nội lực và bảo đảm tính bền vững, các cấp hội đã phát huy nhiều hình thức rất đa dạng, hiệu quả và mang đậm nét riêng của phụ nữ trong việc

giúp nhau thoát khỏi nghèo đói. Tác động tích cực, đạt kết quả rõ nét nhất trong công tác xóa đói giảm nghèo của các cấp Hội là hoạt động khai thác các nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ nghèo với cách thức vay - trả linh hoạt, phù hợp với điều kiện của người nghèo, gắn với mô hình "nhóm phụ nữ tiết kiệm", "quỹ tình thương" và các hoạt động lồng ghép khác đã tạo ra được một cơ chế quản lý bảo đảm an toàn và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tăng cường đoàn kết tương trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm. Tính trung bình mỗi năm, tổng doanh số vốn từ các nguồn cho phụ nữ vay qua kênh Hội phụ nữ đạt trên 1 600 tỉ đồng. Trên 1,2 triệu lượt phụ nữ, trong đó có 62% là phụ nữ nghèo, được Hội giúp vay vốn, hướng dẫn kiến thức, kinh nghiệm làm ăn đã căn bản thoát đói, giảm nghèo, hoàn trả được vốn bằng chính sức lao động và thu nhập chính đáng của mình.

Hội phụ nữ các cấp còn tích cực, chủ động phối hợp với các ngành chức năng tham gia nhiều chương trình quốc gia hướng vào việc nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống cho phụ nữ, trẻ em như "Chương trình tiêm chủng mở rộng", "Chương trình dinh dưỡng", "Sức khỏe sinh sản - Dân số kế hoạch hóa", "Phòng chống sốt rét, bướu cổ", "Phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS". Đồng thời, Hội cũng phát động phong trào toàn dân chăm sóc sức khỏe phụ nữ - trẻ em như phong trào "Vi trẻ em", "Ly sữa, quả trứng cho trẻ em suy dinh dưỡng", "Tháng hành động vì trẻ em", phát hành tín phiếu Quỹ tình thương, hỗ trợ vốn cho các bà mẹ có con và phụ nữ có thai bị suy dinh dưỡng. Các hoạt động đầy hiệu quả của Hội đã góp phần giảm tỷ lệ phát triển dân số còn 1,4%; trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 33%; tỷ lệ trẻ em tiêm chủng mở rộng đạt 93,3%, các bệnh bại liệt, thiếu vitamin A,

bệnh uốn ván sơ sinh căn bản được thanh toán vào năm 2000. Về giáo dục, đến năm 2000, ở các cấp học, tỷ lệ nữ học sinh, sinh viên gần cân bằng với nam : cấp tiểu học đạt 47,7%, phổ thông trung học 46,5%, cao đẳng và đại học 47,54%, được đào tạo trên đại học đạt 24,48%. Bằng những việc làm thiết thực, phụ nữ đã góp phần thực hiện chỉ tiêu quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở 100% các tỉnh, thành phố. Các cấp Hội phụ nữ cơ sở còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng gia đình văn hóa, nhiều hoạt động của Hội được gắn bó với phong trào "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Trong hơn 7,8 triệu hộ gia đình đạt tiêu chuẩn "gia đình văn hóa" có hạt nhân quan trọng là người phụ nữ. Trong lĩnh vực thể dục - thể thao, nhiều nữ vận động viên xuất sắc đã đạt giải cao trong thi đấu quốc tế (60% tổng số huy chương của Việt Nam giành được trong các giải thi đấu thể thao quốc tế thuộc về phụ nữ). Phụ nữ cả nước cũng có nhiều hoạt động tích cực nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường, đến nay đã có 44% dân số được sử dụng các công trình vệ sinh đúng quy cách ; 51,8% dân số được sử dụng nguồn nước sạch.

Qua việc thực hiện các chương trình trọng tâm, tổ chức Hội được củng cố và kiện toàn, cán bộ Hội được trưởng thành nhanh chóng. Công tác vận động, tập hợp phụ nữ trong các đối tượng được quan tâm hơn, nhất là việc vận động, tập hợp phụ nữ tôn giáo, phụ nữ các dân tộc thiểu số vào Hội có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực.

Vai trò, địa vị của phụ nữ trong gia đình và xã hội được cải thiện đáng kể. Đông đảo phụ nữ ngày càng quan tâm và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, các phong trào thi đua yêu nước cũng như trong công tác lãnh

đạo quản lý. Đại hội đảng bộ các ngành, địa phương vừa qua, nhìn chung tỷ lệ cán bộ, đảng viên nữ tham gia cấp ủy đảng tăng hơn khóa trước. Tỷ lệ nữ đảng viên tăng từ 17,33% (năm 1997) lên 22% (năm 2001). Trong các cơ quan dân cử, nữ đại biểu Quốc hội tăng 7,4%, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tăng 1,9%, cấp huyện tăng 1,72%, cấp xã/ phường tăng 2,16%. Đáng chú ý là tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội có trình độ đại học trở lên trên tổng số nữ đại biểu đã tăng từ 58,9% (khóa IX) lên 88,1% (khóa X). Trong các cấp chính quyền, số phụ nữ là bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch UBND tỉnh và tương đương tăng lên 1%, giám đốc sở tăng 2,9%. Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nữ chủ doanh nghiệp chiếm 32,4%. Trong các lĩnh vực hoạt động khoa học, công nghệ, đội ngũ nữ trí thức đã có bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng : khoa học tự nhiên 36,64% ; khoa học nông - lâm - thủy sản 43,42% ; khoa học kỹ thuật 33% ; khoa học xã hội và nhân văn 38,27%. Tỷ lệ nữ có học hàm giáo sư tăng 1,2% ; phó giáo sư tăng 1,1%, tiến sĩ khoa học và tiến sĩ tăng 4,6%. Trong các cơ sở nghiên cứu đã có 6,3% cán bộ phụ trách là nữ ; 10% đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước do phụ nữ làm chủ nhiệm. Phụ nữ ngày càng thể hiện rõ vai trò trong việc tham gia quyết định quản lý và bình đẳng hơn trong việc tiếp cận các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, địa vị của phụ nữ Việt Nam ngày càng được khẳng định trong nhận thức của xã hội và gia đình.

Công tác đối ngoại của Hội những năm qua đã được đổi mới, nhạy bén, chủ động, tích cực hơn và đạt được những kết quả đáng khích lệ : khôi phục, củng cố những quan hệ đã có, mạnh dạn đi vào những lĩnh vực mới, chủ động nhạy bén trong quan hệ hội nhập thực hiện các chương trình và dự án phát triển, hỗ trợ tích cực cho phong trào phụ nữ. Đến nay, Hội đang

có quan hệ song phương và đa phương với trên 300 tổ chức phụ nữ quốc tế, bao gồm các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ, liên Chính phủ thuộc gần 100 quốc gia ở khắp các châu lục ; các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc, các tổ chức khu vực và quốc tế.

Phải khẳng định rằng 5 chương trình công tác trọng tâm và 2 phong trào thi đua của Hội đã thực sự đi vào cuộc sống, phù hợp với tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ, đồng thời cũng phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, phong trào phụ nữ Việt Nam thời gian qua vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, yếu kém cần khắc phục như : phong trào phụ nữ chưa đồng đều giữa các vùng, miền. Đội ngũ cán bộ nữ phát triển chưa tương xứng với thành tựu, đóng góp của các tầng lớp phụ nữ và phong trào phụ nữ nước ta. Cán bộ nữ tham gia các cấp ủy đảng chưa đạt chỉ tiêu 15% theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của phụ nữ nhìn chung còn thấp, tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo mới chỉ đạt 20%. Nhiều phụ nữ vùng cao, vùng sâu còn mù chữ. Tỷ lệ phụ nữ thất nghiệp, thiếu việc làm thu nhập thấp còn nhiều. Tệ nạn xã hội gia tăng, định kiến giới vẫn còn tiềm ẩn nặng nề ... Một bộ phận không nhỏ phụ nữ bị ảnh hưởng của lối sống thực dụng, cá nhân ích kỷ, xa rời đạo lý dân tộc, vi phạm pháp luật. Hoạt động của Hội LHPN Việt Nam còn một số hạn chế. Việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức lối sống cho phụ nữ chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Ở một số nơi, cán bộ Hội chưa thật sự sâu sát cơ sở, chưa nắm bắt được những khó khăn, bức xúc để có biện pháp thiết thực giúp đỡ chị em. Chất lượng tham gia xây dựng và ra các quyết định về các vấn đề

kinh tế - xã hội của các cấp Hội hiệu quả chưa cao. Tinh liên hiệp của tổ chức Hội chưa đáp ứng yêu cầu tập hợp rộng rãi và phát huy sức mạnh của mọi tầng lớp phụ nữ. Hội chưa có chiến lược và chưa tổ chức được nhiều hoạt động nhằm tập hợp phụ nữ trí thức, nữ doanh nhân, phụ nữ tôn giáo, phụ nữ Việt Nam sinh sống và làm việc ở nước ngoài.

II - Mục tiêu, nhiệm vụ của phong trào phụ nữ nhiệm kỳ 2002 - 2007.

Trên cơ sở mục tiêu chung do Đại hội IX của Đảng đã đề ra, căn cứ nhu cầu, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ và những vấn đề đặt ra đối với phong trào phụ nữ trong thời kỳ mới, mục tiêu của phong trào phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2002 - 2007 là : *Nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt, cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ ; thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng nam - nữ ; xây dựng người phụ nữ Việt Nam yêu nước, có trí thức, năng động, sáng tạo, có sức khỏe, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu.*

Căn cứ vào mục tiêu đã được xác định, phương hướng nhiệm vụ của phong trào phụ nữ những năm 2002 - 2007 là :

1. Đoàn kết các tầng lớp phụ nữ, phát huy nội lực và truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, thực hiện phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động, sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", tham gia đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách bình đẳng giới ; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ, trẻ em.

3. Xây dựng gia đình theo chuẩn mực "No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc".

4. Xây dựng và phát triển tổ chức Hội vững mạnh, góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ trên mọi lĩnh vực.

5. Tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với phụ nữ quốc tế và khu vực vì mục tiêu "Bình đẳng, phát triển và hòa bình".

Trên cơ sở các nhiệm vụ nêu trên, nhiệm kỳ 2002 - 2007 sẽ được tập trung vào 5 chương trình lớn và trong các chương trình đó có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau để đạt tới mục tiêu chung là vì sự bình đẳng và phát triển của phụ nữ, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

Thứ nhất : Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ năng lực mọi mặt cho phụ nữ, góp phần nâng cao mặt bằng dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu quan trọng : hoàn thành xóa mù chữ cho 100% cán bộ Hội cơ sở miền núi và phụ nữ trong độ tuổi từ 15 - 35. Phấn đấu hằng năm có từ 70% trở lên phụ nữ được tiếp cận các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của Hội, đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, nhân rộng các điển hình tiên tiến, học tập gương người tốt việc tốt, nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp trong các tầng lớp phụ nữ. Vận động xã hội và chủ động đề xuất chính sách hỗ trợ tạo điều kiện cho phụ nữ được học tập dưới mọi hình thức. Phối hợp với Bộ Tư pháp và Hội đồng tuyên truyền phổ biến pháp luật để đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật. Cùng với Bộ Giáo dục - Đào tạo, Bộ đội Biên phòng, các ngành hữu quan của địa phương vận động và tổ chức hoạt động xóa mù chữ và giáo dục sau xóa mù chữ, động viên con em trong độ tuổi, nhất là trẻ em gái được đi học. Duy trì và mở rộng các hình thức quỹ khuyến học ; phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo và Ban Tổ chức Chính phủ đầu tư phát triển Trung tâm đào tạo nguồn cán bộ nữ thuộc Hội LHPN Việt Nam.

Thứ hai : Chương trình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, vận động phụ nữ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, giúp nhau tạo việc làm, tăng thu nhập. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hiện xóa đói giảm nghèo với các phong trào "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình", "Phụ nữ làm kinh tế giỏi". Phấn đấu đạt 90% trở lên số hộ nghèo đói do phụ nữ làm chủ hộ xóa được đói, giảm nghèo. Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình theo hướng kinh tế trang trại và phát triển doanh nghiệp nhỏ, góp phần tạo thêm việc làm cho chị em. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, dịch vụ việc làm của Hội ; hoàn thiện và mở rộng mô hình "Nhóm phụ nữ tiết kiệm", "Quỹ tình thương" ; tập huấn về quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả cho khoảng 80% số phụ nữ vay vốn qua tổ chức Hội. Tập huấn, đào tạo về kiến thức và kỹ năng cần thiết để hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế cho 100% cán bộ Hội chủ chốt cấp tỉnh, huyện và 80% cán bộ Hội cơ sở. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện dự án xây dựng Trung tâm phụ nữ và phát triển của Hội LHPN Việt Nam.

Thứ ba : Chương trình xây dựng gia đình "No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc" phát triển theo chiều sâu. Các chỉ tiêu cơ bản của chương trình này là : phấn đấu hằng năm có khoảng 60% trở lên gia đình đạt chuẩn mục nêu trên ; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 30% ; giảm nhịp độ phát triển dân số xuống dưới 1,1% ; góp phần cải thiện sức khỏe phụ nữ - trẻ em, tạo điều kiện để các bà mẹ sinh con khỏe mạnh, nuôi dạy con tốt, phòng chống các dịch bệnh, phòng chống HIV/AIDS và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ; hạn chế, ngăn ngừa tệ nạn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội có hiệu quả từ trong gia đình. Tổ chức hội nghị biểu dương các gương điển hình phụ nữ về xây dựng gia đình ở các cấp Hội.

Thứ tư : Chương trình xây dựng và phát triển tổ chức Hội vững mạnh để đội ngũ cán bộ Hội thực sự có năng lực để hướng dẫn, tổ chức các phong trào của phụ nữ trong thời kỳ mới. Mục tiêu đề ra cho chương trình này là : trong 5 năm tới, trên cơ sở mở rộng mặt trận liên hiệp, tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ vào Hội, phát triển hội viên đạt 55% tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên. Nâng cao chất lượng hoạt động và vai trò đại diện quyền làm chủ cho phụ nữ của tổ chức Hội cấp cơ sở, phấn đấu 80% đơn vị cơ sở Hội xếp loại khá trở lên (trong đó 30% đạt tiêu chuẩn xuất sắc), yếu kém ở mức dưới 5%. Kiện toàn và tổ chức bộ máy, cán bộ cấp Hội, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, vững vàng về chính trị, gương mẫu về lối sống, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng tổ chức các hoạt động, có kinh nghiệm, kỹ năng vận động quần chúng. Phấn đấu 100% cán bộ chủ chốt các tỉnh, thành Hội và 60% cán bộ chủ chốt cấp quận, huyện có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên và trình độ đại học về một chuyên ngành ; 50% cán bộ chủ chốt cơ sở được bồi dưỡng nghiệp vụ phụ vận, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động ở cơ sở ; nghiên cứu thành lập Học viện Phụ nữ, cải tiến khen thưởng huy chương của Hội, nghiên cứu việc khen thưởng danh hiệu "Cán bộ Hội giỏi" ; tích cực bồi dưỡng và giới thiệu cho tổ chức đảng những cán bộ Hội và phụ nữ ưu tú để tổ chức đảng bồi dưỡng, kết nạp, tạo nguồn cán bộ nữ. 100% cơ sở Hội đẩy mạnh các hoạt động gây quỹ Hội.

Thứ năm : Chương trình tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng nam - nữ. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng nghiên cứu một số vấn đề cơ bản của phụ nữ ở cấp vĩ mô ; tham mưu lồng ghép được vấn đề giới vào quá trình sửa đổi Hiến pháp, xây dựng

luật pháp, chính sách liên quan trực tiếp đến phụ nữ. Thực hiện tốt vai trò đại diện của tổ chức Hội để cùng các cấp, các ngành trong công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng về việc thực hiện luật pháp, chính sách bình đẳng giới. Cùng với các cơ quan chức năng tham mưu về công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và đề bạt đối với cán bộ nữ. Đẩy mạnh công tác tập huấn kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho cán bộ nữ và ứng cử viên nữ các cấp.

Phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác quốc tế của phụ nữ Việt Nam, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của Hội LHPN Việt Nam ; tham gia đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường hội nhập quốc tế nhằm tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình của Hội, nâng cao vị thế, uy tín của phụ nữ Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới - phát triển - hòa bình.

Thế kỷ XXI đã và đang có những biến đổi sâu sắc, diễn biến phức tạp. Đó là thế kỷ mà khoa học và công nghệ sẽ có những bước nhảy vọt, kinh tế tri thức sẽ chiếm vị trí ngày càng lớn trong quá trình phát triển. Môi trường hòa bình, hợp tác, liên kết, chủ động hội nhập, kinh tế quốc tế ngày càng phát triển. Hoạt động của Hội LHPN Việt Nam vừa có nhiều thuận lợi vừa có nhiều thách thức mới, cũng như yêu cầu thực tiễn đối với hoạt động của Hội cần không ngừng đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và trong gia đình. Đặc biệt, Hội cần nhanh chóng thay đổi tư duy tổ chức bộ máy để tạo ra bước phát triển vững chắc đối với phong trào phụ nữ nói chung và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam trong những năm đầu của thiên niên kỷ mới. □



“TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN” bàn về giai cấp tư sản

TRẦN PHÚC THĂNG *

“TUYÊN ngôn của Đảng Cộng sản” đã được C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ hoàn thành cách đây hơn 150 năm. Đó là một sự kiện trọng đại, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sự trưởng thành của lý luận mác xít. Ngay từ khi ra đời, “Tuyên ngôn” đã có ảnh hưởng và tác dụng to lớn đối với phong trào công nhân quốc tế. Theo Ăng-ghe-nơ, “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước từ Xi-bia đến Ca-li-pho-ni-a ⁽¹⁾. Cuốn sách đó, như Lê-nin đánh giá, có giá trị bằng hàng pho sách, nó định hướng cho toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức đang phấn đấu cho một xã hội văn minh. ⁽²⁾

Sở dĩ “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” có vai trò như thế vì đó là một tác phẩm đã kết hợp một cách tài tình giữa tính khoa học cao với tính cách mạng triệt để.

Sự kết hợp này thể hiện ở từng luận điểm của “Tuyên ngôn” khi Mác và Ăng-ghe-nơ nhận định khái quát về sự vận động của các xã hội có giai cấp đối kháng cũng như khi các ông phân tích mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Từ hơn một thế kỷ nay, những người chống đối chủ nghĩa Mác thường cho rằng

chủ nghĩa Mác ra đời từ những hận thù giai cấp và Mác chỉ “kích thích” những bản năng thù hằn giữa những con người. Sự phê phán như vậy, tự nó đã nói lên những hận thù của các lực lượng thù địch đối với một lý luận cách mạng và khoa học. Họ làm như chủ nghĩa Mác là một học thuyết thiếu khách quan, có tính chất tình cảm thuần túy.

Trong thực tế, thái độ thiếu khách quan lại thuộc về những người chống đối Mác và Ăng-ghe-nơ.

Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, cho thấy mặc dù mục tiêu là phê phán chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản nhưng giai cấp tư sản vẫn được đánh giá một cách đúng mức.

Quan điểm của Mác và Ăng-ghe-nơ về giai cấp tư sản trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” có thể tóm tắt thành ba luận điểm chính sau đây :

- Giai cấp tư sản là sản phẩm tất yếu của lịch sử.
- Giai cấp tư sản đã giữ vai trò cách mạng trong quá trình phát triển xã hội.

* PGS, TS. Q. Trường khoa Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t.I, tr 525

(2) V.I.Lê-nin, *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 2, tr 10

- Từ giữa thế kỷ XIX, giai cấp tư sản đã mất dần vai trò của nó đồng thời nó cũng đã tạo ra những tiền đề, những lực lượng để thay thế nó.

Trước hết, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ đã nhìn thấy sự xuất hiện của giai cấp tư sản là xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội có sẵn trong lòng chế độ phong kiến. Để luận chứng cho vấn đề này, các ông đã phân tích toàn bộ quá trình hình thành của giai cấp tư sản gắn liền với sự lớn lên của công trường thủ công, của công nghiệp, của thị trường... Và từ đó, các ông đi đến kết luận: “bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và trao đổi” (3)

Sự ra đời của giai cấp tư sản gắn liền với sự tiến bộ của lịch sử, với sự phát triển của kinh tế, của kỹ thuật. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật vận động của lịch sử loài người, với tiến trình lịch sử tự nhiên.

Tinh thần khoa học của Mác và Ăng-ghe-nơ càng rõ ràng hơn nữa khi các ông đánh giá vai trò của giai cấp tư sản. Nhìn vào những gì mà giai cấp tư sản đã làm được, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ khẳng định: “Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử” (4)

Vai trò này được thể hiện ở chỗ bất cứ nơi nào giai cấp tư sản nắm được chính quyền nó đều triệt phá các quan hệ phong kiến gia trưởng, chất phác. Nó đã làm cho tất cả các quan hệ xã hội “cứng đờ và hoen ỉ”, với hàng trăm những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa đi kèm với những quan hệ ấy, đều tiêu tan.

Vai trò của giai cấp tư sản đặc biệt quan trọng ở chỗ nó đã biết khai thác, phát huy những sức mạnh tiềm ẩn của con người. Nó: “là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng làm

được những gì” (5). Nó làm cho “hàng đám dân cư tựa hồ như từ dưới đất trời lên” (6).

Chính trên cơ sở đó mà giai cấp tư sản đã tạo ra những thành tựu vĩ đại hơn hẳn các kỳ quan đã đi vào lịch sử từ hàng ngàn năm như kim tự tháp Ai Cập, cầu dẫn nước kiểu Rô-ma, nhà thờ kiểu Gô-tích... Và đặc biệt nó đã tạo ra lực lượng sản xuất lớn hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các xã hội trước kia gộp lại.

Hơn thế nữa, giai cấp tư sản còn tạo ra những “dân tộc *thống nhất*, có một chính phủ *thống nhất*, một luật pháp *thống nhất*, một lợi ích dân tộc *thống nhất*, có tính chất giai cấp và một thuế quan *thống nhất*” (7). Nó xóa bỏ tình trạng phân tán và tính chất tự cấp tự túc của các địa phương trước đây. Và chính điều đó cũng xóa bỏ được đầu óc cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa vốn là một tính xấu cổ truyền mà nền kinh tế tiểu nông, nền sản xuất nhỏ đã sinh ra và duy trì trong nhiều thế kỷ.

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” còn nhấn mạnh vai trò của giai cấp tư sản trong việc tạo ra một nền kinh tế mang tính quốc tế và: “nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man nhứt vào trào lưu văn minh” (8).

Như vậy, có thể nói, giai cấp tư sản đã tạo ra một sự biến đổi căn bản và toàn diện của tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội trong một thời kỳ lịch sử nhất định.

Mác và Ăng-ghe-nơ còn cho rằng giai cấp tư sản “không thể tồn tại, nếu không

(3) C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ: *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t 1, tr 542

(4) *Sđđ*, tr 543

(5) *Sđđ*, tr 544

(6), (7) *Sđđ*, tr 547

luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội" (9). Chính sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng của xã hội đã làm cho thời đại tư sản khác tất cả với các thời đại trước.

Từ những tư tưởng trên đây, Mác và Ăng-ghe-n đã cho chúng ta thấy rõ : chủ nghĩa tư bản là một *nấc thang phát triển tất yếu của lịch sử loài người* và sự thay thế xã hội phong kiến bằng xã hội tư bản là một bước tiến lớn của lịch sử. Đó là bước phát triển vượt bậc về kinh tế và xã hội chuyển từ trạng thái tĩnh sang trạng thái động. Sự tồn tại của giai cấp tư sản gắn liền với sự đổi mới của lực lượng sản xuất, của quan hệ sản xuất và đổi mới toàn xã hội.

Vì vậy bao giờ sự đổi mới này còn tồn tại thì giai cấp tư sản vẫn còn được duy trì. Bao giờ khả năng đó không thực hiện được, nó sẽ bị diệt vong.

Chính do những quan điểm trên đây và dựa vào thực tế lịch sử, C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n nhận định rằng ngay từ giữa thế kỷ XIX, giai cấp tư sản đã bộc lộ các mặt trái của nó và vì vậy, *nó không thể tồn tại mãi trong quá trình phát triển của lịch sử loài người*.

Những lý do mà Mác và Ăng-ghe-n nêu ra để chứng minh cho sự diệt vong tất yếu của giai cấp tư sản có thể tóm tắt như sau :

Thứ nhất : giai cấp tư sản là giai cấp bóc lột. Sự thay thế giai cấp địa chủ phong kiến bằng giai cấp tư sản chỉ là sự thay thế giai cấp bóc lột này bằng giai cấp bóc lột khác. Vì vậy, giai cấp tư sản không có khả năng giải quyết căn bản và triệt để các mâu thuẫn của xã hội có giai cấp.

Thứ hai : sự phát triển của lực lượng sản xuất đã làm cho nó trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu TBCN, "Cái quan hệ sở

hữu đang cản trở sự phát triển của chúng và mỗi khi những lực lượng sản xuất xã hội khắc phục được sự cản trở ấy thì chúng lại xô toàn thể xã hội tư sản vào tình trạng rối loạn và đe dọa sự sống còn của sở hữu tư sản". (10)

Thứ ba : một giai cấp muốn áp bức một giai cấp khác thì phải đảm bảo cho giai cấp ấy những điều kiện sinh hoạt để họ có thể tồn tại được trong điều kiện đó. Giai cấp tư sản ở thế kỷ XIX đã không làm được điều đó. Vì vậy nó đã để người nô lệ "rơi xuống tình trạng khiến nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó" (11).

Điều đó thực chất có nghĩa là nó không thể duy trì và phát triển sản xuất đồng thời nó cũng làm cho tất cả những quan hệ xã hội vốn đã phức tạp càng trở nên phức tạp hơn, tạo nên những sự khủng hoảng trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Thứ tư : giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí để kết liễu mình, nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy là những công nhân hiện đại, những người vô sản.

Ngày nay CNTB đã có những chuyển biến về nhiều phương diện. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, sự phát triển của kinh tế toàn cầu đã làm cho CNTB có những màu sắc mới. Tuy nhiên CNTB càng điều chỉnh nó càng tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần nhiều hơn cho một xã hội mới có thể thay thế nó.

Ngày nay, sở hữu tư bản tư nhân thuần túy đang bị phá vỡ. Các hình thức hợp tác xã, công ty cổ phần, công ty xuyên quốc gia ngày càng nhiều. Trình độ dân trí và ý thức

(Xem tiếp trang 57)

(8) *Sđd*, tr 546

(9) *Sđd*, tr 544

(10) Xem *Sđd*, tr 548 - 549

(11) *Sđd*, tr 556

Vai trò của Đảng trong xây dựng lý luận văn học Việt Nam

HÀ XUÂN TRƯỜNG

NHÌN lại văn học Việt Nam thế kỷ XX một cách tổng quát, có thể thấy trào lưu văn học *cứu nước và cách mạng* mà Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc là những người gieo mầm, đặc biệt Nguyễn Ái Quốc, người đã đưa cách mạng Việt Nam vào một quỹ đạo mới : cách mạng dân tộc gắn với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tội dùng từ "cứu nước " là muốn nhấn mạnh yêu cầu cụ thể của một thời kỳ lịch sử trong cái truyền thống của nền văn học dân tộc nói chung là chủ nghĩa yêu nước, đồng thời cũng để coi trọng yếu tố yêu nước trong những trào lưu văn học khác. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945 có ba trào lưu văn học chủ yếu : văn học lãng mạn, văn học hiện thực phê phán, văn học cứu nước và cách mạng. Mỗi trào lưu đều có những đóng góp tích cực cho sự hình thành nền văn học hiện đại Việt Nam trong thế kỷ XX. Sự đóng góp ấy có những khía cạnh khác nhau, và mỗi trào lưu có những hạn chế nhất định, nhiều khi những hạn chế ấy nằm ngay trong tính chất của mỗi trào lưu. Đứng trên lập trường cách mạng mà xem xét thì trào lưu hiện thực phê phán gần gũi với trào lưu cứu nước và cách mạng vì những vấn đề xã hội cấp bách mà nó đề cập.

Từ năm 1925, phong trào cách mạng Việt Nam đã chuyển sang thời kỳ mới. Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về nước và sự thành lập các tổ chức chính trị như Tân Việt, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên - tiền thân của Đảng Cộng sản. Sau những hạt giống cộng sản được gieo vào lòng yêu nước truyền thống là sự nảy mầm của những thơ ca cách mạng của những người cộng sản trẻ tuổi lúc bấy giờ. Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) bị đàn áp đẫm máu, thì hai năm sau đã có cuộc tranh luận "duy tâm và duy vật", và ít năm sau đó cuộc tranh luận về quan điểm văn học đầu tiên ở nước ta "nghệ thuật vị nhân sinh và nghệ thuật vị nghệ thuật" giữa những người đại diện cho trào lưu mác xít mà tiêu biểu là Hải Triều và một số văn nghệ sĩ mang chất lãng mạn tiểu tư sản. Cuộc tranh luận "chánh học và tà thuyết" những năm 1924 - 1931 thực chất không phải là cuộc tranh luận văn chương, mà là sự phản ứng của tinh thần yêu nước của các chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế đối với thái độ lệ thuộc của Phạm Quỳnh, nhân vấn đề "Quốc văn" mà nêu vấn đề "Quốc vận". Cho nên, về văn học, có thể coi cuộc tranh luận "Nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh" là cuộc tranh luận đầu tiên về văn chương mang tính lý luận. Sự nổi trội

của lý luận mác xít vì trước hết Hải Triều là nhà lý luận mác xít, còn các vị đứng về tuyến "nghệ thuật vị nghệ thuật" phát biểu theo cảm tính của những người cảm thụ nghệ thuật chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản về nghệ thuật. Qua cuộc tranh luận này, chúng ta có thể thấy sự ưu thế ngay từ đầu của lý luận mác xít trên trận địa văn học lúc bấy giờ.

Thời kỳ 1939 - 1945 là một thời kỳ chuyển biến đặc biệt. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, thời kỳ Mặt trận dân ở Pháp (1936 - 1939) ban phát một số ít quyền tự do, dân chủ cho các nước thuộc địa chấm dứt. Phong trào "vui vẻ, trẻ trung" mà bọn thống trị thực dân Pháp đẩy lên sau các cuộc đàn áp Xô viết Nghệ Tĩnh và cuộc khởi nghĩa Yên Bái, hướng xã hội vào sự hưởng thụ cá nhân, truyền bá chủ nghĩa cá nhân tư sản để xã hội quên đi nỗi đau mất nước, nỗi thống khổ của nhân dân cũng không còn. Tháng 6-1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức, cam chịu thi hành chế độ phát xít. Tháng 9 năm đó, phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, Pháp đầu hàng, chấp nhận mọi mệnh lệnh của Nhật. "Một cổ hai tròng" nhân dân ta vô cùng khổ cực. Những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương, Nam Kỳ bị đàn áp khốc liệt. Trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, bọn thống trị Pháp tung hô chủ nghĩa Pê-tanh với khẩu hiệu "Cần lao, Gia đình, Tổ quốc", phát xít Nhật đưa ra thuyết "Đại Đông Á". Vấn đề dân tộc trở nên hết sức nhức nhối. Giới trí thức tìm đường. Trừ một số rất ít cam tâm làm thân phận tay sai bọn phát xít Pháp - Nhật, phần lớn có tinh thần yêu nước cố gắng tìm con đường đi như các nhóm Thanh Nghị, Tri Tân, nhưng cũng chỉ loay hoay trong thế giới quan hạn chế của tư sản, tiểu tư sản, thậm chí phong kiến, không đủ sức hướng dẫn cho dân tộc trong đó có văn học đột phá khỏi con đường luân quần của chủ nghĩa quốc gia tư sản hay

phong kiến. Đảng Cộng sản đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử ấy. Cùng với việc thành lập Hội văn hóa cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh là sự ra đời *Đề cương văn hóa Việt Nam* trong đó nêu ba nguyên tắc : dân tộc, khoa học, đại chúng. Ngày nay đọc lại bản Đề cương, chúng ta dễ thấy những hạn chế của nó, nhất là ở phần nhận định các khuynh hướng hay phân kỳ lịch sử, những vấn đề đòi hỏi sự nghiên cứu công phu. Nhưng yêu cầu bức thiết nhất của cuộc vận động văn hóa lúc đó là hiểu đúng vấn đề dân tộc, giải quyết đúng quan hệ giữa văn hóa - văn học - nghệ thuật và kinh tế - chính trị, đưa cuộc vận động văn hóa vào quỹ đạo cách mạng, phục vụ cho cách mạng. *Đề cương văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo đã đáp ứng yêu cầu ấy. Cùng thời, có những người như Nguyễn Tế Mỹ, Trương Tửu (nhóm Hàn Thuyên) mang những quan điểm duy vật máy móc, cực đoan hòng chống lại ảnh hưởng của Đảng Cộng sản. Họ có nhà xuất bản, báo hoạt động công khai, trong lúc Đảng phải hoạt động bí mật với những phương tiện ăn loát thô sơ. Trên trận địa tư tưởng, để truyền bá những quan điểm của Đảng trong giới trí thức và quần chúng, Đảng phải chống lại những quan điểm văn hóa phát xít của bọn thống trị Nhật - Pháp, đồng thời chống lại các loại tư tưởng yếm thế, đầu hàng, định mệnh lan tràn trên các sách báo lúc bấy giờ. Với bút danh Tân Trào, Trường Chinh viết bài "Con quỷ đội lốt mác xít" trên báo *Cờ giải phóng* phê phán quyết liệt quyền sách "Khởi nghĩa Hai Bà Trưng" của Nguyễn Tế Mỹ bênh vực chiến tranh xâm lược, hạ thấp ý chí quật cường của dân tộc. Ông còn viết bài "Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam mới lúc này" nhằm làm sáng tỏ những phương châm của nền văn hóa mới Việt Nam do Đảng đề xướng.

Tuy trong vòng bí mật, nhưng nhờ những phương thức hoạt động sâu sát quần chúng của Mặt trận Việt Minh mà Hội văn hóa cứu quốc là thành viên, ảnh hưởng của *Đề cương văn hóa* khá rộng trong giới trí thức. Trong quyển Hồi ký của mình, giáo sư Đặng Thai Mai viết : "Thời kỳ này văn học công khai tiếng Việt đi vào lĩnh vực cá nhân chủ nghĩa, than khóc, mơ mộng, bi lụy, ai oán. Tư tưởng của nhà văn rơi vào tình trạng bế tắc. Lúc đó tôi có đặt một vấn đề : phải chăng chúng ta thiếu một quan điểm đúng đắn về lý luận văn học" ... Đối với tôi "*bản Đề cương văn hóa* có hai ảnh hưởng lớn : một là cần có cuộc đấu tranh về lý luận văn học và hai là lý luận văn học không những không thể tách rời lịch sử, chính trị, xã hội mà cần đặt nó vào trong cuộc cách mạng dân tộc"⁽¹⁾. Nói một cách khác là phải có một lý luận văn học theo quan điểm của Đảng Cộng sản - quan điểm mác xít. Đáp ứng yêu cầu đó *Văn học khái luận* của Đặng Thai Mai ra đời. Điều chắc chắn là quyển sách lý luận mác xít lại do Nhà xuất bản Hàn Thuyên ấn hành với điều kiện "không sửa chữa ý kiến của tác giả".

Trước 1945, trào lưu văn học cứu nước và cách mạng (văn học quốc ngữ) xuất hiện chủ yếu trong nhà tù và được tuyên truyền bằng miệng trong quần chúng ; trên bình diện sáng tạo văn chương chưa có những tài năng lớn. Trường hợp Tố Hữu là hiếm, vừa đại diện cho văn học cách mạng, vừa là người mở đường về phương diện văn chương cho cách mạng. Nhưng trên bình diện lý luận thì khác. Không có một trào lưu nào đưa ra được một quan điểm nhất quán, khoa học, hiện đại chỉ đường cho nền văn học tương lai, ngoài trào lưu văn học cứu nước và cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là lý luận mác xít về văn học. Đó là đường lối văn hoá - văn nghệ của Đảng. Lý luận văn học của

Đảng là lý luận gắn bó với cách mạng, là một bộ phận của lý luận cách mạng. Nhờ có lý luận văn học của Đảng soi đường, lại nhờ có đường lối tổ chức đúng đắn, trào lưu văn học cách mạng mau chóng tập hợp các văn nghệ sĩ ưu tú của các trào lưu khác thống nhất vào một dòng văn học cách mạng dưới ngọn cờ của Đảng, tham gia Cách mạng Tháng Tám, tự nguyện hào hứng phục vụ hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, làm nên nền văn nghệ kháng chiến đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn nghệ chống đế quốc trên thế giới.

Với lòng yêu nước nồng nàn, không sợ gian khổ, hy sinh, nhưng phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến như thế nào đây, đó là vấn đề đầu tiên đặt ra trước các văn nghệ sĩ. Bài viết "Nhận đường" của Nguyễn Đình Thi xuất hiện đúng lúc. Báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn học Việt Nam* của Trường Chinh trong Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai (1948) định hướng cho các hoạt động văn hóa - văn nghệ trong suốt thời kỳ giải quyết được nhiều băn khoăn cho văn nghệ sĩ, củng cố mặt trận văn nghệ trong Mặt trận dân tộc thống nhất (Liên Việt). Cuộc tranh luận văn nghệ tháng 9-1949 do Hội văn nghệ đứng ra tổ chức, đồng chí Tố Hữu chủ trì, thu hút được đông đảo văn nghệ sĩ tiêu biểu cho các khuynh hướng trước 1945 như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Hồng, Ngô Tất Tố, Thanh Tịnh, Nguyễn Đỗ Cung, Đoàn Phú Tứ, Phan Khôi, Tô Ngọc Vân, Tô Hoài, Nam Cao, Văn Cao, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Xuân Sanh, Kim Lân,... Cuộc tranh luận xoay quanh khẩu hiệu "cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt", tự kiểm điểm lại "hành

(1) Đặng Thai Mai : *Hồi ký*, Nxb Tác phẩm mới, 1985, tr 358

trang" chuẩn bị lên đường tham gia chiến dịch thu đông 1949, làm sao phản ánh được sinh động cuộc sống chiến đấu của quân và dân. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II (2-1951) của Đảng, đồng chí Tố Hữu đọc tham luận *Xây dựng nền văn nghệ nhân dân*. Tháng chạp năm ấy, nhân triển lãm đầu tiên của giới mỹ thuật trong kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho các họa sĩ dặn dò "Văn hóa - nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Lời nói giản dị, ân cần nhưng chứa sâu quan điểm lý luận của Đảng ta về văn nghệ.

Công tác lý luận của Đảng trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật trong thời kỳ chống Pháp về cơ bản đã thành công tạo được một sự nhất trí về tư tưởng trong giới văn nghệ sĩ, và từ đó làm nên nền văn học, nghệ thuật của chín năm chiến tranh chống thực dân Pháp - một giai đoạn cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Thế hệ nhà văn trước cách mạng được rèn luyện gắn bó với nhân dân, một thế hệ mới hình thành bắt đầu từ cách mạng, xuất thân từ người lính, từ cán bộ.

Từ năm 1954, với điều kiện mới, công tác lý luận văn học, nghệ thuật không dừng ở các quan điểm chỉ đạo, mà mở rộng ra thành một khoa học với sự hình thành một đội ngũ chuyên trách trước hết ở những giáo sư các trường đại học. Do được tiếp xúc với thế giới, với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhiều phương pháp tiếp cận văn học được tiếp nhận. Lý luận không còn ở dạng "đường lối" mà đi vào những vấn đề cụ thể của sáng tạo, đi sâu phân tích tác phẩm, tác giả, nghệ thuật ngôn từ. Nhiều công trình nghiên cứu và lý luận văn học ra đời làm phong phú cho hoạt động lý luận văn học của nước ta.

Hiện nay ở nước ta công việc nhìn lại, đánh giá văn học thế kỷ XX đang được tiến hành từ các viện nghiên cứu, các trường đại học, các nhà xuất bản. Tôi nghĩ vai trò của lý luận văn học (và cùng với nó là nghiên cứu và phê bình văn học) cần được quan tâm thích đáng. Cần đặt lý luận gắn liền với công tác tư tưởng của Đảng. Trong khoa học văn chương, chúng ta có thể chấp nhận các trường phái khác nhau từ chủ nghĩa cấu trúc đến tín hiệu học, cũng như trong sáng tác, chúng ta có thể chấp nhận những phương pháp sáng tác khác nhau, nhưng về mặt quan điểm chúng ta phải dứt khoát đứng trên quan điểm Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn học, coi đó là định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn học hiện đại của nước ta. Hiện nay, cùng với luận điệu của một số người đòi xóa bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa" trong đường lối chung của Đảng ta, trong giới văn học cũng có một số người đòi phủ định "lý luận văn học mác xít" "phê bình mác xít", coi những khái niệm đó là giả tạo, là áp đặt từ trên, thậm chí từ bên ngoài. Cần đấu tranh bác bỏ chống những luận điệu sai trái đó.

Trong sự nghiệp xây dựng một nền văn học Việt Nam có tầm cỡ quốc tế như ngày nay, lý luận mác xít về văn học của Đảng ta có vai trò quyết định, vai trò soi đường. Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng yếu kém kéo dài của lý luận phê bình văn học là khá lâu chúng ta bỏ rơi trận địa tư tưởng - lý luận trên lĩnh vực văn học cũng như văn nghệ nói chung. Cần tiếp tục xây dựng một nền lý luận văn học mác xít Việt Nam với những công trình mới mẻ, sâu sắc phản ánh được yêu cầu đổi mới của văn học nước ta và thế giới. Một sự đánh giá toàn diện (cả ưu và nhược, khuyết điểm) về đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng ta cũng là điều hết sức cần thiết. □

THƯƠNG MẠI : thực trạng năm 2001 và triển vọng năm 2002

NGUYỄN ĐÌNH BÍCH *

NĂM 2001 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, lĩnh vực thương mại đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ; tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn nhiều bất cập. Năm 2002, lĩnh vực thương mại đứng trước những cơ hội mới, nếu tận dụng tốt sẽ giành những thành tựu to lớn hơn.

THƯƠNG MẠI NĂM 2001 : NHỮNG GAM MÀU SÁNG TỐI .

Năm 2001, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế và thương mại trong bối cảnh có những thuận lợi rất cơ bản. Trước hết, nền kinh tế nước ta đã lấy lại được đà tăng trưởng kinh tế liên tục, quý sau cao hơn quý trước trong suốt năm 2000 (quý I : 5,6% ; quý II : 6,7% ; quý III : 7,0% và quý IV : 7,2%). Tiếp theo, thương mại đã phát triển mạnh, đều trên cả ba hướng : xuất khẩu hàng hóa duy trì mức tăng trưởng cao (24%) với 14,308 tỉ USD (nếu tính cả dịch vụ thì đạt 16,5 tỉ USD, bằng 52,8% tổng sản phẩm trong nước) ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước đạt 219,4 nghìn tỉ đồng, tăng 9,2% (vượt

qua "điểm đáy" 8,7% trước đó) ; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh trở lại, đạt 120,6 nghìn tỉ đồng, tăng 16,2% so với năm trước, góp phần tiêu thụ một khối lượng hàng hóa và dịch vụ đáng kể. Có thể khẳng định, sự phát triển đều trên cả ba tuyến của thương mại và đầu tư

đã tạo ra nguồn động lực để nền kinh tế nước ta thoát ra khỏi quá trình suy giảm nhịp độ tăng trưởng kéo dài trong 4 năm trước và tạo đà thuận lợi cho nền kinh tế phát triển trong năm 2001.

Thực tế phát triển kinh tế và thương mại năm 2001 cho thấy, nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong quý I ở mức đỉnh 7,2% (như quý IV năm 2000), quý II chỉ còn 7,0% ; quý III tiếp tục "chạm đáy" với 6,8% ; quý IV có nhích lên, nhưng ước cũng chỉ đạt 7,0%. Do đó, nhịp độ tăng trưởng kinh tế cả năm cũng chỉ đạt 7,0%, thấp hơn so với mục tiêu phấn đấu 7,5%.

Do kinh tế thế giới diễn biến theo chiều hướng xấu dần, nhất là sau sự kiện ngày 11-9 ở nước Mỹ, nhiều nền kinh tế lớn trong khu vực có nhịp độ tăng trưởng âm. Ở nước ta, một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội còn đạt thấp so với mục tiêu, nhưng thành tựu đó là rất đáng tự hào.

Theo số liệu của Bộ Thương mại, tính đến hết tháng 8-2001, tức là trước sự kiện ngày 11-9 ở nước Mỹ, so với cùng kỳ

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

năm 2000, nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu chung của nước ta chỉ còn 11,9%, thì riêng xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng 50,9%. Đây chính là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư của nước ta vào thời điểm này (sau Nhật Bản, Trung Quốc và Xin-ga-po), nhưng là thị trường có nhịp độ tăng trưởng cao nhất (tiếp theo là Xin-ga-po, Trung Quốc và Nhật Bản).

Cũng tính đến thời điểm này, xuất khẩu của nước ta sang một số thị trường chủ yếu, đặc biệt là các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực Đông - Nam Á và Đông - Bắc Á chẳng những không tăng, mà còn giảm, thậm chí giảm rất mạnh. Chẳng hạn như xuất khẩu sang Ma-lai-xi-a giảm 7,1% ; Thái Lan giảm 11,8% ; Phi-lip-pin giảm 14,6% ; Hồng Kông giảm 33,3% ; Đài Loan giảm 89,1%... Sự suy giảm này bắt nguồn từ một nguyên nhân chung rất quan trọng khác là kinh tế Mỹ giảm nhịp độ tăng trưởng, nhập khẩu của Mỹ (chiếm trên 30% xuất khẩu hàng hóa của thế giới) giảm mạnh, làm cho xuất khẩu các nước và vùng lãnh thổ này sang thị trường Mỹ giảm và họ cũng giảm nhập khẩu từ nước ta. Cụ thể, do nhịp độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ đã giảm xuống 1,3% trong quý I và 0,2% trong quý II, nên nhập khẩu nói chung của Mỹ trong nửa đầu năm 2001 đã giảm 10%, riêng nhập khẩu hàng hóa giảm tới 13,7%, kéo theo xuất khẩu sang thị trường này trong cùng kỳ của Đài Loan giảm 27%, của Nhật Bản giảm 26%, của Xin-ga-po giảm 24%, của Hàn Quốc giảm 17% v.v..

Như vậy, do quan hệ thương mại song phương giữa nước ta và Mỹ chưa phát triển mạnh, sự suy giảm nhập khẩu của Mỹ trực tiếp tác động không nhiều, nhưng những tác động gián tiếp thông qua các nước thứ ba đến hoạt động xuất khẩu nói riêng và nền

kinh tế nước ta nói chung là rất lớn. Kể từ khi xảy ra sự kiện ngày 11-9 ở nước Mỹ, tức là khi tác động trực tiếp tăng lên (nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu của nước ta sang thị trường này vào 9-2001 đã giảm rất mạnh, chỉ còn 42,9%), cộng với những tác động gián tiếp khác mạnh hơn nhiều, đã dẫn đến nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu của nước ta giảm nhanh hơn so với dự kiến của các cơ quan quản lý. Đây là tình trạng chung không phải chỉ riêng chúng ta không bắt nhịp được với thực tiễn kinh tế và thương mại thế giới sau sự kiện ngày 11 tháng 9 ở nước Mỹ. Giá dầu thô trên thị trường thế giới "rơi tự do" sau khi cuộc chiến chống khủng bố được phát động là một bất ngờ lớn, bởi nó ngược hẳn lại so với cơn sốt nóng giá dầu thế giới trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh cách đây 10 năm là một minh chứng rất rõ ràng.

Trong khi hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn khách quan, bất khả kháng như trên, thì thị trường trong nước lại không giữ được vai trò động lực mạnh hơn thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Theo ước tính của Bộ Thương mại, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2001 chỉ đạt 240 nghìn tỉ đồng, chỉ tăng 8,8% so với năm 2000. Đây là mức tăng trưởng thấp hơn khá nhiều so với năm 2000 (9,2%) và cũng chỉ cao hơn so với năm 1999 (8,2%), nhưng thấp quá xa so với mức tăng trưởng bình quân 12,6%/năm trong thời kỳ 5 năm 1996 - 2000. Nói cách khác, tiêu dùng cuối cùng là đầu ra lớn thứ hai của nền kinh tế nước ta vẫn đang trong quá trình suy giảm nhịp độ tăng trưởng. Điều này cũng có nghĩa là, vai trò động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển của thị trường trong nước vẫn đang tiếp tục yếu kém.

Tuy nhiên, do nhiều nỗ lực to lớn nên kết quả tăng trưởng vốn đầu tư đạt 24,4% trong

năm 2001 là đáng khích lệ ; bởi với mức tăng gần 30 nghìn tỉ đồng vốn đầu tư, đã gia tăng tiêu thụ được một khối lượng hàng hóa và dịch vụ không nhỏ ở kênh này, góp phần rất quan trọng vào việc làm giảm áp lực cung - cầu trên thị trường trong nước.

THƯƠNG MẠI NĂM 2002 : CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐẠN XEN.

Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 7 - 7,3%, trong khi tổng kim ngạch xuất khẩu đã được ấn định là 17,2 tỉ USD trong năm 2002, tăng khoảng 10% so với năm 2001 và tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 175 nghìn tỉ đồng, tăng 17%, như báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội, nhiệm vụ đặt ra cho lĩnh vực thương mại là rất nặng nề. Có thể xem xét những cơ hội và thách thức như sau:

1. Hai thách thức lớn.

- **Thứ nhất**, thách thức đầu tiên chúng ta phải vượt qua là thực hiện được mục tiêu xuất khẩu 17,2 tỉ USD trong bối cảnh thị trường thế giới và khu vực có nhiều khả năng vẫn tiếp tục ảm đạm như trong bốn tháng cuối năm 2001.

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế, nếu như nhịp độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2000 là 3,8%, dự báo năm 2001 là 1,3%, thì năm 2002 có nhiều khả năng chỉ nhích lên 1,6%. Các số liệu tương ứng của các nước có thu nhập cao là 3,7% ; 0,9% và 1,0% ; riêng của Mỹ là 4,1% ; 1,1% và 1,0% ; của Nhật Bản là 1,5% ; - 0,8% và 0,1% ; của châu Âu là 3,5% ; 1,5% và 1,3% ; của các nước Đông Á là 7,3% ; 2,3% và 3,4% v.v..

Vấn đề ẩn chứa đằng sau các số liệu là ở chỗ, nhịp độ tăng trưởng thương mại toàn cầu đang từ 13% trong năm 2000 đã "rơi tự do" xuống chỉ còn 1% (trong năm 2001) - một mức tăng thấp nhất trong lịch sử kinh tế

hiện đại và triển vọng cũng không sáng sủa hơn trong năm 2002. Đó chính là một thách thức không dễ gì vượt qua khi xuất khẩu đang là nguồn động lực tăng trưởng kinh tế lớn nhất của nước ta, trong khi nhập khẩu của các nước bạn hàng lớn nhất nói trên chỉ "dậm chân tại chỗ", hoặc chỉ tăng không đáng kể.

Trong bối cảnh đó, do kim ngạch xuất khẩu năm 2001 chỉ đạt 15,2 tỉ USD, nên việc phấn đấu thực hiện mục tiêu xuất khẩu 17,2 tỉ USD đồng nghĩa với nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu phải đạt trên 13% so với năm 2001.

- **Thứ hai**, thách thức gay gắt khác là sức mua của thị trường trong nước vẫn đang đứng trước nguy cơ tiếp tục xu thế tăng chậm lại.

Nhận định này dựa trên ba căn cứ sau :

Một là, nhịp độ tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2001 quá thấp so với suốt quá trình phát triển trong vòng 10 năm 1992 - 2001, sẽ ảnh hưởng rất xấu đến sức mua của thị trường trong nước trong năm 2002.

Các số liệu thống kê cho thấy, ước tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2001 chỉ tăng 4,1%, trong đó khu vực nông nghiệp là khu vực liên quan đến thu nhập và đời sống của đại bộ phận dân cư khu vực nông thôn chỉ tăng 2,2%, khu vực lâm nghiệp thì dậm chân tại chỗ (không tăng), dẫn đến nhịp độ tăng trưởng GDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2,6%, chỉ bằng một nửa mức tăng 5,2% của năm 1999, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng 4% của năm 2000. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm 1992 - 2001 (ba năm có mức tăng thấp nhất là các năm 1993 ; 1994 và 1998 cũng đạt 3,3 - 3,5% , năm 1992 đạt kỷ lục tăng 6,9%).

Như vậy, do thu nhập từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của dân cư khu vực nông thôn (chiếm trên 3/4 dân số của cả nước), thu nhập tăng chậm lại, sức mua của khu vực đông dân cư nhất cũng tất yếu tăng chậm lại một cách tương ứng, và như vậy sức mua của thị trường trong nước nói chung cũng tăng chậm lại.

Hai là, ngược với xu thế tăng trưởng chậm lại rất đáng lo của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nói trên là xu thế tăng trưởng nhanh của hai khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Điều đáng mừng là, nhịp độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng đã vượt qua "điểm đáy" 7,7% trong năm 1999, tăng vọt lên 10,1% trong năm 2000 và tiếp tục nhích lên 10,7% trong năm 2001, còn các số liệu tương ứng của khu vực dịch vụ là 2,2% ; 5,6% và 6,6%. Chính sự bứt phá của hai khu vực kinh tế này chiếm tỷ trọng 77% GDP mà chúng ta đã chặn được đà suy giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2000 và tiếp tục củng cố vững chắc thành tựu của năm 2001 trong điều kiện đầy khó khăn.

Tuy nhiên, do công nghiệp và dịch vụ vẫn tập trung phát triển chủ yếu ở khu vực đô thị, nên những lợi ích mà nó mang lại tất yếu cũng vẫn tập trung chủ yếu cho dân cư khu vực đô thị, dẫn đến khoảng cách giàu nghèo giữa hai bộ phận dân cư càng mở rộng nhanh hơn.

Nét nổi bật nhất trong đời sống kinh tế - xã hội trong hai năm 2000 và 2001 cho thấy, được sự khuyến khích mạnh mẽ của Luật Doanh nghiệp, trên 30 nghìn doanh nghiệp ra đời, một bộ phận đã tập trung ở các đô thị lớn và đa phần lại tập trung chủ yếu ở các đô thị nhỏ, nên đã tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho dân cư khu vực đô thị. Bộ phận

dân cư ở khu vực nông thôn hiện vẫn chiếm trên 3/4 dân số cả nước vẫn nằm ngoài làn sóng phát triển kinh tế dựa vào chính nguồn nội lực của đất nước. Thực tế những năm gần đây cho thấy, dân cư khu vực đô thị có nhịp độ tăng thu nhập cao, nhưng sức mua của khu vực thị trường này không tăng tương ứng. Đối với bộ phận dân cư khu vực nông thôn, tuy nhu cầu hàng hóa và dịch vụ vẫn cực kỳ lớn, nhưng do thu nhập tăng quá chậm, cho nên khả năng chi tiêu cũng rất hạn hẹp.

Ba là, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2002 là 175 nghìn tỉ đồng, tăng tới 17% (báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội) là một mức tăng rất cao, sẽ góp phần tiêu thụ một bộ phận hàng hóa và dịch vụ rất lớn trên thị trường, góp phần quan trọng vào việc tạo ra nguồn động lực thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển, nhưng đây lại là mức tăng thấp hơn so với 24,4% trong năm 2000. Như vậy, nguồn động lực này trong năm 2002 không chỉ giảm một cách tương đối, mà còn giảm cả về tuyệt đối so với năm 2001.

2. Ba thuận lợi cơ bản.

Mặc dù sẽ phải đối mặt với những thách thức rất gay gắt, nhưng có thể khẳng định rằng, chúng ta cũng đang đứng trước những cơ hội và thuận lợi mới để hoàn thành thắng lợi những mục tiêu phát triển kinh tế đã đề ra.

- Thứ nhất, chúng ta có những lợi thế mới rất quan trọng là sự ổn định về chính trị của đất nước và được thử thách nhiều lần (sự huy động cực kỳ nghiêm trọng về vốn và thị trường trong các năm 1989-1991, những tác động mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực trong các năm 1997 - 1998) ; là những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội ... của những năm

đổi mới. Trong bối cảnh bất ổn định hiện nay của nhiều khu vực, nhiều quốc gia, lợi thế này nổi bật lên như là "lợi thế của lợi thế", bởi nó tạo ra sự an toàn cho các nhà đầu tư nước ngoài, sự yên tâm đầu tư phát triển kinh tế cho các nhà đầu tư trong nước. Việc có nhiều đơn hàng được chuyển từ các nước vào nước ta ngay sau cuộc khủng bố ngày 11-9 ở nước Mỹ, việc có nhiều hợp đồng làm ăn trong năm 2002 sớm được thương thảo, cũng như đề nghị tăng vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh của nhiều nhà đầu tư, kể cả việc những con tàu chở khách du lịch quốc tế hướng vào nước ta ... là những dấu hiệu ban đầu rất đáng mừng.

- *Thứ hai*, Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ vừa được Quốc hội nước ta thông qua sẽ tạo ra những tiền đề thuận lợi hơn hẳn để các doanh nghiệp Việt Nam xâm nhập thị trường rộng lớn này. Trong bối cảnh đó, chỉ riêng việc thị trường Mỹ đã rất nhanh chóng trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ tư và có nhịp độ tăng trưởng dẫn đầu trong số bốn nước bạn hàng xuất khẩu lớn nhất của nước ta trong khi nhập khẩu của Mỹ giảm rất mạnh trong năm 2001, cũng cho phép hy vọng rằng, trong điều kiện thuế suất giảm rất mạnh, kim ngạch xuất khẩu của nước ta sang thị trường này sẽ có một bước phát triển mới trong năm 2002.

Mặt khác, sự "cộng hưởng" của hai cơ hội mới cùng xuất hiện vào thời điểm này chắc chắn sẽ tạo ra nguồn động lực lớn hơn thúc đẩy nền kinh tế nước ta bứt phá nhanh hơn. Đây là những cơ hội mà khi phải đối mặt với hai cuộc khủng hoảng trước đây chúng ta không hề có.

- *Thứ ba*, bên cạnh những cơ hội mới nói trên, chúng ta còn có những thuận lợi mới trong việc đẩy mạnh xuất khẩu.

Trước hết, đó là thị trường khổng lồ Trung Quốc vẫn tiếp tục quá trình phát triển nhanh của mình, trong khi kim ngạch xuất khẩu của nước ta sang thị trường này tuy đã tăng nhanh, nhưng vẫn còn nhiều tiềm năng mà chúng ta vẫn chưa khai thác, hoặc mới chỉ khai thác rất ít. Điều đặc biệt quan trọng trong việc đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2002 và những năm sắp tới là chủ trương đẩy mạnh quan hệ thương mại và hợp tác đầu tư song phương và đa phương cũng đã được các bên khẳng định.

Thị trường Nga cũng là một thị trường lớn, truyền thống mà xuất khẩu của nước ta có thời điểm chiếm tới gần 40% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị trường này đã tăng nhanh trong năm qua, nhưng vẫn còn ở mức khiêm tốn, tiềm năng khai thác còn rất lớn.

Nhiệm vụ đặt ra cho lĩnh vực thương mại trong năm 2002 là hết sức nặng nề. Để thực hiện được mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu đã đề ra, chúng ta phải vượt qua nhiều thách thức rất gay gắt, nhưng cũng có những cơ hội mới và những thuận lợi mới. Việc khắc phục "căn bệnh" suy giảm sức mua của thị trường trong nước có lẽ còn là thách thức gay gắt hơn, khó vượt qua hơn rất nhiều, bởi nó gắn liền với vấn đề việc làm và thu nhập của hàng chục, hàng chục triệu dân cư, và nếu chúng ta không vượt qua được thì đằng sau nó là nguy cơ mất ổn định chính trị và xã hội. Do đó, đây là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược mà tất cả các ngành, các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến địa phương, cơ sở phải đặc biệt coi trọng. □



ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ THỌ VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

TRẦN NGỌC TĂNG*

PHÚ Thọ là tỉnh miền núi được tái lập từ tháng 1-1997, một tỉnh có nhiều truyền thống quý báu trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ; có nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc ; nhân dân có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết cao, lao động cần cù sáng tạo. Hơn một thập kỷ qua, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Thọ đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, tiếp tục công cuộc đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, tương đối toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Đảng bộ tỉnh Phú Thọ đã thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, trong đó đã quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về “*Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*”, lấy việc củng cố tổ chức cơ sở đảng làm khâu đột phá. Thực tế cho thấy, ở nơi nào tổ chức cơ sở đảng được củng cố vững mạnh thì nơi đó bảo đảm ổn định về chính trị, kinh tế xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên. Ngược lại, ở đâu tổ chức cơ sở đảng yếu kém thì ở nơi đó tình hình không ổn định,

các biểu hiện tiêu cực xã hội gia tăng, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện với hiệu quả thấp. Vì vậy, việc chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đã thực sự là khâu then chốt góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy Phú Thọ đã tập trung tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quyết định số 103, 104, 105, 106 về tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng ở phường, thị trấn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có hướng dẫn xây dựng, bình xét tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

Ban Thường vụ các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức học tập, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, tiêu chuẩn xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh cho các cơ sở đảng. Chỉ đạo việc tổ chức cho các đảng viên thảo luận trong chi bộ, cụ thể hóa các nhiệm vụ

* TS, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Phú Thọ

được giao thành các chỉ tiêu đăng ký phần đầu và những giải pháp thực hiện có hiệu quả mục tiêu đề ra. Do quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu nội dung của cuộc vận động, việc đăng ký thi đua đã trở thành nền nếp ; hằng năm có 70% đến 80% số cơ sở đảng, chi bộ đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Nhiều huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc đã cụ thể hóa nội dung tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh cho từng loại hình tổ chức cơ sở đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cơ sở đảng xây dựng mục tiêu đăng ký phần đầu. Trên cơ sở đó, tiến hành kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh các biện pháp nhằm phần đầu đạt mục tiêu đăng ký. Huyện ủy Đoan Hùng có văn bản chỉ đạo các đảng bộ hướng dẫn các chi bộ tổ chức việc đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Thị ủy Phú Thọ ban hành *“Tiêu chuẩn chi bộ trong sạch vững mạnh ở nông thôn và đường phố”* làm căn cứ xem xét, đánh giá công nhận chi bộ trong sạch vững mạnh. Hằng năm, Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng bộ trực thuộc đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng đăng ký thi đua, tiến hành tự rà soát các tiêu chuẩn, lập báo cáo đánh giá kết quả phần đầu, đề nghị đảng ủy cấp trên kiểm tra công nhận theo một quy trình chặt chẽ có sự kết hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm 1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ mở Hội nghị sơ kết, biểu dương, khen thưởng 71 cơ sở đảng có thành tích trong cuộc vận động và chọn 3 cơ sở tiêu biểu đề nghị Trung ương biểu dương. Ngày 2-4-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ đã ban hành quy định về chế độ khen

thưởng đối với tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh làm cơ sở cho các huyện, thành, thị ủy, đảng bộ trực thuộc làm tốt công tác thi đua, khen thưởng. Trong những năm qua, nhiều đơn vị như : Thành ủy Việt Trì, Thị ủy Phú Thọ, các huyện ủy Phù Ninh, Sông Thao, Thanh Ba, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Đảng ủy cơ quan tỉnh, Đảng ủy Công ty giấy Bãi Bằng... đã làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng, có tác dụng tích cực thúc đẩy cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Năm 2000, Tỉnh ủy Phú Thọ tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm (1995 - 2000) phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nhằm biểu dương tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Những kết quả đạt được là đáng khích lệ. Nếu như năm 1995 mới chỉ có 40% số cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, thì đến năm 2000 đã đạt 62%, vượt 12% so với mục tiêu do Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra ; số cơ sở đảng yếu kém chỉ còn 2% (giảm 8,9%).

Việc ngày càng có nhiều tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh đã góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Trong giai đoạn 1996 - 2000, kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá : GDP tăng 8,4%/năm ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,9%/năm ; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 5,6%/năm ; giá trị các ngành dịch vụ tăng 9,1%/năm. Cơ cấu kinh tế phát triển theo hướng tích cực : công nghiệp, xây dựng chiếm 36,6% ; nông, lâm nghiệp chiếm 29,4% ; dịch vụ chiếm 34%. Sự nghiệp văn hóa - xã hội tiếp tục

phát triển ; giáo dục và đào tạo từng bước được xã hội hóa và đã có những tiến bộ khá toàn diện (chất lượng các bậc học, ngành học được nâng cao, đội ngũ giáo viên có trình độ chuẩn đạt trên 95%, học sinh các cấp học tốt nghiệp hằng năm đạt trên 96%). Sự nghiệp y tế được chú trọng, do vậy đã nâng dần chỉ số sức khỏe của cộng đồng, góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em từ 23% (năm 1996) xuống còn 11% (năm 2000). Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được chỉ đạo chặt chẽ và thực sự có hiệu quả, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,86% (năm 1996) xuống còn 1,2% (năm 2000). Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được khơi dậy và phát huy. Thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở"* được toàn dân hưởng ứng và đang dần trở thành nét đẹp trong ý thức cộng đồng dân cư. Quốc phòng và an ninh được củng cố và tăng cường, an ninh chính trị được ổn định và giữ vững, trật tự an toàn xã hội có chuyển biến rõ rệt, tăng cường được sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng thế trận an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

Công tác xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã được triển khai và thực hiện nghiêm túc, tự phê bình và phê bình được thực hiện nền nếp. Hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ, đảng viên được củng cố (hàng năm kết nạp được khoảng 2 300 đảng viên mới). Năng lực quản lý nhà nước được nâng cao một bước, chỉ đạo cải cách hành

chính, nhất là sửa đổi lề lối, quy chế làm việc đã nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được đổi mới, hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ được củng cố. Thông qua các phong trào và hoạt động quần chúng đã tăng cường khối đoàn kết toàn dân ngay từ cơ sở, làm nền tảng vững chắc cho công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định tình hình xã hội. Phong trào thi đua xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh trong năm 1999 đã trở thành nhân tố quyết định, góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức Đại hội Đảng các cấp thắng lợi, thành công tốt đẹp trong năm 2000. Hiện nay Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã thực sự đi vào cuộc sống. Năm 2001, kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến thực sự.

Từ kết quả xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh trong 5 năm qua, bước đầu chúng tôi đã rút ra một số kinh nghiệm sau đây :

Một là, các cấp ủy đảng phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc mục đích, ý nghĩa của cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là điều kiện tiên quyết để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Mọi tổ chức cơ sở đảng đều phải có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, đưa cuộc vận động này trở thành phong trào thi đua thường xuyên của tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hai là, các chi, đảng bộ phải xây dựng mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu

thực tiễn của đơn vị theo năm tiêu chuẩn đã được Trung ương và tỉnh quy định cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Đó chính là những nội dung đăng ký cụ thể, làm cơ sở để cán bộ, đảng viên trong chi, đảng bộ phấn đấu thực hiện. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho sản xuất nông, lâm nghiệp trong những năm qua ở tỉnh Phú Thọ phát triển toàn diện và vững chắc là do các chi, đảng bộ cơ sở đăng ký đưa nhanh giống mới vào sản xuất. Nhiều cấp ủy đảng đã kiên quyết không xét và phân loại những chi, đảng bộ không đăng ký chỉ tiêu này.

Ba là, phải tạo được sự đồng bộ giữa việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh với việc xây dựng chính quyền, các đoàn thể nhân dân vững mạnh, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng, quần chúng tham gia xây dựng Đảng ngày càng tích cực hơn.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là bí thư chi, đảng bộ có phẩm chất chính trị và trình độ, năng lực lãnh đạo tốt. Muốn bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, cần phải làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, có lối sống trong sạch, giản dị, gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Mặt khác, cần phải làm tốt công tác quản lý và phân công đảng viên,

gắn trách nhiệm của đảng viên với việc thực hiện các chỉ tiêu đăng ký xây dựng chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh làm cơ sở để xem xét, phân loại đảng viên hàng năm.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra định kỳ của các cấp ủy đối với việc thực hiện các nội dung đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh của các tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy cấp trên kiểm tra cấp dưới, cấp ủy tự kiểm tra. Đây là biện pháp tốt để có hướng chỉ đạo, uốn nắn kịp thời việc thực hiện các mục tiêu đăng ký của các chi, đảng bộ.

Sáu là, tổ chức tốt công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, làm tốt việc biểu dương thi đua khen thưởng các tổ chức đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh để động viên, cổ vũ, khích lệ phong trào.

Để thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ 2000 - 2005, Tỉnh ủy Phú Thọ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, coi đây là khâu đột phá để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, trước hết tập trung vào một số nhiệm vụ và giải pháp sau :

1. Các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở cần tiếp tục quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đến từng chi bộ, đảng viên và các đoàn thể quần chúng ; thực hiện đầy đủ 5 tiêu chuẩn về tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh làm căn cứ xây dựng các mục tiêu phấn đấu cụ thể, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chi, đảng bộ. Cần chọn các khâu

trọng yếu để tập trung chỉ đạo, tạo bước đột phá cho sự phát triển toàn diện của đơn vị.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII với những nội dung :

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đảng viên và trong nhân dân, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đấu tranh chống âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch.

- Hệ thống tổ chức và cán bộ làm công tác tư tưởng cần tiếp tục được củng cố, duy trì, hoạt động có nền nếp, thực hiện tốt phương châm hướng về cơ sở ; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền ở cơ sở, coi trọng cả giáo dục chính trị tư tưởng với giáo dục truyền thống, giáo dục chính sách, pháp luật nhằm tạo sự nhất quán cả về nhận thức và hành động trong Đảng và nhân dân.

- Trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII), các cấp ủy đảng cần chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn bộ máy gọn nhẹ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ với nội dung thiết thực, cụ thể ; lãnh đạo có hiệu quả việc củng cố xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vững mạnh, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp ủy và bí thư chi, đảng bộ ; có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ này với các hình thức như : bồi dưỡng tại các trung tâm chính trị

huyện, tỉnh ; tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, thi bí thư chi bộ giỏi v.v...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên cả về phẩm chất, năng lực công tác và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên, chú trọng phát triển đảng từ thanh niên, phụ nữ, giáo viên, công nhân, người thuộc các dân tộc thiểu số và tôn giáo, phấn đấu hằng năm kết nạp được từ 2 500 đến 2 600 đảng viên mới.

- Làm tốt công tác quản lý đảng viên về tư tưởng, chính trị, đạo đức, phẩm chất, lối sống. Đảm bảo 100% đảng viên được phân công nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm túc Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, các quy định về đảng viên làm kinh tế tư nhân, đảng viên đi ra nước ngoài, đảng viên là người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo...

3. Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy về việc đăng ký, kiểm tra, công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Coi việc đăng ký, phấn đấu đạt danh hiệu tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chi bộ, đảng bộ. Các ban xây dựng Đảng phải giúp cấp ủy thường xuyên kiểm tra định kỳ để phát hiện, uốn nắn, chỉ đạo kịp thời những mặt được, chưa được trong quá trình thực hiện mục tiêu đăng ký của các chi, đảng bộ.

4. Làm tốt hơn nữa công tác sơ kết, tổng kết, biểu dương, thi đua, khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên có thành tích xuất sắc trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh gắn với phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội do Đại hội Đảng các cấp đề ra. □

QUẢNG NINH

xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở

Lời BBT : Nhân dịp năm mới 2002, phóng viên Tạp chí Cộng sản đã có cuộc phỏng vấn Đồng chí Hà Văn Hiến, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn.

Hỏi : Thưa Đồng chí Bí thư ! Xin Đồng chí cho biết một vài nét khái quát về bức tranh kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh trong mấy năm vừa qua.

Trả lời : Là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, trong những năm đổi mới, cùng với sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong giai đoạn 1996 - 2000 đạt 9,6%/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, từng bước khai thác tiềm năng và phát huy lợi thế của tỉnh. Tỷ trọng công nghiệp là 47,5% ; dịch vụ : 43,1% ; nông nghiệp : 9,4% ; tổng sản phẩm (GDP) trên địa bàn, hệ thống cơ sở hạ tầng được tăng cường đáng kể. Mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 2 vạn lao động. Số hộ nghèo từ 20% (năm 1996) giảm xuống còn 10,08% (năm 2000). Tình hình chính trị, xã hội ổn định ; quốc phòng an ninh được giữ vững ; công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và hệ thống chính trị cơ sở được đẩy mạnh ; dân chủ ở cơ sở được mở rộng. Trong năm 2001, trước

những khó khăn của tình hình kinh tế khu vực và thế giới, kinh tế Quảng Ninh vẫn tiếp tục phát triển, nhiều chỉ tiêu quan trọng vượt kế hoạch, tốc độ tăng GDP đạt 12% ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 18% ; nông - lâm - ngư nghiệp tăng 7% (riêng nông nghiệp tăng 5,5%) ; xuất khẩu tăng 22,1% ; thu ngân sách tăng 18%. Những thành tựu trên đây sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Quảng Ninh phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

Hỏi : Đồng chí đánh giá như thế nào về sự đóng góp của hệ thống chính trị ở cơ sở vào những thành tựu trên ?

Trả lời: Hệ thống chính trị ở cơ sở có vị trí hết sức quan trọng, là nơi tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Những năm qua, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở của tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều hoạt động tích cực theo chức năng nhiệm vụ, kịp thời động viên các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống cách mạng, vượt qua khó khăn, thử thách, đoàn kết, sáng tạo

thực hiện công cuộc đổi mới và đã đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Các tổ chức cơ sở đảng, nhìn chung đã thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị ; đã định hướng hoạt động cho các cơ quan chính quyền, các tổ chức quần chúng. Bằng công tác cán bộ, công tác kiểm tra và bằng sự gương mẫu của đảng viên hoạt động trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội, vai trò tiên phong gương mẫu của chi, đảng bộ cơ sở và đội ngũ đảng viên được phát huy. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được cụ thể hóa một bước và có nhiều tiến bộ. Bộ máy chính quyền cơ sở đã từng bước phát huy hiệu quả quản lý, điều hành theo pháp luật, giữ vững bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đã năng động trong việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương ; chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống và làm nghĩa vụ với Nhà nước. Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu có kết quả, tạo thêm niềm tin của nhân dân vào chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở đã thể hiện được vai trò là cầu nối giữa Đảng với dân. Các tổ chức này đã phát huy được vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, tập hợp, vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị ; giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ; từng bước đấu tranh có hiệu

quả chống tệ quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực ở cơ sở.

Tuy nhiên, qua mấy năm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các tổ chức trong hệ thống chính trị bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm. Vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, nhất là trong việc tổ chức học tập, tuyên truyền phổ biến chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa kịp thời, chưa sâu sắc. Việc xây dựng nghị quyết và chương trình hành động ở nhiều nơi, nhiều lúc chưa cụ thể, chưa sát hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở. Việc tổ chức thực hiện kém hiệu quả, thậm chí có nơi nói chưa đi đôi với làm, thiếu kiểm tra, đôn đốc, tổng kết, rút kinh nghiệm. Việc thực hiện quy chế, chế độ sinh hoạt, thông tin báo cáo chưa kịp thời, chưa thành nề nếp. Có một số tổ chức đảng còn mất đoàn kết, thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tổ chức của Đảng, một số đảng viên vi phạm phải thi hành kỷ luật. Hoạt động của bộ máy chính quyền ở một số nơi còn kém hiệu lực, hiệu quả còn thấp. Ở một số cơ sở, cán bộ còn thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng quản lý, thiếu dân chủ và xa rời dân, chưa biết phát động và khơi dậy sức mạnh của nhân dân. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn chậm đổi mới, có nơi hoạt động yếu, nội dung và phương thức chưa sát hợp điều kiện cụ thể, nhiều hoạt động còn chồng chéo, mang tính hình thức, hành chính. Ở nhiều nơi, tỷ lệ đoàn viên, hội viên chưa cao. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thật chặt chẽ và chưa thường xuyên ...

Hỏi : *Thưa Đồng chí ! Vậy thì Tỉnh ủy Quảng Ninh đã định hướng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở như thế nào trong thời gian tới ?*

Trả lời : Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tập trung chỉ đạo việc củng cố, xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị ở cơ sở. Cụ thể như sau :

- *Đối với cơ sở xã, phường, thị trấn :* Hệ thống chính trị tập trung lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các bậc lão thành, người cao tuổi, người hưu trí, khơi dậy nội lực to lớn trong nhân dân, các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị trên địa bàn. Tạo môi trường thuận lợi cho nhân dân và các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong nội bộ nhân dân, xây dựng "xã, phường, thị trấn tiên tiến".

- *Đối với các doanh nghiệp :* Hệ thống chính trị tập trung lãnh đạo và vận động người lao động thực hiện tốt các chính sách và cơ chế quản lý mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, bảo đảm việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân lao động ; phấn đấu xây dựng doanh nghiệp đạt danh hiệu "doanh nghiệp giỏi". Coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới. Thực hiện quyền làm chủ của người lao động, tham gia tích cực giải quyết các vấn đề xã hội trên địa bàn.

- *Đối với các cơ quan :* Nhiệm vụ của hệ thống chính trị là lãnh đạo cán bộ, công

chức nêu cao vai trò trách nhiệm trước nhân dân, chủ động trong công tác, thực hiện cải cách hành chính và cải tiến lề lối làm việc, sâu sát cơ sở, tổng kết thực tiễn, đề xuất các chương trình sát, đúng, mang lại hiệu quả cao hơn. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, có kiến thức, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phấn đấu xây dựng đơn vị đạt danh hiệu "cơ quan giỏi".

- *Đối với tổ chức cơ sở đảng :* Tổ chức đảng phát huy vai trò là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở phải đáp ứng giải quyết trực tiếp những vấn đề thiết thực, bức xúc ở địa phương, cơ sở ; phổ biến kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến đảng viên và nhân dân.

Các chi, đảng bộ cơ sở phải xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc; phân công cụ thể nhiệm vụ cho đảng viên. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) (khoá VIII) và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt cấp ủy và chi bộ. Trong sinh hoạt đảng, đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành thường xuyên việc tự phê bình và phê bình, phát huy trí tuệ của tập thể, nêu cao trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác quản lý đảng viên, mọi đảng viên nhất thiết phải tham gia sinh hoạt các đoàn thể quần chúng, gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; làm tốt công tác dân vận.

- *Đối với chính quyền cơ sở :* Tiếp tục củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở theo hướng phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân trong việc ra nghị quyết và kiểm tra, giám sát cơ quan hành chính ở cơ sở. Thực hiện đúng đắn

chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân theo luật định. Làm rõ những nội dung phân cấp cho cơ sở, phân định rạch ròi chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính quyền cơ sở để vừa nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý vừa thực hiện tốt cải cách hành chính. Các cấp chính quyền ở cơ sở phải đổi mới lề lối, phương thức làm việc, tăng cường kiểm tra, sâu sát cơ sở, lắng nghe ý kiến của nhân dân để giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại tố cáo của dân ngay từ cấp cơ sở. Chống mọi biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng, mất dân chủ. Coi trọng hơn nữa vai trò thôn, bản, khu phố, khu dân cư và tổ dân cư. Xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước, các nội dung về quy chế dân chủ ở cơ sở.

- *Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở*: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phải sát dân hơn, xác định nhiệm vụ và cách hoạt động phù hợp với từng loại hình cơ sở, khắc phục tình trạng hình thức, hành chính trong việc tổ chức, vận động quần chúng để làm tốt hơn việc đoàn kết, tập hợp, động viên nhân dân tích cực làm chủ trong việc tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tăng cường chức năng giám sát và xây dựng cơ quan nhà nước, giám sát đại biểu dân cử cũng như cán bộ, công chức. Làm tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp cho đoàn viên, hội viên. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở phải chủ động phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức để nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết của Đảng.

Hỏi : *Xin Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cho biết đâu là "khâu đột phá" trên lĩnh vực công tác quan trọng này ?*

Trả lời : Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã và đang triển khai **Nghị quyết về củng cố, xây**

dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Trong thời gian tới, *tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở ; coi trọng công tác cán bộ ; bố trí các đồng chí có đạo đức, năng lực, uy tín vào các vị trí chủ chốt, nhất là chức danh đứng đầu các tổ chức ở cơ sở. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở về lý luận chính trị, quản lý nhà nước về chuyên môn nghiệp vụ, và công tác vận động quần chúng..., nhất là cán bộ cơ sở ở vùng sâu, vùng xa ; phấn đấu đạt tiêu chuẩn như Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) quy định. Đối với vấn đề quy hoạch cán bộ, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh sẽ chú trọng tuyển chọn để đào tạo từ nguồn tại chỗ, bồi dưỡng những cán bộ đã được đào tạo cơ bản, những công nhân đã trưởng thành qua thực tiễn công tác, các đối tượng là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Về đánh giá, bố trí, luân chuyển và đề bạt cán bộ thực hiện theo các quy định hiện hành, đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc ; thực hiện *tăng cường cán bộ cho cơ sở, trước hết là xã khó khăn ; bổ sung chính sách đối với cán bộ cơ sở.**

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt quy chế hoạt động của từng tổ chức ; xác định rõ lề lối làm việc và mối quan hệ giữa tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, có sự phân công cụ thể, rõ ràng dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Coi trọng việc củng cố, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội ở các thôn, bản, khu phố, khu dân cư, các phân xưởng, công trường ... ; phấn đấu không còn cơ sở trắng về tổ chức chính trị - xã hội; hướng dẫn phát triển các hình thức tổ chức khác của quần chúng như các hội nghề nghiệp, các tổ chức tự quản v.v..

Xin cảm ơn Đồng chí ! □

ĐỒNG THÁP SAU MÙA LŨ

TRƯƠNG GIANG LONG

Nỗi đau còn đọng lại.

Chúng tôi về lại Đồng Tháp sau mùa lũ lịch sử thứ hai liên tiếp năm 2001. Theo đánh giá của các nhà khí tượng thủy văn, lũ năm 2001 thuộc dạng lũ đặc biệt, lũ hai đỉnh nên mức nước dâng nhanh và rất cao, rút chậm và lưu giữ trong một thời gian dài. Ở một số điểm cực bộ nội đồng, có nơi mực nước cao hơn đỉnh lũ năm 2000. Di chứng của cả hai mùa lũ đang để lại cho Đồng Tháp những hậu quả nặng nề. Hầu hết cơ sở hạ tầng và các tuyến đường giao thông nơi vùng lũ đi qua đều bị tàn phá. Huyện Hồng Ngự đầu nguồn vùng lũ có 75/85 km đường giao thông nông thôn bị ngập sâu. Ba trục đường chính và những cây cầu nối các cụm dân cư với huyện đều bị sạt lở và hư hỏng nghiêm trọng. Toàn bộ hệ thống kênh tạo nguồn, kênh nội đồng, hệ thống tưới tiêu, cống, trạm bơm, đê bao bảo vệ lúa và 60% số nhà dân, trạm y tế, trường học, 97 ha ao đầm nuôi cá bị ngập sâu trong nước ; trong đó, số nhà bị chìm ngập hoàn toàn lên đến 3 719 hộ. (1)

Huyện Lấp Vò, nơi cuối nguồn con lũ, thiệt hại tuy có ít hơn năm 2000 ; nhưng ước tính toàn huyện cũng lên đến 58 tỉ đồng. Cơ sở hạ tầng, cầu, đường, trường học, trạm y tế, hệ thống đê bao ngăn lũ dọc sông Tiền, sông Hậu thiệt hại đã là hơn 30 tỉ đồng. 5 051 căn nhà dân chìm sâu trong nước, 1 750 ha vườn cây đang mùa trĩu quả bị thiệt hại nặng, 800 ha vườn cây hoàn toàn mất trắng. (2)

Tính chung toàn tỉnh Đồng Tháp, theo số liệu thống kê đến hết ngày 22-12-2001, tổng thiệt hại ước tính lên đến 384,292 tỉ đồng. Trong đó thiệt hại về nhà ở của dân là 13,658 tỉ đồng, nông nghiệp 84,216 tỉ đồng, sạt lở đê bao sông Tiền, sông Hậu 66,684 tỉ đồng, giao thông 50,101 tỉ đồng, giáo dục 12,210 tỉ đồng, y tế 6,971 tỉ đồng... (3)

Những con số trên đây chưa thể nói hết nỗi đau của người dân vùng lũ. Nhìn vào mắt của mỗi người dân ngồi lặng trông lũ rút, chúng tôi cảm nhận nỗi đau của họ ở một khía cạnh khác. Bao nhiêu mồ hôi công sức đổ xuống, để rồi mỗi mùa lũ, họ lại hồi hộp âu lo. Cứ vài ba năm chắt chiu dành dụm, gom góp tạo dựng cơ đồ, lũ về lại như hoàn toàn tay trắng. Đời con nối nghiệp đời cha, thế hệ sau nối nghiệp thế hệ trước, lao động cần cù, chịu thương chịu khó, một nắng hai sương trên vùng đất giàu có và hào phóng, nhưng nghiệp đói nghèo vẫn không qua khỏi bởi lũ. Mặc dù vậy, nỗi đau lớn hơn mọi nỗi đau vẫn là nỗi đau mất mát con người. Chưa hết mùa lũ mà toàn tỉnh đã có 104 người chết, trong đó thương tâm hơn cả là 73 trẻ em. Trông thấy các cháu, những đứa trẻ riu rít tới trường trên chiếc xuồng con bé nhỏ chòng chênh vượt lũ, lòng chúng tôi se lại. Trong vô vàn con sóng mênh mông giữa đồng ngập nước ấy, con sóng nào, dòng xoáy nào cướp đi tuổi thơ trong trắng của các em ! Nếu ai đã đi qua

(1), (2), (3). Những số liệu của Huyện ủy Lấp Vò, Hồng Ngự, Tỉnh ủy Đồng Tháp

các cuộc chiến tranh, lòng chúng ta đau thắt và ngậm ngùi trước cảnh những người vợ trẻ ngồi khóc chồng ; thì nay, nỗi đau ấy sẽ còn lớn hơn gấp nhiều lần khi chúng ta tận mắt nhìn thấy những người mẹ trẻ ngồi ôm xác con vào lòng trong nước mắt nghẹn ngào.

Tấm lòng của cả nước với vùng lũ.

Dân tộc chúng ta có một triết lý sống thâm đậm tính nhân văn cao cả “máu chảy ruột mềm”, “một miếng khi đói bằng cả gói khi no”... Tinh thần ấy, những ngày qua đã được thể hiện trong cả vùng lũ đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Đồng Tháp nói riêng. Đồng chí Lê Hoàng Tam, Bí thư Huyện ủy Lấp Vò cho chúng tôi biết “*Nhờ sự chi viện có hiệu quả của trung ương, của tỉnh và đồng bào cả nước, mấy năm gần đây cơ sở hạ tầng của huyện đã có những bước phát triển khá tốt. Lũ năm 2000 thiệt hại về người của toàn huyện là 14. Năm nay có nguồn kinh phí trợ giúp, chúng tôi đã chủ động xây dựng 3 cụm dân cư, tạm đủ chỗ di dời khẩn cấp cho 600 hộ, do đó đã giảm số người thiệt mạng xuống còn 5 người. Sắp tới trung ương và tỉnh sẽ chi viện 10 tỉ đồng, chúng tôi đang có kế hoạch xây dựng các cụm dân cư dọc tuyến đê phòng lũ ven sông Tiền, sông Hậu, hy vọng có các tuyến đê bao và các cụm dân cư dọc đê này, công tác phòng lũ sẽ tốt hơn, tính mạng của nhân dân sẽ an toàn hơn...*”. Huyện đã có 6 482 lượt hộ dân được nhận quà cứu trợ của cả nước với tổng trị giá là 668 triệu đồng.

Ở huyện Hồng Ngự, số hộ dân phải cứu đói, cứu trợ lên đến 17 386 hộ. Huyện đã vận động nhân dân trong huyện hỗ trợ tại chỗ được 2 105 hộ với hơn 54 triệu đồng. Tỉnh chi viện 200 chiếc xuồng, 255 tấn gạo. Huyện tiếp nhận 57 đoàn từ các địa phương với 12 302 phần quà (gạo, mỳ, thuốc chữa

bệnh, quần áo...) và hơn 1,7 tỉ đồng. Toàn huyện đã có 10 642 hộ/17 386 hộ được cứu trợ kịp thời, số còn lại vẫn đang được tiếp tục cứu trợ.

Tính chung toàn tỉnh Đồng Tháp, ngoài 1 000 tấn gạo và 7 tỉ đồng do trung ương chi viện, từ ngày 5 đến 19-11-2001, Đồng Tháp đã tiếp nhận 150 đoàn trong và ngoài tỉnh đến cứu trợ trực tiếp cho 47 424 lượt hộ, tổng trị giá hơn 6,3 tỉ đồng. Nếu tính cả hàng quy ra tiền, đến ngày 19-11-2001, các địa phương đã hỗ trợ Đồng Tháp là hơn 8,2 tỉ đồng.

Bằng sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao cả trước dân, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã vận động nhường cơm sẻ áo, tiếp nhận kịp thời và cứu trợ, cứu đói khẩn cấp cho 86 727 lượt hộ trên tổng số 87 261 hộ của toàn tỉnh cần phải được trợ giúp với tổng giá trị 10,177 tỉ đồng. Hỗ trợ mỗi hộ dân di dời nhà ở 800 nghìn đồng ; 1 triệu đồng cho mỗi gia đình có thân nhân chết do lũ. Chi mua 1 000 chiếc xuồng cứu trợ, 2 tỉ đồng nuôi giữ trẻ, hàng tỉ đồng trợ cấp y tế cho các xã, ấp... Đồng bào cả nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh đã trực tiếp đến tận các địa phương cứu trợ, cứu đói cho 39 303 lượt hộ, trị giá 3,863 tỉ đồng...

Chắc còn phải một thời gian nữa Đồng Tháp mới có thể vượt qua được những tổn thất sau hai mùa lũ. Các đoàn cứu trợ lũ lụt không chỉ mang tiền, hàng mà còn mang theo cả tình dân tộc, nghĩa đồng bào về với Đồng Tháp. Những ngày qua, những gì cả nước làm cho Đồng Tháp chưa nhiều, nhưng tràn đầy tình nghĩa. Trong chiến tranh, Đồng Tháp đã cùng cả nước và cưu mang con em cả nước đánh giặc. Trong công cuộc xây dựng hòa bình, hạt gạo của người dân Đồng Tháp có ở khắp mọi vùng quê. Cả nước ở bên Đồng Tháp, hồi hộp âu lo và

dõi theo từng con nước lên xuống mỗi ngày, gom góp từng viên thuốc, lon gạo chi viện cho Đồng Tháp. Đồng chí Thái Công Ôn, Bí thư Đảng ủy xã Tân Hội, huyện Hồng Ngự cho biết : *Xã đã tiếp 15 đoàn đến tận nơi cứu trợ trực tiếp cho 970 hộ, thông qua ban vận động cứu trợ huyện, cả nước đã cứu trợ cho xã tới 1 436 hộ nữa. Thật không thể nói hết được sự xúc động của người dân quê tôi trước tình tương thân, tương ái và nghĩa cử cao đẹp của đồng bào cả nước. Đúng là trong hoạn nạn, tình đồng chí, nghĩa đồng bào càng thêm sâu nặng. Cả nước vì Đồng Tháp - Đồng Tháp cũng mãi mãi vì cả nước...*

Ý chí của người dân vùng lũ.

Có thể nói không ở đâu thích nghi với lũ nhanh như người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có Đồng Tháp. Hình như mất mát và đau thương đã rèn cho người dân nơi đây bản lĩnh và nghị lực chịu đựng phi thường. Ngay trong lũ, đảng bộ, chính quyền và người dân vùng lũ đã có trước những bước đi rất sáng tạo và cả những kế hoạch cụ thể cho sau lũ. Nhờ biết chủ động từ những ngày đầu, chính quyền các cấp đã kịp thời tổ chức di dời được 12 980 /13 944 hộ ở vùng ngập sâu và 627/1 638 hộ ở vùng sạt lở đến nơi an toàn ; tổ chức được 548 điểm nuôi giữ trẻ em với 13 451 cháu ; cứu trợ khẩn cấp 50 674 lượt hộ gia đình khó khăn với tổng số tiền và hàng khoảng 5,5 tỉ đồng (4). Không ỷ lại, trông chờ ; người dân đã biết đoàn kết gắn bó, giúp nhau vượt qua số phận. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền, các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội Nông dân tập thể,... đã chủ động tổ chức nhiều hoạt động phát huy nội lực, khơi dậy tinh thần “tương thân, tương ái”, “lá lành, đùm lá rách”, cùng nhau vượt qua hoạn nạn. Trong

gian khó, tấm gương về lòng tận tụy với nhân dân như những cán bộ, đảng viên các xã Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B, Tân Hội, huyện Hồng Ngự là rất đáng biểu dương và trân trọng. Ngay những ngày đầu lũ dâng, đảng bộ xã Thường Thới Hậu A đã chỉ đạo các cấp di rời và kê kích cho 808 hộ bị ngập lụt trên tổng số 1 200 hộ dân toàn xã. Mặc dù là tâm điểm vùng lũ của huyện Hồng Ngự, nhưng xã không có người dân nào bị chết do lũ.

Bắt tay ngay vào khắc phục hậu quả và phát triển sản xuất sau lũ là biểu hiện của nét đẹp tự lực, tự cường ở người dân vùng Tháp Mười. Ở huyện Lấp Vò, ngay trong những ngày đầu khi lũ rút, Huyện ủy đã chỉ đạo tập trung huy động lao động công ích, sức đóng góp của dân, ngân sách hỗ trợ của tỉnh, khôi phục lại hệ thống giao thông, sửa chữa lại trường lớp, chủ động đưa các cháu tới trường. Thông qua các đoàn thể quần chúng, huyện chỉ đạo tổ chức xác định mức độ thiệt hại cho từng hộ gia đình, khoanh nợ, giãn nợ và có chính sách hỗ trợ hợp lý cho từng loại đối tượng. Huyện vận động các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng đứng ra tín chấp để vay vốn cho các hộ có nhu cầu về vốn nhưng chưa đủ thủ tục, để kịp có tiền khôi phục sản xuất. Huyện Hồng Ngự dành 2,900 tỉ đồng sửa chữa lại hệ thống giao thông. Vận động nhân dân tương trợ lẫn nhau về vật tư như tre, lá, gỗ, công lao động..., giúp các hộ khó khăn gia cố, sửa chữa, dựng lại nhà. Huyện chủ động lo hỗ trợ giống, vốn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân phân dáu triển khai xuống giống đủ 18 500 ha lúa đông xuân, 2 000 ha bắp, 4 500 ha diện tích lúa chất lượng cao. Khẩn trương phòng chống dịch bệnh sau lũ,

(4) Những số liệu của Huyện ủy Lấp Vò, Hồng Ngự, Tỉnh ủy Đồng Tháp

sửa chữa dọn dẹp trường lớp, chăm lo học hành cho các cháu. Tỉnh chủ động và lấy phát huy nội lực là chính, triển khai kịp thời và đồng bộ nhiều giải pháp khắc phục hậu quả lũ lụt gắn với thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội quý IV năm 2001, kế hoạch năm 2002 và từ năm 2002 đến năm 2005.

Về Đồng Tháp những ngày sau lũ, chúng tôi nhận thấy, một bầu không khí rất sôi động, từ Tỉnh ủy đến các huyện và đảng bộ, chi bộ xã, ấp. Đồng chí Huỳnh Minh Đoàn, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp cho biết *“Chúng tôi đang chỉ đạo khắc phục nhanh hậu quả của thiên tai. Bảo đảm lũ rút đến đâu, đưa hoạt động sản xuất, đời sống và sinh hoạt của nhân dân trở lại bình thường đến đó”*.

Với phương châm quy hoạch và sớm ổn định các cụm dân cư để về lâu dài đủ sức vượt lũ ; phát triển kinh tế - xã hội nhanh, ổn định và bền vững. Đồng Tháp đang chú trọng đầu tư chiều sâu cho cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, vệ sinh môi trường ; sớm có chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm dân cư, tuyến dân cư tập trung ; phát triển một số ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chế biến ; xây dựng khu công nghiệp tập trung ở Sa Đéc và các cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy hoạch tổng thể, tạo thế phát triển cho từng vùng, cho sự liên kết của tỉnh với khu vực và cả nước.

Chúng tôi rất tâm đắc với ý kiến của đồng chí Nguyễn Hải Quân, Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự : Để chủ động vượt lũ, cái chính yếu là biết đầu tư có trọng điểm, đầu tư cuốn chiếu, không nên dàn đều, gắn với tổ chức sắp xếp lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, gắn thế mạnh của địa phương với thị trường trong nước và ngoài nước ; Hướng dẫn cho người dân biết

cách làm ăn, biết ứng dụng khoa học - kỹ thuật và sử dụng hợp lý đồng vốn, biết cách nắm bắt thông tin, sản xuất ra những gì thị trường cần chứ không phải làm ra những gì mình có. Anh kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về một bác nông dân, nét mặt anh đượm buồn và giọng anh chùng hẫng lại. Anh bảo, cụ trách khéo chính quyền : *“Mỗi mùa lũ về, cả nước lo cho dân Đồng Tháp Mười. Tấm lòng của đồng bào, của bạn bè thiết không ơn nào trả nổi. Nhận tiền, hàng cứu trợ của đồng bào, lòng “qua” vui buồn lẫn lộn. Đêm nằm tĩnh tâm nghĩ lại, thấy buồn nhiều hơn vui. Giá như dùng cho mỗi nhà một triệu mà cho mỗi nhà một cây tre, chỉ cho họ biết cách chẻ tre để làm cần câu. Mùa lũ họ biết đi cắm cần câu cá. Con cá bự dành bán đong gạo, con cá nhỏ nấu cho vợ con ăn, tiền bán cá dư ra thì tiết kiệm làm của để dành. Phải biết tự làm nuôi lấy mình mới quý, cô bác giúp lúc khó, ai giúp mãi cái nghèo, tụi bay phải dạy cho dân biết cách mà mần ăn, biết cách mà vượt lũ...”* Nghe xong câu chuyện, chúng tôi thấy lòng mình cũng nghèn nghẹn. Quả là cô bác ở đây còn thiếu thốn rất nhiều. Thiếu từ chuyện ăn, ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh... đến vốn liếng, nhưng họ lại rất giàu nhân nghĩa, giàu lòng tự trọng, giàu ý chí và nghị lực. Chia tay Đồng Tháp, chúng tôi mang mãi trong lòng hình ảnh của người nông dân vùng lũ. Trong vô vàn khó khăn, họ vẫn sống kiên định, biết mình, biết người, hào hiệp và chân thành, dung dị mà sâu lắng. Họ đang vượt lũ bằng ý chí và lòng quả cảm, bằng sức sáng tạo và nguồn nội lực tự thân. Chúng tôi tin với tinh thần ấy và bằng sự giúp đỡ của cả nước, Đồng Tháp sẽ vượt qua lũ, sẽ chiến thắng lạc hậu và đói nghèo, mãi mãi xứng danh với vùng đất “thành đồng Tổ quốc”.□

Đơn vị đi tiên phong trong đội hình lắp máy Việt Nam

TRẦN QUANG HẢI

BẮT đầu gần như từ tay trắng, bằng sự phấn đấu bền bỉ và quyết tâm vượt khó, Công ty Lắp máy và Xây dựng 45 - 1 (Tổng công ty Lắp máy Việt Nam) đã ghi dấu ấn đáng tự hào : được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Đơn vị anh hùng” trong thời kỳ đổi mới và đang góp phần quan trọng vào sự hình thành một Tập đoàn Lắp máy công nghiệp đầu tiên ở Việt Nam, vào những năm đầu của thế kỷ XXI.

ĐI LÊN TRONG KHÓ KHĂN

Công ty Lắp máy và Xây dựng 45 - 1 (sau đây gọi tắt là 45 - 1), tiền thân là Xí nghiệp Lắp máy 45 - 1 thuộc Liên hợp Lắp máy 45 được thành lập vào tháng 8-1980 để lắp đặt hai công trình trọng điểm của Nhà nước : nhà máy xi măng Bỉm Sơn (Thanh Hóa) và thủy điện Trị An (Đồng Nai). Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Xí nghiệp Lắp máy thuộc Liên hợp Lắp máy 45 được Nhà nước phong tặng danh hiệu tập thể Anh hùng Lao động. Nhưng không bao lâu sau khi có được niềm tự hào lớn lao ấy, hàng trăm cán bộ, công nhân viên (CBCNV) của Liên hợp phải đứng trước một sự thật đầy nghịch lý : phần lớn CBCNV từ thất nghiệp do Liên hợp không bảo đảm đủ việc làm. Trong những năm 1990 - 1992, đây đó trên mọi miền đất nước, người ta dễ dàng bắt gặp những cán bộ, công nhân của

Liên hợp 45 từng có đôi “bàn tay vàng” làm phụ hồ, chạy xe ôm, đào vàng... Tóm lại là phải xoay đủ nghề để kiếm sống.

Tuy nhiên, trước yêu cầu xây dựng và phát triển, ngành công nghiệp Lắp máy Việt Nam - một lực lượng quan trọng trong đội hình thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước - vẫn còn non yếu về nhiều mặt thì vẫn phải tồn tại và phát triển. Trước thử thách cam go này, phương án khả dĩ mà Liên hợp Lắp máy 45 quyết định chọn lựa là “chia nhỏ” liên hợp bằng việc thành lập các xí nghiệp độc lập có quy mô phù hợp với cơ chế thị trường lúc bấy giờ. Tháng 6-1992, ba xí nghiệp lắp máy, trong đó có xí nghiệp Lắp máy 45 - 1 hình thành. Chấp nhận “ra riêng” với cái tiếng “chị đầu anh cả”, 45 - 1 phải “gồng gánh” hàng trăm lao động thất nghiệp và khẩu ăn theo, một đồng thiết bị, xe máy phần lớn không còn sử dụng được và số nợ nần “được” chia tới 800 triệu đồng. Không còn con đường nào khác, hai việc lớn mà 45 - 1 xác định phải làm ngay là khẩn trương xây dựng một cơ cấu tổ chức phù hợp, đi đôi với bươn chải tìm kiếm việc làm. Bước sang cơ chế mới, không còn công trình do nhà nước phân giao nữa, phải tự tìm lấy việc mà làm ; trong khi các công trình kiếm được nhỏ lẻ và nằm rải rác, thiết bị phương tiện thiếu thốn, đời sống người lao động chưa ổn định. Khó khăn chồng chất khó khăn. Nhưng bù lại, với niềm lạc quan và ý chí tiến thủ của một đơn vị trong tập thể anh hùng, 45 - 1 nhận ra những thuận lợi khách quan khi đất nước chuyển sang cơ chế mới. Đó là đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, trong đó chủ trương phát triển một nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giao quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho đơn vị kinh tế cơ sở, Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành v.v... thu hút ngày càng nhiều các dự án đầu tư. “Ai chịu khó tìm kiếm, tranh thủ được thời cơ thuận lợi, hòa nhập để tự học, tự rèn mới có cơ

tồn tại, phát triển". Với tư duy đầy thực tế đó, 45 - 1 sớm mạnh dạn đặt những bước chân đầu tiên lên "thềm" cơ chế mới. Buổi đầu, 45 - 1 tự xác định làm một người thầu phụ về lắp máy, nói trắng ra là đi "làm thuê" cho các nhà thầu đã có danh tiếng. Công việc chỉ dừng lại ở chế tạo những khung nhà kết cấu thép, gia cố các bồn bể có áp lực thấp và phải có sự giám sát, hướng dẫn của các chuyên gia. Đến những năm 1994 - 1996, 45 - 1 bắt đầu "mon men" vào một số gói thầu có giá trị xây lắp cao. Đầu tiên, 45 - 1 ký trực tiếp với chủ đầu tư và chế tạo thành công trên 10 ngàn tấn kết cấu thép bồn bể và thiết bị của nhà máy bột ngọt Vedan ở Đồng Nai có tổng đầu tư 400 triệu USD. Tiếp đó, 45 - 1 chế tạo 7 000 tấn thiết bị nhà máy xi măng Chin-phon (Hải Phòng) cho hãng UBE của Nhật trị giá gần 7 triệu USD. Toàn bộ sản phẩm được đánh giá đạt tiêu chuẩn quốc tế. 45 - 1 sau đó lại thắng thầu chế tạo 8 000 tấn thiết bị cho nhà máy xi măng liên doanh Sao Mai ở Kiên Giang trị giá 5,8 triệu USD (do tập đoàn Holderbank của Thụy Sĩ làm chủ đầu tư) được đánh giá đạt tiêu chuẩn châu Âu. Từ đây, vị trí thầu phụ của 45 - 1 dần mờ nhạt, thay vào đó là hình ảnh một nhà thầu chính và cũng là nhà cơ khí chế tạo thực thụ đủ sức đảm đương các công đoạn của một quy trình sản xuất : từ thiết kế chi tiết, cung cấp, mua sắm vật tư đến xây lắp, chạy thử.

Nếu những năm 92 - 95 : giá trị sản lượng của 45 - 1 đạt bình quân 120 tỉ đồng/năm, thì từ 1996 đến nay đạt bình quân 400 tỉ/năm. Con số này thật ý nghĩa, bởi 45 - 1 không phải là một nhà sản xuất hay kinh doanh sản phẩm mà vai trò chính là nhà thầu lắp máy và xây dựng với tuổi đời còn non trẻ. Trong 5 năm gần đây (1996 - 2000), 45 - 1 đã duy trì nhịp độ tăng trưởng bình quân từ 25 đến 30%/năm. Trên 2000 CBCNV thường xuyên có việc làm, đời sống càng ngày càng được cải thiện. Tiềm lực và thành quả đó đã giúp 45 - 1 nhận về chứng chỉ ISO - 9002 (11 - 1999) là chứng chỉ đầu tiên ở Việt Nam dành cho lĩnh vực chế

tạo cơ khí. Tháng 5 - 2001, 45 - 1 lại trở thành doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam được cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm ASME (Hiệp hội cơ khí Mỹ - tổ chức ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế, chế tạo, kiểm tra và chạy thử cho tất cả các sản phẩm cơ khí thuộc mọi lĩnh vực, được quốc tế thừa nhận và áp dụng rộng rãi). Với những "bảo đảm bằng vàng" ấy, đầu năm nay, 45 - 1 cùng với Tập đoàn CTCI của Đài Loan với tư cách là tổ hợp nhà thầu chính đã trúng thầu trọn gói nhà máy chế biến xăng của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam có tổng vốn đầu tư 17 triệu USD và được Tổng công ty lắp máy Việt Nam (LiLaMa) giao làm tổng thầu xây lắp trọn gói nhà máy kính nổi Bình Dương (thuộc Tổng công ty thủy tinh và Gốm xây dựng) có tổng vốn đầu tư 30 triệu USD.

Từ xuất phát điểm thấp, Công ty đã đi lên trong khó khăn, tạo lập được một cơ nghiệp vững chãi để chỉ sau 10 năm (1989 - 1998) được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Đơn vị anh hùng" và luôn là lá cờ đầu của ngành Lắp máy Việt Nam. Năm 2001 - năm mở đầu của thế kỷ mới, mục tiêu của 45 - 1 là hoàn thành 3 công trình lớn : nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 và nhà máy thủy điện Hàm Thuận. Ba công trình có tổng khối lượng xây lắp khoảng 50.000 tấn, trị giá 15 triệu USD. Đến hết quý 3 - 2001, 45 - 1 đã thực hiện được 340 tỉ đồng giá trị tổng sản lượng, đạt 80% chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

NHỮNG BÀI HỌC THÀNH CÔNG

Từ những thành tựu đã đạt được của 45 - 1, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây.

Một là, bám sát và vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn của doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 1986, chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng có thể nói đã thực sự thổi vào đời sống đất nước một luồng sinh khí mới. Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng cũng đã

khẳng định : “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ” và “phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo”. Muốn thực hiện vai trò này, các doanh nghiệp nhà nước phải đổi mới thiết bị công nghệ đi đôi với đào tạo nhân lực để nâng cao hàm lượng kinh tế tri thức trong sản xuất kinh doanh. Thấu suốt tinh thần đó, ngay từ những năm đầu, cùng với lựa chọn hướng đi đúng và phù hợp, 45 - 1 đã mạnh dạn sắp xếp lại bộ máy, đầu tư cho thiết bị công nghệ và chú trọng công tác đào tạo. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Công ty căn cứ vào điều kiện thực tiễn của mình để xây dựng nhiệm vụ sát đúng cho từng thời kỳ. Cụ thể, giai đoạn 1996 - 2000 được xác định là “thời kỳ ổn định bộ máy, ổn định đời sống - việc làm và tích lũy về mọi mặt...”. Giai đoạn 2001 - 2005 là “nâng cao năng lực lắp máy, tập trung mọi nguồn lực để trở thành nhà chế tạo cơ khí lớn” và từ 2005 - 2010 sẽ là “huy động mọi tiềm lực sẵn có, kết hợp với ngoại lực để đưa Lắp máy 45 - 1 trở thành đơn vị hàng đầu của tập đoàn công nghiệp Lắp máy Việt Nam có tầm cỡ quốc tế...”.

Hai là, thực hiện chuyển đổi toàn diện theo cơ chế mới bằng phát huy nội lực. Sau 10 năm nhìn lại, công ty đã xây dựng đúng và thực hiện có hiệu quả một loạt các cơ chế, trước hết là *cơ chế tuyển dụng và đào tạo*. 45 - 1 liên tục bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ lao động bằng việc vừa tự đào tạo lại lao động hiện có để đáp ứng các công việc theo tiêu chuẩn quốc tế, vừa tuyển dụng mới CBCNV hội đủ các tiêu chuẩn và yêu cầu cho từng vị trí và công việc cụ thể. Công ty cũng thường xuyên chủ động gửi kỹ sư, công nhân ra nước ngoài làm việc và học tập để tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến của thế giới, “đón đầu” phục vụ những dự án có công nghệ đang và sẽ đầu tư ở Việt Nam. Công ty thuê chuyên gia giỏi của các nước vào Việt Nam mở các lớp đào tạo kỹ sư chuyên ngành hoặc làm giám đốc các dự án lớn. Tại các dự án đó, 45 - 1 bố

trí kỹ sư của mình vào làm việc để học hỏi và tiếp nhận kiến thức tại chỗ. Công ty còn tổ chức hội thảo, giao lưu với các tập đoàn kinh tế có uy tín trên thế giới về các lĩnh vực lắp máy và xây dựng, qua đó cán bộ, kỹ sư tích lũy kinh nghiệm cho mình. Bằng những con đường ấy, đến nay 45 - 1 đã tự đào tạo được một đội ngũ cán bộ - kỹ sư - công nhân hùng hậu. Trong trên 2 000 CBCNV hiện nay, có 200 kỹ sư kỹ thuật có chuyên môn vững vàng, 1 800 công nhân giỏi và thợ lành nghề. Thứ hai là *cơ chế về tiền lương*. Đây được coi là một đòn bẩy quan trọng để khai thác năng lực của từng cá nhân. Người lao động ở 45 - 1 luôn nhận được đồng lương xứng đáng với những gì mà họ đóng góp (thu nhập bình quân hiện nay : 1,8 triệu đồng/người/tháng). Cùng với lương, các chế độ khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi v.v... được chăm lo chu đáo và đảm bảo công bằng. Thứ ba là *cơ chế về đầu tư*. Chế tạo cơ khí là lĩnh vực mà 45 - 1 chọn làm mũi nhọn. Từ năm 1990, công ty đã xây dựng nhà máy cơ khí Long Thành ở Đồng Nai. Đây được coi là sự lựa chọn táo bạo bởi lúc này ngành cơ khí của đất nước đang gặp nhiều khó khăn, nhiều nhà máy cơ khí trong nước đang bị phá sản. Nhà máy này được đầu tư cuốn chiếu với trang thiết bị đồng bộ, hiện đại. Hằng năm, cơ khí Long Thành có thể sản xuất từ 10 đến 15 ngàn tấn sản phẩm khác nhau (bao gồm kết cấu thép, đường ống áp lực, bồn chứa ga hóa lỏng, các dây chuyền công nghệ như xi măng, dầu nhờn, hóa chất...). Đã có hàng chục ngàn tấn thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế được sản xuất tại đây, hoàn toàn thay thế sản phẩm nhập ngoại. Vài năm gần đây, 45 - 1 đã đầu tư hàng loạt thiết bị hiện đại trị giá hàng chục triệu USD (riêng năm 2001 đã và đang đầu tư 30 tỉ đồng để bổ sung các thiết bị chế tạo cơ khí. Chẳng hạn, để thực hiện hợp đồng chế tạo đường ống áp lực của nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, nhà máy đầu tư một máy lốc tôn trị giá 7 tỉ đồng, (hiện duy nhất có ở Việt Nam và

khu vực Đông - Nam Á) có khả năng đúc được loại thép dày tới 100 mm. Thành công riêng trong đầu tư, nhất là việc đầu tư trọng điểm vào cơ khí chế tạo đã giúp 45 - 1 tạo ra sự đột phá và là cơ hội lý tưởng để rèn giũa kỹ sư - công nhân. Đầu tư đúng hướng, nhất là đầu tư tại chỗ (lập các xưởng chế tạo các sản phẩm và thiết bị siêu trọng, siêu trường tại các công trình) - chính là 45 - 1 đã đặt tiền đề cho một phương thức mới cơ khí năng động trong nền kinh tế thị trường. Đến nay, 45 - 1 cũng đã đưa công nghệ thông tin vào tất cả các khâu của quy trình sản xuất và được đánh giá là quản lý thành công bằng hệ thống máy tính. Thứ tư là *cơ chế về tiếp cận thị trường*. Nhận định thị trường phía Nam rộng, đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đây ngày càng lớn, 45 - 1 hết sức coi trọng công tác tiếp cận thị trường. Hiện 45 - 1 đã xây dựng được một đội ngũ tiếp thị có chuyên môn và ngoại ngữ vững vàng, sẵn sàng tiếp xúc, làm việc có hiệu quả với các đối tác, các dự án có tầm cỡ quốc tế. Bên cạnh đó, các hình thức quảng cáo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tự giới thiệu v.v... được 45 - 1 coi là một cầu nối quan trọng giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa nhà thầu và chủ đầu tư.

Ba là, thực hiện đa dạng hóa trong sản xuất - kinh doanh. Cơ chế thị trường vốn là một cơ chế mở, luôn ẩn chứa nhiều bất trắc. 45 - 1 chủ trương đa dạng hóa trong sản xuất - kinh doanh theo hướng mở để tạo thế tương hỗ, tận dụng và tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, tăng doanh thu và khả năng thu hút lao động. Bên cạnh hoạt động chính có tính truyền thống là xây lắp, 45 - 1 lần lượt mở ra các hoạt động thiết kế, chế tạo, kinh doanh sản phẩm; đa dạng hình thức sản xuất - kinh doanh như làm nhà thầu, nhà chế tạo; góp vốn liên doanh, liên kết; xuất khẩu lao động v.v... Nhờ vậy, trong từng lúc từng nơi, tùy tình hình cụ thể mà 45 - 1 chủ động lựa chọn và quyết định hoạt động nào là chính, là chủ chốt. Hoạt động này là sự liên kết và bổ sung cho hoạt động

kia, nhằm tạo sự ổn định trong sản xuất - kinh doanh.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Đảng bộ 45 - 1 có 15 chi bộ trực thuộc với 165 đảng viên, có độ tuổi bình quân là 33; trong đó có 48 đảng viên có trình độ đại học và trên đại học, 34 đảng viên là cán bộ quản lý, lãnh đạo, 102 đảng viên là công nhân kỹ thuật. Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước và dưới sự lãnh đạo của Đảng thì vai trò lãnh đạo của Đảng trong mỗi doanh nghiệp vô cùng quan trọng. Ngoài công tác ổn định tổ chức cơ sở đảng của các chi bộ, Đảng bộ công ty luôn đặt công tác giáo dục chính trị lên hàng đầu. Cùng với tổ chức cho cán bộ đảng viên học tập kịp thời, có chất lượng các Nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ còn mời báo cáo viên các cấp đến phổ biến, truyền đạt Nghị quyết, nói chuyện thời sự v.v... giúp CBCNV, nhất là đảng viên nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, ý thức tinh thần tự lực tự cường trong tiếp cận, nắm vững khoa học kỹ thuật - công nghệ, khoa học về quản lý để nâng cao chất lượng công tác. Ban chấp hành Đảng bộ thực sự là hạt nhân đoàn kết, năng động sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo. Đảng bộ 45 - 1 thường xuyên bám sát đường lối của Đảng, từ cái bao quát mà xây dựng cái cụ thể, vạch ra định hướng chiến lược, dự báo và đón bắt được những cơ hội cho tương lai. Sự thống nhất cao trong lãnh đạo và quản lý ở 45 - 1 được thể hiện ở chỗ, giám đốc công ty đồng thời là bí thư Đảng bộ; ở các chi bộ thì giám đốc xí nghiệp, đội trưởng, trưởng các phòng ban chức năng đồng thời là bí thư. Vì vậy, các quyết định đưa ra luôn kịp thời, chính xác. Mô hình này giúp giảm bớt sự chồng chéo, hình thức; tránh được mâu thuẫn cá nhân trong chỉ đạo, lãnh đạo (hiện đang xảy ra ở không ít các doanh nghiệp nhà nước). Đảng bộ còn duy trì chế độ tiếp xúc hàng tháng, hàng quý với CBCNV để lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của họ, thực sự phát huy dân chủ, xây dựng bộ máy trong

sạch vững mạnh. Liên tục 10 năm liền (1990 - 2000), Đảng bộ 45 - 1 được Thành ủy TP Hồ Chí Minh công nhận là “Đảng bộ trong sạch vững mạnh” và được Bộ Xây dựng tặng Cờ thi đua xuất sắc.

Năm là, tranh thủ sự giúp đỡ của bộ chủ quản, Tổng công ty, các ban ngành, địa phương và khách hàng. Trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, 45 - 1 luôn bám sát sự chỉ đạo của bộ, mà trực tiếp là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam để điều hành sản xuất kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả. Công ty thường xuyên tổng kết thực tiễn, chủ động đề xuất với các bộ, ban, ngành, Tổng công ty về những vấn đề nảy sinh trong hoạt động, nhất là các vướng mắc về cơ chế đầu thầu, quản lý, đầu tư xây dựng cơ bản ; cơ chế về tài chính, đơn giá định mức trong xây lắp v.v... tiếp nhận và vận dụng linh hoạt những bổ sung sửa đổi, tạo sự thông thoáng cho sản xuất - kinh doanh.

Bốn mươi năm xây dựng và trưởng thành, đặc biệt là sau hơn 10 năm “đoàn kết một lòng, quyết tâm chuyển đổi toàn diện theo đường lối của Đảng” Công ty 45 - 1 đã vượt lên, trở thành đơn vị anh hùng của thời kỳ đổi mới. Những thành tựu của 45 - 1 đã góp phần khẳng định vị trí then chốt của doanh nghiệp nhà nước ; thể hiện tinh tiên phong trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội v.v... Đáng ghi nhận nhất, 45 - 1 đã mở ra hướng sản xuất mới đầy táo bạo - cơ khí chế tạo. Từ thành công này cho thấy, các doanh nghiệp lắp máy Việt Nam, dù sinh sau đẻ muộn nhưng bằng vào lòng quyết tâm và sự linh hoạt, sáng tạo của mình hoàn toàn có thể thiết kế, chế tạo, lắp đặt trọn gói các công trình có tầm cỡ quốc tế theo phương thức “chìa khóa trao tay”.

Chính 45 - 1 đã đặt nền móng cần thiết và vững chắc cho sự hình thành một tập đoàn Lắp máy công nghiệp đầu tiên ở Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XXI. □

“TUYÊN NGÔN...”

(Tiếp theo trang 30)

dân chủ, về quyền con người trong các nước TBCN ngày càng đòi hỏi cao. Trong khi đó, bản thân giai cấp tư sản đã phân hóa. Không ít các nhà tư sản đã nhìn thấy sự vận động tất yếu của lịch sử nên họ đã đi về phía các lực lượng văn minh, tiến bộ, đấu tranh cho dân chủ, cho tự do, cho hòa bình và hợp tác. Chỉ có các lực lượng bảo thủ, cực đoan, thành kiến với CNXH, với sự tiến bộ lịch sử mới tìm cách cản trở sự vận động của lịch sử, ngăn chặn sự phát triển của loài người trên con đường đi tới một xã hội tốt đẹp.

Song lịch sử bao giờ cũng tự vạch đường đi cho mình. Con người mặc dù vừa là tác giả, vừa là diễn viên của vở kịch chính mình nhưng con người không làm ra lịch sử một cách tùy tiện.

Giai cấp tư sản sớm muộn sẽ phải rời khỏi vũ đài lịch sử không chỉ vì sự hận thù của giai cấp công nhân mà còn vì “sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn tương dung với sự tồn tại của xã hội nữa”. Vì thế “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau” (12). Đồng thời giai cấp vô sản cũng “không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp” (13). Đó là tinh thần bất diệt của “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nen soạn thảo. □

(12) *Sđd*, tr 557

(13) *Sđd*, tr 517



"CÂN ĐẢNG VIÊN"

TRUNG HIẾU

TRONG một lần đi công tác ở xã H thuộc một huyện miền núi (tỉnh Phú Thọ), tôi vào chợ của xã mua một số mặt hàng nhu yếu phẩm hàng ngày. Lúc chị bán hàng đang cân cho tôi 1 kg chè, tôi thận trọng hỏi :

- Cân này của chị có chính xác không ?

Chị bán hàng tươi cười đáp :

- Anh cứ yên tâm. Đây là loại cân "xịn", "cân đảng viên" mà !

Nghe từ "cân đảng viên" rất lạ tai, tôi hơi bất ngờ và tò mò hỏi lại :

- Cân đảng viên nghĩa là thế nào hả chị ?

Chị bán hàng trả lời không một chút đắn đo, do dự :

- Gọi là "cân đảng viên" vì đây là loại cân đủ, chính xác 100%. Khi cân không thừa một ly, không non một tí nào cả. Đảng viên vốn là người của Đảng rất trung thực, họ không ăn bớt hay cắt xén của người khác bất cứ cái gì. Đây còn là loại cân rất công bằng. Nó công bằng không chỉ dành cho tất cả những người mua hàng, dù lớn hay bé, già hay trẻ, có vị trí xã hội hay không, giàu hay nghèo ; mà còn thể hiện ở lúc bán hàng nhiều hay ít, đắt hay rẻ đều được cân khách quan, trung thực, sòng phẳng và không mập mờ gian dối. Như anh đã biết, khi

đưa bất kỳ một loại hàng hóa, vật dụng nào lên để cân, dù nặng hay nhẹ, to hay nhỏ đều phải chỉ li, thận trọng. Cái cân sinh ra để xác định giá trị trọng lượng của vật và hàng hóa nên đòi hỏi phải có độ tin cậy, chính xác cao. Người ta thường gọi "cân cân công lý" để nói lên sự bình đẳng, công minh, công bằng của một nền pháp lý văn minh, tốt đẹp của xã hội. Do vậy, chúng tôi gọi là "cân đảng viên" để thể hiện phẩm chất trung thực của những người bán hàng như đức tính trung thực của những người đảng viên vì lẽ đó.

Lại một lần nữa tôi bị bất ngờ bởi cách nói lưu loát, rành mạch, khúc chiết của chị bán hàng. Tôi thầm cảm ơn vì chỉ ít lần đầu tiên thông qua chị, tôi được tiếp cận với một khái niệm rất mới mẻ và thú vị này. Đi dạo quanh một vòng chợ, qua tiếp xúc, trò chuyện tôi được biết, hầu như người bán hàng nào ở đây cũng sử dụng "cân đảng viên". Không biết trong số những người bán hàng kia, có ai nói "cân đảng viên" mà lại cân sai, cân thiếu cho khách hàng không ? Nhưng 1 kg chè tôi mua về cân lại chính xác 100%. Lời nói và việc làm của chị bán hàng đã để lại trong tôi một ấn tượng đẹp.

Thế mới biết, từ một cái cân vốn vô tri, vô giác và nó chỉ biết đo giá trị trọng lượng, nhưng

người ta đã khéo léo gắn thêm vào hai từ đảng viên làm cho cái cân như có linh hồn sống và biết nói. Càng ngắm càng thấm thía hai từ đảng viên. Chỉ có 7 chữ cái hợp lại thành một danh từ đảng viên mà biết bao người coi đó là cái hướng phấn đấu, cái đích đi tới và là thần tượng để có người hy vọng, ước mơ, đồng thời cũng là niềm tin để cho bao người gửi gắm. Hai từ đảng viên lúc này đâu đơn thuần chỉ là một danh từ, một con người bình thường, cụ thể, mà từ trong ý nghĩa sâu xa của nó đã trở thành một nhân cách trọn vẹn, hoàn chỉnh và có sức lay động, lan tỏa rất lớn trong tinh cảm và trái tim mọi người. Thấm nhuần sâu sắc ý nghĩa của hai từ đảng viên, xung quanh ta vẫn có biết bao đảng viên không ngại khó khăn, gian khổ, làm việc hết mình, một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân mà không màng danh lợi, địa vị. Đó là những tấm gương soi sáng cuộc đời, có sức lôi cuốn, hấp dẫn rất nhiều người trên con đường phấn đấu, tiến bộ. Nhưng cũng có một số người lúc vô tình, khi cố ý làm mai một hình ảnh đảng viên trong sáng trong lòng nhân dân. Họ thường chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình mà không chú trọng làm tròn bốn phận và trách nhiệm của "người đầy tớ trung thành của nhân dân". Điều đó đã làm cho những đảng viên chân chính thêm chạnh lòng và những người có lương tri cũng xót xa. Ai cũng biết, danh hiệu càng cao quý thì càng phải nâng niu, gìn giữ, trân trọng và phát huy. Đảng viên là một danh hiệu như thế nên càng cần được bảo vệ, quý trọng và tôn vinh. □



KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN NĂM 2001

PHAN VĂN DÂN* PHẠM THỊ PHÚC**

NĂM đầu tiên của thiên niên kỷ mới đã lùi về phía sau, nhưng những nỗi âu lo về tình trạng suy giảm kinh tế toàn cầu mà năm 2001 để lại xem ra lại càng thêm bức xúc. Báo cáo của Liên hợp quốc về "Tình hình kinh tế thế giới và triển vọng" chỉ rõ, thảm họa ngày 11-9 và cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2001 tụt giảm, chỉ còn chưa đầy 2% so với mức 2,4% như đã dự đoán đầu năm. Tỷ lệ tăng trưởng tổng giá trị thương mại toàn cầu năm nay, theo đánh giá của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), chỉ bằng 1/6 năm 2000, tức là khoảng 2%. Trong tình hình suy giảm chung của kinh tế thế giới, hầu hết các nước đang phát triển đều hứng chịu những tác động tiêu cực nặng nề.

Nhìn tổng quát, bức tranh kinh tế của các nước đang phát triển (ĐPT) năm 2001 không mấy sáng sủa và có phần ảm đạm, bởi tốc độ tăng trưởng giảm sút khá mạnh. Theo tính toán của WTO và Ngân hàng thế giới (WB), tổng thu nhập quốc nội (GDP) của các nước ĐPT năm 2001 chỉ đạt mức tăng trưởng bình quân 2,9%, thấp hơn rất nhiều so với 5,1% của năm 2000. Sự sa sút tốc độ tăng trưởng kinh tế diễn ra tại hầu hết các khu vực trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế của các nước ĐPT Đông Á giảm xuống còn 4,6%, trong khi năm 2000 đạt tỷ lệ bình quân là 6,3%. Báo cáo của Tổ chức phát triển kinh tế Liên hợp quốc (UNCTAD) công bố mới đây, dự tính, năm 2001, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mà các nước châu Á thu hút được khoảng 125 tỉ USD, bằng 50% của năm trước đó. Kinh tế Đài Loan, Hồng Kông, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a,

In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan... đều bị suy giảm do xuất khẩu của họ chủ yếu là sang Mỹ và Nhật Bản, mà hai nước này hiện đang bị suy thoái kinh tế nặng nề.

Hội đồng phát triển thương mại Hồng Kông đầu tháng 12-2001 đưa ra số liệu cho thấy, giá trị xuất khẩu của vùng lãnh thổ này giảm 15% trong năm 2001. Với Đài Loan, ngay từ đầu năm nay, nền kinh tế đã lâm vào tình trạng trì trệ tồi tệ nhất: thất nghiệp ở mức kỷ lục, giá cổ phiếu tụt tới mức thấp nhất trong vòng 9 năm qua, các khoản nợ không có khả năng hoàn trả ở mức cao. Dự tính cả năm 2001, xuất khẩu của Đài Loan giảm 20% và nhập khẩu giảm 24%; tỷ lệ thất nghiệp lên 4,5% (năm 2000 là 2,99%); tăng trưởng kinh tế đạt xấp xỉ 4%, chỉ bằng 2/3 của năm 2000.

Trong khi kinh tế Mỹ sa sút, kinh tế Nhật đình đốn, hầu hết các nước trong khu vực đang ngập ngừng bờ vực suy thoái thì chỉ có Trung Quốc và Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá cao, khoảng 7%. Sự ổn định của kinh tế Trung Quốc chủ yếu là do ngoài xuất khẩu, nước này còn dựa vào đầu tư và khả năng tiêu thụ nội địa lớn để duy trì phát triển. Với môi trường chính trị, kinh tế - xã hội ổn định, Trung Quốc vẫn là địa điểm hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, trong khi nhiều nước Đông Á đang làm các nhà đầu tư ngoại quốc lo ngại, mất niềm tin, nhất là các

* TS, Bộ môn lịch sử thế giới - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Ths, Viện QHQT - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

quốc gia đông dân đạo Hồi. Tính đến đầu quý IV-2001, FDI vào Trung Quốc đã tăng 20%. Việc Trung Quốc chính thức gia nhập WTO từ tháng 11-2001 sẽ làm cho thị trường này càng hấp dẫn hơn nữa.

Đông - Nam Á, một lần nữa lại phải đối mặt với nguy cơ suy thoái kinh tế do những biến động phức tạp về chính trị và an ninh trên thế giới. Năm 2001, khu vực này có mức tăng trưởng không cao, FDI suy giảm. Xin-ga-po là nước có nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, vốn được coi là địa điểm đầu tư an toàn ở châu Á, nay đang đứng trước thời điểm nguy nan nhất trong vòng 40 năm qua. Tăng trưởng kinh tế của Xin-ga-po năm nay sẽ chỉ đạt khoảng 1,3%, giảm mạnh so với mức kỷ lục 8,9% năm 2000. Tại Thái Lan, Ngân hàng trung ương Thái Lan cho biết, tốc độ tăng trưởng kinh tế của họ năm 2001 chỉ còn khoảng 1,3% - 1,5%, tỷ lệ lạm phát từ 1% - 1,5%. Giống như các nước khác trong khu vực, xuất nhập khẩu của Thái Lan cũng chịu chung số phận tri trệ. Kim ngạch xuất khẩu giảm 6%, còn gần 64 tỉ USD; kim ngạch nhập khẩu giảm 1% còn 62 tỉ USD. Báo cáo của Viện Nghiên cứu kinh tế Ma-lai-xi-a công bố ngày 6-11 tiết lộ, kinh tế Ma-lai-xi-a chỉ đạt mức tăng trưởng 0,3% trong năm 2001. Kinh tế In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin cũng không mấy sáng sủa với tỷ lệ tăng trưởng tương ứng là 1,3% và 2,1%.

Kinh tế các nước Nam Á cũng bị giảm sút mạnh, nhất là khi chiến sự nổ ra tại Áp-ga-ni-xtan. Trong suốt quý IV năm 2001, không một dự án đầu tư nước ngoài nào được triển khai thêm tại khu vực, còn các dự án đang triển khai thì bị đình hoãn hoặc thu hẹp. Kinh tế Ấn Độ chỉ đạt mức tăng khoảng 4% giảm so với mức 5,5% năm 2000; các chỉ số tương ứng của Pa-ki-xtan là 2,1% và 3,9%, của Xri Lan-ca: 1,7% và 3%, của Nê-pan: 1,4% và 2,6%.

Cùng với các nước ĐPT châu Á, các nước Mỹ La-tinh cũng chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự suy giảm kinh tế thế giới và cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ. Sau mười năm đạt mức tăng trưởng bình quân khá cao trên 6%, song từ năm 1999, kinh tế Ác-hen-ti-na - nền kinh tế lớn thứ hai Mỹ La-tinh liên tục bị suy

giảm và bước sang năm 2001 đã trượt vào cuộc suy thoái ngày càng nghiêm trọng. Đỉnh cao của cuộc khủng hoảng kinh tế Ác-hen-ti-na bắt đầu từ giữa tháng 7-2001, khi Chính phủ nước này chấp nhận mức lãi suất cao một cách bất bình thường (14,01%) nhằm huy động vốn thanh toán các khoản vay ngắn hạn. Trước đó, trong nỗ lực khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu nhằm đưa nền kinh tế thoát khỏi suy thoái, Ác-hen-ti-na thực hiện cơ chế cố định tỷ giá của đồng pê-xô với đồng ơ-rô và đồng USD, thay vì chỉ cố định tỷ giá 1 đổi 1 với đồng USD như trước đây. Thế nhưng giới đầu tư lại coi đây là sự phá giá trá hình đồng pê-xô, nên đã chuyển tài sản bằng đồng pê-xô sang USD, tạo ra làn sóng phá giá đồng nội tệ và bán tháo chứng khoán. Thị trường tài chính Ác-hen-ti-na trở nên rất hỗn loạn. Bất chấp những biện pháp thắt lưng buộc bụng của Chính phủ trong "Kế hoạch mức thâm hụt bằng không", kinh tế Ác-hen-ti-na vẫn suy thoái và càng nặng nề thêm sau cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ. Các khoản nợ nước ngoài của nước này tính đến 15-12-2001 đã vượt quá 132 tỉ USD, trong khi hơn 900 triệu USD nợ đáo hạn 2001 chính phủ không có khả năng thanh toán. Suy thoái kinh tế và khủng hoảng nợ hiện nay đang đẩy nền kinh tế Ác-hen-ti-na đến trước bờ vực của sự phá sản. Dự tính tỷ lệ tăng trưởng trong cả năm 2001 của Ác-hen-ti-na là -2,8%.

Cuộc khủng hoảng kinh tế Ác-hen-ti-na và những khó khăn của kinh tế Mỹ tạo ra một hiệu ứng lan truyền trong toàn khu vực Mỹ La-tinh. Giá chứng khoán và đồng tiền của các nước như Bra-xin, Chi-lê, U-ru-goay sụt giảm khá nhanh, thậm chí đồng pê-xô được coi là mạnh hơn của Mê-hi-cô cũng không tránh khỏi ảnh hưởng. Đồng rê-an của Bra-xin giảm tới trên 20% giá trị so với đồng USD kể từ đầu năm 2001. Đương nhiên, cũng cần thấy rằng, nguyên nhân của sự lan truyền kể trên còn do bản thân các nền kinh tế Mỹ La-tinh đang có nhiều vấn đề nan giải. Bra-xin, nền kinh tế lớn nhất Mỹ La-tinh, phải đối mặt với sự suy giảm mạnh của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nên dự tính GDP năm 2001 chỉ tăng khoảng 2,1% so với mức dự đoán 4%. Tại Chi-lê,

Ngân hàng trung ương đã phải cắt giảm lãi suất 5 lần trong năm 2001 nhằm kích thích nền kinh tế tri triệ do xuất khẩu sang Mỹ giảm mạnh, mặc dù vậy, dự tính mức tăng GDP năm nay cũng chỉ đạt 2,7%.

Mê-hi-cô với 87% giá trị xuất khẩu là vào thị trường Mỹ, nên bị ảnh hưởng khá mạnh do sự suy giảm kinh tế Mỹ, đặc biệt là sự tụt giảm nhanh nhu cầu hàng điện tử, công nghệ cao và chế tạo của thị trường Mỹ. Dự tính mức tăng trưởng kinh tế Mê-hi-cô sẽ không vượt quá 1% năm 2001. Với những khó khăn trong cả ba nền kinh tế lớn của Mỹ La-tinh là Bra-xin, Ác-hen-ti-na và Mê-hi-cô, mới đây Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) sau nhiều lần điều chỉnh đã dự báo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của toàn khu vực năm nay là 1,2%.

Trước tình trạng suy giảm kinh tế chung của các nước ĐPT, thì châu Phi lại là trường hợp ngoại lệ duy nhất đạt mức tăng trưởng GDP trung bình năm 2001 cao hơn năm 2000 (3,3% so với 3%). Theo các nhà phân tích, sở dĩ như vậy là vì các vấn đề của châu Phi chủ yếu mang tính nội bộ. Nền kinh tế kém phát triển và mức độ hội nhập thấp khiến cho các nước châu Phi ít chịu ảnh hưởng hơn so với các khu vực khác trước những chấn động kinh tế toàn cầu. Mặt khác, những hy vọng giải quyết và chấm dứt xung đột ở một loạt quốc gia châu Phi trong thời gian qua đã tạo môi trường chính trị tương đối ổn định hơn các năm trước, góp phần thúc đẩy kinh tế tiến triển.

Trong khung cảnh ảm đạm của kinh tế toàn cầu năm 2001, có thể thấy, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự suy giảm kinh tế của các nước ĐPT trước hết là do những khó khăn của các đầu tàu kinh tế thế giới (Mỹ, EU, Nhật Bản), nhất là kinh tế Mỹ và hậu quả của cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ vừa qua. Khi nền kinh tế thế giới đang chuyển động nhanh chóng theo xu thế hội nhập và toàn cầu hóa thì sự suy giảm xảy ra ở một nền kinh tế có quy mô lớn như Mỹ sẽ lan toả nhanh chóng sang các nền kinh tế khác. Từ sau ngày 11-9, Chính phủ Mỹ phải chi ra khoản tiền lớn hàng trăm tỉ USD nhằm khắc phục hậu quả khủng bố và những chi phí tổn kém của cuộc chiến

chống khủng bố càng đẩy nền kinh tế nước này suy giảm trầm trọng hơn. Lần thứ 10 trong năm, Cục dự trữ liên bang (FED) đã cắt giảm lãi suất xuống còn 2%, mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua.. Tỷ lệ tăng trưởng của Mỹ năm 2001 chỉ đạt 1,4% so với mức 4,2% năm 2000. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế ĐPT ở Đông Á và Mỹ La-tinh những năm qua lại bị phụ thuộc quá nhiều vào nước Mỹ, nhất là xuất nhập khẩu. Nước Mỹ chiếm 2/3 tăng trưởng thế giới trong 5 năm qua và tiêu thụ đến 35% hàng hoá xuất khẩu của các nước trên thế giới.

Bên cạnh đó, kinh tế Nhật Bản cho đến nay vẫn chưa có dấu hiệu nhanh chóng thoát khỏi tình trạng tri triệ. Theo thừa nhận của Thủ tướng G. Côi-dư-mi ngày 7-12-2001, Nhật Bản đã rơi vào đợt suy thoái thứ ba liên tiếp trong vòng một thập niên qua. Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) cảnh báo rằng, kinh tế Nhật Bản tiếp tục đã suy giảm cho tới nửa đầu năm 2002 và tăng trưởng kinh tế năm 2001 chỉ có thể đạt từ -1,1% đến +0,35%. Còn kinh tế EU năm nay cũng không mấy sáng sủa. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự đoán, GDP của 12 nước sử dụng đồng ơ-rô chỉ đạt mức tăng trung bình 1,5%. Điều đó gây ra những tác động tiêu cực đối với các nước ĐPT - những nước có quan hệ kinh tế mật thiết với Nhật Bản và EU trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, căn nguyên chính yếu của sự suy giảm kinh tế của tuyệt đại đa số các nước ĐPT lại nằm ngay trong chính sách phát triển kinh tế của họ. Một trong những nhược điểm lớn của mô hình phát triển kinh tế của các nước ĐPT châu Á và Mỹ La-tinh là xu hướng hướng ngoại quá mức, làm mất cân đối nghiêm trọng giữa thị trường nội địa và bên ngoài. Và chỉ khi thị trường bên ngoài có vấn đề mới quay lại thị trường nội địa, lúc ấy đã quá muộn. Mức độ hướng ngoại của nhiều nước Đông Á tăng nhanh trong thời gian qua. Chẳng hạn, xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của Thái Lan từ 39% năm 1996 tăng lên 66% năm 2000. Xuất khẩu của Xin-ga-po sang thị trường Mỹ chiếm 20% GDP, Ma-lai-xi-a : 27%, Phi-líp-pin : 16%. Đặc biệt là sự đình trệ xuất khẩu các thiết bị công nghệ thông tin sang thị

trường Mỹ. Các số liệu thống kê cho thấy, 2/5 tăng trưởng của các nước châu Á (trừ Nhật Bản) trong năm 2000 là do tăng xuất khẩu công nghệ thông tin sang thị trường Mỹ. Chính vì vậy, các nước này đã tỏ ra khá lơ là đối với thị trường trong nước, mà thị trường trong nước thường có vai trò là một động lực không thể thiếu để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Các nước Mỹ La-tinh cũng trong một tình cảnh tương tự, thêm vào đó là những tác động không thuận chiều từ những mặt trái của đường lối kinh tế "Tự do mới". Sau những cải cách kinh tế - xã hội ồ ạt theo hướng mở cửa tự do nền kinh tế, mức độ phụ thuộc vào nước ngoài của nhiều nền kinh tế Mỹ La-tinh như Bra-xin, Ác-hen-ti-na... gia tăng rất nhanh với những khoản nợ khổng lồ. Sự chuyển đổi sang nền kinh tế "siêu tự do" khá thô bạo do WB và IMF chủ trương đã dẫn đến bản cùng hóa đa số người lao động và điều đó cũng có nghĩa là càng làm giàu cho một nhóm người vốn đã rất giàu. Hơn nữa, làn sóng tư nhân hóa lại song hành cùng với sự hoành hành đến cực độ của nạn tham nhũng đã tàn phá nền kinh tế.

Sự tụt giảm tăng trưởng kinh tế của các nước ĐPT và khả năng kéo dài của nó khiến cho chính phủ các nước này cũng như các tổ chức kinh tế, tài chính - tiền tệ quốc tế thực sự quan ngại. Các hội nghị kinh tế tại các khu vực thời gian gần đây đều hướng trọng tâm vào việc tìm ra những giải pháp đối phó và ngăn chặn tình trạng suy giảm hiện nay. Ngày 29-10-2001 tại Hồng Kông, Hội nghị cấp cao kinh tế Đông Á gồm 800 nhà lãnh đạo doanh nghiệp, các quan chức chính phủ và chuyên gia kinh tế đã đưa ra khẩu hiệu: "Đối phó với suy thoái, giành lại ổn định và tăng trưởng kinh tế ở châu Á". Bên cạnh đó, các nước khẳng định tiếp tục đẩy mạnh cải cách kinh tế, tự do hoá thương mại và siết chặt công tác điều hành cũng như hệ thống pháp luật, cắt giảm lãi suất và tăng cường các biện pháp kích thích tài chính nhằm khơi dậy nguồn nội lực để phục hồi trở lại sự tăng trưởng.

Đi theo hướng này, Chính phủ Xin-ga-po đã công bố chương trình kích thích kinh tế cả gói trị giá 6,2 tỉ USD, bao gồm tăng đầu tư cho

cơ sở hạ tầng, cắt giảm một số thuế như thuế liên hiệp các công ty, thuế cá nhân, thuế tài sản, nới lỏng các biện pháp chống đầu cơ tài sản. Chính phủ Ma-lai-xi-a đã chi 1,1 tỉ USD bổ sung cho ngân sách trợ cấp xã hội được đưa ra hồi đầu năm nay. Hồng Kông công bố chương trình kích thích kinh tế giá trị nhiều tỉ đô la Hồng Kông nhằm tạo ra hàng nghìn việc làm mới trong lĩnh vực dịch vụ công cộng, chiết khấu tài sản của các chủ sở hữu nhà, trợ cấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đài Loan cũng bỏ ra khoảng 2,9 tỉ USD để cứu vãn nền kinh tế khỏi nguy cơ suy thoái. Chính phủ Ấn Độ đưa ra chương trình cải cách cơ cấu kinh tế cho 5 năm tiếp theo, tăng đầu tư cho phát triển công nghệ cao, chú trọng phát triển công nghiệp phần mềm, coi đây là những mũi nhọn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Các nước Mỹ La-tinh chú trọng hơn các biện pháp điều chỉnh kinh tế, minh bạch hoá các định chế pháp lý kinh tế, chấn chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái, nhấn mạnh đấu tranh chống tham nhũng, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài. Bài học kinh nghiệm bổ ích, nóng hổi tình thời sự không chỉ với các nước Mỹ La-tinh mà cả với hầu hết các nước ĐPT là trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế sôi động và đầy nghịch lý hiện nay thì con đường vươn tới sự phồn vinh trước hết và chủ yếu phải bằng chính nội lực của mình chứ không thể chỉ trông chờ những nhân tố bên ngoài và theo một khuôn mẫu áp đặt của người khác.

Bằng những nỗ lực theo hướng kích thích kinh tế của bản thân các nước ĐPT, cùng với việc cắt giảm lãi suất và thuế ở Mỹ, các chuyên gia kinh tế hy vọng sẽ có thể giúp các nền kinh tế ĐPT khắc phục được tình trạng suy giảm hiện nay để phục hồi tốc độ tăng trưởng trong năm tới. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa kinh tế diễn ra mạnh mẽ, tình cảnh ảm đạm trong tăng trưởng kinh tế hiện nay của các nước ĐPT sẽ không thể khắc phục triệt để và hiệu quả nếu không tìm ra những phương cách hữu hiệu xúc tiến quan hệ Nam - Bắc và tăng cường hợp tác Nam - Nam. □

HỘI NGHỊ CÁN BỘ KIỂM TRA TOÀN QUỐC

Trong các ngày từ 28 đến 30-1-2002, tại Hà Nội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác kiểm tra năm 2001 và bàn phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra năm 2002 của ủy ban kiểm tra các cấp. Hội nghị đã vui mừng và vinh dự được đón đồng chí **Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh** đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo. Chủ trì và dự Hội nghị có các đồng chí : **Lê Hồng Anh**, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, **Trương Vĩnh Trọng**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương. Lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra của 61 tỉnh, thành phố trong cả nước cùng 35 đại biểu là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các huyện ủy, quận ủy và đảng ủy một số bộ, tổng công ty... đã tham gia Hội nghị

Tại phiên khai mạc, sau khi nghe Báo cáo tổng kết công tác năm 2001, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, đã có bài phát biểu quan trọng chỉ đạo Hội nghị. Đồng chí Tổng Bí thư khẳng định : "Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng ; muốn lãnh đạo có hiệu quả nhất thiết phải kiểm tra... Công tác kiểm tra của Đảng thật sự là một mặt trận chiến đấu quyết liệt bảo vệ sự trong sạch của Đảng, giữ vững tính chất của Đảng, phẩm chất của đảng viên, giữ vững mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất, những phần tử cơ hội, tham nhũng, lãng phí, quan liêu ra khỏi cơ thể Đảng".

Các đại biểu đã trao đổi, thảo luận và nhất trí khẳng định một số nội dung chính yếu sau đây :

- Năm 2001 là năm tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, là năm đầu Ủy ban Kiểm tra các cấp thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội IX quy định và phục vụ cấp ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII. Với tư tưởng chỉ đạo "*chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả*" trong công tác kiểm tra, đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp đã hoàn thành nhiệm vụ Đảng giao, tạo tiền đề thuận lợi cho công tác kiểm tra trong những năm tiếp theo.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thực hiện có kết quả chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy có kế hoạch, trọng tâm, trọng điểm theo Điều 30 của Điều lệ Đảng. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tập trung lực lượng, thời gian phục vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, hướng vào việc giúp cấp ủy kiểm tra, xem xét, giải quyết vụ việc tồn đọng trong tự phê bình, phê bình và những vấn đề mới nảy sinh.

- Sau Đại hội lần thứ IX của Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã chủ động tham mưu, đề xuất và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quyết định về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Hướng dẫn về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng. Cùng với việc kiện toàn, củng cố tổ chức sau Đại hội IX của Đảng và Đại hội đảng bộ các cấp, thông qua việc quán triệt Quyết định số 10 của Ban Bí thư, ngành kiểm tra đã tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp.

Hội nghị cũng đã thẳng thắn chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm: Một số Ủy ban Kiểm tra của các đảng bộ cơ quan Trung ương chưa giúp cấp ủy tiến hành được nhiệm vụ kiểm tra theo

Điều 30 của Điều lệ Đảng. Vấn đề kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên "*khi có dấu hiệu vi phạm*" tuy đã làm được với số lượng tương đối lớn, song chưa tập trung vào cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ do cấp ủy cấp mình quản lý, vào lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, vào địa bàn trọng điểm. Việc giải quyết tố cáo tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng còn thụ động, chưa chủ động xem xét trách nhiệm và những vi phạm của cán bộ là đảng viên bị nhân dân khiếu nại, tố cáo. Những vi phạm trong việc thực thi pháp luật, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân chưa được xử lý dứt điểm; nhiệm vụ kiểm tra tài chính chưa đạt mục tiêu, chỉ tiêu đề ra ...

Về phương hướng, nhiệm vụ, Hội nghị đã nêu mục tiêu chung của công tác kiểm tra năm 2002 là "*Nỗ lực phấn đấu, triển khai toàn diện và có hiệu quả các mặt công tác, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị theo tinh thần và mục tiêu do Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đề ra; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, các Nghị quyết Trung ương khóa IX và phục vụ tốt công tác nhân sự bầu Quốc hội khóa XI, bám sát tư tưởng chỉ đạo trong hoạt động của công tác kiểm tra là "chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả"*. Trong bài phát biểu tổng kết Hội nghị, đồng chí Lê Hồng Anh, đã nêu rõ những nhiệm vụ và nội dung trọng yếu của công tác kiểm tra để phục vụ thật tốt yêu cầu của Trung ương, của các cấp ủy trong thời gian tới. □

LỄ KẾT NGHĨA GIỮA TẠP CHÍ CỘNG SẢN VỚI BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

Nhằm tăng cường tình đoàn kết truyền thống keo sơn gắn bó quân dân như cá với nước của dân tộc ta, đồng viên, giúp đỡ lẫn nhau thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và nhân dân giao phó, chiều 31-1-2002 tại Hà Nội đã diễn ra lễ kết nghĩa giữa Tạp chí Cộng sản với Bộ đội Biên phòng. Dự lễ ký có các đồng chí : **PGS, TS Vũ Văn Hiền**, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; **Đồng chí Hà Đăng**, nguyên Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; **PGS, TS Trần Quang Nhiếp**, Phó tổng biên tập, Bí thư Đảng ủy ; **Nguyễn Tiến Hải**, Phó tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; **Thiếu tướng Trịnh Ngọc Huyền**, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng ; **TS, Thiếu tướng Đặng Vũ Liêm**, Phó Tư lệnh chính trị, Bí thư Đảng ủy Bộ đội Biên phòng cùng toàn thể cán bộ phóng viên, biên tập viên Tạp chí Cộng sản và các đồng chí cán bộ, sĩ quan Bộ đội Biên phòng.

Thực hiện nội dung kết nghĩa, Tạp chí Cộng sản sẽ thường xuyên có các bài viết tuyên truyền về sự nghiệp xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia của lực lượng Bộ đội Biên phòng ; phản ánh kịp thời những điển hình tập thể, cá nhân xuất sắc trong lực lượng biên phòng ; đảm nhiệm việc phổ biến các chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước mới ban hành cho cán bộ chủ chốt trong lực lượng Bộ đội Biên phòng. Bộ đội Biên phòng tổ chức đưa phóng viên Tạp chí Cộng sản đi thâm nhập thực tế ở các đơn vị cơ sở trong lực lượng, cung cấp tài liệu để phóng viên viết bài. Các ngày lễ, tết và các ngày truyền thống của nhau, cả hai bên sẽ tổ chức các cuộc thăm hỏi, gặp mặt, giao lưu để tăng cường sự hiểu biết, đồng viên, giúp đỡ nhau hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Hằng năm sẽ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động thực hiện các nội dung đã ký kết, rút kinh nghiệm và bàn các kế hoạch trong thời gian tiếp theo. □



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH SÓC TRĂNG

- ♦ Địa chỉ : 16 Trần Hưng Đạo, thị xã Sóc Trăng
- ♦ ĐT : 822.602 - 824.108 - 825.440 - Fax : (079) 821.488
- ♦ *Trạm phát hành vé số Sóc Trăng tại tỉnh Cần Thơ :*
Số 116, Lý Tự Trọng, TP. Cần Thơ - ĐT : (071) 832.804
- ♦ *Giám đốc : LÊ VĂN KHANH*



- ❖ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Sóc Trăng là một DNNN được thành lập từ tháng 04/1992. Hơn 9 năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng công ty luôn phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch được giao, năm sau cao hơn năm trước, góp phần vào việc thực hiện cân đối thu chi ngân sách của tỉnh nhà.
- ❖ Từ nguồn thu XSKT qua các năm, tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa tại địa phương.
- ❖ Vé số Kiến thiết Sóc Trăng quay số mở thưởng vào lúc 16h 20 ngày thứ tư hàng tuần tại số 16 Trần Hưng Đạo, thị xã Sóc Trăng.
- ❖ Vé trúng thưởng được chi trả một lần bằng tiền mặt, ngân phiếu thanh toán hoặc chuyển khoản, tùy theo sự lựa chọn của khách hàng. Thủ tục lãnh thưởng dễ dàng và nhanh chóng.

Nhân dịp Xuân Nhâm Ngọ 2002

Kính chúc Quý khách năm mới An Khang, Thịnh vượng, Hạnh phúc

BƯU ĐIỆN TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ : 03 Phan Đình Phùng - thị xã Trà Vinh

Tel : (074) 866966 - Fax : (074) 863333



Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

03 Huân chương Lao động hạng ba.

13 Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.

Nhiều năm liền giữ cờ thi đua xuất sắc Tổng cục Bưu điện,
Tổng Công ty BC-VT Việt Nam và UBND tỉnh Trà Vinh.



Bưu điện Tỉnh Trà Vinh

Phục vụ các loại hình dịch vụ Bưu chính - Viễn thông:

- Điện thoại, điện báo trong và ngoài nước.
- Cardphone.
- Điện thoại di động Vinaphone.
- Nhắn tin toàn quốc 107.
- Giải đáp thông tin kinh tế - xã hội 108.
- Dịch vụ Internet và truyền số liệu.
- Hướng dẫn liên lạc điện thoại trong nước và quốc tế.
- Cung ứng, lắp đặt, bảo hành và sửa chữa các loại thiết bị Viễn thông.
- Tốc độ truyền tin nhanh, chất lượng tốt, đáp ứng mọi nhu cầu thông tin bưu chính - viễn thông nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế.
- Mở đầy đủ các nghiệp vụ bưu phẩm, bưu kiện, thư, điện chuyển tiền nhanh, EMS, phát hành báo chí.
- Đội ngũ cán bộ quản lý kỹ sư giỏi, tận tình phục vụ.

Bưu điện Tỉnh Trà Vinh hân hạnh phục vụ quý khách.



CÔNG TY MAY ĐÁP CẦU

Đ/c : Khu 6 - Thị Cầu - Bắc Ninh

ĐT : 0241.821290 - 821603 - 821259 ; Fax : 0241.821745

Tổng giám đốc : NGUYỄN ĐĂNG LUẬN



Là doanh nghiệp nhà nước được thành lập ngày 02/02/1967, thành viên của Tổng công ty Dệt-may Việt Nam (VINATEX).

- Có 06 xí nghiệp may thành viên với tổng số lao động 2.500 CBCNV.

- Được trang bị gần 2000 máy may công nghiệp và thiết bị công nghệ chuyên dùng hiện đại được sản xuất tại CHLB Đức, Nhật Bản, Mỹ và máy thêu công nghiệp TAJIMA.

- Mỗi năm sản xuất 7.000.000 sản phẩm (tính quy đổi theo áo sơ mi chuẩn) có chất lượng cao, được khách hàng trong và ngoài nước tin nhiệm.

- Chuyên sản xuất các loại sản phẩm may mặc : jacket, áo khoác nam, nữ, áo sơ mi, áo len, ni (pull over), áo khoác lông vũ, áo vest, quần áo trượt tuyết, quần đùi, quần short, quần áo váy trẻ em...

- Nhập khẩu trực tiếp nguyên phụ liệu may, máy móc thiết bị công nghệ may và phụ tùng thay thế.

- Xuất khẩu trực tiếp các loại sản phẩm may mặc.

- Sản phẩm của DAGARCO đã được xuất khẩu vào thị trường các nước : Nhật Bản, Eu, Mỹ, Canada, HongKong, Australia, Naui, Thụy Sĩ, Đài Loan...

- DAGARCO sẵn sàng hợp tác, liên doanh với các công ty trong và ngoài nước để đầu tư và sản xuất kinh doanh XNK hàng may mặc.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Công ty may Đáp Cầu phấn đấu trở thành một trong những đơn vị mạnh có uy tín của ngành Dệt-May Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc.

2. Công ty may Đáp Cầu đảm bảo thỏa mãn khách hàng về những yêu cầu đã được thỏa thuận.

3. Công ty may Đáp Cầu không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

4. Công ty may Đáp Cầu không ngừng đào tạo nguồn nhân lực để có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, nghiệp vụ... giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.



CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC THAN QUA LỬA NINH BÌNH

Địa chỉ : Phường Thanh Bình - thị xã Ninh Bình

Điện thoại : 030.871.091.

Bí thư Đảng ủy - Giám đốc : ĐOÀN QUỐC HÙNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

1. Khai thác than qua lửa
2. Xây dựng các công trình dân dụng.
- Xây dựng các công trình giao thông và thủy lợi.
3. San lấp mặt bằng
4. Sản xuất vật liệu xây dựng.



CHI BỘ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG BẮC NINH

Địa chỉ : 92 - Ngô Gia Tự - thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh

ĐT : (0241) 820669 - 820668 ; Fax : 0241.820104

*Chúc Mừng
Năm Mới*

*An Khang
Thịnh Vượng*



CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN

THAINGUYEN IRON AND STEEL CORP-ORATION



Hệ thống quản lý
chất lượng quốc tế



Kỹ sư. ĐẶNG VĂN SĨU
Bí thư Đảng ủy - Tổng Giám đốc



Huy chương vàng Hội chợ
quốc tế công nghiệp Việt Nam



Do người tiêu dùng
bình chọn

Địa chỉ : Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
Tel : 0280.832060, 833559, 832005. Fax : 0280.832056



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU :

- + Sản xuất thép xây dựng các loại :
Sản lượng : 250.000 tấn/năm
- + Sản xuất gang đúc và gang luyện thép xuất khẩu :
Sản lượng : 130.000 tấn/năm.
- + Sản xuất các loại hợp kim như : FeMn, FeSi, FeCr...
- + Công nghiệp khai thác than, sản xuất than cốc và các sản phẩm sau cốc.
- + Sản xuất vật liệu chịu lửa, Ô xy, đất đèn, hồ điện cực
- + Sửa chữa xe ô tô và vận chuyển hàng hóa.
- + Khảo sát thiết kế, chế tạo, thi công các công trình thiết bị luyện kim.
- + Công ty được phép kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp.
- + Dự án cải tạo mở rộng sản xuất với tổng số vốn đầu tư hơn 650 tỉ đồng đã khởi công ngày 21/11/2000, dự kiến hoàn thành trước tháng 9/2001.

* Chi nhánh tại Hà Nội

17 Hàng Vôi ĐT : (844)8254705

* Chi nhánh tại TP Vinh - Nghệ An

18 Đường Hồng Sơn - P. Hồng Sơn
TP Vinh; ĐT : 038 562243



Máy đúc liên tục 4 dòng



Thép cuộn phi 6, phi 8



Thép Vằn SD 295A-D10 - D40



Thép hình các loại

ĐỘC QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "TISCO" TRÊN GÂY THÉP

CÔNG TY TNHH TM-SX
HOA LÂM
 TRADE & PRODUCTION CO., LTD.
 90 CAO THẮNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 3, TP.HCM

CHẤT LƯỢNG VƯỢT THỜI GIAN

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN HỌC ĐẶC BIỆT

Phát Triển Tài Năng Trẻ

TỔNG TRỊ GIÁ

750.000.000đ



**Super
HALIM**

50

suất học bổng

**Cơ hội nhận học bổng
trong suốt 3 năm
khi mua 1 trong các loại
xe gắn máy của Cty HOA LÂM**

kể từ ngày 15/10/2001

đến ngày 19/5/2002

Mọi chi tiết xin liên hệ các Đại lý ủy nhiệm của Cty Hoa Lâm trên toàn quốc :

MIỀN BẮC

- Cty T&M & DV QUANG TRUNG
- CH XE MÁY CÔNG LÂN
- Cty XE MÁY HÀ NAM NHƠN
- Cty THƯƠNG MẠI VINH
- Cty XE MÁY QUẢNG TRỊ
- DNTN T&M NHƯ HẬM
- Cty THINH T&M HIỆU HỒNG
- Cty THINH T&M HỒNG HỒNG

MIỀN TRUNG

- CH XE MÁY CÔNG LÂN
- Cty THINH T&M DV BẮC SƠN
- Cty THINH T&M NGỌC VÂN
- DNTN T&M KINH CHUNG
- DNTN T&M NHƠN
- DNTN T&M THANH SƯƠNG
- DNTN T&M THUY LỘC
- Cty THINH NGỌC BÍCH
- CH THỐNG NHẤT

CAO NGUYÊN

- Cty THINH VÂN SƠN
- DNTN T&M HẠM TÊN
- DNTN T&M TRƯỜNG HÒA LỢI
- Cty THINH THẮNG LỢI
- CH NGC & XE MÁY KIM CƯỜNG

ĐÔNG NAM BỘ

- DNTN T&M T&M QUANG
- DNTN T&M NGỌC TIẾN
- DNTN T&M NGỌC ĐẠT
- DNTN T&M T&M PHÁT
- DNTN T&M VINH LỘC
- DNTN T&M DV HỒNG LONG
- CH XE MÁY PHÚC
- DNTN KIM HIỀN
- DNTN LỘC NGÂN
- DNTN DAI NAM

- 994 Tây Sơn, Hà Nội
- 111 Quang Trung, Hoàn Kiếm
- 02 Quang Trung, TP. Vinh
- 18 Lê Duẩn, Quảng Trị
- 276 Trần Hưng Đạo, Đồng Hới
- 37 Quang Trung, Đồng Hới
- KP.3, TT. Ba Đình, Q. Trảng, Q. Bình

- 66 Hùng Vương, TP. Huế
- 388 Hùng Vương, TP. Đà Nẵng
- 310 Hùng Vương, TP. Đà Nẵng
- 473 Quang Trung, TX. Quảng Ngãi
- 554 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
- 225 Trần Hưng Đạo, TX. Tuy Hòa
- 14 Quang Trung, Nha Trang
- 480 Thống Nhất, Nha Trang
- 396 Thống Nhất, Phan Rang

- 91 Hùng Vương, TX. Kon Tum
- 94 Hùng Vương, TP. Pleiku
- 84 Lê H. Phương, Quận H. Thủ Đức
- Lô A11 H. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- 480 KP.2, D. Trảng, Lâm Đồng

- 03-05 Tr. Q. Trảng, Phan Thiết
- 234AB Tr. H. Đào, Phan Thiết
- 341 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết
- 71 Đường 30/4, TP. Biên Hòa
- 100F QL.1, Qu. Y. Thống, Biên Hòa
- 360 CMTH, Bình Dương
- 46/1 CMTH, T. Bình Dương
- 70 Bà C. TP. Vũng Tàu
- 1329 Phước Trung, Bà Rịa - Vũng Tàu
- 276 Lê Hồng Phong, TP. Vũng Tàu

TP. HỒ CHÍ MINH

- DNTN T&M THUY HỒNG
- Cty THINH T&M & DV HƯƠNG
- Cty THINH KINH THƯƠNG PHÚ LỘC
- Cty THINH T&M HỒNG THINH
- Cty THINH T&M & DV PHÁT TIẾN
- DNTN T&M THANH TRUNG
- DNTN T&M MINH TRUNG
- CH XE GẮN MÁY
- DNTN HỒNG VƯƠNG
- Cty THINH T&M VÂN PHÚC
- Cty THINH T&M DV MINH PHÚC
- Cty THINH T&M DV PHÚC ANH
- DNTN NHẤT THÀNH
- DNTN LÊ NGỌC LÂN
- DNTN HẢI SƠN
- Cty THINH T&M DV ĐO THÁNH
- Cty THINH T&M DV ĐỒNG PHƯƠNG

- P. Trưng B&Y & B&N H&NG
- N&A SX PT & L&R XE MÁY
- C&N H&NG H&M L&M 3

- 27-31 Hùng Vương, Bình Chánh
- E4/52 Bình Trị Đông, Bình Chánh
- 65 - 65A Đường 3/2, P.11, Q.10

TÂY NAM BỘ

- CH XE MÁY THINH PHÁT
- DNTN T&M NGỌC T&M
- CH XE MÁY H&NG
- DNTN H&NG S&N
- DNTN THANH NH&A
- DNTN T&M THANH BÌNH
- CH XE MÁY Đ&C H&P
- CH XE MÁY H&P
- DNTN K&M H&NG
- DNTN NG&C ANH
- Cty THINH K&NG H&NG
- CH ANH S&NG
- Cty THINH NG&C C&M H&NG
- Cty T&M K&M H&P

- 180 Lê Đại Hành, Q.11
- 139 An Dương Vương, Q.5
- 459 Hoàng V. Thủ, P.4, Q.7B
- 18 Hoàng Văn Thụ, Q.10
- 12/27 Lê Giác, Q.11
- 163 Phan Đăng Lưu, Q.10
- 518A Nguyễn T. Minh Khai, Q.3
- 05-06 Lê Đại Hành, P.12, Q.11
- 1A Hùng Vương, P.9, Q.5
- 139 Phan Đăng Lưu, Q.10
- 141 Phan Đăng Lưu, Q.10
- 299 Lý Tự Trọng, Q.1
- 73 Phạm Văn Đồng, Q.1
- 445 Ng. Hưng, P.11, Q.6
- 41 C&M, Q.1
- 274 Võ Th. Sáu, Q.3
- 4/36A H&C, P.17, Q.10

- 25 Nguyễn Đình Chiểu, TX. Tân An
- 210 H&C, TP. Mỹ Tho
- 129 Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre
- 511 QL.60, TX. Bến Tre
- 440, X.óm 4, F.1, TX. Sóc Trăng
- 170 Nguyễn Huệ, TX. Vĩnh Long
- 15 Điện Biên Phủ, TX. Trà Vinh
- 96 Lý Tự Trọng, TP. Cần Thơ
- KP4/161 H&C & G&C, TX. Mỹ Tho
- X.óm 1, Th. trấn Hòa Thành, TX. Ninh
- 550 CMTH, F.3, TX. Tây Ninh
- 148 Nguyễn Huệ, TX. Sóc Trăng
- 70 - 72 B&C, TX. Trà Vinh
- 142 Tr. Phú, TX. Bạc Liêu

HOLDER



VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT STRATEGY INSTITUTE

65 Văn Miếu, Hà Nội. Tel : (844) 8431848, Fax : (844) 8452209



Viện trưởng - President
Dr. LUU BICH HO

Lịch sử hình thành :

Viện Chiến lược phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư được hình thành năm 1964 từ hai vụ và sau đó là hai Viện của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trước đây, với các tên gọi khác nhau qua các thời kỳ là Viện Phân vùng quy hoạch, Viện Phân bố lực lượng sản xuất, Viện Nghiên cứu kế hoạch dài hạn, Viện Kế hoạch dài hạn và phân bố lực lượng sản xuất từ năm 1994 có tên là **Viện Chiến lược phát triển** (có vị trí tương đương Tổng cục loại I).

Chức năng, nhiệm vụ chính :

Nghiên cứu khoa học và tổng hợp, tham mưu về lĩnh vực chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước và các vùng lãnh thổ ; nghiên cứu lý luận, phương pháp luận và phương pháp xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ; tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch phát triển các vùng ; chủ trì/tham gia xây dựng và thẩm định quy hoạch các ngành, tỉnh, thành phố, các chương trình, dự án lớn của Nhà nước ; tham gia xây dựng định hướng kế hoạch 5 năm ; hợp tác với các cơ quan trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, chính sách quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đào tạo cán bộ...

Tổ chức bộ máy :

Từ 24 cán bộ ban đầu, đến nay, Viện có 90 cán bộ, công chức (trong đó có 29 cán bộ có trình độ trên đại học, 50 cử nhân, kỹ sư). Viện có một Viện trưởng, ba Phó Viện trưởng, Hội đồng khoa học, Văn phòng và 8 ban nghiên cứu là : Ban Tổng hợp ; Ban Công nghiệp, Thương mại và Dịch vụ ; Ban Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô ; Ban Nguồn nhân lực và xã hội ; Ban Vùng và Lãnh thổ ; Ban Nông nghiệp và nông thôn ; Ban Kết cấu hạ tầng và đô thị ; Ban Kinh tế thế giới.



Một số thành tựu chủ yếu :

- Tổ chức nghiên cứu 2 chương trình cấp nhà nước ; hàng chục đề tài cấp nhà nước và hàng trăm đề tài cấp bộ.

- Tổ chức nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc phân vùng kinh tế trên phạm vi cả nước, lập báo cáo Tổng sơ đồ phân bố lực lượng sản xuất của Việt Nam, tổng hợp phân tích đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, dân số lao động, cơ cấu kinh tế v.v.

- Tham gia và thường trực nghiên cứu xây dựng "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 1991 - 2000" trình Đại hội VII của Đảng.

- Tham gia soạn thảo văn kiện các Đại hội lần thứ VI, VII, VIII, IX của Đảng và một số hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đặc biệt, để phục vụ Đại hội IX, Viện chủ trì chuẩn bị đề cương xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010 ; làm đầu mối của Tiểu ban và Tổ Biên tập Chiến lược, tổ chức và phối hợp nghiên cứu chiến lược chung và trực tiếp nghiên cứu một số chuyên đề của Chiến lược, tham gia soạn thảo Chiến lược, Báo cáo Chính trị, Kế hoạch 5 năm và tham gia phục vụ, hoàn chỉnh các văn kiện Đại hội IX.

- Chủ trì và tham gia lập dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 cho 8 vùng kinh tế lớn, 3 vùng trọng điểm, quy hoạch kinh tế biển. Chủ trì xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996 - 2010, quy hoạch các khu công nghiệp. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ nghiên cứu quy hoạch, hướng dẫn, hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010.

- Chủ trì tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Lào và Cam-pu-chia thời kỳ 1991 - 2000 ; giúp Ủy ban Kế hoạch Nhà nước CHDCND Lào xây dựng Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước Lào đến năm 2020, xây dựng chiến lược hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào đến năm 2010.

Viện có quan hệ hợp tác với nhiều cơ quan khoa học, viện nghiên cứu trong nước, nước ngoài và nhiều tổ chức quốc tế.

Với những thành tích đóng góp có hiệu quả, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Viện Chiến lược phát triển đã được Nhà nước tặng thưởng **Huân chương Lao động hạng nhì**.



CÔNG TY SÔNG CẦU

Đ/c : Nguyễn Đăng Đạo - TX Bắc Ninh - T.Bắc Ninh

ĐT : 0241.824287 ; Fax : 0241.820904

Chi nhánh TP.HCM, 181 Võ Văn Tần - P5 - Q3 - TP.HCM

ĐT : 08.8325719 ; Fax : 08.8341241

Giám đốc : VŨ QUỐC CƯỜNG



Trụ sở Công ty

1 - Quá trình hình thành - phát triển

Công ty Sông Cầu trước có tên là công ty thương mại Sông Cầu là doanh nghiệp đoàn thể thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Bắc Ninh. Công ty được thành lập theo quyết định số 33/UB ngày 15/2/97 của UBND tỉnh Bắc Ninh và được sở KHĐT cấp giấy phép kinh doanh số 200610 ngày 19/2/97.

Sau 1 thời gian chuẩn bị, tổ chức địa điểm kinh doanh đến tháng 5/97 Công ty chính thức đi vào hoạt động tại 2 địa điểm :

- Công ty tại số 39A Nguyễn Văn Cừ - Ninh Xá - TX Bắc Ninh

- Chi nhánh tại số 181 Võ Văn Tần F5 Q3 Thành phố HCM

Với biên chế Công ty là 7 người và chi nhánh 3 người.

- Trong năm đầu hoạt động Công ty chỉ thực hiện nhiệm vụ kinh doanh đơn thuần thương mại. Thực hiện Chỉ thị số 31 CT/TU ngày 2/4/98 của Bộ Chính trị về việc kinh doanh của các doanh nghiệp khối Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy, Công ty đã từng bước chuyển hướng kinh doanh từ hoạt động thương mại đơn thuần sang hoạt động thương mại gắn liền từng bước với sản xuất. Tháng 2/98 Công ty triển khai thêm chức năng xây dựng, tháng 6/2000 nhà máy sản xuất bao bì sợi nhựa PP dệt tròn đi vào sản xuất.

Đến nay Công ty đang thực hiện nhiệm vụ kinh doanh trên cả 3 hướng Thương mại - Xây dựng - Sản xuất với tổng số lao động là 105 người.

2 - Thành tích hoạt động của công ty.

Năm 1997 : Đóng góp theo ngân sách nhà nước đạt : 2.492.850.000đ

Năm 1998 : Đóng góp theo ngân sách nhà nước đạt : 8.993.400.000đ

Năm 1999 : Đóng góp theo ngân sách nhà nước đạt : 2.561.900.000đ

Năm 2000 : Đóng góp theo ngân sách nhà nước đạt : 4.849.300.000đ

Năm 2001 : Đóng góp theo ngân sách nhà nước đạt : 9.505.390.000đ

Đóng góp xây dựng ngân sách Đảng trong 5 năm là : 250.000.000đ

Thu nhập bình quân từng người hiện nay là : 500.000đ

3 - Hướng phát triển của Công ty trong những năm tới :

Tiếp tục hoạt động kinh doanh cả 3 lĩnh vực, tập trung chỉ đạo sản xuất tại nhà máy tự trang trải và tiến tới có lãi. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân toàn công ty có lãi là 8 - 10%. Thu nhập bình quân năm 2002 là 550.000đ/người.



Lễ động thổ công trình "Đường dẫn hai đầu Cầu Sen" thôn Ngọc Quang - xã Lâm Thao - huyện Lương Tài



Sản xuất bao bì



Thi công trình đường Hai Bà Trưng



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh Quảng Ngãi: Số 345 Hùng Vương - thị xã Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 055.828.578 Fax: 055.825.432 - Website: <http://www.vietcombank.com.vn>



CHÚC MỪNG NĂM MỚI
Happy New Year
2002



LISOHAKA



BẢO HÀNH ĐẶC BIỆT 18.000KM
CHO ĐỘNG CƠ VÀ GIÁM SÓC
LISOHAKA KHẮC PHỤC ĐƯỢC TẤT CẢ NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM
CỦA XE MÁY TRUNG QUỐC CÓ MẶT TẠI VIỆT NAM
KHẮC PHỤC GIẢ ẢO HIỆN THỜI ĐỂ XE MÁY CÓ ĐÚNG GIÁ TRỊ NHẤT
ĐC. GIAO DỊCH
SỐ 228/82 THÍCH QUẢNG ĐỐC - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08.8422455
SỐ 205A HOÀNG VĂN THỤ P.8. PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08.8422455
TRUNG TÂM XE GẮN MÁY SÀI GÒN - CHỢ LỚN 63 AN DƯƠNG VƯƠNG
P8 - Q5 - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08.8422455
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÙNG LONG KHỐI 14 - P. HÀ HUY TẬP
TP. VINH - NGHỆ AN - ĐT: 038.568061

**HÃY ĐẾN VỚI LISOHAKA VIỆT NAM
XE MÁY CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT**

201 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH HÀ NỘI - ĐT: 045634555 - 04.8534155
96 TÂY SƠN - ĐỒNG ĐÀ - HÀ NỘI - ĐT: 04.5330011
SỐ 2 NGÕ GIÀ TỰ BẮC GIANG - ĐT: 0240.853116
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUY ANH TỔ 4 TRẦN LÂM - THÁI BÌNH - ĐT: 036.8315032
CÔNG TY KHAI THÁC KHOẢNG SÂN HÒA BÌNH 34 CỨ CHÍNH LÀN
THỊ XÃ HÒA BÌNH - ĐT: 018.865398
CỬA HÀNG XE MÁY CHẤT LƯỢNG CAO 29 KHUẤT THIÊN - HÀ NỘI - ĐT: 04.8184118
CÔNG TY THƯƠNG MẠI HẠNH LINH KIỀU MẠI PHU ĐIỂN TỰ LIÊM - HÀ NỘI - ĐT: 04.79422



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ : Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa - Tel : (037) 834091 - Fax : (037) 834092

ĐƠN VỊ ANH HÙNG

Chúc Mừng Năm Mới



Giải thưởng chất lượng
Việt Nam 1997 - 1998



Giải thưởng Bông lúa vàng
5 năm liên 1996 - 2000



No. : HT.019.99.15



Certificate No. Q16561



DO NGƯỜI TIÊU
DÙNG BÌNH CHỌN

Tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế ISO 9002



*Chuyên sản xuất - Kinh doanh
các loại : Đường, Bánh kẹo,
Cồn, Rượu...*

**Giải Thưởng
Chất Lượng
Quốc Tế
2001**



Chất Lượng Toàn Diện (GGM)
Do tổ chức chất lượng toàn cầu Global quality management
Trao tặng tại New York Ngày 31-03-2001

Ngôi Sao Vàng Quốc Tế Cam Kết Chất Lượng Toàn Cầu
Do tổ chức Định hướng chiến lược kinh doanh (BID)
Trao tặng tại Paris Ngày 07-05-2001

Digitized by Google

930

không chỉ nhìn về
tương lai...



gia đình

học vấn

sức khỏe

...mà bạn luôn có
tương lai *trong tầm tay*

tài sản

Là người Việt Nam, ai cũng mong ước một tương lai đảm bảo và ổn định. Nhưng bằng cách nào? Bảo Việt giúp mọi người, mọi nhà biến mong ước đó thành hiện thực. Là công ty bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt **ISO 9001:2000** hiểu rõ nguyện vọng của bạn. Hơn thế, chúng tôi không ngừng vươn lên về mọi mặt để luôn đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bạn. Chất lượng dịch vụ của Bảo Việt được đảm bảo bằng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000. Đến với Bảo Việt hôm nay chính là nắm lấy tương lai trong tầm tay. Vì ngày mai đang bắt đầu từ hôm nay.

Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ mới "An Gia Thịnh Vượng". Số tiền bảo hiểm được tăng dần theo từng năm với mức tăng cao nhất từ trước đến nay.

Nước Việt - Trên tất cả tin yêu

hưu trí

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

Trụ sở chính: 35 Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: (04) 826 2632 - 934 3128 - 934 3130
và hệ thống các công ty, đại lý của Bảo Việt
tại các tỉnh thành trong cả nước

